

Kinh tạng Pali

(Pali Nikaya)

HT. THÍCH MINH CHÂU

Việt dịch

Ấn bản năm 1991

Phân loại theo chủ đề:

CHON TÍN TOÀN

NIKAYA PHÂN LOẠI

TIỂU BỘ 1 & 3

A red square icon with rounded corners and a thin black border, containing the white letter 'B' in a bold, sans-serif font.

Chịu trách nhiệm chính tả:

TÂM MINH ANH

Ấn bản điện tử 2018

MỤC LỤC

DẪN NHẬP	41
1 Ba Mươi Hai Phần - Tiểu I, 10	47
2 Ba Mươi Hai Phần - Tiểu I, 10	48
3 Ba canh - Trong đêm canh thứ nhất, Ta nhớ các đời trước - Kinh Sunìta – Tiểu III, 342	49
4 Ba lâu đài - Trưởng lão Yasa - Kinh Yasa – Tiểu III, 122	53
5 Ba minh - Thế nào là ba minh_ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 431	55
6 Ba minh - Trong đêm canh thứ nhất, Ta nhớ các đời trước - Kinh Sunìta – Tiểu III, 342	59
7 Ba minh - Xuất gia bảy ngày, chứng Ba minh - Kinh Sugandha – Tiểu III, 33	63
8 Ba mươi Tỷ Kheo Ni – Tiểu III, 604.....	64
9 Ba mươi bảy Bồ đề phần - Là châu báu trong đạo Phật - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 208 67	
10 Ba mươi sáu dòng Ái, Trôi người đốn khả ái - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 97.....	78

11	Ba mươi tám pháp hạnh phúc - Kinh Diêm Lành - Tiểu I, 11 copie.....	84
12	Ba mươi tám pháp hạnh phúc - Kinh Diêm Lành - Tiểu I, 11	87
13	Ba mươi tám pháp hạnh phúc - Kinh Diêm Lành Lớn - Tiểu I, 548.....	90
14	Ba tạng - Trưởng lão Suhemanta - Kinh Suhemanta – Tiểu III, 113	93
15	Ba tạng - Trưởng lão Ukkhepakàta Vaccha - Kinh Ukkhepakàta Vaccha – Tiểu III, 76.....	94
16	Bandhura – Tiểu III, 110	96
17	Belatthakàni – Tiểu III, 109.....	98
18	Belatthasàsa – Tiểu III, 26.....	100
19	Bhadda Kundalakesa – Tiểu III, 593.....	101
20	Bhadda – Tiểu III, 288.....	107
21	Bhaddaji – Tiểu III, 153	110
22	Bhaddiya Kàligodhàyaputta – Tiểu III, 407.112	
23	Bhadda Thuộc Dòng Họ Kapllà – Tiểu III, 577	118

24	Bhadhà – Tiểu III, 546.....	120
25	Bhadràvudha - Kinh Câu hỏi của thanh niên 12 Bhadràvudha - Tiểu I, 805.....	121
26	Bhagu – Tiểu III, 212	123
27	Bhalliya – Tiểu III, 16	125
28	Bharata – Tiểu III, 160	127
29	Bhàradvaja – Tiểu III, 161.....	128
30	Bhùta – Tiểu III, 307	130
31	Bi quả trách, tâm hoảng hốt, phát triển thiền quán... - Kinh Dàsaka – Tiểu III, 27	134
32	Bimbisàra - Kinh Vimala Kondanna – Tiểu III, 75.....	136
33	Binh khí trí tuệ - Kinh Kelakàni – Tiểu III, 379	137
34	Biếng nhác bị Phật quả trách - Kinh Vaddhamàna – Tiểu III, 49.....	143
35	Biếng nhác, bị Phật quả trách - Kinh Dàsaka – Tiểu III, 27	144

- 36 Biết Thân bị huỷ hoại, còn Thức bị lụn tàn -
Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 390.....146
- 37 Biết gìn giữ chánh niệm, Không mong đợi vật gì
- Kinh Câu hỏi của thanh niên 6 Upasiva - Tiểu
I, 791 148
- 38 Biết mà nói láo - Kinh Phật Thuyết Như Vậy -
Tiểu I, 317.....152
- 39 Biết rõ sai biệt ấy, Người trí không phóng dật -
Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 36.....153
- 40 Biết rõ ý nghĩa này, Bậc trí lo trì giới - Kinh
Pháp Cú - Tiểu I, 85.....156
- 41 Biết thân như bọt nước, Ngộ thân là như huyễn
- Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 40 160
- 42 Biết thân như đồ gốm, Trú tâm như thành trì -
Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 38.....164
- 43 Biết thẹn, tự chế - Thật khó tìm ở đời, Người biết
thẹn, tự chế - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 57 167
- 44 Biết vậy, giữ chánh niệm, Hiện tại đạt mát lạnh
- Kinh Câu hỏi của thanh niên 10 Kappa - Tiểu
I, 801 171

- 45 Biết vậy, giữ chánh niệm, Không có chấp thủ gì
- Kinh Câu hỏi của thanh niên 12 Bhadràvudha
- Tiểu I, 805 173
- 46 Biết vậy, giữ chánh niệm, Vượt chấp trước ở đời
- Câu hỏi của thanh niên 8 Hemaka - Tiểu I, 798
.....175
- 47 Biết đủ - Biết đủ, tiền tối thượng - Kinh Pháp Cú
- Tiểu I, 71 177
- 48 Biết đủ - Vui thay, bận lúc cần, Vui thay, sống
biết đủ - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 94 180
- 49 Biết đủ, tâm nhập định - Kinh Sıla Vaniya – Tiểu
III, 16.....183
- 50 Biết ơn - Từ ai, biết Chánh pháp, Hãy kính lễ vị
ấy - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106 184
- 51 Biên - Tám vi diệu trong biên lớn - Kinh Lời
Cảm Hứng - Tiểu I, 208.....193
- 52 Biệt giải thoát - Kinh Tuvataka Con Đường Mau
Chóng - Tiểu I, 744.....204
- 53 Brahmadata – Tiểu III, 277 212
- 54 Brahmàlì – Tiểu III, 180 215

- 55 Buông dao, thành đạo - Kinh Angulimàlà – Tiểu III, 412 217
- 56 Buông lung - Chớ theo pháp hạ liệt. Chớ sông mặc, buông lung - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 63 227
- 57 Buông thả - Không được công nhận là đệ tử của Phật - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 447 230
- 58 Buồn ngủ - Gương nhiếp phục buồn ngủ - Kinh Bhagu – Tiểu III, 212 232
- 59 Buồn ngủ - Đức Phật nhắc nhở - Kinh Kàtiyàna – Tiểu III, 266 234
- 60 Bà con - Cũng vậy các phước nghiệp, Chào đón người làm lành - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 73.237
- 61 Bà con - Khinh miệt bà con, Cửa vào của bại vong - Kinh Bại Vong - Tiểu I, 493 240
- 62 Bà con - Khuyên bà con từ bỏ ái - Kinh Mālunkya-putta – Tiểu III, 262.....247
- 63 Bà con - Nói với bà con về an lạc giải thoát - Kinh Bhùta – Tiểu III, 307 250

64	Bà con - Thuyết pháp cho bà con - Kinh Abhibhùta – Tiểu III, 206.....	254
65	Bà con - Thuyết pháp cho bà con - Kinh Gotama – Tiểu III, 207.....	256
66	Bà con - Thành tín đối với nhau, Là bà con tối thượng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 71.....	258
67	Bà con được sanh Thiên - Kinh Passsika – Tiểu III, 199	261
68	Bà-la-môn - Không được Ta chấp nhận là Bàlamôn - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 439.....	263
69	BàLaMôn - Phàm BàLaMôn - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106.....	265
70	Bàhiya Dàcuciriya - Trong cái thấy sẽ chỉ là - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 126.....	274
71	Bài Kệ Này Do Một Trưởng Lão Ni Không Biết Tên Nói Lên – Tiểu III, 540	280
72	Bài học cây đàn - Kinh Sona Kolivisa – Tiểu III, 347.....	282
73	Bàkula – Tiểu III, 192.....	287

74	Bàlamôn - Kinh Pháp Bàlamôn - Tiểu I, 556	289
75	Bàlamôn - Định nghĩa - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 121.....	299
76	Bàlamôn - Định nghĩa - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 123.....	301
77	Bàlamôn - Định nghĩa - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I,.....	303
78	Bàn tay - Đạo Sư chỉ Niết-bàn, Như thấy trên bàn tay - Kinh Nàgita – Tiểu III, 95	305
79	Bàn tay không thương tích, Có thể cầm thuốc độc - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 55	306
80	Bác sĩ - Bạc Y vương Vô thượng - Kinh Sela – Tiểu III, 399	309
81	Bác sĩ - Mong đệ tử của ta, Không hành nghề lang băm - Kinh Tuvataka Con Đường Mau Chóng - Tiểu I, 744.....	317
82	Bán nam bán nữ - Do nghiệp lấy vợ người - Kinh Isidasi – Tiểu III, 703	325
83	Bát chánh đạo - Con đường đưa đến bát tử - Kinh Tàlaputta – Tiểu III, 479.....	338

- 84 Bát chánh đạo - Con đường đủ pháp nghĩa -
Kinh Gayà Kassapa – Tiểu III, 242 358
- 85 Bát chánh đạo - Hãy tu Tám Thánh đạo, Giác
chứng đạo bất tử - Kinh Phussa – Tiểu III, 437
.....360
- 86 Bát chánh đạo - Một đêm nhớ đến năm trăm kiếp
- Kinh Sobhita – Tiểu III, 154 368
- 87 Bát chánh đạo - Quy y tối thượng - Kinh Pháp
Cú - Tiểu I, 67.....370
- 88 Bát chánh đạo - Trưởng lão Gotama - Kinh
Gotama – Tiểu III, 331 374
- 89 Bát chánh đạo - Trưởng lão Tàlaputta - Kinh
Tàlaputta – Tiểu III, 479.....377
- 90 Bát chánh đạo - Trưởng lão ni - Kinh Calà – Tiểu
III, 628 397
- 91 Bát chánh đạo - Trưởng lão ni - Kinh Càpà –
Tiểu III, 666 400
- 92 Bát chánh đạo - Trưởng lão ni - Kinh Kisà
Gotamì – Tiểu III, 639 409
- 93 Bát chánh đạo - Trưởng lão ni - Kinh
Mahàpajàpatì Gotamì – Tiểu III, 619 415

- 94 Bát chánh đạo - Trưởng lão ni - Kinh Subhà Con
Người Thợ Vàng – Tiểu III, 684 418
- 95 Bát chánh đạo - Trưởng lão ni - Kinh Subhà ở
Rừng Xoài của Jivaka – Tiểu III, 692 426
- 96 Bát chánh đạo - Trưởng lão ni - Kinh Vijjaya –
Tiểu III, 624 436
- 97 Bát chánh đạo - Trưởng lão ni Upacàlà - Kinh
Upacàlà – Tiểu III, 631 438
- 98 Bát chánh đạo - Đường này, không đường khác,
Đưa đến kiến thanh tịnh - Kinh Pháp Cú - Tiểu
I, 85 440
- 99 Bát nhã - Không có diệt và sanh - Kinh Lời Cảm
Hứng - Tiểu I, 267 444
- 100 Bát nhã - Không có đến, không có đi, không có
trú, không có diệt - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu
I, 265 445
- 101 Bát nhã - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 266 447
- 102 Bát-nhã - Trí tuệ Bát-nhã - Kinh Phật Thuyết
Như Vậy - Tiểu I, 333.....448
- 103 Bình Sa vương - Kinh Xuất Gia - Tiểu I, 596
.....450

104 Bình an - 38 pháp bình an - Kinh Điềm Lành - Tiểu I, 11.....	455
105 Bình an - Ba mươi tám pháp bình an - Kinh Điềm Lành Lớn - Tiểu I, 548	458
106 Bình bát Bất tử - Kinh Kappata Kura – Tiểu III, 174.....	461
107 Bò - Chư thiên phản đối việc giết bò - Kinh Pháp Bàlamôn - Tiểu I, 556.....	463
108 Bò - Con bò tức giận vì bị chủ đánh - Kinh Godatta – Tiểu III, 355	473
109 Bò - Như con bò được bồi dưỡng, lấy lại sức mạnh - Kinh Nandaka – Tiểu III, 158	477
110 Bò - Tự sách tấn mình với ví dụ con bò bị ngã - Kinh Ramaniya Vihàrim – Tiểu III, 56	479
111 Bò bị thiến - Do nghiệp lấy vợ người - Kinh Isidasi – Tiểu III, 703	481
112 Bò húc chết Trưởng lão Bàhiya Dàcuciriya - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 126.....	494
113 Bò húc chết người hủi - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 203.....	500

- 114 Bói toán - Chớ có dùng bùa chú, Chớ tổ chức
đoán mộng - Kinh Tuvataka Con Đường Mau
Chóng - Tiểu I, 744.....505
- 115 Bông lài - Cúng bông lài tại tháp Đức Phật
Kassapa - Kinh Khandasumana – Tiểu III, 104
.....513
- 116 Bùa chú - Chớ có dùng bùa chú, Chớ tổ chức
đoán mộng - Kinh Tuvataka Con Đường Mau
Chóng - Tiểu I, 744.....514
- 117 Bùa chú - Góc tà ác, nhỏ sạch - Kinh Pàràpariya
– Tiểu III, 121 522
- 118 Bùa chú - Không phải do bùa chú, Làm con
người trong sạch - Kinh Hôi Thối - Tiểu I, 542
.....523
- 119 Bùa chú - Trong ba tập Vệ đà - Kinh Tissa –
Tiểu III, 146 529
- 120 Bùa chú sọ người - Kinh Migasàra – Tiểu III,
163.....531
- 121 Bùa phép - Kinh Pilinda Vaccha – Tiểu III, 19
.....534
- 122 Bơi ngược dòng - Kinh Phật Thuyết Như Vậy -
Tiểu I, 448.....536

- 123 Bước vào ngôi nhà trống, Tỷ kheo tâm an tịnh -
Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 102.....538
- 124 Bạc Câu La - Kinh Độ nhất Sức khoẻ tốt - Kinh
Bàkula – Tiểu III, 192.....543
- 125 Bạch Thế Tôn, hãy diệt độ - Kinh Lời Cảm
Hứng - Tiểu I, 229 545
- 126 Bạn - 3 phi pháp - Kinh Phật Thuyết Như Vậy -
Tiểu I, 413.....551
- 127 Bạn - Bồ thí cột bạn bè - Kinh Alavaka - Tiểu I,
520.....554
- 128 Bạn - Hãy thân cận Bạc nghe nhiều trì pháp -
Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng - Tiểu I, 471.560
- 129 Bạn - Kinh Xấu Hổ - Tiểu I, 547.....575
- 130 Bạn - Nếu được bạn hiền trí, Đáng sống chung,
hạnh lành - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 94 577
- 131 Bạn - Thà sống một mình nếu không gặp bạn
lành - Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng - Tiểu I,
471.....580
- 132 Bạn bè - Thân cận giao thiệp, Thân ái từ đây
sinh - Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng - Tiểu I,
471.....594

- 133 Bạo ngôn - Từ bỏ tánh cứng đầu, bông bột và
bạo ngôn - Kinh Thế Nào là Giới - Tiểu I, 568
.....608
- 134 Bản ngã - Ai không liễu tri mạn, không thể diệt
khổ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 297
.....611
- 135 Bản ngã - Ai phá hoại kiêu mạn, Không còn chút
dư tàn - Kinh Rắn - Tiểu I, 457 613
- 136 Bản ngã - Cần nhìn đời thế nào, Để thân chết
không thấy_ - Kinh Câu hỏi của thanh niên 15
Mogharàja - Tiểu I, 809.....619
- 137 Bản ngã - Người ngu si thiếu trí, Tự ngã thành
kẻ thù - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 43 621
- 138 Bản ngã - Phẩm Tự Ngã - Kinh Pháp Cú - Tiểu
I, 63 625
- 139 Bản ngã - Từ bỏ kiêu mạn, Thoát được già lão -
Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 335.....628
- 140 Bảy giác chi - Một đêm nhớ đến năm trăm kiếp
- Kinh Sobhita – Tiểu III, 154 631
- 141 Bảy giác chi - Những ai với chánh tâm, Khéo tu
tập giác chi - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 46.....633

142	Bảy giác chi - Trưởng lão Adhimutta - Kinh Adhimutta – Tiểu III, 370.....	637
143	Bảy giác chi - Trưởng lão Godatta - Kinh Godatta – Tiểu III, 355	642
144	Bảy giác chi - Trưởng lão Gotama - Kinh Gotama – Tiểu III, 331	646
145	Bảy giác chi - Trưởng lão Nhàlaka Muni - Kinh Nhàlaka Muni – Tiểu III, 275.....	649
146	Bảy giác chi - Trưởng lão Tàlaputta - Kinh Tàlaputta – Tiểu III, 479.....	652
147	Bảy giác chi - Trưởng lão ni - Kinh Jentì hay Jentà – Tiểu III, 555.....	672
148	Bảy giác chi - Trưởng lão ni - Kinh Vijjaya – Tiểu III, 624	673
149	Bảy giác chi - Trưởng lão ni Uttarà - Kinh Một Uttarà Khác – Tiểu III, 567	675
150	Bảy giác chi - Vị toàn hảo - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 428.....	677
151	Bảy ngày chứng quả - Kinh Anopanà – Tiểu III, 618.....	680

152 Bảy ngày xuất gia chứng quả - Kinh Bàkula – Tiểu III, 192	682
153 Bảy ngày xuất gia chứng quả - Kinh Sela – Tiểu III, 399	684
154 Bảy ngày xuất gia chứng quả - Kinh Sugandha – Tiểu III, 33	692
155 Bảy ngày xuất gia chứng quả - Kinh Sàriputta – Tiểu III, 444	693
156 Bảy năm tu tập Từ tâm - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 312.....	705
157 Bảy năm, ta bước theo, Chân theo chân Thế Tôn - Kinh Tinh Càn - Tiểu I, 600.....	708
158 Bảy tuổi chứng quả - Kinh Bhadda – Tiểu III, 288.....	714
159 Bảy tuổi chứng quả - Kinh Dabba – Tiểu III, 14	717
160 Bảy tuổi chứng quả - Kinh Sankicca – Tiểu III, 335.....	719
161 Bảy tuổi chứng quả - Kinh Sopaka Một TỷKheo Trẻ Con – Tiểu III, 42.....	723

162 Bảy tuổi chứng quả - Kinh Sopàka – Tiểu III, 291.....	725
163 Bảy tuổi chứng quả - Kinh Sumana – Tiểu III, 274.....	730
164 Bảy tuổi chứng quả - Kinh Sànu – Tiểu III, 53	733
165 Bảy vị sanh cùng ngày với vị Bồ tát - Kinh Kàludàyin – Tiểu III, 312	736
166 Bảy Đức Phật - Kinh Sarabhangà – Tiểu III, 295	741
167 Bất Tịnh - Kinh Ba Mươi Hai Phần - Tiểu I, 10	744
168 Bất hạnh mới biết sự trung kiên của một người - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 234.....	745
169 Bất thiện - 3 căn bản bất thiện - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 355	749
170 Bất thiện - Làm sao từ bỏ bất thiện, tu tập thiện_ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 304 ..	750
171 Bất thiện - Làm sao từ bỏ bất thiện, tu tập thiện_ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 305 ..	752

- 172 Bất tịnh - Cách quán nhiếp phục dục - Kinh Kappa – Tiểu III, 325 754
- 173 Bất tịnh - Quán bất tịnh - Gương nhiếp phục dục - Kinh Sabbhakàma – Tiểu III, 281 757
- 174 Bất tịnh - Thấy cảnh bất tịnh của người hâu - Kinh Yasa – Tiểu III, 122 760
- 175 Bất tử - Ai sống một trăm năm, Không thấy câu bất tử - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 51 762
- 176 Bất tử - Ai đã chứng đạt được, Lặn sâu vào bất tử - Kinh Kelakàni – Tiểu III, 379 766
- 177 Bất tử - Chứng bất tử, tịch tịnh - Kinh Thắng Trận - Tiểu I, 526 772
- 178 Bất tử - Con đường bất tử - Kinh Kanhadinna – Tiểu III, 162 775
- 179 Bất tử - Con đường nhập bất tử - Kinh Valliya Kanhamitta – Tiểu III, 155 777
- 180 Bất tử - Con đường đạt đến cảnh bất tử - Kinh Sàmannakàni – Tiểu III, 45 779
- 181 Bất tử - Cày bừa là như vậy, Được quả là Bất tử - Kinh Bhàradvāja Người Cày Ruộng - Tiểu I, 484 781

- 182 Bất tử - Hãy cảm xúc con đường, Đưa đến cõi
bất tử - Kinh Cùlaka – Tiểu III, 184.....787
- 183 Bất tử - Hãy tu Tám Thánh đạo, Giác chứng đạo
bất tử - Kinh Phussa – Tiểu III, 437 789
- 184 Bất tử - Kinh Kisà Gotamì – Tiểu III, 639 ...797
- 185 Bất tử - Lời bất tử - Kinh Khéo Thuyết - Tiểu I,
605.....803
- 186 Bất tử - Nước bất tử có đây, Sao người uống
trăm đắng - Kinh Sumedhà – Tiểu III, 716 ..806
- 187 Bất tử - Thấy được giới bất tử - Kinh Ràhula –
Tiểu III, 221 825
- 188 Bất tử - Thấy được quả bất tử - Kinh Vaddha –
Tiểu III, 239 827
- 189 Bất tử - Thở nhập vào bất tử - Kinh Pháp Cú -
Tiểu I, 106.....830
- 190 Bất tử - Trong bình bát bất tử, Được đựng đầy
Chánh pháp - Kinh Kappata Kura – Tiểu III, 174
.....839
- 191 Bất tử - Đánh tiếng trống bất tử, Rưới cam lồ
giải thoát - Kinh Càpà – Tiểu III, 666 841

- 192 Bất tử - Đoạn diệt giới, không sanh y - Kinh Phật
Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 356 850
- 193 Bất tử - Đạo bất tử - Kinh Càpà – Tiểu III, 666
.....852
- 194 Bất tử - Đạo bất tử - Kinh Tàlaputta – Tiểu III,
479.....861
- 195 Bất tử - Đạt được cảnh bất tử - Kinh Pháp Cú -
Tiểu I, 75.....881
- 196 Bất động - Ai không bị dao động, Bất cứ đâu ở
đời - Kinh Câu hỏi của thanh niên 3 Punṇaka -
Tiểu I, 780.....884
- 197 Bất động - Bậc trí trú bất động - Kinh Kosiya –
Tiểu III, 252 888
- 198 Bất động - Chứng ngộ không dao động - Kinh
Yasaddatta – Tiểu III, 248 890
- 199 Bất động - Chứng đắc không dao động - Kinh
Sumana – Tiểu III, 274 892
- 200 Bất động - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 289
.....895

- 201 Bất động - Phật thuyết pháp cho ta, Pháp bất động vô tỷ - Kinh Sissupacàlā – Tiểu III, 633 897
- 202 Bất động - Ta giải thoát bất động, Mọi kiết sử đoạn diệt - Kinh Migasàra – Tiểu III, 163 900
- 203 Bất động - Trưởng lão Revata - Kinh Revata – Tiểu III, 352 903
- 204 Bất động - Trưởng lão Sona Kolivisa - Kinh Sona Kolivisa – Tiểu III, 347 907
- 205 Bất động - Tâm ai như tảng đá, An trú không dao động - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 186 912
- 206 Bất động - Tâm ai như tảng đá, Đứng vững, không dao động - Kinh Khitaka – Tiểu III, 170 915
- 207 Bất động - Với tâm không dao động, Sống cảm thọ cuối cùng - Kinh Anuruddha – Tiểu III, 422 917
- 208 Bần tiện không vì sanh, Do hành thành bần tiện - Kinh Kẻ Bần Tiện - Tiểu I, 500 925
- 209 Bạc ALaHán - Phẩm ALaHán - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 49 933

- 210 Bậc Alahán - 3 hạng người đem lại hạnh phúc
cho nhiều người - Kinh Phật Thuyết Như Vậy -
Tiểu I, 404.....936
- 211 Bậc Alahán - Bảy tuổi chứng quả - Kinh Sopàka
– Tiểu III, 291 939
- 212 Bậc Alahán - Bảy tuổi chứng quả - Kinh Sumana
– Tiểu III, 274 944
- 213 Bậc Alahán - Chế ngự được Dục và chế ngự
được Hữu - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I,
426.....947
- 214 Bậc Alahán - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu
I, 441 949
- 215 Bậc Alahán - Kinh Ân Sĩ - Tiểu I, 528.....953
- 216 Bậc Alahán - Sanh thú không thể chỉ bày - Kinh
Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 289.....959
- 217 Bậc Alahán - Thế nào là chân chánh xuất gia_ -
Kinh Chánh xuất gia - Tiểu I, 579.....961
- 218 Bậc Alahán - Vị toàn hảo - Kinh Phật Thuyết
Như Vậy - Tiểu I, 428.....967

- 219 Bạc Bất Lai - Chế ngự được Dục, nhưng còn bị Hữu trời buộc - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 426.....970
- 220 Bạc Dự lưu - Dầu họ phóng dật, cũng không sanh hữu lần thứ tám - Kinh Châu Báu - Tiểu I, 534.....972
- 221 Bạc Dự lưu - Hơn thống lãnh cõi đất, Quả Dự Lưu tối thắng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 65 ...980
- 222 Bạc Dự lưu - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 315 983
- 223 Bạc Giác ngộ Trí giả - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 453.....985
- 224 Bạc Thiện Tuệ - Kinh Câu hỏi của thanh niên 12 Bhadravudha - Tiểu I, 805.....989
- 225 Bạc Vô Cầu - Kinh Sopàka – Tiểu III, 291 ..991
- 226 Bạc Vô Thượng Sư - Kinh Hemavata - Tiểu I, 510.....996
- 227 Bạc Y vương Vô thượng - Kinh Sela – Tiểu III, 399.....1007
- 228 Bạc Y vương vĩ đại - Kinh Tàlaputta – Tiểu III, 479.....1015

- 229 Bậc an tịnh - Kinh Tuvataka Con Đường Mau Chóng - Tiểu I, 744.....1035
- 230 Bậc anh hùng cắt đứt, Mọi trói buộc gia đình - Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng - Tiểu I, 471 1043
- 231 Bậc bất tử - Người luôn luôn chánh niệm, Sự sanh diệt các uẩn - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 102 1057
- 232 Bậc chiến thắng con đường - 4 hạng người tu - Kinh Cunda - Tiểu I, 490.....1062
- 233 Bậc danh xưng vô thượng - Kinh Hemavata - Tiểu I, 510.....1066
- 234 Bậc hiền không hại ai, Thân thường được chế ngự - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 75.....1077
- 235 Bậc hiền sĩ, trí tuệ, Bậc nghe nhiều, trì giới - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 71.....1080
- 236 Bậc hữu học - Lậu hoặc tận dành cho người biết Bốn Thánh đế - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 438.....1083
- 237 Bậc không để dấu tích - Không dấu tích chiến thắng, Phật giới rộng mênh mông - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 67.....1085

- 238 Bạc nghe nhiều trì pháp, Hãy gần gũi người ấy -
Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng - Tiểu I, 471
.....1089
- 239 Bạc sanh với con mắt - Kinh Câu hỏi của thanh
niên 11 Jatukanni - Tiểu I, 802 1104
- 240 Bạc sống trên con đường - 4 hạng người tu -
Kinh Cunda - Tiểu I, 490 1106
- 241 Bạc thuyết giảng con đường - 4 hạng người tu -
Kinh Cunda - Tiểu I, 490 1110
- 242 Bạc trâu chúa, thù thắng, Bạc anh hùng, đại sĩ -
Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106 1114
- 243 Bạc trí bảo vệ thân, Bảo vệ luôn lời nói - Kinh
Pháp Cú - Tiểu I, 75 1123
- 244 Bạc trí không bị nhóp, Bởi những gì thấy nghe -
Kinh Hàng Động tám kệ - Tiểu I, 696 1126
- 245 Bạc trí theo tuần tự. Từng sát na trừ dần - Kinh
Pháp Cú - Tiểu I, 78 1130
- 246 Bạc trí xây hòn đảo, Nước lụt khó ngập tràn -
Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 36 1135
- 247 Bạc vô dục - Kinh Câu hỏi của thanh niên 11
Jatukanni - Tiểu I, 802 1138

- 248 Bạc vô vi - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106.....1140
- 249 Bạc vĩ đại không sanh hữu - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 453.....1149
- 250 Bạc xuất gia - Tự mình xuất cầu uế, Nên gọi bậc xuất gia - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106 1153
- 251 Bạc Đại Sĩ - Bữa ăn cuối cùng của Đức Phật - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 268.....1162
- 252 Bạc Đệ nhất tự chế ngự - Kinh Nanda – Tiểu III, 148.....1171
- 253 Bạc đại sĩ - Kinh Hemavata - Tiểu I, 510...1173
- 254 Bạc ần sĩ - Kinh Cháp trọng - Tiểu I, 7511184
- 255 Bạc ần sĩ - Thế nào là bậc ần sĩ - Kinh Câu hỏi của thanh niên 9 Todeyya - Tiểu I, 800.....1189
- 256 Bẩn chẻ sợi tóc - Kinh Khadira Vaniya – Tiểu III, 51.....1191
- 257 Bệnh - Dù bệnh nặng vẫn cố gắng tu tập - Kinh Sīvaka – Tiểu III, 24 1193
- 258 Bệnh - Dù bệnh nặng vẫn cố gắng tu tập - Kinh Uttiya – Tiểu III, 39 1195

- 259 Bệnh - Thân con được tràn ngập, Với hỷ lạc tỏa rộng - Kinh Nhàlaka Muni – Tiểu III, 275.1197
- 260 Bệnh - Thế Tôn bị đau nhức mũi - Kinh Upavàna – Tiểu III, 166 1200
- 261 Bệnh cùi - Do nghiệp đời trước - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 203 1202
- 262 Bệnh hủi - Do kết quả nghiệp đời trước - Kinh Samitigutta – Tiểu III, 91 1207
- 263 Bệnh và thuốc - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 176.....1209
- 264 Bệnh và thuốc - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 407.....1217
- 265 Bị Thiên nhân nhắc nhở vì tâm chán nản, ham vui - Kinh Vajji Putta – Tiểu III, 73 1219
- 266 Bị Thiên nhân nhắc nhở, lo lắng, phát triển thiện quán và chứng quả - Kinh Kutivihàrim – Tiểu III, 67.....1221
- 267 Bị Thiên nhân quở trách, tinh tấn và chứng quả - Kinh Isidinna – Tiểu III, 167.....1223
- 268 Bị anh đuổi đi vì căn tánh chậm tiến - Kinh Cùla Panthaka – Tiểu III, 323 1225

- 269 Bị buộc tội - Kinh Sàriputta - Tiểu I, 755 ..1228
- 270 Bị bạn quở trách, rồi thiền quán, chứng quả -
Kinh Langha Rakkhita – Tiểu III, 115 1235
- 271 Bị bắt oan bởi người ăn trộm - Kinh Uttara –
Tiểu III, 127 1237
- 272 Bị bệnh gió chi phổi, Thầy sống trong rừng sâu
- Kinh Vakkali – Tiểu III, 243 1240
- 273 Bị bệnh gió chi phổi, Ông sống trong rừng sâu -
Kinh Nhàlaka Muni – Tiểu III, 275 1244
- 274 Bị chê, tâm sanh dao động, rồi tinh tấn chứng
quả - Kinh Sirimat – Tiểu III, 150 1247
- 275 Bị cung ái bắn trúng, Ba mươi kiến trói buộc -
Kinh Kelakàni – Tiểu III, 379 1249
- 276 Bị cướp bắt đem tế thần nhưng không sợ hãi -
Kinh Adhimutta – Tiểu III, 370 1255
- 277 Bị cướp đánh đập khi bỏ Thế Tôn đi - Kinh Lời
Cảm Hứng - Tiểu I, 284 1261
- 278 Bị dao động vì Đức Phật nhắc nhở - Kinh
Kàtiyàna – Tiểu III, 266 1263

- 279 Bị đục làm mù quáng, Bị lưới tà bao trùm - Kinh
Ràhula – Tiểu III, 221.....1266
- 280 Bị già được không già, Bị nung nấu được tịnh -
Kinh Suppiya – Tiểu III, 42.....1268
- 281 Bị khả ái, dễ thương, Trói buộc và chi phối -
Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 140.....1269
- 282 Bị kiêu mạn lừa đảo, Tâm uế nhiễm trong hành
- Kinh Setuccha – Tiểu III, 110 1271
- 283 Bị mù bởi các dục, Bị bao phủ bởi lưới - Kinh
Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 256 1272
- 284 Bị mất ngôi vua - Kinh Setuccha – Tiểu III, 110
.....1273
- 285 Bị mắng nhiếc nhưng vẫn an tịnh - Kinh
Brahmadatta – Tiểu III, 277 1274
- 286 Bị mắng nhiếc phỉ báng - Kinh Lời Cảm Hứng -
Tiểu I, 135.....1277
- 287 Bị mẹ nhắc nhở, con chứng quả - Kinh Mẹ Của
Vaddha – Tiểu III, 636 1279
- 288 Bị mẹ quả trách, thiên định và chứng quả - Kinh
Vaddha – Tiểu III, 239 1282

289 Bị nghi là ăn trộm - Kinh Revata – Tiểu III, 352	1285
290 Bị quả hấp tấp, rồi tinh tấn thiền quán, chứng quả - Kinh Upasena Con Của Vanganta – Tiểu III, 328	1289
291 Bị quả trách biếng nhác, rồi tinh tấn chứng quả - Kinh Sona Potiriyaputta – Tiểu III, 171...1293	
292 Bị quả trách thân thể nặng nề, khó tu - Kinh Adhimutta – Tiểu III, 119.....	1295
293 Bị quả trách vì Ngủ há miệng - Kinh Tissa – Tiểu III, 48	1296
294 Bị quả trách vì làm biếng - Kinh Vaddhamàna – Tiểu III, 49	1297
295 Bị quả trách, nên tinh tấn, chứng quả - Kinh Nita – Tiểu III, 94	1298
296 Bị quả trách, nên tinh tấn, chứng quả - Kinh Sìha – Tiểu III, 93	1300
297 Bị quả trách, phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Sànu – Tiểu III, 53.....	1302
298 Bị quả trách, rồi thiền quán và chứng quả - Kinh Belatthakàni – Tiểu III, 109.....	1305

- 299 Bị quở trách, rồi tinh tấn chứng quả - Kinh Kappata Kura – Tiểu III, 174 1307
- 300 Bị quở trách, thiền quán và chứng quả - Kinh Dhammika – Tiểu III, 224 1309
- 301 Bị thiên - Do nghiệp lấy vợ người - Kinh Isidàsi – Tiểu III, 703 1312
- 302 Bị thúc đẩy bởi điều kiện chín muồi - Kinh Dhammasava – Tiểu III, 114 1325
- 303 Bị đuổi đi vì ồn ào, rồi chứng quả - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 157 1326
- 304 Bị đệ tử quở trách làm biếng - Kinh Somamitta – Tiểu III, 142 1332
- 305 Bọt nước - Biết thân như bọt nước, Ngộ thân là như huyễn - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 40 1334
- 306 Bỏ cỏ trâu vào giếng, ác ý với Đức Phật - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 261 1338
- 307 Bỏ phần nộ, ly mạn, Vượt qua mọi kiết sử - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 75 1341
- 308 Bỏ quá, hiện, vị lai, Đến bờ kia cuộc đời - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 97 1344

- 309 Bỏ trôi buộc loài người, Vượt trôi buộc cõi trời
- Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106 1350
- 310 Bỏ trượng, đôi chúng sanh, Yếu kém hay kiên
cường - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106 1359
- 311 Bỏ đai da, bỏ cương, Bỏ dây, đồ sở thuộc - Kinh
Pháp Cú - Tiểu I, 106.....1368
- 312 Bỏ điều ưa, điều ghét, Mát lạnh, diệt sanh y -
Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106.....1377
- 313 Bồ thí - 2 loại bồ thí - Kinh Phật Thuyết Như
Vậy - Tiểu I, 430.....1386
- 314 Bồ thí - 2 loại bồ thí - Kinh Phật Thuyết Như
Vậy - Tiểu I, 435.....1388
- 315 Bồ thí - 3 hạng, Hạng hán, mưa địa phương... -
Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 385...1390
- 316 Bồ thí - 3 nhân quả tối thượng - Kinh Phật
Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 416 1394
- 317 Bồ thí - 3 pháp tạo phước - Kinh Phật Thuyết
Như Vậy - Tiểu I, 365.....1397
- 318 Bồ thí - Bồ thí cột bạn bè - Kinh Alavaka - Tiểu
I, 520 1399

- 319 Bồ thí - Bồ thí người ly dục, Do vậy có quả lớn
- Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 97 1405
- 320 Bồ thí - Con bồ thí như vậy có nhiều phước
không_ - Kinh Màngha - Tiểu I, 621.....1411
- 321 Bồ thí - Cúng dường bậc như vậy, Công đức
không ước lường được - Kinh Pháp Cú - Tiểu I,
67.....1422
- 322 Bồ thí - Giàu có không bồ thí, Cửa vào của bại
vong - Kinh Bại Vong - Tiểu I, 493 1426
- 323 Bồ thí - Keo kiệt không sanh thiên, Kẻ ngu ghét
bồ thí - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 65 1433
- 324 Bồ thí - Nếu họ biết như Ta đã biết - Kinh Phật
Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 318 1436
- 325 Bồ thí, Nhiếp phục, Chế ngự - Kinh Phật Thuyết
Như Vậy - Tiểu I, 312.....1439
- 326 Bồ thí, trì giới, thiên định, trí tuệ - Kinh Bảo
Tàng - Tiểu I, 24 1442
- 327 Bốn Sự thật - Vì từ mẫn chúng sanh, Bốn Sự
Thật được giảng - Kinh Sarabhangā – Tiểu III,
295.....1446

- 328 Bốn Thánh quả - 8 vị diệu trong đạo Phật - Kinh
Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 208 1449
- 329 Bốn Thánh đế - Chứng Dự lưu nhờ khéo thấy
Bốn Thánh đế - Kinh Châu Báu - Tiểu I, 534
.....1460
- 330 Bốn Thánh đế - Do không thấy Bốn Thánh đế
nên luân hồi dài - Kinh Vajjita – Tiểu III, 187
.....1468
- 331 Bốn Thánh đế - Không được Ta chấp nhận là
người tu và không thể chứng ngộ - Kinh Phật
Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 439 1470
- 332 Bốn Thánh đế - Khổ - Khi không có năm uẩn,
thời không có đau khổ - Kinh Samitigutta – Tiểu
III, 91.....1472
- 333 Bốn Thánh đế - Khổ - Toàn bộ khổ uẩn là một
vấn đề Cảm thọ - Kinh Samitigutta – Tiểu III, 91
.....1474
- 334 Bốn Thánh đế - Kinh Châu Báu - Tiểu I, 14
.....1476
- 335 Bốn Thánh đế - Kinh Phật Thuyết Như Vậy -
Tiểu I, 315.....1484

- 336 Bốn Thánh đế - Lậu hoặc tận dành cho người
biết Bốn Thánh đế - Kinh Phật Thuyết Như Vậy
- Tiểu I, 438 1486
- 337 Bốn Thánh đế - Như thật trí - Kinh Hai Pháp Tuỳ
Quán - Tiểu I, 678.....1488
- 338 Bốn Thánh đế - Pháp mà chư Phật đã chứng ngộ
- Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 203 1507
- 339 Bốn Thánh đế - Quy y tối thượng - Kinh Pháp
Cú - Tiểu I, 67.....1512
- 340 Bốn Thánh đế - Trưởng lão Tàlaputta - Kinh
Tàlaputta – Tiểu III, 479.....1516
- 341 Bốn Thánh đế - Trưởng lão ni - Kinh Kisà
Gotamì – Tiểu III, 639.....1536
- 342 Bốn Thánh đế - Vì từ mẫn chúng sanh, Bốn Sự
Thật được giảng - Kinh Sarabhanga – Tiểu III,
295.....1542
- 343 Bốn chánh cần - Gương tinh tấn - Kinh Paccaya
– Tiểu III, 191 1545
- 344 Bốn loại đồ ăn - Cách quán từ bỏ việc ăn ngon -
Kinh Paripunnaka – Tiểu III, 99.....1547

345 Bốn như ý túc - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 229.....	1549
346 Bốn niệm xứ - Một đêm nhớ đến năm trăm kiếp - Kinh Sobhita – Tiểu III, 154	1555
347 Bốn niệm xứ - Niệm Tâm - Gương nhiếp phục tâm - Kinh Tàlaputta – Tiểu III, 479	1557
348 Bốn niệm xứ - Niệm pháp - Sáu xứ - Trưởng lão Màlunkyaputta - Kinh Màlunkyaputta – Tiểu III, 392	1577
349 Bốn niệm xứ - Niệm thân - Cách quán nhiếp phục dục - Kinh Kappa – Tiểu III, 325	1584
350 Bốn niệm xứ - Niệm thân - Hãy xem bóng trang sức, Nhóm vết thương tích tụ - Kinh Ratthapàla – Tiểu III, 385	1587
351 Bốn niệm xứ - Niệm thân - Quán bất tịnh - Kinh Mahà Moggallàna – Tiểu III, 499.....	1595
352 Bốn niệm xứ - Niệm thân - Quán thân bất tịnh - Kinh Kulla – Tiểu III, 260	1612
353 Bốn niệm xứ - Niệm thân - Quán thân bất tịnh - Kinh Nandaka – Tiểu III, 215.....	1615

- 354 Bốn niệm xứ - Niệm thân - Trưởng lão Sona -
Kinh Sona Kolivisa – Tiểu III, 347 1617
- 355 Bốn niệm xứ - Niệm thọ - Thọ người ấy tăng
trưởng - Kinh Mālunkyaputta – Tiểu III, 392
.....1622
- 356 Bốn niệm xứ - Niệm tâm - Cách nhiếp phục tâm
- Kinh Kula – Tiểu III, 29.....1629
- 357 Bốn niệm xứ - Niệm tâm - Gương nhiếp phục
tâm dao động - Kinh Vigitasena – Tiểu III, 246
.....1631
- 358 Bốn niệm xứ - Niệm tâm - Gương tự nhiếp phục
tâm - Kinh Anupama – Tiểu III, 186.....1634
- 359 Bốn niệm xứ - Niệm tâm - Khéo nắm giữ các
tướng, Thiện xảo tâm diễn khởi - Kinh Upasena
Con Của Vanganta – Tiểu III, 328 1636
- 360 Bốn niệm xứ - Niệm tâm - Thiện xảo tướng của
tâm, Biết vị ngọt viễn ly - Kinh Sunāga – Tiểu
III, 95.....1640
- 361 Bốn niệm xứ - Niệm tâm - Tâm ai như tảng đá,
Đứng vững, không dao động - Kinh Khitaka –
Tiểu III, 170 1641

- 362 Bốn niệm xứ - Niệm tâm - Tâm tham đắm cảm thọ - Kinh Mālunkya-putta – Tiểu III, 392..1643
- 363 Bốn niệm xứ - Quán bất tịnh - Kinh Thắng Trận - Tiểu I, 526 1650
- 364 Bốn niệm xứ - Thọ - Không than van trong khi cảm xúc các loại cảm giác - Kinh Tuvataka Con Đường Mau Chóng - Tiểu I, 744.....1653
- 365 Bốn niệm xứ - Trưởng lão Kelakàni - Kinh Kelakàni – Tiểu III, 379 1661
- 366 Bốn niệm xứ - Trưởng lão Mahà Kassapa - Kinh Mahà Kassapa – Tiểu III, 466 1667
- 367 Bốn nạn chờ đợi người, Phóng dật theo vợ người - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 92 1680
- 368 Bốn sự thật - Trưởng lão ni - Kinh Sumedhà – Tiểu III, 716 1683
- 369 Bốn sự thật - Trưởng lão ni - Kinh Vijjaya – Tiểu III, 624 1702
- 370 Bốn thiền - Trong thiền định năm chi, Thiên nhãn ta thanh tịnh - Kinh Anuruddha – Tiểu III, 422.....1704

- 371 Bốn tháng biệt trú - Ngoại đạo xin xuất gia -
Kinh Sabhiya - Tiểu I, 632 1712
- 372 Bốn đôi tám vị - Kinh Châu Báu - Tiểu I, 14
.....1731
- 373 Bồ tát - 7 năm tu tập Từ tâm - Kinh Phật Thuyết
Như Vậy - Tiểu I, 312.....1739
- 374 Bồ tát - Kinh Mahàpajàpatì Gotamì – Tiểu III,
619.....1742
- 375 Bồ tát xuất gia khi hai mươi chín tuổi - Kinh
Anna Kondanna – Tiểu III, 360.....1745
- 376 Bồ đề phần - Kinh Anuruddha – Tiểu III, 422
.....1751
- 377 Bồ-tát - Thọ mạng ít thay là Mẹ của Bồ-tát- Kinh
Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 202 1759
- 378 Bồng bột - Từ bỏ tánh cứng đầu, bồng bột và
bạo ngôn - Kinh Thế Nào là Giới - Tiểu I, 568
.....1761
- 379 Bộ xương người là đề tài thiền quán - Kinh
Singàlar Pitar – Tiểu III, 28 1764
- 380 Bộc lưu - Ai vượt qua được bộc lưu - Kinh Câu
hỏi của thanh niên 7 Nanda - Tiểu I, 794 ...1766

- 381 Bộc lưu - Ai vượt được bộc lưu_ - Kinh
Hemavata - Tiểu I, 510 1770
- 382 Bụng đói, ăn chừng mực, Ít dục, không tham lam
- Kinh Nàlaka - Tiểu I, 666.....1781
- 383 Bữa ăn cuối cùng của Đức Phật - Kinh Lời Cảm
Hứng - Tiểu I, 268 1794

DẪN NHẬP

1. Lời giới thiệu

- Sau khi nhận thấy tính thực tế, gần gũi, dễ hiểu và trí tuệ tuyệt diệu trong những bài kinh của bộ ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM do Hoà Thượng Thích Minh Châu dịch trực tiếp từ Kinh Tạng Pali, chúng tôi nhận thấy rằng những bộ kinh này là những thực tế tuyệt diệu trong cuộc sống và nếu những bài kinh này không được tiếp cận và áp dụng trong cộng đồng Phật tử thì thật là một thiệt thòi cho những người con của Phật.
- Ví như một người khi nếm được hương vị tuyệt vời của một chiếc bánh ngon, lòng nghĩ tới những người thân thương của mình và đem đến mời họ cùng ăn với mình, đó chính là tâm niệm của chúng tôi khi thực hiện công việc này. Chúng tôi với tấm lòng chân thành sâu sắc cầu mong cho mọi người cùng có thể tiếp cận được với Kinh Tạng Pali (kinh Nikaya) và tìm được chân đứng trong bộ kinh này.
- Vì vậy, nhằm giới thiệu bộ kinh Nikaya đến với cộng đồng Phật tử ở khắp nơi và nhằm giúp cho quý đạo hữu dễ dàng tiếp cận với kinh Nikaya nên trong phiên bản vi tính này chúng tôi đã mạo muội cẩn thận **đánh**

dầu, tô màu những điểm căn bản và trọng tâm trong các bài kinh để quý đọc giả có thể nhanh chóng nắm hiểu được nội dung, ý nghĩa và những điểm quan trọng của bài kinh. Công việc này đã được chúng tôi thực hiện dựa trên sự thấy biết và kinh nghiệm thực hành của bản thân, quý đạo hữu cố gắng đọc đi đọc lại và suy nghiệm kỹ từng lời kinh rồi đem áp dụng thực hành để có thể tự mình thành tựu Tuệ giác như Đức Phật đã chỉ dạy.

2. Lợi ích của việc nghiên cứu học hỏi bộ kinh này là gì?

- Đi thẳng vào lời dạy của Đức Phật, tiếp cận trực tiếp với những lời dạy nguyên chất của Đức Phật khi Ngài còn tại thế, tránh được sự truyền tải ý nghĩa giáo pháp có khi đúng, có khi lệch của các vị này vị kia, tránh được việc đến với đạo Phật nhưng nhìn nhận và hiểu biết đạo Phật thông qua lăng kính của người khác.
- Biết được với những sự kiện đã từng xảy ra trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế như: hoàn cảnh xã hội thời đó, đời sống thực tế của Đức Phật và các cuộc thuyết giảng Chánh Pháp của Ngài.
- Trí tuệ được mở rộng, biết được đôi phần về trí tuệ thâm sâu vi diệu của Đức Phật qua các bài thuyết

giảng của Ngài và qua các cuộc cật vấn, chất vấn của ngoại đạo.

- Được làm quen với các Pháp học và Pháp hành mà Đức Phật đã trình bày dưới nhiều hình thức đa dạng khác nhau. Học hỏi được nhiều cách tu tập, nhiều phương diện tu tập, không bị hạn chế bó buộc trong một phương diện tu tập theo một trường phái nào.*
- Có được một cái nhìn trực tiếp, trực diện đối với Chánh Pháp, giúp cho người tu tập không đi lệch ra ngoài Chánh Pháp, không làm uổng phí thời gian và công sức mà người tu tập đã bỏ ra để nghiên cứu tìm hiểu học hỏi và thực hành Phật Pháp, giúp cho nhiệt tình và ước nguyện của người tu học chân chánh được thành đạt, có kết quả tốt đẹp và lợi ích thiết thực ngay trong đời sống hiện tại.*
- Có được đầy đủ những phương tiện để thực hiện Pháp học và Pháp hành, biết rõ những gì mình cần phải làm trên con đường đi đến sự chấm dứt khổ đau.*
- Trong khi đọc, nghe, nghiên cứu, học hỏi các bản kinh thì tâm được an trú vào trong Chánh Tri Kiến, tham sân si được vắng mặt trong lúc ấy, tâm được an trú vào trong Chánh Pháp.*

- Ngay trong hiện tại gieo kết được những thiện duyên tốt lành đối với Chánh Pháp của Đức Phật, có thể thẳng tiến đến việc tu tập sự giải thoát sanh tử ngay trong kiếp hiện tại. Nhưng nếu ngay trong hiện tại không đạt được sự giải thoát thì những thiện duyên này sẽ giúp được cho các đời sau: khi được sanh ra, tâm luôn hướng về sự tìm cầu Chánh Pháp, yêu thích tìm kiếm những lời dạy nguyên gốc của Đức Phật, và đồng thời tâm cũng luôn hướng về sự không ưa thích đối với các tà Pháp, tránh xa các tà thuyết không chân chánh, không có cảm xúc cảm tình đối với các tà đạo, tránh được các con đường tu tập sai lệch làm uổng phí công sức và tâm nguyện của người tu tập mà vẫn không đạt được sự giải thoát khổ đau.
- Trong quá trình học hỏi nghiên cứu cẩn thận các bản kinh này thì Chánh Tri Kiến đi đến thành tựu đầy đủ, Giới Hạnh đi đến thành tựu đầy đủ, ba kiết sử Thân Kiến, Hoài Nghi, Giới Cấm Thủ được đoạn tận, chứng được Dự Lưu Quả, là bậc Dự Lưu, chỉ còn tái sanh tối đa là bảy lần giữa chư Thiên và loài người, không còn bị đọa vào trong các đường ác sanh như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.
- Khi thân hoại mạng chung nếu bị thất niệm, tâm không được tỉnh giác, thì khi tái sanh đời sau, lúc đầu

*không nhớ được đạo pháp, nhưng sau đó sẽ có những nhân duyên đưa đến giúp cho tâm trí từ từ nhớ lại và tiếp tục tu tập trong vòng tối đa bảy lần tái sinh là sẽ đi đến sự chứng đạt được tâm hoàn toàn tịch lặng thoát ly sanh tử, thoát ly đau khổ, thoát khỏi mọi ràng buộc, phiền não đối với **năm thủ uẩn**.*

3. Lòng tri ân

- Chúng ta, những người đến với đạo thoát ly sanh tử của Đức Phật sau khi Ngài nhập diệt đã trên 2500 năm, nhưng may mắn quá lớn cho chúng ta đó là việc chúng ta vẫn còn được thấy, được gặp, được học hỏi và được hành trì theo những bản kinh nguyên chất truyền thống của Đức Phật. Xin hạnh phúc tri ân sự may mắn này của mình và xin chân thành vô lượng cung kính tri ân Hòa Thượng Thích Minh Châu, người đã bỏ nhiều thời gian, nhiều tâm huyết để làm cho Chánh Pháp được sáng tỏ đối với những người con của Đức Phật tại Việt Nam.*
- Xin chân thành cung kính cúi đầu tri ân Hoà Thượng - vị ân sư của Phật tử Việt Nam.*

Pháp quốc, ngày 05 tháng 07 năm 2014

Người trình bày - Chơn Tín Toàn

1 Ba Mươi Hai Phần - Tiểu I, 10

Ba Mươi Hai Phần – Tiểu I, 10 (Dvattimsàkàra)

Trong thân này có: tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bụng, phân, mật, đờm, mồ hôi, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, chất nhờn ở khớp, nước tiểu và não trong đầu.

2 Ba Mươi Hai Phần - Tiểu I, 10

Ba Mươi Hai Phần – Tiểu I, 10 (Dvattimsàkàra)

Trong thân này có: tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bụng, phân, mật, đờm, mồ hôi, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, chất nhờn ở khớp, nước tiểu và não trong đầu.

3 Ba canh - Trong đêm canh thứ nhất, Ta nhớ các đời trước - Kinh Sunìta – Tiểu III, 342

Sunìta – *Tiểu III*, 342 (242)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình đồ rác, và sống với nghề đi quét đường, không đủ tiền để sống khỏi đói.

Trong canh một Thế Tôn khởi lòng từ mẫn, nhìn khắp thế giới và thấy trong tâm của Sunìta, có đủ điều kiện để chứng quả A-la-hán, chói sáng như ngọn đèn trong cái ghè. Khi trời đã mới sáng, Thế Tôn dậy, đắp y cầm y bát, với một số Tỷ-kheo tùy tùng, đi đến Vương Xá để khát thực và tìm đến con đường *Sunìta* đang quét dọn. Sunìta đang quét các đồng rác gom lại từng đồng, đổ vào thúng rồi gánh mang đi.

Khi ngài thấy bậc Đạo Sư đi đến với đoàn tùy tùng, ngài cảm thấy hoan hỷ xúc động không tìm được chỗ để ẩn núp, ngài đứng sát như mắc dính vào vách tường và chấp tay vái chào. Khi đức Bôn Sư đến gần, *đức Phật với lời rất dịu ngọt hỏi ngài sao cam phận sống đời sống khổ sở như vậy, và có thể xuất gia được không?* Ngài hoan hỷ chấp nhận và được đức

Phật độ cho xuất gia với câu: "Hãy đến này các Tỷ-kheo!".

Bậc Đạo Sư đưa ngài về tịnh xá, dạy cho ngài một phương pháp thiền quán. Ngài chứng được *tám thiền chứng* và *năm thắng trí*. **Phát triển thiền quán**, ngài chứng được *thắng trí thứ sáu*.

Rồi Sakka và các Phạm thiên đến đánh lễ ngài đã được ghi như sau:

*Rồi bảy trăm chư Thiên,
Huy hoàng đi đến gần,
Tùy tùng đáng Phạm Thiên,
Và Thiên chủ Đế Thích,
Họ sung sướng đánh lễ,
Trưởng lão Sunita,
Bậc chiến thắng cao sang,
Vượt qua già và chết!*

Thế Tôn thấy ngài được chư Thiên đoanh vây, Thế Tôn mỉm cười và khen ngài, thuyết giảng cho ngài với câu kệ: "Với giới sống Phạm hạnh" (kệ số 631).

Rồi nhiều Tỷ-kheo, muốn ngài ***rong tiếng con sư tử*** hỏi ngài sanh ra từ gia đình nào, vì sao lại xuất gia, làm thế nào để chứng quả, ngài trả lời cho họ với những bài kệ như sau:

620. ***Ta sanh nhà hạ tiện,***

*Nghèo khổ không đủ ăn,
Nghề ta rất hèn hạ,
Ta kẻ quét hoa rơi.*

*621. Ta bị người nhàm chán,
Miệt thị và khinh bỉ,
Hạ mình xuống thật thấp,
Ta kính lễ quần chúng.*

*622. Rồi ta thấy đức Phật,
Thượng thủ chúng Tỷ-kheo,
Bậc Đại Hùng vào thành,
Magadha tối thượng.*

*623. Ta quăng bỏ đòn gánh,
Đến gần để đánh lễ,
Với lòng thương xót ta,
Bậc Thượng nhân đứng lại.*

*624. Lễ chân Đạo Sư xong,
Ta đứng liền một bên,
Ta xin được xuất gia,
Bậc tối thượng mọi loài.*

*625. Bậc Đạo Sư từ bi,
Từ mẫn khắp thế giới,
Nói: "Hãy đến Tỷ-kheo",
Đại giới, ta thọ vậy.*

*626. Rồi ta sống trong rừng,
Một mình không biếng nhác,*

Ta theo lời Đạo Sư,
Như **bậc chiến thắng** dạy.

627. Trong **đêm canh thứ nhất**,
Ta nhớ các đời trước,
Trong **đêm canh chạng giữa**,
Thiên nhân ta thanh tịnh,
Trong **đêm canh cuối cùng**,
Ta phá khỏi si ám.

628. Khi **đêm vừa mở rộng**,
Rạng đông, trời ló rạng,
Đế Thích, Phạm Thiên đến,
Chấp tay đánh lễ ta,

629. **Đánh lễ bậc Thượng sanh!**
Đánh lễ bậc Thượng nhân!
Ngài đoạn tận lậu hoặc,
Ngài xứng đáng cúng dường.

630. **Bậc Đạo Sư thấy ta**,
Đứng đầu chúng chư Thiên,
Nở ra một nụ cười,
Nói với ta nghĩa này:

631. **Nhờ khổ hạnh, Phạm hạnh**,
Nhờ tự chế, điều phục,
Nhờ vậy, là Phạm chí,
Đây, Phạm chí tối thượng.

4 Ba lâu đài - Trưởng lão Yasa - Kinh Yasa – Tiểu III, 122

Yasa – Tiểu III, 122 (117)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài **sanh trong một gia đình nhân sĩ rất giàu có** ở Benares (Ba-la-nại). Ngài được nuôi dưỡng rất tinh tế, và có ba lâu đài hợp với ba mùa.

Một đêm, do **nhân duyên quá khứ thúc đẩy** ngài **thấy cảnh bất tịnh** của những người hầu cận ngài. Quá xúc động trước cảnh tượng ấy, ngài đi đôi dép vàng, từ bỏ thành, nhà và được chư Thiên mở cửa thành cho. Ngài đi đến Isipatana (Chư Thiên đạo xứ), vừa đi vừa than: "Ôi sầu khổ thay! Ôi nguy hiểm thay!"

Lúc ấy, Thế Tôn đang đi ngoài trời ở Isipatana, thấy Yasa như vậy liền gọi: *"Hãy đến đây, này Yasa! Ở đây, không có sầu khổ, không có nguy hiểm!"*.

Nghe vậy, ngài rất hoan hỷ, cởi dép để một bên, ngồi xuống bên cạnh Thế Tôn. **Bậc Đạo Sư** thứ lớp thuyết giảng cho Yasa về **Bốn sự thật**, khi giảng xong. Ngài trở thành một Phật tử. Và khi đức Phật thuyết giảng cho phụ thân Yasa đến kiểm ngài, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi đức Phật đưa bàn tay mặt ra đón Yasa và nói: 'Hãy đến, này Tỷ-kheo', khi nói vậy, tóc của Yasa được cắt ngắn lại bằng hai ngón tay và có được đầy đủ tám vật cần dùng. Suy tư đến quả chúng và nếp sống của mình, ngài cảm thấy hân hoan khi nghe hai chữ: 'Hãy đến đây, Tỷ-kheo' và nói lên bài kệ:

*117. Khéo thoa xức, khéo mặc,
Dùng mọi loại thời trang,
Ta chứng được **Ba minh**,
Lời Phật dạy làm xong.*

5 Ba minh - Thế nào là ba minh_ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 431

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 431 (Tik. V,10) (It. 98)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng: *"Một Bà-la-môn có được **ba minh**, một cách đúng pháp, không phải người nào khác được gọi vậy chỉ vì người này bập bẹ nói lên"*.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Ta tuyên bố rằng một Bà-la-môn có được ba minh một cách đúng pháp, không phải người nào khác được gọi vậy chỉ vì người này bập bẹ nói lên?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo **nhớ đến người đời quá khứ**, ví như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều thành kiếp, nhiều hoại kiếp, nhiều thành hoại kiếp. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết

tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây". Như vậy, Tỷ-kheo nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Đây là minh thứ nhất, vị ấy chứng đạt, vô minh diệt, minh sanh; tối tăm diệt, ánh sáng sanh, do vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo với **Thiên nhãn** thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của chúng. Các vị chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, về lời, về ý, phỉ báng các bậc Thánh theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những vị chúng sanh này làm những thiện hạnh về thân, về lời, về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Như vậy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều

do hạnh nghiệp của chúng. Đây là minh thứ hai vị ấy chứng đạt, vô minh diệt, minh sanh; tối tăm diệt, ánh sáng sanh, do vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do **diệt tận các lậu hoặc**, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Đây là minh thứ ba, vị ấy chứng đạt, vô minh diệt, minh sanh; tối tăm diệt, ánh sáng sanh, do vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng một Bà-la-môn có được ba minh một cách đúng pháp, không phải người nào khác được gọi vậy chỉ vì người này bập bẹ nói lên.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Ai biết được đời trước,
Thấy Thiên giới, đọa xứ,
Người ấy, Ta tuyên bố,
Là vị Bà-la-môn,
Chớ không phải ai khác,
Chỉ mở miệng bập bẹ.*

*Ai biết được đời trước,
Thấy Thiên giới, đọa xứ,
Vị ấy đạt sanh (đã) diệt,
Thật là bậc ân sĩ,*

*Đã thành tựu thắng trí.
Ba mình này thành tựu,
Là Phạm chí ba mình,
Ta gọi vị như vậy,
Chính là **bậc Ba mình**,
Chớ không phải ai khác,
Do nói lời bập bẹ.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

6 Ba minh - Trong đêm canh thứ nhất, Ta nhớ các đời trước - Kinh Sunìta – Tiểu III, 342

Sunìta – *Tiểu III*, 342 (242)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình đồ rác, và sống với nghề đi quét đường, không đủ tiền để sống khỏi đói.

Trong canh một Thế Tôn khởi lòng từ mẫn, nhìn khắp thế giới và thấy trong tâm của Sunìta, có đủ điều kiện để chứng quả A-la-hán, chói sáng như ngọn đèn trong cái ghè. Khi trời đã mới sáng, Thế Tôn dậy, đắp y cầm y bát, với một số Tỷ-kheo tùy tùng, đi đến Vương Xá để khát thực và tìm đến con đường *Sunìta* đang quét dọn. Sunìta đang quét các đồng rác gom lại từng đồng, đổ vào thúng rồi gánh mang đi.

Khi ngài thấy bậc Đạo Sư đi đến với đoàn tùy tùng, ngài cảm thấy hoan hỷ xúc động không tìm được chỗ để ẩn núp, ngài đứng sát như mắc dính vào vách tường và chấp tay vái chào. Khi đức Bôn Sư đến gần, *đức Phật với lời rất dịu ngọt hỏi ngài sao cam phận sống đời sống khổ sở như vậy, và có thể xuất gia được không?* Ngài hoan hỷ chấp nhận và được đức

Phật độ cho xuất gia với câu: "Hãy đến này các Tỷ-kheo!".

Bậc Đạo Sư đưa ngài về tịnh xá, dạy cho ngài một phương pháp thiền quán. Ngài chứng được *tám thiền chứng* và *năm thắng trí*. **Phát triển thiền quán**, ngài chứng được *thắng trí thứ sáu*.

Rồi Sakka và các Phạm thiên đến đánh lễ ngài đã được ghi như sau:

*Rồi bảy trăm chư Thiên,
Huy hoàng đi đến gần,
Tùy tùng đáng Phạm Thiên,
Và Thiên chủ Đế Thích,
Họ sung sướng đánh lễ,
Trưởng lão Sunita,
Bậc chiến thắng cao sang,
Vượt qua già và chết!*

Thế Tôn thấy ngài được chư Thiên đoanh vây, Thế Tôn mỉm cười và khen ngài, thuyết giảng cho ngài với câu kệ: "Với giới sống Phạm hạnh" (kệ số 631).

Rồi nhiều Tỷ-kheo, muốn ngài ***rong tiếng con sư tử*** hỏi ngài sanh ra từ gia đình nào, vì sao lại xuất gia, làm thế nào để chứng quả, ngài trả lời cho họ với những bài kệ như sau:

620. ***Ta sanh nhà hạ tiện,***

*Nghèo khổ không đủ ăn,
Nghề ta rất hèn hạ,
Ta kẻ quét hoa rơi.*

*621. Ta bị người nhàm chán,
Miệt thị và khinh bỉ,
Hạ mình xuống thật thấp,
Ta kính lễ quần chúng.*

*622. Rồi ta thấy đức Phật,
Thượng thủ chúng Tỷ-kheo,
Bậc Đại Hùng vào thành,
Magadha tối thượng.*

*623. Ta quăng bỏ đòn gánh,
Đến gần để đánh lễ,
Với lòng thương xót ta,
Bậc Thượng nhân đứng lại.*

*624. Lễ chân Đạo Sư xong,
Ta đứng liền một bên,
Ta xin được xuất gia,
Bậc tối thượng mọi loài.*

*625. Bậc Đạo Sư từ bi,
Từ mẫn khắp thế giới,
Nói: "Hãy đến Tỷ-kheo",
Đại giới, ta thọ vậy.*

*626. Rồi ta sống trong rừng,
Một mình không biếng nhác,*

Ta theo lời Đạo Sư,
Như **bậc chiến thắng** dạy.

627. Trong **đêm canh thứ nhất**,
Ta nhớ các đời trước,
Trong **đêm canh chạng giữa**,
Thiên nhân ta thanh tịnh,
Trong **đêm canh cuối cùng**,
Ta phá khỏi si ám.

628. Khi **đêm vừa mở rộng**,
Rạng đông, trời ló rạng,
Đế Thích, Phạm Thiên đến,
Chấp tay đánh lễ ta,

629. **Đánh lễ bậc Thượng sanh!**
Đánh lễ bậc Thượng nhân!
Ngài đoạn tận lậu hoặc,
Ngài xứng đáng cúng dường.

630. **Bậc Đạo Sư thấy ta**,
Đứng đầu chúng chư Thiên,
Nở ra một nụ cười,
Nói với ta nghĩa này:

631. **Nhờ khổ hạnh, Phạm hạnh**,
Nhờ tự chế, điều phục,
Nhờ vậy, là Phạm chí,
Đây, Phạm chí tối thượng.

7 Ba minh - Xuất gia bảy ngày, chứng Ba minh - Kinh Sugandha – Tiểu III, 33

Sugandha – Tiểu III, 33 (24)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình giàu có ở Sàvatthi. Vì lời phát nguyện trong quá khứ, khi ngài sanh ra, hương thơm tỏa khắp nhà, do vậy được đặt tên là *Sugandha* (hương thơm).

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài được khuyến khích xuất gia, khi nghe Trưởng lão Mahà Sela thuyết pháp; sau **bảy ngày, ngài chứng quả A-la-hán**. Nói lên chánh trí của mình, ngài thuyết bài kệ này:

24. Xuất gia, mùa mưa qua,
Thấy **pháp tánh** các pháp,
Ba minh chứng đạt được,
Làm xong lời Phật dạy.

8 Ba mươi Tỷ Kheo Ni – Tiểu III, 604

30 Tỷ Kheo Ni Tuyên Bố Về Chánh Trí Dưới Sự Lãnh Đạo Của Patàcàrà – *Tiểu III, 604 (48)*

Trong thời đức Phật hiện tại, chúng sanh trong nhiều gia đình sai khác, được nghe Patàcàrà thuyết pháp, trở thành tín nữ và cuối cùng xuất gia.

Trong khi họ làm trọn những phận sự của mình, và sống đầy đủ giới hạnh, nàng thuyết cho họ lời giáo huấn như sau:

*117. Loài Người trong tuổi trẻ,
Cầm chày giã lúa gạo,
Loài Người được tài sản,
Nuôi dưỡng vợ và con.*

*118. Hãy hành lời Phật dạy,
Không làm gì nhiệt nã,
Rửa chân thật mau lẹ,
Hãy ngồi xuống một bên,
Chú tâm tu tâm chỉ,
Làm theo lời Phật dạy.*

Rồi các Tỷ-kheo-ni ấy, nghe theo lời dạy của Patàcàrà, an trú trên **thiền quán**, **tu tập trí tuệ** cho

đến khi căn cơ thuần thực, chúng được quả A-la-hán, với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ.

Rồi suy nghĩ trên quả chúng, họ phần khởi sung sướng và họ thêm vào các bài kệ của Patàcàrà với những bài kệ của mình:

*119. Sau khi nghe lời dạy,
Lời Patàcàrà,
Sau khi rửa chân xong,
Họ vào ngồi một bên,
Chú tâm tu tâm chỉ,
Làm theo lời Phật dạy.*

*120. Trong đêm canh thứ nhất,
Họ nhớ đời quá khứ,
Trong đêm canh chặng giữa,
Thiên nhân được thanh tịnh,
Trong đêm canh cuối cùng,
Khởi si ám phá tan.*

*121. Đứng dậy họ lễ chân,
Vị giáo giới cho họ,
Như Chư Thiên ba mươi,
Đánh lễ vị Sakka,
Vị không bị đánh bại,
Ở lại chỗ chiến trường,*

*Đặt **Patàcàrà**,
Vào hàng bậc lãnh đạo,
Chúng tôi sẽ được sống,
Ba Minh, không lậu hoặc.*

9 Ba mươi bảy Bồ đề phần - Là châu báu trong đạo Phật - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 208

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 208 (Ud 51)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Dubbarà, trong lâu mẹ của Migàra. Lúc bảy giờ Thế Tôn, vào ngày trai giới đang ngồi có chúng Tỷ-kheo đoanh vây.

Rồi Tôn giả Ananda, sau khi đêm đã gần mãn, canh một sắp qua, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn, và Bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh một đã sắp qua, chúng Tỷ-kheo ngồi đã lâu. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết giới bốn Pàtimokkha cho chúng Tỷ-kheo.

Khi được nói vậy, Thế Tôn giữ im lặng. Lần thứ hai, Tôn giả Ananda, khi đêm đã gần mãn, canh giữa đã sắp qua. Chúng Tỷ-kheo ngồi đã lâu. "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết giới bốn Pàtimokkha cho chúng Tỷ-kheo".

Lần thứ hai, Thế Tôn giữ im lặng. Lần thứ ba, Tôn giả Ananda, khi đêm đã gần mãn, canh cuối đã sắp qua, rạng đông đã ló dạng đêm đã nở nụ cười, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chấp tay hướng đến rồi bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh cuối đã sắp qua, rạng đông đã ló dạng, đêm đã nở nụ cười, chúng Tỷ-kheo ngồi đã lâu. "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết giới Pàtimokkha cho chúng Tỷ-kheo".

- **Này Ananda, hội chúng không thanh tịnh.**

Rồi Tôn giả Mahà Moggallàna suy nghĩ: "Vì người nào mà Thế Tôn nói: 'Này Ananda, hội chúng này không thanh tịnh?'"

Rồi Tôn giả Mahà Moggallàna với tâm của mình tác ý đến tâm toàn thể chúng Tỷ-kheo. Tôn giả Mahà Moggallàna thấy một người ác giới, theo ác pháp, không thanh tịnh, sở hành đáng nghi ngờ, hành động được che đậy, không phải Sa-môn tự xưng là Sa-môn, không theo Phạm hạnh tự xưng là Phạm hạnh, nội tâm hủ hóa, đầy ứ dục vọng, một đồng rác ô uế đang ngồi giữa chúng Tỷ-kheo, thấy vậy từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến người ấy, sau khi đến nói với người ấy:

- **Hiền giả hãy đứng dậy, Thế Tôn đã thấy Hiền giả. Hiền giả không được cộng trú với chúng Tỷ-kheo.**

Người ấy giữ im lặng. Lần thứ hai, Tôn giả Moggallàna nói với người ấy:

- Hiền giả hãy đứng dậy. Thế Tôn đã thấy Hiền giả. Hiền giả không được cộng trú với chúng Tỷ-kheo.

Lần thứ hai, người ấy im lặng. Lần thứ ba, Tôn giả Mahà Moggallàna. Lần thứ ba, Hiền giả ấy im lặng.

Rồi Tôn giả Mahà Moggallàna nắm tay người ấy, dắt tay khỏi ngoài cửa, gài then cửa lại, rồi đi đến Thế Tôn, sau khi đến, bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Hiền giả ấy đã bị con đuổi ra rồi. Hội chúng nay thanh tịnh. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết giảng giới bốn Pàtimokkha cho chúng Tỷ-kheo.

- Thật vi diệu thay, Moggallàna! Thật hy hữu thay, Moggallàna! Cho đến khi bị cầm tay, người ngu si mới đi ra.

Rồi Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, bắt đầu từ nay Ta sẽ không làm Uposastha nữa, Ta sẽ không tụng đọc giới bốn Pàtimokkha nữa. Bắt đầu từ nay, các Thầy hãy làm Uposastha, các Thầy hãy tụng đọc giới bốn. Sự kiện không có được, này các Tỷ-kheo, cơ hội không có được là Như Lai có thể làm Uposastha với hội chúng không thanh tịnh, có thể đọc giới bốn.

Này các Tỷ-kheo, **biển lớn có tám pháp vi diệu** hy hữu này, do thấy chúng như vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

Thế nào là tám?

- Này các Tỷ-kheo, biển lớn **tuần tự xuôi, tuần tự thuận hướng**, tuần tự sâu dần, không có thành lỉnh như một vực thẳm. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, biển lớn tuần tự thuận xuôi, tuần tự thuận hướng, tuần tự sâu dần, không có thành lỉnh như một vực thẳm. Này các Tỷ-kheo, đây là sự vi diệu chưa từng có **thứ nhất**. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, biển lớn **đứng một chỗ, không có vượt qua bờ**. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, biển lớn đứng một chỗ, không có vượt qua bờ. Này các Tỷ-kheo, đây là sự vi diệu chưa từng có **thứ hai**. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, biển lớn **không có chứa chấp xác chết**. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng trên bờ hay vớt lên đất liền. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, biển lớn không có chứa chấp xác chết. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng lên bờ hay vớt lên đất liền. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có **thứ ba**. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunà, sông Aciravati, sông Mahi, các con sông ấy khi chảy đến biển liền **bỏ tên họ cũ**, trở thành biển lớn. Vì rằng phàm có con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunà, sông Aciravati, sông Mahi, các con sông ấy khi chảy đến biển liền bỏ tên họ cũ, trở thành biển lớn. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ tự. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, này các Tỷ-kheo phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng **không** vì vậy biển lớn được thấy **có giảm tăng**. Này các Tỷ-kheo vì rằng, phàm có dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng không vì vậy mà biển lớn được thấy có giảm tăng. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ năm. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, biển lớn chỉ có một vị là **vị mặn**. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu, chưa từng có thứ sáu. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, biển lớn có **nhiều châu báu**, nhiều loại châu báu, ở đáy có những châu

báu này như trân châu, ma ni châu, lưu ly, xa-cừ, ngọc bích, san-hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, biển lớn có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đây có những loại châu báu này như trân châu, ma-ni châu, lưu-ly, xa-cừ, ngọc bích, san hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ bảy. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, biển lớn là trú xứ các loài sinh vật lớn. Tại đây có những sinh vật này như các con timi, timingalà, timiramingalà. Những loại A-tu-la, các loại Nàgà, các loại Gandhabhà. Trong biển lớn có các loại hữu tình dài một trăm do-tuần, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do-tuần. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, biển lớn là trú xứ các sanh vật lớn. Tại đây có những sinh vật này như các con timi, timingalà, timiramingalà. Những loại A-tu-la, các loại Nàgà, các loại Gandhabhà. Trong biển lớn có các loại hữu tình dài một trăm do-tuần, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do-tuần. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ tám. Do thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có tám pháp, vi diệu chưa từng có trong Pháp và Luật này, do thấy

chúng, thấy chúng, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Thế nào là tám?

- Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn **tuần tự thuận xuôi**, tuần tự thuận hướng, tuần tự sâu dần, không có thành lồi như một vực thẳm. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, các học pháp là tuần tự, các quả dị thực là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể nhập chánh trí, thành lồi. Này Paharada, vì rằng trong Pháp và Luật này, các học pháp là tuần tự, các quả dị thực là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể nhập chánh trí thành lồi. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ nhứt. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.
- Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn **đứng một chỗ không có vượt qua bờ**. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi các học pháp được Ta sửa soạn cho các đệ tử, các đệ tử của Ta, dầu cho vì nhân sinh mạng, cũng không vượt qua. Này các Tỷ-kheo, vì rằng các học pháp được Ta sửa soạn cho các đệ tử, các đệ tử của Ta, dầu cho vì nhân sinh mạng, cũng không vượt qua. Này các Tỷ kheo trong Pháp và Luật này, đây là Pháp vi diệu chưa từng có thứ hai. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú, trong Pháp và Luật này.

- Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn **không có chứa chấp xác chết**. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng trên bờ hay vớt lên đất liền. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **người nào là ác giới**, theo ác pháp, sở hành bất tinh đáng nghi ngờ, có những hành vi che đậy, không phải là Sa-môn nhưng tự nhận là Sa-môn, không sống Phạm hạnh nhưng tự nhận là có Phạm hạnh, nội tâm hôi hám, ứ đầy tham dục, tánh tình bất định. Chúng Tăng **không** sống chung với người ấy, lập tức hội họp lại và **đuổi người ấy ra khỏi**. Dầu cho người ấy có ngồi giữa chúng Tỷ-kheo tăng, nhưng người ấy sống xa chúng Tăng và chúng Tăng sống xa người ấy. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, người ấy là ác giới, theo ác pháp... tánh tình bất định... và chúng Tăng sống xa vị ấy. Này các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ ba. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.
- Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunà, sông Aciracati, sông Sarabhù, sông Mahi, các con sông ấy khi chảy đến biển, **liền bỏ tên họ trước**, trở thành biển lớn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có bốn giai cấp này: Sát-đế-lị, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà, sau khi từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia trong Pháp và Luật được Như Lai

tuyên bố sau này, chúng **từ bỏ tên và họ** của chúng từ trước, và chúng trở thành những Sa-môn Thích tử. Nay các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tư. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và luật này.

- *Ví như, này các Tỷ kheo, phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng không vì vậy mà biển lớn có giảm tăng. Cũng vậy này các Tỷ Kheo, nếu có những vị Tỷ kheo nhập vào Niết-Bàn giới, không có dư y, Niết-bàn giới cũng **không** vì vậy được thấy **có giảm tăng**. Nay các Tỷ Kheo, nếu có nhiều vị Tỷ kheo nhập vào Niết Bàn giới không có dư y, Niết bàn giới cũng không vì vậy, được thấy có giảm tăng. Nay các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là vi diệu chưa từng có thứ năm. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và luật này.*
- *Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn chỉ có một vị là vị mận. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, pháp này cũng chỉ có một vị là **vị giải thoát**. Nay các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là vi diệu chưa từng có thứ sáu. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.*

- Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn có nhiều châu báu, ở đây có những châu báu này, như trân châu, ma-ni châu, lưu-ly, xà-cừ, ngọc bích, san-hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã-nã. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, Pháp và Luật này có **nhiều châu báu**, nhiều loại châu báu, ở đây có những loại châu báu này, như **Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Thánh đạo tám ngành**. Này các Tỷ-kheo, vì rằng Pháp và Luật này có nhiều châu báu này như Bốn niệm xứ... Thánh đạo tám ngành. Này các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là vi diệu chưa từng có thứ bảy. Do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.
- Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn là trú xứ các loại sinh vật lớn, tại đây có những sinh vật như các con timi, timigalà, timiramingalà, những loại Asurà, các loài Nàgà, các loài Gandhabbà. Trong biển lớn có các loài hữu tình dài một trăm, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do-tuần. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Pháp và Luật này là trú xứ của các loại **sinh vật lớn**. Ở đây có những sinh vật này. Bậc Dự lưu, bậc đang hướng đến chứng ngộ Dự lưu quả; bậc Nhất lai, bậc đang hướng đến chứng Nhất lai quả; bậc Bất lai, bậc đang hướng đến chứng Bất lai quả; bậc A-la-hán, bậc đang hướng đến chứng ngộ quả A-la-hán. Này các

Tỷ-kheo, vì rằng Pháp và Luật này là trú xứ của các sinh vật lớn. Ở đây có những sinh vật này... quả A-la-hán. Nay các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tám. Do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Này các Tỷ-kheo, đây là tám pháp vi diệu, chưa từng có trong Pháp và Luật này, do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong khi ấy, nói lên **lời cảm hứng**:

*5. Che kín, trời có mưa,
Mở rộng, trời không mưa,
Do vậy, hãy mở rộng
Cái gì bị che kín,
Như vậy sẽ không mưa.*

10 Ba mươi sáu dòng Ái, Trôi người đồn khả ái - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 97

Phẩm Tham Ái – *Tiểu I*, 97

334. Người sống đời phóng dật,
Ái tăng như giây leo,
Nhảy đời này đời khác,
Như vượn tham quả rừng.

335. Ai sống trong đời này,
Bị ái dục buộc ràng,
Sầu **khổ** sẽ tăng trưởng,
Như cỏ Bi gặp mưa.

336. Ai sống trong đời này,
Ái dục được hàng phục,
Sầu rơi khỏi người ấy,
Như giọt nước lá sen.

337. Đây điều lành Ta dạy,
Các người tụ họp đây,
Hãy nhỏ tận gốc ái,
Như nhỏ gốc cỏ Bi,
Chớ để ma phá hoại,
Như giòng nước cỏ lau.

338. Như cây bị chặt đốn,
Gốc chưa hại vẫn bền,
Ái tùy miên chưa nhỏ,
Khổ này vẫn sanh hoài.

339. Ba mươi sáu dòng **Ái**,
Trôi người đốn khả ái,
Các tư tưởng tham ái,
Cuốn trôi người tà kiến.

340. Dòng ái đục chảy khắp,
Như giầy leo mọc tràn,
Thấy giầy leo vừa sanh,
Vội tuệ, hãy đoạn gốc.

341. Người đời nhớ **ái dục**,
Ưa thích các **hỷ lạc**,
Tuy mong cầu an lạc,
Họ vẫn phải sanh già.

342. **Người bị ái buộc ràng,**
Vùng vầy và hoảng sợ,
Như thỏ bị sa lưới,
Họ sanh ái trói buộc,
Chịu khổ đau dài dài.

343. Người bị ái buộc ràng,
Vùng vẫy và hoảng sợ,
Như thỏ bị sa lưới,
Do vây vì Tỷ kheo,
Mong cầu mình ly tham,
Nên nhiếp phục ái dục.

344. Là rừng lại hướng rừng,
Thoát rừng chạy theo rừng,
Nên xem người như vậy,
Được thoát khỏi buộc ràng,
Lại chạy theo ràng buộc.

345. Sắt, cây, gai trói buộc,
Người trí xem chưa bền,
Tham châu báu, trang sức,
Tham vọng vợ và con.

346. Người có trí nói rằng:
Trói buộc này thật bền,
Rì kéo xuống, lún xuống,
Nhưng thật sự khó thoát,
Người trí cắt trừ nó,
Bỏ dục lạc, không màng.

347. Người đắm say ái dục,
Tự lao mình xuống dòng,

Như nhện sa lưới dệt,
Người trí cắt trừ nó,
Bỏ mọi khổ, không màng.

348. Bỏ quá, hiện, vị lai,
Đến bờ kia cuộc đời,
Ý giải thoát tất cả,
Chớ vướng lại sanh già.

349. Người tà ý nhiếp phục,
Tham sắc bén nhìn tịnh,
Người ấy ái tăng trưởng,
Làm giây trói mình chặt.

350. Ai vui, an tịnh ý,
Quán bất tịnh, thường niệm,
Người ấy sẽ diệt ái,
Cắt đứt Ma trói buộc.

351. Ai tới đích, không sợ,
Ly ái, không nhiễm ô,
Nhỏ mũi tên sanh tử,
Thân này thân cuối cùng.

352. **Ái** lìa, không chấp thủ,
Cú pháp khéo biện tài,
Thấu suốt **từ vô ngại**,

Hiếu thứ lớp trước sau,
Thân này thân cuối cùng,
Vị như vậy được gọi,
Bậc Đại trí, đại nhân.

353. Ta hàng phục tất cả,
Ta rõ biết tất cả,
Không bị nhiễm pháp nào,
Ta từ bỏ tất cả,
Ái diệt, tự giải thoát,
Đã tự mình thắng trí,
Ta gọi ai thầy ta?

354. **Pháp thí**, thắng mọi thí!
Pháp vị, thắng mọi vị!
Pháp hỷ, thắng mọi hỷ!
Ái diệt, dứt mọi khổ!

355. Tài sản hại người ngu,
Không người tìm bờ kia,
Kẻ ngu vì tham giàu,
Hại mình và hại người.

356. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Tham làm hại người đời,
Bố thí người ly tham,
Do vậy được quả lớn.

357. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Sân làm hại người đời
Bố thí người ly sân,
Do vậy được quả lớn.

358. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Si làm hại người đời,
Bố thí người ly si,
Do vậy được quả lớn.

359. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Dục làm hại người đời,
Bố thí người ly dục,
Do vậy được quả lớn.

11 Ba mươi tám pháp hạnh phúc - Kinh Điêm Lành - Tiểu I, 11 copie

Kinh Điêm Lành – Tiểu I, 11 (Mangala Sutta)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú tại Sàvatthi, ở Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi một Thiên tử, khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị Thiên tử ấy bạch Thế Tôn với bài kệ:

Thiên tử:

1. Nhiều Thiên tử và người,^[SEP]
Suy nghĩ đến điêm lành,^[SEP]
Mong ước và đợi chờ,^[SEP]
Một nếp sống an toàn,^[SEP]
Xin Ngài hãy nói lên,^[SEP]
Về điêm lành tối thượng.

(Đức Phật giảng:)

2. Không thân cận kẻ ngu,^[SEP]
Nhưng gần gũi bậc Trí,^[SEP]
Đánh lễ người đáng lễ,^[SEP]
Là điêm lành tối thượng.
3. Ở trú xứ thích hợp,^[SEP]

Công đức trước đã làm,
Chân chánh hướng tự tâm,
Là điềm lành tối thượng.

4. Học nhiều, nghề nghiệp giỏi,
Khéo huấn luyện học tập,
Nói những lời khéo nói,
Là điềm lành tối thượng.
5. Hiếu dưỡng mẹ và cha,
Nuôi nấng vợ và con,
Làm nghề không rắc rối,
Là điềm lành tối thượng.
6. Bỏ thí, hành, đúng pháp,
Săn sóc các bà con,
Làm nghiệp không lỗi lầm,
Là điềm lành tối thượng.
7. Chấm dứt, từ bỏ ác,
Chế ngự đam mê rượu,
Trong Pháp, không phóng dật,
Là điềm lành tối thượng.
8. Kính lễ và hạ mình,
Biết đủ và biết ơn,
Đúng thời, nghe Chánh Pháp,
Là điềm lành tối thượng.
9. Nhẫn nhục, lời hòa nhã,
Yết kiên các Sa-môn,

Đúng thời, đàm luận Pháp,
Là điềm lành tối thượng.

10. Khắc khổ và Phạm hạnh,
Thấy được lý Thánh đế,
Giác ngộ quả: "Niết Bàn",
Là điềm lành tối thượng.

11. Khi xúc chạm việc đời,
Tâm không động, không sầu,
Không uế nhiễm, an ổn,
Là điềm lành tối thượng.

12. Làm sự việc như vậy,
Không chỗ nào thất bại,
Khắp nơi được an toàn,
Là điềm lành tối thượng.

12 Ba mươi tám pháp hạnh phúc - Kinh Điêm Lành - Tiểu I, 11

Kinh Điêm Lành – Tiểu I, 11 (Mangala Sutta)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú tại Sàvatthi, ở Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi một Thiên tử, khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị Thiên tử ấy bạch Thế Tôn với bài kệ:

Thiên tử:

10. Nhiều Thiên tử và người,

Suy nghĩ đến điêm lành,

Mong ước và đợi chờ,

Một nếp sống an toàn,

Xin Ngài hãy nói lên,

Về điêm lành tối thượng.

Đức Phật:

11. Không thân cận kẻ ngu,

Nhưng gần gũi bậc Trí,

Đánh lễ người đáng lễ,

Là điêm lành tối thượng.

12. Ở trú xứ thích hợp,^[SEP]
Công đức trước đã làm,^[SEP]
Chân chánh hướng tự tâm,^[SEP]
Là điềm lành tối thượng.
13. Học nhiều, nghề nghiệp giỏi,^[SEP]
Khéo huấn luyện học tập,^[SEP]
Nói những lời khéo nói,^[SEP]
Là điềm lành tối thượng.
14. Hiếu dưỡng mẹ và cha,^[SEP]
Nuôi nấng vợ và con,^[SEP]
Làm nghề không rắc rối,^[SEP]
Là điềm lành tối thượng.
15. Bố thí, hành, đúng pháp,^[SEP]
Săn sóc các bà con,^[SEP]
Làm nghiệp không lỗi lầm,^[SEP]
Là điềm lành tối thượng.
16. Chấm dứt, từ bỏ ác,^[SEP]
Chế ngự đam mê rượu,^[SEP]
Trong Pháp, không phóng dật,^[SEP]
Là điềm lành tối thượng.
17. Kính lễ và hạ mình,^[SEP]
Biết đủ và biết ơn,^[SEP]
Đúng thời, nghe Chánh Pháp,^[SEP]
Là điềm lành tối thượng.
18. Nhẫn nhục, lời hòa nhã,^[SEP]

Yết kiến các Sa-môn,
Đúng thời, đàm luận Pháp,
Là điềm lành tối thượng.

10. *Khắc khổ và Phạm hạnh,*
Thấy được lý Thánh đế,
Giác ngộ quả: "Niết Bàn",
Là điềm lành tối thượng.
11. *Khi xúc chạm việc đời,*
Tâm không động, không sầu,
Không ứể nhiễm, an ổn,
Là điềm lành tối thượng.

12. *Làm sự việc như vậy,*
Không chỗ nào thất bại,
Khắp nơi được an toàn,
Là điềm lành tối thượng.

13 Ba mươi tám pháp hạnh phúc - Kinh Điềm Lành Lớn - Tiểu I, 548

Kinh Điềm Lành Lớn – *Tiểu I*, 548

(Kinh Đại Hạnh Phúc - Mahamangala Sutta) (Sn 46)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú tại Sàvatthi, ở Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi một Thiên nhân, khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị Thiên nhân ấy với bài kệ bạch Thế Tôn:

Thiên nhân:

258. *Nhiều Thiên nhân và Người,
Suy nghĩ đến điềm lành,
Mong ước và đợi chờ,
Một nếp sống an toàn,
Xin Ngài hãy nói lên,
Về điềm lành tối thượng.*

Thế Tôn:

259. *Không thân cận kẻ ngu,*

*Nhưng gần gũi bậc trí,
Đánh lễ người đáng lễ,
Là điềm lành tối thượng.*

260. *Ở trú xứ thích hợp,
Công đức trước đã làm,
Chân chánh hướng tự tâm,
Là điềm lành tối thượng.*

261. *Học nhiều, nghề nghiệp giỏi,
Khéo huấn luyện học tập,
Nói những lời khéo nói
Là điềm lành tối thượng.*

262. *Hiếu dưỡng mẹ và cha,
Nuôi dưỡng vợ và con,
Làm nghề không rắc rối,
Là điềm lành tối thượng.*

263. *Bố thí, hành đúng pháp,
Săn sóc các bà con,
Làm nghiệp không lỗi lầm,
Là điềm lành tối thượng.*

264. *Chấm dứt, từ bỏ ác,
Chế ngự đam mê rượu,
Trong pháp, không phóng dật,*

Là điềm lành tối thượng.

265. *Kính lễ và hạ mình,
Biết đủ và biết ơn,
Đúng thời, nghe Chánh pháp,
Là điềm lành tối thượng.*

266. *Nhẫn nhục, lời hòa nhã,
Yết kiến các Sa-môn,
Đúng thời, đàm luận pháp,
Là điềm lành tối thượng.*

267. *Khắc khổ và Phạm hạnh,
Thấy được lý Thánh đế,
Giác ngộ quả Niết bàn,
Là điềm lành tối thượng.*

268. *Khi xúc chạm việc đời,
Tâm không động, không sầu,
Không uế nhiễm, an ổn,
Là điềm lành tối thượng.*

269. *Làm sự việc như vậy,
Không chỗ nào thất bại,
Khắp nơi được an toàn,
Là điềm lành tối thượng.*

14 Ba tạng - Trưởng lão Suhemanta - Kinh Suhemanta – Tiểu III, 113

Suhemanta – Tiểu III, 113 (106)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở nơi biên địa, con một Bà-la-môn giàu có.

Ngài đến nghe đức Phật thuyết pháp, tại vườn Lộc Uyển ở thành phố Sankassa, Ngài xuất gia và trở thành **người tụng đọc ba Tạng** (???), cuối cùng chúng được **sáu thắng trí**.

Ngài suy nghĩ: *"Ta đã được những gì một người đệ tử có thể chứng. Vậy ta hãy phục vụ cho giáo hội"*. Rồi ngài thuyết giảng cho các Tỷ-kheo và giải quyết các vấn đề khó khăn của các vị ấy. Một hôm, ngài nói với đại chúng và các người có trí như sau:

*106. Tại chỗ nào mục đích,
Trăm tánh, tướng ẩn chứa,
Kẻ ngu thấy một phần,
Kẻ trí thấy trăm phần.*

Như vậy, vị Trưởng lão nói lên trước các Tỷ-kheo về trí tuệ, phân tích biệt tài của ngài.

15 Ba tạng - Trưởng lão Ukkhepakàta Vaccha - Kinh Ukkhepakàta Vaccha – Tiểu III, 76

Ukkhepakàta Vaccha – *Tiểu III, 76* (65)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ) con một Bà-la-môn thuộc dòng họ Vaccha.

Ngài nghe Thế Tôn thuyết pháp phát tâm xuất gia, sống tại một làng Kosala. Nhờ các Tỷ-kheo đến thăm, ngài thâm hiểu Chánh pháp, nhưng ngài không phân biệt được Kinh tạng, Luật tạng và Luận tạng (???). Tuy vậy ngài học hỏi được từ tôn giả Sàriputta, nên có các vị Tỷ-kheo giỏi về Luật tạng hay một bộ phận của ba Tạng, ngài học thuộc lòng cả ba Tạng, trước khi ba Tạng được kiết tập. Sau khi thuộc lòng cả ba Tạng, ngài chứng quả A-la-hán, trở thành vị giảng dạy giáo lý.

Một hôm, ngài nói với chính mình như với một người khác trong bài kệ sau đây:

*65. Tài sản được chất chứa,
Trải nhiều tháng nhiều năm,
Do Vaccha tác thành,
Nay Vaccha quăng bỏ.*

*Ngài thuyết giảng như vậy,
Cho các hàng cư sĩ,
Khéo ngồi chỗ trịnh trọng,
Tâm hân hoan rộng lớn.*

16 Bandhura – Tiểu III, 110

Bandhura – Tiểu III, 110 (103)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Silavatì, con của một người nghị sĩ được đặt tên là *Bandhara*.

Một hôm, đi đến Sàvatthi có công việc, ngài đi với một số cư sĩ đến ngôi tinh xá, nghe Thế Tôn thuyết giảng, khởi lòng tin, **xuất gia và chứng quả A-la-hán**.

Để đền ơn vị vua của mình, đã giúp đỡ cho ngài thành công, ngài đi đến Silavatì để thuyết pháp, giảng cho vị vua về **Bốn sự thật**. Vị vua trở thành một Phật tử, xây dựng một ngôi tinh xá lớn đặt tên là Sudassana, cúng dường cho ngài. Ngài cúng dường tất cả cho giáo hội, đi khát thực như lúc trước và ngài muốn đi đến Sàvatthi. Các Tỷ-kheo nói với ngài: "*Hãy ở lại đây với chúng tôi, nếu Hiền giả thiếu thốn điều gì, chúng tôi sẽ tìm kiếm cho Hiền giả!*"

Ngài trả lời: "*Tôi không có cần điều gì khác, tôi sống với những gì tôi có được. Tôi tự bằng lòng với **vị của Chánh pháp***". Và ngài nói lên bài kệ:

*103. Ta không có cần thiết,
Việc này hay vật này,*

*Ta sống trong hạnh phúc,
Thọ hưởng được pháp vị.
Sau khi uống vị ngọt,
Tối thượng và đệ nhất,
Ta sẽ không thân thiết,
Với thuốc độc nọc độc.*

17 Belatthakàni – Tiểu III, 109

Belatthakàni – Tiểu III, 109 (101)

Tái sanh trong thời đức Phật hiện tại ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn, ngài được đặt tên là *Belatthakàni*.

Sau khi nghe đức Phật thuyết giảng, ngài xuất gia, tu tập **chỉ quán** trong một khu rừng ở Kosala.

Nhưng ngài rất **biếng nhác và hay nói lời thô ngữ**, do vậy tâm tư ngài không chơn chánh để tu tập, Thế Tôn biết được thiên quán chín muồi của ngài, khích lệ ngài với bài kệ như sau:

*101. Từ bỏ đời cư sĩ,
Trách nhiệm chưa làm xong,
Dùng miệng như cái cày,
Bụng ăn no, biếng nhác,
Như con heo to lớn,
Đồ ăn thật đầy đủ,
Kẻ nhác lại liên tục,
Đi đến chỗ thai tạng.*

Như thấy đức Bốn Sư trước mặt, ngài cảm thấy xúc động mãnh liệt khi nghe bài kệ này và **triển khai**

thiền quán, không bao lâu chứng quả A-la-hán, ngài dùng bài kệ này nói lên chánh trí của ngài.

18 Belatthasisa – Tiểu III, 26

Belatthasisa – *Tiểu III, 26* (16)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn. Trước khi đức Phật thành đạo, ngài đã xuất gia *theo giáo đoàn của Kassapa ở Uruvelà và thờ lửa*.

Khi Kassapa được đức Phật giáo hóa, ngài là một trong ngàn người đệ tử của Kassapa chứng được quả A-la-hán, khi nghe đức Phật giảng kinh *Adittápariyàsutta (Kinh Lửa Cháy)*.

Sau ngài trở thành vị giáo thọ của Tôn giả Ananda. Một hôm, nghĩ đến sự an lạc thuần tịnh của quả chứng, và sự tu hành ban sơ của mình, ngài nói lên bài kệ diễn tả sự hân hoan của ngài:

*16. Như vật hiền giống tốt,
Vời sừng, kéo cái cày,
Đi đứng không mệt nhọc,
Cũng vậy, ta ngày đêm,
Đi đứng không mệt nhọc,
Được lạc không thể vật.*

19 Bhadda Kundalakesa – Tiểu III, 593

Bhadda Kundalakesa – *Tiểu III*, 593 (46)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ra ở Rajagaha (Vương Xá), trong gia đình vị thủ khố của nhà vua, và được tên là *Bhadda*.

Lớn lên và luôn luôn có người hầu hạ, nàng thấy ngang qua khe cửa, *Satthuka*, con vị giáo sĩ của vua, một kẻ cướp bị dẫn đi hành hình, theo lệnh của vua. Nàng bỗng yêu Satthuka và nằm trên giường nàng nói: "***Nếu ta không được chàng, ta sẽ chết***". Người cha vì thương nàng, nên hỏi lộ cho những người lính và đưa Satthuka đến gặp nàng.

Satthuka khởi lòng tham đồ trang sức của nàng nên nói với nàng là khi bị dẫn đến "*hòn núi của kẻ trộm*", chàng có phát nguyện: Nếu chàng được tha, chàng sẽ làm lễ cúng tạ ơn và nhờ nàng sửa soạn lễ tạ. Muốn được chàng bằng lòng, nàng vâng theo ý muốn của Satthuka, tự trang điểm với các đồ trang sức, lên xe đi với chàng và cùng đi đến "*hòn núi của kẻ trộm*". Satthuka không cho người hầu hạ đi theo, lấy đồ trang sức cúng dường, và leo lên núi một mình với nàng, nhưng không nói lời thân ái với nàng.

Do thái độ của chàng, nàng tìm ra được mưu kế của chàng. Rồi Satthuka bảo nàng cởi áo ngoài ra, dùng áo gói đồ trang sức nàng đang mang theo,

Nàng hỏi chàng nàng có làm điều gì sai quấy chăng, và chàng trả lời: *"Nàng thật ngu si ta đến đây có phải để làm lễ cúng dường đâu! Ta chỉ đến đây để lấy đồ trang sức của nàng"*.

Nàng nói: *"Này chàng thân yêu, các đồ trang sức này của ai, và đồ trang sức nào thuộc của em"*.

Chàng nói: *"Ta không biết gì về sự phân chia này"*.

Nàng nói: *"Thôi được, chàng thân yêu, nhưng chàng cho em một sở nguyện, cho em mang đồ trang sức và được hôn chàng!"*.

Satthuka bằng lòng và nàng ôm hôn chàng đang trước, rồi ôm chàng hôn đằng sau, và **trong khi ấy xô chàng ngã xuống vực núi**. Một Thiên nhân ở trên núi, thấy nàng làm vậy liền khen rằng:

*Không phải là lúc nào,
Đàn ông cũng khôn hơn!
Nữ nhân khi lạnh lẽ,
Cũng tỏ khôn ngoan hơn,*

*Không phải là lúc nào,
Đàn ông cũng khôn hơn!
Nữ nhân cũng khôn ngoan,*

Chỉ nghĩ một phút giây!

Rồi Bhaddà suy nghĩ: "*Nay ta không thể về nhà được khi sự việc đã xảy ra như vậy. Vậy từ đây ta sẽ xuất gia*". Rồi nàng xuất gia theo phái Ni-kiền Tử. Họ hỏi nàng: "*Nàng ưng xuất gia đến mức độ nào?*" Nàng trả lời: "*Tôi muốn xuất gia vào hạng tối thượng!*"

Rồi họ nhổ tóc của nàng và khi tóc nàng dài và quấn lại, nàng được gọi là Bhaddà tóc quấn. Nhưng trong khi nàng tập sự học hỏi giáo lý của phái Ni-kiền Tử, nàng biết rằng giáo lý ấy không có gì đặc biệt. Nàng từ giã chúng Ni-kiền Tử, tìm học những bậc minh sư có danh tiếng và cuối cùng không ai có thể tranh luận với nàng. Nàng vun lên một đồng cát gần cửa đi vào làng, trông lên một nhánh cây diêm phù, bảo mấy đứa con nít xem ai nhổ lên nhánh cây ấy. Sau một tuần không có ai nhổ lên cành cây, nàng liền đem cành cây ấy đi một nơi khác.

Thế Tôn trong khi đi thuyết giảng, đến tinh xá Jetavana gần Sàvatthi, đúng lúc Bhaddà tóc quấn trông nhánh cây ấy tại cửa thành Sàvatthi. Tôn giả Sàriputta vào thành, thấy cành cây ấy, muốn nhiếp phục nàng, bảo các đứa con nít dẫm lên cành cây ấy, để mở đầu cuộc tranh luận, nàng nghĩ rằng cuộc tranh luận sẽ không có kết quả nếu không có quần chúng đỡ đầu. Vì vậy nàng quy tụ một số đông quần

chúng đến chứng kiến cuộc tranh luận giữa nàng và Tôn giả Sàriputta. Trước hết Tôn giả Sàriputta đề cho nàng hỏi và Tôn giả trả lời, cho đến khi nàng không còn gì để hỏi nữa và ngồi im lặng.

Rồi Tôn giả hỏi nàng: "Thế nào gọi là một?" Nàng Bhaddà tóc quăn thú nhận không thể trả lời được. Tôn giả nói, một chút như vậy mà nàng không trả lời được, thì nàng có thể biết thêm được gì?

Rồi Tôn giả giáo giới cho nàng và nàng xin quy y Tôn giả. Tôn giả Sàriputta khuyên nên quy y Thế Tôn, bậc Đạo Sư loài Người và Trời. Nàng vâng lời, chiều lại đi đến yết kiến Thế Tôn khi ngài đang thuyết pháp. Sau khi đánh lễ nàng đứng một bên, Thế Tôn thấy căn cơ nàng đã thuần thục liền nói:

***Dầu nói ngàn câu kệ,
Nhưng không chút lợi ích,
Tốt hơn nói một câu,
Nghe xong được tịnh lạc.***
(Pháp cú 101)

Khi đức Phật nói xong bài kệ này, nàng chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ.

Nàng xuất gia, thọ giới với quả A-la-hán và chính đức Phật trao đại giới cho nàng. Rồi nàng đi đến tỉnh

xá Tỷ-kheo-ni, sống an lạc hạnh phúc. Nàng sung sướng phấn khởi nói lên những bài kệ:

107. Trước ta sống một y,
Tóc cạo, thân mang bùn,
Không lỗi xem có lỗi,
Có lỗi xem là không.

108. Ban ngày rời tình xá,
Trên ngọn núi Linh Thứu,
Ta thấy Phật vô úế,
Dẫn đầu chúng Tỷ-kheo.

109. Quỳ gối ta đánh lễ,
Đối diện ta chấp tay,
Hãy đến này Bhaddà,
Ta được thọ đại giới.

110. Ta đi khắp Angà,
Mogadhà, Vajjì,
Quốc độ Kosala,
Mười lăm năm không nợ,
Ăn đồ ăn quốc độ.

111. Làm được nhiều công đức,
Tín nam này có tuệ,
Cho Bhaddà chiếc y,

Thoát khỏi mọi triền phược.

20 Bhadda – Tiểu III, 288

Bhadda – Tiểu III, 288 (226)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong gia đình một vị lớn trong hội đồng thành phố, làm con một gia đình cha mẹ trước đây không có con, dầu đã có cầu khẩn thần linh nhiều lần vẫn chưa có con. Họ đi đến bậc Đạo Sư và nói: *"Nếu chúng con có được đứa con, chúng con sẽ dâng lên cho ngài để làm thị giả!"*.

Khi được sinh Bhadda, chúng mặc áo đẹp nhất cho ngài, đưa ngài đến bậc Đạo Sư và nói: *"Bạch Thế Tôn, đây là đứa con chúng con sanh ra, sau khi yết kiến Thế Tôn, chúng con xin dâng hiến cho Thế Tôn"*.

Thế Tôn bảo Ananda cho Bhadda xuất gia và đi vào hương phòng. Ananda giảng dạy cho ngài và căn cơ ngài quá thuần thực đến nỗi trong khi đang học, vừa lúc mặt trời mọc, ngài phát triển thiền quán và chúng được sáu thắng trí.

Thế Tôn biết được những gì xảy ra và gọi: "Hãy đến này Bhadda!" Ngài đến, chấp tay đánh lễ bậc Đạo Sư. Đó là lễ xuất gia của ngài, đó là lễ xuất gia do đức Phật chủ trì.

Và bậc Trưởng lão nói lên chánh trí của ngài:

473. *Ta là con độc nhất,
Được cha thương, mẹ thương,
Do nhiều hạnh giới cấm,
Van vái mới được ta.*

474. *Vì lòng thương xót ta,
Muốn ta được hạnh phúc,
Cả cha và mẹ ta,
Dẫn ta đến đức Phật.*

475. *Được đưa con trai này,
Thật trải nhiều khó khăn,
Nuôi dưỡng rất tế nhị,
Được nuôi chiều sẵn sóc,
Chúng con kính dâng Ngài,
Kính thưa bậc cứu độ,
Để làm người thị giả,
Hầu hạ bậc chiến thắng.*

476. *Bậc Đạo Sư nhận ta,
Nói A-nan như sau:
Hãy cho nó xuất gia,
Nó sẽ thành thuần lương.*

477. *Sau khi bậc Đạo Sư,
Bảo xuất gia cho ta,*

*Xong rồi bậc chiến thắng,
Bước vào trong tình xá,
Khi mặt trời chưa mọc,
Tâm ta được giải thoát.*

*478. Rồi bậc Đạo Sư ta,
Để chấm dứt công việc,
Từ yên lặng thiền tịnh,
Ngài đứng dậy gọi ta:
Này Bhadda hãy đến,
Ta thọ Đại giới vậy.*

*479. **Từ sanh, đến bảy năm,**
Ta được thọ Đại giới,
Ba mình ta đạt được,
Ôi pháp, thiện pháp tánh!*

21 Bhaddaji – Tiểu III, 153

Bhaddaji – Tiểu III, 153 (142)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Bhaddiya (tại Avantì phía Đông Magadha), con một nghị sĩ giàu có đến tám trăm triệu, ngài được đặt tên là *Bhaddiya* và được nuôi lớn trong sự nuông chiều sang trọng, giống như vị Bồ-tát trong đời sống cuối cùng của ngài.

Tập số kể câu chuyện của ngài chứng quả A-la-hán khi nghe đức Phật thuyết pháp lần đầu tiên, chính đức Phật đích thân đến tìm ngài. Ngài đi theo bậc Đạo Sư với hàng tùy tùng, sau một tuần đến tại Kotigàma, và đi lánh đến bờ sông Hằng, ngài nhập thiền định. Ngài chỉ xuất định, khi đức Phật đến gần và không vâng lời các vị Trưởng lão đi trước.

Để xác minh quả chứng vô thượng của ngài, đức Phật mời ngài lên chiếc phà của Ngài và yêu cầu ngài hiện thần thông. *Bhaddiya làm nổi lên cung điện bị chìm, khi ngài trú tại đây, trong thời ngài là vua Panàda.* Câu chuyện này được kể trong *chuyện Jātaka Mahāpanāda*. Ngài diễn tả lâu đài bằng vàng, trong ấy ngài đã sống trong một thời gian.

Rồi ngài nói về ngài khi *tự ngã được đoạn diệt*, như là thuộc một người khác:

*163. Pa-nà-đa là tên,
Của vị hoàng đế ấy,
Với trụ lễ bằng vàng,
Ngang có mười sáu nhà,
Tính về lượng bề cao,
Cao hơn một ngàn lần.*

*164. Có đến ngàn tam cấp,
Với trăm nóc hình tròn,
Trang hoàng với cờ xí,
Với ngọc báu chói sáng,
Ở đấy, Càn-thát-bà,
Các tiên nữ hát múa,
Con số lên sáu ngàn,
Với tổng số bảy đoàn.*

22 Bhaddiya Kàligodhàyaputta – Tiểu III, 407

Bhaddiya Kàligodhàyaputta – *Tiểu III, 407* (254)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, ở Kapilavatthu, trong một **dòng họ Sàkya**, ngài được đặt tên là *Bhaddiya*.

Khi đã trưởng thành, ngài từ bỏ gia đình, **cùng với Anuruddha và bốn vị hoàng tộc** khác, khi bậc Đạo Sư đang ở trong vườn xoài, tại Anupiy. Khi xuất gia, ngài chứng được quả A-la-hán. Ngài được đức Phật xác chứng là **đệ nhất trong những Tỷ-kheo thuộc về hoàng tộc**.

Mỗi khi ngài hưởng lạc giải thoát, lạc Niết-bàn trong lúc ở trong rừng, dưới một gốc cây, trong cảnh rừng tịch tịnh, ngài thường thốt ra lời: "**Ôi hạnh phúc làm sao! Ôi, hạnh phúc làm sao!**"

Được đức Phật hỏi vì sao ngài thốt ra lời ấy, ngài trả lời khi ngài trị vì quốc độ của ngài, dầu ngài được bảo vệ chặt chẽ, ngài vẫn cảm thấy sợ hãi, hoảng hốt. Nhưng nay ngài đã từ bỏ tất cả, ngài không còn trong trạng thái sợ hãi nữa. Rồi trước mặt Thế Tôn, ngài rống lên tiếng rống con sư tử:

842. Khi ta ngồi cổ voi,
Mang đồ mặc tế nhị,
Ăn gạo thật ngon thơm,
Với món thịt khéo nấu.

843. Nay hiền thiện, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

844. Áo lượm rác, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

845. Thường khát thực, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

846. Mặc ba y, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

847. Đi từng nhà, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,

*Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

848. **Ăn một bữa**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

849. **Ăn trong bát**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

850. **Không ăn thêm**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

851. **Sống trong rừng**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

852. **Ngồi gốc cây**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

853. **Sống ngoài trời**, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

854. **Trú nghĩa địa**, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

855. **Tùy xứ trú**, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

856. **Sống thường ngôi**, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

857. **Ham muốn ít**, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

858. **Sống biết đủ**, kiên trì,

*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

859. **Hạnh viên ly**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

860. **Không giao du**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

861. **Sống tinh cần**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

862. Từ bỏ bát quý giá,
Bằng vàng, bằng nhựa quý,
Ta lấy bát bằng đất,
Đây **quán đảnh thứ hai**.

863. Vòng thành cao bảo vệ,
Vọng lâu, cửa kiên cố,
Với lính tay cầm gươm,

Ta đã sống sợ hãi.

864. Nay hiền thiện, không sợ,
Bỏ run sợ kinh hãi,
Thiền tư, vào rừng sâu,
Là con của Gô-dha.

865. An trú trên **giới uẩn**,
Chánh niệm, tu tuệ quán,
Thứ lớp ta đạt được,
Mọi kiết sử đoạn diệt.

23 Bhaddà Thuộc Dòng Họ Kapllà – Tiểu III, 577

Bhaddà Thuộc Dòng Họ Kapllà – *Tiểu III, 577* (37)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh vào một gia đình Bà-la-môn dòng họ Kosiya ở Sàgala. Được sống trong giàu sang, nàng được gả làm **vợ một nhà quý tộc tên là Pippali ở làng Mahàtittha.**

Khi người **chồng xuất gia**, nàng giao lại tài sản cho các người bà con để nàng được xuất gia.

Nàng sống năm năm tại Tittthiyàrama, sau đó nàng được Mahàpajàpati cho thọ đại giới, nhờ **triển khai thiền quán**, nàng chứng được quả A-la-hán.

Sau nàng trở thành một **vị có biệt tài về các đời quá khứ nhờ hạnh nguyện trong đời quá khứ.** Nàng được đức Phật xem là người biệt tài **đệ nhất về đời sống quá khứ**, khi bậc Đạo Sư ở Jetavana (Kỳ Viên) ngồi phân loại các Tỷ-kheo-ni.

Một ngày kia nàng nói lên những bài kệ, nói đến những kinh nghiệm quá khứ và tán thán hạnh của Trưởng lão Kassapa:

63. Con được thừa tự Phật,

Ca-diếp khéo thiên định.
Biết được đời quá khứ,
Thấy cõi trời đọa xứ.

64. Ấn sĩ đoạn diệt sanh,
Thắng trí được thành tựu,
Cùng với Ba minh này,
Là Phạm chí Ba minh.

65. Cũng vậy nàng Bhaddà,
Người xứ Kapila,
Nàng là bậc Ba minh,
Đã đoạn được sự chết,
Mang thân này cuối cùng,
Sau khi thắng ma quân.

66. Thấy nguy hại ở đời,
Hai chúng tôi xuất gia.
Chúng tôi được chế ngự,
Đoạn tận các lậu hoặc,
Cảm xúc thành mát lạnh,
Được tịch tịnh giải thoát.

24 Bhadhà – Tiểu III, 546

Bhadhà – Tiểu III, 546 (9)

9. *Hồi Bhàdha hiền thiện,
Với lòng tin xuất gia,
Hãy sống vui hoan hỷ,
Trong các pháp hiền thiện,
Hãy tu tập rèn luyện,
Trong các pháp chí thiện,
Cố gắng đạt cho được,
An ổn khỏi ách nạn.*

25 Bhadràvudha - Kinh Câu hỏi của thanh niên 12 Bhadràvudha - Tiểu I, 805

Câu hỏi của thanh niên 12 Bhadràvudha – *Tiểu I, 805*

Bhadràvudha:

1101. *Bha-đra-vu-đa nói:*

Con có lời yêu cầu,

Bậc Thiện Tuệ nói lên,

Bậc bỏ nhà, đoạn ái,

Bất động, bỏ hỷ ái,

Giải thoát, vượt bậc lưu,

Thời gian, không chi phối,

Nghe xong, bậc Long tượng,

Từ đây, họ ra đi.

1102. *Quần chúng sai biệt ấy,*

Từ quốc độ tụ họp,

Họ ao ước khát vọng,

Được nghe lời của Ngài,

Ôi anh hùng chiến thắng,

Ngài hãy khéo trả lời,

Pháp Ngài dạy thế này,

Như vậy họ hiểu biết.

Thế Tôn:

1103. Thế Tôn nói như sau:

Này Bha-đra-vu-đa!

Hãy nhiếp phục tất cả,

Mọi tham ái, chấp thủ,

Trên, dưới, cả bề ngang,

Và kể luôn chặng giữa,

Những ai có chấp thủ,

Sự gì ở trong đời,

Chính do sự việc ấy,

Ác ma theo người ấy.

1104. **Do vậy, bậc hiểu biết,**

Không có chấp thủ gì,

Tỷ-kheo **giữ chánh niệm,**

Trong tất cả thế giới,

Phàm có sở hữu gì,

Vị ấy không mong ước.

Nhìn xem quần chúng này,

Là chúng sanh chấp thủ,

Trong lãnh vực của Ma,

Bị tham dính chấp trước.

26 Bhagu – Tiểu III, 212

Bhagu – Tiểu III, 212 (187)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, trong một gia đình dòng họ Sakya (Thích Ca), ngài xuất gia với *Anuruddha* và *Kimbila*, và sống gần làng Bàlakalona.

Một ngày kia, khi ngài từ tỉnh xá ra ngoài để đối trị bệnh buồn ngủ, ngài té khi ngài bước lên đường kinh hành. Xem đấy để tự khích lệ, ngài **tự chế ngự và phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán. Từ đấy, sống thọ hưởng an lạc giải thoát Niết-bàn. Thế Tôn đến, tán thán cô độc của ngài và hỏi: "*Này Tỷ-kheo, sao cho đến nay, Thầy vẫn còn tỉnh tấn?*"

Ngài trả lời, với những bài kệ như sau:

271. Bị buồn **ngủ** chi phối,
Ta ra khỏi tỉnh xá,
Lại lên đường kinh hành,
Tại đấy té xuống đất.

272. Xoa bóp cả chân tay,
Lại lên đường kinh hành,
Qua lại đường kinh hành,

*Nội tâm ta **định** tĩnh.*

Rồi ta tự tác ý,

Như lý khởi tư duy,

Các hiểm nguy hiển lộ,

Nhàm chán ta an trú.

273. Và tâm ta giải thoát,

Thấy pháp nhĩ là vậy,

Ba mình chứng đạt được,

Lời Phật dạy làm xong.

27 Bhalliya – Tiểu III, 16

Bhalliya – Tiểu III, 16 (7)

Với người anh là *Tapussa*, trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành *Pokkharavatì*, con một người đánh xe cho đoàn lũ hành.

Khi đoàn lũ hành đi ngang một khu rừng có bóng mát một đoạn đường bùn lầy ngăn đoàn lũ hành lại. Một vị thần cây, là người bà con hiện ra và nói: "*Thế Tôn vừa mới thành đạo và đang ngồi thiền bảy ngày dưới gốc cây. Hãy cúng dường đồ ăn. Như vậy, các người được hạnh phúc và lợi ích*". Cả lũ đoàn hoan hỷ, không chờ nấu cơm, đem bánh gạo và mật đến cúng dường Thế Tôn.

Khi Thế Tôn chuyển pháp luân ở Benares, Thế Tôn đi đến Vương Xá. Ở đây, *Tapussa* và *Bhalliya* hầu hạ Ngài và nghe pháp, *Tapussa* trở thành một cư sĩ, còn *Bhalliya* thời xuất gia và thành tựu được *sáu thắng trí*.

Một ngày kia, Ác ma hiện ra dưới hình thức cực kỳ kinh hoàng, nhưng *Bhalliya* đã vượt qua mọi sợ hãi, nên nói lên bài kệ như sau, khiến Ác ma phải thất vọng:

7. *Ai đuổi đi thân chết,
Với đao binh của nó,
Những dòng nước lớn mạnh,
Trói cây lau yếu ớt,
Thắng trận, không sợ hãi,
Nhiếp phục, trú tịch tịnh.*

28 **Bharata – Tiểu III, 160**

Bharata – Tiểu III, 160 (148)

Khi em trai *Nandaka* nói lên chánh trí của mình, *Bharata* khởi lên ý kiến hai anh em cùng đi đến yết kiến đức Phật, trình lên đức Phật biết quá trình đời sống Phạm hạnh của mình.

Rồi ngài nói với *Nandaka* những bài kệ như sau:

*175. Hãy đến Nandaka,
Chúng ta hãy cùng đi,
Đi đến bậc Giáo thọ,
Chúng ta hãy rống lên,
Tiếng rống con sư tử,
Trước mặt Phật tối thượng.*

*176. Ân sĩ thương chúng ta,
Khích lệ ta xuất gia,
Mục đích chúng ta đạt,
Mọi kiết sử đoạn tận.*

29 Bhàradvāja – Tiểu III, 161

Bhàradvāja – Tiểu III, 161 (149)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá). Trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên theo dòng họ là Bhàradvāja.

Lập gia đình, ngài có một người con trai tên là *Kanhadinna*. Đến tuổi đi học, ngài gửi người con đi Takkasìla, giữa đường người con làm quen với một vị Trưởng lão, đệ tử bậc Đạo Sư, nghe vị ấy thuyết pháp, xuất gia và sau một thời gian, chứng quả A-la-hán.

Bhàradvāja, được nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp ở tịnh xá Trúc Lâm, xuất gia và cũng chứng quả A-la-hán. Kanhadinna đến yết kiến bậc Đạo Sư ở Ràjagaha (Vương Xá), và **sung sướng thấy phụ thân mình ngồi cạnh đức Bổn Sư**. Được biết phụ thân đã chứng quả A-la-hán, muốn phụ thân rống tiếng rống con sư tử, nên hỏi đã chứng được mục đích Phạm hạnh chưa, ngài trả lời với những câu kệ như sau:

Rống tiếng rống:

*177. Như những con sư tử,
Trong hang động núi non,*

Rống tiếng rống sư tử,
Cũng vậy với trí tuệ,
Bạc anh hùng thắng trận,
Thắng ma và ma quân.

178. *Ta hầu bậc Đạo Sư,*
Đánh lễ Pháp và Tăng,
Ta hân hoan vui vẻ,
Thấy con chúng vô lậu.

30 Bhùta – Tiểu III, 307

Bhùta – Tiểu III, 307 (232)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại ngoại thành Sàketa, con một hội viên giàu có trong Hội đồng thành phố, ngài là con út và người con độc nhất được sống sót, các người con khác bị một con Dạ-xoa thù nghịch ăn thịt. Ngài được canh gác cẩn mật, và con Dạ-xoa bện lên hầu Vessavana nên không về nữa. Khi đến tuổi đặt tên, ngài được đặt tên là *Bhùta*, vì do nguyện cầu được sanh ngài: "Mong rằng các hàng phi nhân có lòng từ hộ trì cho đứa trẻ".

Nhờ công đức của mình, ngài lớn lên không bị tai nạn gì, được nuôi dưỡng trong ba lâu đài như Yasa.

Khi bậc Đạo Sư đến Sàketa, ngài cùng với các cư sĩ khác đến tịnh xá nghe thuyết pháp. Sau khi xuất gia, ngài sống trong một hang động, trên bờ sông Ajakarani. Tại đây, ngài chứng quả A-la-hán.

Sau đó ngài về thăm các bà con vì lòng từ mẫn và ở trong rừng Anjana. Khi các bà con yêu cầu ngài ở lại, vì lợi ích chung cho các bà con và cho ngài, ngài nói ngài ưa thích đời sống xuất gia và nói lên những bài kệ như sau, trước khi từ biệt các bà con:

518. Khi bậc trí thấy được,
Già chết là đau khổ,
Tại đây, kẻ phàm phu,
Không thấy, chấp thủ khổ.
Sau khi liễu tri khổ,
Chánh niệm, tu thiền định,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

519. Khi đoạn tận được ái,
Ái đem khổ, độc hại,
Tạo hý luận trói buộc,
Đẩy mạnh đến đau khổ,
Sau khi đoạn tận ái,
Chánh niệm, tu thiền định,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

520. Khi với **tuệ**, thấy được,
Con đường lành vô thượng,
Gồm hai lần bốn phần,
Tĩnh trừ mọi phiền não,
Sau khi thấy với tuệ;
Chánh niệm tu thiền định,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

521. Khi tu tập **con đường**,
Không sâu, không cầu uế,
Vô vi, an tịnh đạo,
Tĩnh trừ mọi phiền não,
Chặt trói buộc kiết sử,
Chánh niệm, tu thiền định,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

522. Khi trên trời vang rền,
Tiếng trống, mây giông tố,
Khắp con đường chim bay,
Dòng mưa dày đặc đổ,
Tỷ-kheo đi đến hang,
Tu tập, ngồi thiền định,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

523. Khi trên những bờ sông,
Những vòng hoa rừng núi,
Nở lên và chói sáng,
Với nhiều màu nhiều sắc,
Với tâm tư thoải mái,
Ngồi thiền trên bờ sông,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

524. Khi nửa đêm, rừng vắng,
Trời đổ trận mưa rào,
Loài có ngà, có nanh,
Đang sống đang gặm thét,
Tỷ-kheo đến triền núi,
Ngôi yên lặng tọa thiền,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

525. Khi **tầm tứ chế ngự,**
Giữa núi, trong hang động,
Thoải mái tự ngồi thiền,
Không sợ, không chướng ngại,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

526. Khi ngồi được **hỷ lạc,**
Không ướm chướng, không sầu,
Không tù túng, thoát ái,
Không bị mũi tên đâm,
Mọi lậu hoặc chấm dứt,
Vị ấy ngồi tọa thiền,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

31 Bi quả trách, tâm hoảng hốt, phát triển thiền quán... - Kinh Dàsaka – Tiểu III, 27

Dàsaka – Tiểu III, 27 (17)

Do nghiệp của mình, ngài sanh vào thời đức Phật hiện tại, con của một người nô lệ của Anàthapindika, và được giao việc gác cửa vào tịnh xá Jetavana.

Được nghe đức tánh và nguyện vọng của ngài, ông Anàthapindika giải thoát cho ngài khỏi vòng nô lệ và ngài nói ngài sẽ sung sướng nếu được xuất gia. Do vậy, ngài được xuất gia ngay.

Nhưng khi được xuất gia, ngài trở thành **biếng nhác, thụ động, tiêu cực, không chịu cố gắng để thoát khỏi sanh tử, và ngủ quá nhiều sau các bữa ăn**. Khi đến thời thuyết pháp, ngài lựa một chỗ ngoài vòng Tăng chúng, tìm một góc và ngồi **ngáy**. Thế Tôn nghĩ đến việc làm trước của ngài, nên nói lên bài kệ này để khích lệ ngài:

*17. Ai hôn trầm, ăn nhiều,
Nằm ngủ, lẫn qua lại,
Như heo lớn, ăn no,
Kẻ ngu tiếp thai sanh.*

Khi nghe vậy, **Dasaka trở thành dao động hốt hoảng và phát triển thiên quán** và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài suy nghĩ: "Bài kệ của Thế Tôn đã khích lệ ta nhiều" và ngài nói lại bài kệ này. Như vậy, dầu cho bài kệ chống đối ăn nhiều, bài kệ trở thành lời tuyên bố về chánh trí của ngài.

32 Bimbisàra - Kinh Vimala Kondanna – Tiểu III, 75

Vimala Kondanna – *Tiểu III*, 75 (64)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh là con của Ambapàli và thân phụ ngài là vua Bimbisàra. Ambapàli đặt tên con là Vimala và sau ngài được biết với tên là Vimala-Kondanna.

Ngài chịu ảnh hưởng bởi uy nghi đức độ của bậc Đạo Sư, xuất gia và chứng quả A-la-hán.

Ngài tuyên bố chánh trí của ngài trong bài kệ này:

*64. Dưới cờ trắng ta sanh,
Từ nàng tên một cây,
Với cờ đánh đổ cờ,
Lá cờ lớn hủy diệt.*

33 **Bình khí trí tuệ - Kinh Kelakàni – Tiểu III, 379**

Kelakàni – Tiểu III, 379 (250)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trước đức Phật ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn và đặt tên là *Kelakàni*.

Quá kinh nghiệm về những vấn đề quá khứ, ngài chán nản **dục vọng** và xuất gia làm người du sĩ ngoại đạo. Tìm sự giải thoát tinh thần, ngài giao du nhiều chỗ, nghĩ rằng ai ở đời này đã đến được bờ bên kia. Ngài hỏi rất nhiều Sa-môn và Bà-la-môn nhưng không được trả lời thỏa đáng.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn đã ra đời, đang chuyển Pháp Luân, đem lại hạnh phúc cho chúng sanh. Một hôm, Kelakàni nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, được xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Một hôm, ngồi với các Tỷ-kheo, nhớ đến sự khó nhọc tìm đạo và chứng đạo của mình, ngài tuyên bố với chúng Tỷ-kheo như sau:

*747. Lâu ngày, đầy nhiệt tình,
Ta suy tư Chánh pháp,
Hỏi Sa-môn, Phạm chí,*

Nhưng **tâm** không an tịnh.

748. Ở đời, ai đã đến,
Đến được bờ bên kia,
Ai đã chứng đạt được,
Lặn sâu vào **bất tử**,
Pháp ai ta chấp nhận,
Pháp thông đệ nhất nghĩa.

749. Mắc lưới câu bên trong,
Như cá ăn mồi tục,
Ta bị bắt, bị trói,
Chẳng khác A-tu-la,
Tên Vô-pa-xi-li,
Bị lưới Đế Thích trói.

750. Ta kéo lê xiềng xích,
Không sao thoát sầu bi,
Ai cởi trói cho ta,
Giúp ta chứng Chánh giác.

751. Sa-môn, Phạm chí nào,
Nói cách hủy hoại chúng,
Pháp ai ta chấp nhận,
Giúp từ bỏ **già chết**,

752. Bị **nghi** hoặc trói buộc,

Bị **hăng say** chi phối,
Khiến tánh tình **phẫn nộ**,
Khiến tâm tư **cứng rắn**,
Bị xâu xé **cắt đứt**,
Bởi lòng **tham** mạnh mẽ.

753. Bị cung **ái** bắn trúng,
Ba mươi kiến trói buộc,
Xem sức mạnh ngực ta,
Bị áp đè, vẫn vững.

754. Các tùy kiến không đoạn,
Các tư niệm dao động,
Bị chúng **đâm**, ta **run**,
Như lá bị **gió thổi**.

755. Khởi lên từ nội tâm,
Đốt cháy nhanh ngã sở,
Thân với **sáu xúc xứ**,
Ngã hữu từ **đấy** sanh.

756. Ta không thấy **lượng y**,
Rút mũi tên cho ta,
Dùng cách khác dò tìm,
Không dùng **dao** **thăm** dò.

757. Có vị **lượng y** nào,

Không dao, không vết thương,
Không hại đến tay chân,
Rút mũi tên cho ta,
Mũi tên đã đâm vào,
Trong nội tâm của ta.

578. **Bậc Pháp chủ** tối tôn,
Loại trừ thuốc độc hại,
Khi ta rơi vực sâu,
Đưa tay giúp đỡ ta,
Tới đất liền an toàn.

759. Ta lặn sâu trong hồ,
Ầy bụi bùn không thoát,
Ầy man trá, tạt đổ,
Căng thẳng và hôn ám.

760. **Sấm trạo cử** nổ vang,
Mây kiết sử bao phủ,
Thác nước tà tư duy,
Liên hệ đến tham dục,
Chúng lôi cuốn trôi ta,
Vào đại dương tà kiến.

761. **Khắp nơi, dòng suối chảy,**
Cây leo đứng, đâm chồi,
Ai chặn đứng dòng ấy?

Ai chặt đứt cây leo?

762. Tôn giả **hãy làm đê**,
Ngăn chặn những dòng suối,
Chớ có để dòng nước,
Do ý sanh cuốn ngài,
Như dòng nước cuốn gập,
Trôi cây chảy theo dòng.

763. Cũng vậy ta sợ hãi,
Bờ này tìm bờ kia,
Khi ấy **bậc Đạo Sư**,
Có Thánh chúng hầu hạ,
Với **binh khí trí tuệ**,
Chờ y chỉ cho người.

764. Đưa ta, đang chìm đắm,
Chiếc cầu thang, khéo làm,
Phật thanh tịnh, vững chắc,
Làm bằng **lỗi Chánh pháp**,
Rồi ngài nói với ta,
Chớ có sợ hãi gì!

765. Leo lên lầu **Niệm xứ**,
Từ đây ta quán sát,
Loài Người ưa **thân kiến**,
Trước đây, ta tự hào.

766. Khi ta thấy con đường,
Con thuyền cần leo lên,
Ta không trú tự ngã,
Vì thấy **bến tối thượng**.

767. Mũi tên khởi tự ngã,
Sanh do nhân sanh hữu
Ngài dạy **đường tối thượng**,
Chấm dứt các pháp ấy.

768. **Cột gút đã lâu ngày,**
Ẩn nằm, trú trong da,
Đức Phật cười, quăng đi,
Loại bỏ mọi độc hại.

34 Biếng nhác bị Phật quở trách - Kinh Vaddhamàna – Tiểu III, 49

Vaddhamàna – Tiểu III, 49 (40)

Ngài sanh ở Vesàli, trong gia đình một vị vua Licchavì, ngài trở thành một thiếu niên có tín tâm và phục vụ Tăng chúng.

Về sau, khi đã xuất gia, ngài trở thành **biếng nhác** và được Như Lai khích lệ với bài kệ:

*40. Như bị **kiếm** chém xuống,
Như bị **lửa** cháy đầu,
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Chánh niệm, **đoạn tham hữu**.*

35 Biếng nhác, bị Phật quở trách - Kinh Dàsaka – Tiểu III, 27

Dàsaka – Tiểu III, 27 (17)

Do nghiệp của mình, ngài sanh vào thời đức Phật hiện tại, con của một người nô lệ của Anàthapindika, và được giao việc gác cửa vào tịnh xá Jetavana.

Được nghe đức tánh và nguyện vọng của ngài, ông Anàthapindika giải thoát cho ngài khỏi vòng nô lệ và ngài nói ngài sẽ sung sướng nếu được xuất gia. Do vậy, ngài được xuất gia ngay.

Nhưng khi được xuất gia, ngài trở thành **biếng nhác, thụ động, tiêu cực, không chịu cố gắng để thoát khỏi sanh tử, và ngủ quá nhiều sau các bữa ăn**. Khi đến thời thuyết pháp, ngài lựa một chỗ ngoài vòng Tăng chúng, tìm một góc và ngồi **ngáy**. Thế Tôn nghĩ đến việc làm trước của ngài, nên nói lên bài kệ này để khích lệ ngài:

*17. Ai hôn trầm, ăn nhiều,
Nằm ngủ, lẫn qua lại,
Như heo lớn, ăn no,
Kẻ ngu tiếp thai sanh.*

Khi nghe vậy, **Dasaka trở thành dao động hốt hoảng và phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài suy nghĩ: "Bài kệ của Thế Tôn đã khích lệ ta nhiều" và ngài nói lại bài kệ này. Như vậy, dầu cho bài kệ chống đối ăn nhiều, bài kệ trở thành lời tuyên bố về chánh trí của ngài.

36 **Biết Thân bị huỷ hoại, còn Thức bị lụn tàn - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 390**

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 390 (Tik. III, 8) (It. 69)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, **thân này bị huỷ hoại, thức bị lụn tàn, tất cả sanh y là vô thường, khổ, chịu sự biến hoại.**

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, ý nghĩa này được nói đến.

Biết **thân** bị huỷ hoại,
Còn **thức** bị lụn tàn,
Thấy sợ trong sanh y,
Hiểu được sanh và chết.
Sau khi chứng đạt được,
Sự an tịnh tối thượng,
Tự ngã được tu tập,
Chỉ còn đợi thời gian.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

37 **Biết gìn giữ chánh niệm, Không mong đợi vật gì - Kinh Câu hỏi của thanh niên 6 Upasiva - Tiểu I, 791**

Câu hỏi của thanh niên 6 – Upasiva – *Tiểu I, 791*

Upasiva:

1069. Tôn giả U-pa-si-va:

Kính thưa bậc Thích tử,

Một mình, không y chỉ,

Con không thể vượt khỏi,

Dòng nước lớn mạnh này,

Kính thưa bậc Biển nhân,

Hãy nói cho sở duyên,

Y chỉ sở duyên này,

Có thể vượt qua khỏi,

Dòng nước chảy mạnh này.

Thế Tôn:

1070. Đây lời dạy Thế Tôn:

Này U-pa-si-va,

Biết gìn giữ chánh niệm,

Không mong đợi vật gì,

Ông sẽ vượt bậc lưu,

Nương tựa: "không có gì",

Ngày đêm người nhận thấy,

**Đoạn dục, ly nghi ngờ,
Ái diệt là Niết-bàn.**

Upasiva:

1071. U-pa-si-va nói:

Ai là người ly tham,

Đối với tất cả dục,

Y chỉ không có gì,

Từ bỏ mọi gì khác,

Được giải thoát hoàn toàn,

Tưởng giải thoát tối thượng,

Tại đây vị ấy trú,

Không tiếp tục đi tới.

Thế Tôn:

1072. Thế Tôn nói như sau:

Này U-pa-si-va,

Ai hoàn toàn ly tham,

Đối với tất cả dục,

Y chỉ không có gì,

Từ bỏ mọi gì khác,

Được giải thoát hoàn toàn,

Tưởng giải thoát tối thượng,

Tại đây, vị ấy trú,

Không tiếp tục đi tới.

Upasiva:

1073. Nếu vị ấy tại đây,
An trú không đi tiếp,
Trong một số nhiều năm,
Ôi bậc có biến nhãn!
Nếu vị ấy tại đây,
Được mát lạnh giải thoát,
Với vị được như vậy,
Còn có thức hay không?

Thế Tôn:

1074. Đây lời Thế Tôn nói:
Hỡi U-pa-si-va,
*Cũng giống như ngọn **lửa**,
Bị sức gió mạnh thổi,
Đi đến chỗ tận cùng,
Không có thể ước lượng,
**Cũng vậy, vị ẩn sĩ,
Được giải thoát danh thân,
Đi đến chỗ tận cùng,
Không có thể ước lượng.***

Upasiva:

1075. **Vị đi đến tận cùng,
Có phải không hiện hữu?
Hay vị ấy thường hằng,
Đạt được sự không bệnh?
Lành thay, bậc ẩn sĩ,**

*Hãy trả lời cho con,
Có vậy, con hiểu được,
Pháp như thật Ngài giảng.*

Thế Tôn:

1076. Thế Tôn nói như sau:

*Hỡi U-pa-si-va,
Người đi đến tận cùng,
Không thể còn ước lượng,
Với gì, nói đến nó,
Không còn có cái ấy,
Khi tất cả các pháp,
Đã được nhổ hẳn lên,
Mọi con đường nói phô,
Được nhổ lên sạch hết.*

38 **Biết mà nói láo - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 317**

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 317 (Ek III, 5) (It. 18)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe.

*Phàm một người nào đã vi phạm một pháp, Ta nói rằng không có ác nghiệp nào vì ấy không làm được. Thế nào là một pháp? Nay các Tỷ-kheo, tức là rõ **biết mà nói láo**.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Người nào đã nói láo,
Là vi phạm một pháp,
Không kể đến đời sau,
Không ác gì không làm.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

39 Biết rõ sai biệt ấy, Người trí không phóng dật - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 36

Phẩm Không Phóng Dật – *Tiểu I*, 36

21. "**Không phóng dật**, đường sống,
Phóng dật là đường chết.
Không phóng dật, không chết,
Phóng dật như chết rồi."

22. "Biết rõ sai biệt ấy,
Người trí không phóng dật,
Hoan hỷ, không phóng dật,
An vui **hạnh bậc Thánh**."

23. "**Người hăng tu thiền định**,
Thường kiên trì tinh tấn,
Bậc trí hưởng Niết Bàn,
Ách an tịnh vô thượng."

24. "Nỗ lực, giữ chánh niệm,
Tịnh hạnh, hành thận trọng
Tự điều, sống theo pháp,
Ai sống không phóng dật,
Tiếng lành ngày tăng trưởng."

25. "Nỗ lực, không phóng dật,
Tự điều, khéo chế ngự.
Bậc trí xây hòn đảo,
Nước lụt khó ngập tràn."

26. "Họ ngu si thiếu trí,
Chuyên sống đời phóng dật.
Người trí, không phóng dật,
Như giữ tài sản quý."

27. "Chớ sống đời phóng dật,
Chớ mê say dục lạc.
Không phóng dật, thiên định,
Đạt được an lạc lớn."

28. "Người trí đẹp phóng dật,
Vội hạnh không phóng dật,
Leo lên cao trí tuệ,
Không sầu, nhìn khổ sầu,
Bậc trí đứng núi cao,
Nhìn kẻ ngu, đất bằng."

29. "**Tinh cần** giữa phóng dật,
Tỉnh thức giữa quần mê.
Người trí như ngựa phi,
Bỏ sau con ngựa hèn."

30. "Đế Thích không phóng dật,
Đạt ngôi vị Thiên chủ.
Không phóng dật, được khen;
Phóng dật, thường bị trách."

31. "Vui thích không phóng dật,
Tỷ kheo sợ phóng dật,
Bước tới như lửa hừng,
Thieu kiết sử lớn nhỏ."

32. "Vui thích không phóng dật,
Tỷ kheo sợ phóng dật,
Không thể bị thôi đoạ,
Nhất định gần Niết Bàn."

40 **Biết rõ ý nghĩa này, Bậc trí lo trì giới - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 85**

Phẩm Đạo – *Tiểu I*, 85

273. **Tám ngành**, đường thù thắng,
Bốn câu, lý thù thắng,
Ly tham, pháp thù thắng,
Giữa các loài hai chân,
Pháp nhãn, người thù thắng.

274. Đường này, không đường khác,
Đưa đến kiến thanh tịnh,
Nếu người theo đường này,
Ma quân sẽ mê loạn.

275. Nếu người theo đường này,
Đau khổ được đoạn tận,
Ta dạy Người con đường,
Vớ trí, gai chướng diệt.

276. **Người hãy nhiệt tình làm,**
Như Lai chỉ thuyết dạy,
Người hành trì thiền định,
Thoát trói buộc Ác ma.

277. Tất cả hành **vô thường**,
Với Tuệ, quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán,
Chính con đường thanh tịnh.

278. Tất cả hành **khổ đau**,
Với Tuệ quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán,
Chính con đường thanh tịnh.

279. Tất cả pháp **vô ngã**,
Với Tuệ quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán,
Chính con đường thanh tịnh.

280. Khi cần, không nỗ lực,
Tuy trẻ mạnh, nhưng **lười**,
Chí nhu nhược, biếng nhác,
Với trí tuệ thụ động,
Sao tìm được chánh đạo?

281. Lời nói được thận trọng,
Tâm tư khéo hộ phòng,
Thân chớ làm điều ác,
Hãy giữ ba nghiệp tịnh,
Chứng đạo thánh nhân dạy.

282. Tu thiên, trí tuệ sanh,
Bỏ Thiên, trí tuệ diệt,
Biết con đường hai ngã,
Đưa đến hữu, phi hữu,
Hãy tự mình nỗ lực,
Khiến trí tuệ tăng trưởng.

283. Đón rùng không đón cây,
Từ rùng, sinh sợ hãi,
Đón rùng và ái dục,
Tỷ kheo, hãy tịch tịnh.

284. Khi nào chưa cắt tiết,
Ái dục giữa gái trai,
Tâm ý vẫn buộc ràng,
Như bò con vú mẹ.

285. Tự cắt giây ái dục,
Như tay bẻ sen thu,
Hãy tu đạo tịch tịnh,
Niết-Bàn, Thiện Thệ dạy.

286. Mùa mưa ta ở đây,
Đông, Hạ cũng ở đây,
Người ngu tâm tưởng vậy,
Không tự giác hiểm nguy.

287. Người tâm ý đắm say,
Con cái và súc vật,
Tử thần bắt người ấy,
Như lạt trôi làng ngủ.

288. Một khi tử thần đến,
Không có con che chở,
Không cha, không bà con,
Không thân thích che chở.

289. Biết rõ ý nghĩa này,
Bậc trí lo trì giới,
Mau lẹ làm thanh tịnh,
Con đường đến Niết-Bàn.

41 **Biết thân như bột nước, Ngộ thân là như huyễn - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 40**

Phẩm Hoa – *Tiểu I*, 40

44. "Ai chinh phục đất này
Dạ ma, Thiên giới này,
Ai khéo giảng Pháp cú,
Như người khéo hái hoa."

45. "Hữu học chinh phục đất,
Dạ ma, Thiên giới này.
Hữu học giảng Pháp cú,
Như người khéo hái hoa."

46. "*Biết thân như bột nước,*
Ngộ thân là như huyễn,
Bỏ tên hoa của ma,
Vượt tầm mắt thần chết."

47. "Người nhặt các loại hoa,
Ý đắm say, tham nhiễm,
Bị thần chết mang đi,
Như lạt trôi làng ngủ."

48. Người nhặt các loại hoa,

Ý đắm say tham nhiễm,
Các dục chưa thỏa mãn,
Đã bị chết chinh phục."

49. "Nhu ong đến với hoa,
Không hại sắc và hương,
Che chở hoa, lấy nhụy.
Bậc Thánh đi vào làng".

50. "Không nên nhìn lỗi người,
Người làm hay không làm.
Nên nhìn tự chính mình.
Có làm hay không làm."

51. "Nhu bông hoa tươi đẹp,
Có sắc nhưng không hương.
Cũng vậy, **lời khéo nói,**
Không làm, không kết quả."

52. "Nhu bông hoa tươi đẹp,
Có sắc lại thêm hương;
Cũng vậy, **lời khéo nói,**
Có làm, có kết quả."

53. "Nhu từ một đồng hoa,
Nhiều tràng hoa được làm.
Cũng vậy, thân sanh tử,

Phải làm nhiều việc lành."

54. "Hương các loại hoa thơm
Không ngược bay chiều gió
Nhưng **hương người đức hạnh**
Ngược gió khắp tung bay
Chỉ có bậc chân nhân
Tỏa khắp mọi phương trời."

55. "Hoa chiêm đàn, già la,
Hoa sen, hoa vũ quý,
Giữa những hương hoa ấy,
Giới hương là vô thượng."

56. "Ít giá trị hương này,
Hương già la, chiêm đàn;
Chỉ hương người đức hạnh,
Tối thượng tỏa Thiên giới."

57. "Những ai có giới hạnh,
An trú không phóng dật,
Chánh trí, chơn giải thoát,
Ác ma không thấy đường."

58. "Như giữa đồng rác nhóp,
Quăng bỏ trên đường lớn,
Chỗ ấy hoa sen nở,

Thơm sạch, đẹp ý người."

59. "Cũng vậy, giữa quần sanh,
Uế nhiễm, mù, phạm tục,
Đệ tử bậc Chánh Giác,
Sáng ngời với **Tuệ Trí**."

42 **Biết thân như đồ gốm, Trú tâm như thành trì - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 38**

Phẩm Tâm – *Tiểu I*, 38

33. "Tâm hoảng hốt giao động,
Khó hộ trì, khó nhiếp,
**Người trí làm tâm thẳng,
Như thợ tên, làm tên."**

34. "Như cá quăng trên bờ,
Vắt ra ngoài thủy giới;
Tâm này vững vầy mạnh,
Hãy đoạn thế lực Ma."

35. "**Khó nắm giữ, khinh động,
Theo các dục quay cuồng.
Lành thay, điều phục tâm;
Tâm điều, an lạc đến."**

36. "**Tâm khó thấy, tế nhị,
Theo các dục quay cuồng.
Người trí phòng hộ tâm,
Tâm hộ, an lạc đến."**

37. "Chạy xa, sống một mình,

Không thân, ẩn hang sâu
Ai điều phục được tâm,
Thoát khỏi Ma trời buộc".

38. "Ai tâm không an trú,
Không biết chân diệu pháp,
Tịnh tín bị rúng động,
Trí tuệ không viên thành."

39. "Tâm không đầy tràn dục,
Tâm không hận công phá,
Đoạn tuyệt mọi thiện ác,
Kẻ tỉnh không sợ hãi."

40. "Biết thân như đồ gốm,
Trú tâm như thành trì,
Chống ma với gươm trí;
Giữ chiến thắng không tham"

41. "Không bao lâu thân này,
Sẽ nằm dài trên đất,
Bị vát bỏ, vô thức,
Như khúc cây vô dụng."

42. "**Kẻ thù hại kẻ thù,**
Oan gia hại oan gia,
Không bằng tâm hướng tà,

Gây ác cho tự thân."

43. "Điều mẹ cha bà con,
Không có thể làm được
Tâm hướng chánh làm được
Làm được tốt đẹp hơn."

43 **Biết then, tự chế - Thật khó tìm ở đời, Người biết then, tự chế - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 57**

Phẩm Hình Phạt – *Tiểu I, 57*

129. Mọi người **sợ hình phạt**,
Mọi người **sợ tử vong**.

Lấy mình làm ví dụ

Không giết, không bảo giết.

130. Mọi người sợ hình phạt,
Mọi người **thích sống còn**;
Lấy mình làm ví dụ,
Không giết, không bảo giết.

131. **Chúng sanh cầu an lạc,**
Ai dùng trượng hại người,
Để tìm lạc cho mình,
Đời sau không được lạc.

132. Chúng sanh cầu an lạc,
Không dùng trượng hại người,
Để tìm lạc cho mình,
Đời sau được hưởng lạc.

133. Chớ nói lời ác độc,
Nói ác, bị nói lại,
Khổ thay lời phản nộ,
Đao trượng phản chạm mình.

134. Nếu tự mình yên lặng,
Như chiếc chuông bị bể.
Người đã chứng Niết Bàn
Người không còn phản nộ.

135. Với gậy người chăn bò,
Lùa bò ra bãi cỏ,
Cũng vậy, **già** và **chết**,
Lùa người đến mạng chung.

136. Người ngu làm điều ác,
Không ý thức việc làm,
Do tự nghiệp, người ngu,
Bị nung nấu, như lửa.

137. Dùng trượng phạt không trượng,
Làm ác người không ác.
Trong mười loại khổ đau,
Chịu gấp một loại khổ.

138. Hoặc khổ thọ khốc liệt,
Thân thể bị thương vong,

Hoặc thọ bệnh kịch liệt,
Hay loạn ý tán tâm.

139. Hoặc tai họa từ vua,
Hay bị vu trọng tội,
Bà con phải ly tán,
Tài sản bị nát tan.

140. Hoặc phòng ốc nhà cửa,
Bị hỏa tai thiêu đốt.
Khi thân hoại mạng chung,
Ác tuệ sanh địa ngục.

141. Không phải sống lỏa thể
Bện tóc, tro trét mình,
Tuyệt thực, lăn trên đất,
Sống nhóp, siêng ngồi xỏm,
Làm con người được sạch,
Nếu không trừ nghi hoặc.

142. Ai sống tự trang sức,
Nhưng an tịnh, nhiếp phục,
Sống kiên trì, phạm hạnh,
Không hại mọi sinh linh,
Vị ấy là phạm chí,
Hay Sa môn, khát sĩ.

143. Thật khó tìm ở đời,
Người **biết thẹn, tự chế**,
Biết tránh né chỉ trích
Như ngựa hiền tránh roi.

144. *Như ngựa hiền chạm roi,*
Hãy nhiệt tâm, hăng hái,
Với tín, giới, tinh tấn,
Thiền định cùng trạch pháp.
Minh hạnh đủ, chánh niệm,
Đoạn khổ này vô lượng.

145. Người trị thủy dẫn nước,
Kẻ làm tên nắn tên,
Người thợ mộc uốn ván,
Bậc tự điều, điều thân.

44 **Biết vậy, giữ chánh niệm, Hiện tại đạt mát lạnh - Kinh Câu hỏi của thanh niên 10 Kappa - Tiểu I, 801**

Câu hỏi của thanh niên 10 Kappa – *Tiểu I*, 801

Kappa:

1092. *Tôn giả Káp-pa nói:
Nhưng ai đứng giữa nước,
Trong dòng nước mạnh chảy,
Giữa sợ hãi lớn lao,
Thưa Ngài hãy nói lên,
Hòn đảo cho những kẻ,
Bị già chết chinh phục,
Ngài nói con hòn đảo,
Để không có khổ khác,
Giống như đau khổ này.*

Thế Tôn:

1093. *Thế Tôn nói Kap-pa,
Nhưng ai đứng giữa nước,
Trong dòng nước mạnh chảy,
Giữa sợ hãi lớn lao,
Ta nói Ông hòn đảo,
Cho những ai đang bị,
Già và chết chinh phục.*

1094. *Hòn đảo vô song này,*
Không sở hữu, chấp trước,
Ta nói Ông Niết-bàn,
Già chết được đoạn diệt.

1095. *Biết vậy, giữ chánh niệm,*
Hiện tại đạt mát lạnh,
Không rơi vào ma lực,
Không tùy tùng theo ma.

45 **Biết vậy, giữ chánh niệm, Không có chấp thủ gì - Kinh Câu hỏi của thanh niên 12 Bhadràvudha - Tiểu I, 805**

Câu hỏi của thanh niên 12 Bhadràvudha – *Tiểu I, 805*

Bhadràvudha:

1101. *Bha-đra-vu-đa nói:*

*Con có lời yêu cầu,
Bậc Thiện Tuệ nói lên,
Bậc bỏ nhà, đoạn ái,
Bất động, bỏ hỷ ái,
Giải thoát, vượt bậc lưu,
Thời gian, không chi phối,
Nghe xong, bậc Long tượng,
Từ đây, họ ra đi.*

1102. *Quần chúng sai biệt ấy,*

*Từ quốc độ tụ họp,
Họ ao ước khát vọng,
Được nghe lời của Ngài,
Ôi anh hùng chiến thắng,
Ngài hãy khéo trả lời,
Pháp Ngài dạy thế này,
Như vậy họ hiểu biết.*

Thế Tôn:

1103. Thế Tôn nói như sau:

Này Bha-đra-vu-đa!

Hãy nhiếp phục tất cả,

Mọi tham ái, chấp thủ,

Trên, dưới, cả bề ngang,

Và kể luôn chặng giữa,

Những ai có chấp thủ,

Sự gì ở trong đời,

Chính do sự việc ấy,

Ác ma theo người ấy.

1104. **Do vậy, bậc hiểu biết,**

Không có chấp thủ gì,

Tỷ-kheo **giữ chánh niệm,**

Trong tất cả thế giới,

Phàm có sở hữu gì,

Vị ấy không mong ước.

Nhìn xem quần chúng này,

Là chúng sanh chấp thủ,

Trong lãnh vực của Ma,

Bị tham dính chấp trước.

46 **Biết vậy, giữ chánh niệm, Vượt chấp trước ở đời - Câu hỏi của thanh niên 8 Hemaka - Tiểu I, 798**

Câu hỏi của thanh niên 8 Hemaka – *Tiểu I, 798*

Hemaka:

1084. *Tôn giả He-ma-ka:
Nhưng ai trong thời trước,
Đã trả lời cho con,
Về lời dạy Cù-đàm,
Trước đã như thế nào,
Sau sẽ là như vậy,
Tất cả đều truyền thống,
Tất cả tăng suy tư.*

1085. *Đây, con không hoan hỷ,
Ngài nói Pháp cho con,
Ồi mong bậc ẩn sĩ,
Nói Pháp đoạn khát ái,
Biết xong, sống chánh niệm,
Vượt ái trước ở đời.*

Thế Tôn:

1086. *He-ma-ka ở đây,
Đối các Pháp khả ái,*

Được **nghe** và được **thấy**,
Được **cảm** tưởng, nhận **thức**,
Tẩy sạch ước muốn tham,
Là Niết-bàn, bất tử.

1087. *Biết vậy, giữ chánh niệm,
Hiện tại, đạt mát lạnh,
Vị ấy thường an tịnh,
Vượt chấp trước ở đời.*

47 **Biết đủ - Biết đủ, tiền tôi thượng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 71**

Phẩm An Lạc – *Tiểu I, 71*

197. Vui thay, chúng ta sống,
Không hận, giữa hận thù,
Giữa những người thù hận,
Ta sống, không hận thù.

198. Vui thay, chúng ta sống,
Không bệnh, giữa ốm đau.
Giữa những người bệnh hoạn,
Ta sống, không ốm đau.

199. Vui thay, chúng ta sống,
Không rộn giữa rộn rang.
Giữa những người rộn ràng,
Ta sống, không rộn ràng.

200. Vui thay chúng ta sống,
Không gì gọi của ta.
Ta sẽ hưởng hỷ lạc,
Như chư Thiên Quang Âm.

201. Chiến thắng sinh thù oán,
Thất bại chịu khổ đau,
Sống tịch tịnh an lạc.
Bỏ sau mọi thắng bại.

202. **Lửa** nào sánh lửa tham?

Ác nào bằng sân hận?

Khổ nào sánh khổ uẩn?

Lạc nào bằng tinh lạc?

203. Đói ăn, bệnh tối thượng,
Các hành, khổ tối thượng,
Hiểu như thực là vậy,
Niết Bàn, lạc tối thượng.

204. Không bệnh, lợi tối thượng,
Biết đủ, tiền tối thượng,
Thành tín đối với nhau,
Là bà con tối thượng,
Niết Bàn, lạc tối thượng.

205. Đã nếm vị độc cư,
Được hưởng vị nhàn tịnh,
Không sợ hải, không ác,
Nếm được vị pháp hỷ.

206. Lành thay, thấy Thánh nhân,

Sống chung thường hưởng lạc,
Không thấy những người ngu,
Thường thường được an lạc.

207. Sống chung với người ngu,
Lâu dài bị lo buồn.

Khô thay gần người ngu,
Như thường sống kẻ thù.

Vui thay, gần người trí,
Như chung sống bà con.

208. Bạc hiền sĩ, trí tuệ,
Bạc nghe nhiều, trì giới,
Bạc tự chế, Thánh nhân,
Hãy gần gũi, thân cận,
Thiện nhân, trí giả ấy,
Như trăng theo đường sao.

48 **Biết đủ - Vui thay, bạn lúc cần, Vui thay, sống biết đủ - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 94**

Phẩm Voi – *Tiểu I*, 94

320. Ta như voi giữa trận,
Hứng chịu cung tên rơi,
Chịu đựng mọi phỉ báng,
Ác giới rất nhiều người.

321. Voi luyện, đưa dự hội,
Ngựa luyện, được vua cưới,
Người luyện, bậc tối thượng,
Chịu đựng mọi phỉ báng.

322. Tốt thay, con la thuần,
Thuần chủng loài ngựa Sind.
Đại tượng, voi có ngà,
Tự điều mới tối thượng.

323. Chẳng phải loài cưỡi ấy,
Đưa người đến Niết-Bàn,
Chỉ có người tự điều,
Đến đích, nhờ điều phục.

324. Con voi tên Tài Hộ,
Phát dục, khó điều phục,
Trói buộc, không ăn uống,
Voi nhớ đến rừng voi.

325. *Người ưa ngủ, ăn lớn,
Nằm lãn lóc qua lại,
Chẳng khác heo no bụng,
Kẻ ngu nhập thai mãi.*

326. Trước tâm này buông lung,
Chạy theo **ái, dục, lạc**,
Nay Ta chánh chế ngự,
Như cầm móc điều voi.

327. Hãy vui không phóng dật,
Khéo **phòng hộ tâm ý**,
Kéo mình khỏi ác đạo,
Như voi bị sa lầy.

328. Nếu được **bạn** hiền trí,
Đáng sống chung, hạnh lành,
Nhiếp phục mọi hiểm nguy,
Hoan hỷ sống chánh niệm.

329. **Không** gặp bạn hiền trí,
Đáng sống chung, hạnh lành,

Như vua bỏ nước bại,
Hãy sống riêng cô độc,
Như voi sống rừng voi.

330. Tốt Hơn sống một mình,
Không kết bạn người ngu,
Độc thân, không ác hạnh,
Sống vô tư vô lự,
Như voi sống rừng voi.

331. Vui thay, **bạn** lúc cần!
Vui thay, **sống** biết đủ!
Vui thay, **chết** có đức!
Vui thay, mọi **khổ** đoạn!

332. Vui thay, **hiếu** kính mẹ!
Vui thay, hiếu kính cha!
Vui thay, **kính** Sa môn!
Vui thay, kính Hiền Thánh!

333. Vui thay, **già** có giới!
Vui thay, **tín** an trú!
Vui thay, được trí **tuệ**!
Vui thay, ác **không** làm!

49 **Biết đủ, tâm nhập định - Kinh Sıla Vaniya – Tiểu III, 16**

Sıla Vaniya – Tiểu III, 16 (6)

Đây là bài kệ của Trưởng lão Sambhùta, ngài được sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con trai một Bà-la-môn có danh tiếng, tên là Sambhùta.

Với ba người bạn *Bhùmija*, *Jeyyasena* và *Abhiràdana*. Ngài nghe Thế Tôn thuyết pháp và ngài xuất gia. Khi đang tu tập **thiền quán thân bất tịnh**, ngài ở luôn luôn tại Sitavana (rừng mát) và được gọi là **Sitavaniya (vị ở rừng mát)**.

Khi thấy các Tỷ-kheo đang đi đến yết kiến đức Phật, ngài nói: "*Thưa các Hiền giả, các Hiền giả hãy đánh lễ bậc Đạo Sư thay mặt tôi và thưa với bậc Đạo Sư như sau:*

**6. Có Tỷ-kheo đi đến,
Rừng Sitavana,
Sống một mình, độc cư,
Biết đủ, tâm nhập định,
Thẳng trắn, không kinh hoàng,
Kiên trì hộ thân niệm.**

50 **Biết ơn - Từ ai, biết Chánh pháp, Hãy kính lễ vị ấy - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106**

Phẩm BàLaMôn – *Tiểu I*, 106

383. Hỡi này Bà là môn,
Hãy tinh tấn đoạn dòng,
Từ bỏ các dục lạc,
Biết được hành đoạn diệt,
Người là **bậc vô vi**.

384. Nhờ thường trú hai pháp,
Đến được bờ bên kia,
Bà-la-môn có trí,
Mọi kiết sử đứt sạch.

385. Không bờ này, bờ kia,
Cả hai bờ không có,
Lìa khổ, không trói buộc,
Ta gọi Bà-la-môn.

386. Tu thiền, trú ly trần,
Phận sự xong, vô lậu,
Đạt được đích tối thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

387. *Mặt trời sáng ban ngày,
Mặt trăng sáng ban đêm,
Khí giới sáng Sát ly,
Thiền định sáng Phạm chí,
Còn hào quang đức Phật,
Chói sáng cả ngày đêm.*

388. Dứt ác gọi Phạm chí,
Tinh hạnh gọi Sa môn,
Tự mình xuất cầu uế,
Nên gọi **bạc xuất gia.**

389. Chớ có đập Phạm chí,
Phạm chí chớ đập lại,
Xấu thay đập Phạm chí,
Đập trả lại xấu hơn.

390. Đối vị Bà-la-môn,
Đây không lợi ích nhỏ,
Khi ý không ái luyến,
Tâm hại được chận đứng,
Chỉ khi ấy khổ diệt.

391. Với người thân miệng ý,
Không làm các ác hạnh,
Ba nghiệp được phòng hộ,

Ta gọi Bà-la-môn.

392. Từ ai, biết Chánh pháp,
Bậc Chánh Giác thuyết giảng,
Hãy kính lễ vị ấy,
Như Phạm chí chờ lửa.

393. Được gọi Bà-la-môn,
Không vì đầu bện tóc,
Không chủng tộc, thọ sanh,
Ai thật chân, chánh, tịnh,
Mới gọi Bà-la-môn.

394. Kẻ ngu, có ích gì,
Bện tóc với da dê,
Nội tâm toàn phiền não,
Ngoài mặt đánh bóng sông.

395. Người mặc áo đông rác,
Gầy ốm, lộ mạch gân,
Độc thân thiền trong rừng,
Ta gọi Bà-la-môn.

396. Ta không gọi Phạm Chí,
Vì chỗ sanh, mẹ sanh,
Chỉ được gọi tên sông,
Nếu tâm còn phiền não,

Không phiền não, chấp trước,
Ta gọi Bà-la-môn.

397. Đoạn hết các kiết sử,
Không còn gì lo sợ,
Không đắm trước buộc ràng,
Ta gọi Bà-la-môn.

398. Bỏ đai da, bỏ cương,
Bỏ dây, đồ sở thuộc,
Bỏ then chốt, sáng suốt,
Ta gọi Bà-la-môn.

399. Không ác ý, nhẫn chịu,
Phỉ báng, đánh, phạt hình,
Lấy **nhẫn** làm quân lực,
Ta gọi Bà-la-môn.

400. Không hận, hết bốn phận,
Trì giới, không tham ái,
Nhiếp phục, thân cuối cùng,
Ta gọi Bà-la-môn.

401. Như nước trên lá sen,
Như hột cải đầu kim,
Người không nhiễm ái dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

402. Ai tự trên đời này,
Giác khổ, diệt trừ khổ,
Bỏ gánh nặng, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

403. Người trí tuệ sâu xa,
Khéo biết đạo, phi đạo,
Chúng đạt đích vô thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

404. Không liên hệ cả hai,
Xuất gia và thế tục,
Sống độc thân, ít dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

405. Bỏ trượng, đổi chúng sanh,
Yếu kém hay kiên cường,
Không giết, không bảo giết,
Ta gọi Bà-la-môn.

406. Thân thiện giữa thù địch,
Ôn hòa giữa hung hăng,
Không nhiễm, giữa nhiễm trước,
Ta gọi Bà-la-môn.

407. Người bỏ rơi tham sân,

Không mạn, không ganh tị,
Như hột cải đầu kim,
Ta gọi Bà-la-môn.

408. Nói lên lời ôn hòa,
Lợi ích và chân thật,
Không mất lòng một ai,
Ta gọi Bà-la-môn.

409. Ở đời, vật dài, ngắn,
Nhỏ, lớn, đẹp hay xấu,
Phàm không cho không lấy,
Ta gọi Bà-la-môn.

410. Người không có hy cầu,
Đời này và đời sau,
Không hy cầu, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

411. Người không còn tham ái,
Có trí, không nghi hoặc,
Thể nhập vào bất tử,
Ta gọi Bà-la-môn.

412. Người sống ở đời này,
Không nhiễm cả thiện ác,
Không sâu, sạch, không bụi,

Ta gọi Bà-la-môn.

413. Như trắng, sạch không uế,
Sáng trong và tĩnh lặng,
Hữu ái, được đoạn tận,
Ta gọi Bà là môn.

414. Vượt đường nguy hiểm này,
Nhiếp phục luân hồi, si,
Đến bờ kia thiên định,
Không dục ái, không nghi,
Không chấp trước, tịch tịnh,
Ta gọi Bà-la-môn.

415. Ai ở đời, đoạn **dục**,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Dục hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

416. Ai ở đời đoạn **ái**,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Ái hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

417. Bỏ trói buộc loài người,
Vượt trói buộc cõi trời,
Giải thoát mọi buộc ràng,

Ta gọi Bà-la-môn.

418. Bỏ điều ưa, điều ghét,
Mát lạnh, diệt sanh y,
Bậc anh hùng chiến thắng,
Nhiếp phục mọi thế giới,
Ta gọi Bà-la-môn.

419. Ai hiểu rõ hoàn toàn
Sanh tử các chúng sanh,
Không nhiễm, khéo vượt qua,
Sáng suốt chân giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

420. Với ai, loài trời, người,
Cùng với Càn thất bà,
Không biết chỗ tho sanh,
Lậu tận bậc La hán,
Ta gọi Bà-la-môn.

421. Ai quá, hiện, vị lai,
Không một sở hữu gì,
Không sở hữu không nắm,
Ta gọi Bà-la-môn.

422. Bậc trâu chúa, thù thắng,
Bậc anh hùng, đại sĩ,

Bạc chiến thắng, không nhiễm,
Bạc tẩy sạch, giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

423. Ai biết được đời trước,
Thấy thiên giới, đọa xứ,
Đạt được sanh diệt tận,
Thắng trí, tự viên thành,
Bạc mâu ni đạo sĩ,
Viên mãn mọi thành tựu,
Ta gọi Bà-la-môn.

51 Biển - Tám vi diệu trong biển lớn - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 208

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 208 (Ud 51)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Dubbarà, trong lâu mẹ của Migàra. Lúc bảy giờ Thế Tôn, vào ngày trai giới đang ngồi có chúng Tỷ-kheo đoanh vây.

Rồi Tôn giả Ananda, sau khi đêm đã gần mãn, canh một sắp qua, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn, và Bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh một đã sắp qua, chúng Tỷ-kheo ngồi đã lâu. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết giới bốn Pàtimokkha cho chúng Tỷ-kheo.

Khi được nói vậy, Thế Tôn giữ im lặng. Lần thứ hai, Tôn giả Ananda, khi đêm đã gần mãn, canh giữa đã sắp qua. Chúng Tỷ-kheo ngồi đã lâu. "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết giới bốn Pàtimokkha cho chúng Tỷ-kheo".

Lần thứ hai, Thế Tôn giữ im lặng. Lần thứ ba, Tôn giả Ananda, khi đêm đã gần mãn, canh cuối đã sắp

qua, rạng đông đã ló dạng đêm đã nở nụ cười, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chấp tay hướng đến rồi bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh cuối đã sắp qua, rạng đông đã ló dạng, đêm đã nở nụ cười, chúng Tỷ-kheo ngồi đã lâu. "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết giới Pàtimokkha cho chúng Tỷ-kheo".

- **Này Ananda, hội chúng không thanh tịnh.**

Rồi Tôn giả Mahà Moggallàna suy nghĩ: "Vì người nào mà Thế Tôn nói: 'Này Ananda, hội chúng này không thanh tịnh?'"

Rồi Tôn giả Mahà Moggallàna với tâm của mình tác ý đến tâm toàn thể chúng Tỷ-kheo. Tôn giả Mahà Moggallàna thấy một người ác giới, theo ác pháp, không thanh tịnh, sở hành đáng nghi ngờ, hành động được che đậy, không phải Sa-môn tự xưng là Sa-môn, không theo Phạm hạnh tự xưng là Phạm hạnh, nội tâm hủ hóa, đầy ứ dục vọng, một đồng rác ô uế đang ngồi giữa chúng Tỷ-kheo, thấy vậy từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến người ấy, sau khi đến nói với người ấy:

- Hiền giả hãy đứng dậy, Thế Tôn đã thấy Hiền giả. Hiền giả không được cộng trú với chúng Tỷ-kheo.

Người ấy giữ im lặng. Lần thứ hai, Tôn giả Moggallàna nói với người ấy:

- Hiền giả hãy đứng dậy. Thế Tôn đã thấy Hiền giả. Hiền giả không được cộng trú với chúng Tỷ-kheo.

Lần thứ hai, người ấy im lặng. Lần thứ ba, Tôn giả Mahà Moggallàna. Lần thứ ba, Hiền giả ấy im lặng.

Rồi Tôn giả Mahà Moggallàna nắm tay người ấy, dắt tay khỏi ngoài cửa, gài then cửa lại, rồi đi đến Thế Tôn, sau khi đến, bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Hiền giả ấy đã bị con đuổi ra rồi. Hội chúng nay thanh tịnh. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết giảng giới bốn Pàtimokkha cho chúng Tỷ-kheo.

- Thật vi diệu thay, Moggallàna! Thật hy hữu thay, Moggallàna! Cho đến khi bị cầm tay, người ngu si mới đi ra.

Rồi Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, bắt đầu từ nay Ta sẽ không làm Upasatha nữa, Ta sẽ không tụng đọc giới bốn Pàtimokkha nữa. Bắt đầu từ nay, các Thầy hãy làm Upasatha, các Thầy hãy tụng đọc giới bốn. Sự kiện không có được, nay các Tỷ-kheo, cơ hội không có được là Như Lai có thể làm Upasatha với hội chúng không thanh tịnh, có thể đọc giới bốn.

Nay các Tỷ-kheo, **biển lớn có tám pháp vi diệu** hy hữu này, do thấy chúng như vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

Thế nào là tám?

- Nay các Tỷ-kheo, biển lớn **tuần tự xuôi, tuần tự thuận hướng**, tuần tự sâu dần, không có thành lỉnh như một vực thẳm. Vì rằng, nay các Tỷ-kheo, biển lớn tuần tự thuận xuôi, tuần tự thuận hướng, tuần tự sâu dần, không có thành lỉnh như một vực thẳm. Nay các Tỷ-kheo, đây là sự vi diệu chưa từng có **thứ nhất**. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, biển lớn **đứng một chỗ, không có vượt qua bờ**. Vì rằng, nay các Tỷ-kheo, biển lớn đứng một chỗ, không có vượt qua bờ. Nay các Tỷ-kheo, đây là sự vi diệu chưa từng có **thứ hai**. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, biển lớn **không có chứa chấp xác chết**. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng trên bờ hay vớt lên đất liền. Vì rằng, nay các Tỷ-kheo, biển lớn không có chứa chấp xác chết. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng lên bờ hay vớt lên đất liền. Nay các Tỷ-kheo, đây là sự vi diệu chưa từng có **thứ ba**. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, phạm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunà, sông

Aciravati, sông Mahi, các con sông ấy khi chảy đến biển liền **bỏ tên họ cũ**, trở thành biển lớn. Vì rằng phàm có con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunà, sông Aciravati, sông Mahi, các con sông ấy khi chảy đến biển liền bỏ tên họ cũ, trở thành biển lớn. Nay các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ tự. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

- Lại nữa, nay các Tỷ-kheo phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng **không** vì vậy biển lớn được thấy **có giảm tăng**. Nay các Tỷ-kheo vì rằng, phàm có dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng không vì vậy mà biển lớn được thấy có giảm tăng. Nay các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ năm. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, biển lớn chỉ có một vị là **vi mặn**. Nay các Tỷ-kheo, đây là vi diệu, chưa từng có thứ sáu. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, biển lớn có **nhiều châu báu**, nhiều loại châu báu, ở đáy có những châu báu này như trân châu, ma ni châu, lưu ly, xa-cù, ngọc bích, san-hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não. Vì

rằng, này các Tỷ-kheo, biển lớn có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đây có những loại châu báu này như trân châu, ma-ni châu, lưu-ly, xa-cừ, ngọc bích, san hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ bảy. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, biển lớn là **trú xứ các loài sinh vật lớn**. Tại đây có những sinh vật này như các con timi, timingalà, timiramingalà. Những loại A-tu-la, các loại Nàgà, các loại Gandhabhà. Trong biển lớn có các loại hữu tình dài một trăm do-tuần, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do-tuần. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, biển lớn là trú xứ các sanh vật lớn. Tại đây có những sinh vật này như các con timi, timingalà, timiramingalà. Những loại A-tu-la, các loại Nàgà, các loại Gandhabhà. Trong biển lớn có các loại hữu tình dài một trăm do-tuần, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do-tuần. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ tám. Do thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **có tám pháp, vi diệu chưa từng có trong Pháp và Luật này, do thấy chúng, thấy chúng, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.**

Thế nào là tám?

- Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn **tuần tự thuận xuôi**, tuần tự thuận hướng, tuần tự sâu dần, không có thành lình như một vực thẳm. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, **trong Pháp và Luật này, các học pháp là tuần tự, các quả dị thực là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể nhập chánh trí, thành lình**. Này Paharada, vì rằng trong Pháp và Luật này, các học pháp là tuần tự, các quả dị thực là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể nhập chánh trí thành lình. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có **thứ nhứt**. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.
- Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn **đứng một chỗ không có vượt qua bờ**. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **khi các học pháp được Ta sửa soạn cho các đệ tử, các đệ tử của Ta, dầu cho vì nhân sinh mạng, cũng không vượt qua**. Này các Tỷ-kheo, vì rằng các học pháp được Ta sửa soạn cho các đệ tử, các đệ tử của Ta, dầu cho vì nhân sinh mạng, cũng không vượt qua. Này các Tỷ kheo trong Pháp và Luật này, đây là Pháp vi diệu chưa từng có **thứ hai**. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú, trong Pháp và Luật này.
- Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn **không có chứa chấp xác chết**. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập

*tức bị quăng trên bờ hay vát lên đất liền. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **người nào là ác giới**, theo ác pháp, sở hành bất tịnh đáng nghi ngờ, có những hành vi che đậy, không phải là Sa-môn nhưng tự nhận là Sa-môn, không sống Phạm hạnh nhưng tự nhận là có Phạm hạnh, nội tâm hôi hám, ứ đầy tham dục, tánh tình bất định. Chúng Tăng **không sống chung với người ấy, lập tức hội họp lại và **đuổi người ấy ra khỏi****. Dầu cho người ấy có ngồi giữa chúng Tỷ-kheo tăng, nhưng người ấy sống xa chúng Tăng và chúng Tăng sống xa người ấy. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, người ấy là ác giới, theo ác pháp... tánh tình bất định... và chúng Tăng sống xa vị ấy. Này các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có **thứ ba**. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.*

- *Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunà, sông Aciracati, sông Sarabhù, sông Mahi, các con sông ấy khi chảy đến biển, **liền bỏ tên họ trước**, trở thành biển lớn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có **bốn giai cấp này**: Sát-đế-lị, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà, **sau khi từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia trong Pháp và Luật được Như Lai tuyên bố sau này, chúng **từ bỏ tên và họ** của chúng từ trước, và chúng trở thành những Sa-môn Thích***

tử. Nay các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tư. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và luật này.

- Ví như, nay các Tỷ kheo, phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng không vì vậy mà biển lớn có giảm tăng. Cũng vậy nay các Tỷ Kheo, nếu có những vị Tỷ kheo nhập vào Niết-Bàn giới, không có dư y, Niết-bàn giới cũng **không** vì vậy được thấy **có giảm tăng**. Nay các Tỷ Kheo, nếu có nhiều vị Tỷ kheo nhập vào Niết Bàn giới không có dư y, Niết bàn giới cũng không vì vậy, được thấy có giảm tăng. Nay các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là vi diệu chưa từng có thứ năm. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và luật này.
- Ví như, nay các Tỷ-kheo, biển lớn chỉ có một vị là vị mẫn. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, pháp này cũng chỉ có một vị là **vị giải thoát**. Nay các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là vi diệu chưa từng có thứ sáu. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.
- Ví như, nay các Tỷ-kheo, biển lớn có nhiều châu báu, ở đáy có những châu báu này, như trân châu, ma-ni châu, lưu-ly, xà-cừ, ngọc bích, san-hô, bạc,

vàng, ngọc đỏ, mã-nã. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, Pháp và Luật này có **nhiều châu báu**, nhiều loại châu báu, ở đây có những loại châu báu này, như **Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Thánh đạo tám ngành**. Này các Tỷ-kheo, vì rằng Pháp và Luật này có nhiều châu báu này như Bốn niệm xứ... Thánh đạo tám ngành. Này các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là vi diệu chưa từng có thứ bảy. Do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

- *Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn là trú xứ các loại sinh vật lớn, tại đây có những sinh vật như các con timi, timigalà, timiramingalà, những loại Asurà, các loài Nàgà, các loài Gandhabbà. Trong biển lớn có các loài hữu tình dài một trăm, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do-tuần. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Pháp và Luật này là trú xứ của các loại **sinh vật lớn**. Ở đây có những sinh vật này. **Bậc Dự lưu, bậc đang hướng đến chứng ngộ Dự lưu quả; bậc Nhất lai, bậc đang hướng đến chứng Nhất lai quả; bậc Bất lai, bậc đang hướng đến chứng Bất lai quả; bậc A-la-hán, bậc đang hướng đến chứng ngộ quả A-la-hán**. Này các Tỷ-kheo, vì rằng Pháp và Luật này là trú xứ của các sinh vật lớn. Ở đây có những sinh vật này... quả A-la-hán. Này các Tỷ-kheo, trong Pháp và*

Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tám. Do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Này các Tỷ-kheo, đây là tám pháp vi diệu, chưa từng có trong Pháp và Luật này, do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong khi ấy, nói lên **lời cảm hứng**:

*5. Che kín, trời có mưa,
Mở rộng, trời không mưa,
Do vậy, hãy mở rộng
Cái gì bị che kín,
Như vậy sẽ không mưa.*

52 Biệt giải thoát - Kinh Tuvataka Con Đường Mau Chóng - Tiểu I, 744

Kinh Tuvataka Con Đường Mau Chóng – *Tiểu I, 744*

Người hỏi:

915. *Con hỏi bậc Đại tiên,
Bậc bà con mặt trời,
Con đường đến viễn ly,
Con đường đến an tịnh,
Tỷ-kheo sau khi thấy,
Làm thế nào mát lạnh,
Không có sự chấp thủ,
Một vật gì ở đời?*

Thế Tôn:

916. *Thế Tôn đáp như sau:
**Hãy chặt đứt hoàn toàn,
Gốc rễ các hý luận,
Mọi tư tưởng "tôi là ",
Tất cả phải chấm dứt,
Phàm có nội ái nào,
Sau khi nhiếp phục chúng,
Thường chánh niệm học tập.***

917. Phàm có loại pháp gì,
Được thắng tri hoàn toàn,
Hoặc thuộc về nội pháp,
Hay thuộc về ngoại pháp,
Chớ có làm kiên trì,
Bất cứ một pháp nào,
Trạng thái ấy không gọi,
Sự mát lạnh của tịnh.

918. Chớ có nghĩ như sau:
Cái kia là tốt hơn,
Đây là hạ liệt hơn,
Hay đây là ngang bằng,
Do phải bị xúc chạm,
Với các sắc sai biệt,
Hãy chớ để tự mình,
An trú trên vọng tưởng.

919. Hãy giữ được an tịnh,
Về phía tự nội tâm,
Tỷ-kheo không cầu tìm,
An tịnh từ chỗ khác,
Với người được an tịnh,
Từ phía tự nội tâm,
Đã không có tự ngã,
Từ đâu có vô ngã.

920. *Như chính giữa trung ương,
Của biển cả đại dương,
Sóng biển không có sanh,
Biển hoàn toàn đứng lặng,
Cũng vậy, này Tỷ-kheo,
**Hãy đứng lặng không động,
Không tạo nên bông bột,
Đối sự gì ở đời.***

Người hỏi:

921. *Vị có **mắt rộng mở,**
Đã tuyên bố rõ ràng,
Pháp có thể chế ngự,
Mọi nguy hiểm khó khăn,
Bậc Hiền thiện **mong Ngài,**
Tuyên bố rõ con đường,
Hay về biệt giải thoát,
Hoặc về pháp thiền định?*

Thế Tôn:

922. ***Chớ có những con mắt,
Đầy đầy những tham đắm!
Hãy chận đứng lỗ tai,
Nghe câu chuyện của làng.***

*Lại chớ nên đắm say,
Các mùi vị ngon lành,
Chớ xem là của ta,
Mọi sự vật ở đời!*

923. *Trong khi được cảm giác,
Với các loại cảm xúc,
Tỷ-kheo không than van,
Bất cứ một điều gì.
Vị ấy không cầu mong,
Dầu loại sanh hữu nào,
Và không có run sợ,
Rơi vào các kinh hoàng.*

924. *Các đồ ăn thân được,
Cùng với các đồ uống,
Các món ăn nhai được,
Các đồ vải mặc được,
Chớ có cất chứa chúng,
Những đồ vật nhân được,
Chớ có quá lo âu,
Nếu không thân được chúng.*

925. *Hãy tu tập thiền **định**,
Chớ làm kẻ lang thang,
Chớ ưa thích trạo cử,
Đừng rơi vào phóng dật,*

Đối với các chỗ ngồi,
Cùng với các chỗ nằm,
Tỷ-kheo hãy an trú,
Những chỗ không tiếng động.

926. **Ngủ** nghỉ có chừng mực,
Chớ có ngủ quá nhiều,
Hãy luôn luôn tỉnh thức,
Nỗ lực và nhiệt tâm,
Hãy từ bỏ biếng nhác,
Man trá, cười, chơi đùa,
Hãy từ bỏ dâm dục,
Bỏ ưa thích trang điểm.

927. **Chớ có dùng** **bùa chú**,
A-thar-va Vệ-đà,
Chớ tổ chức đoán mộng,
Coi tướng và xem sao,
Mong rằng đệ tử Ta,
Không đoán tiếng thú kêu,
Không chữa bệnh không sanh,
Không hành nghề lang băm.

928. Tỷ-kheo không run sợ,
Khi bị người chỉ trích,
Cũng không có cống cao,
Khi được khen tán thán,

*Hãy từ bỏ tham ái,
Cùng với tánh xan tham,
Kể luôn cả phần nộ,
Cùng với nói hai lưỡi.*

929. Ty-kheo không an trú,
Trong nghề nghiệp bán buôn,
Lại không có chỉ trích,
Bất cứ tại chỗ nào,
Khi ở tại thôn làng,
Không tức giận một ai,
Chớ có vì lợi dưỡng,
Nói chuyện với quần chúng.

930. Ty-kheo không nên nói,
Khoa trương quá mức độ,
Và cũng không nói lời,
Có dụng ý lợi dưỡng.
Chớ có học tập theo,
Lối sỗ sàng trâng tráo,
Chớ có thốt ra lời,
Khiêu khích xung đột ai!

931. Chớ có bị dắt dẫn,
Rơi vào lời nói láo,
Không cố ý làm nên,
Điều man trá giả dối,

Chớ có khinh người khác,

Về vấn đề sinh mạng,

Về vấn đề trí tuệ,

Và vấn đề giới hạnh.

932. Sau khi phần uất nghe,

Nhiều ngôn từ lời lẽ,

Của các vị Sa-môn,

Hay những kẻ phàm phu,

Chớ có phản ứng họ,

Với những lời thô ác,

Bậc hiền lành an tịnh,

Không phản pháo một ai.

933. Sau khi rõ biết được,

Pháp này là như vậy,

Tỷ-kheo hãy học tập,

Sáng suốt và chánh niệm,

Rõ biết sự mát lạnh,

Được gọi bậc "an tịnh",

Chớ có sống phóng dật,

Trong lời dạy Cù-đàm.

934. Bậc đã được chiến thắng,

Không ai chiến thắng nổi

Tự mình thấy được pháp,

Không nghe theo tin đồn,

Do vậy **hãy học tập,**
Luôn luôn không phóng dật,
Với **tâm tư cung kính,**
Lời dạy đức Thế Tôn,
Thế Tôn nói như vậy.

53 **Brahmadatta – Tiểu III, 277**

Brahmadatta – Tiểu III, 277 (221)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con vua nước Kosala, tên là Brahmadatta.

Ngài chứng kiến uy nghi của đức Phật nhân ngày lễ dâng cúng Jetavana, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời gian chứng **sáu thắng trí** với lòng tin và hiểu biết về *ngũ*, bởi lòng tin và hiểu biết về *Pháp*.

Một hôm ngài đi khát thực, một Bà-la-môn nhiếc mắt ngài, ngài im lặng nghe và tiếp tục đi, Bà-la-môn ấy lại chửi mắng ngài, và dân chúng phê bình sự im lặng của ngài; ngài giảng dạy cho dân chúng như sau:

441. *Từ đâu phần nộ khởi,
Với người không phần nộ,
Với người được nhiếp phục,
Sống nếp sống thắng bằng.
Với vị, **trí** giải thoát,
Phật an tịnh như vậy.*

442. *Với ai bị chửi mắng,
Lên tiếng chửi mắng lại,
Người ấy tệ ác hơn,*

*Người đã chửi mắng trước.
- Với ai bị chửi mắng,
Nhưng không chửi mắng lại,
Người ấy được chiến thắng,
Trên cả hai mặt trận.*

*443. Sở hành của người ấy,
Vừa lợi mình, lợi người,
**Biết người khác phần nộ,
Chánh niệm, tự lắng dịu.***

*444. Là thầy thuốc cả hai,
Cho mình và cho người,
Quần chúng ngĩ là ngu,
Không khéo hiểu Chánh Pháp.*

Rồi Bà-la-môn chửi mắng ấy nghe những lời này, cảm thấy ưu não và hoan hỷ rồi xin lỗi ngài.

Được xuất gia với sự hướng dẫn của ngài, được dạy đề tài **quán từ bi**, như vậy ngài dạy cho phương pháp để đối trị phần nộ:

*445. Nếu **phần nộ** nổi lên,
Hãy nghĩ dụ **cái cưa,**
Nếu **tham vị** khởi lên,
Hãy nghĩ dụ **thịt con.***

*446. **Nếu tâm người chạy theo,***

*Theo **dục**, theo sanh hữu,
Hãy gấp nắm với niệ**m**,
Như nắm con vật ác,
Đi vào trong ruộng lúa.*

54 Brahmàlì – Tiểu III, 180

Brahmàlì – Tiểu III, 180 (163)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở nước Kosala, con một Bà-la-môn, được đặt tên là Brahmàlì.

Khi đến tuổi trưởng thành, thúc đẩy bởi những **điều kiện chín muồi**, do giao hảo với bạn lành, ngài xuất gia, tu tập thiền định trong một ngôi rừng, nhờ trí tuệ chín muồi, ngài **phát triển thiền quán**, chứng được **sáu thắng trí**.

Sống trong vị an lạc giải thoát, vị Trưởng lão rất thuần thực pháp tinh tấn, một hôm sống ở trong rừng ngài nói lên những bài kệ này, thay mặt cho các Tỷ-kheo ở trong rừng, những bài kệ tán thán **hạnh tinh tấn**:

*205. Với những ai, các căn,
Đã đi đến **tịnh chỉ**,
Như được khéo **điều phục**,
Bởi đánh xe **điều ngự**,
Kiêu mạn được đoạn tận,
Không còn có **lậu hoặc**,
Chư Thiên rất ái mộ,*

Những vị có hạnh ấy.

*206. Với chính ta, các căn,
Đã đi đến tịnh chỉ,
Như được khéo điều phục,
Bởi đánh xe điều ngự,
Kiêu mạn được đoạn tận,
Không còn có lậu hoặc,
Chư Thiên ái mộ ta,
Ta thành tựu hạnh ấy.*

55 Buông dao, thành đạo - Kinh Angulimàlà – Tiểu III, 412

Angulimàlà – Tiểu III, 412 (255)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một Bà-la-môn tên Bhaggava, giữ chức cố vấn tôn giáo cho vua nước Kosala. Trong đêm ngài sanh, các binh khí trong thành phố rực sáng, các binh giáp của vua cũng rực sáng, thành thử khi vua nằm trên giường thấy như vậy nên không thể ngủ được, thao thức và sợ hãi. Vị cố vấn nghi lễ tìm hiểu các vì sao và kết luận **con mình** đã sanh trúng đám sao ăn trộm.

Sáng sớm, ông đến chào vua và hỏi vua ngủ có an giấc không? Vua trả lời vua ngủ không an giấc được, vì cả đêm thấy áo giáp chói sáng và hỏi điềm ấy là điềm gì? Vị cố vấn trả lời là do mình sanh đứa con, áo giáp cả thành phố đều chói sáng, và **khi được biết** **đứa con sau này có thể trở thành tên tướng cướp độc thân có thể chế ngự được, nên vua tha cho khỏi bị giết.**

Vì ngài sanh, làm tâm vua phiền muộn nên được gọi là **Himsaka**, và sau không thấy ngài làm hại ai nên được gọi là **Ahimasaka**.

Do nghiệp đời trước, ngài có sức mạnh của bảy con voi. Khi ngài học với vị giáo sư đầu tiên ở *Takhasilà*, ngài hầu hạ rất thành kính vị giáo sư và bà vợ, nên thường được thấy ngài bên cạnh vị giáo sư và bà vợ trong những bữa ăn, vì vậy khiến các thanh niên Bà-la-môn khác ganh ghét, và xúi vị giáo sư chống lại Ahimsaka.

Vì học trò mình có sức mạnh phi thường, vị giáo sư tìm một kế để ám hại học trò mình bằng cách bảo Ahimsaka trả tiền học phí cho mình bằng một ngàn ngón tay phải, nghĩ rằng nếu Ahimsaka đem lại một ngón tay thôi cũng đủ làm hại đệ tử mình rồi.

Lòng hung ác đè nén của Ahimsaka được nổi dậy, ngài mặc áo giáp, đi vào *rừng Jàlini ở Kosalu* núp trên một đồi núi, theo dõi người đi đường, và khi nào thấy người đi qua, liền chạy xuống, chặt ngón tay họ, treo trên một cây cho đến khi các loài điều hâu rút ăn hết thịt. Rồi dùng các ngón tay làm một vòng hoa, ngài đeo nơi cổ và từ đó được gọi là ***Angulimàlà (kẻ đeo vòng hoa bằng ngón tay)***. Khi vì hành động ấy, đường sá trở thành vắng người, ngài đi vào trong làng và làng trở thành trống không. Vua bèn sai một lực lượng quân đội đi bắt Angulimàlà.

Mẹ của Angulimàlà khuyên chồng nên đi để bảo Angulimàlà hãy chấm dứt hành động như vậy, nhưng người chồng từ chối, không muốn liên hệ với một

người con như vậy nên để mặc nhà vua làm. Bà **mẹ** vì thương con, khi thấy chồng từ chối liền soạn đồ lương thực và đi tìm Angulimàlà để ngăn chặn không cho làm điều ác.

Rồi Thế Tôn suy nghĩ rằng, nếu Angulimàlà gặp mẹ, sẽ giết mẹ cho đủ một ngàn ngón tay, nay là **đời sống cuối cùng** của Angulimàlà, nếu đức Phật không can thiệp thời sẽ có thiệt hại lớn.

Sau bữa ăn đức Phật đi trên con đường dẫn đến rừng Jàlini dầu có nhiều người ngăn cản. Khi Angulimàlà thấy **mẹ**, ngài tính lấy ngón tay của mẹ cho đủ số một ngàn ngón tay, thời đức Phật đến và đi giữa Angulimàlà và người mẹ, Angulimàlà liền bỏ ý định giết mẹ và quyết định giết vị Sa-môn cho đủ túc số. Angulimàlà liền rút gươm đuổi theo đức Phật, nhưng dầu ngài cố gắng thế nào cũng không làm sao đuổi kịp, dầu đức Phật vẫn đi khoan thai nhẹ nhàng.

Angulimàlà yêu cầu đức Phật đứng lại, đức Phật trả lời đức Phật đã đứng rồi, chính Angulimàlà cần phải đứng lại. Câu trả lời làm Angulimàlà khó hiểu, tin rằng các Sa-môn bao giờ cũng nói thật nên ngài hỏi đức Phật:

866. *Này Sa-môn, Ngài đi,
Lại nói: "Ta đứng rồi".
Ta đứng, Ngài lại nói:*

*"Sao nhà ngươi chưa đứng?"
Sa-môn, ta hỏi Ngài,
Về ý nghĩa việc này,
Sao Ngài đã đứng lại,
Còn ta lại còn đi.*

Thế Tôn trả lời:

*867. Angulimàlà,
Ta luôn luôn đã đứng,
Với tất cả chúng sanh,
Ta từ bỏ gây trượng,
Còn ông đối hữu tình,
Chưa có tự chế ngự,
Do vậy Ta đã đứng,
Còn Ông thời chưa đứng.*

Trong khi đức Phật đứng như vậy, chói sáng đức hạnh của mình, Angulimàlà nhớ lại những gì mình được nghe về đức Phật, **tuệ quán** đạt đến mức thuần thực, hoan hỷ thấm nhuần toàn thân, như một làn nước dâng trào toàn thế giới. Tự nói với mình: "**Thật lớn thay, tiếng rống sư tử này. Chắc đây là Sa-môn Gotama đã đến đây để cứu độ ta**". Ngài nói:

*868. Đã lâu con tôn kính,
Bậc vĩ đại Tiên nhân,*

*Nay bậc Sa-môn này,
Đã bước vào Đại lâm,
Con nay sẽ sẵn sàng,
Từ bỏ ngàn điều ác,
Sau khi nghe kệ Ngài,
Liên hệ đến Chánh pháp.*

*869. Nói xong, tên **tướng cướp**,
Liền quăng bỏ cây kiếm,
Quăng bỏ cả khí giới,
Xuống vực núi thâm sâu.
Tên tướng cướp đánh lễ,
Dưới chân bậc Thiện Thệ,
Chính ngay tại chỗ ấy,
Xin đức Phật xuất gia.*

*870. Đức Phật đại từ bi,
Là bậc đại Tiên nhân,
Đạo Sư cả nhân giới,
Cùng với cả thiên giới,
Nói lên những lời này:
Hãy đến, thiện Tỷ-kheo,
Như vậy, đối vị ấy,
Thành tựu Tỷ-kheo tánh.*

Angulimàlà sau khi xuất gia tu hành, chứng quả rồi nói lên quả chứng của mình:

871. *Ai trước sống phóng dật,
Sau sống không phóng dật,
Chối sáng thế giới này,
Như trăng thoát mây che.*

872. *Ai trước làm nghiệp ác,
Nay lấy thiện chận lại,
Chối sáng thế giới này,
Như trăng thoát mây che.*

873. *Ai Tỷ-kheo còn trẻ,
Chuyên tâm hành Phật dạy,
Chối sáng thế giới này,
Như trăng thoát mây che.*

Như vậy, sống trong hạnh phúc giải thoát, ngài đi vào thành khát thực. Có người ném đá vào ngài, có người lấy gậy đánh vào đầu ngài, và ngài về tịnh xá với bình bát bị bể. Đức Phật khuyên ngài nên nhẫn nại chịu khổ, vì nghiệp quả của ngài đáng phải chịu sống ở địa ngục, nay chỉ chịu khổ như vậy thôi. **Rồi ngài phát tâm từ bi đối với tất cả chúng sanh.**

874. *Mong rằng kẻ thù ta,
Được nghe lời Chánh pháp,
Mong rằng kẻ thù ta,*

Chuyên tâm lời Phật dạy,
Mong rằng kẻ thù ta,
Thân cận với những người,
Đã đạt được an tịnh,
Sống thọ trì Chánh pháp.

875. Mong rằng kẻ thù ta,
Thời thời được nghe pháp,
Thuyết giảng về **nhẫn nhục**,
Tán thán về **nhu hòa**,
Và sở hành của họ,
Phù hợp với Chánh pháp.

876. Vị chúng sanh như vậy,
Không có ám hại ta,
Hay cũng không ám hại,
Một người khác nào hết.
Người ấy sẽ đạt được,
Sự an tịnh tối thượng,
Sẽ bảo vệ hộ trì,
Người mạnh và kẻ yếu.

877. **Người trị thủy dẫn nước,**
Kẻ làm tên nắn tên,
Người thợ mộc uốn gỗ,
Bậc trí nhiếp tự thân.

878. Có kẻ được điều phục,
Bởi gậy, móc và roi,
Vị ấy điều phục ta,
Không dùng gậy, dùng kiếm.

879. Ta được tên **Vô Hại**,
Trước có tên **Làm Hại**,
Nay ta tên **Chân Thật**,
Ta không hại một ai.

880. Trước ta là tên cướp,
Lùng danh "vòng ngón tay",
Chìm đắm dòng nước lớn,
Cho đến khi quy Phật.

881. Trước tay ta lấm máu,
Lùng danh, "vòng ngón tay",
Hãy xem, ta quy y,
Nhổ lên gốc tái sanh.

882. **Làm xong nhiều nghiệp vậy,**
Dẫn đến sanh ác thú,
Cảm thọ nghiệp dị thực,
Thoát nợ, ta thọ thực.

883. Những kẻ **ngu** vô trí,
Đam mê sống phóng dật,

**Kẻ trí không phóng dật,
Như bảo vệ vật báu.**

884. *Chớ đam mê phóng dật,
Chớ say đắm dục lạc,
**Không phóng dật, thiền tư,
Đạt được lạc tối thượng.***

885. *Đến ta điều tốt đẹp,
Không tốt đẹp, không đến,
Lời khuyên bảo cho ta,
Không có gì không tốt,
Trong các pháp phân biệt,
Có mặt ở trên đời,
Pháp gì tối thượng nhất,
Ta chọn, ta chứng đạt.*

886. *Đến ta, điều tốt đẹp,
Không tốt đẹp, không đến,
Lời khuyên bảo cho ta,
Không có gì không tốt,
Ba mình ta đạt được,
Lời Phật dạy, làm xong.*

887. *Trong rừng, dưới gốc cây,
Hay trên núi trong hang,
Tại chỗ ấy, ta trú,*

Tâm tư thật hứng khởi.

888. Thật an lạc, ta nằm,
Thật an lạc, ta dậy,
Tâm tư thuần an lạc,
Là nếp sống của ta,
Thoát khỏi cạm bẫy Ma,
Ôi, Đạo Sư từ mãi!

889. Trước ta sanh Phạm chí,
Hai hệ, dòng họ cao,
Nay ta con Thiện Thệ,
Đạo Sư, bậc Pháp vương.

890. **Ái ly, không chấp thủ,**
Căn hộ trì, chế ngự,
Đoạn bỏ gốc tà ác,
Ta đạt lậu hoặc diệt.

891. **Ta hầu hạ Đạo Sư,**
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.

56 **Buông lung - Chớ theo pháp hạ liệt. Chớ sống mặc, buông lung - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 63**

Phẩm Tự Ngã – *Tiểu I*, 63

157. Nếu biết yêu tự ngã,
Phải khéo bảo vệ mình,
Người trí trong ba canh,
Phải luôn luôn tỉnh thức.

158. Trước hết tự đặt mình,
Vào những gì thích đáng.
Sau mới **giáo hóa** người,
Người trí khỏi bị nhiễm.

159. Hãy tự làm cho mình,
Như điều mình dạy người.
Khéo tự điều, điều người,
Khó thay, tự điều phục!

160. Tự mình y chỉ mình,
Nào có y chỉ khác.
Nhờ khéo điều phục mình,
Được y chỉ khó được.

161. Điều ác **tự mình làm,**
Tự mình sanh, mình tạo.
Nghiền nát kẻ ngu si,
Như kim cương, ngọc báu.

162. Phá giới quá trầm trọng,
Như dây leo bám cây,
Gieo hại cho tự thân,
Như kẻ thù mong ước.

163. **Để làm các điều ác,**
Để làm tự hại mình.
Còn việc lành, việc tốt,
Thật tối thượng khó làm.

164. Kẻ ngu si miệt thi,
Giáo pháp bậc La Hán,
Bậc Thánh, bậc Chánh mạng.
Chính do ác kiến này,
Như quả loại cây lau
Mang quả tự hoại diệt.

165. **Tự mình, làm điều ác,**
Tự mình làm nhiễm ô,
Tự mình không làm ác,
Tự mình làm thanh tịnh.

Tĩnh, không tĩnh, tự mình,
Không ai thanh tịnh ai.

166. Chớ theo pháp hạ liệt.
Chớ sống mặc, buông lung,
Chớ tin theo tà kiến,
Chớ tăng trưởng tục trần.

57 **Buông thả - Không được công nhận là đệ tử của Phật - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 447**

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 447 (Cat. 9)
It. 112)

Này các Tỷ-kheo, **những Tỷ-kheo nào lừa đảo
ngoan cố, lấm mồm**, lấm miệng, buông thả, hỗn hào,
vô lễ, không định tĩnh, này các Tỷ-kheo, **các Tỷ-
kheo ấy không phải đệ tử của Ta**. Này các Tỷ-kheo,
các Tỷ-kheo ấy roi khỏi Pháp và Luật này. Và này
các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy không đi đến tăng
trưởng, tăng thịnh, tăng rộng trong Pháp và Luật này.

Và này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo nào **không** lừa đảo,
không lấm mồm, lấm miệng, nghiêm trang, không
ngoan cố, khéo định tĩnh, này các Tỷ-kheo, **các Tỷ-
kheo ấy là đệ tử của Ta**. Này các Tỷ-kheo, các Tỷ-
kheo ấy không roi khỏi Pháp và Luật này. Và này các
Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy đi đến tăng trưởng, tăng
thịnh, tăng rộng trong Pháp và Luật này.

**Lừa đảo và ngoan cố,
Lấm mồm và buông thả,
Hỗn hào, không định tĩnh,
Những hạng người như vậy,**

*Không lớn mạnh trong Pháp,
Được bậc Chánh giác giảng.*

*Không lừa đảo lắm mồm,
Nghiêm trang và bình tĩnh,
Không ngoan cố, khéo định,
Họ lớn mạnh trong Pháp,
Được bậc Chánh giác giảng.*

58 Buồn ngủ - Gương nhiếp phục buồn ngủ - Kinh Bhagu – Tiểu III, 212

Bhagu – *Tiểu III*, 212 (187)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, trong một gia đình dòng họ Sakya (Thích Ca), ngài xuất gia với *Anuruddha* và *Kimbila*, và sống gần làng Bàlakalona.

Một ngày kia, khi ngài từ tỉnh xá ra ngoài để đối trị bệnh buồn ngủ, ngài té khi ngài bước lên đường kinh hành. Xem đấy để tự khích lệ, ngài **tự chế ngự và phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán. Từ đấy, sống thọ hưởng an lạc giải thoát Niết-bàn. Thế Tôn đến, tán thán cô độc của ngài và hỏi: "*Này Tỷ-kheo, sao cho đến nay, Thầy vẫn còn tỉnh tấn?*"

Ngài trả lời, với những bài kệ như sau:

271. Bị buồn **ngủ** chi phối,
Ta ra khỏi tỉnh xá,
Lại lên đường kinh hành,
Tại đấy té xuống đất.

272. Xoa bóp cả chân tay,
Lại lên đường kinh hành,

Qua lại đường kinh hành,
Nội tâm ta **định** tĩnh.

**Rồi ta tự tác ý,
Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiểm lộ,
Nhàm chán ta an trú.**

273. Và tâm ta giải thoát,
Thấy pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

59 Buồn ngủ - Đức Phật nhắc nhở - Kinh Kàtiyàna – Tiểu III, 266

Kàtiyàna – Tiểu III, 266 (216)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi, con của một Bà-la-môn thuộc dòng họ Kosiya, nhưng được gọi là Kàtiyàna, theo gia đình của bà mẹ.

Thấy bạn của mình là Sàmannakàni trở thành một Trưởng lão, ngài cũng xuất gia. Khi ngài học tập, ngài cuong quyết đối trị nằm ngủ ban đêm. Trong khi đi qua lại trên con đường kinh hành, ngài **quá buồn ngủ** nên **té xuống**.

Bậc Đạo Sư thấy vậy, đi đến đứng trước ngài và gọi: "Này Kàtiyàna!". Ngài liền đứng dậy, đánh lễ, và đứng một bên, bị dao động mạnh, rồi Thế Tôn thuyết pháp cho ngài như sau:

411. Này Ka-tiya-na,
Hãy thức dậy, ngồi lên,
Chớ có **ngủ** quá nhiều,
Hãy tự mình thức tỉnh,
Này bà con phóng dật,
Kẻ thụ động biếng nhác;

**Chớ để cho thần chết,
Lường gạt, chiến thắng ông.**

412. Như sóng tràn biển lớn,
Cũng vậy **sanh** và **già**,
Tràn ngập chôn lấp ông,
Hãy tự làm cho ông,
Một *hòn đảo* an toàn,
Vì rằng không ai khác,
Phục vụ giúp đỡ ông,
Như là chỗ nương tựa.

413. Đạo Sư lập con đường,
Đường vượt qua trời buộc,
Vượt qua sự sợ hãi,
Của *sanh* và của *già*,
Trước *đêm* và sau *đêm*,
Hãy sống không phóng dật,
Chú tâm cố kiên trì,
Trong nỗ lực chuyên tâm.

414. Từ bỏ triền phược trước,
Mặc áo *Tăng-già-lê*,
Đầu cạo trọc trơn láng,
Ăn đồ ăn khát thực,
Chớ có ưa chơi giỡn,
Chớ đam mê ngủ nghỉ,

Hãy nỗ lực thiền định,
Hỡi Ka-ti-ya-na!

415. **Hãy thiền tu, chiến thắng,**
Hỡi Ka-ti-ya-na!

Hãy thiền xảo con đường,
An ổn các khổ ách;

Hãy đạt cho kỳ được,
Sự thanh tịnh tối thượng.

Ông sẽ chứng Niết-bàn,
Như nước làm tắt lửa.

416. **Ánh sáng được tạo ra,**

Hào quang còn yếu ớt,

Chẳng khác như cây lau,

Gió thổi nằm rạp xuống,

Hỡi bà con Tu-đa,

Như vậy, chớ chấp thủ,

Hãy tấn xuất Ác-ma,

Ly tham mọi cảm thọ,

Chờ đợi thời của ông!

Tại đây ông mát lạnh.

60 Bà con - Cũng vậy các phước nghiệp, Chào đón người làm lành - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 73

Phẩm Hỷ Ái – *Tiểu I*, 73

209. Tự chuyên, không đáng chuyên
Không chuyên, việc đáng chuyên.

Bỏ đích, theo **hỷ ái**,
Ganh tị bậc tự chuyên.

210. Chớ gần gũi người yêu,
Trọn đời xa kẻ ghét.
Yêu không gặp là khổ,
Oán phải gặp cũng đau.

211. Do vậy chớ yêu ai,
Ái biệt ly là ác,
Những ai không yêu ghét,
Không thể có buộc ràng.

212. Do **ái** sinh sầu ưu,
Do ái sinh sợ hãi,
Ai thoát khỏi tham ái,
Không sầu, đâu sợ hãi?

213. **Ái luyện** sinh sầu ưu,
Ái luyện sinh sợ hãi.
Ai giải thoát ái luyện
Không sầu, đâu sợ hãi?

214. **Hỷ ái** sinh sầu ưu,
Hỷ ái sinh sợ hãi,
Ai giải thoát hỷ ái,
Không sầu, đâu sợ hãi?

215. **Dục ái** sinh sầu ưu,
Dục ái sinh sợ hãi,
Ai thoát khỏi dục ái,
Không sầu, đâu sợ hãi?

216. **Tham ái** sinh sầu ưu,
Tham ái sinh sợ hãi,
Ai thoát khỏi tham ái,
Không sầu, đâu sợ hãi.

217. Đủ giới đức, chánh kiến,
Trú pháp, chứng chân lý,
Tự làm công việc mình,
Được quần chúng ái kính.

218. Ước vọng **pháp ly ngôn**
Ý cảm xúc thương quả

Tâm thoát ly ác dục,
Xứng gọi bậc Thượng Lưu.

219. Khách lâu ngày ly hương,
An toàn từ xa về,
Bà con cùng thân hữu,
Hân hoan đón chào mừng.

220. Cũng vậy các phước nghiệp,
Đón chào người làm lành,
Đời này đến đời kia,
Như thân nhân, đón chào.

61 Bà con - Khinh miệt bà con, Cửa vào của bại vong - Kinh Bại Vong - Tiểu I, 493

Kinh Bại Vong – Tiểu I, 493 (Paràbhava)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi một Thiên nhân, sau khi đêm gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên nhân ấy bạch Thế Tôn với những bài kệ:

Thiên nhân:

91. *Về bại vong con người,
Con hỏi Gotama,
Con đến hỏi Thế Tôn,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

92. *Thật dễ hiểu thành công,
Thật dễ hiểu bại vong,*

Ưu mến pháp, thành công,
Thù ghét pháp, bại vong.

Thiên nhân:

93. *Như vậy, chúng con rõ,
Thứ nhất về bại vong,
Thứ hai, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

94. ***Ai mến kẻ bất thiện,
Không ái luyện bậc thiện,
Thích pháp kẻ bất thiện,
Chính cửa vào bại vong.***

Thiên nhân:

95. *Như vậy, chúng con rõ,
Thứ hai về bại vong,
Thứ ba, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

96. ***Người tánh ưa thích ngủ,***

Thích hội chúng, thụ động,
Biếng nhác, thường phần nộ,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

97. *Như vậy, chúng con rõ,*
Thứ ba về bại vong.
Thứ tư, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

98. **Ai với mẹ hay cha,**
Già yếu, tuổi trẻ hết,
Tuy giàu không giúp đỡ,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

99. *Như vậy, chúng con rõ,*
Thứ tư về bại vong.
Thứ năm, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

100. Ai **nói dối** lường gạt,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Hay các khát sĩ khác,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

101. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ năm về bại vong.
Thứ sáu, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

102. Người **giàu có** tài sản,
Có vàng bạc thực vật,
Hương vị ngọt một mình,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

103. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ sáu về bại vong.
Thứ bảy, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

104. Người **tự hào về sanh,**
Về tài sản dòng họ,
Khinh miệt các bà con,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

105. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ bảy về bại vong,
Thứ tám, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

106. Người **đắm say nữ nhân,**
Đắm say rượu, cờ bạc,
Hoang phí mọi lợi đắc,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

107. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ tám về bại vong.
Thứ chín, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

108. **Không vừa đủ vợ mình,**
*Được thấy giữa dâm nữ,
Được thấy với vợ người,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

109. *Như vậy, chúng con rõ,
Thứ chín về bại vong.
Thứ mười, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

110. **Người tuổi trẻ đã qua,**
Cưới cô vợ vú tròn,
Ghen *nàng không ngủ được,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

111. *Như vậy, chúng con rõ,
Thứ mười về bại vong.
Thứ mười một, xin nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

112. *Đàn bà, hay đàn ông,
Rượu chè, tiêu hoang phí,
Được địa vị quyền thế,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

113. *Như vậy, chúng con biết,
Thứ mười một bại vong.
Thứ mười hai, xin nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

114. *Tài sản ít, ái lớn,
Sanh gia đình hoàng tộc,
Ở đây muốn trị vì,
Chính cửa vào bại vong.*

115. *Bại vong này ở đời,
Bậc trí khéo quán sát,
Đầy đủ với chánh kiến,
Sống hạnh phúc ở đời.*

62 Bà con - Khuyên bà con từ bỏ ái - Kinh Màlunkyaputta – Tiểu III, 262

Màlunkyaputta – Tiểu III, 262 (214)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con một vị chuyên môn đánh giá cho vua Kosala, và mẹ là Màlunkyya, nên ngài được gọi là **Màlunkyaputta (con bà Màlunkyà)**. Khi đến tuổi trưởng thành, tánh ưa thích đời sống xuất gia, ngài trở thành một *du sĩ ngoại đạo*.

Khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, ngài xin xuất gia trong Pháp và Luật của Thế Tôn, và sau một thời gian, ngài chứng được **sáu thắng trí**.

Khi ngài về thăm nhà vì lòng từ mẫn đối với bà con, các bà con chào đón ngài rất niềm nở và muốn kéo ngài trở về với đời sống gia đình thế tục, nói rằng với tài sản của ngài, ngài có thể lập gia đình và làm các thiện sự.

Nhưng ngài nói lên chí nguyện của ngài như sau:

399. Có người sống **phóng dật**,
Ái lớn như cây leo,
Sống trôi nổi luân chuyển,
Đời này qua đời khác,

Như **con khỉ** trong rừng,
Thèm muốn các trái cây.

400. **Khát ái** khôn nạn này,
Thăm độc cả thế giới,
Khi đã chinh phục ai,
Khiến sầu muộn tăng trưởng,
Chẳng khác giống **cỏ rừng**,
Lan tràn và lớn mạnh.

401. **Ai nhiếp phục được ái,**
Khôn nạn, khó chinh phục,
Sầu rơi khỏi vị ấy,
Như giọt nước trên sen.

402. Các ông đã đến đây,
Ta thuyết điều lành ấy,
Hãy đào rễ khát ái,
Như tìm rễ ngon ngọt,
Loại cỏ u-sì-ra,
Chớ để Ma, dòng nước,
Tàn phá ông cây lau.
Liên tục vậy mãi mãi.

403. **Hãy hành lời Phật dạy,**
Chớ để Sát-na qua,
Sát-na qua, sầu khổ,

Thọ quả trong địa ngục,

404. **Phóng dật** như bụi bặm,
Bụi nhơ, do phóng dật,
Không phóng dật, minh trí,
Nhỏ mũi tên khỏi ta.

63 Bà con - Nói với bà con về an lạc giải thoát - Kinh Bhùta – Tiểu III, 307

Bhùta – Tiểu III, 307 (232)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại ngoại thành Sàketa, con một hội viên giàu có trong Hội đồng thành phố, ngài là con út và người con độc nhất được sống sót, các người con khác bị một con Dạ-xoa thù nghịch ăn thịt. Ngài được canh gác cẩn mật, và con Dạ-xoa bện lên hầu Vessavana nên không về nữa. Khi đến tuổi đặt tên, ngài được đặt tên là *Bhùta*, vì do nguyện cầu được sanh ngài: "Mong rằng các hàng phi nhân có lòng từ hộ trì cho đứa trẻ".

Nhờ công đức của mình, ngài lớn lên không bị tai nạn gì, được nuôi dưỡng trong ba lâu đài như Yasa.

Khi bậc Đạo Sư đến Sàketa, ngài cùng với các cư sĩ khác đến tịnh xá nghe thuyết pháp. Sau khi xuất gia, ngài sống trong một hang động, trên bờ sông Ajakarani. Tại đây, ngài chứng quả A-la-hán.

Sau đó ngài về thăm các bà con vì lòng từ mẫn và ở trong rừng Anjana. Khi các bà con yêu cầu ngài ở lại, vì lợi ích chung cho các bà con và cho ngài, ngài nói ngài ưa thích đời sống xuất gia và nói lên những bài kệ như sau, trước khi từ biệt các bà con:

518. Khi bậc trí thấy được,
Già chết là đau khổ,
Tại đây, kẻ phàm phu,
Không thấy, chấp thủ khổ.
Sau khi liễu tri khổ,
Chánh niệm, tu thiền định,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

519. Khi đoạn tận được ái,
Ái đem khổ, độc hại,
Tạo hý luận trối buộc,
Đẩy mạnh đến đau khổ,
Sau khi đoạn tận ái,
Chánh niệm, tu thiền định,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

520. Khi với **tuệ**, thấy được,
Con đường lành vô thượng,
Gồm hai lần bốn phần,
Tĩnh trừ mọi phiền não,
Sau khi thấy với tuệ;
Chánh niệm tu thiền định,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

521. Khi tu tập **con đường**,
Không sâu, không cầu uế,
Vô vi, an tịnh đạo,
Tĩnh trừ mọi phiền não,
Chặt trói buộc kiết sử,
Chánh niệm, tu thiền định,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

522. Khi trên trời vang rền,
Tiếng trống, mây giông tố,
Khắp con đường chim bay,
Dòng mưa dày đặc đổ,
Tỷ-kheo đi đến hang,
Tu tập, ngồi thiền định,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

523. Khi trên những bờ sông,
Những vòng hoa rừng núi,
Nở lên và chói sáng,
Với nhiều màu nhiều sắc,
Với tâm tư thoải mái,
Ngồi thiền trên bờ sông,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

524. Khi nửa đêm, rừng vắng,
Trời đổ trận mưa rào,
Loài có ngà, có nanh,
Đang sống đang gặm thét,
Tỷ-kheo đến triền núi,
Ngồi yên lặng tọa thiền,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

525. Khi **tâm tứ** chế ngự,
Giữa núi, trong hang động,
Thoải mái tự ngồi thiền,
Không sợ, không chướng ngại,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

526. Khi ngồi được **hỷ lạc**,
Không ứế chướng, không sầu,
Không tù túng, thoát ái,
Không bị mũi tên đâm,
Mọi lậu hoặc chấm dứt,
Vị ấy ngồi tọa thiền,
Không tìm thấy lạc nào,
Ưu việt hơn lạc này.

64 Bà con - Thuyết pháp cho bà con - Kinh Abhibhùta – Tiểu III, 206

Abhibhùta – Tiểu III, 206 (182)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Vetthapura, đặt tên là Abhibhùta, và khi phụ thân mất, ngài thừa hưởng tài sản đất đai.

Khi đức Phật đến tại thành phố, trong dịp Thế Tôn du hành, Abhibhùta đến nghe Thế Tôn thuyết pháp, và mai sáng mời Thế Tôn đến nhà. Thế Tôn cảm ơn và dạy cho ngài Chánh pháp với nhiều chi tiết. Ngài khởi lòng tin, từ bỏ gia sản, **xuất gia và chứng quả A-la-hán.**

Trong khi thọ hưởng vị ngọt giải thoát, các bà con, thân tín, quen biết đến than van với ngài và ngài đã từ bỏ họ, không để lại một vị lãnh đạo. Và ngài thuyết pháp cho họ nói lên lý do xuất gia của ngài:

254. *Hãy nghe mọi bà con,
Những ai đã đến đây,
Ta thuyết pháp cho ông,
Tái sanh là đau khổ.*

255. *Hãy tỉnh cần, ra đi,*

*Chú tâm lời Phật dạy,
Đánh bại quân lực ma,
Như voi, nhà cỏ lau.*

**256. Ai trong Pháp Luật này,
Sẽ sống không phóng dật,
Từ bỏ dòng tái sanh,
Sẽ chấm dứt khổ đau.**

65 Bà con - Thuyết pháp cho bà con - Kinh Gotama – Tiểu III, 207

Gotama – *Tiểu III*, 207 (183)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong dòng họ Thích-ca và chỉ được biết tên là *Gotama*, ngài khởi lòng tin khi đức Phật thăm viếng bà con, xuất gia, tu học **thiền quán** và chứng được **sáu thắng trí**.

Khi ngài đang hưởng lạc giải thoát, bà con ngài hỏi ngài vì sao lại từ bỏ bà con đi xuất gia, ngài liền giải thích những khổ đau, ngài gặp khi phải sanh tử liên tục và hạnh phúc Niết-bàn ngài đã chứng được.

Ngài nói:

257. *Ta tái sanh địa ngục,
Liên tục đến nga quỷ,
Ta sống trải nhiều ngày,
Trong đau khổ bàng sanh.*

258. *Và sống vui làm Người,
Thỉnh thoảng sanh cõi Trời,
Trú Giới sắc, Vô sắc,
Phi tướng, Phi phi tướng.*

259. *Ta khéo biết **sinh hữu**,
Không cốt tử, duyên thành,
Dao động thường biến chuyển,
Tác thành **tự ngã** ta,
Ta đạt được tịnh tịch,
Chánh niệm tâm an trú.*

66 Bà con - Thành tín đối với nhau, Là bà con tôi thương - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 71

Phẩm An Lạc – *Tiểu I*, 71

197. Vui thay, chúng ta sống,
Không hận, giữa hận thù,
Giữa những người thù hận,
Ta sống, không hận thù.

198. Vui thay, chúng ta sống,
Không bệnh, giữa ốm đau.
Giữa những người bệnh hoạn,
Ta sống, không ốm đau.

199. Vui thay, chúng ta sống,
Không rộn giữa rộn rang.
Giữa những người rộn ràng,
Ta sống, không rộn ràng.

200. Vui thay chúng ta sống,
Không gì gọi của ta.
Ta sẽ hưởng hỷ lạc,
Như chư Thiên Quang Âm.

201. Chiến thắng sinh thù oán,
Thất bại chịu khổ đau,
Sống tịch tịnh an lạc.
Bỏ sau mọi thắng bại.

202. **Lửa** nào sánh lửa tham?

Ác nào bằng sân hận?

Khổ nào sánh khổ uẩn?

Lạc nào bằng tinh lạc?

203. Đói ăn, bệnh tối thượng,
Các hành, khổ tối thượng,
Hiếu như thực là vậy,
Niết Bàn, lạc tối thượng.

204. Không bệnh, lợi tối thượng,
Biết đủ, tiền tối thượng,
Thành tín đối với nhau,
Là bà con tối thượng,
Niết Bàn, lạc tối thượng.

205. Đã nếm vị độc cư,
Được hưởng vị nhàn tịnh,
Không sợ hải, không ác,
Nếm được vị pháp hỷ.

206. Lành thay, thấy Thánh nhân,
Sống chung thường hưởng lạc,
Không thấy những người ngu,
Thường thường được an lạc.

207. Sống chung với người ngu,
Lâu dài bị lo buồn.

Khô thay gần người ngu,
Như thường sống kẻ thù.

Vui thay, gần người trí,
Như chung sống bà con.

208. Bậc hiền sĩ, trí tuệ,
Bậc nghe nhiều, trì giới,
Bậc tự chế, Thánh nhân,
Hãy gần gũi, thân cận,
Thiện nhân, trí giả ấy,
Như trăng theo đường sao.

67 Bà con được sanh Thiên - Kinh Passsika – Tiểu III, 199

Passsika – Tiểu III, 199 (177)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Kosala, thấy Thế Tôn thực hiện thần thông song hành, khởi lòng tin, xuất gia.

Ngài bị *bệnh* trong khi học tập đời sống một ẩn sĩ, bà con săn sóc cho ngài và chữa ngài lành bệnh, khi được lành bệnh, ngài phấn khởi nên tu học siêng năng hơn và chứng được *sáu thắng trí*.

Ngài bay trên hư không, đến thăm bà con và quy y, thọ giới cho họ. Một số bà con nhờ ngài quy y và thọ giới, khi mạng chung và được sanh lên các cõi trời.

Khi Passika hầu hạ bậc Đạo Sư, bậc Đạo Sư hỏi về sức khỏe bà con của ngài, Passika trả lời như sau:

*239. Đầu chỉ một mình ta,
Có lòng tin, sáng suốt,
Giữa các bà con ta,
Những người không lòng tin,
Thông hiểu được Chánh pháp,
Đầy đủ những giới đức,
Vì lợi ích hạnh phúc,*

Cho các bà con ta.

*240. Những bà con bị ta,
Vì thương họ trách móc,
Do bà con ái mộ,
Làm tốt đối Ty-kheo.*

*241. Khi họ bị mệnh chung,
Họ được lạc chư Thiên,
Các anh và mẹ ta,
Hoan hỷ điều họ muốn.*

68 Bà-la-môn - Không được Ta chấp nhận là Bàlamôn - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 439

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 439 (Cat. 4)
(It. 104)

Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không như thật quán tri: "Đây là **Khổ**", không như thật quán tri: "Đây là **Khổ tập**", không như thật quán tri: "Đây là **Khổ diệt**", không như thật quán tri: "Đây là **Con đường đưa đến khổ diệt**". Những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, **không được Ta chấp nhận** là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, hay là Bà-la-môn trong các Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại **cũng không tự mình** với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, như thật quán tri: "Đây là Khổ", như thật quán tri: "Đây là Khổ tập", như thật quán tri: "Đây là Khổ diệt", như thật quán tri: "Đây là Con đường đưa đến khổ diệt", thời này các Tỷ-kheo, các Sa-môn hay Bà-la-môn ấy **được Ta chấp nhận** là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, hay Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-

môn. Và các vị Tôn giả ấy ngay trong hiện tại, **tự mình với thẳng trí chứng ngộ**, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

Những ai không quán tri,
Khổ và khổ hiện hữu,
Ở đây, khổ hoàn toàn,
Được đoạn tận, không dư,
Và không biết đường ấy,
Đưa đến chỉ tịnh khổ,
Những vị ấy không có,
Tâm và tuệ giải thoát,
Họ không thể chấm dứt,
Phải đi đến sanh già.

Những vị nào quán tri,
Khổ và khổ tập khởi,
Ở đây, khổ hoàn toàn,
Được đoạn tận, không dư,
Rõ biết con đường ấy,
Đưa đến chỉ tịnh khổ,
Tâm giải thoát thành tựu,
Và cả **tuệ giải thoát**,
Họ có thể chấm dứt,
Không đi đến sanh già.

69 BàLaMôn - Phẩm BàLaMôn - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106

Phẩm BàLaMôn – *Tiểu I*, 106

383. Hỡi này Bà là môn,
Hãy tinh tấn đoạn dòng,
Từ bỏ các dục lạc,
Biết được hành đoạn diệt,
Người là **bậc vô vi**.

384. Nhờ thường trú hai pháp,
Đến được bờ bên kia,
Bà-la-môn có trí,
Mọi kiết sử đứt sạch.

385. Không bờ này, bờ kia,
Cả hai bờ không có,
Lìa khổ, không trói buộc,
Ta gọi Bà-la-môn.

386. Tu thiền, trú ly trần,
Phận sự xong, vô lậu,
Đạt được đích tối thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

387. *Mặt trời* sáng ban ngày,
Mặt trăng sáng ban đêm,
Khí giới sáng Sát ly,
Thiền định sáng Phạm chí,
Còn hào quang đức Phật,
Chói sáng cả ngày đêm.

388. **Dứt ác** gọi Phạm chí,
Tinh hạnh gọi Sa môn,
Tự mình xuất cầu uế,
Nên gọi **bậc xuất gia.**

389. Chớ có đập Phạm chí,
Phạm chí chớ đập lại,
Xấu thay đập Phạm chí,
Đập trả lại xấu hơn.

390. Đối vị Bà-la-môn,
Đây không lợi ích nhỏ,
Khi ý không ái luyến,
Tâm hại được chận đứng,
Chỉ khi ấy khổ diệt.

391. Với người thân miệng ý,
Không làm các ác hạnh,
Ba nghiệp được phòng hộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

392. Từ ai, biết Chánh pháp,
Bậc Chánh Giác thuyết giảng,
Hãy kính lễ vị ấy,
Như Phạm chí chờ lửa.

393. Được gọi Bà-la-môn,
Không vì đầu bện tóc,
Không chủng tộc, thọ sanh,
Ai thật chân, chánh, tịnh,
Mới gọi Bà-la-môn.

394. Kẻ ngu, có ích gì,
Bện tóc với da dê,
Nội tâm toàn phiền não,
Ngoài mặt đánh bóng suông.

395. Người mặc áo đồng rác,
Gầy ốm, lộ mạch gân,
Độc thân thiền trong rừng,
Ta gọi Bà-la-môn.

396. Ta không gọi Phạm Chí,
Vì chỗ sanh, mẹ sanh,
Chỉ được gọi tên suông,
Nếu tâm còn phiền não,
Không phiền não, chấp trước,

Ta gọi Bà-la-môn.

397. Đoạn hết các kiết sử,
Không còn gì lo sợ,
Không đả trước buộc ràng,
Ta gọi Bà-la-môn.

398. Bỏ đai da, bỏ cương,
Bỏ dây, đồ sở thuộc,
Bỏ then chốt, sáng suốt,
Ta gọi Bà-la-môn.

399. Không ác ý, nhẫn chịu,
Phỉ báng, đánh, phạt hình,
Lấy nhẫn làm quân lực,
Ta gọi Bà-la-môn.

400. Không hận, hết bồn phận,
Trì giới, không tham ái,
Nhiếp phục, thân cuối cùng,
Ta gọi Bà-la-môn.

401. Như nước trên lá sen,
Như hột cải đầu kim,
Người không nhiễm ái dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

402. Ai tự trên đời này,
Giác khổ, diệt trừ khổ,
Bỏ gánh nặng, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

403. Người trí tuệ sâu xa,
Khéo biết đạo, phi đạo,
Chứng đạt đích vô thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

404. Không liên hệ cả hai,
Xuất gia và thế tục,
Sống độc thân, ít dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

405. Bỏ trượng, đối chúng sanh,
Yếu kém hay kiên cường,
Không giết, không bảo giết,
Ta gọi Bà-la-môn.

406. Thân thiện giữa thù địch,
Ôn hòa giữa hung hăng,
Không nhiễm, giữa nhiễm trước,
Ta gọi Bà-la-môn.

407. Người bỏ rơi tham sân,
Không mạn, không ganh tị,

Như hột cải đầu kim,
Ta gọi Bà-la-môn.

408. Nói lên lời ôn hòa,
Lợi ích và chân thật,
Không mất lòng một ai,
Ta gọi Bà-la-môn.

409. Ở đời, vật dài, ngắn,
Nhỏ, lớn, đẹp hay xấu,
Phàm không cho không lấy,
Ta gọi Bà-la-môn.

410. Người không có hy cầu,
Đời này và đời sau,
Không hy cầu, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

411. Người không còn tham ái,
Có trí, không nghi hoặc,
Thể nhập vào bất tử,
Ta gọi Bà-la-môn.

412. Người sống ở đời này,
Không nhiễm cả thiện ác,
Không sâu, sạch, không bụi,
Ta gọi Bà-la-môn.

413. Như trắng, sạch không uế,
Sáng trong và tĩnh lặng,
Hữu ái, được đoạn tận,
Ta gọi Bà là môn.

414. Vượt đường nguy hiểm này,
Nhiếp phục luân hồi, si,
Đến bờ kia thiên định,
Không dục ái, không nghi,
Không chấp trước, tịch tịnh,
Ta gọi Bà-la-môn.

415. Ai ở đời, đoạn **dục**,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Dục hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

416. Ai ở đời đoạn **ái**,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Ái hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

417. Bỏ trói buộc loài người,
Vượt trói buộc cõi trời,
Giải thoát mọi buộc ràng,
Ta gọi Bà-la-môn.

418. Bỏ điều ưa, điều ghét,
Mát lạnh, diệt sanh y,
Bậc anh hùng chiến thắng,
Nhiếp phục mọi thế giới,
Ta gọi Bà-la-môn.

419. Ai hiểu rõ hoàn toàn
Sanh tử các chúng sanh,
Không nhiễm, khéo vượt qua,
Sáng suốt chân giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

420. Với ai, loài trời, người,
Cùng với Càn thất bà,
Không biết chỗ thọ sanh,
Lậu tận bậc La hán,
Ta gọi Bà-la-môn.

421. Ai quá, hiện, vị lai,
Không một sở hữu gì,
Không sở hữu không nắm,
Ta gọi Bà-la-môn.

422. Bậc trâu chúa, thù thắng,
Bậc anh hùng, đại sĩ,
Bậc chiến thắng, không nhiễm,

Bạc tẩy sạch, giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

423. Ai biết được đời trước,
Thấy thiên giới, đọa xứ,
Đạt được sanh diệt tận,
Thắng trí, tự viên thành,
Bạc mâu ni đạo sĩ,
Viên mãn mọi thành tựu,
Ta gọi Bà-la-môn.

70 **Bàhiya Dàruciriya - Trong cái thấy sẽ chì là - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 126**

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 126 (Ud 6)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, ngôi vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Bàhiya Dàruciriya trú ở Suppàraka, trên bờ biển, được cung kính, tôn trọng đánh lễ, cúng dường và nhận được y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Rồi Bàhiya Dàruciriya khởi lên tư tưởng như sau: "*Với ai là bậc A-la-hán hay đang đi trên con đường A-la-hán, ta là một trong những vị ấy*". Rồi một Thiên nhân, trước là bà con huyết thống với Bàhiya Dàruciriya, vì lòng từ mẫn, vì muốn lợi ích, với tâm của mình biết tâm tư của Bàhiya Dàruciriya, đi đến Bàhiya Dàruciriya và nói như sau:

- Nay Bàhiya. Ông không phải là A-la-hán hay đang đi trên con đường A-la-hán. Ông không có đạo lộ ấy, với đạo lộ này Ông có thể trở thành A-la-hán hay đang đi trên con đường đưa đến A-la-hán.

- Nhưng ai là những vị, trong thế giới này, với thế giới chư Thiên là những vị A-la-hán hay đang đi trên con đường A-la-hán?

- Nay Bàhiya, có thành phố tên là Sàvatthi trên những quốc lộ phương Bắc. Tại đây có Thế Tôn hiện đang trú, bậc A-la-hán. Chánh Đăng Giác. Vị ấy là bậc A-la-hán và thuyết pháp đưa đến quả A-la-hán.

Rồi Bàhiya Dàruciriya, được Thiên nhân ấy thúc dục, đi ra khỏi Sappàraka, trong suốt đường trường, chỉ nghỉ một đêm, đi đến chỗ Thế Tôn đang trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, trong khu vườn Anàthapindika. Lúc bấy giờ nhiều Tỷ-kheo đang đi kinh hành giữa trời. Bàhiya Dàruciritya đi đến các Tỷ-kheo ấy, sau khi đến nói như sau:

- Thừa các Tôn giả, nay Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đăng Giác ở đâu? Chúng tôi muốn được yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác.

- Nay Bàhiya, Thế Tôn đã đi vào giữa các nhà để khát thực.

Rồi Bàhiya Dàraciriva mau chóng ra khỏi Jetavana, đi vào Sàvatthi, và thấy Thế Tôn đang đi khát thực, khả ái, khởi lên tịnh tín, các căn an tịnh, tâm ý an tịnh, đạt được an chỉ, chế ngự tối thượng, giống như một con voi được điều phục, phòng hộ với các căn an tịnh. Thấy vậy, Bàhiya Dàruciriya liền đi đến Thế

Tôn, sau khi đến, cúi đầu xuống chân Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

- *Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp cho con, Thiện Thệ hãy thuyết pháp cho con, nhờ vậy con có thể được hạnh phúc an lạc lâu dài.*

Khi được nói vậy, Thế Tôn nói với Bàhiya Dàruciriya:

- *Không phải thời, này Bàhiya, Ta đang khát thực.*

Lần thứ hai Bàhiya Dàruciriya Bạch Thế Tôn:

- *Thật khó biết, bạch Thế Tôn, là chướng ngại cho mạng sống của Thế Tôn, hay chướng ngại cho mạng sống của con. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp cho con. Thiện Thệ hãy thuyết pháp cho con, nhờ vậy con có thể được hạnh phúc an lạc lâu dài.*

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Màhiya Dàruciriya:

- Không phải thời, này Bàhiya, Ta đang khát thực.

Lần thứ ba, Bàhiya Dàruciriya bạch Thế Tôn:

- Thật khó biết... hạnh phúc lâu dài.

- Vậy này Bàhiya, Ông cần phải học tập như sau:

"Trong cái thấy, sẽ chỉ là cái thấy. Trong cái nghe, sẽ chỉ là cái nghe. Trong cái thọ tưởng, sẽ chỉ là cái thọ tưởng. Trong cái thức tri, sẽ chỉ là các thức tri".

Như vậy, này Bàhiya, Ông cần phải học tập. Vì rằng, này Bàhiya, nếu với Ông, trong cái thấy, sẽ chỉ là cái

thấy; trong cái nghe, sẽ chỉ là cái nghe; trong cái thọ tướng, sẽ chỉ là cái thọ tướng; trong cái thức tri, sẽ chỉ là cái thức tri. Do vậy, này Bàhiva, Ông không là chỗ ấy. Vì rằng, này Bàhiya, Ông không là đời này, không là đời sau, không là đời chặng giữa. Như vậy là đoạn tận khổ đau.

Nhờ lời thuyết pháp tóm tắt này của Thế Tôn, tâm của Bàhiya Dàruciriya được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Thế Tôn sau khi thuyết cho Bàhiya Dàruciriya lời giáo giới tóm tắt này, liền ra đi. Thế Tôn ra đi không bao lâu, một con bò con húc chết Bàhiya Dàruciriya. Thế Tôn sau khi khát thực ở Sàvatthi xong, sau buổi ăn, trên con đường đi khát thực trở về, đi ra khỏi thành với nhiều Tỷ-kheo, thấy Bàhiya Dàruciriya bị chết, thấy vậy liền nói với các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, hãy lấy thân xác Bàhiya Dàruciriya, đặt lên trên cái chõng, đem đi hỏa thiêu, rồi xây tháp lên trên. Này các Tỷ-kheo, một vị đồng Phạm hạnh với các Thầy đã qua đời!

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, sau khi đặt xác thân của Bàhiya Dàruciriya lên trên cái chõng, đem đi hỏa thiêu, xây dựng cái tháp cho vị ấy, rồi đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi

xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, thân xác của Bàhiya Dàruciriya đã được hỏa thiêu, tháp đã được xây dựng xong cho vị ấy. Sanh thú cho vị ấy là gì? Đời sau vị ấy là gì?

- Nay các Tỷ-kheo, Hiền trí là Bàhiya Dàruciriya đã hành trì tùy pháp, đúng pháp và không có phiền nhiễu Ta với những tranh luận về pháp. Nay các Tỷ-kheo, Bàhiya Dàruciriya **đã nhập Niết Bàn**.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

10. *Chỗ nào nước và đất,
Lửa, gió không chấp trước,
Tại đây sao không chói,
Mặt trời không chiếu sáng,
Tại đây trăng không chiếu,
Tại đây u ám không,
Khi ẩn sĩ Phạm chí,
Tự mình với trí tuệ,
Thế nhập vào Chánh pháp,
Vị ấy được giải thoát
Khỏi sắc và vô sắc,
Khỏi an lạc, đau khổ.*

Lời cảm hứng này được Thế Tôn thuyết giảng và tôi được nghe như vậy.

71 Bài Kệ Này Do Một Trưởng Lão Ni Không Biết Tên Nói Lên – Tiểu III, 540

Bài Kệ Do Một Trưởng Lão Ni Không Biết Tên Nói Lên – *Tiểu III*, 540 (1)

*1. Hãy ngủ trong an lạc
Hỡi nàng thân đầy đà,
Đắp phủ trong tấm y,
Chính mình tự làm lấy,
**Lòng tham, nàng lắng dịu,
Như ghè khô trong lò!***

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh trong một gia đình ở Vesàli (Tỳ-xá-ly). Vì thân hình đầy đà, nàng được gọi là nàng đầy đà. Nàng trở thành người vợ trung thành của một người quý tộc. Khi bậc Đạo Sư đến Vesàli, nàng tin tưởng giáo pháp của đức Phật và trở thành một nữ cư sĩ. Khi nàng nghe Trưởng lão Ni Mahàpajàpati thuyết pháp, nàng muốn xuất gia và thừa vói chồng ý nguyện của nàng. Người chồng không cho, nên nàng tiếp tục làm tròn bổn phận của nàng, suy tư đến những lời dạy dịu dàng của giáo pháp và chú tâm đến thiền quán.

Rồi một ngày kia, trong khi đang ở trong bếp và nấu món ăn, một ngọn lửa mạnh bùng cháy và thiêu tất cả món ăn với những tiếng cháy xèo xèo, **nàng lấy đó làm đề tài để thiền quán về tánh vô thường của sự vật, và chứng được quả Bất Lai.**

Rồi nàng không đeo các đồ trang sức nữa. Người chồng hỏi duyên cớ, nàng trả lời nàng không thể sống trong gia đình được nữa. Người chồng đưa nàng đến Trưởng lão Ni Mahàpajàpàti Gotami, và bằng lòng để nàng xuất gia. Mahàpajàpàti làm lễ xuất gia cho nàng và đưa nàng đến yết kiến đức Phật. Bạc Đạo Sư giải thích về đề tài thiền quán của nàng và nói lên bài kệ này.

Khi nàng **chứng quả A-la-hán**, nàng lập lại bài kệ này và bài kệ trở thành bài kệ của nàng.

72 Bài học cây đàn - Kinh Sona Kolivisa – Tiểu III, 347

Sona Kolivisa – Tiểu III, 347 (243)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Campà, trong gia đình một hội viên của Hội đồng thành phố nổi tiếng. Từ khi ngài sắp được sanh, tài sản lớn của phụ thân được tăng trưởng, và khi ngài được sanh, cả thành phố tổ chức hội lễ lớn.

Vì ngài bố thí cúng dường cho một vị Độc giác Phật trong đời trước, nên đời này ngài có một **thân hình như bằng vàng mịn** và đặc biệt mềm mại, và ngài được gọi là Sona (vàng). Dưới chân và trên bàn tay của ngài có lông mịn màu vàng mọc lên, và ngài được nuôi dưỡng trong giàu sang xa hoa, có đến ba tòa lầu đài thích hợp cho từng mùa.

Khi bậc Đạo Sư giác ngộ và chuyển bánh xe Pháp ở Ràjagaha (Vương Xá). Vua Bimbisàra cho mời Sona đến, ngài đến với một số đông tùy tùng, nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, khởi lòng tin và được phép cha mẹ cho xuất gia.

Ngài nhận từ bậc Đạo Sư một đề tài tu tập, nhưng không thể định tâm vì có liên lạc với đông người khi sống ở trong rừng. Ngài nghĩ rằng thân ngài quá

được cung dưỡng để đạt được hạnh phúc, và đời sống
ẩn sĩ làm thân mệt mỏi, ngài vượt lên trên những đau
đớn vì chân ngài bị sưng khi ngài tập đi kinh hành,
nhưng dầu ngài hết sức tinh tấn, ngài chưa thành đạt
được quả chứng. Ngài nghĩ: "*Ta không thể thành đạt
con đường và quả vị thì sống xuất gia để làm gì? Tốt
hơn ta hoàn tục và làm các công đức!*".

Thế Tôn biết được tâm tư ngài, dạy cho ngài **bài học
của cây đàn**, phải làm lắng dịu nhiệt lực với tu tập
tịnh chỉ. Được chỉ dạy, ngài đi đến núi Linh Thứu và
sau một thời gian, ngài chứng quả A-la-hán.

Suy nghĩ trên thành tựu của mình, ngài tuyên bố
chánh trí ngài như sau:

632. *Người xưa, cao trong nước,
Phục vụ vua Ăng-ga,
Nay lại cao trong pháp,
So-na vượt đau khổ.*

633. *Năm được cắt, năm bỏ,
Năm thượng pháp tu tập,
Tỷ-kheo vượt năm gút,
Được gọi vượt bực lưu.*

634. *Tỷ-kheo tánh kiêu ngoa,
Phóng dật, ưa vị ngoài,*

*Giới, thiền định, trí tuệ,
Không đi đến viên mãn.*

635. *Việc phải làm, quăng bỏ,
Không phải việc, lại làm,
Kẻ kiêu ngoa phóng dật,
Lậu hoặc được tăng trưởng.*

636. *Những ai khéo tinh cần,
Thường tu tập **niệm thân**,
Không phải việc, không làm,
Kiên trì việc nên làm.
Bậc chánh niệm tỉnh giác,
Lậu hoặc đi đến diệt.*

637. ***Trên đường thẳng được thuyết,**
Hãy bước, chớ quanh co,
Hãy tự mình trách mình,
Hãy đem Niết-bàn lại,*

638. *Khi tinh cần nỗ lực,
Căng thẳng, vượt mức độ,
Thế gian, Vô Thượng Sư,
Dùng **ví dụ chiếc đàn**,
Bậc pháp nhãn, có mắt,
Ngài thuyết pháp cho ta.*

639. Ta nghe lời Ngài giảng,
Lạc trú lời giảng dạy,
Bình tĩnh, ta thực hành,
Để đạt đích tối thượng,
Ba **minh** ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

640. **Ai chuyên nhất xuất ly,**
Tâm tư hướng viễn ly,
Ai chuyên nhất vô sân,
Diệt trừ các chấp thủ.

641. **Ai chuyên nhất ái diệt,**
Tâm tư không si mê,
Thấy sanh khởi các xứ,
Tâm được khéo giải thoát.

642. **Vị Tỷ-kheo tâm tịnh,**
Được giải thoát chơn chánh,
Không chất chứa việc làm,
Điều phải làm không có.

643. **Như một hòn đá tảng,**
Không bị gió lay động,
Cũng vậy toàn bộ phận,
Sắc, vị, thanh, hương, xúc.

644. *Pháp ái, bất khả ái,
Không động, người như vậy,
Tâm trú, không hệ lụy,
Tùy quán, sự hoại diệt.*

73 Bàkula – Tiểu III, 192

Bàkula – Tiểu III, 192 (172)

Ngài sanh ở Kosambi, trong một gia đình có chức vụ, trước khi bậc Đạo Sư sanh ra, và ngài được đem đi tắm ở sông Yamunà để được sức khỏe, và một con cá nuốt ngài trong tay người vú.

Con cá bị người câu cá bắt được và đem bán cho vợ một vị chức sắc khác ở Ba-la-nại. Khi con cá bị mổ ra, đứa con nít nhờ phước nghiệp đời trước, nên còn sống không bị thương tích.

Vợ vị chức sắc thương ngài như con đẻ, và khi bà nghe được câu chuyện của ngài, và hỏi về cha mẹ. Vua trong nước quyết định cho ngài thuộc quyền sở hữu của hai gia đình, và do vậy ngài được tên là Bàkula (hai gia đình).

Sau một đời sống giàu sang, ngài nghe đức Bôn Su thuyết pháp, xuất gia khi tám mươi tuổi. Trong bảy ngày, ngài chưa được giấc ngủ, nhưng ngày thứ tám, ngài chứng được quả A-la-hán, thông hiểu nghĩa, thông hiểu pháp.

Một hôm, khi ấn chứng vị trí tu hành cho các vị đệ tử, bậc Đạo Sư ấn chứng cho ngài là **vị đệ tử có sức khỏe đệ nhất.** Về sau, khi sắp sửa mệnh chung ngài

nói lên chánh trí của ngài giữa hội chúng Tỷ-kheo như sau:

225. Với ai những công việc,
Cần phải làm từ trước,
Về sau, vị ấy mới,
Có ý định muốn làm.
Vị ấy tự phá hoại,
Căn cứ địa an lạc,
Về sau, chịu khổ đau,
Trong nung nấu hối tiếc.

226. *Hãy nói điều có làm,
Không nói điều không làm,
Bậc Hiền trí rõ biết,
Người chỉ nói, không làm.*

227. Niết-bàn nhiệm màu lạc,
Bậc Chánh Giác thuyết giảng,
Không sâu muộn, ly tham,
Thật sự là an ổn,
Tại đây, sự đau khổ,
Được đoạn diệt hoàn toàn.

74 Bàlamôn - Kinh Pháp Bàlamôn - Tiểu I, 556

Kinh Pháp Bàlamôn – Tiểu I, 556 (Sn 50)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi nhiều Bà-la-môn đại phú ở Kosala già yếu, cao niên, trưởng lão, đã đến tuổi trưởng thượng, đã gần mãn cuộc đời, đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Bà-la-môn đại phú ấy bạch Thế Tôn:

- Thưa Tôn giả Gotama, hiện nay còn có những Bà-la-môn nào được thấy là theo pháp Bà-la-môn của những Bà-la-môn thời xưa?

- Nay các Bà-la-môn, hiện nay không còn thấy các Bà-la-môn theo pháp Bà-la-môn của các Bà-la-môn thời xưa.

- Lành thay, Tôn giả Gotama hãy nói cho pháp Bà-la-môn của các Bà-la-môn thời xưa. Nếu Tôn giả Gotama không thấy gì phiền phức.

- Vậy này các Bà-la-môn, hãy nghe và khéo tác ý. Ta sẽ nói.

- Thừa vâng, Tôn giả.

Các Bà-la-môn đại phú ấy vâng đáp Thế Tôn, Thế Tôn nói như sau:

284. *Các ần sĩ thời xưa,
Chế ngự, sống khắc khổ,
Bỏ năm dục trưởng dưỡng,
Hành lý tưởng tự ngã.*

285. *Phạm chí, không gia súc,
Không vàng bạc lúa gạo,
Học hỏi là tài sản,
Hộ che chở hộ trì,
Kho tàng tối thượng ấy.*

286. *Đồ ăn được sửa soạn,
Được đặt tại ngưỡng cửa,
Với lòng tin, họ soạn,
Để cúng bậc Thánh cầu.*

287. *Với vải mặc nhiều màu,
Với giường nằm trú xứ,
Từ quốc độ giàu có,
Họ đánh lễ Phạm chí.*

288. Không bị ai xâm phạm,
Là Phạm chí thời ấy,
Không bị ai chiến hại,
Họ được pháp che chở,
Không ai ngăn chặn họ,
Tại ngưỡng cửa gia đình.

289. Từ trẻ đến bốn tám,
Các Phạm chí thời xưa,
Họ sống hành Phạm hạnh,
Tâm cầu minh và hạnh.

290. Các vị Bà-la-môn,
Không đến giai cấp khác,
Không mua người làm vợ,
Chung sống trong tình thương,
Họ đi đến với nhau,
Trong niềm hoan hỷ chung.

291. Ngoài trừ thời gian ấy,
Thời có thể thu thai,
Là người Bà-la-môn,
Không đi đến giao cấu.

292. Họ tán thán Phạm hạnh,
Giới, học thức, nhu hòa,
Khắc khổ và hòa nhã,

Bất hại và nhẫn nhục.

293. Vị tối thắng trong họ,
Là Phạm thiên, nỗ lực,
Vị ấy không giao hợp,
Cho đến trong cơn mộng.

294. Ở đời, bậc có trí,
Học theo hạnh vị ấy,
Họ tán thán Phạm hạnh,
Giới đức và nhẫn nhục.

295. Họ xin cơm, sàng tọa,
Vải mặc, bơ và dầu,
Thâu nhiếp thật đúng pháp,
Họ tổ chức tế tự,
Trong lễ tế tự ấy,
Họ không giết bò cái.

296. Như mẹ và như cha,
Như anh, như bà con,
Bò là bạn tối thượng,
Từ chúng, sanh được vị.

297. Bò cho ăn, cho sức,
Cho dung sắc, cho lạc
Biết được lợi ích này,

Họ không giết hại bò.

298. *Họ đoan trang thân lớn,
Có dung sắc, danh xưng,
Bản tánh là nhiệt tình,
Trong hành thiện dứt ác,
Họ còn sống ở đời,
Dân chúng hưởng an lạc.*

299. *Giữa họ có đảo lớn,
Họ thấy vật nhỏ nhen.
Thấy huy hoàng nhà vua,
Thấy trang sức phụ nữ.*

300. *Các cỗ xe khéo làm,
Thắng với ngựa thuần thực,
Trang hoàng với tấm thảm,
Nhiều sắc lại nhiều màu.
Các trú xứ phòng ốc,
Khéo chia, khéo ngăn cách.*

301. *Đàn bà mập vây quanh,
Chúng người đẹp hầu hạ,
Bà-la-môn tham đắm,
Tài sản lớn của người.*

302. *Đọc các bài kệ tụng,*

*Họ đến Okkàla,
Ngài được tài sản lớn,
Ngài được lúa gạo nhiều.
Hãy thiết lập tế đàn,
Vì tài sản ngài lớn,
Hãy thiết lập tế đàn,
Vì tiền bạc ngài lớn.*

*303. Rồi vua, bậc lãnh tụ,
Vương chủ các xa binh,
Được các Bà-la-môn
Nhiếp phục và cảm hóa,
Tổ chức các tế đàn,
Về ngựa và về người,
Quăng con ném, **nước thánh**,
Vội các cửa then cài.
Lễ tế đàn này xong,
Họ cho các Phạm chí,
Rất nhiều loại tài sản.*

*304. Bò, giường nằm, áo mặc,
Nữ nhân, trang sức đẹp,
Các cỗ xe khéo làm,
Thắng với ngựa thuần thực,
Trang hoàng với tấm thảm,
Nhiều sắc lại nhiều màu.*

305. Các trù xứ đẹp đẽ,
Khéo chia, khéo ngăn cách,
Đầy các loại lúa gạo,
Họ cho các Phạm chí,
Rất nhiều là tài sản.

306. Ở đây, được tài sản,
Phạm chí thích cất chứa,
Lòng dục chúng thỏa mãn,
Khát ái càng tăng trưởng,
Họ lại đọc kệ tụng,
Họ đến Okkàka.

307. Như nước, đất và vàng,
Tài sản và lúa gạo,
Cũng vậy là các bò,
Đối với các loài, người.
Chúng là những vật dụng,
Cần thiết cho hữu tình.
Hãy thiết lập tế đàn,
Vì tài sản ngài lớn,
Hãy thiết lập tế đàn,
Vì tiền bạc ngài lớn?

308. Rồi vua, bậc lãnh tụ,
Vương chủ các xa binh,
Được các Bà-la-môn,

Nhiếp phục và cảm hóa,
Tổ chức các tế đàn,
Trăm ngàn bò bị giết.

309. Không phải với bàn chân,
Cũng không phải với sừng,
Con bò hại một ai,
Chúng được khéo nhiếp phục.
Như con dê, con cừu,
Chúng cho nhiều ghè sữa,
Tuy vậy, vua ra lệnh,
Nắm sừng bắt lấy chúng,
Giết chúng bằng dao gươm.

310. Rồi chư Thiên, Tổ tiên,
Đế Thích, A-tu-la,
Với các hàng Da-xoa,
Đồng thanh cùng la lớn,
"Như vậy là phi pháp",
Khi gươm giết hại bò.

311. Trước đã có ba bệnh,
Dục, ăn không đủ, già,
Do giết hại muôn thú,
Chúng lên đến chín tám.

312. Trượng phạt phi pháp này,

*Từ xưa truyền đến nay,
Vật vô tội bị giết,
Còn người lễ tế đàn,
Thối thất khỏi Chánh pháp.*

313. Vậy tùy **pháp cổ** này,
Bị bậc trí khiển trách,
Chỗ nào lễ tế đàn,
Như vậy, được xem thấy,
Quần chúng liền chỉ trích,
Các vị lễ tế đàn.

314. Như vậy, **pháp bị hoại**,
Hạng Thủ-đà, Phệ-xá,
Bị phân ly chia rẽ,
Các hạng Sát-đế-lị,
Bị chia năm, chẻ bảy,
Còn vợ khinh rẽ chồng.

315. Các Sát-lý hoàng tộc,
Các bà con Phạm thiên,
Cùng với hạng người khác,
Được gia tộc che chở,
Họ bỏ quên sanh chủng,
Họ rơi vào các đục.

Khi nghe nói vậy, các Bà-la-môn đại phú ấy bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thừa Tôn giả Gotama, như người **dừng đứng** lại những gì bị quăng ngã xuống, **trình bày rõ** những gì bị che kín, **chỉ đường** cho kẻ bị lạc hướng, hay **đem đèn sáng** vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể nhìn thấy sắc. Cũng vậy, Pháp được Tôn giả Gotama với nhiều pháp môn trình bày giải thích. Chúng con xin quy y Tôn giả Gotama quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận chúng con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, chúng con trọn đời quy ngưỡng.

75 Bàlamôn - Định nghĩa - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 121

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I, 121* (Ud 4)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Vương Xá, tại Trúc lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ *Tôn giả Mahakassapa* trú ở hang Pippali, đang bị bệnh rất khổ đau, bệnh trầm trọng. Rồi Tôn giả Mahakassapa sau một thời gian, thoát khỏi bệnh ấy. Rồi Tôn giả Mahakassapa thoát khỏi bệnh ấy, suy nghĩ như sau: "Ta hãy đi vào Vương Xá để khát thực". Lúc bấy giờ, khoảng năm trăm Thiên nhân, đang cố gắng sửa soạn để Tôn giả Mahakassapa nhận được đồ ăn khát thực. Nhưng Tôn giả Mahakassapa gạt bỏ năm trăm Thiên nhân ấy, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Vương Xá để khát thực, đi ngang những con đường những con người nghèo, con đường những người ăn xin, con đường những người thợ dệt.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

6. *Ai sống không nhờ người,
Không được người biết đến,
Sống tự mình chế ngự,*

*An trú trên lối cây,
Các lậu hoặc đã đoạn,
Sân hận được trừ diệt,
Vị ấy được Ta gọi,
Là vị Bà-la-môn.*

76 **Bàlamôn - Định nghĩa - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 123**

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I, 123* (Ud 5)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bảy giờ Tôn giả Sangamàji đã đi đến Sàvatthi để yết kiến Thế Tôn. Người vợ trước kia của **Tôn giả Sangamàji** nghe được tin Tôn giả Sangamàji đã đến Sàvatthi. Nàng liền dắt người con đi đến Jetavana. Lúc bảy giờ Tôn giả Sangamàji đang ngồi dưới gốc cây đề nghỉ ban ngày. Rồi người vợ trước đây của Tôn giả Sangamàji, đi đến Tôn Giả Sangamàji, sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sangamàji:

- Này Sa môn, hãy nuôi dưỡng tôi và đứa con nhỏ!

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Sangamàji, giữ im lặng. Lần thứ hai, người vợ trước kia của Tôn giả Sangamàji nói với Tôn giả Sangamàji:

- Này Sa-môn, hãy nuôi dưỡng tôi và đứa con nhỏ!

Lần thứ hai, Tôn giả Sangamàji giữ im lặng. Lần thứ ba người vợ trước kia của Tôn giả Sangamàji nói với Tôn giả Sangamàji:

- Này Sa-môn, hãy nuôi dưỡng tôi và đứa con nhỏ!

Lần thứ ba, Tôn giả Sangamàji vẫn giữ im lặng. Rồi người vợ trước kia của Tôn giả Sangamàji đặt đứa nhỏ trước mặt Tôn giả Sangamàji rồi bỏ đi, nói rằng:

- Này Sa-môn, đây là đứa con trai của Sa-môn. Hãy nuôi dưỡng nó!

Tôn giả Sangamàji không có ngó đến đứa nhỏ ấy, cũng không nói gì. Rồi người vợ trước kia của Tôn giả Sangamàji sau khi đi không xa, ngó lui lại thấy Tôn giả Sangamàji không ngó đứa con nhỏ ấy, cũng không nói, thấy vậy liền suy nghĩ: "*Sa-môn này không muốn ngó đến người con*". Nàng liền trở lui lại, bồng lấy đứa con rồi ra đi. Thế Tôn với Thiên nhân thanh tịnh siêu nhân, thấy cử chỉ thô bạo như vậy của người vợ trước kia của Tôn giả Sangamàji.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết được ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên ***lời cảm hứng*** này:

8. Không hoan hỷ, nàng đến,
Không sầu muộn, nàng đi,
Giải thoát khỏi ái phược,
Là Sangamàji
Ta gọi người như vậy,
Là vị Bà-la-môn.

77 **Bàlamôn - Định nghĩa - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I,**

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 120 (Ud 3)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi (Xá-vệ) tại Jetavana (Kỳ-đà-lâm), khu vườn ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, Tôn giả Sàriputta (Xá-lợi-phất), Tôn giả Mahàmoggallàna (Đại Mục-kiền-liên) Tôn giả Mahākassapa (Đại Ca-diếp), Tôn giả Mahākaccayàna (Đại Ca-chiên-diên), Tôn giả Mahākotthita (Đại Câu-thi-la), Tôn giả Mahākappina (Đại kiếp-tân-na), Tôn giả Mahācunda (Đại-Thuần-đà), Tôn giả Anuruddha (A-na-luật-đà), Tôn giả Revata (Ly-bà-đà), Tôn giả Devadatta (Đề-bà-đạt-đa), Tôn giả Ananda (A-nan) đi đến Thế Tôn. Thế Tôn thấy các Tôn giả ấy từ xa đi đến, thấy vậy liền nói với các Tỳ-kheo:

- Này các Tỳ-kheo, các Bà-la-môn này đang đi đến.
Này các Tỳ-kheo, các Bà-la-môn này đang đi đến.

Khi được nói vậy, một Tỳ-kheo, thọ sanh là Bà-la-môn, bạch Thế Tôn:

- Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là Bà-la-môn, và có bao nhiêu pháp, tác thành Bà-la-môn?

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên ***lời cảm hứng*** này:

5. *Sau khi loại ác pháp,
Ai thường hành chánh niệm,
Kiết sử đoạn, giác ngộ,
Những vị ấy ở đời,
Thật là Bà-la-môn.*

78 Bàn tay - Đạo Sư chỉ Niết-bàn, Như thấy trên bàn tay - Kinh Nàgita – Tiểu III, 95

Nàgita – Tiểu III, 95 (86)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu, trong gia đình hoàng tộc Thích-ca, tên là Nàgita.

Khi bậc Đạo Sư đến tại chỗ của ngài, Thế Tôn thuyết **kinh Mật Hoàn**, ngài khởi lòng tin, xuất gia không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Rồi hân hoan với sự thật trong lời dạy của đức Phật, và sự chỉ đạo có hiệu quả của Chánh pháp, ngài nói lên bài kệ này:

*86. Ngoài đây có ngoại đạo,
Họ dạy những con đường,
Không như con đường này,
Đưa đến quả Niết-bàn,
Thật khác, đức Thế Tôn,
Giáo giới hàng Tăng chúng,
**Đạo Sư chỉ Niết-bàn,
Như thấy trên bàn tay.***

79 Bàn tay không thương tích, Có thể cầm thuốc độc - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 55

Phẩm Ác – *Tiểu I*, 55

116. Hãy gấp làm điều lành,
Ngăn **tâm** làm điều ác.
Ai chậm làm việc lành,
Ý ưa thích việc ác.

117. Nếu người làm điều **ác**,
Chớ tiếp tục làm thêm.
Chớ ước muốn điều ác,
Chứa ác, tất chịu khổ.

118. Nếu người làm điều **thiện**,
Nên tiếp tục làm thêm.
Hãy ước muốn điều thiện,
Chứa thiện, được an lạc.

119. Người ác thấy là hiền.
Khi ác chưa chín muối,
Khi ác nghiệp chín muối,
Người ác mới thấy ác.

120. Người hiền thấy là ác,
Khi thiện chưa chín muối.
Khi thiện được chín muối,
Người hiền thấy là thiện.

121. Chớ chê khinh điều ác,
Cho rằng chưa đến mình,
Như nước nhỏ từng giọt,
Rồi bình cũng đầy tràn.
Người ngu chứa đầy ác
Do chất chứa dần dần.

122. Chớ chê khinh điều thiện,
Cho rằng chưa đến mình,
Như nước nhỏ từng giọt,
Rồi bình cũng đầy tràn.
Người trí chứa đầy thiện,
Do chất chứa dần dần.

123. Ít bạn đường, nhiều tiền,
Người buôn tránh đường hiểm.
Muốn sống, tránh thuốc độc,
Hãy tránh ác như vậy.

124. Bàn tay không thương tích,
Có thể cầm thuốc độc.
Không thương tích, tránh độc,

Không làm, không có ác.

125. Hại người không ác tâm,
Người thanh tịnh, không uế,
Tội ác đến kẻ ngu,
Như ngược gió tung bụi.

126. Một số sinh bào thai,
Kẻ ác sinh địa ngục,
Người thiện lên cõi trời,
Vô lậu chứng Niết Bàn.

127. Không trên trời, giữa biển,
Không lánh vào động núi,
Không chỗ nào trên đời,
Trốn được **quả ác nghiệp**.

128. Không trên trời, giữa biển,
Không lánh vào động núi,
Không chỗ nào trên đời,
Trốn khỏi tay **thần chết**.

80 **Bác sĩ - Bậc Y vương Vô thượng - Kinh Sela – Tiểu III, 399**

Sela – Tiểu III, 399 (253)

Được sanh trong thời đức Phật hiện tại ở Anguttaràpa, trong một gia đình Bà-la-môn, tại một làng Bà-la-môn ở Apana, ngài được đặt tên là *Sela*.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài sống ở đây, rất giỏi về ba tập Vệ-đà và về nghệ thuật Bà-la-môn, dạy các **Mantrà (thần chú)** cho ba trăm thanh niên Bà-la-môn.

Trong khi ấy Thế Tôn rời bỏ Sàvatthi, đang du hành ở Anguttaràpa với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỷ-kheo. Biết được **tám tánh thuần thực của Sela** và các đệ tử của ngài, đức Phật dừng lại tại một khu rừng. Rồi *ẩn sĩ Keniya*, sau khi mời bậc Đạo Sư với chúng Tỷ-kheo dùng cơm vào ngày sau, đang sửa soạn rất nhiều món đồ ăn.

Rồi Sela với ba trăm đệ tử đến thăm am thất và hỏi có phải Keniya đang sửa soạn để đón mừng vị Đại thần của vua. Khi Keniya trả lời là sửa soạn thức ăn để mời đức Phật, **Sela cảm thấy hết sức xúc cảm với chữ đức Phật**, đi đến gặp ngay đức Phật với các thanh niên đệ tử của mình. Sau khi nói lên những lời chào

đón hỏi thăm, ngài chiêm ngưỡng các tướng tốt đức Phật và nghĩ rằng: "*Một vị có những tướng tốt như vậy, một là sẽ thành vị Chuyển luân Thánh vương, hai là sẽ thành Phật*". Một vị Phật khi nghe tán thán về mình sẽ lộ rõ chân tướng Phật của mình. Còn nếu chưa thành Phật, khi nghe tán thán về đức Phật sẽ cảm thấy khó chịu và bất mãn. Ngài quyết định nói lên lời tán thán đức Phật như sau:

818. **Thân** tròn đủ, chói sáng,
Khéo sanh và đẹp đẽ,
Thế Tôn **sắc vàng chói**,
Răng trơn láng, tinh cần.

819. Đối với người khéo sanh,
Những tướng tốt trang trọng,
Đều có trên thân Ngài,
Tất cả Đại nhân tướng.

820. **Mắt** sáng, mặt tràn đầy,
Cân đối, thẳng, hoàn mỹ,
Giữa chúng Sa-môn Tăng,
Ngài chói như mặt trời.

821. Vị Tỷ-kheo đẹp mắt,
Da sáng như vàng chói,
Với hạnh Sa-môn Ngài,

Cần gì sắc tối thượng.

822. Ngài xứng bậc Đại vương,
Chuyển luân, xa luân chủ,
Chiến thắng khắp bốn phương,
Bậc chúa tể Diêm phù.

823. Vương tộc, hào phú vương,
Là chư hầu của Ngài,
Là vua giữa các vua,
Là giáo chủ loài Người,
Hãy trị vì quốc độ,
Tôn giả Gotama!

Thế Tôn vâng theo ý muốn của Sela, trả lời:

824. Sela, *Ta là vua!*
Bậc Pháp vương, Vô thượng,
Ta chuyên bánh xe pháp,
Bánh xe chưa từng chuyển.

Phạm chí Sela nói:

825. Ngài tự nhận giác ngộ.
Bậc Pháp vương, Vô thượng,
Ta chuyên bánh xe pháp,
Gotama nói vậy.

826. *Ai sẽ là tướng quân?
Là đệ tử Tôn giả?
Ai theo giữ truyền thống,
Xứng đáng bậc Đạo Sư?
Sau Ngài, ai sẽ chuyển,
Pháp luân Ngài đã chuyển?*

Tôn giả Sàriputta đang ngồi bên phải Thế Tôn, đầu chói sáng đẹp đẽ như một đồng vàng. Thế Tôn chỉ Sàriputta và nói:

827. *Thế Tôn: Này Sela,
Ta chuyển bánh xe pháp,
Bánh xe pháp vô thượng,
Chính Sàriputta,
Chuyển bánh xe Chánh pháp,
Thừa tự Như Lai vị.*

828. *Cần biết, Ta đã biết,
Cần tu, Ta đã tu,
Cần đoạn, Ta đã đoạn,
Do vậy, Ta là Phật,
Hỡi này Bà-la-môn.*

829. *Còn gì nghi ở Ta,
Hãy gác bỏ một bên,
Hãy giải thoát khỏi chúng,
Hỡi này Bà-la-môn.*

830. Thấy được bậc Chánh Giác,
Thật thiên nan vạn nan,
Bậc Chánh Giác ra đời,
Thật thiên nan vạn nan,
Ta là bậc Chánh Giác,
Bậc Y vương Vô thượng,
Hồi này Bà-la-môn.

831. Là Phạm thiên khó sánh,
Nhiếp phục các Ma quân,
Hàng phục mọi đối nghịch,
Ta hân hoan không sợ.

Bà-la-môn Sela hoàn toàn tin tưởng vào Thế Tôn,
muốn xuất gia và thừa rằng:

832. Chư Tôn giả hãy nghe!
Như bậc có mắt giảng,
Bậc Y vương Đại hùng,
Sự rử rống trong rừng!

833. Thấy Phạm thiên vô tỷ,
Nhiếp phục các Ma quân,
Ai lại không tín thành,
Cho đến kẻ hạ tiện.

834. *Ai muốn, hãy theo ta,
Không muốn hãy đi ra,
Ở đây ta xuất gia,
Với bậc Tuệ tối thượng.*

Các thanh niên Bà-la-môn, vì đã đạt được những điều kiện cần thiết, trả lời:

835. *Nếu Tôn giả tín thành,
Giáo pháp bậc Chánh Giác,
Chúng con cũng xuất gia,
Với **bậc Tuệ tối thắng!***

Sela hoan hỷ thấy các thanh niên Bà-la-môn san sẻ chí nguyện của mình, đưa chúng đến trước mặt Thế Tôn và xin được xuất gia:

836. *Ba trăm Phạm chí ấy,
Chấp tay xin được phép,
Chúng con sống Phạm hạnh,
Do Thế Tôn lãnh đạo.*

Rồi Thế Tôn, thấy được Sela trong các đời quá khứ, Sela cũng đã dạy cho ba trăm đệ tử này trông các giống phước và nay trong đời cuối cùng, đã tạo được tuệ quán cho mình và cho các đệ tử, thấy rằng chúng đã thuận thực để xuất gia:

837. *Thế Tôn đáp: Sela,
Phạm hạnh được khéo giảng,
Thiết thực ngay hiện tại,
Vượt khỏi thời gian tính,
Ở đây sự xuất gia,
Không uổng công, hoang phí,
Với ai không phóng dật,
Tinh tấn chuyên tu học.*

Thế Tôn nói: "Hãy đến, Tỷ-kheo!" Rồi với thần lực của Bốn sư, tất cả đều có y và bình bát, đánh lễ đức Phật, **bắt đầu học thiền quán và chứng quả A-la-hán vào ngày thứ bảy.**

Rồi các vị ấy đến đức Phật, nói lên trí giác của mình, và Sela thưa:

838. *Kính bạch bậc Pháp nhân,
Cách đây trước tám ngày,
Chúng con đã đến Ngài,
Xin phát nguyện quy y,
Thế Tôn trong bảy đêm,
Đã nhiếp phục chúng con,
Đã chế ngự chúng con,
Trong giáo lý của Ngài.*

839. *Ngài là bậc Giác giả,
Ngài là bậc Đạo Sư,*

*Ngài là bậc Mâu-ni,
Đã chiến thắng quân ma,
Sau khi đã đoạn trừ,
Vượt qua biển sanh tử,
Ngài giúp quần sanh này,
Cùng vượt qua bể khổ.*

*840 Sanh y Ngài vượt qua,
Lậu hoặc Ngài nghiền nát,
Ngài là sư tử chúa,
Không chấp, không sợ hãi.*

*841. Ba trăm Tỷ-kheo này,
Đồng chấp tay đứng thẳng,
Ôi anh hùng chiến thắng,
Hãy duỗi chân bước tới,
**Hãy để các đại nhân,
Đảnh lễ bậc Đạo Sư.***

81 **Bác sĩ - Mong đệ tử của ta, Không hành nghề lang băm - Kinh Tuvataka Con Đường Mau Chóng - Tiểu I, 744**

Kinh Tuvataka Con Đường Mau Chóng – *Tiểu I, 744*

Người hỏi:

915. *Con hỏi bậc Đại tiên,
Bậc bà con mặt trời,
Con đường đến viễn ly,
Con đường đến an tịnh,
Tỷ-kheo sau khi thấy,
Làm thế nào mát lạnh,
Không có sự chấp thủ,
Một vật gì ở đời?*

Thế Tôn:

916. *Thế Tôn đáp như sau:
**Hãy chặt đứt hoàn toàn,
Gốc rễ các hý luận,
Mọi tư tưởng "tôi là ",
Tất cả phải chấm dứt,
Phàm có nội ái nào,
Sau khi nhiếp phục chúng,***

Thường chánh niệm học tập.

917. Phàm có loại pháp gì,
Được thắng tri hoàn toàn,
Hoặc thuộc về nội pháp,
Hay thuộc về ngoại pháp,
Chớ có làm kiên trì,
Bất cứ một pháp nào,
Trạng thái ấy không gọi,
Sự mát lạnh của tịnh.

918. Chớ có nghĩ như sau:
Cái kia là tốt hơn,
Đây là hạ liệt hơn,
Hay đây là ngang bằng,
Do phải bị xúc chạm,
Với các sắc sai biệt,
Hãy chớ để tự mình,
An trú trên vọng tưởng.

919. Hãy giữ được an tịnh,
Về phía tự nội tâm,
Ty-kheo không cầu tìm,
An tịnh từ chỗ khác,
Với người được an tịnh,
Từ phía tự nội tâm,
Đã không có tự ngã,

Từ đâu có vô ngã.

920. *Như chính giữa trung ương,
Của biển cả đại dương,
Sóng biển không có sanh,
Biển hoàn toàn đứng lặng,
Cũng vậy, này Tỷ-kheo,
Hãy đứng lặng không động,
Không tạo nên bông bột,
Đối sự gì ở đời.*

Người hỏi:

921. *Vị có **mắt rộng mở,**
Đã tuyên bố rõ ràng,
Pháp có thể chế ngự,
Mọi nguy hiểm khó khăn,
Bậc Hiền thiện **mong Ngài,**
Tuyên bố rõ con đường,
Hay về **biệt giải thoát,**
Hoặc về **pháp thiên đình?***

Thế Tôn:

922. ***Chớ có những con mắt,**
Đầy đầy những tham đắm!
Hãy chận đứng lỗ tai,*

*Nghe câu chuyện của làng.
Lại chớ nên đắm say,
Các mùi vị ngon lành,
Chớ xem là của ta,
Mọi sự vật ở đời!*

923. *Trong khi được cảm giác,
Với các loại cảm xúc,
Tỷ-kheo không than van,
Bất cứ một điều gì.
Vị ấy không cầu mong,
Dầu loại sanh hữu nào,
Và không có run sợ,
Rơi vào các kinh hoàng.*

924. *Các đồ ăn thô được,
Cùng với các đồ uống,
Các món ăn nhai được,
Các đồ vải mặc được,
Chớ có cất chứa chúng,
Những đồ vật nhân được,
Chớ có quá lo âu,
Nếu không thô được chúng.*

925. *Hãy tu tập thiền **định**,
Chớ làm kẻ lang thang,
Chớ ưa thích trạo cử,*

Đừng rơi vào phóng dật,
Đối với các chỗ ngồi,
Cùng với các chỗ nằm,
Tỷ-kheo hãy an trú,
Những chỗ không tiếng động.

926. **Ngủ** *ngỉ có chừng mực,*
Chớ có ngủ quá nhiều,
Hãy luôn luôn tỉnh thức,
Nỗ lực và nhiệt tâm,
Hãy từ bỏ biếng nhác,
Man trá, cười, chơi đùa,
Hãy từ bỏ dâm dục,
Bỏ ưa thích trang điểm.

927. **Chớ có dùng** **bùa chú,**
A-thar-va Vệ-đà,
Chớ tổ chức đoán mộng,
Coi tướng và xem sao,
Mong rằng đệ tử Ta,
Không đoán tiếng thú kêu,
Không chữa bệnh không sanh,
Không hành nghề lang băm.

928. *Tỷ-kheo không run sợ,*
Khi bị người chỉ trích,
Cũng không có cống cao,

*Khi được khen tán thán,
Hãy từ bỏ tham ái,
Cùng với tánh xan tham,
Kể luôn cả phần nộ,
Cùng với nói hai lưỡi.*

929. Tỷ-kheo không an trú,
Trong nghề nghiệp bán buôn,
Lại không có chỉ trích,
Bất cứ tại chỗ nào,
Khi ở tại thôn làng,
Không tức giận một ai,
*Chớ có vì lợi dưỡng,
Nói chuyện với quần chúng.*

930. Tỷ-kheo không nên nói,
Khoa trương quá mức độ,
Và cũng không nói lời,
Có dụng ý lợi dưỡng.
Chớ có học tập theo,
Lối sỗ sàng trâng tráo,
Chớ có thốt ra lời,
Khiêu khích xung đột ai!

931. Chớ có bị dắt dẫn,
Rơi vào lời nói láo,
Không cố ý làm nên,

Điều man trá giả dối,
Chớ có khinh người khác,
Về vấn đề sinh mạng,
Về vấn đề trí tuệ,
Và vấn đề giới hạnh.

932. Sau khi phần uất nghe,
Nhiều ngôn từ lời lẽ,
Của các vị Sa-môn,
Hay những kẻ phàm phu,
Chớ có phản ứng họ,
Với những lời thô ác,
Bậc hiền lành an tịnh,
Không phản pháo một ai.

933. Sau khi rõ biết được,
Pháp này là như vậy,
Tỷ-kheo hãy học tập,
Sáng suốt và chánh niệm,
Rõ biết sự mát lạnh,
Được gọi bậc "an tịnh",
Chớ có sống phóng dật,
Trong lời dạy Cù-đàm.

934. Bậc đã được chiến thắng,
Không ai chiến thắng nổi
Tự mình thấy được pháp,

*Không nghe theo tin đồn,
Do vậy **hãy học tập,**
Luôn luôn không phóng dật,
Với **tâm tư cung kính,**
Lời dạy đức Thế Tôn,
Thế Tôn nói như vậy.*

82 Bán nam bán nữ - Do nghiệp lấy vợ người - Kinh Isidàsi – Tiểu III, 703

Isidàsi – *Tiểu III, 703 (72)*

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Ujjeni, con gái một thương gia có giới đức, được kính trọng, và giàu có và đặt tên là Isidàsi.

Khi nàng đến tuổi trưởng thành, cha nàng gả nàng cho con trai một người thương gia, xứng đôi vừa lứa. Trong một tháng, nàng sống với chồng như một người vợ trung thành. Nhưng vì **ng nghiệp** đời trước của nàng, **chồng nàng trở thành lạnh nhạt** đối với nàng và đuổi nàng ra khỏi nhà. Mọi sự việc này được ghi rõ trong nguyên bản Pàli. Vì nàng tự tỏ không xứng đáng đối với người chồng này và chồng khác, nàng trở thành dao động, và được cha cho phép, nàng xuất gia với sự hướng dẫn của Trưởng lão Ni Jinadattà.

Sau khi **tu học thiền quán**, không bao lâu nàng chứng quả A-la-hán với sự hiểu biết về pháp và về nghĩa.

Sống trong sự an lạc Niết-bàn, một hôm sau khi đi khát thực và ăn xong, trong thành Patna, nàng ngồi bên bờ cát sông Hằng và đáp lời hỏi của Trưởng lão Ni Bodhi, nàng nói lên kinh nghiệm tu tập của nàng

ngang qua những bài kệ này. Và để cho có sự liên hệ giữa các câu trả lời trước và sau có bài kệ được các nhà kiết tập về sau thêm vào:

*400. Trong thành được đặt tên,
Tên chỉ một đóa hoa,
"Pàtaliputta",
"Con của đóa bông kèn",
Sống hai Tỷ-kheo-ni,
Có giới hạnh tốt đẹp,
Thuộc gia đình Thích-ca,
Gia đình cao quyền quý.*

*401. Một I-xi-đa-xi,
Thứ hai tên Bô-dhi,
Cả hai có giới hạnh,
Ưu thích tu thiền định,
Được nghe kinh điển nhiều,
Kiết sử được trừ bỏ.*

*402. Họ đi khát thực xong,
Ăn xong, bát rửa sạch,
Ngồi hưởng lạc viển ly,
Nói lên những lời này.*

*403. Hồi I-xi-đa-xi,
Căn nàng thật thoải mái,*

*Tuổi thọ chưa tổn giảm;
Nàng thấy khuyết điểm gì,
Khiến tâm chú trọng nhiều,
Đến hạnh nguyện xuất ly.*

*404. Như vậy sống viên ly,
Thiện xảo về thuyết pháp,
I-xi-da-xi thuyết,
Lời nói như thế này,
Hãy nghe, này Bô-đi,
Ta xuất gia thế nào.*

*405. Tại thành phố thù thắng,
Đặt tên Uj-jê-ni,
Cha ta là triệu phú,
Có đức độ giới hạnh,
Ta là con gái một,
Được cha thương, yêu quý.*

*406. Từ thành Xê-kê-ta,
Một người dạm hỏi đến,
Một gia đình quyền quý,
Hỏi ta cho con trai,
Triệu phú bèn gả ta,
Làm dâu người giàu ấy.*

407. Sáng và chiều, ta đến,

*Đánh lễ cha, mẹ chồng,
Cúi đầu đánh lễ chân,
Như ta được dạy bảo.*

*408. Với chị, với em anh,
Với bà con chồng ta,
Thấy một người bước vào,
Ta e sợ mời ngồi.*

*409. Về đồ ăn, uống, nhai,
Được cất giữ có chỗ,
Ta thiết đãi cho ăn,
Thích hợp từng người một.*

*410. Ta thức dậy đúng thời,
Đi vòng quanh khắp nhà,
Rồi chà rửa chân tay,
Ta đến lễ chồng ta.*

*411. Cầm theo lược trang liệu,
Thuốc xoa mắt gương nhỏ,
Ta trang điểm chồng ta,
Như thị tỳ hầu hạ.*

*412. Ta tự nấu dọn cơm,
Ta tự rửa chén bát,
Như mẹ đối với con,*

Ta hầu chồng như vậy.

*413. Như vậy phục vụ chồng,
Với phục vụ tối thượng,
Dậy sớm không biếng nhác,
Với tâm tư khiêm tốn,
Với giới hạnh tốt đẹp,
Nhưng chồng ác cảm ta.*

*414. Chồng ta nói mẹ cha,
Xin phép con sẽ đi,
Với I-xi-đa-xi,
Con không thể sống chung,
Cùng dưới một mái nhà,
Con không thể cùng ở.*

*415. Chớ nói vậy, này con!
Vợ con người có trí,
Thông minh, biết dậy sớm,
Sao con không hoan hỷ.*

*416. Nàng không hại gì con,
Nhưng con không bao giờ,
Có thể sống chung được,
Với I-xi-đa-xi,
Con ghét cay chán ngấy,
Xin phép, con sẽ đi.*

417. Được nghe lời chồng nói,
Cha mẹ chồng hỏi con.
Làm gì xúc phạm chồng?
Hãy thẳng thắn nói thật.

418. Con không xúc phạm gì!
Không hại, không mưu tính.
Với lời nói khó chịu,
Có thể làm gì được?
Tuy vậy chồng của con,
Lại ác cảm chống con.

419. Họ đưa ta về nhà,
Nhà thân phụ của ta,
Với tâm tư khổ não,
Sửng sốt và bối rối,
Không muốn mất con trai,
Họ muốn bảo vệ nó.
Ôi, chúng ta bại trận,
Bởi nữ thần may rủi.

420. **Cha ta lại gả ta,**
Cho gia đình thứ hai,
Một gia đình giàu có,
Bằng lòng nửa số tiền,
Là tiền gả bán ta.

421. **Ta chỉ sống một tháng,**
Trong gia đình vị ấy,
Vị ấy trả lui ta,
Dầu ta tận tụy làm,
Chẳng khác người nô lệ,
Không lỗi lầm, có đức.

422. **Cha ta nói khát sĩ,**
Sống điều phục chế ngự,
Người hãy làm rể ta,
Bỏ áo rách ghè bình.

423. Vị ấy sống **nửa tháng,**
Rồi nói với cha ta,
Hãy trả lui áo rách,
Ghè bình và bình bát,
Con nay muốn sống lại,
Nghề khát sĩ của con.

424. Cha, mẹ, toàn bà con,
Liên nói với vị ấy:
Ở đây có cái gì,
Làm con không bằng lòng?
Hãy nói gấp cái gì,
Làm con không vừa ý.

425. Được nói vậy, vị ấy,
Liên trả lời như sau:
Nếu đối với tự ngã,
Con có thể bằng lòng,
Nhưng con không chung sống,
Với I-xi-đa-xi!

426. Từ giã vị ấy đi,
Một mình, ta suy nghĩ:
Ta đến để xin phép,
Hoặc chết hay xuất gia.

427. Rồi Ji-na-đạt-ta.
Vị ni sư ấy đến,
Trong khi đi khát thực,
Đến gia đình cha ta,
Vị thọ trì giới luật,
Nghe nhiều, có giới hạnh.

428. Thấy Ni sư, chúng tôi,
Đều đứng lên kính cẩn,
Và ta liền sửa soạn,
Chỗ ngồi cho Ni sư,
Ngồi xuống, ta đánh lễ,
Dưới chân bậc Ni sư,
Lễ xong, ta cúng dường,
Các đồ ăn đồ uống.

429. Các món ăn, uống, nhai,
Tại đây, được dự trữ,
Làm Ni sư thỏa mãn,
Ta thừa với Ni sư,
Nay ta muốn xuất gia,
Sống đời không gia đình,
Cha ta nói với ta:
"Này con hãy ở đây".

430. Hành trì đúng Chánh pháp,
Với đồ ăn đồ uống,
Hãy làm cho thỏa mãn,
Sa-môn, hai lần sanh.

431. Vừa nói, ta khóc lóc,
Chấp tay vái cha ta;
Với điều ác con làm,
Con sẽ tiêu nghiệp ấy.

432. Cha ta nói với ta:
Hãy chứng ngộ Bồ-đề.
Và Chánh pháp tối thượng!
Hãy chứng đắc Niết-bàn,
Đã được Lương Túc Tôn,
Thành tựu và chứng đạt.

433. *Ta đánh lễ mẹ cha,
Cùng tất cả bà con,
Sau **bảy** ngày xuất gia,
Ta chứng được **Ba minh**.*

434. ***Ta biết bảy đời trước,
Quả gì nay thành thực,
Ta sẽ nói cho bạn,
Hãy nhất trí lắng nghe.***

435. *Tại thành phố đặt tên,
Ê-ra-ka-kac-chê,
**Ta sống là thợ vàng,
Tài sản thật phong phú.***

436. *Say đắm với tuổi trẻ,
Ta xâm phạm vợ người,
Do vậy, sau khi chết,
Trong cảnh giới địa ngục,
Ta bị đốt, nung nấu,
Trong một thời gian dài,
Thoát khỏi sự nung đốt,
Ta sanh trong bụng **khỉ**.*

437. *Bảy ngày từ khi sanh,
Ta **bị khỉ chúa thiến,**
Đây là quả của nghiệp,*

Do đi đến vợ người.

438. Từ đây ta chết đi,
Mệnh chung rùng Xin-đa,
Sanh trong bụng con **đê**,
Một mắt và què quặt.

439. **Mười hai năm bị thiên,**
Mang nặng những đứa con,
Sán trùng ăn vô dụng,
Do đi đến vợ người.

440. Từ đây ta chết đi,
Sanh làm con **bò cái**,
Của một lái buôn bò,
Con ghé màu đỏ sẫm,
Khi được mười hai tháng.
Lại bị người ta thiên.

441. Rồi ta lại kéo cày,
Kéo xe cho chúng nó,
Mù, lo lắng, vô dụng,
Do đi lại vợ người.

442. Từ đây chết được sanh,
Nhà **nữ tỳ gần đường,**
Không là nữ, không nam,

Do đi lại vợ người.

443. Đến tuổi **ba mươi** năm,
Bị chết, ta được sanh,
Sanh làm người con gái,
Gia đình người đánh xe,
Nghèo khổ ít tài sản,
Rơi vào tay vay lãi,
Do tiền nợ tăng trưởng,
Chủ lãi đoàn bắt ta.

444. Kéo ta, dầu ta khóc,
Lôi ta ra khỏi nhà.

445. Khi ta mười sáu tuổi,
Lớn lên thành thiếu nữ,
Con trai thương gia ấy,
Bắt ta lấy làm vợ.

446. Nhưng nó có vợ khác,
Có giới đức danh xưng,
Lại biết thương mến chồng,
Chính ta tạo thù hằn.

447. Do quả của nghiệp này,
Họ khinh ghét chống ta,
Dầu ta như nô tỳ,

*Hầu hạ phục vụ họ,
Nhưng nay ta chấm dứt,
Mọi sự việc như trên.*

83 Bát chánh đạo - Con đường đưa đến bất tử - Kinh Tàlaputta – Tiểu III, 479

Tàlaputta – *Tiểu III*, 479 (262)

Trong thời gian đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình kịch sĩ, trở thành thiện xảo trong nghề diễn kịch thích hợp với người trong gia tộc và trở thành lừng danh khắp Ấn Độ, như nhà lãnh đạo một ban hát với năm trăm nữ nhân, với sự huy hoàng của nghề kịch, ngài dự các lễ ở làng, ở thị trấn, ở cung điện vua, và rất được sủng ái và danh tiếng.

Khi ngài trình diễn ở Ràjagaha với nhiều thành công, ngài đến yết kiến đức Phật và hỏi có phải một kịch sĩ khi trên sân khấu giả danh sự thật, làm cho khán giả ưa thích, vui cười, người ấy sau khi chết được sanh vào *chư Thiên* hay cười.

Đức Phật ban đầu không trả lời. Đến khi hỏi lần thứ tư, đức Phật trả lời những ai khiến cho con người thiên về tình dục, tiêu cực, tâm tư hoang mang khiến người ta mất nhiệt tình, người như vậy sau khi chết sẽ sinh vào địa ngục. Nhưng nếu có tà kiến thời bị sanh vào địa ngục và súc sanh. Tàlaputta khóc không phải vì đức Phật nói chỗ tái sanh, chỉ vì bị các kịch

sĩ xưa lừa dối nói rằng kịch sĩ sẽ được sanh trong một đời sống hạnh phúc.

Rồi Tàlaputta nghe lời đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời tu tập, chứng quả A-la-hán.

Rồi nêu rõ với nhiều chi tiết, như thế nào ngài chế ngự và làm cho trong sạch tâm tư, đi đến chỗ giác ngộ thâm sâu, ngài nói lên những câu kệ như sau:

I

*1092. Khi nào ta sẽ đến,
Một mình, không có hai,
Ở trong những hang động,
Của các loại núi rừng,
Ta quán mọi sanh hữu,
Tất cả là vô thường,
Nay ta là như vậy,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1093. Khi nào ta sẽ là,
Ấn sĩ mang y vá,
Mang y vải màu vàng,
Không của ta, không ái,
Đoạn trừ, diệt **tham** tâm,
Đoạn luôn cả **sân**, **si**,*

*Ta đi đến khu rừng,
Sẽ trú trong an lạc.*

1094. *Khi nào ta thấy được,
Thân này là vô thường,
Bị chết già áp bức,
Ổ giết chóc, bệnh tật
Ta sẽ trú trong rừng,
Một mình, quán vô úy
Khi nào sẽ là vậy?*

1095. *Khi nào ta sẽ lấy,
Gương sắc bén trí tuệ,
Chặt dây leo khát **ái**,
Với nhiều dây chằng chặt,
Sanh khởi lên sợ hãi,
Mang đến sự khổ đau.
Khi nào sẽ là vậy?*

1096. *Khi nào ta sẽ là,
Có sức mạnh rút gương,
Gương do tuệ tạo thành,
Là lửa sáng ẩn sĩ,
Với sức mạnh đập tan,
Ác ma với Ma quân,
Trên chỗ ngồi sư tử,
Khi nào sẽ là vậy?*

1097. Khi nào ta sẽ được,
Hội tụ với bậc thiện,
Được thấy giữa các vị,
Đảm nhận các trọng pháp,
Tinh cần với các vị,
Thấy sự vật như thật,
Chiến thắng được các căn,
Khi nào sẽ là vậy?

1098. Khi nào nhác đói khát,
Gió, nóng, trùng bò sát,
Sẽ không nào hại ta,
Ở Gi-ri-bhaje,
Đang lo đến tự ngã,
Khi nào sẽ là vậy?

1099. Khi nào ta có thể,
Chánh niệm, ngã định tĩnh,
Hiểu được với trí tuệ,
Bốn sự thật khéo giảng,
Bởi bậc Đại ẩn sĩ,
Khi nào sẽ là vậy?

1100. Khi nào ta sẽ chuyên,
Chú tâm vào an chỉ,
Thấy được với trí tuệ,

*Sắc, thanh, hương, vị, xúc,
Các pháp vô thường này,
N như lửa cháy hừng đỏ,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1101. Khi nào ta bị nói,
Vớ lời nói thô ác,
Không vì lý do ấy,
Tâm trí bị thất vọng.
Khi được lời tán thán,
Không vì lý do ấy,
Tâm tư được thỏa mãn.
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1102. Khi nào nhiều như củi,
Cỏ, cây leo, thân cây,
Ta cân nhắc bình đẳng,
Nhữn pháp vô lượng này,
Nội pháp và ngoại pháp,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1103. Khi nào mây đem mưa,
Vớ nước mới trong rừng,
Làm ướt y áo ta,
Ta đi trên đường ướt,
Con đường ẩn sẽ đi.
Khi nào sẽ là vậy?*

1104. Khi nào nghe trong rừng,
Tiếng kêu của loài chim,
Chim công, có mào đầu.
Trong hang động núi rừng,
Ta an trú suy tư,
Để đạt quả bất tử,
Khi nào ta sẽ vậy?

1105. Khi nào với thần thông,
Ta có thể vượt qua,
Không chìm, không sợ hãi,
Sông Hằng, Yamunà,
Sông Sarasvati,
Với cửa sông hải hùng,
Với nước ào vực sâu,
Khi nào sẽ là vậy?

1106. Khi nào, như con voi,
Trên chiến trường tấn công,
Ta sẽ phá tan tành,
Lòng dục đối dục cảnh,
Chuyên chú trong thiền định,
Từ bỏ mọi tịnh tướng,
Khi nào sẽ là vậy?

1107. Khi nào như người nghèo,

*Mắc nợ chưa trả được,
Bị kẻ giàu thúc bách,
Tìm ra được của chôn,
Ta sẽ được thoải mái,
Họ được lời giảng dạy,
Của vị Đại ân sĩ,
Khi nào sẽ được vậy?*

II

*1108. Nhiều năm ta được người,
Yêu cầu làm như sau:
Như vậy là vừa rồi,
Người sống đời gia đình,
Nay ta đã xuất gia,
Do vậy, **hồi này tâm**,
Do vì lý do gì,
Người không có chuyên tâm?*

*1109. Nay tâm, phải chăng người,
Yêu cầu ta như sau:
Tại Giribbaje
Loài chim có lông sáng,
Đón chào với tiếng kêu,
Sấm của Đại In-da.
Hãy làm vị ấy vui,
Đang tu thiền trong rừng.*

1110. Trong gia đình, bạn bè,
Người yêu và bà con,
Các du hí ở đời,
Các đối tượng của dục,
Tất cả đều từ bỏ,
Ta chấp nhận thế này.
Hỡi này tâm, người không,
Bằng lòng với ta chăng?

1111. Việc này chỉ vì ta,
Đây không vì người khác,
Khi đến thời vũ trang,
Sao lại còn than khóc?
Thế giới này toàn động,
Chờ đợi là như vậy.
Nên ta đã ra đi,
Tìm cầu đạo bất tử.

1112. Vị nói điều khó nói,
Tối thượng loài hai chân,
Bạc Y vương vĩ đại,
Đánh xe điều ngự người,
Với tâm không tham dục,
Ngài khéo chế ngự được,
Người khó lòng chế ngự,
Chế ngự được tâm người,

Vọng động như con vượn.

1113. Các **dục** có nhiều vẻ.

*Dịu ngọt, rất khả ý,
Ở đây, hàng phàm phu,
Vô trí, bị trói buộc.*

*Họ muốn chịu đau khổ,
Khi họ tìm tái sanh,
Đắt dẫn bởi tâm họ,
*Họ chết trong địa ngục.**

1114. Trong khu rừng vang lên,

Tiếng chim công, chim cò,

Chỗ trú xứ ưu tiên,

Của loài beo, loài cọp,

Ngươi sống tại chỗ ấy,

Chớ chờ đợi về thân,

Chớ có quá đam mê,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1115. **Hãy tu thiền, Căn, Lực,**

Hãy tu Định Giác chi,

Hãy giác chứng Ba Minh,

Trong lời dạy đức Phật,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1116. **Hãy tu tập con đường,**
Để đạt được bất tử,
Đường đưa đến thể nhập,
Chỗ đoạn diệt mọi khổ.
Con đường có **Tám ngành,**
Rửa sạch mọi uế nhiễm.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1117. **Hãy như lý quán sát,**
Các uẩn là đau khổ,
Hãy từ bỏ xa người,
Những nguyên nhân đau khổ.
Ngay trong thời hiện tại,
Hãy chấm dứt đau khổ,
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1118. **Hãy như lý tuệ quán,**
Là vô thường, là khổ,
Là không, là vô ngã,
Là tà ác, sát hại,
Hãy chế ngự tâm người,
Chớ để nó chạy loạn.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1119. Trọc đầu và xấu sắc,
Đi đến bị nguyên rửa,
Khi khát thực gia đình,
Tay cầm hình đầu lâu,
Nay người có chủ tâm,
Vào lời dạy Bốn Sư,
Vào lời Đại ẩn sĩ,
Này tâm, hãy khích lệ
Hãy khuyên ta như trước.

1120. **Hãy đi trên con đường,**
Tự ngã khéo chế ngự,
Giữa các nhà, tâm ý,
Không ái luyến các dục,
Nhu trắng vào tháng tròn,
Không có bọt mây mù.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1121. **Hãy sống trong rừng núi,**
Ăn đồ ăn khát thực,
Sống tại chỗ nghỉ địa,
Mặc y lượm đồng rác.
Chỉ có ngồi, không nằm,
Luôn vui hạnh Đầu-đà,
Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1122. *Như người đã trồng cây,
Liên tìm cho được trái,
Nay người ước muốn trái,
Há chặt rễ cây sao?
Này tâm, thật giống như,
Ví dụ người đã làm,
**Khi người khích lệ ta,
Trong vô thường dao động.***

1123. *Người, vô sắc, cô độc,
Kẻ lữ hành từ xa,
Nay ta sẽ không làm,
Theo lời nói của người.
Các dục là khổ đau,
Cay đắng, sợ hãi lớn,
Tâm hướng vọng Niết-bàn,
Ta sẽ bước, đi tới.*

1124. ***Ta đi tới xuất gia,
Không phải vì bất hạnh,
Không đùa vô liêm sỉ,
Không vì duyên tâm hứng,
Không bị đày đi xa,
Không vì nhân mạng sống,
Khi ta đã bằng lòng,***

*Này **tâm**, đối với người.*

1125. *Ít **dục** được tán dương,
Bởi những bậc chân nhân,
Kể cả đoạn giả dối,
Và an tịnh đau khổ.
Như vậy, hồi này **tâm**,
Khi người khích lệ ta,
**Còn nay người đi ngược,
Điều người trước quen làm.***

1126. *Khát ái và vô minh,
Đáng thương và đáng ghét,
Sắc đẹp và lạc thọ,
Dục trưởng dưỡng hấp dẫn,
Tất cả đã quăng bỏ,
Ta không có cố gắng,
Đi đến một lần nữa,
Những đồ đã quăng bỏ.*

1127. *Này **tâm**, khắp mọi nơi,
Ta làm theo lời người,
Trải qua nhiều đời sống,
Người không tức giận ta,
**Và thân nội sanh này,
Là lòng người biết ơn!
Trên đường luân hồi dài,***

Khổ do chính người tạo.

***1128. Nay tâm, chính người làm,
Tác thành con người ta,
Chính người làm, ta thành,
Thành một Bà-la-môn,
Thành vua chúa hoàng tộc,
Một ngày là người buôn,
Ngày kia thành nô tỳ,
Hoặc thành loại chư Thiên.
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.***

***1129. Chính do nhân nhà người,
Chúng ta thành Tu-la,
Chính do người tác thành,
Ta rơi đáy địa ngục;
Một thời thành súc sanh,
Một thời thành ngựa quý,
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.***

***1130. Người sẽ không lừa ta,
Nhiều lần, nhiều thời nữa,
Như những người phù thủy,
Bày các trò ảo thuật,
Người chơi lừa phỉnh ta,***

*Như chơi với người điên,
Này tâm, hãy nói ta,
Chỗ nào ta lỗi lầm.*

*1131. Trước tâm này lang thang,
Chạy chỗ này chỗ khác,
Chạy chỗ nó ưa thích,
Chạy chỗ nó vui sướng,
Nay ta chế ngự tâm,
Với như lý tư duy,
Như câu móc chế ngự,
Nhiếp phục con voi rừng.*

*1132. Với ta, bậc Đạo Sư,
Xác định đời vô thường,
Đời không có trường cửu,
Đời không có kiên thực.
Này tâm, hãy đẩy ta,
Nhảy vào lời Phật dạy,
Khiến ta vượt bực lưu,
Rất khó được vượt qua.*

*1133. Ta nay đã xuất gia,
Trong pháp Đại ẩn sĩ,
Những người giống như ta,
Không chấp nhận tổn thất.*

1134. Rừng, biển, sông, đất liền,
Bốn phương, phụ trên dưới,
Tất cả là vô thường,
Ba hữu là hoạn nạn,
Này tâm, hãy đi đâu?
Ngươi sẽ hưởng an lạc.

1135. Kìa, kìa, hỡi này **tâm**,
Đích ta thật vững chắc,
Ngươi sẽ làm được gì,
Khiến ta phải quay lại,
Này tâm, ta đâu còn,
Tùy thuộc thế lực ngươi,
Không ai chịu xúc chạm,
Cái bị có hại miệng,
Góm ghiếc thay cái vật,
Đây chín dòng chảy nước.

1136. Ôi, ngươi sẽ ưa sống,
Trên đỉnh sườn núi cao,
Chỗ ở đàn heo nai,
Hay cảnh đẹp thiên nhiên,
Hay trong núi rừng sâu,
Thấm mát mưa nước mới,
Tại đây ngươi sẽ thích,
Ngươi lấy hang làm nhà.

1137. Loài chim lông cổ đẹp,
Với mào đẹp, cánh đẹp,
Với lông nhiều màu sắc,
Đón chào tiếng sấm vang,
Với tiếng kêu dịu ngọt,
Chúng sẽ làm người thích,
Người tu tập thiền định,
Trong núi rừng thâm sâu.

1138. Khi trời đổ mưa xuống,
Trên đám cỏ bốn phân,
Và trong rừng nở hoa.
Với đầu hoa như mây,
Giữa rừng, ta sẽ nằm,
Chẳng khác gì khúc cây,
Đối ta, rất mềm dịu,
Thật giống như giường bông.

1139. Như vậy, ta sẽ làm,
Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Như thợ da không nhác,
Khéo làm cho nhuần nhuyễn,
Cái bị bằng da mèo.

1140. Như vậy ta sẽ làm,

Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Tinh tấn ta dẫn người,
Roi vào thế lực ta.
Như voi say bị nài,
Khéo dùng móc chế ngự.

1141. **Với người khéo nhiếp phục,**
Khéo an trú vững vàng,
Như người huấn luyện **ngựa**,
Với con ngựa thuần thực,
Ta có thể dẫn bước,
Trên con đường an lành,
Con đường được những vị,
Hộ trì tâm thường dùng.

1142. **Ta sẽ trói chặt người,**
Vào đối tượng cần thiết,
Như con voi bị dây,
Trói chặt vào cây cột.
Ta khéo hộ trì người,
Khéo luyện với chánh niệm.
Nhờ vậy, người sẽ thành,
Không dựa mọi sanh hữu.

1143. Với **tuệ**, chặt tà đạo,

Với **lực**, chặn, hướng chánh,
Thấy tập khởi, diệt sanh,
Người sẽ là thừa tự,
Bậc phát ngôn tối thượng.

1144. Nay tâm, người dẫn ta,
Đến **ngôi làng thô lỗ**,
Khiến trú vào thế lực,
Của **bốn tướng điên đảo**,
Hãy đến, theo vị ấy,
Vị chặt đứt kiết sử,
Bậc có tâm đại bi,
Bậc Mâu-ni vĩ đại.

1145. Như loài thú tự do,
Trong ngôi rừng đẹp đẽ.
Người vào núi xinh đẹp,
Có mây làm vòng hoa,
Tại đây, không có người,
Trong rừng người sẽ thích,
Nay tâm, chắc chắn vậy,
Người sẽ đến bờ kia.

1146. **Những ai còn rơi vào,**
Thế lực ý muốn người,
Nam nhân và nữ nhân,
Hưởng an lạc người cho,

*Không trí, bị rơi vào,
Trong thế lực Ác-ma.*

*Ai ưa thích sanh hữu,
Sẽ là thuộc hạ người,
Hồi này tâm của ta.*

84 Bát chánh đạo - Con đường đủ pháp nghĩa - Kinh Gayà Kassapa – Tiểu III, 242

Gayà Kassapa – Tiểu III, 242 (204)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn, câu chuyện ngài **giống như câu chuyện của Nadi-Kassapa**, chỉ khác ngài chỉ có **hai trăm đệ tử và sống ở Gayà**.

Ngài nói lên chánh trí bằng cách tán thán tẩy sạch các điều ác như sau:

344. **Buổi sáng, trưa, buổi chiều,
Ba lần trong một ngày,
Ta xuống dòng Gà-yà,
Sông Ga-ya-phay-gu.**

345. **Các điều ác, ta làm,
Trong các đời sống trước,
Nay đây ta rửa sạch,
Xưa ta tin là vậy.**

346. **Nghe lời nói khéo giảng,
Con đường đủ pháp nghĩa,**

*Với ý nghĩa chân thật,
Ta như lý quán sát.*

*347. Ta tẩy sạch mọi ác,
Ta không uế, trong sạch.
Ta trong sạch thuần tịnh,
Thừa tự bậc trong sạch,
Ta chính là con trai,
Con chính tông đức Phật.*

*348. Lặn vào dòng **Tám chánh**,
Ta gột sạch mọi ác,
Ba minh ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

85 Bát chánh đạo - Hãy tu Tám Thánh đạo, Giác chứng đạo bất tử - Kinh Phussa – Tiểu III, 437

Phussa – Tiểu III, 437 (258)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một vị vua trị vì một tỉnh, được đặt tên là *Phussa*, và được giáo dục trong mọi tài năng của thanh niên hoàng tộc.

Nhưng ngài có tâm hướng khác thường, không thiên về thế tục, nên khi nghe một vị Trưởng lão thuyết pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia. Tu tập thiền định, ngài **phát triển thiền quán** và sau một thời gian, chứng được *sáu thắng trí*.

Một hôm, một *ẩn sĩ tên Pandara-gotta* nghe ngài thuyết pháp, thấy xung quanh có một số Tỷ-kheo giới đức nghiêm minh, tu tập, chế ngự thân và tâm, vị ẩn sĩ suy nghĩ: "**Hệ thống này thật đáng tin tưởng, mong rằng hệ thống này được tồn tại!**".

Rồi vị ấy hỏi ngài về tương lai sự tiến bộ các Tỷ-kheo như thế nào? Ngài trả lời với những bài kệ như sau, riêng bài kệ 949 do các nhà kiết tập đặt thêm vào:

949. *Ấn sĩ Pan-đa-ra,*
Thấy nhiều vị thành tín,
Tự ngã có tu tập,
Khéo hộ trì chế ngự
Ngài mới đặt câu hỏi,
Với vị tên Phussa.

950. *Trong thời gian tương lai,*
Sẽ có ước muốn gì?
Sẽ có chí nguyện gì?
Sẽ có cử chỉ gì?
Mong ngài hãy trả lời,
Câu hỏi của chúng tôi.

951. *Ấn sĩ Pan-đa-ra,*
Hãy nghe lời ta nói,
Hãy thọ trì cẩn thận,
Ta sẽ nói tương lai.

952. *Phẫn nộ và hiềm hận,*
Che đậy và cứng đầu,
Nhiều lừa đảo, ganh tị,
Tương lai nhiều loại vậy,

953. *Họ tự cho có trí,*
Pháp sâu, chỉ đến bờ,

**Họ khinh nhờn Chánh pháp,
Họ không kính trọng nhau.**

954. Nhiều nguy hiểm ở đời,
Sẽ xảy ra tương lai,
**Pháp được khéo giảng này,
Kẻ ngu làm uế nhiễm.**

955. Trong Tăng chúng, những vị,
Có đức hạnh hạ liệt,
Họ thường hay tuyên bố,
Có tự tín, không sợ,
**Kẻ không học, lắm lời,
Sẽ đứng vào thế mạnh.**

956. Trong Tăng chúng, những vị,
Có giới hạnh tốt đẹp,
Khi họ có tuyên bố,
Tuyên bố đúng sự thật,
**Họ thường ở thế yếu,
Hỗ thẹn thiếu nhiệt thành.**

957. Bạc, vàng và đồng ruộng,,
Đất đai, dê và cừu,
Nô tỳ nữ và trai,
Kẻ ngu si vô trí,
Sẽ thân nhận tất cả,

Trong tương lai là vậy.

958. *Kẻ ngu dễ nóng giận,
Không định tĩnh trong **giới**,
Kiêu ngạo, đi đó đây,
Như thú ra đánh nhau.*

959. *Họ trở thành tháo động,
Thường đắp **y màu xanh**,
Lừa đảo và ngoan cố,
Lắm mồm, ăn nói giả,
Họ bắt chước giả bộ,
Như bậc Thánh thời xưa.*

960. *Với tóc bôi dầu lảng,
Dao động, mắt vẽ xanh,
Đắp **y màu trắng** ngà,
Họ qua lại trên đường.*

961. ***Y vàng** được khéo nhuộm,
Lá cờ bậc La-hán,
Được các bậc giải thoát,
Đắp mang không nhằm chán,
Còn họ chán y vàng,
Ái luyến đắp **màu trắng**.*

962. *Họ trở thành tham lợi,*

Biếng nhác, ít tinh cần,
Khó sống rừng hoang vu,
Thích sống gần xóm làng.

963. Những ai sợ được lợi,
Luôn luôn ưa tà mạng,
Họ học đòi người ấy,
Thân cận, không tự chế.

964. Những ai không được lợi,
Họ không trọng, không kính,
Bạc khả kính, Hiền trí,
Họ không có thân cận.

965. Khinh cờ hiệu của mình,
Ưa thích màu ngoại sắc,
Có kẻ mang y trắng,
Lá cờ hiệu ngoại đạo.

966. Không kính y màu vàng,
Thời ấy họ là vậy,
Chờ đợi màu y vàng,
Không phải của Tỷ-kheo.

967. Bị đau khổ chinh phục,
Bị quặn đau tên đâm,
Chờ đợi đại khủng bố.

Voi ta không nghĩ nghĩ.

968. Khi **bạc sáu ngà** thấy,
Cờ La-hán khéo nhuộm,
Voi nói lên những kệ,
Liên hệ đến mục đích.

969. **Ai sẽ mặc cà-sa,
Tâm chưa rời uế trước,
Không tự chế, không thực,
Không xứng áo cà-sa.**

970. **Ai rời bỏ uế trước,
Khéo định trong giới luật,
Tự nhiếp phục, chơn thực,
Thật xứng áo cà-sa.**

971. **Phá giới, trí hạ liệt,
Không tự chế, tham dục,
Tâm loạn, thiếu phần chấn,
Không xứng áo cà-sa.**

972. **Ai đầy đủ giới hạnh,
Ly tham, có định tĩnh,
Tâm tư thật trinh bạch,
Vị ấy xứng áo cà-sa.**

973. **Ai kiêu ngạo, phóng dăng,
Ngu si, không giới hạnh,
Xứng đáng mặc áo trắng,
Làm gì có cà-sa.**

974. **Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni,
Tâm uế, không tin kính,
Tương lai sẽ ức hiếp,
Đối vị có **tâm từ**.**

975. **Kẻ ngu mang y áo,
Dầu được Trưởng lão dạy,
Liệt trí sẽ không nghe,
Không tự chế, tham dục.**

976. **Kẻ ngu dầu dạy vậy,
Không có kính trọng nhau,
Sẽ không có vâng lời,
Lời dạy giáo thọ sư,
Giống như ngựa bất kham,
Đối với người đánh xe.**

977. **Như vậy, thời tương lai,
Hành tung sẽ là vậy.
Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni,
Khi thời tối hậu đến,
Hãy ôn hòa thân ái,**

Hãy cung kính lẫn nhau.

978. **Đại nạn ấy chưa đến,**
Trước khi đại nạn đến,
Hãy ôn hòa thân ái,
Hãy cung kính lẫn nhau.

979. **Hãy có tâm từ bi,**
Khéo chế ngự trong giới,
Chuyên tinh tấn nỗ lực,
Thường kiên trì phần chấn.

980. **Thấy nguy hiểm phóng dật,**
Không phóng dật an ổn,
Hãy tu Tám Thánh đạo,
Giác chứng đạo bất tử.

Như vậy vị Trưởng lão nói với Tăng chúng của mình.
Các bài kệ này là lời nói chánh trí của ngài.

86 Bát chánh đạo - Một đêm nhớ đến năm trăm kiếp - Kinh Sobhita – Tiểu III, 154

Sobhita – *Tiểu III*, 154 (143)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Sobhita.

Sau khi được nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia, chứng được **sáu thăng trí**.

Ngài thực hành nhớ đến các đời sống quá khứ, thành tựu **túc mạng thông**, được đức Phật xác nhận là vị **nhớ đến đời sống quá khứ đệ nhất**. Cảm thấy phấn khởi trong quả chứng của mình, ngài nói lên những bài kệ:

165. *Tỷ-kheo giữ chánh niệm,
Với trí tuệ tinh cần,
Một đêm, ta nhớ đến,
Có đến năm trăm kiếp.*

166. *Ta tu **Bốn niệm xứ**,
Bảy giác chi, Tám thánh (đạo),
Một đêm, ta nhớ đến,*

Có đến năm trăm kiếp.

87 Bát chánh đạo - Quy y tối thượng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 67

Phẩm Phạt Đà – *Tiểu I*, 67

179. Vị chiến thắng không bại,
Vị bước đi trên đời,
Không dấu tích chiến thắng,
Phật giới rộng mênh mông,
Ai dùng chân theo dõi,
Bậc không để dấu tích?

180. Ai giải tỏa lưới **tham**,
Ái phược hết dắt dẫn,
Phật giới rộng mênh mông,
Ai dùng chân theo dõi,
Bậc không để dấu tích?

181. Người trí chuyên thiền định,
Thích an tịnh viễn ly,
Chư thiên đều ái kính,
Bậc Chánh giác, chánh niệm.

182. Khó thay, được làm người,
Khó thay, được sống còn,

Khó thay, nghe diệu pháp,
Khó thay, Phật ra đời!

183. Không làm mọi điều ác.
Thành tựu các hạnh lành,
Tâm ý giữ trong sạch,
Chính lời chư Phật dạy.

184. Chư Phật thường giảng dạy;
Nhẫn - khổ hạnh tối thượng.
Niết bàn - quả tối thượng;
Xuất gia không phá người;
Sa-môn không hại người.

185. Không phỉ báng, phá hoại,
Hộ trì giới căn bản,
Ăn uống có tiết độ,
Sàng tọa chỗ nhàn tịnh
Chuyên chú tăng thượng tâm,
Chính lời chư Phật dạy.

186. Dầu mưa bằng tiền vàng,
Các **dục** khó thỏa mãn.
Dục đáng nhiều, ngọt ít,
Biết vậy là bậc trí.

187. Đệ tử bậc Chánh giác,

Không tìm cầu dục lạc,
Dầu là dục chư thiên,
Chỉ ưa thích ái diệt.

188. Loài người sợ hoảng hốt,
Tìm nhiều chỗ quy y,
Hoặc rừng rậm, núi non,
Hoặc vườn cây, đền tháp.

189. Quy y ấy không ổn,
Không quy y tối thượng.
Quy y các chỗ ấy,
Không thoát mọi khổ đau.

190. Ai quy y Đức Phật,
Chánh pháp và chư tăng,
Ai dùng chánh tri kiến,
Thấy được **Bốn Thánh đế.**"

191. Thấy khổ và khổ tập,
Thấy sự khổ vượt qua,
Thấy **đường Thánh tám ngành**,
Đưa đến khổ não tận.

192. Thật quy y an ổn,
Thật quy y tối thượng,
Có quy y như vậy,

Mới thoát mọi khổ đau.

193. Khó gặp bậc Thánh nhơn,
Không phải đâu cũng có,
Chỗ nào bậc trí sanh,
Gia đình tất an lạc.

194. Vui thay, **Phật** ra đời!
Vui thay, **Pháp** được giảng!
Vui thay, **Tăng** hòa hợp!
Hòa hợp tu, vui thay!

195. Cúng dường bậc đáng cúng,
Chư Phật hoặc đệ tử,
Các bậc vượt hý luận,
Đoạn diệt mọi sầu bi.

196. Cúng dường bậc như vậy,
Tịch tịnh, không sợ hãi,
Các công đức như vậy,
Không ai ước lường được.

88 Bát chánh đạo - Trưởng lão Gotama - Kinh Gotama – Tiểu III, 331

Gotama – Tiểu III, 331 (239)

Sanh ở Sàvatthi trước khi đức Phật ra đời, trong một gia đình Bà-la-môn từ Udicca. Ngài lớn lên, rất giỏi các tập Vệ đà và là một vị hùng biện vô địch.

Rồi Thế Tôn ra đời, chuyên bánh xe pháp sau khi hóa độ Yasa với các người bạn, đã đi đến Sàvatthi theo lời mời khẩn thiết của Anàthapindika (Cấp-cô-độc), Bà-la-môn Gotama thấy Thế Tôn, nghe pháp và xin xuất gia. Theo chỉ giáo của bậc Đạo Sư, ngài được một Tỷ-kheo độ cho xuất gia, và được **chứng quả A-la-hán trong khi đang cạo tóc.**

Sau khi sống một thời gian dài ở nước Kosala, ngài trở về Sàvatthi. Nhiều bà con của ngài, một số Bà-la-môn nổi tiếng đến viếng ngài và hỏi ngài những giáo lý chỉ đạo nào là phổ thông mà ngài nghĩ là cần phải thực hành. Ngài nói với họ như sau:

*587. **Hãy biết hạnh phúc mình,
Quan sát lời nghe giảng,
Đây cái gì thích hợp,
Sa-môn hạnh mình theo.***

588. *Bạn kẻ thiện trong đạo,
Hành học pháp rộng lớn,
Khéo nghe bậc Đạo Sư,
Đây hợp Sa-môn hạnh.*

589. *Với tâm kính chư Phật,
Trọng Chánh pháp như thật,
Và mến quý chư Tăng,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

590. *Giữ uy nghi, đi lại,
Mạng sống tịnh, không chê,
Tur tưởng khéo ổn định,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

591. *Điều làm hay không làm,
Uy nghi được ái kính,
An trú tăng thượng tâm,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

592. *Sàng tọa tại rừng núi,
Xa vắng ít ồn ào,
Thân cận bậc Mâu-ni,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

593. *Giới hạnh và học nhiều,*

*Như thật nghiên cứu pháp,
Thiền quán những sự thật,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

594. *Tu quán trên vô thường,
Tưởng vô ngã, bất tịnh,
Không ưa thích tục sự,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

595. *Tu tập các Giác chi,
Thần túc, căn và lực,
Tu Chánh đạo Tám ngành,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

596. *Mâu-ni bỏ khát ái,
Đập tan gốc lậu hoặc,
Hãy an trú giải thoát,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

Như vậy, ngài tán thán các hạnh thích hợp với đời sống một ẩn sĩ, đề cao khả năng của Tăng chúng, và chỉ rõ sự bất lực của một ẩn sĩ không theo Chánh pháp.

Rồi các Bà-la-môn ấy hoàn toàn chấp nhận giới luật, được an trú trong Chánh pháp.

89 Bát chánh đạo - Trưởng lão Tàlaputta - Kinh Tàlaputta – Tiểu III, 479

Tàlaputta – *Tiểu III*, 479 (262)

Trong thời gian đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình kịch sĩ, trở thành thiện xảo trong nghề diễn kịch thích hợp với người trong gia tộc và trở thành lừng danh khắp Ấn Độ, như nhà lãnh đạo một ban hát với năm trăm nữ nhân, với sự huy hoàng của nghề kịch, ngài dự các lễ ở làng, ở thị trấn, ở cung điện vua, và rất được sủng ái và danh tiếng.

Khi ngài trình diễn ở Ràjagaha với nhiều thành công, ngài đến yết kiến đức Phật và hỏi có phải một kịch sĩ khi trên sân khấu giả danh sự thật, làm cho khán giả ưa thích, vui cười, người ấy sau khi chết được sanh vào *chư Thiên* hay cười.

Đức Phật ban đầu không trả lời. Đến khi hỏi lần thứ tư, đức Phật trả lời những ai khiến cho con người thiên về tình dục, tiêu cực, tâm tư hoang mang khiến người ta mất nhiệt tình, người như vậy sau khi chết sẽ sinh vào địa ngục. Nhưng nếu có tà kiến thời bị sanh vào địa ngục và súc sanh. Tàlaputta khóc không phải vì đức Phật nói chỗ tái sanh, chỉ vì bị các kịch

sĩ xưa lừa dối nói rằng kịch sĩ sẽ được sanh trong một đời sống hạnh phúc.

Rồi Tàlaputta nghe lời đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời tu tập, chứng quả A-la-hán.

Rồi nêu rõ với nhiều chi tiết, như thế nào ngài chế ngự và làm cho trong sạch tâm tư, đi đến chỗ giác ngộ thâm sâu, ngài nói lên những câu kệ như sau:

I

*1092. Khi nào ta sẽ đến,
Một mình, không có hai,
Ở trong những hang động,
Của các loại núi rừng,
Ta quán mọi sanh hữu,
Tất cả là vô thường,
Nay ta là như vậy,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1093. Khi nào ta sẽ là,
Ẩn sĩ mang y vá,
Mang y vải màu vàng,
Không của ta, không ái,
Đoạn trừ, diệt **tham** tâm,
Đoạn luôn cả **sân**, **si**,*

*Ta đi đến khu rừng,
Sẽ trú trong an lạc.*

1094. *Khi nào ta thấy được,
Thân này là vô thường,
Bị chết già áp bức,
Ổ giết chóc, bệnh tật
Ta sẽ trú trong rừng,
Một mình, quán vô úy
Khi nào sẽ là vậy?*

1095. *Khi nào ta sẽ lấy,
Guơm sắc bén trí tuệ,
Chặt dây leo khát ái,
Với nhiều dây chằng chịt,
Sanh khởi lên sợ hãi,
Mang đến sự khổ đau.
Khi nào sẽ là vậy?*

1096. *Khi nào ta sẽ là,
Có sức mạnh rút guơm,
Guơm do tuệ tạo thành,
Là lửa sáng ẩn sĩ,
Với sức mạnh đập tan,
Ác ma với Ma quân,
Trên chỗ ngồi sư tử,
Khi nào sẽ là vậy?*

1097. Khi nào ta sẽ được,
Hội tụ với bậc thiện,
Được thấy giữa các vị,
Đảm nhận các trọng pháp,
Tinh cần với các vị,
Thấy sự vật như thật,
Chiến thắng được các căn,
Khi nào sẽ là vậy?

1098. Khi nào nhác đói khát,
Gió, nóng, trùng bò sát,
Sẽ không nào hại ta,
Ở Gi-ri-bhaje,
Đang lo đến tự ngã,
Khi nào sẽ là vậy?

1099. Khi nào ta có thể,
Chánh niệm, ngã định tĩnh,
Hiểu được với trí tuệ,
Bốn sự thật khéo giảng,
Bởi bậc Đại ẩn sĩ,
Khi nào sẽ là vậy?

1100. Khi nào ta sẽ chuyên,
Chú tâm vào an chỉ,
Thấy được với trí tuệ,

*Sắc, thanh, hương, vị, xúc,
Các pháp vô thường này,
N như lửa cháy hừng đỏ,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1101. Khi nào ta bị nói,
Vớ lời nói thô ác,
Không vì lý do ấy,
Tâm trí bị thất vọng.
Khi được lời tán thán,
Không vì lý do ấy,
Tâm tư được thỏa mãn.
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1102. Khi nào nhiều như củi,
Cỏ, cây leo, thân cây,
Ta cân nhắc bình đẳng,
Nhữn pháp vô lượng này,
Nội pháp và ngoại pháp,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1103. Khi nào mây đem mưa,
Vớ nước mới trong rừng,
Làm ướt y áo ta,
Ta đi trên đường ướt,
Con đường ẩn sẽ đi.
Khi nào sẽ là vậy?*

1104. Khi nào nghe trong rừng,
Tiếng kêu của loài chim,
Chim công, có mào đầu.
Trong hang động núi rừng,
Ta an trú suy tư,
Để đạt quả bất tử,
Khi nào ta sẽ vậy?

1105. Khi nào với thần thông,
Ta có thể vượt qua,
Không chìm, không sợ hãi,
Sông Hằng, Yamunà,
Sông Sarasvati,
Với cửa sông hải hùng,
Với nước ào vực sâu,
Khi nào sẽ là vậy?

1106. Khi nào, như con voi,
Trên chiến trường tấn công,
Ta sẽ phá tan tàch,
Lòng dục đối dục cảnh,
Chuyên chú trong thiền định,
Từ bỏ mọi tịnh tướng,
Khi nào sẽ là vậy?

1107. Khi nào như người nghèo,

Mắc nợ chưa trả được,
Bị kẻ giàu thúc bách,
Tìm ra được cửa chôn,
Ta sẽ được thoải mái,
Họ được lời giảng dạy,
Của vị Đại ân sĩ,
Khi nào sẽ được vậy?

II

1108. Nhiều năm ta được người,
Yêu cầu làm như sau:
Như vậy là vừa rồi,
Người sống đời gia đình,
Nay ta đã xuất gia,
Do vậy, **hồi này tâm**,
Do vì lý do gì,
Người không có chuyên tâm?

1109. Nay tâm, phải chăng người,
Yêu cầu ta như sau:
Tại Giribbaje
Loài chim có lông sáng,
Đón chào với tiếng kêu,
Sấm của Đại In-da.
Hãy làm vị ấy vui,
Đang tu thiền trong rừng.

1110. Trong gia đình, bạn bè,
Người yêu và bà con,
Các du hí ở đời,
Các đối tượng của dục,
Tất cả đều từ bỏ,
Ta chấp nhận thế này.
Hỡi này tâm, người không,
Bằng lòng với ta chăng?

1111. Việc này chỉ vì ta,
Đây không vì người khác,
Khi đến thời vũ trang,
Sao lại còn than khóc?
Thế giới này toàn động,
Chờ đợi là như vậy.
Nên ta đã ra đi,
Tìm cầu đạo bất tử.

1112. Vị nói điều khó nói,
Tối thượng loài hai chân,
Bạc Y vương vĩ đại,
Đánh xe điều ngự người,
Với tâm không tham dục,
Ngài khéo chế ngự được,
Người khó lòng chế ngự,
Chế ngự được tâm người,

Vọng động như con vượn.

1113. Các **dục** có nhiều vẻ.

*Dịu ngọt, rất khả ý,
Ở đây, hàng phàm phu,
Vô trí, bị trói buộc.*

*Họ muốn chịu đau khổ,
Khi họ tìm tái sanh,
Dắt dẫn bởi tâm họ,
Họ chết trong địa ngục.*

1114. Trong khu rừng vang lên,

Tiếng chim công, chim cò,

Chỗ trú xứ ưu tiên,

Của loài beo, loài cọp,

Ngươi sống tại chỗ ấy,

Chớ chờ đợi về thân,

Chớ có quá đam mê,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1115. **Hãy tu thiền, Căn, Lực,**

Hãy tu Định Giác chi,

Hãy giác chứng Ba Minh,

Trong lời dạy đức Phật,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1116. **Hãy tu tập con đường,**
Để đạt được bất tử,
Đường đưa đến thể nhập,
Chỗ đoạn diệt mọi khổ.
Con đường có **Tám ngành,**
Rửa sạch mọi uế nhiễm.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1117. **Hãy như lý quán sát,**
Các uẩn là đau khổ,
Hãy từ bỏ xa người,
Những nguyên nhân đau khổ.
Ngay trong thời hiện tại,
Hãy chấm dứt đau khổ,
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1118. **Hãy như lý tuệ quán,**
Là vô thường, là khổ,
Là không, là vô ngã,
Là tà ác, sát hại,
Hãy chế ngự tâm người,
Chớ để nó chạy loạn.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1119. Trọc đầu và xấu sắc,
Đi đến bị nguyên rửa,
Khi khát thực gia đình,
Tay cầm hình đầu lâu,
Nay người có chủ tâm,
Vào lời dạy Bốn Sư,
Vào lời Đại ẩn sĩ,
Này tâm, hãy khích lệ
Hãy khuyên ta như trước.

1120. **Hãy đi trên con đường,**
Tự ngã khéo chế ngự,
Giữa các nhà, tâm ý,
Không ái luyến các dục,
Nhu trắng vào tháng tròn,
Không có bọt mây mù.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1121. **Hãy sống trong rừng núi,**
Ăn đồ ăn khát thực,
Sống tại chỗ nghỉ địa,
Mặc y lượm đồng rác.
Chỉ có ngồi, không nằm,
Luôn vui hạnh Đầu-đà,
Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1122. *Như người đã trồng cây,
Liên tìm cho được trái,
Nay người ước muốn trái,
Há chặt rễ cây sao?
Này tâm, thật giống như,
Ví dụ người đã làm,
Khi người khích lệ ta,
Trong vô thường dao động.*

1123. *Người, vô sắc, cô độc,
Kẻ lữ hành từ xa,
Nay ta sẽ không làm,
Theo lời nói của người.
Các dục là khổ đau,
Cay đắng, sợ hãi lớn,
Tâm hướng vọng Niết-bàn,
Ta sẽ bước, đi tới.*

1124. *Ta đi tới xuất gia,
Không phải vì bất hạnh,
Không đùa vô liêm sỉ,
Không vì duyên tâm hứng,
Không bị đày đi xa,
Không vì nhân mạng sống,
Khi ta đã bằng lòng,*

*Này **tâm**, đối với người.*

1125. ***Ít dục** được tán dương,
Bởi những bậc chân nhân,
Kể cả đoạn giả dối,
Và an tịnh đau khổ.
Như vậy, hồi này **tâm**,
Khi người khích lệ ta,
**Còn nay người đi ngược,
Điều người trước quen làm.***

1126. *Khát ái và vô minh,
Đáng thương và đáng ghét,
Sắc đẹp và lạc thọ,
Dục trưởng dưỡng hấp dẫn,
Tất cả đã quăng bỏ,
Ta không có cố gắng,
Đi đến một lần nữa,
Những đồ đã quăng bỏ.*

1127. *Này **tâm**, khắp mọi nơi,
Ta làm theo lời người,
Trải qua nhiều đời sống,
Người không tức giận ta,
**Và thân nội sanh này,
Là lòng người biết ơn!
Trên đường luân hồi dài,***

Khổ do chính người tạo.

***1128. Nay tâm, chính người làm,
Tác thành con người ta,
Chính người làm, ta thành,
Thành một Bà-la-môn,
Thành vua chúa hoàng tộc,
Một ngày là người buôn,
Ngày kia thành nô tỳ,
Hoặc thành loại chư Thiên.
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.***

***1129. Chính do nhân nhà người,
Chúng ta thành Tu-la,
Chính do người tác thành,
Ta rơi đáy địa ngục;
Một thời thành súc sanh,
Một thời thành ngựa quý,
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.***

***1130. Người sẽ không lừa ta,
Nhiều lần, nhiều thời nữa,
Như những người phù thủy,
Bày các trò ảo thuật,
Người chơi lừa phỉnh ta,***

*Như chơi với người điên,
Này tâm, hãy nói ta,
Chỗ nào ta lỗi lầm.*

*1131. Trước tâm này lang thang,
Chạy chỗ này chỗ khác,
Chạy chỗ nó ưa thích,
Chạy chỗ nó vui sướng,
Nay ta chế ngự tâm,
Với như lý tư duy,
Như câu móc chế ngự,
Nhiếp phục con voi rừng.*

*1132. Với ta, bậc Đạo Sư,
Xác định đời vô thường,
Đời không có trường cửu,
Đời không có kiên thực.
Này tâm, hãy đẩy ta,
Nhảy vào lời Phật dạy,
Khiến ta vượt bực lưu,
Rất khó được vượt qua.*

*1133. Ta nay đã xuất gia,
Trong pháp Đại ẩn sĩ,
Những người giống như ta,
Không chấp nhận tổn thất.*

1134. Rừng, biển, sông, đất liền,
Bốn phương, phụ trên dưới,
Tất cả là vô thường,
Ba hữu là hoạn nạn,
Này tâm, hãy đi đâu?
Ngươi sẽ hưởng an lạc.

1135. Kìa, kìa, hỡi này **tâm**,
Đích ta thật vững chắc,
Ngươi sẽ làm được gì,
Khiến ta phải quay lại,
Này tâm, ta đâu còn,
Tùy thuộc thế lực ngươi,
Không ai chịu xúc chạm,
Cái bị có hại miệng,
Góm ghiếc thay cái vật,
Đây chín dòng chảy nước.

1136. Ôi, ngươi sẽ ưa sống,
Trên đỉnh sườn núi cao,
Chỗ ở đàn heo nai,
Hay cảnh đẹp thiên nhiên,
Hay trong núi rừng sâu,
Thấm mát mưa nước mới,
Tại đây ngươi sẽ thích,
Ngươi lấy hang làm nhà.

1137. Loài chim lông cổ đẹp,
Với mào đẹp, cánh đẹp,
Với lông nhiều màu sắc,
Đón chào tiếng sấm vang,
Với tiếng kêu dịu ngọt,
Chúng sẽ làm người thích,
Người tu tập thiền định,
Trong núi rừng thâm sâu.

1138. Khi trời đổ mưa xuống,
Trên đám cỏ bốn phân,
Và trong rừng nở hoa.
Với đầu hoa như mây,
Giữa rừng, ta sẽ nằm,
Chẳng khác gì khúc cây,
Đối ta, rất mềm dịu,
Thật giống như giường bông.

1139. Như vậy, ta sẽ làm,
Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Như thợ da không nhác,
Khéo làm cho nhuần nhuyễn,
Cái bị bằng da mèo.

1140. Như vậy ta sẽ làm,

Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Tinh tấn ta dân người,
Roi vào thế lực ta.
Như voi say bị nài,
Khéo dùng móc chế ngự.

1141. **Với người khéo nhiếp phục,**
Khéo an trú vững vàng,
Như người huấn luyện **ngựa**,
Với con ngựa thuần thực,
Ta có thể dẫn bước,
Trên con đường an lành,
Con đường được những vị,
Hộ trì tâm thường dùng.

1142. **Ta sẽ trói chặt người,**
Vào đối tượng cần thiết,
Như con voi bị dây,
Trói chặt vào cây cột.
Ta khéo hộ trì người,
Khéo luyện với chánh niệm.
Nhờ vậy, người sẽ thành,
Không dựa mọi sanh hữu.

1143. Với **tuệ**, chặt tà đạo,

Với **lực**, chặn, hướng chánh,
Thấy tập khởi, diệt sanh,
Người sẽ là thừa tự,
Bậc phát ngôn tối thượng.

1144. Nay tâm, người dẫn ta,
Đến **ngôi làng thô lỗ**,
Khiến trú vào thế lực,
Của **bốn tướng điên đảo**,
Hãy đến, theo vị ấy,
Vị chặt đứt kiết sử,
Bậc có tâm đại bi,
Bậc Mâu-ni vĩ đại.

1145. Như loài thú tự do,
Trong ngôi rừng đẹp đẽ.
Người vào núi xinh đẹp,
Có mây làm vòng hoa,
Tại đây, không có người,
Trong rừng người sẽ thích,
Nay tâm, chắc chắn vậy,
Người sẽ đến bờ kia.

1146. **Những ai còn rơi vào,**
Thế lực ý muốn người,
Nam nhân và nữ nhân,
Hưởng an lạc người cho,

*Không trí, bị rơi vào,
Trong thế lực Ác-ma.*

*Ai ưa thích sanh hữu,
Sẽ là thuộc hạ người,
Hồi này tâm của ta.*

90 Bát chánh đạo - Trưởng lão ni - Kinh Calà – Tiểu III, 628

Calà – Tiểu III, 628 (59)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở Magadha, tại làng Nàlaka, con của một nữ Bà-la-môn tên là Surùpasàrì. Khi đến tuổi đặt tên, nàng được gọi là **Càlà**. Em gái nàng tên là **Upacàlà** và em nhỏ nhất tên là **Sisùpacàlà** và cả ba là em của Tôn giả Sàriputta.

Khi ba đưa em nghe người anh xuất gia trở thành vị Tỷ-kheo chúng suy nghĩ: *"Đây không phải là một giáo pháp thường tình, một sự xuất gia thường tình, vì một người anh như người anh chúng ta đã quyết tâm tu hành theo"*, ba nàng cũng xuất gia, đầu gia đình than khóc. Với sự tinh tấn, tinh cần, cả ba tu hành, chứng quả A-la-hán và sống an lạc giải thoát.

Rồi Tỷ-kheo-ni Càlà, sau khi đi khát thực, đi vào rừng Andho để nghỉ trưa và tại đây **Ác ma** hiện ra để cám dỗ nàng. Trong kinh, có đề cập đến vấn đề này.

Tỷ-kheo-ni Càlà, sau khi đi khát thực ở Sàvatthi, đi vào trong rừng an lạc để nghỉ trưa. Đi vào rừng Andho, nàng ngồi xuống một gốc cây, Ác ma đến để lung lạc nàng và hỏi nàng những câu trong các bài

kệ của nàng. Sau khi nàng nói lên những đức hạnh của vị Đạo Sư, và sức mạnh của Chánh pháp, nàng làm cho Ác ma thấy rõ sự vô ích của mình muốn căm dỗ nàng và Ác ma thất vọng biến mất. Rồi nàng nói lên sự sung sướng phấn khởi của nàng và câu chuyện với Ác ma như sau:

*182. Sau khi an trú niệm,
Tỷ-kheo-ni luyện căn,
Thể nhập đạo an tịnh,
An lạc tịnh các hành.*

Ác ma:

*183. Vì ai, người đầu trọc,
Hiện tướng, Sa-môn ni?
Không theo hệ phái nào,
Sao sống si mê vậy?*

Càlà:

*184. Các hệ phái ngoại đạo,
Nương tựa trên tà kiến,
Họ không hiểu Chánh pháp,
Họ không thuần thực pháp.*

185. Sanh gia tộc Thích-ca,

Đức Phật, bậc vô tỷ,
Ngài thuyết pháp cho ta,
Vượt qua các tà kiến.

186. Ngài thuyết **Tám thánh đạo**,
Về khổ, nguyên nhân khổ,
Về vượt qua đau khổ,
Và con đường khổ diệt.

187. Ta nghe lời Phật dạy,
Sống vui thích giáo pháp,
Ba minh đã đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

188. Mọi nơi, hỷ duyệt đoạn,
Khói si ám tan tàn!
Hãy biết vậy, Ác ma!
Người bị hại, Ma vương.

91 Bát chánh đạo - Trưởng lão ni - Kinh Càpà – Tiểu III, 666

Càpà – Tiểu III, 666 (68)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở xứ Vankahàra, trong làng những người thợ săn đặt bẫy mồi, con người chủ thợ săn và được đặt tên là Càpà.

Trong lúc ấy, Upaka một ẩn sĩ khổ hạnh, gặp đức Bốn Sư khi Ngài đi từ Bồ đề đạo tràng đến Ba-la-nại để chuyển pháp luân và hỏi ngài: "*Này Ngài, hình như Ngài được dồi dào sức khỏe. Da của Ngài thật trong sáng. Này Ngài, Ngài từ ai xuất gia? Vị Đạo Sư của Ngài là ai? Hay ngài tin tưởng giáo lý gì?*".

Và bậc Đạo Sư trả lời như sau:

*Ta chinh phục tất cả,
Mọi sự việc, Ta biết,
Sống giữa vật, không nhiễm,
Ta từ bỏ tất cả,
Mệnh chung, ác đoạn tận,
Kiến thâm sâu, Ta chứng,
Ta chỉ ai cho ông,
Ta không có Bốn Sư,
Trên đời đứng một mình,*

*Không ai sánh bằng Ta.
Nay Ta đang đi đến,
Thành phố Ba-la-nại,
Để vận chuyển Pháp luân,
Quay bánh xe Chánh pháp,
Thức tỉnh và hướng dẫn,
Quần chúng đang mê muội,
Đánh tiếng trống bất tử.
Rưới cam lồ giải thoát.*

Vị ẩn sĩ, biết được sự giác ngộ và sứ mệnh của Ngài nên nói: "*Này Ngài, mong rằng sự việc sẽ như Ngài nói, Ngài xứng đáng là bậc chiến thắng bất diệt*".

Rồi Upaka đi con đường tắt đến Vankahara, và sống gần chỗ các người thợ săn. Người chủ thợ săn lo cung phụng cho Upaka. Một hôm, người chủ đoàn thợ săn đi bắn xa với các con trai và anh em, bảo Càpà lo cúng dường cho Upaka. Nhưng Càpà rất đẹp và khi Upaka đến tại nhà để khát thực, Upaka mê say sắc đẹp của nàng, đến nỗi ăn không được, phải đem thức ăn về nhà và nguyện thà chịu chết nếu không lấy được Càpà.

Sau bảy ngày, người chủ thợ săn trở về hỏi vị A-la-hán của mình ở đâu, và được biết Upaka chỉ đến nhà mình một lần đầu rồi thôi không đến nữa. Người thợ săn tìm kiếm đến Upaka và Upaka than khóc thú

nhận sự đắm say của mình. Người thợ săn hỏi Upaka có biết nghề gì không, Upaka trả lời là không và chịu đi lượm các loài chim thú bị bắt được và đem bán. Người thợ săn bằng lòng cho Upaka một cái áo khoác ngoài đưa về nhà và gả Càpà cho.

Sau một thời gian Càpà sanh được một người con trai và đặt tên là *Subhadda*. Khi đưa con khóc, Càpà liền hát lên như sau để chế nhạo chồng mình: "*Con của Upaka! Con của vị ẩn sĩ! Con kẻ bán đồ săn! Chớ khóc, chớ khóc này con*". Cuối cùng Upaka tức quá trả lời: "*Này Càpà, đừng nghĩ rằng không có ai che chở cho ta! Ta có một người bạn, một vị chiến thắng bất diệt, ta sẽ đến với người bạn ấy*".

Càpà biết chồng mình tức giận, nhưng vẫn trêu chọc chồng mình, cho đến một hôm Upaka cương quyết ra đi. Nàng cố cản ngăn nhưng không được và cuối cùng Upaka ra đi để gặp Thế Tôn ở Sàvatthi. Thế Tôn dặn các Tỷ-kheo khi nào có ai đến hỏi: "*Vị chiến thắng bất diệt ở đâu?*" thì đưa người ấy vào gặp đức Phật.

Khi Upaka đến tịnh xá và hỏi: "*Vị chiến thắng bất diệt ấy ở đâu?*" Các Tỷ-kheo đưa Upaka đến gặp đức Phật. Đức Phật cho Upaka xuất gia và cuối cùng **Upaka chứng được quả Bất lai**. Sau khi mạng chung Upaka được sanh lên cõi Trời Aviha, và khi tái sanh, Upaka chứng được quả A-la-hán.

Còn **Càpà**, đau buồn vì chồng bỏ đi, giao con lại cho ông ngoại đi theo Upaka, xin được xuất gia và chứng được quả A-la-hán và lấy bài kệ của Upaka, hợp chung với bài kệ của mình, nàng nói lên sự phấn khởi của mình:

Upaka nói:

291. *Ta trước tay cầm gậy,
Nay ta thành thợ săn,
Sa lầy đầm khốn cùng,
Ta không đến bờ kia.*

292. *Càpà chọc đũa con,
Mĩa mai ta say đắm,
Chặt trói buộc Càpà,
Ta nay đã xuất gia.*

Càpà nói:

293. *Chớ có tức giận em,
Hồi bậc đại chiến thắng,
Chớ có tức giận em,
Hồi bậc đại ẩn sĩ,
Kẻ bị giận chi phối,
Khổ hạnh khó thanh tịnh.*

294. *Ta sẽ rời Nàlà!
Ai ở lại Nàlà,
Khi nếp sống đúng pháp,
Tại đây vị Sa-môn,
Bị sắc đẹp nữ nhân,
Trói buộc vào quuyến rũ.*

295. *Hãy trở lui thừa chàng,
Chàng mắt đen của thiếp,
Hãy hưởng thọ dục lạc,
Như trước chàng đã hưởng,
Thiếp xin phục tùng chàng,
Lại còn bà con thiếp.*

296. *Này Càpà phân tư,
Điều nàng đã nói lên,
Đôi kẻ say mê nàng,
Có thể thành lớn mạnh.*

297. *Chàng mắt đen của thiếp,
Thiếp chẳng đẹp hay sao,
Như cây lựu nảy mầm,
Nở hoa trên đầu núi,
Như giây leo giăng hoa,
Hay như bông thối kèn,
Trong nội địa hoang đảo,
Hãy nhìn sắc đẹp thiếp.*

298. Ướp thơm với mùi hương,
Hương chiên đàn đỏ thắm,
Thiếp mang lụa Kàsi,
Lụa Kàsi tối thương,
Thiếp đẹp như thế này,
Sao chàng bỏ rơi thiếp.

299. Như thợ săn bắt chim,
Muốn dùng mồi bắt chim,
Dầu bữa giăng sắc đẹp,
Nàng không trối ta được!

300. Còn quả **con trai** này,
Do chàng sanh ra thiếp,
Chàng mắt đen của thiếp,
Sao chàng lại từ bỏ,
Đứa con trai của thiếp,
Đứa con trai của chàng.

301. Bạc trí bỏ con trai,
Bỏ bà con, tài sản,
Bạc đại hùng xuất gia,
Như voi biết trối buộc.

302. Con trai này của chàng,
Nay thiếp dùng gậy dao,

*Đánh ngã nó trên đất,
Hãy tự cứu cho chàng,
Vì sáu muợn đứa con,
Chàng không thể bỏ đi.*

*303. Nếu nàng quăng con trai
Cho chó sói, loài chó,
Kẻ sanh con trai ta,
Không động lòng trắc ẩn,
Nàng sẽ không làm được,
Khiến ta trở lui lại.*

*304. Nay mong chàng tốt lành,
Chàng mắt đen của thiếp!
Chàng sẽ đi đến đâu?
Làng nào, thị trấn nào,
Chàng đi thành phố nào?
Chàng đi kinh đô nào?*

*305. Xưa đời sống chúng tôi,
Tổ chức thành đồ chúng!
Không phải là Sa-môn,
Chúng tôi tưởng Sa-môn!
Chúng tôi sống bộ hành,
Làng này qua làng khác,
Sống trong những thành phố,
Cũng như tại thủ đô.*

306. Nay thật Thế Tôn này,
Dọc bờ sông Ni-liên,
Ngài thuyết giảng Chánh pháp,
Cho các loài hữu tình,
Đoạn tận mọi khổ đau,
Ta nay đi đến Ngài,
Ngài sẽ là Đạo Sư,
Đạo Sư của chúng ta.

307. Nay chàng đi đánh lễ,
Bậc Thế Tôn vô thượng!
Đi hữu nhiều quanh Ngài!
Dâng Ngài lòng cung kính.

308. Càpà, như nàng nói!
Lợi ích cả hai ta!
Nay ta thay mặt nàng,
Lễ Thế Tôn vô thượng,
Đi hữu nhiều quanh Ngài,
Ta dâng lòng cung kính.

309. Rời Kàla ra đi,
Dọc sông Ni-liên-thiên,
Thấy bậc Chánh Đẳng giác,
Thuyết pháp **đạo bất tử**.

310. Thuyết **khổ, khổ tập khởi!**
Vượt qua sự đau khổ,
Thuyết **đường Thánh tám ngành,**
Đưa đến khổ tịnh chỉ.

311. Đánh lễ chân Ngài xong,
Hữu nhiều quanh Ngài xong,
Trình lên lời ước nguyện,
Của Càpà vợ chàng!
Rồi chàng xin xuất gia,
Sống đời không gia đình,
Chứng đạt được **Ba minh,**
Làm xong lời Phật dạy.

92 Bát chánh đạo - Trưởng lão ni - Kinh Kisà Gotamì – Tiểu III, 639

Kisà Gotamì – Tiểu III, 639 (63)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình **nghèo khổ**, tên là Gotamì, **vì nàng yếu đuối nên được gọi là Kisà Gotamì (Gotamì ốm yếu).**

Khi lập gia đình, nàng bị khinh thường và được gọi là con gái một người không có gì. Nhưng khi nàng có con, nàng được kính trọng.

Khi người con lớn lên và có thể chạy được, **nó chết**, và nàng cảm thấy đau khổ, và nhớ đến sự đối xử với mình được thay đổi khi để đứa con, nàng nghĩ: "*Chúng sẽ giữ lấy con ta và đem bỏ vào nghĩa địa*". Nàng ôm đứa con chết vào lòng và đi vào từng nhà xin: "**Hãy cho con tôi thuốc**". Và được trả lời: "*Nay thuốc còn gì dùng nữa*". Nhưng nàng không hiểu.

Có người thương xót khuyên nàng đến đức Phật để xin thuốc, Nàng đi đến tinh xá và xin đức Phật: "**Hãy cho con tôi thuốc**". Bậc Đạo Sư thấy được hy vọng tu chứng nơi nàng bèn nói: "***Hãy đi đến nhà nào không có người chết, và đem lại một hột cải***"

Nàng vâng lời, đi vào nhà đầu tiên và yêu cầu như vậy, nhưng bị từ chối, vì trong nhà có người chết. Nàng đi vào nhiều nhà khác, được trả lời như vậy và nàng nghĩ: *"Đây có thể là bậc Đạo Sư dạy khéo cho ta"*, nên nàng đem đặt con nàng ở nghĩa địa và nói:

*Pháp này không riêng làng,
Không riêng thành, gia tộc,
Không riêng cho một ai,
Cho đến toàn thế giới,
Kể cả các chư Thiên,
Ở tại mọi tầng trời,
Pháp nhĩ là như vậy.
Tất cả là vô thường.*

Rồi nàng đi đến bậc Đạo Sư, và khi ngài hỏi có tìm được hột cải không, nàng trả lời: *"Việc làm đã làm xong về hột cải. Hãy xác nhận cho con"*.

Thế Tôn nói:

*Tâm còn bị đắm say,
Con cái và súc vật,
Tử thần bắt người ấy,
Như lút trôi làng ngủ
(Pháp cú, 287)*

Khi đức Phật nói xong, nàng chứng được **Sơ quả (quả Dự lưu)** và xin được xuất gia. Đức Phật chấp nhận và nàng được các Tỷ-kheo-ni cho thọ giới. Sau đó, **không bao lâu nàng nghiên cứu về nguyên nhân của sự vật và khiến thiên quán tăng trưởng.** Rồi bậc Đạo Sư nói lên bài kệ:

*Người sống một trăm năm,
Không thấy pháp sanh diệt,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp sanh diệt.
(Pháp Cú 113)*

Khi đức Phật nói xong, nàng chứng quả A-la-hán. Vì nàng đặc biệt tu **hạnh khắc khổ** nên nàng mặc thô y, và đức Phật ngồi tại tinh xá Kỳ Viên đặt nàng vào **hạnh mặc thô y đệ nhất.**

Suy tư trên quả chứng của mình, nàng nói lên những bài kệ này trước mặt Thế Tôn, những bài kệ tán thán sự thân cận với các bậc Hiền Thánh:

*213. Bạn lành được ẩn sĩ,
Khắp thế giới, ngợi khen,
Thân cận với bạn lành,
Kẻ ngu thành người trí.*

214. *Hãy thân bậc chân nhân,
Thân vậy, trí tăng trưởng,
Thân cận bậc chân nhân,
Mọi khổ đau được thoát.*

215. *Hãy biết, **Bốn Thánh đế**,
Khổ và khổ tập khởi,
Biết về đau khổ diệt,
Và đường Thánh tám ngành.*

216. *Khổ thay phận nữ nhân,
Chính Ngài đã nói lên,
Bạc đánh xe điều ngự,
Những ai đáng điều ngự,
Khổ thay phận chồng chung,
Nhiều người một lần sanh.*

217. *Trong đau khổ đâm hòng,
Mẹ yếu uống thuốc độc,
Trường hợp gặp bào thai,
Bị chết khi đang sanh,
Cả hai mẹ và con,
Đều cùng gặp tai nạn.*

218. *Khi mang thai đi về,
Ta thấy chồng chết đường,
Và khi ta sanh đẻ,*

Ta không về đến nhà.

*219. Hai con đều bị chết,
Chồng nữ nhân khốn khổ,
Lại bị chết giữa đường;
Mẹ, cha và cả anh,
Đều cùng bị thiêu đốt,
Dồn chung trên đồng lửa.*

*220. Ôi, nữ nhân khốn khổ,
Sanh gia cảnh khốn cùng,
Người phải chịu khổ đau,
Vô lượng, không kể xiết.
Nước mắt người đã khóc,
Trải nhiều ngàn lần sanh.*

*221. Ta thấy giữa nghĩa trang,
Thịt con ta bị ăn,
Gia đình bị tàn hại,
Bị mọi người khinh bỉ,
Tuy vậy, người chết chồng.
Đạt được sự bất tử.*

*222. **Ta tu tập Thánh đạo,**
Đường tám ngành, bất tử,
Ta chứng được Niết-bàn,
Thấy được gương Chánh pháp.*

223. Trên ta, **mũi tên đâm,**
Đã được rút ra khỏi,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Việc nên làm đã làm,
Ta là Trưởng lão Ni,
Kisà-Gotamì,
Với tâm khéo giải thoát,
Ta nói lên lời này.

93 Bát chánh đạo - Trưởng lão ni - Kinh Mahàpajàpatì Gotamì – Tiểu III, 619

Mahàpajàpatì Gotamì – *Tiểu III*, 619 (55)

Trước khi bậc Đạo Sư ra đời, nàng được sanh ở Devadaha, trong gia đình Mahà-Supphabuddha. **Tên gia đình của nàng là Gotama, và nàng là em gái của Mahàmàyà.** Các thầy đoán tướng tiên đoán rằng các người con của hai chị em sẽ là vị chuyển luân vương. Vua Suddhodana, khi đến tuổi trưởng thành, cưới cả hai chị em.

Sau đó, bậc Đạo Sư đản sanh, và trong khi chuyển pháp luân, ngài đi đến Vesàli, và phụ vương được quả A-la-hán mệnh chung.

Rồi Mahàpajàpati muốn xuất gia, xin phép bậc Đạo Sư nhưng không được chấp nhận. Rồi nàng cắt tóc, đắp y, và sau thời giảng kinh về tinh cần nỗ lực, **nàng ra đi với năm trăm Thích-ca nữ mà các người chồng đã xuất gia,** đi đến Vesàli, và xin bậc Đạo Sư cho xuất gia, với sự can thiệp của Tôn giả Ananda. Bậc Đạo Sư chấp nhận và dạy **Tám kinh pháp** cho các Tỷ-kheo-ni.

Sau khi xuất gia, Mahàpajàpati đến yết kiến đức Phật và đứng một bên Ngài thuyết pháp cho nàng, và nàng

tỉnh cần tỉnh tấn chứng được quả A-la-hán với trí tuệ trực giác và phân tích. Năm trăm Tỷ-kheo-ni, sau khi nghe Nandaka giáo giới, chứng được **sáu thắng trí**.

Một ngày kia, khi bậc Đạo Sư ngồi giữa Thánh chúng tại tinh xá Jetavana (Kỳ Viên), Ngài xác nhận Mahàpajàpati là **vị có kinh nghiệm đệ nhất, sống hưởng thọ hạnh phúc giải thoát, Niết-bàn**. Để nói lên lòng biết ơn của mình, Mahàpajàpati tuyên bố chánh trí của mình trước mặt Thế Tôn, tán thán hạnh đức của Ngài đã giúp đỡ hộ trì cho nàng mà trước đây nàng không được gặp:

157. *Bậc Giác ngộ anh hùng!*

*Con xin đánh lễ Ngài,
Ngài là bậc Tối thượng,
Giữa mọi loài chúng sanh,
Ngài giải khổ cho con,
Cùng rất nhiều người khác.*

158. *Liễu tri mọi đau khổ,*

*Gột sạch nhân khát ái,
Con đường Thánh tám ngành,
Đoạn diệt, ta chứng ngộ.*

159. *Trước ta sống là mẹ,*

Là con, là cha, anh,

Là ông nội, ông ngoại,
Đời sống trước là vậy,
Không rõ biết như thật,
Luân hồi, tìm không gặp.

160. **Nay ta thấy Thế Tôn,**

Thân này thân tối hậu,

Sanh tử được đoạn tận,

Nay không còn tái sanh.

Siêng, tinh cần nỗ lực,

Thường, kiên trì tinh tấn,

Hãy thắng đệ tử Phật,

Hòa hợp, đánh lễ Ngài.

Vì hạnh phúc nhiều người,

Ma-yà sanh Cù-đàm,

Giải tỏa nhóm khổ đau,

Cho người bị bệnh chết.

94 Bát chánh đạo - Trưởng lão ni - Kinh Subhà Con Người Thợ Vàng – Tiểu III, 684

Subhà Con Người Thợ Vàng – *Tiểu III, 684* (70)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con gái một người thợ vàng. Vì nàng rất đẹp, nên được gọi là Subhà.

Khi nàng đến tuổi trưởng thành, khi đức Phật còn ở tại Ràjagaha, nàng đến yết kiến Ngài, khởi lòng tin tưởng, đánh lễ ngài rồi ngồi xuống một bên. Bậc Đạo Sư biết được căn cơ tâm tư thuần thực của nàng, tùy theo ý nguyện của nàng, Ngài thuyết pháp cho nàng về **Bốn sự thật** và nàng chứng được **quả Dự lưu**.

Về sau, nàng nhận thấy sự khó khăn sống trong gia đình, xin xuất gia dưới sự hướng dẫn của bà Mahàpajàpati Gotamì, hướng tâm đến con đường siêu thoát.

Thỉnh thoảng, các bà con của nàng mời nàng trở lại với đời, nói lên sự hấp dẫn của đời. Một hôm nàng thuyết pháp cho bà con của nàng, nói lên những nguy hiểm của đời sống cư sĩ, và ở đời, thuyết pháp cho họ với hai mươi bốn bài kệ như sau và chữa cho họ thoát khỏi **bệnh tham vọng**.

Rồi nàng **phát triển thiền quán**, gột sạch các căn cuối cùng nàng chứng được quả A-la-hán. Khi đã chứng quả A-la-hán, nàng nói như sau:

338. *Ta trước mặc áo trắng,
Được nghe giảng Chánh pháp,
Do ta không phóng dật,
Chứng tri được chân lý.*

339. *Nhờ vậy đối mọi dục,
Không còn tham muốn lớn,
Thấy sợ hãi thân kiến,
Ta mong muốn viễn ly.*

340. *Ta bỏ chúng bà con,
Bỏ lao công, nô tỳ,
Làng ruộng đất phì nhiêu,
Khiến người thích hân hoan,
Tì bỏ, ta xuất gia,
Gia sản đâu có ít.*

341. *Nhờ diệu pháp khéo thuyết,
Ra đi, với lòng tin,
Ta không thể hy cầu,
Vật gì thuận gia sản,
Vàng bạc ta đã bỏ,
Sao lại đi đến chúng?*

342. Vàng bạc không giác ngộ,
Không làm người an tịnh,
Không hợp hạnh Sa-môn,
Không phải tài sản Thánh.

343. Chính vàng hay bạc này,
Làm tham ái, đắm say,
Làm con người ngu si,
Làm tăng trưởng bụi trần,
Nguy hiểm nhiều ưu não,
Đây, không gì trường cửu.

344. Đây, loài Người tham đắm,
Phóng dật, tâm uế nhiễm,
Chống đối thù địch nhau,
Rộng đường đấu tranh nhau.

345. Giết hại, trói, tra tấn,
Hao tài sản, ưu tư,
Những ai chìm trong dục,
Gặp phải nhiều tai họa.

346. Vì sao bà con ta,
Giống như kẻ thù ta,
Lại trói buộc ta vào,
Trong vòng các dục lạc,

**Hãy biết ta xuất gia,
Vì thấy dục đáng sợ.**

347. Bạc, vàng không có thể,
Đoạn được các lậu hoặc,
Các dục là thù địch,
Sát nhân, chuyên giết hại,
Chúng là kẻ oán thù,
Là mũi tên, dây trói.

348. Vì sao bà con ta,
Giống như kẻ thù ta,
Lại trói buộc ta vào,
Trong vòng các dục lạc,
Hãy biết ta xuất gia,
Cạo tóc đắp đại y.

349. Nuôi sống bằng đồ ăn,
Tích lũy nhờ khát thực,
Y áo được tác thành,
Vói miếng vải lượm lặt,
Sống vậy, thích hợp ta,
Cơ bản, sống không nhà.

350. Dục, đại sĩ từ bỏ,
Dục loài Trời, loài Người,
Trú an ổn, giải thoát,

Không dao động an lạc.

351. **Chớ để ta đến dục,
Trong dục, không an toàn,
Dục, thù địch sát nhân,
Gây khổ, dụ đồng lửa.**

352. *Đường hiểm, đầy sợ hãi,
Đầy khổ hoạn, gai góc,
Tham ái đường gập ghềnh,
Hoang si mê rộng lớn.*

353. **Tai họa đầy hãi hùng,
Các dục dụ đầu rắn,
Kẻ ngu thích thú dục,
Kẻ mù lòa phàm phu.**

354. **Chúng sanh chìm bùn dục,
Những kẻ không thấy đời,
Họ không có rõ biết,
Sự chấm dứt sanh tử.**

355. **Loài Người vì nhân dục,
Con đường đến ác thú,
Phản nhiều đi đường ấy,
Khiến tự ngã bệnh hoạn.**

356. Như vậy dục sanh thù,
Nung nấu, làm uế nhiễm,
Dục thuộc về thể vật,
Trói người vào tử vong.

357. **Dục** làm cho điên cuồng,
Loạn ngôn tâm thác loạn,
Làm uế nhiễm chúng sanh,
Sắp rơi bẫy Ác ma.

358. Dục nguy hiểm không cùng,
Nhiều khổ, thuốc độc lớn,
Ngọt ít, tạo đấu tranh,
Héo tàn ngày tươi sáng.

359. **Ta quyết định như vậy,
Không trở lui dục nhân,
Tác thành điều bất hạnh,
Luôn vui hưởng Niết-bàn.**

360. Quyết đấu tranh với dục,
Chờ đợi, mát, lắng dịu,
Sẽ sống không phóng dật,
Đoạn diệt kiết sử dục.

361. Ta đi theo đường ấy,
Đường đại sĩ đi qua,

Không sầu, không cầu uế,
An ổn, thẳng, Tám ngành.

362. *Hãy xem Subhà này,
An trú trên Chánh pháp,
Con gái một thợ vàng,
Đạt được không tham dục,
Ngồi hành trì thiền định,
Ở dưới một gốc cây.*

363. *Hôm nay, ngày mồng tám,
Từ khi nàng xuất gia,
Với lòng đầy tin tưởng,
Sáng chói chân Diệu pháp,
Up-pa-la-van-na,
Huân luyện giảng dạy nàng,
Nàng chứng được Ba minh,
Vượt qua được thân chết.*

364. *Nàng tự mình giải thoát,
Không còn có nợ nần.
Là vị Tỷ-kheo-ni,
Các căn được tu tập,
Ly hệ mọi khổ ách,
Việc cần làm làm xong,
Đối với các lậu hoặc,
Nàng đoạn diệt hoàn toàn.*

365. *Sakka đến với nàng,
Cùng với chúng chư Thiên,
Với thần thông diệu dụng,
Chúng đánh lễ Subhà,
Nàng chỉ là con gái,
Con một người thợ vàng,
Nhưng nay là **hội chủ**,
Của mọi loài chúng sanh.*

Vào ngày thứ **tám**, khi nàng đã thọ giới, nàng chứng quả A-la-hán. Thế Tôn ngồi dưới một cành cây, nói lên bài kệ (362-364) để tán dương nàng và chỉ nàng cho các Tỷ-kheo biết. Câu kệ cuối cùng do các Tỷ-kheo thêm vào để tán dương **Sakka đã đến đánh lễ nàng**.

95 Bát chánh đạo - Trưởng lão ni - Kinh Subhà ở Rừng Xoài của Jivaka – Tiểu III, 692

Subhà ở Rừng Xoài của Jivaka – *Tiểu III*, 692 (71)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong gia đình một Bà-la-môn nổi tiếng. Nàng được đặt tên là Subhà và **thân nàng rất tuyệt đẹp, nhất là về tay chân**. Do vậy nàng được gọi là **Subhà (người đẹp)**.

Khi bậc Đạo Sư ở Ràjagaha (Vương Xá), nàng khởi được lòng tin và trở thành một nữ cư sĩ. Về sau, nàng lo nghĩ đến kiếp người, **thấy sự nguy hiểm các dục lạc, và thấy được sự an tịnh trong nếp sống viễn ly**. Nàng xuất gia với sự hướng dẫn của bà Mahàpajàpati, và **phát triển thiền quán**, nàng chứng được quả **Bát lai**.

Một hôm, một **thanh niên ăn chơi** ở Ràjagaha, trong khi còn trẻ tuổi, đứng ở nơi vườn xoài ở Jivaka và thấy nàng đi vào rừng để nghỉ trưa. Nó chặn đường nàng lại và xin thỏa mãn dục lạc.

Nàng dạy cho nó biết, với nhiều bài kệ, sự nguy hiểm của dục lạc và sự lựa chọn của nàng về đời sống viễn ly, thuyết pháp cho chàng thanh niên ấy. Nhưng

chàng thanh niên **không** có nghe nàng và vẫn đòi thỏa mãn các dục lạc. Vị Trưởng lão Ni, không có dùng những lời khuyên nhủ của mình, thấy chàng ấy mê say con mắt của nàng, **liền móc một con mắt của nàng và đưa con mắt ấy cho chàng** và nói: "**Đây là con mắt có tội của nàng**". Chàng thanh niên hoảng sợ, khùng khiếp và xin lỗi nàng.

Nàng đi đến trước mặt vị Đạo Sư, và khi thấy Ngài, con mắt của nàng được chữa lành như cũ. Do vậy, trước mặt Thế Tôn, nàng cảm xúc rung động, hoan hỷ sung sướng. Bậc Đạo Sư biết được tâm trạng của nàng, dạy nàng và giúp nàng đạt được quả vị cao nhất. Dẫn lòng sự vui sướng của nàng, nàng **phát triển thiền quán**, chứng được **quả A-la-hán**, với hiểu biết ý nghĩa và hiểu về pháp.

Sau đó, an trú trong an lạc Niết bàn, nàng nghĩ đến những gì nàng chứng được và nói lên câu chuyện của nàng với chàng thanh niên ăn chơi bằng những câu kệ như sau:

*366. Trong rừng xoài tươi đẹp,
Của ông Jivaka,
Tỷ-kheo-ni Subhà,
Đang bộ hành đi tới,
Có chàng trẻ ăn chơi,
Ngăn chặn Subhà lại,*

*Nàng nói lên người ấy,
Những lời nói như sau.*

*367. Ta đã xúc phạm gì,
Để chàng đứng chặn tôi?
Thật là không xứng đáng,
Để một người đàn ông,
Xúc phạm nữ xuất gia,
Hỡi Hiền giả, hiểu cho.*

*368. Bậc Tôn sư ta dạy,
Chính học pháp như vậy,
Được bậc Thiện Thệ thuyết,
Là con đường thanh tịnh,
Không có cầu uế nào.
Sao chàng đứng chặn ta.*

*369. Tâm ta thật thanh tịnh,
Tâm người không thanh tịnh,
Tâm người đầy tham ái,
Ta không tham, không uế,
Mọi nơi, ý giải thoát,
Sao chàng đứng chặn ta?*

*370. Nàng trẻ, không ác pháp,
Nàng xuất gia làm gì?
Hãy bỏ áo Cà sa!*

Đến, lạc hưởng rừng hoa.

371. *Toàn hoa tỏa hương ngạt,
Cây rười bụi muôn hoa,
Xem tuổi xuân tuổi trẻ,
Là thời tiết hạnh phúc,
Hãy đến thọ hưởng lạc,
Trong rừng nở trăm hoa.*

372. *Con đường dưới vòm hoa,
Xào xạc gió lay động,
Nàng được lạc thú gì,
Khi một mình vào rừng.*

373. *Trú xứ chúng thú dữ,
Vang tiếng voi rống dục,
Rừng lớn trống không người,
Nhiều hiện tượng hãi hùng,
Nàng lại muốn đi vào,
Không một ai bạn đường?*

374. *Như búp bê vàng chói,
Giống tiên nữ vườn trời,
Nàng đắp vải Kàsi,
Đẹp mịn, sáng chói nàng.*

375. *Ta sống nô lệ nàng,*

Nếu nàng sống ở rừng,
Không một sanh loại nào,
Mà ta yêu hơn nàng,
Hỡi nàng mắt dịu hiền,
Như mắt Kin-na-rì.

376. Nếu nàng theo lời ta,
Nàng sẽ được hạnh phúc,
Hạnh phúc sống gia đình,
Sống lâu dài che gió,
Sống có các nữ nhân,
Hầu hạ phục vụ nàng.

377. Mang lụa mịn Kàsi,
Dùng vòng hoa, sáp đỏ,
Ta làm nhiều trang sức,
Vàng châu báu ngọc ngà.

378. Nàng leo lên giường quý,
Gỗ chiên đàn, lõi thơm,
Che màn đẹp tinh sạch,
Trải nệm mới lông dài.

379. Như sen vươn từ nước,
Phục vụ cho phi nhân,
Như vậy nàng Phạm hạnh,
Sống toàn hảo đến già.

380. Ở đây là cái gì,
Chàng xem là tuyệt diệu,
Trong nghĩa địa ử đây,
Tràn đầy những thân xác,
Chàng được thấy cái gì,
Trong thân xác hủy hoại,
Khi chàng thốt ra lời,
Si mê, vô ý thức?

381. Chính mắt như sơn dương,
Như Kinri giữa rừng,
Ta thấy con mắt nàng,
Dục lạc liền tăng trưởng.

382. Trong gương mặt không uế,
Sáng chói như vàng ròng,
Chẳng khác gì hoa sen,
Đặt chính giữa đài sen,
Thấy con mắt của nàng,
Lòng dục liền tăng trưởng.

383. Tuy xa ta vẫn nhớ,
Lông mi dài tuyệt đẹp,
Không gì ta yêu hơn,
Mắt Kinri của nàng.

384. *Chàng muốn dùng phi đao,
Tìm mặt trắng mà chơi,
Muốn nhảy qua Mê-ru,
Muốn tìm đến con Phật.*

385. *Trên đời này, cõi trời,
Ta nay không tham ái.
Ta không biết người ấy,
Người ấy như thế nào,
Đường đạo đã giết sạch,
Giết hại tận gốc rễ.*

386. *Quãng đi như hổ than,
Than hùng đang cháy đỏ,
Đánh giá như thuốc độc,
Đang xâm nhập đến thân,
Ta không biết người ấy,
Người ấy như thế nào,
Đường đạo đã giết sạch,
Giết hại đến gốc rễ.*

387. *Hãy cám dỗ nữ nhân,
Không có biết quán sát,
Hay Đạo Sư người ấy,
Đang còn phải học tập,
Chàng mê hoặc người ấy,
Làm hại được người ấy.*

388. *Còn ta đã chánh niệm,
Đôi khen chê lạc khổ,
Biết hữu vi bất tịnh,
Bám chặt tư tưởng ấy.*

389. *Ta là đệ tử Ni,
Của bậc đại Thiện Thệ,
Ta đã dần thân bước,
Trên **đường đạo tám ngành**,
Mũi tên đã nhỏ lên,
Không còn các lậu hoặc,
Ta đi đến nhà trống,
Tâm tư ta hoan hỷ.*

390. *Ta đã được thấy nó,
Một búp bê khéo vẽ,
Với trục quay gỗ mới,
Khéo cột với dây que,
Búp bê ấy nhảy múa,
Nhiều điệu múa khác nhau.*

391. *Dây que ấy được rút,
Mở lòng rời phân tán,
Thành trống không, miếng nhỏ,
Chỗ nào ý say đắm.*

392. *Thân ta ví dụ vậy,
Không bộ phận không động.
Không bộ phận, không động.
Chỗ nào ý say đắm.*

393. *Như thấy một bức vẽ,
Tô màu đỏ trên tường,
Cái thấy chàng đảo lộn,
Vị trí người thiếu sót.*

394. *Ảo thuật xem tối thượng,
Như cây vàng trong mộng,
Mù lòa người chạy theo,
Cái trống không, không thực,
Như cái trò múa rối,
Được xem giữa quần chúng.*

395. *Mắt nàng như hòn bi,
Đặt lỗ trống của cây,
Như những bong bóng nước,
Đầy đầy những nước mát,
Những con người đa dạng,
Sanh ra những mủ ghèn.*

396. *Thiếu nữ đẹp tuyệt ấy,
Vội tâm không chấp trước,
Bóc một con mắt nàng.*

Trao liền cho người ấy,

Và nói hãy cầm lấy,
Con mắt này của người.

397. **Khi ấy tham liền diệt,**

Chàng khẩn cầu xin lỗi,

Mong rằng Phạm hạnh ni,
Được an ổn trở lại,
Tôi sẽ không còn dám,
Xâm phạm thế này nữa.

398. *Hại hạng người thế này,*

Chẳng khác ôm lửa hừng,

Tôi như nắm rắn độc,

Mong an ổn tha thứ.

399. *Thoát khỏi bị xúc phạm,*

Vị Tỷ-kheo-ni ấy,

Từ đây đi đến gần,

Bạc Giác ngộ thù thắng,

Thấy được tướng công đức,

Tốt đẹp và thù thắng,

Mắt của nàng hồi phục,

Được trở lại như xưa.

96 Bát chánh đạo - Trưởng lão ni - Kinh Vijjaya – Tiểu III, 624

Vijjaya – Tiểu III, 624 (57)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở Rājagaha (Vương Xá) trong một gia đình thường dân, khi lớn lên nàng trở thành **bạn của Khemà**, đưa nàng trở thành Trưởng lão Ni, khi ấy còn là nữ cư sĩ.

Khi nghe Khemà xuất gia, nàng nói: "**Khemà là hoàng hậu còn xuất gia được, huống nữa là ta**". Nàng đi đến Khemà, và Khemà biết tâm nguyện căn cơ của nàng nên thuyết pháp, **khiến nàng suy tư đến sanh lão bệnh tử và tìm được an ổn trong đạo pháp.**

Rồi Khemà cho nàng xuất gia, nàng hầu hạ, học hỏi làm tròn bốn phận của mình, tu tập **thiền quán** và khi trí tuệ thuần, nàng chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ.

Rồi suy tư trên quả chứng của mình nàng nói lên sự sung sướng phấn khởi của nàng:

*169. Bốn lần và năm lần,
Ta ra khỏi tình xá,
Tâm không được an tịnh,
Không chế ngự được tâm.*

170. Ta đến Tỷ-kheo-ni,
Ta hỏi, đàm luận pháp,
Nàng thuyết pháp cho ta,
Về **giới** và về **xứ**.

171. **Bốn sự thật bậc Thánh,**
Về **các căn, các lực,**
Giác chi, Tám đường chánh,
Đạt đạo tối thượng nghĩa.

172. **Nghe lời vị ấy dạy,**
Ta làm theo giáo huấn,
Trong đêm canh thứ nhất,
Ta nhớ đến đời trước.

173. Trong đêm canh chạng giữa,
Thiên nhãn được thanh tịnh,
Trong đêm canh cuối cùng,
Khởi si ám tan tàn.

174. Từ đây ta được sống,
Biến mãn thân hỷ lạc,
Đêm thứ bảy, duỗi chân,
Khởi si ám tan tàn.

97 Bát chánh đạo - Trưởng lão ni Upacàlà - Kinh Upacàlà – Tiểu III, 631

Upacàlà – *Tiểu III*, 631 (60)

Câu chuyện giống như Tỷ-kheo-ni Càlà. Như Càlà, nàng chứng quả A-la-hán, và bị Ác ma cám dỗ nhưng Ác ma đã thất bại:

*189. Trú niệm có pháp nhãn,
Tỷ-kheo-ni luyện căn,
Thể nhập đạo an tịnh,
Bậc thượng nhân hành trì.*

Ác ma:

*190. Sao người không thích sanh,
Có sanh mới hưởng dục,
Hãy hưởng thọ dục lạc,
Chớ hối tiếc về sau.*

Upacàlà:

*191. **Đã sanh, thời bị chết,
Tay chân bị đứt đoạn,
Bị giết, trói, phiền não.
Sau đưa đến khổ đau.***

*192. Sanh gia tộc Thích-ca,
Đức Phật không chiến bại.*

*Ngài thuyết pháp cho ta,
Vượt qua khỏi sự sanh.*

*193. Ngài thuyết **Tám thánh đạo**,
Về khổ, nguyên nhân khổ,
Về vượt qua đau khổ,
Và con đường khổ diệt.*

*194. Ta nghe lời Ngài dạy,
Sống vui thích giáo pháp,
Ba minh đã đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

*195. Mọi nơi, hỷ duyệt đoạn,
Khỏi si ám tan tàn,
Hãy biết vậy, Ác ma!
Ngươi bị hại, Ma vương.*

98 Bát chánh đạo - Đường này, không đường khác, Đưa đến kiến thanh tịnh - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 85

Phẩm Đạo – *Tiểu I*, 85

273. **Tám ngành**, đường thù thắng,
Bốn câu, lý thù thắng,
Ly tham, pháp thù thắng,
Giữa các loài hai chân,
Pháp nhãn, người thù thắng.

274. Đường này, không đường khác,
Đưa đến kiến thanh tịnh,
Nếu người theo đường này,
Ma quân sẽ mê loạn.

275. Nếu người theo đường này,
Đau khổ được đoạn tận,
Ta dạy Người con đường,
Vớ trí, gai chướng diệt.

276. Người hãy nhiệt tình làm,
Như Lai chỉ thuyết dạy,
Người hành trì thiền định,
Thoát trói buộc Ác ma.

277. Tất cả hành **vô thường**,
Với Tuệ, quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán,
Chính con đường thanh tịnh.

278. Tất cả hành **khổ đau**,
Với Tuệ quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán,
Chính con đường thanh tịnh.

279. Tất cả pháp **vô ngã**,
Với Tuệ quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán,
Chính con đường thanh tịnh.

280. Khi cần, không nỗ lực,
Tuy trẻ mạnh, nhưng **lười**,
Chí nhu nhược, biếng nhác,
Với trí tuệ thụ động,
Sao tìm được chánh đạo?

281. **Lời nói được thận trọng,**
Tâm tư khéo hộ phòng,
Thân chớ làm điều ác,
Hãy giữ ba nghiệp tịnh,
Chứng đạo thánh nhân dạy.

282. Tu thiên, trí tuệ sanh,
Bỏ Thiên, trí tuệ diệt,
Biết con đường hai ngã,
Đưa đến hữu, phi hữu,
Hãy tự mình nỗ lực,
Khiến trí tuệ tăng trưởng.

283. Đốn rùng không đốn cây,
Từ rùng, sinh sợ hãi,
Đốn rùng và ái dục,
Tỷ kheo, hãy tịch tịnh.

284. Khi nào chưa cắt tiết,
Ái dục giữa gái trai,
Tâm ý vẫn buộc ràng,
Như bò con vú mẹ.

285. Tự cắt giây ái dục,
Như tay bẻ sen thu,
Hãy tu đạo tịch tịnh,
Niết-Bàn, Thiện Thệ dạy.

286. Mùa mưa ta ở đây,
Đông, Hạ cũng ở đây,
Người ngu tâm tưởng vậy,
Không tự giác hiểm nguy.

287. Người tâm ý đắm say,
Con cái và súc vật,
Tử thần bắt người ấy,
Như lượm trôi làng ngủ.

288. Một khi tử thần đến,
Không có con che chở,
Không cha, không bà con,
Không thân thích che chở.

289. **Biết rõ ý nghĩa này,
Bậc trí lo trì giới,
Mau lẹ làm thanh tịnh,
Con đường đến Niết-Bàn.**

99 Bát nhã - Không có diệt và sanh - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 267

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 267 (Ud 83)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana ngôi vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết giảng pháp thoai liên tưởng đến Niết-bàn cho các Tỷ-kheo, khích lệ làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Các Tỷ-kheo ấy chú tâm, tác ý, dồn tất cả tâm tư lắng nghe pháp.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

- **Cái gì có nương tựa, cái ấy có dao động.**

Cái gì không nương tựa, cái ấy không dao động.

Không có dao động thì có khinh an.

Có khinh an thì không có thiên về.

Không có thiên về thì không có đến và đi.

Không có đến và đi thì không có diệt và sanh.

Không có diệt và sanh thì không có đời này, không có đời sau, không có đời ở giữa. Đây là sự đoạn tận khổ đau.

100 Bát nhã - Không có đến, không có đi, không có trú, không có diệt - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 265

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 265 (Ud 80)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana ngôi vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết giảng pháp thoại liên tưởng đến Niết-bàn cho các Tỷ-kheo, khích lệ làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Các Tỷ-kheo ấy chú tâm, tác ý, dồn tất cả tâm tư lắng nghe pháp.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên *lời cảm hứng*:

- Nay các Tỷ-kheo, *có xứ này, tại đây không có đất, không có nước, không có lửa, không có gió, không có Hư không vô biên, không có Thức vô biên xứ, không có Vô sở hữu xứ, không có Phi tướng phi phi tướng xứ; không có đời này, không có đời sau, không có cả hai mặt trăng, mặt trời. Do vậy, nay các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố không có đến, không có đi, không có trú, không có diệt, không có sanh, không có an trú, không có chuyển vận, không có sở duyên, đây là sự đoạn tận khổ đau.*

101 Bát nhã - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 266

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 266 (Ud 82)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana ngôi vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết giảng pháp thoai liên tưởng đến Niết-bàn cho các Tỷ-kheo, khích lệ làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Các Tỷ-kheo ấy chú tâm, tác ý, dồn tất cả tâm tư lắng nghe pháp.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng**:

*- Nay các Tỷ-kheo, **có sự không sanh, không hiện hữu, không bị làm, không hữu vi.***

Nay các Tỷ-kheo, nếu không có cái không sanh, không hiện hữu, không bị làm, không hữu vi, thì ở đây không thể trình bày sự xuất ly khỏi sanh, hiện hữu, bị làm, hữu vi.

*Vì rằng, nay các Tỷ-kheo, **có** cái không sanh, không hiện hữu, không bị làm, không hữu vi, **nên có** trình bày sự xuất ly khỏi sanh, hiện hữu, bị làm, hữu vi.*

102 Bát-nhã - Trí tuệ Bát-nhã - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 333

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 333 (Duk.
I,10) (It. 27)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Đây đủ hai pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngay trong hiện tại an trú với nhiều lạc hỷ, như lý nỗ lực để diệt tận các lậu hoặc. Thế nào là hai?

- *Với sự hừng khởi đối với những trường hợp đáng phần khởi,*
- *Và như lý tinh cần đối với phần khởi.*

Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngay trong hiện tại sống với nhiều lạc hỷ, như lý nỗ lực để diệt tận các lậu hoặc.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Bậc có trí phần khởi,
Trường hợp đáng phần khởi,
Vị Tỷ-kheo nhiệt tình,
Thông minh và cẩn trọng,
Quán xuyên nhìn sự vật,*

Với trí tuệ **Bát-nhã**,
Nhiệt tình trú như vậy,
Sống đời sống an tịnh,
Không bông bột hăng say,
Chú lực **tâm tịnh chỉ**,
Có thể đạt chứng được,
Đoạn diệt các khổ đau.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

103 Bình Sa vương - Kinh Xuất Gia - Tiểu I, 596

Kinh Xuất Gia – Tiểu I, 596 (Sn 72)

Ananda:

405. *Xuất gia, tôi tán thán,
Như Pháp nhãn xuất gia,
Sau khi Ngài quán sát,
Chấp thuận hạnh xuất gia.*

406. *Trôi buộc, sống gia đình,
Tụ hội mọi bụi đời,
Phóng khoáng, đời xuất gia,
Thấy vậy nên xuất gia.*

407. *Sau khi Ngài xuất gia,
Thân ác nghiệp Ngài tránh,
Từ bỏ lời nói ác,
Mạng sống Ngài thanh tịnh.*

408. *Phật đi đến Vương Xá,
Đến chỗ núi bao vây,
Tại nước Ma-kiệt-đà,
Ngài sống hạnh khát sĩ,*

*Mang theo thật đầy đủ,
Các tướng tốt quang minh.*

409. **Bình Sa vương** thấy Ngài,
*Đứng trên sân lầu thượng,
Thấy đầy đủ tướng tốt,
Bèn nói lên lời này:*

410. *Các Ông hãy chăm sóc,
Người đẹp, lớn, thanh tịnh,
Thành tựu với hạnh đức,
Chỉ nhìn vừa một tâm.*

411. *Mắt nhìn xuống, chánh niệm,
Gia đình không hạ tiện,
Hãy cho sứ giả theo,
Tỷ-kheo sẽ đi đâu?*

412. *Được sai, sứ giả ấy,
Đi theo sau lưng Ngài,
Tỷ-kheo sẽ đi đâu?
Trú xứ sẽ chỗ nào?*

413. *Khất thực, từng nhà một,
Căn hộ trì chế ngự,
Bình bát được mau đầy,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

414. Sau khi đi khát thực,
Ẩn sĩ ra khỏi thành,
Leo lên Pandava,
Sẽ trú xứ tại đây.

415. Thấy vị ấy đến chỗ,
Các sứ giả ngồi chờ,
Còn một vị đi về,
Kể lại chuyện vua hay.

416. Đại vương, Tỷ-kheo ấy,
Phía đông Pandava,
Ngôi như cọp, bò chúa,
Như sư tử trong hang.

417. Nghe sứ giả, đức vua,
Vội cỡi xe thù thắng,
Vội vàng ra khỏi thành,
Đi đến Pandava.

418. Đi được, vua đi xe,
Rời xuống xe đi bộ,
Đức vua tiến lại gần,
Và vào chỗ Ngài ở.

419. Ngôi xuống, vua nói lên,

*Lời hỏi thăm chào đón,
Lời lễ chào đón xong,
Vua nói lên nghĩa này.*

*420. Người thanh niên tuổi trẻ,
Ngây thơ, bước vào đời,
Đẹp cao được đầy đủ,
Thiện sanh dòng Sát-ly.*

*421. Trang hoàng binh đội ngũ,
Trước mắt cả binh đoàn,
Tài sản ta cho Người,
Hãy hưởng và trả lời,
Về vấn đề thọ sanh.*

Thế Tôn:

*422. Trên sườn núi Tuyết sơn,
Sống dân tộc đoạn trực,
Tài sản nghị lực đủ,
Ở xứ Kosala.*

*423. Dòng họ thuộc mặt trời,
Sanh tộc là Thích-ca,
Từ bỏ gia tộc ấy,
Thừa vua, Ta xuất gia,
Ta không có tha thiết,*

Đối với các loại dục.

424. *Thấy nguy hiểm trong **dục**,
Bỏ chúng, là an ổn,
Ta sẽ đi, tinh tấn,
Ý Ta, được hoan hỷ.*

104 Bình an - 38 pháp bình an - Kinh Điem Lành - Tiểu I, 11

Kinh Điem Lành – *Tiểu I, 11* (Mangala Sutta)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú tại Sàvatthi, ở Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi một Thiên tử, khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị Thiên tử ấy bạch Thế Tôn với bài kệ:

Thiên tử:

19. Nhiều Thiên tử và người,^[SEP]
Suy nghĩ đến diêm lành,^[SEP]
Mong ước và đợi chờ,^[SEP]
Một nếp sống an toàn,^[SEP]
Xin Ngài hãy nói lên,^[SEP]
Về diêm lành tối thượng.

(Đức Phật giảng:)

20. Không thân cận kẻ ngu,^[SEP]
Nhưng gần gũi bậc Trí,^[SEP]
Đánh lễ người đáng lễ,^[SEP]
Là diêm lành tối thượng.

21. Ở trú xứ thích hợp,^[SEP]

Công đức trước đã làm,
Chân chánh hướng tự tâm,
Là điềm lành tối thượng.

22. Học nhiều, nghề nghiệp giỏi,
Khéo huấn luyện học tập,
Nói những lời khéo nói,
Là điềm lành tối thượng.

23. Hiếu dưỡng mẹ và cha,
Nuôi nấng vợ và con,
Làm nghề không rắc rối,
Là điềm lành tối thượng.

24. Bỏ thí, hành, đúng pháp,
Săn sóc các bà con,
Làm nghiệp không lỗi lầm,
Là điềm lành tối thượng.

25. Châm dứt, từ bỏ ác,
Chế ngự đam mê rượu,
Trong Pháp, không phóng dật,
Là điềm lành tối thượng.

26. Kính lễ và hạ mình,
Biết đủ và biết ơn,
Đúng thời, nghe Chánh Pháp,
Là điềm lành tối thượng.

27. Nhẫn nhục, lời hòa nhã,
Yết kiên các Sa-môn,

Đúng thời, đàm luận Pháp,^[SEP]
Là điềm lành tối thượng.

10. Khắc khổ và Phạm hạnh,^[SEP]
Thấy được lý Thánh đế,^[SEP]
Giác ngộ quả: "Niết Bàn",^[SEP]
Là điềm lành tối thượng.

11. Khi xúc chạm việc đời,^[SEP]
Tâm không động, không sầu,^[SEP]
Không uế nhiễm, an ổn,^[SEP]
Là điềm lành tối thượng.

12. Làm sự việc như vậy,^[SEP]
Không chỗ nào thất bại,^[SEP]
Khắp nơi được an toàn,^[SEP]
Là điềm lành tối thượng.

105 Bình an - Ba mươi tám pháp bình an - Kinh Điềm Lành Lớn - Tiểu I, 548

Kinh Điềm Lành Lớn – *Tiểu I*, 548

(Kinh Đại Hạnh Phúc - Mahamangala Sutta) (Sn 46)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú tại Sàvatthi, ở Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi một Thiên nhân, khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị Thiên nhân ấy với bài kệ bạch Thế Tôn:

Thiên nhân:

258. *Nhiều Thiên nhân và Người,
Suy nghĩ đến điềm lành,
Mong ước và đợi chờ,
Một nếp sống an toàn,
Xin Ngài hãy nói lên,
Về điềm lành tối thượng.*

Thế Tôn:

259. *Không thân cận kẻ ngu,*

*Nhưng gần gũi bậc trí,
Đánh lễ người đáng lễ,
Là điềm lành tối thượng.*

260. *Ở trú xứ thích hợp,
Công đức trước đã làm,
Chân chánh hướng tự tâm,
Là điềm lành tối thượng.*

261. *Học nhiều, nghề nghiệp giỏi,
Khéo huấn luyện học tập,
Nói những lời khéo nói
Là điềm lành tối thượng.*

262. *Hiếu dưỡng mẹ và cha,
Nuôi dưỡng vợ và con,
Làm nghề không rắc rối,
Là điềm lành tối thượng.*

263. *Bố thí, hành đúng pháp,
Săn sóc các bà con,
Làm nghiệp không lỗi lầm,
Là điềm lành tối thượng.*

264. *Chấm dứt, từ bỏ ác,
Chế ngự đam mê rượu,
Trong pháp, không phóng dật,*

Là điềm lành tối thượng.

265. *Kính lễ và hạ mình,
Biết đủ và biết ơn,
Đúng thời, nghe Chánh pháp,
Là điềm lành tối thượng.*

266. *Nhẫn nhục, lời hòa nhã,
Yết kiến các Sa-môn,
Đúng thời, đàm luận pháp,
Là điềm lành tối thượng.*

267. *Khắc khổ và Phạm hạnh,
Thấy được lý Thánh đế,
Giác ngộ quả Niết bàn,
Là điềm lành tối thượng.*

268. *Khi xúc chạm việc đời,
Tâm không động, không sầu,
Không uế nhiễm, an ổn,
Là điềm lành tối thượng.*

269. *Làm sự việc như vậy,
Không chỗ nào thất bại,
Khắp nơi được an toàn,
Là điềm lành tối thượng.*

106 Bình bát Bất tử - Kinh Kappata Kura – Tiểu III, 174

Kappata Kura – Tiểu III, 174 (160)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Sàvatthi, trong tình cảnh nghèo nàn, ngài chỉ biết tự nuôi sống, bằng cách mặc đồ rách rưới, bát ăn xin cầm tay, đi xin gạo cơm. Vì vậy ngài được tên là *Kappatakura* (*rách và gạo*).

Khi lớn lên, ngài nuôi sống bằng cách bán cỏ. Một hôm, đang cắt cỏ trong rừng, ngài gặp một vị Trưởng lão, ngài đánh lễ, ngồi xuống nghe pháp. Ngài khởi lòng tin, từ bỏ nếp sống cũ, xuất gia, cắt đồ rách rưới vào một chỗ.

Khi ngài cảm thấy nhàm chán với đời sống mới, ngài đi đến nhìn đồ rách rưới ấy, tâm ngài trở thành bất an. Làm như vậy, bảy lần ngài rời khỏi chúng Tăng. Các Tỷ-kheo báo cáo lên sự việc này.

Một hôm, khi ngài là một Tỷ-kheo đang ngồi giữa chúng Tăng tại giảng đường, bậc Đạo Sư giáo giới ngài với những bài kệ như sau:

*199. Đây là đồ rách rưới,
Của Kappata-kura,*

*Y áo đang phủ đắp,
Thật là quá nặng nề,
**Trong bình bát bắt tử,
Được đựng đầy Chánh pháp,
Nhưng nó không thực hành,
Con đường hành thiền định.***

*200. Hồi này Kappata,
Chớ lắc qua lắc lại,
Chớ khiến ta phải đánh,
Các tiếng vào tai ông,
Hồi này Kappata,
Chớ làm kẻ si mê,
Ngồi lắc qua lắc lại,
Giữa Tăng chúng hội họp.*

Bị đức Phật quở trách mạnh mẽ, ngài dao động mạnh, **phát triển thiền quán**, không bao lâu chúng quả A-la-hán. Rồi ngài lập lại các bài kệ đã khích lệ ngài tu hành và những bài kệ này trở thành những lời tuyên bố chánh trí của ngài.

107 Bò - Chư thiên phản đối việc giết bò - Kinh Pháp Balamôn - Tiểu I, 556

Kinh Pháp Balamôn – Tiểu I, 556 (Sn 50)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi nhiều Bà-la-môn đại phú ở Kosala già yếu, cao niên, trưởng lão, đã đến tuổi trưởng thượng, đã gần mãn cuộc đời, đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Bà-la-môn đại phú ấy bạch Thế Tôn:

- Thưa Tôn giả Gotama, hiện nay còn có những Bà-la-môn nào được thấy là theo pháp Bà-la-môn của những Bà-la-môn thời xưa?

- Nay các Bà-la-môn, hiện nay không còn thấy các Bà-la-môn theo pháp Bà-la-môn của các Bà-la-môn thời xưa.

- Lành thay, Tôn giả Gotama hãy nói cho pháp Bà-la-môn của các Bà-la-môn thời xưa. Nếu Tôn giả Gotama không thấy gì phiền phức.

- Vậy này các Bà-la-môn, hãy nghe và khéo tác ý. Ta sẽ nói.

- Thừa vâng, Tôn giả.

Các Bà-la-môn đại phú ấy vâng đáp Thế Tôn, Thế Tôn nói như sau:

284. *Các ần sĩ thời xưa,
Chế ngự, sống khắc khổ,
Bỏ năm dục trưởng dưỡng,
Hành lý tưởng tự ngã.*

285. *Phạm chí, không gia súc,
Không vàng bạc lúa gạo,
Học hỏi là tài sản,
Hộ che chở hộ trì,
Kho tàng tối thượng ấy.*

286. *Đồ ăn được sửa soạn,
Được đặt tại ngưỡng cửa,
Với lòng tin, họ soạn,
Để cúng bậc Thánh cầu.*

287. *Với vải mặc nhiều màu,
Với giường nằm trú xứ,
Từ quốc độ giàu có,
Họ đánh lễ Phạm chí.*

288. Không bị ai xâm phạm,
Là Phạm chí thời ấy,
Không bị ai chiến hại,
Họ được pháp che chở,
Không ai ngăn chặn họ,
Tại ngưỡng cửa gia đình.

289. Từ trẻ đến bốn tám,
Các Phạm chí thời xưa,
Họ sống hành Phạm hạnh,
Tâm cầu minh và hạnh.

290. Các vị Bà-la-môn,
Không đến giai cấp khác,
Không mua người làm vợ,
Chung sống trong tình thương,
Họ đi đến với nhau,
Trong niềm hoan hỷ chung.

291. Ngoài trừ thời gian ấy,
Thời có thể thu thai,
Là người Bà-la-môn,
Không đi đến giao cấu.

292. Họ tán thán Phạm hạnh,
Giới, học thức, nhu hòa,
Khắc khổ và hòa nhã,

Bất hại và nhẫn nhục.

293. Vị tối thắng trong họ,
Là Phạm thiên, nỗ lực,
Vị ấy không giao hợp,
Cho đến trong cơn mộng.

294. Ở đời, bậc có trí,
Học theo hạnh vị ấy,
Họ tán thán Phạm hạnh,
Giới đức và nhẫn nhục.

295. Họ xin cơm, sàng tọa,
Vải mặc, bơ và dầu,
Thâu nhiếp thật đúng pháp,
Họ tổ chức tế tự,
Trong lễ tế tự ấy,
Họ không giết bò cái.

296. Như mẹ và như cha,
Như anh, như bà con,
Bò là bạn tối thượng,
Từ chúng, sanh được vị.

297. Bò cho ăn, cho sức,
Cho dung sắc, cho lạc
Biết được lợi ích này,

Họ không giết hại bò.

298. *Họ đoan trang thân lớn,
Có dung sắc, danh xưng,
Bản tánh là nhiệt tình,
Trong hành thiện dứt ác,
Họ còn sống ở đời,
Dân chúng hưởng an lạc.*

299. *Giữa họ có đảo lớn,
Họ thấy vật nhỏ nhen.
Thấy huy hoàng nhà vua,
Thấy trang sức phụ nữ.*

300. *Các cỗ xe khéo làm,
Thắng với ngựa thuần thực,
Trang hoàng với tấm thảm,
Nhiều sắc lại nhiều màu.
Các trú xứ phòng ốc,
Khéo chia, khéo ngăn cách.*

301. *Đàn bà mập vầy quanh,
Chúng người đẹp hầu hạ,
Bà-la-môn tham đắm,
Tài sản lớn của người.*

302. *Đọc các bài kệ tụng,*

*Họ đến Okkàla,
Ngài được tài sản lớn,
Ngài được lúa gạo nhiều.
Hãy thiết lập tế đàn,
Vì tài sản ngài lớn,
Hãy thiết lập tế đàn,
Vì tiền bạc ngài lớn.*

*303. Rồi vua, bậc lãnh tụ,
Vương chủ các xa binh,
Được các Bà-la-môn
Nhiếp phục và cảm hóa,
Tổ chức các tế đàn,
Về ngựa và về người,
Quăng con ném, **nước thánh**,
Vội các cửa then cài.
Lễ tế đàn này xong,
Họ cho các Phạm chí,
Rất nhiều loại tài sản.*

*304. Bò, giường nằm, áo mặc,
Nữ nhân, trang sức đẹp,
Các cỗ xe khéo làm,
Thắng với ngựa thuần thực,
Trang hoàng với tấm thảm,
Nhiều sắc lại nhiều màu.*

305. Các trù xứ đẹp đẽ,
Khéo chia, khéo ngăn cách,
Đầy các loại lúa gạo,
Họ cho các Phạm chí,
Rất nhiều là tài sản.

306. Ở đây, được tài sản,
Phạm chí thích cất chứa,
Lòng dục chúng thỏa mãn,
Khát ái càng tăng trưởng,
Họ lại đọc kệ tụng,
Họ đến Okkàka.

307. Như nước, đất và vàng,
Tài sản và lúa gạo,
Cũng vậy là các bò,
Đối với các loài, người.
Chúng là những vật dụng,
Cần thiết cho hữu tình.
Hãy thiết lập tế đàn,
Vì tài sản ngài lớn,
Hãy thiết lập tế đàn,
Vì tiền bạc ngài lớn?

308. Rồi vua, bậc lãnh tụ,
Vương chủ các xa binh,
Được các Bà-la-môn,

Nhiếp phục và cảm hóa,
Tổ chức các tế đàn,
Trăm ngàn bò bị giết.

309. Không phải với bàn chân,
Cũng không phải với sừng,
Con bò hại một ai,
Chúng được khéo nhiếp phục.
Như con dê, con cừu,
Chúng cho nhiều ghè sữa,
Tuy vậy, vua ra lệnh,
Nắm sừng bắt lấy chúng,
Giết chúng bằng dao gươm.

310. Rồi chư Thiên, Tổ tiên,
Đế Thích, A-tu-la,
Với các hàng Da-xoa,
Đồng thanh cùng la lớn,
"Như vậy là phi pháp",
Khi gươm giết hại bò.

311. Trước đã có ba bệnh,
Dục, ăn không đủ, già,
Do giết hại muôn thú,
Chúng lên đến chín tám.

312. Trượng phạt phi pháp này,

*Từ xưa truyền đến nay,
Vật vô tội bị giết,
Còn người lễ tế đàn,
Thối thất khỏi Chánh pháp.*

313. Vậy tùy **pháp cổ** này,
Bị bậc trí khiển trách,
Chỗ nào lễ tế đàn,
Như vậy, được xem thấy,
Quần chúng liền chỉ trích,
Các vị lễ tế đàn.

314. Như vậy, **pháp bị hoại**,
Hạng Thủ-đà, Phệ-xá,
Bị phân ly chia rẽ,
Các hạng Sát-đế-lị,
Bị chia năm, chẻ bảy,
Còn vợ khinh rẽ chồng.

315. Các Sát-lý hoàng tộc,
Các bà con Phạm thiên,
Cùng với hạng người khác,
Được gia tộc che chở,
Họ bỏ quên sanh chủng,
Họ rơi vào các đục.

Khi nghe nói vậy, các Bà-la-môn đại phú ấy bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thừa Tôn giả Gotama, như người **dung đứng** lại những gì bị quăng ngã xuống, **trình bày rõ** những gì bị che kín, **chỉ đường** cho kẻ bị lạc hướng, hay **đem đèn sáng** vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể nhìn thấy sắc. Cũng vậy, Pháp được Tôn giả Gotama với nhiều pháp môn trình bày giải thích. Chúng con xin quy y Tôn giả Gotama quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận chúng con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, chúng con trọn đời quy ngưỡng.

108 Bò - Con bò tức giận vì bị chủ đánh - Kinh Godatta – Tiểu III, 355

Godatta – *Tiểu III*, 355 (245)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình lữ hành và đặt tên là *Godatta*. Sau khi cha chết, ngài sắp đặt nhà cửa, đem theo năm trăm cỗ xe hàng hóa, đi chỗ này chỗ khác, sống bằng nghề buôn bán.

Một hôm, một con **bò** ngã quỵ xuống đường, trong khi kéo xe, và các người làm công của ngài không thể đỡ con bò đứng dậy được, ngài tự đi đến đánh con bò rất nặng.

Con bò tức giận vì **sự tàn bạo** của ngài nói lên giọng người: "*Này Godatta, đã lâu ta đem tất cả sức lực ta kéo gánh nặng cho ông, nhưng nay ta không đủ sức kéo nên phải ngã quỵ xuống, ông đánh đập ta tàn nhẫn. Vậy chỗ nào ông tái sanh, ta cũng sẽ sanh làm kẻ thù của ông để làm hại ông!*".

Ngài nghe vậy rất lấy làm xúc động, tự nghĩ: "Sao lại sống làm hại các loài hữu tình như vậy?". Rồi ngài từ bỏ tất cả tài sản, xin xuất gia với một vị Trưởng lão, và sau một thời gian chứng quả A-la-hán.

Một hôm, khi ngài đang hưởng thọ sự an lạc giải thoát, ngài thuyết pháp cho chúng xuất gia và tại gia về các pháp thế gian:

659. *Như con bò giống tốt,
Được huấn luyện tốt đẹp,
Bị cột vào gánh nặng,
Mang gánh nặng kéo đi,
Bị áp đè quá nặng,
Không lật đổ gánh nặng.*

660. ***Cũng vậy, ai nhiều tuệ,
Như nước ở trong biển,
Không khinh miệt người khác,
Thánh pháp là như vậy,
Đối với các hữu tình.***

661. *Sống trong vòng thời gian,
Bị thời gian hàng phục,
Hữu, phi hữu chi phối,
Loài Người chịu đau khổ,
Con cháu họ sầu ưu,
Chính ngay trong đời này.*

662. *Hân hoan, khi được **lạc**,
Gặp **khổ** lại chán chường,
Kẻ ngu bị nã hại,*

*Chi phối cả hai đường,
Không thấy được như thật.*

663. Những ai giữa khổ lạc,
Người dật không chi phối,
Đứng vững như cột cửa,
Không hân hoan, chán chường.

664. Đối với *được* hay *mất*,
Vớ danh, vớ không danh,
Đối với *chê* hay *khen*,
Vớ khổ hay vớ lạc.

665. Chúng tôi dính chỗ nào,
Nhu giọt nước trên sen,
Bạc anh hùng mọi chỗ,
Được lạc, không bị bại.

666. Người đúng pháp không được,
Người được, không đúng pháp,
Đúng pháp nhưng *không* được,
Hơn *được* không đúng pháp.

667. Người có danh, ít trí,
Người có trí, không danh,
Không danh, nhưng có trí,
Hơn ít trí, có danh.

668. Được khen bởi kẻ ngu,
Bị chê bởi kẻ trí,
Được kẻ trí **chê** bai,
Hơn được người ngu **khen**.

669. Lạc do dục đem lại,
Khổ do viển ly sanh,
Khổ do viển ly sanh,
Hơn **lạc do dục** sanh.

670. Làm phi pháp để sống,
Làm đúng pháp, có chết,
Làm **đúng** pháp, có **chết**,
Hơn **sống, làm phi pháp**.

671. Ai đoạn dục, phần nộ,
Tâm tịnh hữu, phi hữu,
Sống ở đời, không ái,
Không thương yêu ghét bỏ.

672. Sau khi tu **Giác chi**,
Các căn và các lực,
Đạt tịch tịnh tối thắng,
Chứng Niết-bàn vô lậu.

109 Bò - Như con bò được bồi dưỡng, lấy lại sức mạnh - Kinh Nandaka – Tiểu III, 158

Nandaka – *Tiểu III*, 158 (147)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Campa trong một gia đình thị dân, được đặt tên là *Nandaka*. Ngài là em trai của *Bharata* (sẽ được nói đến sau). Cả hai được nghe Sona Kolivisa thuyết pháp, liền xuất gia, nghĩ rằng: "Sona được nuôi dưỡng tể nhị còn xuất gia được, huống nữa chúng ta?"

Bharata chứng ngay **sáu thắng trí**, còn *Nandaka*, vì còn nhiều tư tưởng không trong sạch, không thể điều khiển được thiên quán, chỉ có thể thực hành.

Rồi *Bharata* muốn giúp đỡ ngài, khiến ngài làm thị giả và cả hai người ra đi. Ngồi bên vệ đường, *Bharata* thuyết pháp cho ngài về thiên quán.

Có một đoàn lễ hành đi ngang qua, một con bò đực kéo xe qua đám bùn không nổi nên ngã quỵ xuống. Ngài dạy cởi con bò khỏi chiếc xe, cho nó ăn cỏ, uống nước. Con bò khỏi sự mệt nhọc lại được cột vào xe, với sức mạnh, được bồi dưỡng, con bò kéo xe qua được đám bùn, Bharata nói:

- Nay em Nandaka, em có thấy hiện tượng ấy không?

- Thưa anh, em có thấy.

- Vậy hãy tìm hiểu ý nghĩa! Và Nandaka nói: "N~~hư~~ con bò đ~~u~~ợc bồi d~~u~~ỡng, l~~á~~y lại sức mạnh, ta cần phải tư l~~u~~c l~~o~~i mình ra khỏi đám b~~u~~n l~~ây~~ của tái sanh!".

Dùng sự kiện này là một đề tài **thiền quán**, ngài đã chứng được quả A-la-hán. Rồi ngài tuyên bố chánh trí của ngài cho người anh nghe với những bài kệ:

173. Như con vật hiền thiện,
Thuộc giống tốt, khéo luyện,
Sau khi ngã quy xuống,
Lại gượng lên đứng dậy,
Lấy được thêm sức mạnh,
Không bỏ kéo gánh nặng.

174. Cũng vậy, hãy nhận con,
Đệ tử bậc Chánh giác,
Con đầy đủ chánh kiến,
Khéo tu luyện thuần thực,
Con thật con chánh thống.
Của đức Phật Chánh giác.

110 Bò - Tự sách tấn mình với ví dụ con bò bị ngã - Kinh Ramaniya Vihàrim – Tiểu III, 56

Ramaniya Vihàrim – *Tiểu III*, 56 (45)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con một công dân có tên tuổi và sống đời sống **tuổi trẻ trác táng**.

Một hôm, ngài thấy các quân lính nhà vua bắt một người thông dân, **ngài sanh tâm dao động, nghe lời Phật dạy và xuất gia**.

Là Tỷ-kheo, ngài **vẫn còn những ái dục về thân**, ngài sắp đặt phòng ngài thật đầy đủ bàn ghế, đầy đủ đồ ăn, đồ uống, đồ nằm và sống như vậy. Do vậy, ngài được tên là Ramaniyavihàrim (người sống trong lạc dục).

Nhưng đời sống cũ của ngài làm ngài khó sống đời sống Tỷ-kheo, ngài cảm thấy **không** xứng đáng để nhận đồ cúng dường, ngài bỏ đi, bộ hành **lang thang đó đây**.

Trên đường đi, khi ngồi nghỉ dưới gốc cây, ngài thấy các xe bò đi ngang qua, một **con bò** vì mệt mỏi nên vấp ngã, người đánh xe cởi dây cho con bò, cho nó

rom và nước, và làm cho nó đỡ mệt, xong lại cột con bò vào xe và bắt nó kéo xe đi. Ngài suy nghĩ: "**Con bò này đã vấp ngã nhưng đã đứng dậy và kéo đi gánh nặng của mình. Vậy ta phải tỉnh táo, sau khi rơi vào rình nhục dục, cần phải đứng dậy và làm tròn bổn phận của người tu hành**".

Rồi ngài trở về, kể lại câu chuyện cho Trưởng lão Upàli và được Upàli chấp nhận cho sám hối các lỗi lầm, và giúp ngài trở lại nếp sống chơn chánh. Không bao lâu, ngài chứng quả A-la-hán. Về sau, hưởng thọ an lạc giải thoát, ngài nói lên sai lầm của ngài, và sự trở lui lại nếp sống chơn chánh trong bài kệ này:

45. *Như con thú hiền thiện,
Giống tốt, huấn luyện khéo,
Sau khi đã vấp ngã,
Lại đứng lên, an trú,
Ta đầy đủ chánh kiến,
Đệ tử bậc Chánh giác.*

111 Bò bị thiền - Do nghiệp lấy vợ người - Kinh Isidàsi – Tiểu III, 703

Isidàsi – *Tiểu III*, 703 (72)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Ujjeni, con gái một thương gia có giới đức, được kính trọng, và giàu có và đặt tên là Isidàsi.

Khi nàng đến tuổi trưởng thành, cha nàng gả nàng cho con trai một người thương gia, xứng đôi vừa lứa. Trong một tháng, nàng sống với chồng như một người vợ trung thành. Nhưng vì **ng nghiệp** đời trước của nàng, **chồng nàng trở thành lạnh nhạt** đối với nàng và đuổi nàng ra khỏi nhà. Mọi sự việc này được ghi rõ trong nguyên bản Pàli. Vì nàng tự tỏ không xứng đáng đối với người chồng này và chồng khác, nàng trở thành dao động, và được cha cho phép, nàng xuất gia với sự hướng dẫn của Trưởng lão Ni Jinadattà.

Sau khi **tu học thiền quán**, không bao lâu nàng chứng quả A-la-hán với sự hiểu biết về pháp và về nghĩa.

Sống trong sự an lạc Niết-bàn, một hôm sau khi đi khát thực và ăn xong, trong thành Patna, nàng ngồi bên bờ cát sông Hằng và đáp lời hỏi của Trưởng lão Ni Bodhi, nàng nói lên kinh nghiệm tu tập của nàng

ngang qua những bài kệ này. Và để cho có sự liên hệ giữa các câu trả lời trước và sau có bài kệ được các nhà kiết tập về sau thêm vào:

*400. Trong thành được đặt tên,
Tên chỉ một đóa hoa,
"Pàtaliputta",
"Con của đóa bông kèn",
Sống hai Tỷ-kheo-ni,
Có giới hạnh tốt đẹp,
Thuộc gia đình Thích-ca,
Gia đình cao quyền quý.*

*401. Một I-xi-đa-xi,
Thứ hai tên Bô-dhi,
Cả hai có giới hạnh,
Ưu thích tu thiền định,
Được nghe kinh điển nhiều,
Kiết sử được trừ bỏ.*

*402. Họ đi khát thực xong,
Ăn xong, bát rửa sạch,
Ngồi hưởng lạc viển ly,
Nói lên những lời này.*

*403. Hồi I-xi-đa-xi,
Căn nàng thật thoải mái,*

*Tuổi thọ chưa tồn giảm;
Nàng thấy khuyết điểm gì,
Khiến tâm chú trọng nhiều,
Đến hạnh nguyện xuất ly.*

*404. Như vậy sống viễn ly,
Thiện xảo về thuyết pháp,
I-xi-da-xi thuyết,
Lời nói như thế này,
Hãy nghe, này Bô-đi,
Ta xuất gia thế nào.*

*405. Tại thành phố thù thắng,
Đặt tên Uj-jê-ni,
Cha ta là triệu phú,
Có đức độ giới hạnh,
Ta là con gái một,
Được cha thương, yêu quý.*

*406. Từ thành Xê-kê-ta,
Một người dạm hỏi đến,
Một gia đình quyền quý,
Hỏi ta cho con trai,
Triệu phú bèn gả ta,
Làm dâu người giàu ấy.*

407. Sáng và chiều, ta đến,

*Đánh lễ cha, mẹ chồng,
Cúi đầu đánh lễ chân,
Như ta được dạy bảo.*

*408. Với chị, với em anh,
Với bà con chồng ta,
Thấy một người bước vào,
Ta e sợ mời ngồi.*

*409. Về đồ ăn, uống, nhai,
Được cất giữ có chỗ,
Ta thiết đãi cho ăn,
Thích hợp từng người một.*

*410. Ta thức dậy đúng thời,
Đi vòng quanh khắp nhà,
Rồi chà rửa chân tay,
Ta đến lễ chồng ta.*

*411. Cầm theo lược trang liệu,
Thuốc xoa mắt gương nhỏ,
Ta trang điểm chồng ta,
Như thị tỳ hầu hạ.*

*412. Ta tự nấu dọn cơm,
Ta tự rửa chén bát,
Như mẹ đối với con,*

Ta hầu chồng như vậy.

*413. Như vậy phục vụ chồng,
Với phục vụ tối thượng,
Dậy sớm không biếng nhác,
Với tâm tư khiêm tốn,
Với giới hạnh tốt đẹp,
Nhưng chồng ác cảm ta.*

*414. Chồng ta nói mẹ cha,
Xin phép con sẽ đi,
Với I-xi-đa-xi,
Con không thể sống chung,
Cùng dưới một mái nhà,
Con không thể cùng ở.*

*415. Chớ nói vậy, này con!
Vợ con người có trí,
Thông minh, biết dậy sớm,
Sao con không hoan hỷ.*

*416. Nàng không hại gì con,
Nhưng con không bao giờ,
Có thể sống chung được,
Với I-xi-đa-xi,
Con ghét cay chán ngấy,
Xin phép, con sẽ đi.*

417. Được nghe lời chồng nói,
Cha mẹ chồng hỏi con.
Làm gì xúc phạm chồng?
Hãy thẳng thắn nói thật.

418. Con không xúc phạm gì!
Không hại, không mưu tính.
Với lời nói khó chịu,
Có thể làm gì được?
Tuy vậy chồng của con,
Lại ác cảm chống con.

419. Họ đưa ta về nhà,
Nhà thân phụ của ta,
Với tâm tư khổ não,
Sửng sốt và bối rối,
Không muốn mất con trai,
Họ muốn bảo vệ nó.
Ôi, chúng ta bại trận,
Bởi nữ thần may rủi.

420. **Cha ta lại gả ta,**
Cho gia đình thứ hai,
Một gia đình giàu có,
Bằng lòng nửa số tiền,
Là tiền gả bán ta.

421. **Ta chỉ sống một tháng,**
Trong gia đình vị ấy,
Vị ấy trả lui ta,
Dầu ta tận tụy làm,
Chẳng khác người nô lệ,
Không lỗi lầm, có đức.

422. **Cha ta nói khát sĩ,**
Sống điều phục chế ngự,
Người hãy làm rể ta,
Bỏ áo rách ghè bình.

423. Vị ấy sống **nửa tháng,**
Rồi nói với cha ta,
Hãy trả lui áo rách,
Ghè bình và bình bát,
Con nay muốn sống lại,
Nghề khát sĩ của con.

424. Cha, mẹ, toàn bà con,
Liên nói với vị ấy:
Ở đây có cái gì,
Làm con không bằng lòng?
Hãy nói gấp cái gì,
Làm con không vừa ý.

425. Được nói vậy, vị ấy,
Liên trả lời như sau:
Nếu đối với tự ngã,
Con có thể bằng lòng,
Nhưng con không chung sống,
Với I-xi-đa-xi!

426. Từ giã vị ấy đi,
Một mình, ta suy nghĩ:
Ta đến để xin phép,
Hoặc chết hay xuất gia.

427. Rồi Ji-na-đạt-ta.
Vị ni sư ấy đến,
Trong khi đi khát thực,
Đến gia đình cha ta,
Vị thọ trì giới luật,
Nghe nhiều, có giới hạnh.

428. Thấy Ni sư, chúng tôi,
Đều đứng lên kính cẩn,
Và ta liền sửa soạn,
Chỗ ngồi cho Ni sư,
Ngồi xuống, ta đánh lễ,
Dưới chân bậc Ni sư,
Lễ xong, ta cúng dường,
Các đồ ăn đồ uống.

429. Các món ăn, uống, nhai,
Tại đây, được dự trữ,
Làm Ni sư thỏa mãn,
Ta thừa với Ni sư,
Nay ta muốn xuất gia,
Sống đời không gia đình,
Cha ta nói với ta:
"Này con hãy ở đây".

430. Hành trì đúng Chánh pháp,
Với đồ ăn đồ uống,
Hãy làm cho thỏa mãn,
Sa-môn, hai lần sanh.

431. Vừa nói, ta khóc lóc,
Chấp tay vái cha ta;
Với điều ác con làm,
Con sẽ tiêu nghiệp ấy.

432. Cha ta nói với ta:
Hãy chứng ngộ Bồ-đề.
Và Chánh pháp tối thượng!
Hãy chứng đắc Niết-bàn,
Đã được Lương Túc Tôn,
Thành tựu và chứng đạt.

433. *Ta đánh lễ mẹ cha,
Cùng tất cả bà con,
Sau **bảy** ngày xuất gia,
Ta chứng được **Ba minh**.*

434. ***Ta biết bảy đời trước,
Quả gì nay thành thực,
Ta sẽ nói cho bạn,
Hãy nhất trí lắng nghe.***

435. *Tại thành phố đặt tên,
Ê-ra-ka-kac-chê,
**Ta sống là thợ vàng,
Tài sản thật phong phú.***

436. *Say đắm với tuổi trẻ,
Ta xâm phạm vợ người,
Do vậy, sau khi chết,
Trong cảnh giới địa ngục,
Ta bị đốt, nung nấu,
Trong một thời gian dài,
Thoát khỏi sự nung đốt,
Ta sanh trong bụng **khỉ**.*

437. *Bảy ngày từ khi sanh,
Ta **bị khỉ chúa thiến,**
Đây là quả của nghiệp,*

Do đi đến vợ người.

438. Từ đây ta chết đi,
Mệnh chung rùng Xin-đa,
Sanh trong bụng con **đê**,
Một mắt và què quặt.

439. **Mười hai năm bị thiên,**
Mang nặng những đứa con,
Sán trùng ăn vô dụng,
Do đi đến vợ người.

440. Từ đây ta chết đi,
Sanh làm con **bò cái**,
Của một lái buôn bò,
Con ghé màu đỏ sẫm,
Khi được mười hai tháng.
Lại bị người ta thiên.

441. Rồi ta lại kéo cày,
Kéo xe cho chúng nó,
Mù, lo lắng, vô dụng,
Do đi lại vợ người.

442. Từ đây chết được sanh,
Nhà **nữ tỳ gần đường,**
Không là nữ, không nam,

Do đi lại vợ người.

443. Đến tuổi **ba mươi** năm,
Bị chết, ta được sanh,
Sanh làm người con gái,
Gia đình người đánh xe,
Nghèo khổ ít tài sản,
Rơi vào tay vay lãi,
Do tiền nợ tăng trưởng,
Chủ lãi đoàn bắt ta.

444. Kéo ta, dẫu ta khóc,
Lôi ta ra khỏi nhà.

445. Khi ta mười sáu tuổi,
Lớn lên thành thiếu nữ,
Con trai thương gia ấy,
Bắt ta lấy làm vợ.

446. Nhưng nó có vợ khác,
Có giới đức danh xưng,
Lại biết thương mến chồng,
Chính ta tạo thù hằn.

447. Do quả của nghiệp này,
Họ khinh ghét chống ta,
Dẫu ta như nô tỳ,

*Hầu hạ phục vụ họ,
Nhưng nay ta chấm dứt,
Mọi sự việc như trên.*

112 Bò húc chết Trưởng lão Bàhiya Dàruciriya - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 126

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I, 126* (Ud 6)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, ngôi vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Bàhiya Dàruciriya trú ở Suppàraka, trên bờ biển, được cung kính, tôn trọng đánh lễ, cúng dường và nhận được y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Rồi Bàhiya Dàruciriya khởi lên tư tưởng như sau: "*Với ai là bậc A-la-hán hay đang đi trên con đường A-la-hán, ta là một trong những vị ấy*". Rồi một **Thiên nhân**, trước là bà con huyết thống với Bàhiya Dàruciriya, vì lòng từ mẫn, vì muốn lợi ích, với tâm của mình biết tâm tư của Bàhiya Dàruciriya, đi đến Bàhiya Dàruciriya và nói như sau:

- Nay Bàhiya. Ông không phải là A-la-hán hay đang đi trên con đường A-la-hán. Ông không có đạo lộ ấy, với đạo lộ này Ông có thể trở thành A-la-hán hay đang đi trên con đường đưa đến A-la-hán.

- *Nhưng ai là những vị, trong thế giới này, với thế giới chư Thiên là những vị A-la-hán hay đang đi trên con đường A-la-hán?*

- *Này Bàhiya, có thành phố tên là Sàvatthi trên những quốc lộ phương Bắc. Tại đây có Thế Tôn hiện đang trú, bậc A-la-hán. Chánh Đăng Giác. Vị ấy là bậc A-la-hán và thuyết pháp đưa đến quả A-la-hán.*

Rồi Bàhiya Dàruciriya, được Thiên nhân ấy thúc dục, đi ra khỏi Sappàraka, trong suốt đường trường, chỉ nghỉ một đêm, đi đến chỗ Thế Tôn đang trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, trong khu vườn Anàthapindika. Lúc bấy giờ nhiều Tỷ-kheo đang đi kinh hành giữa trời. Bàhiya Dàruciritya đi đến các Tỷ-kheo ấy, sau khi đến nói như sau:

- *Thưa các Tôn giả, nay Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đăng Giác ở đâu? Chúng tôi muốn được yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác.*

- *Này Bàhiya, Thế Tôn đã đi vào giữa các nhà để khát thực.*

Rồi Bàhiya Dàraciriva mau chóng ra khỏi Jetavana, đi vào Sàvatthi, và thấy Thế Tôn đang đi khát thực, khả ái, khởi lên tịnh tín, các căn an tịnh, tâm ý an tịnh, đạt được an chỉ, chế ngự tối thượng, giống như một con voi được điều phục, phòng hộ với các căn an tịnh. Thấy vậy, Bàhiya Dàruciriya liền đi đến Thế

Tôn, sau khi đến, cúi đầu xuống chân Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

- *Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp cho con, Thiện Thệ hãy thuyết pháp cho con, nhờ vậy con có thể được hạnh phúc an lạc lâu dài.*

Khi được nói vậy, Thế Tôn nói với Bàhiya Dàruciriya:

- *Không phải thời, này Bàhiya, Ta đang khát thực.*

Lần thứ hai Bàhiya Dàruciriya Bạch Thế Tôn:

- *Thật khó biết, bạch Thế Tôn, là chướng ngại cho mạng sống của Thế Tôn, hay chướng ngại cho mạng sống của con. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp cho con. Thiện Thệ hãy thuyết pháp cho con, nhờ vậy con có thể được hạnh phúc an lạc lâu dài.*

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Màhiya Dàruciriya:

- Không phải thời, này Bàhiya, Ta đang khát thực.

Lần thứ ba, Bàhiya Dàruciriya bạch Thế Tôn:

- Thật khó biết... hạnh phúc lâu dài.

- Vậy này Bàhiya, Ông cần phải học tập như sau:

"Trong cái thấy, sẽ chỉ là cái thấy. Trong cái nghe, sẽ chỉ là cái nghe. Trong cái thọ tưởng, sẽ chỉ là cái thọ tưởng. Trong cái thức tri, sẽ chỉ là các thức tri".

Như vậy, này Bàhiya, Ông cần phải học tập. Vì rằng, này Bàhiya, nếu với Ông, trong cái thấy, sẽ chỉ là cái

thấy; trong cái nghe, sẽ chỉ là cái nghe; trong cái thọ tướng, sẽ chỉ là cái thọ tướng; trong cái thức tri, sẽ chỉ là cái thức tri. Do vậy, này Bàhiva, Ông không là chỗ ấy. Vì rằng, này Bàhiya, Ông không là đời này, không là đời sau, không là đời chặng giữa. Như vậy là đoạn tận khổ đau.

Nhờ lời thuyết pháp tóm tắt này của Thế Tôn, tâm của Bàhiya Dàruciriya được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Thế Tôn sau khi thuyết cho Bàhiya Dàruciriya lời giáo giới tóm tắt này, liền ra đi. Thế Tôn ra đi không bao lâu, một con bò con húc chết Bàhiya Dàruciriya. Thế Tôn sau khi khát thực ở Sàvatthi xong, sau buổi ăn, trên con đường đi khát thực trở về, đi ra khỏi thành với nhiều Tỷ-kheo, thấy Bàhiya Dàruciriya bị chết, thấy vậy liền nói với các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, hãy lấy thân xác Bàhiya Dàruciriya, đặt lên trên cái chõng, đem đi hỏa thiêu, rồi xây tháp lên trên. Này các Tỷ-kheo, một vị đồng Phạm hạnh với các Thầy đã qua đời!

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, sau khi đặt xác thân của Bàhiya Dàruciriya lên trên cái chõng, đem đi hỏa thiêu, xây dựng cái tháp cho vị ấy, rồi đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi

xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, thân xác của Bàhiya Dàruciriya đã được hỏa thiêu, tháp đã được xây dựng xong cho vị ấy. Sanh thú cho vị ấy là gì? Đời sau vị ấy là gì?

- Nay các Tỷ-kheo, Hiền trí là Bàhiya Dàruciriya đã hành trì tùy pháp, đúng pháp và không có phiền nhiễu Ta với những tranh luận về pháp. Nay các Tỷ-kheo, Bàhiya Dàruciriya **đã nhập Niết Bàn**.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

10. *Chỗ nào nước và đất,
Lửa, gió không chấp trước,
Tại đây sao không chói,
Mặt trời không chiếu sáng,
Tại đây trăng không chiếu,
Tại đây u ám không,
Khi ẩn sĩ Phạm chí,
Tự mình với trí tuệ,
Thế nhập vào Chánh pháp,
Vị ấy được giải thoát
Khỏi sắc và vô sắc,
Khỏi an lạc, đau khổ.*

Lời cảm hứng này được Thế Tôn thuyết giảng và tôi được nghe như vậy.

113 Bò húc chết người hủi - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 203

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 203 (Ud 49)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagha, Veluvana, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, một **người bị bệnh hủi tên là Suppabuddha**, nghèo đói, ăn xin, khốn cùng. Lúc bấy giờ, Thế Tôn với đại chúng doanh vây, đang ngồi thuyết pháp. Người hủi Suppabuddha thấy từ đằng xa đại chúng đang tụ hội, thấy vậy liền suy nghĩ: *"Không nghi ngờ gì nữa, ở đây, có thể có chia phần cái gì ăn được, loại cứng hay loại mềm. Vậy ta hãy đi đến đại chúng ấy, mong rằng ta sẽ được chút gì ăn được, loại cứng hay loại mềm"*. Rồi người hủi Suppabuddha đi đến đại chúng ấy.

Người hủi Suppabuddha thấy Thế Tôn đang thuyết pháp cho đại chúng đang doanh vây xung quanh, thấy vậy liền suy nghĩ: *"Ở đây không có cái gì ăn được, loại cứng hay loại mềm để chia phần. Sa-môn Gotama này đang thuyết pháp cho hội chúng. Vậy ta hãy nghe pháp". Tại đây, người hủi ngồi xuống và nghĩ: "Ta sẽ nghe pháp".*

Rồi Thế Tôn, với tâm của mình duyên với tâm của toàn thể hội chúng tác ý rằng: "Ở đây, ai có thể hiểu được pháp". Thế Tôn thấy người hủ Suppabuddha đang ngồi trong hội chúng, thấy vậy liền suy nghĩ: "Ở đây, người này có thể hiểu pháp".

Vì người hủ Suppabuddha, Thế Tôn tuần tự thuyết pháp, tức là thuyết **bổ thí**, thuyết về **trì giới**, thuyết về **thiên giới**, thuyết về **sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của xuất ly**. Khi Thế Tôn biết tâm của người hủ Suppabuddha đã sẵn sàng, đã nhu thuận không còn chướng ngại, được phấn khởi, được tín thành, liền **thuyết pháp mà chư Phật đã chứng ngộ**, tức là *Khô, Tập, Diệt, Đạo*.

Cũng như tấm vải thuần bạch, được gội rửa các vết đen, sẽ rất dễ thấm màu nhuộm, cũng vậy chính tại chỗ ngồi này, pháp nhãn xa trần ly cấu khởi lên trong tâm người hủ Suppabuddha: "*Phàm cái gì được khởi lên, tất cả đều bị đoạn diệt*". Khi ấy người hủ Suppabuddha thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chúng được tự tín, không y cứ nơi người khác đối với lời dạy của đức Bôn Sư, từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, người hủ Supabuddha bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! **Như người *dựng đứng* lại những gì bị quăng ngã xuống, *phơi bày* ra những gì bị che kín, *chỉ đường* cho người bị lạc hướng, *đem đèn sáng* vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc.** Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích, Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỳ-kheo, mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

Rồi người hủi Suppabuddha được Thế Tôn với bài pháp thoại thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn chấn, làm cho hoan hỷ, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Rồi **một con bò húc vào người hủi Suppabuddha** và đoạt mạng sống. Rồi nhiều Tỳ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỳ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- *Bạch Thế Tôn, người hủi tên Suppabuddha được Thế Tôn với bài pháp thoại thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ đã mạng chung. Sanh thú của vị ấy là gì? Tương lai của vị ấy thế nào?*

- Nay các Tỷ-kheo, Hiền trí là người hủ Suppabuddha, đã thực hành tùy pháp đúng pháp, không có làm phiền nhiễu Ta với những tranh luận về pháp. Người hủ Suppabuddha sau khi đoạn tận ba kiết sử, đã chứng được quả Dự lưu, không còn bị thoái đoạ, chắc chắn đạt được Chánh giác.

Khi nghe nói vậy một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn do nhân gì, do duyên gì, người hủ Suppabuddha lại là người nghèo đói, là người ăn xin, là người khốn cùng?

- Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, người hủ Suppabuddha là con một nhà triệu phú ở Rājagaha khi đi ngang qua một khu vườn, vị ấy thấy Đức Phật Độc giác Tagarasikhi đang đi vào thành khát thực. Thấy vậy, vị ấy suy nghĩ: "Ai là người hủ này lại đi dạo chơi" và vị ấy nhổ nước miếng và xây lưng phía trái rồi bỏ đi.

Do hành động này của vị ấy được thuần thực, nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm, vị ấy bị nấu trong địa ngục. Do sự thành thực thêm nữa của nghiệp ấy, chính tại Rājagala này, vị ấy là một người nghèo đói, là người ăn xin, là người khốn cùng! Nay vị ấy do y cứ vào pháp luật được Như Lai thuyết giảng, vị ấy được lòng **tin**, vị ấy được **giới**, vị ấy được **nghe** pháp, vị ấy được **từ bỏ**, vị ấy được **trí tuệ**, sau khi thân hoại mạng chung,

vị ấy được sanh thiện thú, thiên giới, đời này, được công trú với chư Thiên ở cõi Ba mươi ba. Tại đây, vị ấy chói sáng hơn các chư Thiên khác về dung sắc và danh xưng.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

*3. Như người có mắt nhìn,
Cố gắng tránh lời lỗi,
Cũng vậy kẻ trí tránh,
Điều ác giữa đời này.*

114 Bói toán - Chớ có dùng bùa chú, Chớ tổ chức đoán mộng - Kinh Tuvataka Con Đường Mau Chóng - Tiểu I, 744

Kinh Tuvataka Con Đường Mau Chóng – *Tiểu I, 744*

Người hỏi:

915. *Con hỏi bậc Đại tiên,
Bậc bà con mặt trời,
Con đường đến viễn ly,
Con đường đến an tịnh,
Tỷ-kheo sau khi thấy,
Làm thế nào mát lạnh,
Không có sự chấp thủ,
Một vật gì ở đời?*

Thế Tôn:

916. *Thế Tôn đáp như sau:
**Hãy chặt đứt hoàn toàn,
Gốc rễ các hý luận,
Mọi tư tưởng "tôi là ",
Tất cả phải chấm dứt,
Phàm có nội ái nào,
Sau khi nhiếp phục chúng,***

Thường chánh niệm học tập.

917. Phàm có loại pháp gì,
Được thắng tri hoàn toàn,
Hoặc thuộc về nội pháp,
Hay thuộc về ngoại pháp,
Chớ có làm kiên trì,
Bất cứ một pháp nào,
Trạng thái ấy không gọi,
Sự mát lạnh của tịnh.

918. Chớ có nghĩ như sau:
Cái kia là tốt hơn,
Đây là hạ liệt hơn,
Hay đây là ngang bằng,
Do phải bị xúc chạm,
Với các sắc sai biệt,
Hãy chớ để tự mình,
An trú trên vọng tưởng.

919. Hãy giữ được an tịnh,
Về phía tự nội tâm,
Ty-kheo không cầu tìm,
An tịnh từ chỗ khác,
Với người được an tịnh,
Từ phía tự nội tâm,
Đã không có tự ngã,

Từ đâu có vô ngã.

920. *Như chính giữa trung ương,
Của biển cả đại dương,
Sóng biển không có sanh,
Biển hoàn toàn đứng lặng,
Cũng vậy, này Tỷ-kheo,
Hãy đứng lặng không động,
Không tạo nên bông bột,
Đối sự gì ở đời.*

Người hỏi:

921. *Vị có **mắt rộng mở,**
Đã tuyên bố rõ ràng,
Pháp có thể chế ngự,
Mọi nguy hiểm khó khăn,
Bậc Hiền thiện **mong Ngài,**
Tuyên bố rõ con đường,
Hay về **biệt giải thoát,**
Hoặc về **pháp thiên đình?***

Thế Tôn:

922. ***Chớ có những con mắt,**
Đầy đầy những tham đắm!
Hãy chận đứng lỗ tai,*

*Nghe câu chuyện của làng.
Lại chớ nên đắm say,
Các mùi vị ngon lành,
Chớ xem là của ta,
Mọi sự vật ở đời!*

923. *Trong khi được cảm giác,
Với các loại cảm xúc,
Tỷ-kheo không than van,
Bất cứ một điều gì.
Vị ấy không cầu mong,
Dầu loại sanh hữu nào,
Và không có run sợ,
Rơi vào các kinh hoàng.*

924. *Các đồ ăn thô được,
Cùng với các đồ uống,
Các món ăn nhai được,
Các đồ vải mặc được,
Chớ có cất chứa chúng,
Những đồ vật nhân được,
Chớ có quá lo âu,
Nếu không thô được chúng.*

925. *Hãy tu tập thiền **định**,
Chớ làm kẻ lang thang,
Chớ ưa thích trạo cử,*

Đừng rơi vào phóng dật,
Đối với các chỗ ngồi,
Cùng với các chỗ nằm,
Tỷ-kheo hãy an trú,
Những chỗ không tiếng động.

926. **Ngủ** *ngỉ có chừng mực,*
Chớ có ngủ quá nhiều,
Hãy luôn luôn tỉnh thức,
Nỗ lực và nhiệt tâm,
Hãy từ bỏ biếng nhác,
Man trá, cười, chơi đùa,
Hãy từ bỏ dâm dục,
Bỏ ưa thích trang điểm.

927. **Chớ có dùng** **bùa chú,**
A-thar-va Vệ-đà,
Chớ tổ chức đoán mộng,
Coi tướng và xem sao,
Mong rằng đệ tử Ta,
Không đoán tiếng thú kêu,
Không chữa bệnh không sanh,
Không hành nghề lang băm.

928. *Tỷ-kheo không run sợ,*
Khi bị người chỉ trích,
Cũng không có cống cao,

*Khi được khen tán thán,
Hãy từ bỏ tham ái,
Cùng với tánh xan tham,
Kể luôn cả phần nô,
Cùng với nói hai lưỡi.*

929. Tỷ-kheo không an trú,
Trong nghề nghiệp bán buôn,
Lại không có chỉ trích,
Bất cứ tại chỗ nào,
Khi ở tại thôn làng,
Không tức giận một ai,
*Chớ có vì lợi dưỡng,
Nói chuyện với quần chúng.*

930. Tỷ-kheo không nên nói,
Khoa trương quá mức độ,
Và cũng không nói lời,
Có dụng ý lợi dưỡng.
Chớ có học tập theo,
Lối sỗ sàng trâng tráo,
Chớ có thốt ra lời,
Khiêu khích xung đột ai!

931. Chớ có bị dắt dẫn,
Rơi vào lời nói láo,
Không cố ý làm nên,

Điều man trá giả dối,
Chớ có khinh người khác,
Về vấn đề sinh mạng,
Về vấn đề trí tuệ,
Và vấn đề giới hạnh.

932. Sau khi phần uất nghe,
Nhiều ngôn từ lời lẽ,
Của các vị Sa-môn,
Hay những kẻ phàm phu,
Chớ có phản ứng họ,
Với những lời thô ác,
Bậc hiền lành an tịnh,
Không phản pháo một ai.

933. Sau khi rõ biết được,
Pháp này là như vậy,
Tỷ-kheo hãy học tập,
Sáng suốt và chánh niệm,
Rõ biết sự mát lạnh,
Được gọi bậc "an tịnh",
Chớ có sống phóng dật,
Trong lời dạy Cù-đàm.

934. Bậc đã được chiến thắng,
Không ai chiến thắng nổi
Tự mình thấy được pháp,

*Không nghe theo tin đồn,
Do vậy **hãy học tập,**
Luôn luôn không phóng dật,
Với **tâm tư cung kính,**
Lời dạy đức Thế Tôn,
Thế Tôn nói như vậy.*

115 Bông lài - Cúng bông lài tại tháp Đức Phật Kassapa - Kinh Khandasumana – Tiểu III, 104

Khandasumana – Tiểu III, 104 (96)

Trong thời đức Phật hiện tại, tái sanh trong một gia đình của vua Malla, ngài được đặt tên là *Khandasumana (Bông lài)*, vì khi ngài sanh, bông lài nở hoa.

Ngài nghe đức Phật thuyết pháp khi đức Phật trú ở tại rừng xoài của Cunda ở Ràvã, xuất gia và chúng được *sáu tháng trí*.

Rồi ngài nhớ đến đời sống quá khứ khi ngài cúng một nhánh bông lài tại tháp của đức **Phật Kassapa**, trong khi tất cả bông hái được đều thuộc về của vua. Nhận thấy cử chỉ của ngài giúp ngài chúng được quả Niết-bàn, ngài nói lên bài kệ như sau:

96. *Do một bông từ bỏ,
Được hưởng tám ức năm,
Sống trong cảnh cõi trời,
Còn số năm còn lại,
Ta được sống tịch tịnh.*

116 Bùa chú - Chớ có dùng bùa chú, Chớ tổ chức đoán mộng - Kinh Tuvataka Con Đường Mau Chóng - Tiểu I, 744

Kinh Tuvataka Con Đường Mau Chóng – *Tiểu I, 744*

Người hỏi:

915. *Con hỏi bậc Đại tiên,
Bậc bà con mặt trời,
Con đường đến viễn ly,
Con đường đến an tịnh,
Tỷ-kheo sau khi thấy,
Làm thế nào mát lạnh,
Không có sự chấp thủ,
Một vật gì ở đời?*

Thế Tôn:

916. *Thế Tôn đáp như sau:
**Hãy chặt đứt hoàn toàn,
Gốc rễ các hý luận,
Mọi tư tưởng "tôi là ",
Tất cả phải chấm dứt,
Phàm có nội ái nào,
Sau khi nhiếp phục chúng,***

Thường chánh niệm học tập.

917. Phàm có loại pháp gì,
Được thắng tri hoàn toàn,
Hoặc thuộc về nội pháp,
Hay thuộc về ngoại pháp,
Chớ có làm kiên trì,
Bất cứ một pháp nào,
Trạng thái ấy không gọi,
Sự mát lạnh của tịnh.

918. Chớ có nghĩ như sau:
Cái kia là tốt hơn,
Đây là hạ liệt hơn,
Hay đây là ngang bằng,
Do phải bị xúc chạm,
Với các sắc sai biệt,
Hãy chớ để tự mình,
An trú trên vọng tưởng.

919. Hãy giữ được an tịnh,
Về phía tự nội tâm,
Ty-kheo không cầu tìm,
An tịnh từ chỗ khác,
Với người được an tịnh,
Từ phía tự nội tâm,
Đã không có tự ngã,

Từ đâu có vô ngã.

920. *Như chính giữa trung ương,
Của biển cả đại dương,
Sóng biển không có sanh,
Biển hoàn toàn đứng lặng,
Cũng vậy, này Tỷ-kheo,
Hãy đứng lặng không động,
Không tạo nên bông bột,
Đối sự gì ở đời.*

Người hỏi:

921. *Vị có **mắt rộng mở,**
Đã tuyên bố rõ ràng,
Pháp có thể chế ngự,
Mọi nguy hiểm khó khăn,
Bậc Hiền thiện **mong Ngài,**
Tuyên bố rõ con đường,
Hay về **biệt giải thoát,**
Hoặc về **pháp thiên đình?***

Thế Tôn:

922. ***Chớ có những con mắt,**
Đầy đầy những tham đắm!
Hãy chận đứng lỗ tai,*

*Nghे câu chuyện của làng.
Lại chớ nên đắm say,
Các mùi vị ngon lành,
Chớ xem là của ta,
Mọi sự vật ở đời!*

923. *Trong khi được cảm giác,
Với các loại cảm xúc,
Tỷ-kheo không than van,
Bất cứ một điều gì.
Vị ấy không cầu mong,
Dầu loại sanh hữu nào,
Và không có run sợ,
Rơi vào các kinh hoàng.*

924. *Các đồ ăn thâu được,
Cùng với các đồ uống,
Các món ăn nhai được,
Các đồ vải mặc được,
Chớ có cất chứa chúng,
Những đồ vật nhân được,
Chớ có quá lo âu,
Nếu không thâu được chúng.*

925. *Hãy tu tập thiền **định**,
Chớ làm kẻ lang thang,
Chớ ưa thích trạo cử,*

Đừng rơi vào phóng dật,
Đối với các chỗ ngồi,
Cùng với các chỗ nằm,
Tỷ-kheo hãy an trú,
Những chỗ không tiếng động.

926. **Ngủ** *nghi có chừng mực,*
Chớ có ngủ quá nhiều,
Hãy luôn luôn tỉnh thức,
Nỗ lực và nhiệt tâm,
Hãy từ bỏ biếng nhác,
Man trá, cười, chơi đùa,
Hãy từ bỏ dâm dục,
Bỏ ưa thích trang điểm.

927. **Chớ có dùng** **bùa chú,**
A-thar-va Vệ-đà,
Chớ tổ chức đoán mộng,
Coi tướng và xem sao,
Mong rằng đệ tử Ta,
Không đoán tiếng thú kêu,
Không chữa bệnh không sanh,
Không hành nghề lang băm.

928. *Tỷ-kheo không run sợ,*
Khi bị người chỉ trích,
Cũng không có cống cao,

*Khi được khen tán thán,
Hãy từ bỏ tham ái,
Cùng với tánh xan tham,
Kể luôn cả phần nộ,
Cùng với nói hai lưỡi.*

929. Tỷ-kheo không an trú,
Trong nghề nghiệp bán buôn,
Lại không có chỉ trích,
Bất cứ tại chỗ nào,
Khi ở tại thôn làng,
Không tức giận một ai,
*Chớ có vì lợi dưỡng,
Nói chuyện với quần chúng.*

930. Tỷ-kheo không nên nói,
Khoa trương quá mức độ,
Và cũng không nói lời,
Có dụng ý lợi dưỡng.
Chớ có học tập theo,
Lối sỗ sàng trâng tráo,
Chớ có thốt ra lời,
Khiêu khích xung đột ai!

931. Chớ có bị dắt dẫn,
Rơi vào lời nói láo,
Không cố ý làm nên,

Điều man trá giả dối,
Chớ có khinh người khác,
Về vấn đề sinh mạng,
Về vấn đề trí tuệ,
Và vấn đề giới hạnh.

932. Sau khi phần uất nghe,
Nhiều ngôn từ lời lẽ,
Của các vị Sa-môn,
Hay những kẻ phàm phu,
Chớ có phản ứng họ,
Với những lời thô ác,
Bậc hiền lành an tịnh,
Không phản pháo một ai.

933. Sau khi rõ biết được,
Pháp này là như vậy,
Tỷ-kheo hãy học tập,
Sáng suốt và chánh niệm,
Rõ biết sự mát lạnh,
Được gọi bậc "an tịnh",
Chớ có sống phóng dật,
Trong lời dạy Cù-đàm.

934. Bậc đã được chiến thắng,
Không ai chiến thắng nổi
Tự mình thấy được pháp,

*Không nghe theo tin đồn,
Do vậy **hãy học tập,**
Luôn luôn không phóng dật,
Với **tâm tư cung kính,**
Lời dạy đức Thế Tôn,
Thế Tôn nói như vậy.*

117 Bùa chú - Gốc tà ác, nhỏ sạch - Kinh Pàràpariya – Tiểu III, 121

Pàràpariya – Tiểu III, 121 (116)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Ràjagaha (Vương Xá) và trở thành rất giỏi trong ba tập Vệ-đà. Vì ngài thuộc dòng họ Pàràpara, ngài được gọi là Pàràpariya và dạy các **bùa chú**.

Ngài thấy oai nghi đức độ của đức Bốn Sư ở Pàràjagaha, xin xuất gia và **chẳng bao lâu chứng quả A-la-hán**.

Nghĩ đến đời sống hành đạo của mình, ngài nói lên sự phấn khởi hân hoan của ngài, ngang qua bài kệ:

*116. Từ bỏ sáu xúc xú,
Căn môn khéo chế ngự,
Gốc tà ác, nhỏ sạch,
Ta đạt lậu hoặc tận.*

Bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

118 Bùa chú - Không phải do bùa chú, Làm con người trong sạch - Kinh Hôi Thối - Tiểu I, 542

Kinh Hôi Thối – *Tiểu I, 542* (Amagandha) (Sn 42)

Bà-la-môn:

239. *Các bậc Thiện chơn chánh,
Ăn hạt giống cây thuốc,
Ăn đậu đũa, đậu rìng,
Ăn lá, ăn rễ cây,
Ăn trái các dây leo,
Nhận được thật đúng pháp.
Vị ấy không nói láo,
Vì các **dục** thúc đẩy.*

240. *Ôi **ngài Kassapa**,
Ai ăn các món ăn,
Do người khác bố thí,
Khéo làm, khéo chưng dọn,
Trong sạch và thù thắng;
Ăn lúa gạo thơm ngon.
Ai ăn uống như vậy
Là ăn thịt hôi thối.*

241. Nay bà con Phạm thiên,
Chính Ngài tuyên bố rằng:
Ta không ăn đồ thối,
Để nuôi sống thân Ta.
Nhưng Ngài ăn món ăn
Bằng lúa gạo thơm ngon,
Ăn thịt các loài chim,
Nấu ăn thật khéo léo
Ta hỏi Kassapa:
Ý nghĩa sự kiện này,
Ngài định nghĩa thế nào,
Là ăn đồ hôi thối?

Đức Phật Kassapa:

242. Sát sanh và hành hình,
Đả thương và bắt trói,
Trộm cắp và nói láo,
Man trá và lừa đảo,
Giả bộ kẻ học thức,
Đi lại với vợ người,
Đây là đồ ăn thối,
Ăn thịt không phải thối.

243. Ở đời, các hạng người,
Không chế ngự lòng dục,
Đam mê các vị ngon,

Liên hệ đến bất tịnh,
Theo chủ nghĩa hư vô,
Bất chánh khó hướng dẫn,
Đây là ăn đồ thói,
Ăn thịt không phải thói.

244. Ai thô bạo, dã man,
Sau lưng nói gièm pha,
Phản bạn không từ bi,
Lại cống cao ngạo mạn,
Tánh không có bố thí,
Không cho ai vật gì,
Đây là ăn đồ thói,
Ăn thịt không phải thói.

245. Phẫn nộ và kiêu mạn,
Cứng đầu và chống đối,
Man trá và tật đố,
Nói vô ích, huênh hoang,
Kiêu mạn và quá mạn,
Thân mật với kẻ ác,
Đây là ăn đồ thói,
Ăn thịt không phải thói.

246. Ác giới, nợ không trả,
Làm người điểm chỉ viên,

Làm những nghề dối trá,
Ở đây, kẻ giả vờ,
Ở đây người bán tiện,
Những người làm ác nghiệp,
Đây là ăn đồ thối,
Ăn thịt không phải thối.

247. Ở đời đối hữu tình,
Người không biết kiềm chế,
Lấy cướp sở hữu người,
Chú tâm làm hại người,
Ác giới và tàn nhẫn
Ác ngữ, thiếu lễ độ,
Đây là ăn đồ thối,
Ăn thịt không phải thối.

248. Hạng tham ô, thù nghịch,
Tìm cách để giết hại,
Luôn luôn hướng về ác,
Sau chết sanh tới tam,
Chúng sanh ấy rơi vào,
Địa ngục đầu xuống trước.
Đây là ăn đồ thối,
Ăn thịt không phải thối.

249. Không phải do cá thịt,
Cùng các loại nhện ăn,

Không phải do lỏa thể,
Đầu trọc và bện tóc,
Không do tro trét mình,
Mặc da thú khô cứng,
Không phải do săn sóc,
Nuôi dưỡng lửa tế tự,
Không do nhiều khổ hạnh,
Để được chứng bất tử,
Không bùa chú tế tự,
Các tế đàn thời tiết,
Làm con người trong sạch,
Nếu nghi hoặc chưa đoạn.

250. Do sống hộ trì căn,
Với các căn nhiếp phục,
Vững trú trên Chánh pháp,
Thích chân trực, hiền hòa,
Vượt khỏi các tham ái,
Đoạn tận mọi khổ đau,
Bậc trí không nhiễm dính,
Điều được thấy, được nghe.

251. Nhiều lần, Thế Tôn thuyết,
Ý nghĩa lời dạy này,
Bậc bác học kẻ chú,
Thâm hiểu ý nghĩa ấy.
Bậc ẩn sĩ nói lên,

Với những kẻ tuyệt diệu,
Bạc không ăn đồ thối,
Độc lập, khó hướng dẫn.

252. Nghe xong những lời dạy,
Lời Thế Tôn khéo nói,
Chấm dứt ăn đồ thối,
Đoạn tận mọi khổ đau,
Vị ấy đánh lễ Phật,
Với tâm ý nhún nhường,
Thỉnh cầu được cho pháp,
Xuất gia tại nơi đây.

119 Bùa chú - Trong ba tập Vệ đà - Kinh Tissa – Tiểu III, 146

Tissa – Tiểu III, 146 (137)

Trong đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong một gia đình Bà-la-môn, tên là Tissa và trở thành một chuyên viên về ba tập Vệ-đà. Giảng **bùa chú** cho hơn năm trăm Bà-la-môn trẻ, và danh tiếng đồn vang.

Khi Thế Tôn đến Ràjagaha (Vương Xá), Tissa thấy uy nghi đức độ của đức Phật, khởi lòng tin, xuất gia, về sau chứng quả A-la-hán, do **phát triển thiền quán**. Nhờ vậy, ngài trở thành có danh tiếng nữa.

Có một số Tỷ-kheo thiên về thế lợi, thấy ngài có được trọng vọng, nên không thể chịu nổi. Ngài biết như vậy, nói lên sự nguy hiểm của danh vọng và sự thoát ly của ngài đối với danh vọng, ngang qua những bài kệ này:

153. *Vị trọc đầu, đắp y,
Được nhiều kẻ thù oán,
Khi nhận đồ ăn uống,
Vải mặc và chỗ nằm.*

154. *Biết nguy hiểm như vậy,*

*Biết có sợ hãi lớn,
Trong cung kính cúng dường;
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
**Nhận ít, không tham đắm,
Luôn luôn giữ chánh niệm.***

120 Bùa chú sọ người - Kinh Migasira – Tiểu III, 163

Migasira – Tiểu III, 163 (151)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Kosala, được đặt tên là Migasira, theo ngôi sao ngày sinh.

Học theo văn hóa Bà-la-môn, ngài thực hành **bùa chú sọ người**, khi ngài đọc lên bùa chú và lấy móng tay gõ trên sọ người, ngài tuyên bố: "Người này sẽ được tái sanh trong giới này...", cho đến với những người đã chết được ba năm.

Không thích thú đời sống thế tục, ngài trở thành người du sĩ, với hạnh sọ người của ngài, ngài được cung kính cúng dường.

Đi đến Sàvatthi, đứng trước mặt bậc Đạo Sư, ngài tuyên bố sức mạnh của ngài: "*Thưa Tôn giả Gotama, ta có thể nói chỗ tái sanh của những người đã chết*".

Đức Phật hỏi: "Ông làm như thế nào?"

Ngài cho đem lại một sọ người, đọc lên **bùa chú**, với móng tay gõ trên sọ người, ngài tuyên bố đọa xứ... là chỗ tái sanh!

Đức Phật cho đem lại sọ người của một Tỷ-kheo, đã chứng Niết-bàn và nói: "Hãy nói chỗ tái sanh của người này". Migasira đọc bùa chú, lấy móng tay gõ trên sọ người, nhưng không thấy đầu đuôi như thế nào.

Rồi Thế Tôn hỏi:

- Nay du sĩ, có phải ông làm không được?

Ngài trả lời: - Tôi cần phải xác chứng cho chắc chắn! Nhưng dù cho ngài xoay xở như thế nào, làm sao ngài biết được sanh thú của vị A-la-hán; ngài xấu hổ, toát mồ hôi, im lặng.

- Nay du sĩ, có phải ông mệt mỏi?

- Vâng, tôi mệt mỏi, tôi không biết sanh tử của vị này, Ngài có biết chăng?

- Ta biết được và Ta biết nhiều hơn thế nữa! Vị này đã nhập Niết-bàn!

Vị du sĩ nói:

- *Vậy nói lên cho con, bí quyết ấy?*

- Vậy ông phải xuất gia!

Rồi Migasira xuất gia và được dạy cho đề tài tu **định**. An trú vững vàng trên thiền và thắng trí, ngài **thực hành thiền quán**, không bao lâu, chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài nói lên chánh trí của ngài như sau:

*181. Từ khi ta xuất gia,
Trong pháp bậc Chánh giác,
Giải thoát, ta tiến lên,
Ta vượt qua dục giới.*

*182. Nhờ Phạm-chí quán sát,
Tâm ta được giải thoát,
Ta giải thoát **bất động**,
Mọi kiết sử đoạn diệt.*

121 Bùa phép - Kinh Pilinda Vaccha – Tiểu III, 19

Pilinda Vaccha – *Tiểu III, 19 (9)*

Ngài sanh ở Sàvatthi, là con một Bà-la-môn, trước khi Thế Tôn thành đạo và được đặt tên là *Pilinda Vaccha* là tên của dòng họ.

Ngài trở thành một án sĩ và được một bùa phép tên là *Tiểu Gandhàra* (có thể đi trên hư không và tha tâm thông) và nhờ vậy được nổi danh. ***Khi đức Phật thành đạo, bùa phép này không còn hiệu lực.***

Khi ngài nghe được bùa phép *Đại Gandhàra* làm bùa phép *tiểu Gandhàra* mất hiệu lực, ngài kết luận Samôn Gotama biết được bùa phép *Đại Gandhàra* và ngài đến hầu hạ đức Phật để học cho được bùa phép ấy, đức Phật dạy: "Phải xuất gia", ngài tưởng rằng xuất gia là điều kiện để chứng được bùa phép nên vâng lời theo.

Đức Phật dạy ngài Chánh pháp và phương pháp ***thiền quán***, chẳng bao lâu ngài chứng quả A-la-hán. Nhờ sự hướng dẫn của Pilinda trong một đời trước, được sanh làm chư Thiên, vị này hầu hạ ngài sớm chiều để tỏ lòng biết ơn. Do vậy, ngài được xem là

vị Tỷ-kheo **được chư Thiên ái kính**, và được đức Phật xác nhận cho địa vị ấy.

Một hôm, Tôn giả Pilinda ngồi giữa hội chúng Tỷ-kheo, suy tư đến sự thành tựu của mình, tuyên bố cho chúng biết bùa phép ấy đã đưa ngài đến gặp Thế Tôn và nói lên bài kệ này:

9. Lời khuyên đến, tốt lành!

Lời không tốt, không đến!

Lời khuyên đến với ta,

Không thuộc về tà ác!

Giữa các pháp phân biệt,

*Ta đến **pháp tối thượng**.*

122 Bơi ngược dòng - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 448

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 448 (Cat. 10) (It. 113)

Này các Tỷ-kheo, ví như có người bị dòng sông cuốn trôi, dòng sông đẹp đẽ, dễ thương. Có người có mắt, đứng trên bờ thấy người ấy, nói rằng: *"Này người kia, tuy người bị cuốn trôi bởi dòng sông đẹp đẽ dễ thương nhưng ở dưới kia có một cái hồ, đầy sóng và nước xoáy, đầy cá sấu và quỷ Dạ-xoa, nếu Ông đến chỗ ấy, Ông sẽ bị chết, hay đau khổ gần như chết"*. Rồi người ấy, sau khi nghe tiếng của người kia, liền với tay và với chân, **bơi ngược dòng**.

Này các Tỷ-kheo, Ta ví dụ này là để giải thích ý nghĩa. Ở đây, ý nghĩa là như sau:

- **Dòng sông**, là đồng nghĩa với **ái**.
- **Sắc khả ái** dễ thương, là đồng nghĩa với **sáu nội xứ**.
- **Cái hồ** ở dưới, là đồng nghĩa với **năm hạ phần kiết sử**.
- **Sóng**, là đồng nghĩa với **phân nộ, ưu não**.

- Nước xoáy, là đồng nghĩa với *năm dục tăng trưởng*.
- Cá sấu, với quỷ Dạ-xoa, là đồng nghĩa với *đàn bà*.
- Ngược dòng, là đồng nghĩa *xuất ly*.
- Tinh tấn với tay với chân, là đồng nghĩa với *tinh cần tinh tấn*.
- Người có mắt đứng trên bờ, là *Như Lai, bậc A-la-hán*, Chánh Đẳng Giác.

*Cùng với sự đau khổ,
 Hãy từ bỏ các dục,
 Mong cầu trong tương lai,
 An ổn khỏi khó ách,
 Chơn chánh hiểu biết rõ,
 Tâm khéo được giải thoát,
 Tại đây, ở tại đây,
 Cảm xúc được giải thoát,
 Vị ấy đạt hiểu biết,
 Phạm hạnh được thành tựu,
 Đến tận cùng thế giới,
 Đến được bờ bên kia.
 Vị ấy được gọi vậy.*

123 Bước vào ngôi nhà trống, Tỷ kheo tâm an tịnh - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 102

Phẩm Tỷ Kheo – *Tiểu I*, 102

360. Lành thay, **phòng hộ** mắt,
Lành thay, phòng hộ tai,
Lành thay, phòng hộ mũi,
Lành thay, phòng hộ lưỡi.

361. Lành thay, phòng hộ thân,
Lành thay, phòng hộ lời,
Lành thay, phòng hộ ý,
Lành thay, phòng hộ tất cả,
Tỷ kheo phòng hộ tất cả,
Thoát được mọi khổ đau.

362. **Người chế ngự tay chân,
Chế ngự lời và đầu,
Vui thích nội thiền định,
Độc thân, biết vừa đủ,
Thật xứng gọi tỷ kheo.**

363. **Tỷ kheo chế ngự miệng,
Vừa lời, không cống cao,
Khi trình bày pháp nghĩa,**

Lời lẽ dịu, ngọt ngào.

364. Vị tử kheo thích pháp,
Mến pháp, suy tư Pháp,
Tâm tư niệm Chánh Pháp,
Không rời bỏ Chánh Pháp.

365. Không khinh điều mình được,
Không ganh người khác được,
Tỷ kheo **ganh** tị người,
Không sao chứng Thiền Định.

366. Tỷ kheo dẫu được ít,
Không khinh điều mình được,
Sống thanh tịnh không nhác,
Chư thiên khen vị này.

367. Hoàn toàn, đổi danh sắc,
Không chấp Ta, của Ta.
Không chấp, không sầu não,
Thật xứng danh Tỷ kheo.

368. Tỷ kheo **trú từ bị**,
Tín thành giáo Pháp Phật,
Chứng cảnh giới tịch tĩnh,
Các hành an tịnh lạc.

369. Tỷ kheo, tát thuyền này,
Thuyền không, nhẹ đi mau,
Trừ tham, diệt sân hận,
Tất chúng đạt Niết-Bàn.

370. Đoạn năm, từ bỏ năm,
Tụ tập năm tối thượng,
Tỷ kheo vượt năm ái,
Xứng danh "Vượt bực lưu".

371. Tỷ kheo, hãy tu thiền,
Chớ buông lung phóng dật,
Tâm chớ đắm say dục,
Phóng dật, nuốt sắt nóng,
Bị đốt, chớ than khổ.

372. Không trí tuệ, không thiền,
Không thiền, không trí tuệ,
Người có thiền có tuệ,
Nhất định gần Niết-Bàn.

373. Bước vào ngôi nhà trống,
Tỷ kheo tâm an tịnh,
Thọ hưởng vui siêu nhân,
Tịnh quán theo Chánh pháp.

374. Người luôn luôn chánh niệm,

**Sự sanh diệt các uẩn,
Được hoan hỷ, hân hoan,
Chỉ bậc bất tử biết.**

375. Đây Tỷ kheo có trí,
Tụ tập pháp căn bản,
Hộ căn, biết vừa đủ,
Giữ gìn căn bản giới,
Thường gần gũi bạn lành,
Sống thanh tịnh tinh cần.

376. **Giao thiệp khéo thân thiện,
Cử chỉ mực đoan trang,
Do vậy hưởng vui nhiều,
Sẽ dứt mọi khổ đau.**

377. Như hoa Vassikà,
Quăng bỏ cánh úa tàn,
Cũng vậy vị Tỷ kheo,
Hãy giải thoát tham sân.

378. **Thân tịnh, lời an tịnh,
An tịnh, khéo thiền tịnh,
Tỷ kheo bỏ thế vật,
Xứng danh bậc tịch tịnh.**

379. **Tự mình chỉ trích mình,**

Tự mình dò xét mình,
Tỷ kheo tự phòng hộ,
Chánh niệm, trú an lạc.

380. Tự mình y chỉ mình,
Tự mình đi đến mình,
Vậy hãy tự điều phục,
Như khách buôn ngựa hiền.

381. Tỷ kheo nhiều hân hoan,
Tịnh tín giáo pháp Phật,
Chứng cảnh giới tịch tịnh,
Các hạnh an tịnh lạc.

382. Tỷ kheo tuy tuổi nhỏ,
Siêng tu giáo pháp Phật,
Soi sáng thế gian này,
Như trăng thoát khỏi mây.

124 Bạc Câu La - Kinh Độ nhất Sức khỏe tốt - Kinh Bàkula – Tiểu III, 192

Bàkula – Tiểu III, 192 (172)

Ngài sanh ở Kosambi, trong một gia đình có chức vụ, trước khi bậc Đạo Sư sanh ra, và ngài được đem đi tắm ở sông Yamunà để được sức khỏe, và một con cá nuốt ngài trong tay người vú.

Con cá bị người câu cá bắt được và đem bán cho vợ một vị chức sắc khác ở Ba-la-nại. Khi con cá bị mổ ra, đứa con nít nhờ phước nghiệp đời trước, nên còn sống không bị thương tích.

Vợ vị chức sắc thương ngài như con đẻ, và khi bà nghe được câu chuyện của ngài, và hỏi về cha mẹ. Vua trong nước quyết định cho ngài thuộc quyền sở hữu của hai gia đình, và do vậy ngài được tên là Bàkula (hai gia đình).

Sau một đời sống giàu sang, ngài nghe đức Bôn Su thuyết pháp, xuất gia khi tám mươi tuổi. Trong bảy ngày, ngài chưa được giấc ngủ, nhưng ngày thứ tám, ngài chứng được quả A-la-hán, thông hiểu nghĩa, thông hiểu pháp.

Một hôm, khi ấn chứng vị trí tu hành cho các vị đệ tử, bậc Đạo Sư ấn chứng cho ngài là **vị đệ tử có sức**

khỏe độ nhất. Về sau, khi sắp sửa mệnh chung ngài nói lên chánh trí của ngài giữa hội chúng Tỷ-kheo như sau:

225. Với ai những công việc,
Cần phải làm từ trước,
Về sau, vị ấy mới,
Có ý định muốn làm.
Vị ấy tự phá hoại,
Căn cứ địa an lạc,
Về sau, chịu khổ đau,
Trong nung nấu hối tiếc.

226. *Hãy nói điều có làm,
Không nói điều không làm,
Bậc Hiền trí rõ biết,
Người chỉ nói, không làm.*

227. Niết-bàn nhiệm màu lạc,
Bậc Chánh Giác thuyết giảng,
Không sâu muộn, ly tham,
Thật sự là an ổn,
Tại đây, sự đau khổ,
Được đoạn diệt hoàn toàn.

125 Bạch Thế Tôn, hãy diệt độ - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 229

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 229 (Ud 62)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Vesàli tại Đại Lâm chỗ ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng, đắp y, cầm bát, đi vào Vesàli để khát thực. Khát thực ở Vesàli xong, sau buổi ăn, khi đi khát thực trở về, Thế Tôn gọi Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy cầm tọa cụ, Ta sẽ đi đến điện Càpàla để nghỉ ban ngày.
- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn, cầm tọa cụ và đi sau lưng Thế Tôn. Thế Tôn đi đến đền Càpàla, khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn, Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, khả ái thay Vesàli! Khả ái thay Vesàli! Khả ái thay đền Udena! Khả ái thay đền Gotamaka! Khả ái thay đền Sattambaka! Khả ái thay đền Bahuputta! Khả ái thay đền Sàrandada! Khả ái thay đền Càpàla!

Này Ananda, những ai đã tu tập **Bốn như ý túc**, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ địa, được an trú, tích lũy, khéo thực hành, nếu muốn, người ấy có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ananda, nay **Như Lai đã tu tập Bốn như ý túc**, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ địa, được an trú, tích lũy, khéo thực hành. Này Ananda, nếu muốn Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần còn lại!

Nhưng Tôn giả Ananda không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Thế Tôn, không thỉnh cầu Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp! Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người". Vì tâm Tôn giả bị Ma vương ám ảnh.

Lần thứ hai...

Lần thứ ba Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda: "Này Ananda, khả ái thay Vesàli! Khả ái thay đền Udena! Khả ái thay đền Gotamaka! Khả ái thay đền Sattambaka! Khả ái thay đền Bahyputta! Khả ái thay đền Sàrandada! Khả ái thay đền Càpàla!... " Nhưng Tôn giả Ananda không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Thế Tôn, không thỉnh cầu Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở

lại cho đến trọn kiếp! Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người!" Vì tâm Tôn giả bị Ma vương ám ảnh.

Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy đi và làm những gì Thầy nghĩ là hợp thời!

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ngồi xuống một góc cây không xa bao nhiêu.

Tôn giả Ananda ra đi không bao lâu, Ác ma đi đến Thế Tôn, sau khi đến liền đứng một bên. Đứng một bên, Ác ma nói với Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ! Thiện thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói:

- Nay Ác ma, Ta sẽ chưa diệt độ, khi nào những **Tỷ-kheo** của Ta chưa trở thành những đệ tử có tài năng được huấn luyện, đạt được tự tín, an ổn khỏi các khổ ách, nghe nhiều, trì pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chánh hạnh, sống tùy pháp, sau khi học hỏi giáo lý từ Thầy của mình; khi nào họ chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai

mở, phân tích rõ ràng Chánh pháp; khi nào có tà đạo khởi lên, họ chưa có thể, sau khi chất vấn, khéo hàng phục một cách đúng pháp, chưa có thể thuyết pháp thần diệu.

- Bạch Thế Tôn, nay có những Tỷ-kheo, đệ tử của Thế Tôn có tài năng, được huấn luyện, đạt được tự tín, an ổn khỏi các khổ ách, nghe nhiều, trì pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chánh hạnh, sống tùy pháp; sau khi học hỏi giáo lý từ Thầy của mình, họ tuyên bố diễn giảng trình bày, xác định, khai mở, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp. Khi có tà đạo khởi lên, sau khi chất vấn, họ khéo hàng phục một cách đúng pháp, thuyết pháp thần diệu. Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ; Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói.

- Nay Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo ni của Ta... Những nam cư sĩ của Ta... Những nữ cư sĩ của Ta chưa trở thành những đệ tử có tài năng... chưa có thể thuyết pháp thần diệu.

- Bạch Thế Tôn, nay có những **Tỷ-kheo ni...** Những **nam cư sĩ...** Những **nữ cư sĩ** đệ tử của Thế Tôn có tài năng, được huấn luyện, đạt được tự tín... có thể thuyết pháp thần diệu. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn, nay

đã đến thời Thế Tôn diệt độ! Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói.

- Nay Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào Phạm hạnh Ta giảng dạy chưa được thành tựu, thành đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy, cho chư Thiên và loài Người.

- Bạch Thế Tôn, nay Phạm hạnh Thế Tôn giảng dạy đã được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa được khéo giảng dạy cho chư Thiên và loài Người. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ! Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn! Nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ! Khi được nói vậy, Thế Tôn nói với Ác ma:

- Nay Ác ma, hãy yên tâm, không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ.

Và tại đền Càpàla, Thế Tôn chánh niệm tỉnh giác, từ bỏ thọ hành, không duy trì mạng sống lâu hơn nữa. Khi Thế Tôn từ bỏ thọ hành, thời đại địa chấn động, ghê rợn, lông tóc dựng ngược, sấm trời vang dậy.

Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

1. *Bạc ản sĩ từ bỏ,
Các hành động sanh hữu,
Sanh hữu có cân lượng,*

*Sanh hữu không cân lượng,
Ưu thích hướng nội tâm,
Thật định tĩnh an tịnh,
Phá đồ ngã sanh hữu,
Như cởi thoát áo giáp.*

126 Bạn - 3 phi pháp - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 413

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 413 (Tik. IV, 10) (It. 85)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, bị chinh phục bởi **ba phi diệu pháp**, với tâm bị chúng xâm chiếm, **Devadatta** bị rơi vào đọa xứ, bị rơi vào địa ngục, trú cả kiếp ở đây, không thể cứu chữa. Thế nào là ba?

- Bị chinh phục bởi **ác dục**, tâm bị ác dục xâm chiếm, Devadatta bị rơi vào đọa xứ, bị rơi vào địa ngục, trú cả kiếp ở đây, không thể cứu chữa.
- Bị chinh phục bởi **ác bằng hữu**, với tâm bị ác bằng hữu xâm chiếm, Devadatta bị rơi vào đọa xứ, bị rơi vào địa ngục, trú cả kiếp ở đây, không thể cứu chữa.
- Dầu cho còn có những thượng pháp cần phải làm, do đạt được những chứng đắc đặc biệt, nhưng chỉ có giá trị tầm thường, *Devadatta đã **dừng lại giữa đường***.

Này các Tỷ-kheo, bị chinh phục bởi ba phi điều pháp này, với tâm bị chúng xâm chiếm, Devadatta bị rơi vào đọa xứ, bị rơi vào địa ngục, trú cả kiếp ở đấy, không thể cứu chữa.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Người khởi lên ác dục,
Không được sanh đời này,
Hãy biết nhờ điểm này,
Sanh thú người ác dục.
Ta được nghe như sau,
Về Đề-va-đất-ta:
Được biết là Hiền trí,
Được nhận có tự ngã,
Đã đứng, được chói sáng,
Chói sáng với danh vọng.
Tự xem mình bằng Ngài,
Đã chống lại Như Lai,
Do vậy, bị rơi vào,
Cõi địa ngục A-tỳ,
Với bốn cửa đóng chặt,
Đầy đủ những sợ hãi.
Chắc chắn ai xâm phạm,
Vị không có ác tâm,
Vị không làm điều ác,
Phải cảm xúc ác ấy,*

Vì tâm bị uế nhiễm,
Không có biết tôn trọng.

Ai nghĩ làm ô nhiễm,
Toàn cả bể đại dương,
Với các ghè đựng đầy,
Đầy cả với thuốc độc.
Không thể ô nhiễm được,
Vì đại dương quá lớn.

Cũng vậy đối với Như Lai,
Ai lấy lời làm hại,
Vị đường đi chơn chánh,
Vị có tâm an tịnh,
Lời nói không dùng tới,
Bậc chứng ngộ như vậy.
Bậc trí cần làm bạn,
Với một người như vậy,
Cần phải gần thân cận,
Với người được như vậy,
Tỷ-kheo cùng đi theo,
Một tuyến đường người ấy,
Vị ấy sẽ đạt đến,
Sự đoạn diệt khổ đau.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

127 BẠN - BỐ THÍ CỘT BẠN BÈ - KINH ALAVAKA - TIỂU I, 520

Kinh Alavaka – *Tiểu I, 520* (Sn 31)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Alavi, tại trú xứ của Dạ-xoa Alavaka. Rồi Dạ-xoa Alavaka đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói với Thế Tôn:

- Này Sa-môn, hãy đi ra.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi ra.

- Này Sa-môn, hãy đi vào.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi vào.

Lần thứ hai, Dạ-xoa Alavaka nói với Thế Tôn:

- Này Sa-môn, hãy đi ra.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi ra:

- Này Sa-môn, hãy đi vào.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi vào.

Lần thứ ba, Dạ-xoa Alavaka nói với Thế Tôn:

- Nay Sa-môn, hãy đi ra.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi ra.

- Nay Sa-môn, hãy đi vào.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi vào.

Lần thứ tư, Dạ-xoa Alavaka nói với Thế Tôn:

- Nay Sa-môn, hãy đi ra.

- **Này Hiền giả, Ta sẽ không đi ra cho Ông. Ông cần gì hãy làm?**

- Nay Sa-môn, ta sẽ hỏi Ngài. Nếu Ngài không trả lời cho ta, ta sẽ làm tâm trí Ngài điên loạn, hay ta sẽ bóp nát quả tim của Ngài, hay nắm chân của Ngài, ta sẽ quăng qua bờ sông bên kia sông Hằng.

- Này Hiền giả, Ta không thấy một ai trong thế giới với chư Thiên, với Ác ma và với Phạm thiên, trong quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn với chư Thiên và loài Người, lại có thể làm tâm Ta điên loạn, hay bóp nát quả tim của Ta, hay nắm chân quăng Ta qua bên kia bờ sông Hằng. Tuy vậy, này Hiền giả, Ông cứ hỏi như ý Ông muốn.

Rồi Dạ-xoa với bài kệ nói với Thế Tôn:

Alavaka:

181. Ở đời, **tài sản** gì,
Tối thắng cho con người?
Cái gì khéo thực hành,
Đem lại chơn an lạc?
Cái gì trong **các vị,**
Là vị ngọt tối thượng?
Nếp sống như thế nào,
Gọi nếp sống tối thắng?

Thế Tôn:

182. Ở đời này, **lòng tin,**
Tối thắng cho con người,
Cái gì khéo thực hành,
Đem lại chơn an lạc?
Chánh pháp khéo thực hiện,
Đem lại chơn an lạc,
Sự thật trong các vị,
Là vị ngọt tối thượng,
Nếp sống với **trí tuệ,**
Là nếp sống tối thắng.

Alavaka:

183. **Thế nào vượt bậc lưu?**
Thế nào vượt biển lớn?

Thế nào vượt qua khổ?
Thế nào thật thanh tịnh?

Thế Tôn:

184. Với **tín**, vượt bậc lưu,
Không phóng dật, vượt biển,
Tinh **tấn**, vượt đau khổ,
Với **tuệ**, được thanh tịnh.

Alavaka:

185. *Thế nào được trí tuệ?*
Thế nào được tài sản?
Thế nào đạt danh xưng?
Thế nào cột bạn hữu?
Đời này qua đời sau,
Thế nào, chết không sầu?

Thế Tôn:

186. Tin tưởng bậc La-hán,
Tin pháp, đạt Niết-bàn,
Khéo nghe, được trí tuệ,
Bậc trí, không phóng dật.

187. **Làm thích đáng trách nhiệm,**

Phần đầu được tài sản,
Với **sự thật** được danh,
Bố thí cột bạn bè.

188. Ai là người gia chủ,
Tin tưởng bốn pháp này,
Sự thật và **Chánh pháp**,
Kiên trì và **bố thí**,
Vị ấy sau khi chết,
Nhất định không sầu muộn.

189. Hãy hỏi các vị khác,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Nếu có pháp nào khác,
Ở đời, lại thắng hơn,
Sự thật và **niếp phục**,
Bố thí và **kham nhẫn**?

Alavaka:

190. Sao nay con rộng hỏi,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Nay con được rõ biết,
Hiện, vị lai hạnh phúc.

191. Vì hạnh phúc cho con,
Mong rằng bậc Giác Ngộ,

*Hãy đi đến an trú,
Tại xứ Alavi.
Nay con đã rõ biết.
Chỗ nào thí, quả lớn.*

192. Con sẽ đi bộ hành,
Làng này qua làng khác,
Thành này qua thành khác,
Đảnh lễ bậc Giác Ngộ,
Đảnh lễ thiên pháp tánh
Của Chánh pháp vi diệu.

128 **Bạn - Hãy thân cận Bậc nghe nhiều tri pháp - Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng - Tiểu I, 471**

Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng – *Tiểu I*, 471

35. *Đối với các hữu tình,
Từ bỏ gây và trượng,
Chớ làm hại một ai,
Trong chúng hữu tình ấy.
Con trai không ước muốn,
Còn nói gì bạn bè,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

36. **Do thân cận giao thiệp,**
Thân ái từ đây sanh,
Tùy thuận theo thân ái,
Khổ này có thể sanh.
Nhìn thấy những nguy hại,
Do thân ái sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

37. **Do lòng từ thương mến,**
Đối bạn bè thân hữu,

Mục đích bị bỏ quên,

Tâm tư bị buộc ràng,

Do thấy sợ hãi này,

Trong giao du mật thiết,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngưu một sừng.

38. Ai nhớ nghĩ chờ mong,

Đối với **con** và **vợ**,

Người ấy bị buộc ràng,

Như cành tre rậm rạp,

Còn các ngọn tre cao,

Nào có gì buộc ràng,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngưu một sừng.

39. **Như nai trong núi rừng,**

Không gì bị trời buộc,

Tự đi chỗ nó muốn,

Để tìm kiếm thức ăn.

Như các bậc Hiền trí,

Thấy tự do giải thoát,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngưu một sừng.

40. **Giữa bạn bè thân hữu,**

Bị gọi lên gọi xuống,

Tại chỗ ở trú xứ,
Hay trên đường bộ hành.
Thấy tự do giải thoát,
Không có gì tham luyến,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

41. Giữa bạn bè thân hữu,
Ưa thích, vui cười đùa,
Đối với con, với cháu,
Ái luyến thật lớn thay,
Nhàm chán sự hệ lụy,
Với những người thân ái,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

42. Khắp cả bốn phương trời,
Không sân hận với ai,
Tự mình **biết vừa đủ**,
Với vật này vật khác,
Vững chịu các hiểm nguy,
Không run sợ dao động,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

43. Có số người xuất gia,
Chung sống thật khó khăn,

*Cũng như các gia chủ,
Ở tại các cửa nhà,
Sống vô tư vô lự,
Giữa con cháu người khác,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

44. *Từ bỏ, để một bên,
Mọi biểu dương gia đình,
Như loại cây san hô,
Tước bỏ mọi lá cây,
Bạc anh hùng cắt đứt,
Mọi trói buộc gia đình.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

45. *Nếu tìm được bạn lành,
Thận trọng và sáng suốt,
Bạn đồng hành chung sống,
Bạn thiện trú Hiền trí.
Cùng nhau đồng nhiếp phục,
Tất cả mọi hiểm nạn,
Hãy sống với bạn ấy,
Hoan hỷ, giữ chánh niệm.*

46. *Nếu không được bạn lành,
Thận trọng và sáng suốt,*

Bạn đồng hành chung sống,
Bạn thiện trú Hiền trí.
Hãy như vua từ bỏ,
Đất nước bị bại vong,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

47. *Thật chúng ta tán thán,*
Các bằng hữu chu toàn,
Bác hơn ta, bằng ta,
Nên sống gần thân cận.
Nếu không gặp bạn này.
Những bậc không làm lỗi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

48. *Thấy đồ trang sức vàng,*
Lấp lánh và sáng chói,
Được con người thợ vàng,
Khéo làm, khéo tay làm,
Hai chúng chạm vào nhau,
Trên hai tay đeo chúng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

49. *Như vậy nếu ta cùng,*
Với một người thứ hai,

Tranh luận cãi vã nhau,
Sân hận, gây hấn nhau,
Nhìn thấy trong tương lai,
Sợ hãi hiểm nguy này,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

50. Các **dục** thật mỹ miều,
Ngọt thơm và đẹp ý,
Dưới hình sắc, phi sắc,
Làm mê loạn tâm tư,
Thấy sự nguy hiểm này,
Trong các **dục trưởng dưỡng**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

51. Đây là một mụn nhọt,
Và cũng là tai họa,
Một tật bệnh, mũi tên,
Là sợ hãi cho ta,
Thấy sự nguy hiểm này,
Trong các **dục trưởng dưỡng**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

52. Lạnh lẽo và nóng bức,
Đói bụng và khát nước,

*Gió thổi, ánh mặt trời.
Muối lặn và rắn rết.
Tất cả xúc chạm này,
Đều chịu đựng vượt qua,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*53. Như con voi to lớn,
Từ bỏ cả bầy đàn,
Thân thể được sanh ra,
To lớn tựa hoa sen,
Tùy theo sự thích thú,
Sống tại chỗ rừng núi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*54. Ai ưa thích hội chúng,
Sự kiện không xảy ra,
Người ấy có thể chứng,
Cảm thọ **thời giải thoát**.
Cân nhắc lời giảng dạy,
Đáng bà con mặt trời,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*55. Được giải thoát vượt khỏi,
Các tri kiến hý luận,*

*Đạt được quyết định tánh,
Chứng đắc được con đường.
Nơi ta trí được sanh,
Không cần nhờ người khác,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.*

56. Không tham, không lừa đảo,
Không khát dục, gièm pha,
Mọi si mê ác trược,
Được gạn sạch, quạt sạch.
Trong tất cả thế giới,
Không tham ái ước vọng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

57. Với bạn bè độc ác,
Hãy từ bỏ lánh xa,
Bạn không thấy mục đích,
Quen nếp sống quanh co,
Chớ tự mình thân cận,
Kẻ đam mê phóng dật,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

58. Bạc nghe nhiều trì pháp,
Hãy gần gũi người ấy,

*Bạn người tâm rộng lớn,
Người thông minh biện tài,
Biết điều không nên làm,
Nhiếp phục được nghi hoặc,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*59. Mọi du hí vui đùa,
Và dục lạc ở đời,
Không điểm trang bày biện,
Không ước vọng mong cầu,
Từ bỏ mọi hào nhoáng,
Nói lên lời chân thật,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*60. Với con và với vợ,
Với cha và với mẹ,
Tài sản cùng lúa gạo,
Những trói buộc bà con,
Hãy từ bỏ buộc ràng,
Các dục vọng như vậy,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*61. Chúng đều là trói buộc,
Lạc thú thật nhỏ bé,*

Vị ngọt thật ít oi,
Khổ đau lại nhiều hơn,
Chúng đều là câu móc,
Bậc trí biết như vậy,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

62. *Hãy chặt đứt, bẻ gãy,
Các kiết sử trói buộc,*
Như các loài thủy tộc,
Phá hoại các mạng lưới.
Như lửa đã cháy xong,
Không còn trở lui lại,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

63. *Vói mắt cúi nhìn xuống,
Chân đi không lưu luyến,
Các căn được hộ trì,
Tâm ý khéo chế ngự.*
Không đầy ứ, rỉ chảy,
Không cháy đỏ bừng lên,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

64. *Hãy trút bỏ, để lại,
Các biểu tượng gia chủ,*

*Như loại cây san hô,
Loại bỏ các nhành lá.*

*Đã đắp áo cà sa,
Xuất gia bỏ thế tục,*

*Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

65. *Không tham đắm các vị,
Không tác động, không tham,
Không nhờ ai nuôi dưỡng,
Chỉ khát thực từng nhà.*

*Đối với mọi gia đình,
Tâm không bị trói buộc,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

66. *Từ bỏ năm triền cái;*

Che đậy trói buộc tâm,

Đối với mọi kiết sử,

Hãy trừ khử, dứt sạch,

Không y cứ nương tựa,

Chặt đứt ái sân hận,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngưu một sừng.

67. *Hãy xoay lưng trở lại,*

Đối với **lạc** và **khổ**,
Cả đối với **hỷ ưu**,
Được cảm thọ từ trước,
Hãy chứng cho được xả,
An chỉ và thanh tịnh,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

68. Tinh cần và tinh tấn,
Đạt được **lý chân đế**,
Tâm không còn thụ động,
Không còn có biếng nhác,
Kiên trì trong cố gắng,
Đồng lực được sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

69. Không từ bỏ độc cư,
Hạnh viễn ly thiền định,
Thường thường sống hành trì,
Tùy pháp trong các pháp.
Chơn chánh nhận thức rõ,
Nguy hiểm trong **sanh hữu**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

70. Mong cầu đoạn diệt **ái**,

Sống hạnh không phóng dật,
Không đàn độn tâm ngong,
Nghe nhiều, giữ chánh niệm.
Các pháp được giác sát,
Quyết định, chánh tinh cần.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sùng.

71. Như *sư tử* không động,
An tịnh giữa các tiếng,
Như *gió* không vướng mắc,
Khi thổi qua màn lưới.
Như *hoa sen* không dính,
Không bị nước thấm ướt,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sùng.

72. Giống như con sư tử,
Vội quai hàm hùng mạnh,
Bậc chúa của loài thú,
Sống chinh phục chế ngự.
Hãy sống các trú xứ,
Nhàn tịnh và xa vắng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sùng.

73. *Từ* tâm, sống trú xả,

Bi tâm, hạnh giải thoát,
Sống hành trì thực hiện,
Hỷ tâm, cho đúng thời,
Không chống đối va chạm,
Vội một ai ở đời.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

74. **Đoạn tận** lòng tham **ái**,
Sân hận và **si** mê,
Chặt đứt và cắt đoạn,
Các kiết sử lớn nhỏ,
Không có gì sợ hãi,
Khi mạng sống gần chung,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

75. Có những bạn vì lợi,
Thân cận và chung sống,
Những bạn không mưu lợi,
Nay khó tìm ở đời.
Người sáng suốt lợi mình,
Không phải người trong sạch,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

129 Bạn - Kinh Xấu Hổ - Tiểu I, 547

Kinh Xấu Hổ – *Tiểu I, 547* (Sn 45)

253. Ai mở miệng tuyên bố:

"Tôi là bạn của anh",

Sở hành vượt xấu hổ,

Lại khinh chán bạn mình,

Không chịu khó gắng làm,

Công việc có thể làm.

Cần biết người như vậy,

Không phải bạn của tôi.

254. Ai đối với bạn hữu,

Chỉ làm với lời nói,

Lời nói đẹp, khả ái,

Nhưng chỉ lời nói suông,

Bậc trí biết người ấy,

Người chỉ nói, không làm.

255. *Người luôn luôn chú ý,*

Nghi ngờ sự thiếu sót,

Tìm kiếm các nhược điểm,

Người ấy không phải bạn,

Với ai có thể nắm,

Như con nằm trên ngực,

*Người ấy mới thật **bạn**,
Không bị ai chia ly.*

*256. Ai mong lợi ích quá,
Tu tập các sự kiện,
Đem lại sự hân hoan,
Tu tập sự an lạc,
Đem lại thưởng, tán thán,
Gánh trách nhiệm làm người.*

*257. Uống xong vị viễn ly,
Uống xong vị an tịnh,
Không sợ hãi, không ác,
Hưởng vị ngọt, pháp hỷ.*

130 **Bạn - Nếu được bạn hiền trí, Đáng sống chung, hạnh lành - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 94**

Phẩm Voi – *Tiểu I, 94*

320. Ta như voi giữa trận,
Hứng chịu cung tên rơi,
Chịu đựng mọi phỉ báng,
Ác giới rất nhiều người.

321. Voi luyện, đưa dự hội,
Ngựa luyện, được vua cưới,
Người luyện, bậc tối thượng,
Chịu đựng mọi phỉ báng.

322. Tốt thay, con la thuần,
Thuần chủng loài ngựa Sind.
Đại tượng, voi có ngà,
Tự điều mới tối thượng.

323. Chẳng phải loài cưỡi ấy,
Đưa người đến Niết-Bàn,
Chỉ có người tự điều,
Đến đích, nhờ điều phục.

324. Con voi tên Tài Hộ,
Phát dục, khó điều phục,
Trói buộc, không ăn uống,
Voi nhớ đến rừng voi.

325. *Người ưa ngủ, ăn lớn,
Nằm lãn lóc qua lại,
Chẳng khác heo no bụng,
Kẻ ngu nhập thai mãi.*

326. Trước tâm này buông lung,
Chạy theo **ái, dục, lạc**,
Nay Ta chánh chế ngự,
Như cầm móc điều voi.

327. Hãy vui không phóng dật,
Khéo **phòng hộ tâm ý**,
Kéo mình khỏi ác đạo,
Như voi bị sa lũy.

328. Nếu được **bạn** hiền trí,
Đáng sống chung, hạnh lành,
Nhiếp phục mọi hiểm nguy,
Hoan hỷ sống chánh niệm.

329. **Không** gặp bạn hiền trí,
Đáng sống chung, hạnh lành,

Như vua bỏ nước bại,
Hãy sống riêng cô độc,
Như voi sống rừng voi.

330. Tốt Hơn sống một mình,
Không kết bạn người ngu,
Độc thân, không ác hạnh,
Sống vô tư vô lự,
Như voi sống rừng voi.

331. Vui thay, **bạn** lúc cần!
Vui thay, **sống** biết đủ!
Vui thay, **chết** có đức!
Vui thay, mọi **khổ** đoạn!

332. Vui thay, **hiếu** kính mẹ!
Vui thay, hiếu kính cha!
Vui thay, **kính** Sa môn!
Vui thay, kính Hiền Thánh!

333. Vui thay, **già** có giới!
Vui thay, **tín** an trú!
Vui thay, được trí **tuệ**!
Vui thay, ác **không** làm!

131 **Bạn - Thà sống một mình nếu không gặp bạn lành - Kinh Con Tê Ngu Một Sùng - Tiểu I, 471**

Kinh Con Tê Ngu Một Sùng – *Tiểu I*, 471

35. *Đối với các hữu tình,
Từ bỏ gây và trượng,
Chớ làm hại một ai,
Trong chúng hữu tình ấy.
Con trai không ước muốn,
Còn nói gì bạn bè,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sùng.*

36. **Do thân cận giao thiệp,**
Thân ái từ đây sanh,
Tùy thuận theo thân ái,
Khổ này có thể sanh.
Nhìn thấy những nguy hại,
Do thân ái sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sùng.

37. **Do lòng từ thương mến,**
Đối bạn bè thân hữu,

Mục đích bị bỏ quên,

Tâm tư bị buộc ràng,

Do thấy sợ hãi này,

Trong giao du mật thiết,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

38. Ai nhớ nghĩ chờ mong,

Đối với **con** và **vợ**,

Người ấy bị buộc ràng,

Như cành tre rậm rạp,

Còn các ngọn tre cao,

Nào có gì buộc ràng,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

39. **Như nai trong núi rừng,**

Không gì bị trời buộc,

Tự đi chỗ nó muốn,

Để tìm kiếm thức ăn.

Như các bậc Hiền trí,

Thấy tự do giải thoát,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

40. **Giữa bạn bè thân hữu,**

Bị gọi lên gọi xuống,

Tại chỗ ở trú xứ,
Hay trên đường bộ hành.
Thấy tự do giải thoát,
Không có gì tham luyến,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

41. Giữa bạn bè thân hữu,
Ưa thích, vui cười đùa,
Đối với con, với cháu,
Ái luyến thật lớn thay,
Nhàm chán sự hệ lụy,
Với những người thân ái,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

42. Khắp cả bốn phương trời,
Không sân hận với ai,
Tự mình **biết vừa đủ**,
Với vật này vật khác,
Vững chịu các hiểm nguy,
Không run sợ dao động,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

43. Có số người xuất gia,
Chung sống thật khó khăn,

*Cũng như các gia chủ,
Ở tại các cửa nhà,
Sống vô tư vô lự,
Giữa con cháu người khác,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

44. *Từ bỏ, để một bên,
Mọi biểu dương gia đình,
Như loại cây san hô,
Tước bỏ mọi lá cây,
Bạc anh hùng cắt đứt,
Mọi trói buộc gia đình.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

45. *Nếu tìm được bạn lành,
Thận trọng và sáng suốt,
Bạn đồng hành chung sống,
Bạn thiện trú Hiền trí.
Cùng nhau đồng nhiếp phục,
Tất cả mọi hiểm nạn,
Hãy sống với bạn ấy,
Hoan hỷ, giữ chánh niệm.*

46. *Nếu không được bạn lành,
Thận trọng và sáng suốt,*

Bạn đồng hành chung sống,
Bạn thiện trú Hiền trí.
Hãy như vua từ bỏ,
Đất nước bị bại vong,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

47. *Thật chúng ta tán thán,
Các bằng hữu chu toàn,
Bác hơn ta, bằng ta,
Nên sống gần thân cận.*
Nếu không gặp bạn này.
Những bậc không làm lỗi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

48. *Thấy đồ trang sức vàng,
Lấp lánh và sáng chói,
Được con người thợ vàng,
Khéo làm, khéo tay làm,
Hai chúng chạm vào nhau,
Trên hai tay đeo chúng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.*

49. *Như vậy nếu ta cùng,
Với một người thứ hai,*

Tranh luận cãi vã nhau,
Sân hận, gây hấn nhau,
Nhìn thấy trong tương lai,
Sợ hãi hiểm nguy này,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sùng.

50. Các **dục** thật mỹ miều,
Ngọt thơm và đẹp ý,
Dưới hình sắc, phi sắc,
Làm mê loạn tâm tư,
Thấy sự nguy hiểm này,
Trong các **dục trưởng dưỡng**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sùng.

51. Đây là một mụn nhọt,
Và cũng là tai họa,
Một tật bệnh, mũi tên,
Là sợ hãi cho ta,
Thấy sự nguy hiểm này,
Trong các **dục trưởng dưỡng**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sùng.

52. Lạnh lẽo và nóng bức,
Đói bụng và khát nước,

*Gió thổi, ánh mặt trời.
Muối lặn và rắn rết.
Tất cả xúc chạm này,
Đều chịu đựng vượt qua,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*53. Như con voi to lớn,
Từ bỏ cả bầy đàn,
Thân thể được sanh ra,
To lớn tựa hoa sen,
Tùy theo sự thích thú,
Sống tại chỗ rừng núi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*54. Ai ưa thích hội chúng,
Sự kiện không xảy ra,
Người ấy có thể chứng,
Cảm thọ **thời giải thoát**.
Cân nhắc lời giảng dạy,
Đáng bà con mặt trời,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*55. Được giải thoát vượt khỏi,
Các tri kiến hý luận,*

*Đạt được quyết định tánh,
Chứng đắc được con đường.
Nơi ta trí được sanh,
Không cần nhờ người khác,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.*

56. Không tham, không lừa đảo,
Không khát dục, gièm pha,
Mọi si mê ác trược,
Được gạn sạch, quạt sạch.
Trong tất cả thế giới,
Không tham ái ước vọng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

57. Với bạn bè độc ác,
Hãy từ bỏ lánh xa,
Bạn không thấy mục đích,
Quen nếp sống quanh co,
Chớ tự mình thân cận,
Kẻ đam mê phóng dật,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

58. Bạc nghe nhiều trì pháp,
Hãy gần gũi người ấy,

*Bạn người tâm rộng lớn,
Người thông minh biện tài,
Biết điều không nên làm,
Nhiếp phục được nghi hoặc,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*59. Mọi du hí vui đùa,
Và dục lạc ở đời,
Không điểm trang bày biện,
Không ước vọng mong cầu,
Từ bỏ mọi hào nhoáng,
Nói lên lời chân thật,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*60. Với con và với vợ,
Với cha và với mẹ,
Tài sản cùng lúa gạo,
Những trói buộc bà con,
Hãy từ bỏ buộc ràng,
Các dục vọng như vậy,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*61. Chúng đều là trói buộc,
Lạc thú thật nhỏ bé,*

Vị ngọt thật ít oi,
Khổ đau lại nhiều hơn,
Chúng đều là câu móc,
Bậc trí biết như vậy,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

62. *Hãy chặt đứt, bẻ gãy,
Các kiết sử trói buộc,*
Như các loài thủy tộc,
Phá hoại các mạng lưới.
Như lửa đã cháy xong,
Không còn trở lui lại,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

63. *Vói mắt cúi nhìn xuống,
Chân đi không lưu luyến,
Các căn được hộ trì,
Tâm ý khéo chế ngự.*
Không đầy ứ, rỉ chảy,
Không cháy đỏ bừng lên,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

64. *Hãy trút bỏ, để lại,
Các biểu tượng gia chủ,*

*Như loại cây san hô,
Loại bỏ các nhánh lá.*

*Đã đắp áo cà sa,
Xuất gia bỏ thế tục,*

*Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

65. *Không tham đắm các vị,
Không tác động, không tham,
Không nhờ ai nuôi dưỡng,
Chỉ khát thực từng nhà.*

*Đối với mọi gia đình,
Tâm không bị trói buộc,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

66. *Từ bỏ năm triền cái;
Che đậy trói buộc tâm,
Đối với mọi kiết sử,
Hãy trừ khử, dứt sạch,
Không y cứ nương tựa,
Chặt đứt ái sân hận,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

67. *Hãy xoay lưng trở lại,*

Đối với **lạc** và **khổ**,
Cả đối với **hỷ ưu**,
Được cảm thọ từ trước,
Hãy chứng cho được xả,
An chỉ và thanh tịnh,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

68. Tinh cần và tinh tấn,
Đạt được **lý chân đế**,
Tâm không còn thụ động,
Không còn có biếng nhác,
Kiên trì trong cố gắng,
Đồng lực được sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

69. Không từ bỏ độc cư,
Hạnh viễn ly thiền định,
Thường thường sống hành trì,
Tùy pháp trong các pháp.
Chơn chánh nhận thức rõ,
Nguy hiểm trong **sanh hữu**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

70. Mong cầu đoạn diệt **ái**,

Sống hạnh không phóng dật,
Không đàn độn tâm ngong,
Nghe nhiều, giữ chánh niệm.
Các pháp được giác sát,
Quyết định, chánh tinh cần.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sùng.

71. Như *sư tử* không động,
An tịnh giữa các tiếng,
Như *gió* không vương mắc,
Khi thổi qua màn lưới.
Như *hoa sen* không dính,
Không bị nước thấm ướt,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sùng.

72. Giống như con sư tử,
Với quai hàm hùng mạnh,
Bậc chúa của loài thú,
Sống chinh phục chế ngự.
Hãy sống các trú xứ,
Nhàn tịnh và xa vắng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sùng.

73. *Từ* tâm, sống trú xả,

Bi tâm, hạnh giải thoát,
Sống hành trì thực hiện,
Hỷ tâm, cho đúng thời,
Không chống đối va chạm,
Vội một ai ở đời.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

74. **Đoạn tận** lòng tham **ái**,
Sân hận và **si** mê,
Chặt đứt và cắt đoạn,
Các kiết sử lớn nhỏ,
Không có gì sợ hãi,
Khi mạng sống gần chung,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

75. Có những bạn vì lợi,
Thân cận và chung sống,
Những bạn không mưu lợi,
Nay khó tìm ở đời.
Người sáng suốt lợi mình,
Không phải người trong sạch,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

132 **Bạn bè - Thân cận giao thiệp, Thân ái từ đây sanh - Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng - Tiểu I, 471**

Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng – *Tiểu I*, 471

35. *Đối với các hữu tình,
Từ bỏ gây và trượng,
Chớ làm hại một ai,
Trong chúng hữu tình ấy.
Con trai không ước muốn,
Còn nói gì bạn bè,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

36. **Do thân cận giao thiệp,**
Thân ái từ đây sanh,
Tùy thuận theo thân ái,
Khổ này có thể sanh.
Nhìn thấy những nguy hại,
Do thân ái sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

37. **Do lòng từ thương mến,**
Đối bạn bè thân hữu,

Mục đích bị bỏ quên,

Tâm tư bị buộc ràng,

Do thấy sợ hãi này,

Trong giao du mật thiết,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

38. Ai nhớ nghĩ chờ mong,

Đối với **con** và **vợ**,

Người ấy bị buộc ràng,

Như cành tre rậm rạp,

Còn các ngọn tre cao,

Nào có gì buộc ràng,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

39. **Như nai trong núi rừng,**

Không gì bị trời buộc,

Tự đi chỗ nó muốn,

Để tìm kiếm thức ăn.

Như các bậc Hiền trí,

Thấy tự do giải thoát,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

40. **Giữa **bạn bè** thân hữu,**

Bị gọi lên gọi xuống,

Tại chỗ ở trú xứ,
Hay trên đường bộ hành.
Thấy tự do giải thoát,
Không có gì tham luyến,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

41. Giữa bạn bè thân hữu,
Ưa thích, vui cười đùa,
Đối với con, với cháu,
Ái luyến thật lớn thay,
Nhàm chán sự hệ lụy,
Với những người thân ái,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

42. Khắp cả bốn phương trời,
Không sân hận với ai,
Tự mình **biết vừa đủ**,
Với vật này vật khác,
Vững chịu các hiểm nguy,
Không run sợ dao động,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

43. Có số người xuất gia,
Chung sống thật khó khăn,

*Cũng như các gia chủ,
Ở tại các cửa nhà,
Sống vô tư vô lự,
Giữa con cháu người khác,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

44. *Từ bỏ, để một bên,
Mọi biểu dương gia đình,
Như loại cây san hô,
Tước bỏ mọi lá cây,
Bạc anh hùng cắt đứt,
Mọi trói buộc gia đình.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

45. *Nếu tìm được bạn lành,
Thận trọng và sáng suốt,
Bạn đồng hành chung sống,
Bạn thiện trú Hiền trí.
Cùng nhau đồng nhiếp phục,
Tất cả mọi hiểm nạn,
Hãy sống với bạn ấy,
Hoan hỷ, giữ chánh niệm.*

46. *Nếu không được bạn lành,
Thận trọng và sáng suốt,*

Bạn đồng hành chung sống,
Bạn thiện trú Hiền trí.
Hãy như vua từ bỏ,
Đất nước bị bại vong,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

47. *Thật chúng ta tán thán,
Các bằng hữu chu toàn,
Bác hơn ta, bằng ta,
Nên sống gần thân cận.*
Nếu không gặp bạn này.
Những bậc không làm lỗi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

48. *Thấy đồ trang sức vàng,
Lấp lánh và sáng chói,
Được con người thợ vàng,
Khéo làm, khéo tay làm,
Hai chúng chạm vào nhau,
Trên hai tay đeo chúng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.*

49. *Như vậy nếu ta cùng,
Với một người thứ hai,*

Tranh luận cãi vã nhau,
Sân hận, gây hấn nhau,
Nhìn thấy trong tương lai,
Sợ hãi hiểm nguy này,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

50. Các **dục** thật mỹ miều,
Ngọt thơm và đẹp ý,
Dưới hình sắc, phi sắc,
Làm mê loạn tâm tư,
Thấy sự nguy hiểm này,
Trong các **dục trưởng dưỡng**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

51. Đây là một mụn nhọt,
Và cũng là tai họa,
Một tật bệnh, mũi tên,
Là sợ hãi cho ta,
Thấy sự nguy hiểm này,
Trong các **dục trưởng dưỡng**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

52. Lạnh lẽo và nóng bức,
Đói bụng và khát nước,

*Gió thổi, ánh mặt trời.
Muối lặn và rắn rết.
Tất cả xúc chạm này,
Đều chịu đựng vượt qua,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.*

*53. Như con voi to lớn,
Từ bỏ cả bầy đàn,
Thân thể được sanh ra,
To lớn tựa hoa sen,
Tùy theo sự thích thú,
Sống tại chỗ rừng núi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.*

*54. Ai ưa thích hội chúng,
Sự kiện không xảy ra,
Người ấy có thể chứng,
Cảm thọ **thời giải thoát**.
Cân nhắc lời giảng dạy,
Đáng bà con mặt trời,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.*

*55. Được giải thoát vượt khỏi,
Các tri kiến hý luận,*

*Đạt được quyết định tánh,
Chứng đắc được con đường.
Nơi ta trí được sanh,
Không cần nhờ người khác,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.*

56. Không tham, không lừa đảo,
Không khát dục, gièm pha,
Mọi si mê ác trược,
Được gạn sạch, quạt sạch.
Trong tất cả thế giới,
Không tham ái ước vọng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

57. Với bạn bè độc ác,
Hãy từ bỏ lánh xa,
Bạn không thấy mục đích,
Quen nếp sống quanh co,
Chớ tự mình thân cận,
Kẻ đam mê phóng dật,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

58. *Bậc nghe nhiều trì pháp,
Hãy gần gũi người ấy,*

*Bạn người tâm rộng lớn,
Người thông minh biện tài,
Biết điều không nên làm,
Nhiếp phục được nghi hoặc,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*59. Mọi du hí vui đùa,
Và dục lạc ở đời,
Không điểm trang bày biện,
Không ước vọng mong cầu,
Từ bỏ mọi hào nhoáng,
Nói lên lời chân thật,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*60. Với con và với vợ,
Với cha và với mẹ,
Tài sản cùng lúa gạo,
Những trói buộc bà con,
Hãy từ bỏ buộc ràng,
Các dục vọng như vậy,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*61. Chúng đều là trói buộc,
Lạc thú thật nhỏ bé,*

Vị ngọt thật ít oi,
Khổ đau lại nhiều hơn,
Chúng đều là câu móc,
Bậc trí biết như vậy,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

62. *Hãy chặt đứt, bẻ gãy,
Các kiết sử trói buộc,*
Như các loài thủy tộc,
Phá hoại các mạng lưới.
Như lửa đã cháy xong,
Không còn trở lui lại,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

63. *Vói mắt cúi nhìn xuống,
Chân đi không lưu luyến,
Các căn được hộ trì,
Tâm ý khéo chế ngự.*
Không đầy ứ, rỉ chảy,
Không cháy đỏ bừng lên,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

64. *Hãy trút bỏ, để lại,
Các biểu tượng gia chủ,*

*Như loại cây san hô,
Loại bỏ các nhánh lá.*

*Đã đắp áo cà sa,
Xuất gia bỏ thế tục,*

*Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

65. *Không tham đắm các vị,
Không tác động, không tham,
Không nhờ ai nuôi dưỡng,
Chỉ khát thực từng nhà.*

*Đối với mọi gia đình,
Tâm không bị trói buộc,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

66. *Từ bỏ năm triền cái;*

Che đậy trói buộc tâm,

Đối với mọi kiết sử,

Hãy trừ khử, dứt sạch,

Không y cứ nương tựa,

Chặt đứt ái sân hận,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngưu một sừng.

67. *Hãy xoay lưng trở lại,*

Đối với **lạc** và **khổ**,
Cả đối với **hỷ ưu**,
Được cảm thọ từ trước,
Hãy chứng cho được xả,
An chỉ và thanh tịnh,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

68. Tinh cần và tinh tấn,
Đạt được **lý chân đế**,
Tâm không còn thụ động,
Không còn có biếng nhác,
Kiên trì trong cố gắng,
Đồng lực được sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

69. Không từ bỏ độc cư,
Hạnh viễn ly thiền định,
Thường thường sống hành trì,
Tùy pháp trong các pháp.
Chơn chánh nhận thức rõ,
Nguy hiểm trong **sanh hữu**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

70. Mong cầu đoạn diệt **ái**,

Sống hạnh không phóng dật,
Không đần độn tâm ngọng,
Nghe nhiều, giữ chánh niệm.
Các pháp được giác sát,
Quyết định, chánh tinh cần.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

71. Như *sư tử* không động,
An tịnh giữa các tiếng,
Như *gió* không vướng mắc,
Khi thổi qua màn lưới.
Như *hoa sen* không dính,
Không bị nước thấm ướt,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

72. Giống như con sư tử,
Vội quai hàm hùng mạnh,
Bậc chúa của loài thú,
Sống chinh phục chế ngự.
Hãy sống các trú xứ,
Nhàn tịnh và xa vắng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

73. *Từ* tâm, sống trú xả,

Bi tâm, hạnh giải thoát,
Sống hành trì thực hiện,
Hỷ tâm, cho đúng thời,
Không chống đối va chạm,
Vội một ai ở đời.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

74. **Đoạn tận** lòng tham **ái**,
Sân hận và **si** mê,
Chặt đứt và cắt đoạn,
Các kiết sử lớn nhỏ,
Không có gì sợ hãi,
Khi mạng sống gần chung,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

75. Có những bạn vì lợi,
Thân cận và chung sống,
Những bạn không mưu lợi,
Nay khó tìm ở đời.
Người sáng suốt lợi mình,
Không phải người trong sạch,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

133 Bạo ngôn - Từ bỏ tánh cứng đầu, bông bột và bạo ngôn - Kinh Thế Nào là Giới - Tiểu I, 568

Kinh Thế Nào là Giới – *Tiểu I*, 568 (Sn 56)

324. Thế nào là **giới đức**?
Thế nào là **chánh hạnh**?
Cần phải làm **tăng trưởng**.
Thân khẩu ý **nghiệp** nào?
Để người chánh nhập cuộc,
Đạt được **đích** tối thượng?

325. *Kính lễ bậc trưởng thượng,
Không ganh tị một ai,
Cần phải biết thời gian,
Để yết kiến Đạo sư,
Biết được đúng thời khắc,
Thuyết pháp bắt đầu giảng,
Hãy cẩn thận lắng nghe,
Lời giảng được khéo nói.*

326. *Hãy đi đến đúng thời,
Trước mặt vị Đạo Sư,
Từ bỏ tánh cứng đầu,
Với thái độ khiêm tốn,*

Hãy nhớ nghĩ ức niệm,
Hãy chơn chánh hành trì,
Mục đích và Chánh pháp,
Chế ngự và Phạm hạnh.

327. Vui thích trong Chánh Pháp,
Hoan hỷ trong Chánh Pháp,
An trú trên Chánh pháp,
Biết phân tích Chánh pháp,
Sở hành không làm gì,
Có lời uế nhiễm pháp,
Chịu hướng dẫn lãnh đạo,
Lời trung thực khéo nói.

328. Bỏ cười đùa, lảm miêng,
Khóc than và sân hận,
Làm những điều man trá,
Lừa đảo, tham, kiêu mạn,
Bồng bột và **bạo ngôn**,
Cứng rắn và đam mê,
Sống từ bỏ tất cả,
Ly say đắm, kiên trì.

329. Thức tri được cốt lõi,
Những lời được khéo nói,
Được nghe khéo thức tri,
Cốt lõi của thiền định,

Với con người hấp tấp,
Lại phóng dật buông lung,
Trí tuệ, điều được nghe,
Không có thể tăng trưởng.

330. An vui thích Chánh pháp,
Do bậc Thánh tuyên thuyết,
Họ trở thành vô thượng,
Về lời, ý và nghiệp,
Họ an tịnh nhu hòa,
An trú trên thiền **định**,
Chứng đạt được **cốt lõi**,
Pháp được nghe, trí tuệ.

134 Bản ngã - Ai không liễu tri mạn, không thể diệt khổ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 297

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 297 (Ek I, 8) (It. 4)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- *Này các Tỷ-kheo, ai không thắng tri không liễu tri **Mạn**, ở đây tâm không ly tham, không từ bỏ, thời không có thể diệt được khổ đau.*
- *Này các Tỷ-kheo, ai thắng tri liễu tri **Mạn**, ở đây tâm ly tham, từ bỏ, có thể diệt được khổ đau.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Người bị mạn chi phối,
Do bị mạn trói buộc,
Nên hoan hỷ sanh hữu,
Do không liễu tri mạn,
Nên đi đến tái sanh.*

*Những ai đoạn diệt mạn,
Giải thoát, mạn hoại diệt,
Họ thắng mạn trói buộc,*

*Họ vượt qua nhiếp phục,
Tất cả mọi đau khổ.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

135 Bản ngã - Ai phá hoại kiêu mạn, Không còn chút dư tàn - Kinh Rắn - Tiểu I, 457

Kinh Rắn – Tiểu I, 457

1. Ai nhiếp phục **phẫn nộ**,
Đang được đẩy khởi lên,
Như dùng chất linh dược,
Ngăn độc rắn lan rộng,
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

2. Ai cắt đứt **tham dục**,
Không còn chút dư tàn,
Như kẻ hái hoa sen,
Sanh ra từ ao hồ.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

3. Ai cắt đứt **tham ái**,
Không còn chút dư tàn,

*Làm cho nước cạn khô,
Dòng nước chảy nhanh mạnh,
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.*

4. Ai phá hoại **kiêu mạn**,
*Không còn chút dư tàn,
Như nước mạnh tàn phá,
Cây cỏ lau yếu hèn,
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.*

5. Ai trong các **sanh hữu**,
*Không tìm thấy lỗi cây,
Như kẻ đi hái hoa,
Trên cây sung không hoa.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.*

6. Với ai trong nội tâm,
Không còn có phần hận,

*Đã vượt thoát ra khỏi,
Cả hữu và phi hữu.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.*

7. *Với ai những tâm tư,
Được làm cho tan biến,
Nội tâm khéo sửa soạn,
Không còn chút dư tàn.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.*

8. *Ai không đi quá trớn,
Cũng không quá chậm trễ,
Đã nhiếp phục toàn diện,
Hý luận chướng ngại này.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.*

9. *Ai không đi quá trớn,
Cũng không quá chậm trễ,*

*Biết rõ được ở đời,
Sự này toàn hư vọng.*

*Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.*

*10. Ai không đi quá trớn,
Cũng không quá chậm trễ,
Từ bỏ, không có tham,
Sự này toàn hư vọng.*

*Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.*

*11. Ai không đi quá trớn,
Cũng không quá chậm trễ,
Từ bỏ, không tham dục,
Sự này toàn hư vọng.*

*Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.*

*12. Ai không đi quá trớn,
Cũng không quá chậm trễ,*

Từ bỏ, ly **sân hận**,
Sự này toàn hư vọng.

Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

13. Ai không đi quá trớn,
Cũng không quá chậm trễ,

Từ bỏ, ly **si ám**,
Sự này toàn hư vọng.

Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

14. Với ai, các tùy miên,
Hoàn toàn không hiện hữu,
Các nguồn gốc bất thiện
Được nhổ lên trơ sạch.

Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

15. Với ai, không có gì,
Do **phiền não** sanh khởi,

Làm duyên trở lui lại,
Về lại bờ bên này.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

16. Với ai, không có gì,
Do **rừng ái** sanh khởi,
Tạo nhân khiến trói buộc
Con người vào tái sanh.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

17. Ai đoạn **năm triền cái**,
Không sầu khổ bức phiền,
Vượt qua được nghi hoặc,
Thoát mũi tên phiền não.
**Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.**

136 Bản ngã - Cần nhìn đời thế nào, Để thần chết không thấy_ - Kinh Câu hỏi của thanh niên 15 Mogharàja - Tiểu I, 809

Câu hỏi của thanh niên 15 Mogharàja – *Tiểu I*, 809

Mogharàja:

1116. *Mo-gha-rà-ja* nói:

*Đã hai lần con hỏi,
Bậc có mắt, họ Thích,
Ngài chưa trả lời con,
Nhưng con được nghe rằng,
Cho đến lần thứ ba,
Vị Thiên nhân ẩn sĩ,
Sẽ trả lời cho con.*

1117. *Đời này và đời sau,
Phạm thiên giới, thiên giới,
Con không rõ quan điểm,
Gotama lừng danh.*

1118. *Vị thầy được thù diệu,
Con đến với câu hỏi,
Cần nhìn đời thế nào,
Để thần chết không thấy?*

Thế Tôn:

1119. *Này Mô-gha-ra-ja,*

Hãy nhìn đời trống không,

Luôn luôn giữ chánh niệm,

Nhổ lên ngã tùy kiến,

Như vậy vượt tử vong,

Hãy nhìn đời như vậy,

Thần chết không thấy được.

137 Bản ngã - Người ngu si thiếu trí, Tự ngã thành kẻ thù - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 43

Phẩm Ngu – *Tiểu I*, 43

60. "Đêm dài cho kẻ thức,
Đường dài cho kẻ mệt,
Luân hồi dài, kẻ ngu,
Không biết chơn diệu pháp."

61. "Tìm không được bạn đường,
Hơn mình hay bằng mình,
Thà quyết sống một mình,
Không bè bạn kẻ ngu."

62. "Con tôi, tài sản tôi,
Người ngu sanh ưu não,
Tự ta, ta không có,
Con đâu, tài sản đâu."

63. "Người ngu nghĩ mình ngu,
Nhờ vậy thành có trí.
Người ngu tưởng có trí,
Thật xứng gọi chí ngu."

64. "Người ngu, dầu trọn đời,
Thân cận người có trí,
Không biết được Chánh pháp,
Như muông với vị canh."

65. "Người trí, dầu một khắc,
Thân cận người có trí,
Biết ngay chân diệu pháp,
Như lưỡi với vị canh."

66. "Người ngu si thiếu trí,
Tự ngã thành kẻ thù.
Làm các nghiệp không thiện,
Phải chịu quả đắng cay."

67. "Nghiệp làm không chánh thiện,
Làm rồi sanh ăn năn,
Mặt nhuốm lệ, khóc than,
Lãnh chịu quả dị thực."

68. "Và nghiệp làm chánh thiện,
Làm rồi không ăn năn,
Hoan hỷ, ý đẹp lòng,
Hưởng thọ quả dị thực."

69. "Người ngu nghĩ là ngọt,
Khi ác chưa chín muối;

Ác nghiệp chín mươi rồi,
Người ngu chịu khổ đau."

70. "Tháng tháng với ngọn cỏ,
Người ngu có ăn uống
Không bằng phần mười sáu
Người hiểu pháp hữu vi."

71. "Nghiệp ác đã được làm,
Như sữa, không đông ngay,
Cháy ngấm theo kẻ ngu,
Như lửa tro che đậy."

72. "Tự nó chịu bất hạnh,
Khi danh đến kẻ ngu.
Vận may bị tổn hại,
Đầu nó bị nát tan."

73. "Ưu danh không tương xứng,
Muốn ngồi trước tỷ kheo,
Ưu quyền tại tịnh xá,
Muốn mọi người lễ kính."

74. "Mong cả hai tăng, tục,
Nghĩ rằng: “chính ta làm”.
Trong mọi việc lớn nhỏ,
Phải theo mệnh lệnh ta"

Người ngu nghĩ như vậy
Dục và **mạn** tăng trưởng.

75. "Khác thay duyên thế lợi,
Khác thay đường Niết Bàn.
Tỷ kheo, đệ tử Phật,
Hãy như vậy thắng tri.
Chớ ưa thích cung kính,
Hãy tu **hạnh viễn ly**."

138 Bản ngã - Phẩm Tự Ngã - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 63

Phẩm Tự Ngã – *Tiểu I*, 63

157. Nếu biết yêu tự ngã,
Phải khéo bảo vệ mình,
Người trí trong ba canh,
Phải luôn luôn tỉnh thức.

158. Trước hết tự đặt mình,
Vào những gì thích đáng.
Sau mới **giáo hóa** người,
Người trí khỏi bị nhiễm.

159. Hãy tự làm cho mình,
Như điều mình dạy người.
Khéo tự điều, điều người,
Khó thay, tự điều phục!

160. Tự mình y chỉ mình,
Nào có y chỉ khác.
Nhờ khéo điều phục mình,
Được y chỉ khó được.

161. Điều ác **tự mình làm**,
Tự mình sanh, mình tạo.
Nghiền nát kẻ ngu si,
Như kim cương, ngọc báu.

162. Phá giới quá trầm trọng,
Như dây leo bám cây,
Gieo hại cho tự thân,
Như kẻ thù mong ước.

163. **Dễ làm các điều ác,**
Dễ làm tự hại mình.
Còn việc lành, việc tốt,
Thật tối thượng khó làm.

164. Kẻ ngu si miệt thị,
Giáo pháp bậc La Hán,
Bậc Thánh, bậc Chánh mạng.
Chính do ác kiến này,
Như quả loại cây lau
Mang quả tự hoại diệt.

165. **Tự mình, làm điều ác,**
Tự mình làm nhiễm ô,
Tự mình không làm ác,
Tự mình làm thanh tịnh.
Tịnh, không tịnh, tự mình,

Không ai thanh tịnh ai.

166. Chớ theo pháp hạ liệt.
Chớ sống mặc, buông lung,
Chớ tin theo tà kiến,
Chớ tăng trưởng tục trần.

139 Bản ngã - Từ bỏ kiêu mạn, Thoát được già lão - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 335

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 335 (Duk. II, 1) (It. 31)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, với Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, hai tâm tứ được hành trì nhiều đó là ***an ổn*** và ***ẩn dật***.

Này các Tỷ-kheo, Như Lai ưa thích không làm hại, thích thú không làm hại. Với Như Lai ấy, này các Tỷ-kheo, ưa thích không làm hại này, thích thú không làm hại này, tâm tứ này được hành trì nhiều. "*Với cử chỉ uy nghi này Ta không làm hại một ai, dầu là loài động vật hay không động vật*".

Này các Tỷ-kheo, Như Lai ưa thích ẩn dật, thích thú ẩn dật. Với Như Lai ấy, này các Tỷ-kheo, ưa thích ẩn dật này, thích thú ẩn dật này, tâm tứ này được hành trì nhiều! Phàm có bất thiện gì, thì đều được đoạn tận.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, **các Thầy *hãy an trú, hân hoan trong không làm hại***, thích thú trong không làm hại. Này các Tỷ-kheo, với các Thầy an trú, hân hoan trong không làm hại, thích thú trong không làm hại, tâm tứ này sẽ được hành trì nhiều. "Với cử chỉ uy nghi này, chúng ta không làm hại một ai, dầu là loài động vật hay không động vật".

Này các Tỷ-kheo, ***hãy an trú hân hoan trong ẩn dật***, thích thú trong ẩn dật. Này các Tỷ-kheo, với các Thầy an trú hân hoan trong ẩn dật, thích thú trong ẩn dật, tâm tứ này sẽ được hành trì nhiều. Còn có gì bất thiện, còn có gì chưa đoạn tận, còn có gì chúng ta phải từ bỏ nữa đâu?

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Như Lai, bậc Giác ngộ,
Bậc có thể **nhân nại**,
Những gì mà người khác,
Không có thể nhân nại,
Hai tâm tứ, vị ấy
Hành trì và thực hiện,
Trước hết được nói đến,
Là **an ổn tâm tứ**,
Thứ đến là **ẩn dật**,
Thứ hai được trình bày,
Phá tan màn hắc ám,*

Đã đến bờ bên kia,
Bậc Đại sĩ đạt được,
Quyền lực không lậu hoặc,
Đạt thân mạng tối hậu
Trong **ái diệt, giải thoát**.

Vị ẩn sĩ như vậy,
Chắc mang thân tối hậu,
Ta nói rằng vị ấy
Từ bỏ được kiêu mạn,
Thoát khỏi được già lão,
Đạt được bờ bên kia.
Như đứng trên tảng đá,
Trên đỉnh núi đầu non,
Đưa mắt nhìn xung quanh,
Quần chúng dưới chân mình,
Cũng vậy bậc Thiện tuệ,
Leo lên lầu Chánh pháp
Biến nhãn không sâu muộn,
Nhìn xuống đám quần sanh,
Bị ưu tư sâu khổ,
Bị sanh già áp bức.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

140 Bấy giác chi - Một đêm nhớ đến năm trăm kiếp - Kinh Sobhita – Tiểu III, 154

Sobhita – *Tiểu III*, 154 (143)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Sobhita.

Sau khi được nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia, chứng được **sáu thắng trí**.

Ngài thực hành nhớ đến các đời sống quá khứ, thành tựu **túc mạng thông**, được đức Phật xác nhận là vị **nhớ đến đời sống quá khứ đệ nhất**. Cảm thấy phấn khởi trong quả chứng của mình, ngài nói lên những bài kệ:

165. *Tỷ-kheo giữ chánh niệm,
Với trí tuệ tinh cần,
Một đêm, ta nhớ đến,
Có đến năm trăm kiếp.*

166. *Ta tu **Bốn niệm xứ**,
Bấy giác chi, Tám thánh (đạo),
Một đêm, ta nhớ đến,*

Có đến năm trăm kiếp.

141 Bấy giác chi - Những ai với chánh tâm, Khéo tu tập giác chi - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 46

Phẩm Hiền Trí – *Tiểu I*, 46

76. Nếu thấy bậc Hiền trí,
Chỉ lỗi và khiển trách,
Như chỉ chỗ chôn vàng
Hãy thân cận người trí!
Thân cận người như vậy,
Chỉ tốt hơn, không xấu.

77. Những người hay khuyên dạy,
Ngăn người khác làm ác,
Được người hiền kính yêu,
Bị người ác không thích.

78. Chớ thân với bạn ác,
Chớ thân kẻ tiểu nhân.
Hãy thân người bạn lành,
Hãy thân bậc thượng nhân.

79. Pháp hỷ đem an lạc,
Với tâm tư thuần tịnh;
Người trí thường hoan hỷ,

Với pháp bậc Thánh thuyết.

80. Người trị thủy dẫn nước,
Kẻ làm tên nắn tên,
Người thợ mộc uốn gỗ,
Bậc trí nhiếp tự thân.

81. Như đá tảng kiên cố,
Không gió nào giao động,
Cũng vậy, giữa khen chê,
Người trí không giao động.

82. Như hồ nước sâu thẳm,
Trong sáng, không khuấy đục,
Cũng vậy, nghe chánh pháp,
Người trí hưởng tịnh lạc.

83. Người hiền bỏ tất cả,
Người lành không bàn dục,
Dầu cảm thọ lạc khổ,
Bậc trí không vui buồn.

84. Không vì mình, vì người.
Không cầu được con cái,
Không tài sản quốc độ,
Không cầu mình thành tựu,
Với việc làm phi pháp.

Vị ấy thật trì giới,
Có trí tuệ, đúng pháp.

85. Ít người giữa nhân loại,
Đến được bờ bên kia
Còn số người còn lại,
Xuôi ngược chạy bờ này.

86. Những ai hành trì pháp,
Theo chánh pháp khéo dạy,
Sẽ đến bờ bên kia,
Vượt ma lực khó thoát.

87. Kẻ trí bỏ pháp đen,
Tu tập theo pháp trắng.
Bỏ nhà, sống không nhà,
Sống viễn ly khổ lạc.

88. Hãy cầu vui Niết Bàn,
Bỏ dục, không sở hữu,
Kẻ trí tự rửa sạch,
Cầu uế từ nội tâm.

89. Những ai với chánh tâm,
Khéo tu tập **giác chi**,
Từ bỏ mọi ái nhiễm,
Hoan hỷ không chấp thủ.

Không lậu hoặc, sáng chói,
Sống tịch tịnh ở đời.

142 Bấy giác chi - Trưởng lão Adhimutta - Kinh Adhimutta – Tiểu III, 370

Adhimutta – *Tiểu III*, 370 (248)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh là con người
chi của Trưởng lão Sankicca.

Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của cậu ngài, và khi
còn là Sa-di, đã chứng quả A-la-hán. Sống hưởng an
lạc giải thoát, ngài muốn thọ Đại giới và đi về nhà để
xin phép bà mẹ.

Khi ngài đi, ngài bị các kẻ **cướp** bắt ngài và muốn
dâng ngài để tế thần. Các tên cướp tấn công ngài
nhưng ngài đứng, không khuất phục.

Tên tướng cướp lấy làm ngạc nhiên, tán thán ngài và
nói:

705. *Vì mục đích tế đàn,
Hoặc vì đích tài sản,
Những người chúng tôi giết,
Từ trước cho đến nay,
Không ai không sợ hãi,
Họ run sợ, rên xiết.*

706. *Nhưng ngài không khiếp sợ,*

*Dung sắc càng hòa duyệt,
Vì sao ngài không than,
Trong đại nạn như vậy?*

Adhimutta trả lời:

*707. **Chủ cướp! Tâm không khổ,**
Với người không kỳ vọng,
Mọi sợ hãi vượt qua,
Với người kiết sử đoạn.*

*708. Nhờ đoạn nhân sanh hữu,
Pháp được thấy như thật,
Đối chết, không sợ hãi,
Nhờ gánh nặng đặt xuống.*

*709. Phạm hạnh ta khéo hành,
Con đường khéo tu tập,
Ta không có sợ chết,
Khi bệnh hoạn được diệt.*

*710. Phạm hạnh ta khéo hành,
Con đường khéo tu tập,
Hữu được thấy không ngọt,
Như bỏ độc được uống.*

711. Bờ kia đến, không thủ,

Việc làm xong, vô lậu,
Bằng lòng, thọ mạng diệt,
Như thoát lò sát sinh.

712. **Pháp tánh** đạt, tối thượng,
Ở đời, tuyệt sở hữu.
*Như thoát ngôi nhà cháy,
Trong chết không sầu muộn.*

713. Phàm có vật tụ hợp,
Được sanh hữu chỗ nào,
Tuyệt đường mọi xuất ly,
Đại ân sĩ nói vậy.

714. Ai hiểu rõ như vậy,
Như đức Phật đã thuyết,
Không còn nắm **sanh hữu**,
Như hòn sắt cháy đỏ.

715. **Quá khứ ta không có,
Tương lai, hiện tại không,
Các hành không thực hữu,
Ở đây, than khóc gì?**

716. **Thanh tịnh pháp sanh khởi,
Thanh tịnh hành tiếp tục,
Bậc thấy được như thật,**

Không sợ hãi, thưa ngài.

717. Với tuệ, thấy thế giới,
Giống như cỏ, thân cây,
Không có tánh ngã sở,
Không sâu muộn, không ngã.

718. Ta nhàm chán thân sắc,
Không ham có sanh hữu,
Khi thân này hoại diệt,
Sẽ không có thân khác.

719. Với thân ta, người làm,
Hãy làm như ý muốn,
Ta không vì duyên ấy,
Sẽ khởi lên **sân, ái**.

720. Kẻ ấy nghe nói vậy,
Hy hữu, lòng dựng ngược,
Quăng bỏ cả đao kiếm,
Thanh niên nói với ta.

721. Tôn giả hành hạnh gì,
Ai Đạo Sư Tôn giả,
Ngài theo lời ai dạy,
Được tánh không sâu nào?

Adhimutta:

722. Bậc toàn trí, toàn kiến,
Thắng giả, giáo sư ta,
Đại từ bi Đạo Sư,
Y vương toàn thế giới.

723. Pháp này vị ấy giảng,
Đưa đến đạt vô thượng,
Theo lời dạy vị ấy,
Được tánh không sầu não.

724. Kẻ cướp nghe đại sĩ,
Khéo thuyết giảng như vậy,
Chúng liền quăng vất bỏ,
Đao gươm và vũ khí,
Một số bỏ nghề chúng,
Một số xin xuất gia.

725. Sau khi chúng xuất gia,
Trong giáo pháp Thiện Thệ,
Họ tu tập **Giác Chi,**
Năm lực, thành bậc trí.
Tâm hân hoan, ý mãn,
Các căn cảm xúc được,
Niết-bàn đạo, vô vi.

143 Bấy giờ chi - Trưởng lão Godatta - Kinh Godatta – Tiểu III, 355

Godatta – *Tiểu III*, 355 (245)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình lữ hành và đặt tên là *Godatta*. Sau khi cha chết, ngài sắp đặt nhà cửa, đem theo năm trăm cỗ xe hàng hóa, đi chỗ này chỗ khác, sống bằng nghề buôn bán.

Một hôm, một con **bò** ngã quỵ xuống đường, trong khi kéo xe, và các người làm công của ngài không thể đỡ con bò đứng dậy được, ngài tự đi đến đánh con bò rất nặng.

Con bò tức giận vì **sự tàn bạo** của ngài nói lên giọng người: "*Này Godatta, đã lâu ta đem tất cả sức lực ta kéo gánh nặng cho ông, nhưng nay ta không đủ sức kéo nên phải ngã quỵ xuống, ông đánh đập ta tàn nhẫn. Vậy chỗ nào ông tái sanh, ta cũng sẽ sanh làm kẻ thù của ông để làm hại ông!*".

Ngài nghe vậy rất lấy làm xúc động, tự nghĩ: "Sao lại sống làm hại các loài hữu tình như vậy?". Rồi ngài từ bỏ tất cả tài sản, xin xuất gia với một vị Trưởng lão, và sau một thời gian chứng quả A-la-hán.

Một hôm, khi ngài đang hưởng thọ sự an lạc giải thoát, ngài thuyết pháp cho chúng xuất gia và tại gia về các pháp thế gian:

659. *Như con bò giống tốt,
Được huấn luyện tốt đẹp,
Bị cột vào gánh nặng,
Mang gánh nặng kéo đi,
Bị áp đè quá nặng,
Không lật đổ gánh nặng.*

660. ***Cũng vậy, ai nhiều tuệ,
Như nước ở trong biển,
Không khinh miệt người khác,
Thánh pháp là như vậy,
Đối với các hữu tình.***

661. *Sống trong vòng thời gian,
Bị thời gian hàng phục,
Hữu, phi hữu chi phối,
Loài Người chịu đau khổ,
Con cháu họ sầu ưu,
Chính ngay trong đời này.*

662. *Hân hoan, khi được **lạc**,
Gặp **khổ** lại chán chường,
Kẻ ngu bị nã hại,*

*Chi phối cả hai đường,
Không thấy được như thật.*

*663. Những ai giữa khổ lạc,
Người **đet** không chi phối,
Đứng vững như cột cửa,
Không hân hoan, chán chường.*

*664. Đối với **được** hay **mất**,
Vớ danh, vớ không danh,
Đối với **chê** hay **khen**,
Vớ khổ hay vớ lạc.*

*665. Chúng tôi dính chỗ nào,
Nư giọt nước trên sen,
Bạc anh hùng mọi chỗ,
Được lạc, không bị bại.*

*666. Người đúng pháp không được,
Người được, không đúng pháp,
Đúng pháp nhưng **không** được,
Hơn **được** không đúng pháp.*

*667. Người có danh, ít trí,
Người có trí, không danh,
Không danh, nhưng có trí,
Hơn ít trí, có danh.*

668. Được khen bởi kẻ ngu,
Bị chê bởi kẻ trí,
Được kẻ trí **chê** bai,
Hơn được người ngu **khen**.

669. Lạc do dục đem lại,
Khổ do viển ly sanh,
Khổ do viển ly sanh,
Hơn **lạc do dục** sanh.

670. Làm phi pháp để sống,
Làm đúng pháp, có chết,
Làm **đúng** pháp, có **chết**,
Hơn **sống, làm phi pháp**.

671. Ai đoạn dục, phần nộ,
Tâm tịnh hữu, phi hữu,
Sống ở đời, không ái,
Không thương yêu ghét bỏ.

672. Sau khi tu **Giác chi,**
Các căn và các lực,
Đạt tịch tịnh tối thắng,
Chứng Niết-bàn vô lậu.

144 Bấy giác chi - Trưởng lão Gotama - Kinh Gotama – Tiểu III, 331

Gotama – Tiểu III, 331 (239)

Sanh ở Sàvatthi trước khi đức Phật ra đời, trong một gia đình Bà-la-môn từ Udicca. Ngài lớn lên, rất giỏi các tập Vệ đà và **là một vị hùng biện vô địch.**

Rồi Thế Tôn ra đời, chuyên bánh xe pháp sau khi hóa độ Yasa với các người bạn, đã đi đến Sàvatthi theo lời mời khẩn thiết của Anàthapindika (Cấp-cô-độc), Bà-la-môn Gotama thấy Thế Tôn, nghe pháp và xin xuất gia. Theo chỉ giáo của bậc Đạo Sư, ngài được một Tỷ-kheo độ cho xuất gia, và được **chứng quả A-la-hán trong khi đang cạo tóc.**

Sau khi sống một thời gian dài ở nước Kosala, ngài trở về Sàvatthi. Nhiều bà con của ngài, một số Bà-la-môn nổi tiếng đến viếng ngài và hỏi ngài những giáo lý chỉ đạo nào là phổ thông mà ngài nghĩ là cần phải thực hành. Ngài nói với họ như sau:

*587. **Hãy biết hạnh phúc mình,
Quan sát lời nghe giảng,
Đây cái gì thích hợp,
Sa-môn hạnh mình theo.***

588. *Bạn kẻ thiện trong đạo,
Hành học pháp rộng lớn,
Khéo nghe bậc Đạo Sư,
Đây hợp Sa-môn hạnh.*

589. *Với tâm kính chư Phật,
Trọng Chánh pháp như thật,
Và mến quý chư Tăng,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

590. *Giữ uy nghi, đi lại,
Mạng sống tịnh, không chê,
Tư tưởng khéo ổn định,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

591. *Điều làm hay không làm,
Uy nghi được ái kính,
An trú tăng thượng tâm,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

592. *Sàng tọa tại rừng núi,
Xa vắng ít ồn ào,
Thân cận bậc Mâu-ni,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

593. *Giới hạnh và học nhiều,*

*Như thật nghiên cứu pháp,
Thiền quán những sự thật,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

594. *Tu quán trên vô thường,
Tưởng vô ngã, bất tịnh,
Không ưa thích tục sự,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

595. *Tu tập các Giác chi,
Thần túc, căn và lực,
Tu Chánh đạo Tám ngành,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

596. *Mâu-ni bỏ khát ái,
Đập tan gốc lậu hoặc,
Hãy an trú giải thoát,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

Như vậy, ngài tán thán các hạnh thích hợp với đời sống một ẩn sĩ, đề cao khả năng của Tăng chúng, và chỉ rõ sự bất lực của một ẩn sĩ không theo Chánh pháp.

Rồi các Bà-la-môn ấy hoàn toàn chấp nhận giới luật, được an trú trong Chánh pháp.

145 Bấy giác chi - Trưởng lão Nhàlaka Muni - Kinh Nhàlaka Muni – Tiểu III, 275

Nhàlaka Muni – Tiểu III, 275 (220)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong gia tộc Bà-la-môn, được giáo dục trong văn chương Vệ-đà, ngài được biết là vị đã đậu cấp bậc Nhàlaka (cấp bậc tắm rửa). Trở thành một **ẩn sĩ**, ngài sống trong một khu rừng cách xa Vương Xá khoảng ba do-tuần, sống với lúa hoang và thờ lửa.

Đức Thế Tôn, thấy được điều kiện trở thành một vị A-la-hán chói sáng trong tâm ngài, như ánh sáng trong một cái ghè.

Thế Tôn đến tại am thất của ngài, ngài vui vẻ đón tiếp đức Phật, thỉnh đức Phật dùng cơm ngài nấu và như vậy ba ngày trôi qua. Ngày thứ tư, Thế Tôn nói: "**Ông hết sức yếu ớt, làm sao ông sống với đồ ăn như thế này?**". Rồi đức Phật giảng về **hạnh biết đủ và thuyết pháp cho ngài.** Và từ quả Dự Lưu ngài chứng quả A-la-hán.

Thế Tôn xác chứng quả vị của ngài và ra đi. Ngài vẫn ở tại chỗ cũ, nhưng rồi bị đau vì tê liệt. Bạc Đạo Sư lại đến thăm và hỏi ngài về sức khỏe:

435. Bị bệnh gió chi phổi,
Ông sống trong rừng sâu,
Chỗ khát thực hạn chế,
Thân gầy mòn ốm yếu.
Tỷ-kheo sẽ làm gì,
Với thân thể như vậy.

436. Thân con được tràn ngập,
Với hỷ lạc tỏa rộng,
Dầu có bị gầy ốm,
Con sẽ sống trong rừng.

437. Tu tập **Bảy giác chi,**
Năm căn và Năm lực,
Đầy đủ **thiền tế nhị,**
Con sống, không lậu hoặc.

438. Thoát khỏi các kết sử,
Tâm tịnh, không uế nhiễm,
Thường hằng, khéo quán sát,
Con sống không lậu hoặc.

439. Mọi lậu hoặc nội ngoại,
Trước có mặt trong con,
Tất cả bị chặt đứt,
Không dư, không khởi nữa.

440. **Năm uẩn** được liễu tri,
Chúng đứng, rễ chặt đứt,
Khổ diệt đã đạt được,
Nay không còn tái sanh.

146 Bấy giác chi - Trưởng lão Tàlaputta - Kinh Tàlaputta – Tiểu III, 479

Tàlaputta – *Tiểu III*, 479 (262)

Trong thời gian đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình kịch sĩ, trở thành thiện xảo trong nghề diễn kịch thích hợp với người trong gia tộc và trở thành lừng danh khắp Ấn Độ, như nhà lãnh đạo một ban hát với năm trăm nữ nhân, với sự huy hoàng của nghề kịch, ngài dự các lễ ở làng, ở thị trấn, ở cung điện vua, và rất được sủng ái và danh tiếng.

Khi ngài trình diễn ở Ràjagaha với nhiều thành công, ngài đến yết kiến đức Phật và hỏi có phải một kịch sĩ khi trên sân khấu giả danh sự thật, làm cho khán giả ưa thích, vui cười, người ấy sau khi chết được sanh vào *chư Thiên hay cười*.

Đức Phật ban đầu không trả lời. Đến khi hỏi lần thứ tư, đức Phật trả lời những ai khiến cho con người thiên về tình dục, tiêu cực, tâm tư hoang mang khiến người ta mất nhiệt tình, người như vậy sau khi chết sẽ sinh vào địa ngục. Nhưng nếu có tà kiến thời bị sanh vào địa ngục và súc sanh. Tàlaputta khóc không phải vì đức Phật nói chỗ tái sanh, chỉ vì bị các kịch

sĩ xưa lừa dối nói rằng kịch sĩ sẽ được sanh trong một đời sống hạnh phúc.

Rồi Tàlaputta nghe lời đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời tu tập, chứng quả A-la-hán.

Rồi nêu rõ với nhiều chi tiết, như thế nào ngài chế ngự và làm cho trong sạch tâm tư, đi đến chỗ giác ngộ thâm sâu, ngài nói lên những câu kệ như sau:

I

*1092. Khi nào ta sẽ đến,
Một mình, không có hai,
Ở trong những hang động,
Của các loại núi rừng,
Ta quán mọi sanh hữu,
Tất cả là vô thường,
Nay ta là như vậy,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1093. Khi nào ta sẽ là,
Ẩn sĩ mang y vá,
Mang y vải màu vàng,
Không của ta, không ái,
Đoạn trừ, diệt **tham** tâm,
Đoạn luôn cả **sân**, **si**,*

*Ta đi đến khu rừng,
Sẽ trú trong an lạc.*

1094. *Khi nào ta thấy được,
Thân này là vô thường,
Bị chết già áp bức,
Ổ giết chóc, bệnh tật
Ta sẽ trú trong rừng,
Một mình, quán vô úy
Khi nào sẽ là vậy?*

1095. *Khi nào ta sẽ lấy,
Gương sắc bén trí tuệ,
Chặt dây leo khát **ái**,
Với nhiều dây chằng chặt,
Sanh khởi lên sợ hãi,
Mang đến sự khổ đau.
Khi nào sẽ là vậy?*

1096. *Khi nào ta sẽ là,
Có sức mạnh rút gương,
Gương do tuệ tạo thành,
Là lửa sáng ẩn sĩ,
Với sức mạnh đập tan,
Ác ma với Ma quân,
Trên chỗ ngồi sư tử,
Khi nào sẽ là vậy?*

1097. Khi nào ta sẽ được,
Hội tụ với bậc thiện,
Được thấy giữa các vị,
Đảm nhận các trọng pháp,
Tinh cần với các vị,
Thấy sự vật như thật,
Chiến thắng được các căn,
Khi nào sẽ là vậy?

1098. Khi nào nhác đói khát,
Gió, nóng, trùng bò sát,
Sẽ không nào hại ta,
Ở Gi-ri-bhaje,
Đang lo đến tự ngã,
Khi nào sẽ là vậy?

1099. Khi nào ta có thể,
Chánh niệm, ngã định tĩnh,
Hiểu được với trí tuệ,
Bốn sự thật khéo giảng,
Bởi bậc Đại ẩn sĩ,
Khi nào sẽ là vậy?

1100. Khi nào ta sẽ chuyên,
Chú tâm vào an chỉ,
Thấy được với trí tuệ,

*Sắc, thanh, hương, vị, xúc,
Các pháp vô thường này,
Như lửa cháy hừng đỏ,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1101. Khi nào ta **bị** nói,
Với lời nói thô ác,
Không vì lý do ấy,
Tâm trí bị thất vọng.
Khi được lời tán thán,
Không vì lý do ấy,
Tâm tư được thỏa mãn.
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1102. Khi nào nhiều như củi,
Cỏ, cây leo, thân cây,
Ta cân nhắc bình đẳng,
Những pháp vô lượng này,
Nội pháp và ngoại pháp,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1103. Khi nào mây đem mưa,
Với nước mới trong rừng,
Làm ướt y áo ta,
Ta đi trên đường ướt,
Con đường ẩn sẽ đi.
Khi nào sẽ là vậy?*

1104. Khi nào nghe trong rừng,
Tiếng kêu của loài chim,
Chim công, có mào đầu.
Trong hang động núi rùng,
Ta an trú suy tư,
Để đạt quả bất tử,
Khi nào ta sẽ vậy?

1105. Khi nào với thần thông,
Ta có thể vượt qua,
Không chìm, không sợ hãi,
Sông Hằng, Yamunà,
Sông Sarasvati,
Với cửa sông hải hùng,
Với nước ào vực sâu,
Khi nào sẽ là vậy?

1106. Khi nào, như con voi,
Trên chiến trường tấn công,
Ta sẽ phá tan tàn,
Lòng dục đối dục cảnh,
Chuyên chú trong thiền định,
Từ bỏ mọi tịnh tướng,
Khi nào sẽ là vậy?

1107. Khi nào như người nghèo,

*Mắc nợ chưa trả được,
Bị kẻ giàu thúc bách,
Tìm ra được của chôn,
Ta sẽ được thoải mái,
Họ được lời giảng dạy,
Của vị Đại ân sĩ,
Khi nào sẽ được vậy?*

II

*1108. Nhiều năm ta được người,
Yêu cầu làm như sau:
Như vậy là vừa rồi,
Người sống đời gia đình,
Nay ta đã xuất gia,
Do vậy, **hồi này tâm**,
Do vì lý do gì,
Người không có chuyên tâm?*

*1109. Nay tâm, phải chăng người,
Yêu cầu ta như sau:
Tại Giribbaje
Loài chim có lông sáng,
Đón chào với tiếng kêu,
Sấm của Đại In-da.
Hãy làm vị ấy vui,
Đang tu thiền trong rừng.*

1110. Trong gia đình, bạn bè,
Người yêu và bà con,
Các du hí ở đời,
Các đối tượng của dục,
Tất cả đều từ bỏ,
Ta chấp nhận thế này.
Hỡi này tâm, người không,
Bằng lòng với ta chăng?

1111. Việc này chỉ vì ta,
Đây không vì người khác,
Khi đến thời vũ trang,
Sao lại còn than khóc?
Thế giới này toàn động,
Chờ đợi là như vậy.
Nên ta đã ra đi,
Tìm cầu đạo bất tử.

1112. Vị nói điều khó nói,
Tối thượng loài hai chân,
Bậc Y vương vĩ đại,
Đánh xe điều ngự người,
Với tâm không tham dục,
Ngài khéo chế ngự được,
Người khó lòng chế ngự,
Chế ngự được tâm người,

Vọng động như con vượn.

1113. Các **dục** có nhiều vẻ.

*Dịu ngọt, rất khả ý,
Ở đây, hàng phàm phu,
Vô trí, bị trói buộc.*

*Họ muốn chịu đau khổ,
Khi họ tìm tái sanh,
Đắt dẫn bởi tâm họ,
Họ chết trong địa ngục.*

1114. Trong khu rừng vang lên,

Tiếng chim công, chim cò,

Chỗ trú xứ ưu tiên,

Của loài beo, loài cọp,

Ngươi sống tại chỗ ấy,

Chớ chờ đợi về thân,

Chớ có quá đam mê,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1115. **Hãy tu thiền, Căn, Lực,**

Hãy tu Định Giác chi,

Hãy giác chứng Ba Minh,

Trong lời dạy đức Phật,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1116. **Hãy tu tập con đường,**
Để đạt được bất tử,
Đường đưa đến thể nhập,
Chỗ đoạn diệt mọi khổ.
Con đường có **Tám ngành,**
Rửa sạch mọi uế nhiễm.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1117. **Hãy như lý quán sát,**
Các uẩn là đau khổ,
Hãy từ bỏ xa người,
Những nguyên nhân đau khổ.
Ngay trong thời hiện tại,
Hãy chấm dứt đau khổ,
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1118. **Hãy như lý tuệ quán,**
Là vô thường, là khổ,
Là không, là vô ngã,
Là tà ác, sát hại,
Hãy chế ngự tâm người,
Chớ để nó chạy loạn.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1119. Trọc đầu và xấu sắc,
Đi đến bị nguyên rửa,
Khi khát thực gia đình,
Tay cầm hình đầu lâu,
Nay người có chủ tâm,
Vào lời dạy Bốn Sư,
Vào lời Đại ẩn sĩ,
Này tâm, hãy khích lệ
Hãy khuyên ta như trước.

1120. **Hãy đi trên con đường,**
Tự ngã khéo chế ngự,
Giữa các nhà, tâm ý,
Không ái luyến các dục,
Nhu trắng vào tháng tròn,
Không có bọt mây mù.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1121. **Hãy sống trong rừng núi,**
Ăn đồ ăn khát thực,
Sống tại chỗ nghỉ địa,
Mặc y lượm đồng rác.
Chỉ có ngồi, không nằm,
Luôn vui hạnh Đầu-đà,
Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1122. *Như người đã trồng cây,
Liên tìm cho được trái,
Nay người ước muốn trái,
Há chặt rễ cây sao?
Này tâm, thật giống như,
Ví dụ người đã làm,
Khi người khích lệ ta,
Trong vô thường dao động.*

1123. *Người, vô sắc, cô độc,
Kẻ lữ hành từ xa,
Nay ta sẽ không làm,
Theo lời nói của người.
Các dục là khổ đau,
Cay đắng, sợ hãi lớn,
Tâm hướng vọng Niết-bàn,
Ta sẽ bước, đi tới.*

1124. *Ta đi tới xuất gia,
Không phải vì bất hạnh,
Không đùa vô liêm sỉ,
Không vì duyên tâm hứng,
Không bị đày đi xa,
Không vì nhân mạng sống,
Khi ta đã bằng lòng,*

*Này **tâm**, đối với người.*

1125. *Ít **dục** được tán dương,
Bởi những bậc chân nhân,
Kể cả đoạn giả dối,
Và an tịnh đau khổ.
Như vậy, hồi này **tâm**,
Khi người khích lệ ta,
**Còn nay người đi ngược,
Điều người trước quen làm.***

1126. *Khát ái và vô minh,
Đáng thương và đáng ghét,
Sắc đẹp và lạc thọ,
Dục trưởng dưỡng hấp dẫn,
Tất cả đã quăng bỏ,
Ta không có cố gắng,
Đi đến một lần nữa,
Những đồ đã quăng bỏ.*

1127. *Này **tâm**, khắp mọi nơi,
Ta làm theo lời người,
Trải qua nhiều đời sống,
Người không tức giận ta,
**Và thân nội sanh này,
Là lòng người biết ơn!
Trên đường luân hồi dài,***

Khổ do chính người tạo.

***1128. Nay tâm, chính người làm,
Tác thành con người ta,
Chính người làm, ta thành,
Thành một Bà-la-môn,
Thành vua chúa hoàng tộc,
Một ngày là người buôn,
Ngày kia thành nô tỳ,
Hoặc thành loại chư Thiên.
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.***

***1129. Chính do nhân nhà người,
Chúng ta thành Tu-la,
Chính do người tác thành,
Ta rơi đáy địa ngục;
Một thời thành súc sanh,
Một thời thành ngựa quý,
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.***

***1130. Người sẽ không lừa ta,
Nhiều lần, nhiều thời nữa,
Như những người phù thủy,
Bày các trò ảo thuật,
Người chơi lừa phỉnh ta,***

*Như chơi với người điên,
Này tâm, hãy nói ta,
Chỗ nào ta lỗi lầm.*

*1131. Trước tâm này lang thang,
Chạy chỗ này chỗ khác,
Chạy chỗ nó ưa thích,
Chạy chỗ nó vui sướng,
Nay ta chế ngự tâm,
Với như lý tư duy,
Như câu móc chế ngự,
Nhiếp phục con voi rừng.*

*1132. Với ta, bậc Đạo Sư,
Xác định đời vô thường,
Đời không có trường cửu,
Đời không có kiên thực.
Này tâm, hãy đẩy ta,
Nhảy vào lời Phật dạy,
Khiến ta vượt bực lưu,
Rất khó được vượt qua.*

*1133. Ta nay đã xuất gia,
Trong pháp Đại ẩn sĩ,
Những người giống như ta,
Không chấp nhận tổn thất.*

1134. Rừng, biển, sông, đất liền,
Bốn phương, phụ trên dưới,
Tất cả là vô thường,
Ba hữu là hoạn nạn,
Này tâm, hãy đi đâu?
Ngươi sẽ hưởng an lạc.

1135. Kìa, kìa, hỡi này **tâm**,
Đích ta thật vững chắc,
Ngươi sẽ làm được gì,
Khiến ta phải quay lại,
Này tâm, ta đâu còn,
Tùy thuộc thế lực ngươi,
Không ai chịu xúc chạm,
Cái bị có hại miệng,
Góm ghiếc thay cái vật,
Đây chín dòng chảy nước.

1136. Ôi, ngươi sẽ ưa sống,
Trên đỉnh sườn núi cao,
Chỗ ở đàn heo nai,
Hay cảnh đẹp thiên nhiên,
Hay trong núi rừng sâu,
Thấm mát mưa nước mới,
Tại đây ngươi sẽ thích,
Ngươi lấy hang làm nhà.

1137. Loài chim lông cổ đẹp,
Với mào đẹp, cánh đẹp,
Với lông nhiều màu sắc,
Đón chào tiếng sấm vang,
Với tiếng kêu dịu ngọt,
Chúng sẽ làm người thích,
Người tu tập thiền định,
Trong núi rừng thâm sâu.

1138. Khi trời đổ mưa xuống,
Trên đám cỏ bốn phân,
Và trong rừng nở hoa.
Với đầu hoa như mây,
Giữa rừng, ta sẽ nằm,
Chẳng khác gì khúc cây,
Đối ta, rất mềm dịu,
Thật giống như giường bông.

1139. Như vậy, ta sẽ làm,
Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Như thợ da không nhác,
Khéo làm cho nhuần nhuyễn,
Cái bị bằng da mèo.

1140. Như vậy ta sẽ làm,

Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Tinh tấn ta dân người,
Roi vào thể lực ta.
Như voi say bị nài,
Khéo dùng móc chế ngự.

1141. **Với người khéo nhiếp phục,**
Khéo an trú vững vàng,
Như người huấn luyện **ngựa**,
Với con ngựa thuần thực,
Ta có thể dẫn bước,
Trên con đường an lành,
Con đường được những vị,
Hộ trì tâm thường dùng.

1142. **Ta sẽ trói chặt người,**
Vào đối tượng cần thiết,
Như con voi bị dây,
Trói chặt vào cây cột.
Ta khéo hộ trì người,
Khéo luyện với chánh niệm.
Nhờ vậy, người sẽ thành,
Không dựa mọi sanh hữu.

1143. Với **tuệ**, chặt tà đạo,

Với **lực**, chặn, hướng chánh,
Thấy tập khởi, diệt sanh,
Người sẽ là thừa tự,
Bậc phát ngôn tối thượng.

1144. Nay tâm, người dẫn ta,
Đến **ngôi làng thô lỗ**,
Khiến trú vào thế lực,
Của **bốn tướng điên đảo**,
Hãy đến, theo vị ấy,
Vị chặt đứt kiết sử,
Bậc có tâm đại bi,
Bậc Mâu-ni vĩ đại.

1145. Như loài thú tự do,
Trong ngôi rừng đẹp đẽ.
Người vào núi xinh đẹp,
Có mây làm vòng hoa,
Tại đây, không có người,
Trong rừng người sẽ thích,
Nay tâm, chắc chắn vậy,
Người sẽ đến bờ kia.

1146. **Những ai còn rơi vào,**
Thế lực ý muốn người,
Nam nhân và nữ nhân,
Hưởng an lạc người cho,

*Không trí, bị rơi vào,
Trong thế lực Ác-ma.*

*Ai ưa thích sanh hữu,
Sẽ là thuộc hạ người,
Hồi này tâm của ta.*

147 Bấy giác chi - Trưởng lão ni - Kinh Jentì hay Jentà – Tiểu III, 555

Jentì hay Jentà – *Tiểu III*, 555 (20)

Câu chuyện về đời sống quá khứ, về hiện tại của nàng giống như câu chuyện của Nandà đẹp. Nhưng nàng sanh ở Vesàli, tại một gia đình hoàng tộc Licchavi. Nàng chứng quả A-la-hán khi nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp.

Và khi suy nghĩ đến sự biến đổi, trên tự thân, nàng sung sướng nói lên bài kệ này:

21. Chính **Bấy giác chi** này,
Là đường đạt Niết-bàn,
Tất cả, ta tu tập,
Như lời đức Phật dạy.

22. *Ta thấy được Thế Tôn,*
Đây thân tụ cuối cùng,
Vòng sanh tử đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.

148 Bấy giác chi - Trưởng lão ni - Kinh Vijjaya – Tiểu III, 624

Vijjaya – Tiểu III, 624 (57)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở Ràjagaha (Vương Xá) trong một gia đình thường dân, khi lớn lên nàng trở thành **bạn của Khemà**, đưa nàng trở thành Trưởng lão Ni, khi ấy còn là nữ cư sĩ.

Khi nghe Khemà xuất gia, nàng nói: "**Khemà là hoàng hậu còn xuất gia được, huống nữa là ta**". Nàng đi đến Khemà, và Khemà biết tâm nguyện căn cơ của nàng nên thuyết pháp, **khiến nàng suy tư đến sanh lão bệnh tử và tìm được an ổn trong đạo pháp.**

Rồi Khemà cho nàng xuất gia, nàng hầu hạ, học hỏi làm tròn bốn phận của mình, tu tập **thiền quán** và khi trí tuệ thuần, nàng chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ.

Rồi suy tư trên quả chứng của mình nàng nói lên sự sung sướng phần khởi của nàng:

*169. Bốn lần và năm lần,
Ta ra khỏi tình xá,
Tâm không được an tịnh,
Không chế ngự được tâm.*

170. Ta đến Tỳ-kheo-ni,
Ta hỏi, đàm luận pháp,
Nàng thuyết pháp cho ta,
Về **giới** và về **xứ**.

171. **Bốn sự thật bậc Thánh,**
Về **các căn, các lực,**
Giác chi, Tám đường chánh,
Đạt đạo tối thượng nghĩa.

172. **Nghe lời vị ấy dạy,**
Ta làm theo giáo huấn,
Trong đêm canh thứ nhất,
Ta nhớ đến đời trước.

173. Trong đêm canh chạng giữa,
Thiên nhãn được thanh tịnh,
Trong đêm canh cuối cùng,
Khởi si ám tan tàn.

174. Từ đây ta được sống,
Biến mãn thân hỷ lạc,
Đêm thứ bảy, duỗi chân,
Khởi si ám tan tàn.

149 Bấy giác chi - Trưởng lão ni Uttarà - Kinh Một Uttarà Khác – Tiểu III, 567

Một Uttarà Khác – *Tiểu III* 567 (31)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh vào gia đình Bà-la-môn có danh tiếng ở Kosala. Đến tuổi trưởng thành khi đang đi ở làng quê, nàng nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, nàng xuất gia, chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ.

Suy tư trên quả chứng, nàng nói lên bài kệ:

45. **Bấy pháp Giác chi** này,
Con đường đạt Niết-bàn,
Tất cả ta tu tập,
Như lời đức Phật dạy.

46. **Do quán không, vô tướng,**
Ta đạt quả mong muốn,
Ta thành con gái Phật,
Sanh ra từ miệng Ngài,
Luôn luôn ta hoan hỷ.

47. Trong an lạc Niết-bàn,
Mọi dục được đoạn diệt,

*Dục trời và dục người,
Vòng sanh hữu đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.*

150 Bấy giác chi - Vị toàn hảo - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 428

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 428 (Tik. V,8) (It. 96)

Này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo, có **giới** tốt lành, có **pháp** tốt lành, có **tuệ** tốt lành được gọi trong Pháp và Luật này là **vị toàn hảo**.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là **Giới** tốt lành?

Ở đây này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo **giữ giới**, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Patimokkha, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vị Tỷ-kheo có giới tốt lành.

Và thế nào là có **Pháp** tốt lành?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo sống chuyên tâm chuyên chú tu tập **Bấy pháp giác chi**. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vị có pháp tốt lành. Như vậy là giới tốt lành và pháp tốt lành.

Và thế nào là **Tuệ** tốt lành?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo do **diệt trừ các lậu hoặc**, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí

chúng ngộ chúng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vị Tỷ-kheo có tuệ tốt lành.

Như vậy, một người có giới tốt lành, có pháp tốt lành, có tuệ tốt lành được gọi trong Pháp và Luật là vị toàn hảo.

*Ai với thân, với lời,
Với ý, không làm ác,
Vị ấy **giới** tốt lành,
Được gọi là Tỷ-kheo,
Có được lòng xấu hổ.*

*Ai, pháp khéo tu tập,
Những pháp giúp đạt đến,
Chứng được quả Bồ-đề,
Vị ấy **pháp** tốt lành,
Được gọi là Tỷ-kheo,
Không có **dục** trào ra.*

*Ai quán tri đau khổ,
Ở đây, diệt trừ khổ,
Vị ấy **tuệ** tốt lành,
Được gọi là Tỷ-kheo.
Không có các lậu hoặc.*

*Đầy đủ những pháp ấy,
Thoát khỏi sự phiền muộn,
Chặt đứt mọi nghi ngờ,*

*Không luyến ái tham đắm,
Mọi sự vật ở đời,
Vị ấy được xưng gọi,
Vị đoạn tận tất cả.*

151 Bấy ngày chứng quả - Kinh Anopana – Tiểu III, 618

Anopana – Tiểu III, 618 (54)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở Sàketa, trong gia đình vị thủ kho Majjha. Vì nàng rất đẹp, nàng được tên là *Anopana* (không ai sánh nổi).

Khi nàng đến tuổi trưởng thành, nhiều con nhà giàu, các quan chức nhà vua, các hoàng tử, cử các sứ giả đến xin cưới nàng. Nghe tin vậy, nàng có tâm nguyện khác, nàng muốn sống đời sống không có gì hết. Nên nàng tìm đến bậc Đạo Sư nghe ngài thuyết pháp, nhờ trí tuệ chín muồi, nhờ nhớ đến lời dạy, nhờ nhiệt tâm **thiền quán**, nàng **chứng được quả thứ ba**, quả Bất lai. Xin phép bậc Đạo Sư cho xuất gia, nàng được nhận làm Tỷ-kheo-ni. Và đến ngày thứ bảy, nàng **chứng được quả A-la-hán**.

Suy tư trên quả chứng, nàng sung sướng nói lên sự phấn khởi của mình:

151. *Sanh gia đình cao quý,
Nhiều châu báu, tài sản,
Đầy đủ dung sắc đẹp,
Con gái cung Majjha.*

152. Được con vua cầu hôn,
Con phú gia xin cưới,
Sứ giả đến cha ta,
Cho tôi Anopham.

153. Công chúa con gái ngài,
Cân nặng như thế nào,
Tôi sẽ tặng tám lần,
Bằng vàng ròng châu báu.

154. Ta thấy đáng Giác ngộ,
Bạc Thế Tôn vô thượng,
Ta đánh lễ chân Ngài,
Đến gần, ngồi một bên.

155. Thương ta, Gotama,
Ngài thuyết pháp cho ta.
**Ngay tại chỗ ngồi ấy,
Ta chứng quả thứ ba.**

156. Rồi ta cạo bỏ tóc,
Xuất gia, sống không nhà,
**Hôm nay, đêm thứ bảy,
Khát ái được gột sạch.**

152 Bấy ngày xuất gia chứng quả - Kinh Bàkula – Tiểu III, 192

Bàkula – Tiểu III, 192 (172)

Ngài sanh ở Kosambi, trong một gia đình có chức vụ, trước khi bậc Đạo Sư sanh ra, và ngài được đem đi tắm ở sông Yamunà để được sức khỏe, và một con cá nuốt ngài trong tay người vú.

Con cá bị người câu cá bắt được và đem bán cho vợ một vị chức sắc khác ở Ba-la-nại. Khi con cá bị mổ ra, đứa con nít nhờ phước nghiệp đời trước, nên còn sống không bị thương tích.

Vợ vị chức sắc thương ngài như con đẻ, và khi bà nghe được câu chuyện của ngài, và hỏi về cha mẹ. Vua trong nước quyết định cho ngài thuộc quyền sở hữu của hai gia đình, và do vậy ngài được tên là Bàkula (hai gia đình).

Sau một đời sống giàu sang, ngài nghe đức Bôn Su thuyết pháp, xuất gia khi tám mươi tuổi. Trong bảy ngày, ngài chưa được giấc ngủ, nhưng ngày thứ tám, ngài chứng được quả A-la-hán, thông hiểu nghĩa, thông hiểu pháp.

Một hôm, khi ấn chứng vị trí tu hành cho các vị đệ tử, bậc Đạo Sư ấn chứng cho ngài là **vị đệ tử có sức**

khỏe độ nhất. Về sau, khi sắp sửa mệnh chung ngài nói lên chánh trí của ngài giữa hội chúng Tỷ-kheo như sau:

225. Với ai những công việc,
Cần phải làm từ trước,
Về sau, vị ấy mới,
Có ý định muốn làm.
Vị ấy tự phá hoại,
Căn cứ địa an lạc,
Về sau, chịu khổ đau,
Trong nung nấu hối tiếc.

226. *Hãy nói điều có làm,
Không nói điều không làm,
Bậc Hiền trí rõ biết,
Người chỉ nói, không làm.*

227. Niết-bàn nhiệm màu lạc,
Bậc Chánh Giác thuyết giảng,
Không sâu muộn, ly tham,
Thật sự là an ổn,
Tại đây, sự đau khổ,
Được đoạn diệt hoàn toàn.

153 Bấy ngày xuất gia chứng quả - Kinh Sela – Tiểu III, 399

Sela – Tiểu III, 399 (253)

Được sanh trong thời đức Phật hiện tại ở Anguttaràpa, trong một gia đình Bà-la-môn, tại một làng Bà-la-môn ở Apana, ngài được đặt tên là *Sela*.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài sống ở đây, rất giỏi về ba tập Vệ-đà và về nghệ thuật Bà-la-môn, dạy các **Mantrà (thần chú)** cho ba trăm thanh niên Bà-la-môn.

Trong khi ấy Thế Tôn rời bỏ Sàvatthi, đang du hành ở Anguttaràpa với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỷ-kheo. Biết được **tám tánh thuần thực của Sela** và các đệ tử của ngài, đức Phật dừng lại tại một khu rừng. Rồi *ẩn sĩ Keniya*, sau khi mời bậc Đạo Sư với chúng Tỷ-kheo dùng cơm vào ngày sau, đang sửa soạn rất nhiều món đồ ăn.

Rồi Sela với ba trăm đệ tử đến thăm am thất và hỏi có phải Keniya đang sửa soạn để đón mừng vị Đại thần của vua. Khi Keniya trả lời là sửa soạn thức ăn để mời đức Phật, **Sela cảm thấy hết sức xúc cảm với chữ đức Phật**, đi đến gặp ngay đức Phật với các thanh niên đệ tử của mình. Sau khi nói lên những lời chào

đón hỏi thăm, ngài chiêm ngưỡng các tướng tốt đức Phật và nghĩ rằng: "*Một vị có những tướng tốt như vậy, một là sẽ thành vị Chuyển luân Thánh vương, hai là sẽ thành Phật*". Một vị Phật khi nghe tán thán về mình sẽ lộ rõ chân tướng Phật của mình. Còn nếu chưa thành Phật, khi nghe tán thán về đức Phật sẽ cảm thấy khó chịu và bất mãn. Ngài quyết định nói lên lời tán thán đức Phật như sau:

818. **Thân** tròn đủ, chói sáng,
Khéo sanh và đẹp đẽ,
Thế Tôn **sắc vàng chói**,
Răng trơn láng, tinh cần.

819. Đối với người khéo sanh,
Những tướng tốt trang trọng,
Đều có trên thân Ngài,
Tất cả Đại nhân tướng.

820. **Mắt** sáng, mặt tràn đầy,
Cân đối, thẳng, hoàn mỹ,
Giữa chúng Sa-môn Tăng,
Ngài chói như mặt trời.

821. Vị Tỷ-kheo đẹp mắt,
Da sáng như vàng chói,
Với hạnh Sa-môn Ngài,

Cần gì sắc tối thượng.

822. Ngài xứng bậc Đại vương,
Chuyển luân, xa luân chủ,
Chiến thắng khắp bốn phương,
Bậc chúa tể Diêm phù.

823. Vương tộc, hào phú vương,
Là chư hầu của Ngài,
Là vua giữa các vua,
Là giáo chủ loài Người,
Hãy trị vì quốc độ,
Tôn giả Gotama!

Thế Tôn vâng theo ý muốn của Sela, trả lời:

824. Sela, *Ta là vua!*
Bậc Pháp vương, Vô thượng,
Ta chuyên bánh xe pháp,
Bánh xe chưa từng chuyển.

Phạm chí Sela nói:

825. Ngài tự nhận giác ngộ.
Bậc Pháp vương, Vô thượng,
Ta chuyên bánh xe pháp,
Gotama nói vậy.

826. *Ai sẽ là tướng quân?
Là đệ tử Tôn giả?
Ai theo giữ truyền thống,
Xứng đáng bậc Đạo Sư?
Sau Ngài, ai sẽ chuyển,
Pháp luân Ngài đã chuyển?*

Tôn giả Sàriputta đang ngồi bên phải Thế Tôn, đầu chói sáng đẹp đẽ như một đồng vàng. Thế Tôn chỉ Sàriputta và nói:

827. *Thế Tôn: Này Sela,
Ta chuyển bánh xe pháp,
Bánh xe pháp vô thượng,
Chính Sàriputta,
Chuyển bánh xe Chánh pháp,
Thừa tự Như Lai vị.*

828. *Cần biết, Ta đã biết,
Cần tu, Ta đã tu,
Cần đoạn, Ta đã đoạn,
Do vậy, Ta là Phật,
Hỡi này Bà-la-môn.*

829. *Còn gì nghi ở Ta,
Hãy gác bỏ một bên,
Hãy giải thoát khỏi chúng,
Hỡi này Bà-la-môn.*

830. Thấy được bậc Chánh Giác,
Thật thiên nan vạn nan,
Bậc Chánh Giác ra đời,
Thật thiên nan vạn nan,
Ta là bậc Chánh Giác,
Bậc Y vương Vô thượng,
Hồi này Bà-la-môn.

831. Là Phạm thiên khó sánh,
Nhiếp phục các Ma quân,
Hàng phục mọi đối nghịch,
Ta hân hoan không sợ.

Bà-la-môn Sela hoàn toàn tin tưởng vào Thế Tôn,
muốn xuất gia và thừa rằng:

832. Chư Tôn giả hãy nghe!
Như bậc có mắt giáng,
Bậc Y vương Đại hùng,
Sự rử rống trong rừng!

833. Thấy Phạm thiên vô tỷ,
Nhiếp phục các Ma quân,
Ai lại không tín thành,
Cho đến kẻ hạ tiện.

834. *Ai muốn, hãy theo ta,
Không muốn hãy đi ra,
Ở đây ta xuất gia,
Với bậc Tuệ tối thượng.*

Các thanh niên Bà-la-môn, vì đã đạt được những điều kiện cần thiết, trả lời:

835. *Nếu Tôn giả tín thành,
Giáo pháp bậc Chánh Giác,
Chúng con cũng xuất gia,
Với **bậc Tuệ tối thắng!***

Sela hoan hỷ thấy các thanh niên Bà-la-môn san sẻ chí nguyện của mình, đưa chúng đến trước mặt Thế Tôn và xin được xuất gia:

836. *Ba trăm Phạm chí ấy,
Chấp tay xin được phép,
Chúng con sống Phạm hạnh,
Do Thế Tôn lãnh đạo.*

Rồi Thế Tôn, thấy được Sela trong các đời quá khứ, Sela cũng đã dạy cho ba trăm đệ tử này trông các giống phước và nay trong đời cuối cùng, đã tạo được tuệ quán cho mình và cho các đệ tử, thấy rằng chúng đã thuận thực để xuất gia:

837. *Thế Tôn đáp: Sela,
Phạm hạnh được khéo giảng,
Thiết thực ngay hiện tại,
Vượt khỏi thời gian tính,
Ở đây sự xuất gia,
Không uổng công, hoang phí,
Với ai không phóng dật,
Tinh tấn chuyên tu học.*

Thế Tôn nói: "Hãy đến, Tỷ-kheo!" Rồi với thần lực của Bốn sư, tất cả đều có y và bình bát, đánh lễ đức Phật, **bắt đầu học thiền quán và chứng quả A-la-hán vào ngày thứ bảy.**

Rồi các vị ấy đến đức Phật, nói lên trí giác của mình, và Sela thưa:

838. *Kính bạch bậc Pháp nhân,
Cách đây trước tám ngày,
Chúng con đã đến Ngài,
Xin phát nguyện quy y,
Thế Tôn trong bảy đêm,
Đã nhiếp phục chúng con,
Đã chế ngự chúng con,
Trong giáo lý của Ngài.*

839. *Ngài là bậc Giác giả,
Ngài là bậc Đạo Sư,*

*Ngài là bậc Mâu-ni,
Đã chiến thắng quân ma,
Sau khi đã đoạn trừ,
Vượt qua biển sanh tử,
Ngài giúp quần sanh này,
Cùng vượt qua bể khổ.*

*840 Sanh y Ngài vượt qua,
Lậu hoặc Ngài nghiền nát,
Ngài là sư tử chúa,
Không chấp, không sợ hãi.*

*841. Ba trăm Tỷ-kheo này,
Đồng chấp tay đứng thẳng,
Ôi anh hùng chiến thắng,
Hãy duỗi chân bước tới,
**Hãy để các đại nhân,
Đảnh lễ bậc Đạo Sư.***

154 Bấy ngày xuất gia chứng quả - Kinh Sugandha – Tiểu III, 33

Sugandha – Tiểu III, 33 (24)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình giàu có ở Sàvatthi. Vì lời phát nguyện trong quá khứ, khi ngài sanh ra, hương thơm tỏa khắp nhà, do vậy được đặt tên là *Sugandha* (hương thơm).

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài được khuyến khích xuất gia, khi nghe Trưởng lão Mahà Sela thuyết pháp; sau **bấy ngày, ngài chứng quả A-la-hán**. Nói lên chánh trí của mình, ngài thuyết bài kệ này:

*24. Xuất gia, mùa mưa qua,
Thấy pháp tánh các pháp,
Ba mình chứng đạt được,
Làm xong lời Phật dạy.*

155 Bấy ngày xuất gia chứng quả - Kinh Sàriputta – Tiểu III, 444

Sàriputta – *Tiểu III*, 444 (259)

Đời của ngài và đời của Moggallàna gắn liền với nhau. Trong thời đức Phật tại thế, Sàriputta sanh tại thành Upatissa, không xa Vương Xá (Ràjagaha) bao nhiêu, mẹ là Rùpasàri. Còn Moggallàna sanh ở thành Kolita, không xa thành Vương Xá (Ràjagaha) bao nhiêu, mẹ là Moggali.

Vì cả hai là con của vị gia trưởng nên được đặt tên là **Upatissa** và **Kolita**. Cả hai đứa trẻ được nuôi dưỡng trong giàu sang và thiện xảo mọi khả năng.

Trong một hội chợ lớn ở Vương Xá (Ràjagaha) vì tâm tư thuần thực, cả hai đều thấy tất cả quần chúng tụ hội một trăm năm sau, sẽ bị thần chết mang đi, nên cả hai lo âu đi tìm **con đường giải thoát**.

Cả hai xuất gia dưới sự chỉ đạo của Sanjaya, hẹn nhau ai chứng quả bất tử trước, sẽ nói cho người kia biết. Dưới sự chỉ đạo của Sanjaya, cả hai không tìm được đạo giải thoát, và sau khi tìm hỏi các Sa-môn, Bà-la-môn gặp được Assajì và nhờ Assajì, gặp được Thế Tôn, cả hai đều xin xuất gia và được đức Phật độ cho làm Tỷ-kheo với câu: "Thiện lai Tỷ-kheo".

Chứng được quả Dự lưu nhờ Assajì tóm tắt câu kệ, **Moggallàna, bảy ngày** sau khi xuất gia, tại làng Kallavàla ở Magadha, sau khi nhiếp phục được hôn trầm thụy miên, nhờ lời Thế Tôn khích lệ, sau khi nghe lời dạy về tu các giới, chứng được quả A-la-hán. Còn **Sàriputta, nửa tháng** sau khi xuất gia khi ở cùng đức Bốn Sur tại hang Sukarakhata ở Vương Xá (Ràjagaha) cũng được chứng quả A-la-hán.

Về sau, tại Jetavana Thế Tôn xác chứng Sàriputta là đệ tử **đệ nhất về trí tuệ và thiền quán**.

Và Sàriputta sau khi được tôn làm **nguyên soái Chánh pháp**, một hôm nói lên chánh trí của mình, trước các đệ tử:

981. ***Ai tùy theo năng lực,
Có giới, tịnh, chánh niệm,
Không phóng dật hành trì,
Sở hành đúng tư duy,
Thích hướng nội, khéo định,
Đơn độc, biết tri túc,
Với sở hành như vậy,
Vị ấy gọi Tỷ-kheo.***

982. ***Ăn đồ ướt hay khô,
Không ăn quá thỏa mãn,
Bụng trống, ăn tiết độ,***

Tỷ-kheo trú chánh niệm.

983. Ăn bốn, năm miếng xong,
Rồi hãy uống nước uống,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.

984. Nhận lấy đồ hợp pháp,
Y áo đáp nhu cầu,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.

985. Khi ngồi thế kiết-già,
Đầu gối khỏi mưa ướt,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.

986. Ai xem lạc là khổ,
Ai xem khổ như tên,
Đứng chạng giữa cả hai,
Do đâu, đời nắm được?

987. Không cho ta ác dục,
Biếng nhác, tinh cần kém,
Ít nghe, không tín kính,
Do đâu, đời nắm được?

988. *Nghe* nhiều, có hiên **trí**,
Khéo **định** tĩnh trong **giới**,
Chuyên chú an **chỉ** tâm,
Hãy đứng lên trên đầu.

989. *Ai chuyên tâm hý luận,*
Như thú ưa hý luận,
Roi khỏi, trật Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

990. *Ai từ bỏ hý luận,*
Thích đạo phi hý luận,
Đi đến được Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

Rồi vị Trưởng lão, một hôm thấy được chỗ ở của người em **Revata** (XLII, CCXLIV) đang ở, một khu rừng không nước đầy gai góc, ngài tán thán người em và nói:

991. *Tại làng hay trong rừng,*
Thung lũng hay đồi cao,
Chỗ nào La-hán trú,
Đất ấy thật khả ái.

992. *Khả ái thay núi rừng,*
Chỗ người phạm không ưa,

*Vị ly tham sẽ thích,
Vị không tìm dục lạc.*

Rồi vị Trưởng lão, với lòng từ mẫn đối với **Ràdha** một Bà-la-môn bất hạnh, giúp Ràdha xuất gia tu hành. Về sau, khi đang du hành, ngài khích lệ Ràdha, bằng lòng với cử chỉ khiêm tốn của Ràdha:

*993. Như người chỉ của chôn,
Cũng vậy, người thấy lỗi,
Nói điều người trí trách,
Hãy gán người trí vậy.
Thân cận người như vậy,
Chỉ tốt hơn, không xấu.*

Một hôm, bậc Đạo Sư không đi đến để giải tán nhóm Tăng chúng của *Assaji-Runabbasu* được tổ chức ở đồi Kità. Sàriputta được cử đi cùng với Moggallàna và các đệ tử của mình. Khi lời khuyên của Sàriputta không được nghe theo, ngài nói như sau:

*994. Cần phải khuyên, phải dạy,
Phải ngăn chặn bất thiện,
Làm vậy, người thiện thương,
Người bất thiện không ưa.*

Khi các Tỷ-kheo nói rằng chính du sĩ Dìghanakha, được Thế Tôn giảng dạy, được sửa soạn bởi hành động quá khứ, có thể làm nhiệm vụ ấy, Sàriputta can thiệp, nói rằng không phải:

995. *Thế Tôn, bậc có mắt,
Thuyết pháp cho người khác,
Khi pháp được thuyết giảng,
Ta lắng tai nhiệt tình.*

996. *Ta nghe, không uống phí,
Giải thoát không lậu hoặc,
**Không cần biết đời trước,
Không cần được thiên nhãn.***

997. ***Ta không có phát nguyện,
Chứng được tha tâm thông,
Biết chúng sanh sống chết,
Hay nhĩ giới thanh tịnh.***

Ba câu kệ tiếp được nói lên về ngài, khi Sàriputta trú ở tinh xá hang bồ câu, không có bị thương khi bị quỷ Dạ-xoa đánh:

998. *Ngồi dưới một góc cây,
Đầu trọc, đắp đại y,
Trưởng lão **tuệ đệ nhất**,*

U-pa-tis tu thiền.

999. Đây đủ **thiền vô tâm**,
Đệ tử bậc Chánh giác,
Vội im lặng bậc Thánh,
Ngay lúc ấy, đạt được.

1000. Giống như ngọn núi đá,
Không động, khéo vững trú,
Cũng vậy, vị Tỷ-kheo,
Đã đoạn diệt si ám,
Vị ấy như ngọn núi,
Không có bị dao động.

Một hôm, bậc Trưởng lão **không chú tâm, để tâm y rơi xuống**. Một Sa-di nói: "*Thưa Tôn giả y cần phải đắp xung quanh thân mình*". Tôn giả tán thán lời nói của người Sa-di và đắp lại tâm y trên thân. Và nói lên điều lỗi của mình, ngài nói bài kệ:

1001. *Người không có uế nhiễm,
Luôn tâm cầu thanh tịnh,
**Ác nhẹ như đầu lông,
Xem nặng như mây trời.***

Rồi ngài nêu rõ sự xả ly của ngài đối với vấn đề sống chết.

1002. *Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

1003. *Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Như thợ làm việc xong.*

Rồi khi thuyết pháp, ngài nói lên những bài kệ:

1004. *Cả hai chết, không chết,
Sau đời hay trước đời,
Hãy dần thân tiến bước,
Chớ để hư, uổng phí,
Dầu một khắc, sát-na,
Chớ để uổng phí qua.*

1005. *Như ngôi thành biên địa,
Được bảo vệ trong ngoài,
Như vậy, hộ tự ngã,
Chớ để phí sát-na,
Sát-na qua, sáu muộn,
Chịu khổ trong địa ngục.*

Rồi một hôm, thấy **Tôn giả MahàKotthita**, ngài nói lên ba câu kệ, tán thán khả năng tốt đẹp của MahàKotthita.

1006. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,

Độc chú, không cống cao,

Quét sạch các ác pháp,

Như gió quét lá cây.

(Xem Kinh **Mahàkotthita** – **Tiểu III, 11**. Câu kệ "Độc chú, không cống cao", là chuyên chú tụng đọc cẩn thận, học hỏi cẩn thận, xem xét cẩn thận ý nghĩa của các pháp, hiểu biết ý nghĩa các pháp với tâm không cao ngạo, không cống cao),

(Tôn giả Mahàkotthita là vị rất giỏi về nghe và về pháp, ngài thường hỏi bậc Đạo Sư và các vị Đại Trưởng lão về hai vấn đề ấy và trở thành rất lão luyện thuần thục. Bậc Đạo Sư xác nhận ngài là bậc **thiền quán đệ nhất**.)

1007. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,

Độc chú, không cống cao,

Gạt ngoài các ác pháp,

Như gió quét lá cây.

1008. **Đạt tịch tịnh an lặng,**

Ý trong sáng không nhiễm,

**Bậc trì giới trọn lành,
Có thể dứt đau khổ.**

Câu kệ tiếp nói về các **Tỷ-kheo xứ Vajjì tin tưởng ở Devadatta** và chấp nhận giáo lý của Devadatta:

*1009. Có người không ai tin,
Tại gia hay xuất gia,
Những ai trước là tốt,
Về sau trở thành xấu,
Hoặc trước là người xấu.
Sau trở thành người tốt.*

*1010. Hạng Tỷ-kheo tham dục,
Sống hôn trầm thụy miên,
Trạo cử và nghi ngờ,
Tâm đủ năm phiền não.*

*1011. Với ai, đối cả hai,
Được trọng, không được trọng,
Thiền định, không dao động,
An trú không phóng dật.*

*1012. **Thiền tư** luôn kiên trì,
Tuệ quán, kiến tế nhị,
Ưu thích chấp thủ diệt,
Vị ấy gọi chân nhân.*

Để phân biệt sự sai khác, lấy Bốn Sư và mình làm thí dụ, ngài nói lên những bài kệ như sau:

1013. *Biển lớn và đất lớn,
Núi và các phương trời,
Không ví dụ sánh được,
Phật, giải thoát thù thắng.*

1014. *Trưởng lão chuyển pháp luân,
Bậc đại trí, thiên định,
Như đất, nước và lửa,
Không tham, không ghét bỏ.*

1015. *Đạt được tuệ tối thắng,
Đại giác, đại Mâu-ni,
Không chậm, tỏ chậm chạp,
Thường sống thật thanh lương.*

Để nêu rõ bốn phạm của ngài đã làm xong, ngài nói:

1016. *Ta hầu hạ Bốn Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

Và khi ngài sắp nhập Niết-bàn, ngài giảng dạy các Tỷ-kheo đang họp xung quanh ngài như sau:

*1017. **Tỉnh cần, chớ phóng dật,**
Đây lời giáo huấn ta!
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Ta thoát mọi sanh y.*

156 Bảy năm tu tập Từ tâm - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 312

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 312 (Ek III, 2) (It. 14)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Này các Tỷ-kheo, **chớ có sợ hãi các công đức. Này các Tỷ-kheo, công đức là đồng nghĩa với an lạc, cái gì khả lạc, khả hỷ, khả ái, khả ý, tức là công đức.***

Này các Tỷ-kheo, Ta thắng tri thọ hưởng quả dị thực, khả lạc, khả hỷ, khả ái, khả ý trong một thời gian dài của các công đức đã làm trong một thời gian dài.

- Sau khi **tu tập từ tâm trong bảy năm**, Ta đã không trở lui lại đời này trong bảy tăng kiếp và hoại kiếp.
- Trong thời kỳ kiếp tăng, Ta là chư Thiên Quang Âm.
- Trong thời kỳ kiếp giảm, Ta sanh trong lâu đài trống không ở Phạm Thiên. Tại đây Ta là Phạm Thiên, Đại Phạm Thiên bậc chinh phục, bậc không bị ai chinh phục, bậc nhìn thấy tất cả, bậc có quyền lực.

- Nay các Tỷ-kheo, ba mươi sáu lần Ta đã là Thiên chủ Đế Thích.
- Nhiều trăm lần, Ta đã làm vua, vị vua Chuyển Luân, trị vì đúng pháp, bậc Pháp vương, bậc chiến thắng bốn phương, bậc đã đạt được sự an ổn trong quốc độ, bậc đầy đủ bảy báu. Còn nói gì khi Ta là vị vua ở địa phương.

Này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: *"Quả này là do nghiệp nào Ta đã làm, là quả dị thực của nghiệp nào mà nay, Ta được đại thân lực như vậy, đại uy lực như vậy?"* Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: "Đây là quả ba nghiệp Ta đã làm, là quả dị thực của ba nghiệp, do vậy Ta nay được đại thân lực như vậy, đại uy lực như vậy. Tức là **bố thí, nhiếp phục, chế ngự**".

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Hãy để cho vị ấy,
Học tập về công đức,
Công đức là lạc căn,
Tối thượng trong tương lai,
**Hãy tu tập bố thí,
Sống nếp sống an tịnh,
Và tu tập từ tâm.**
Sau khi đã tu tập,
Các pháp này như vậy,*

*Tức là cả ba pháp,
Khiến an lạc sanh khởi,
Bậc Hiền trí được sanh
Trong thế giới an lạc,
Thế giới không sân hận.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

157 Bảy năm, ta bước theo, Chân theo chân Thế Tôn - Kinh Tinh Cần - Tiểu I, 600

Kinh Tinh Cần – Tiểu I, 600 (Sn 74)

Thế Tôn:

425. Bên sông Ni-liên-thuyền,
Ta tinh cần tinh tấn,
Cố gắng, Ta thiền định,
Đạt an ổn khổ ách.

426. Ác ma đến gần Ta,
Nói lên lời từ mẫn,
Ông ốm không dung sắc,
Ông đã gần chết rồi.

427. Cả ngàn phần, Ông chết,
Chỉ một phần còn sống,
Hãy sống, sống tốt hơn,
Sẽ làm các công đức.

428. Như Ông sống Phạm hạnh,
Hãy đốt lửa tế tự,
Hãy chất chứa công đức,

Ông tinh tấn làm gì?

429. *Khó thay, đường tinh tấn,
Khó làm, khó đạt được.
Ác ma đừng gần Phật,
Nói lên những kệ này.*

430. Thế Tôn đã đáp lại,
Lời Ác ma như sau:

*Bà con ác phóng dật,
Ngươi đến đây làm gì?*

*431. Với công đức nhỏ bé,
Ta đâu có cần đến?
Với ai cần công đức,
Ác ma đáng nói chúng.*

432. Đây có **tín**, tinh **tấn**,
Và Ta có trí **tuệ**,
Như vậy, Ta tinh tấn,
Sao Ngươi hỏi Ta sống?

433. Gió này làm khô cạn,
Cho đến các dòng sông,
Làm sao khô cạn máu,
Khi Ta sống tinh tấn?

434. *Dầu máu có khô cạn,
Mật, đàm Ta khô cạn,
Dầu thịt có hủy hoại,
Tâm Ta càng tịnh tín,
Ta lại càng vững trú,
Niệm, tuệ và thiền **định**.*

435. *Do Ta sống như vậy,
Đạt được thọ tối thượng,
Tâm không cầu các dục,
Nhìn chúng sanh thanh tịnh.*

436. ***Dục**, **đội quân thứ nhất**.
Thứ hai, gọi **bất lạc**,
Thứ ba, **đói** và **khát**,
Thứ tư, gọi **tham ái**.*

437. *Năm, **hôn trầm** thụy miên,
Thứ sáu, gọi **sợ hãi**,
Thứ bảy, gọi **nghi ngờ**,
Tám, **dèm pha ngoan cố**.*

438. ***Lợi, danh** và **cung kính**,
Danh vọng được tà vạy,
Ai **tự đề cao mình**,
Hủy báng các người khác.*

439. Ôi, này Na-mu-ci,
Đây là quân đội Ngươi,
Đây quân đội chiến trận,
Của dòng họ Kanhà,
Kẻ nhất, không thắng Ngươi,
Ai thắng Ngươi, được lạc.

440. Ta mang cỏ munja,
Vững thay, đây đời sống,
Thà Ta chết chiến trận,
Tốt hơn, sống thất bại.

441. Bị thấy đắm ở đây,
Số Sa-môn, Phạm chí,
Không biết được con đường,
Bậc giới đức thường đi.

442. Thấy khắp quân đội dàn,
Ác ma trên lưng voi,
Ta bước vào chiến trận,
Không để ai chiếm đoạt.

443. Đội ngũ quân nhà Ngươi,
Đời này và chư Thiên,
Không một ai thắng nổi,
Ta đến Ngươi với tuệ,
Như hòn đá đập nát,

Chiếc bát chưa nung chín.

444. **Nhiếp phục được tâm tư,**
Khéo an trú chánh niệm,

*Ta sẽ đi bộ hành,
Nước này qua nước khác,
Để huấn luyện rộng rãi,
Cho những người đệ tử.*

445. Không phóng dật, tinh cần,
Họ hành lời Ta dạy,
Dầu Người không muốn vậy,
Họ vẫn sẽ đi tới,
Chỗ nào họ đi tới,
Chỗ ấy không sâu muộn.

Ác-ma:

446. **Bảy năm**, ta bước theo,
Chân theo chân Thế Tôn,
Không tìm được lỗi lầm,
Nơi Thế Tôn chánh niệm.

447. **Như quạ bay xung quanh,**
Hòn đá như đóng mở,
Có thể có gì mềm?
Có thể có gì ngọt?

448. *Không tìm được gì ngọt,
Quạ từ đó bay đi,
Như quạ mổ hòn đá,
Ta bỏ Gotama.*

449. *Bị sâu muộn chi phối,
Cây đàn rơi khỏi nách,
Kẻ Dạ-xoa ác ý,
Tại đây liền biến mất.*

158 Bấy tuổi chứng quả - Kinh Bhadda – Tiểu III, 288

Bhadda – Tiểu III, 288 (226)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong gia đình một vị lớn trong hội đồng thành phố, làm con một gia đình cha mẹ trước đây không có con, dầu đã có cầu khẩn thần linh nhiều lần vẫn chưa có con. Họ đi đến bậc Đạo Sư và nói: *"Nếu chúng con có được đứa con, chúng con sẽ dâng lên cho ngài để làm thị giả!"*.

Khi được sinh Bhadda, chúng mặc áo đẹp nhất cho ngài, đưa ngài đến bậc Đạo Sư và nói: *"Bạch Thế Tôn, đây là đứa con chúng con sanh ra, sau khi yết kiến Thế Tôn, chúng con xin dâng hiến cho Thế Tôn"*.

Thế Tôn bảo Ananda cho Bhadda xuất gia và đi vào hương phòng. Ananda giảng dạy cho ngài và căn cơ ngài quá thuần thực đến nỗi trong khi đang học, vừa lúc mặt trời mọc, ngài phát triển thiền quán và chúng được sáu thắng trí.

Thế Tôn biết được những gì xảy ra và gọi: "Hãy đến này Bhadda!" Ngài đến, chấp tay đánh lễ bậc Đạo Sư. Đó là lễ xuất gia của ngài, đó là lễ xuất gia do đức Phật chủ trì.

Và bậc Trưởng lão nói lên chánh trí của ngài:

473. *Ta là con độc nhất,
Được cha thương, mẹ thương,
Do nhiều hạnh giới cấm,
Van vái mới được ta.*

474. *Vì lòng thương xót ta,
Muốn ta được hạnh phúc,
Cả cha và mẹ ta,
Dẫn ta đến đức Phật.*

475. *Được đưa con trai này,
Thật trải nhiều khó khăn,
Nuôi dưỡng rất tế nhị,
Được nuôi chiều sẵn sóc,
Chúng con kính dâng Ngài,
Kính thưa bậc cứu độ,
Để làm người thị giả,
Hầu hạ bậc chiến thắng.*

476. *Bậc Đạo Sư nhận ta,
Nói A-nan như sau:
Hãy cho nó xuất gia,
Nó sẽ thành thuần lương.*

477. *Sau khi bậc Đạo Sư,*

*Bảo xuất gia cho ta,
Xong rồi bậc chiến thắng,
Bước vào trong tinh xá,
**Khi mặt trời chưa mọc,
Tâm ta được giải thoát.***

*478. Rồi bậc Đạo Sư ta,
Để chấm dứt công việc,
Từ yên lặng thiền tịnh,
Ngài đứng dậy gọi ta:
Này Bhadda hãy đến,
Ta thọ Đại giới vậy.*

*479. **Từ sanh, đến bảy năm,**
Ta được thọ Đại giới,
Ba mình ta đạt được,
Ôi pháp, thiện pháp tánh!*

159 Bấy tuổi chứng quả - Kinh Dabba – Tiểu III, 14

Dabba – Tiểu III, 14 (5)

Ngài sanh ra trong gia đình của dân tộc Mallà ở Anupiyà. Khi mới **bấy tuổi**, ngài được thấy bậc Đạo Sư khi Thế Tôn viếng thăm xứ sở và nhà của ngài.

Ngài bị ảnh hưởng đến nỗi ngài xin phép bà nội cho được xuất gia với bậc Đạo Sư, mẹ ngài đã mất khi **sanh ngài**. Bà nội ngài đưa ngài đến yết kiến đức Phật và đức Phật giao cho một Tỷ-kheo làm lễ xuất gia cho ngài. Ngài với nghiệp nhân quá khứ với ước vọng tương lai đang chín muồi, nên **chứng được bốn quả liên tiếp chính trong khi ngài được cạo tóc**.

Khi bậc Đạo Sư từ giã xứ Mallà để đi về Vương Xá, Dabba thiên quán một mình, và muốn dùng thân để phục vụ giáo hội và nhận công việc phân phối chỗ ngủ, tổ chức các buổi ăn. Bậc Đạo Sư chấp nhận công việc làm này, xác nhận sự thành công của ngài, khả năng *thần thông* của ngài, với ngón tay chói sáng của mình soi sáng cho các đồng Phạm hạnh về chỗ ngủ. Các sự việc này được nói đến trong Luật tạng.

Khi bị các Tỷ-kheo theo phe với Mettiya và Bhummajika vu khống, làm hại và ngài được giáo

hội che chở và biện minh, Tôn giả Dabba ý thức được lòng từ của mình đối với các vị khác, liền nói lên bài kệ như sau:

*5. Ai thật khó nhiếp phục,
Nay đã được nhiếp phục,
Dabba tự biết đủ,
Nghĩ ngờ được vượt qua,
Thắng trận, không sợ hãi,
Dabba trú tịch tịnh.*

160 Bấy tuổi chứng quả - Kinh Sankicca – Tiểu III, 335

Sankicca – Tiểu III, 335 (240)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn nổi tiếng. **Me ngài chết khi sanh ngài, và ngài được cứu sống, chưa bị đốt cháy trên giàn hỏa.** Vì rằng sự sống của một hữu tình trong **đời sống cuối cùng** không thể chết được, trước khi chứng quả A-la-hán, dầu cho có rơi từ núi Sineru (Tu-di).

Khi lên **bấy tuổi**, được nghe mẹ ngài chết khi sanh ngài, ngài cảm thấy xúc động và phát nguyện xuất gia. Ngài được đưa tới gặp Tôn giả Sàriputta, và ngài chứng được quả A-la-hán, khi tóc ngài đang bị cạo.

Ngài dâng đời sống ngài cho các tên cướp như thế nào để **cứu ba ngàn Tỷ-kheo được nói đến trong tập số Dhammapàla.**

Rồi một cư sĩ muốn hầu hạ ngài, yêu cầu ngài sống gần chỗ vị ấy đang ở, nói như sau:

597. Lợi ích ngài là gì,
Ở rừng sâu, mùa mưa,
Như U-ju-hà-na,

*Hỡi này ngài thân mến!
Hang gió đẹp cho ngài,
Sống một mình, tu thiền.*

Rồi vị Trưởng lão, đề nêu rõ vẻ đẹp của núi rừng và sự thật khác, trả lời như sau:

*598. Như gió mùa thổi mây,
Trong thời tiết mùa mưa,
**Tưởng ta bay tràn khắp,
Tưởng dung hòa viễn ly.***

*599. Qua đen, từ trứng sinh,
Lấy nghĩa địa làm nhà,
Khiến ta khởi lên niệm,
Viễn ly đối với thân.*

*600. Người kẻ khác không hộ,
Người không hộ kẻ khác,
Tỷ-kheo, sống an lạc,
Không kỳ vọng các dục.*

*601. Tảng đá có nước trong,
Chỗ hội họp quy tụ,
Các loài vượn mặt đen,
Các loài nai nhút nhát,
Dưới màn hoa nước chảy,*

Tảng đá ấy ta thích.

602. *Ta sống trong rừng núi,
Trong hang động khe đá,
Tại trú xứ xa vắng,
Chỗ thú rừng qua lại.*

603. *Hãy hại chúng, giết chúng!
Hãy làm khổ hữu tình,
Ta không biết niệm ấy,
Phi Thánh liên hệ sân,
Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhổ sạch.*

604. *Vì đích gì, xuất gia,
Bỏ nhà sống không nhà,
Mục đích ấy, ta đạt,
Mọi kiết sử tận diệt.*

605. *Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Như thợ làm việc xong.*

606. *Ta không thích thú chết,*

*Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Tỉnh giác, giữa chánh niệm.*

161 Bấy tuổi chứng quả - Kinh Sopaka Một TỷKheo Trẻ Con – Tiểu III, 42

Sopaka Một TỷKheo Trẻ Con – *Tiểu III*, 42 (33)

Ngài sanh trong thời đức Phật hiện tại ở Sàvatthi, từ một người đàn bà rất nghèo khổ. Khi bà mẹ đau đẻ, bà bất tỉnh và người ta tưởng bà đã chết nên đem thân bà đi thiêu. Một **phi nhân** không cho lửa đốt cháy, làm mưa làm gió và những người thiêu thân bỏ đi.

Đứa con trẻ được sanh mạnh khỏe, còn người mẹ bị chết. Vị phi nhân hóa làm người, bế đứa con và *bỏ trong nhà người giữ nghĩa địa*, nuôi đứa con trong một thời gian với đồ ăn thích hợp.

Sau đó, người giữ nghĩa địa nhận làm con nuôi, và Sopaka lớn lên với Suppiya, con trai nhỏ của người giữ cửa. Vì ngài sanh ở nghĩa địa, nên đặt tên là Sopaka. Khi ngài **bấy tuổi**, Thế Tôn với thiên nhân thanh tịnh, vào buổi sáng, nhìn xem những ai có thiện căn tốt lành, thấy Sopaka và đi đến nghĩa địa. Sopaka được nghiệp duyên đời trước, đi đến Thế Tôn với tâm tư hoan hỷ và đánh lễ Thế Tôn, Thế Tôn thuyết pháp và Sopaka xin xuất gia.

Sau khi được phép người cha nuôi, Sopaka xuất gia và được dạy tình thương huynh đệ làm đề tài tu hành.

Sopàka lấy đề tài này và sống ở nghĩa địa và chúng được cảnh giới thiên tương đương. Lấy cảnh giới thiên làm đề tài căn bản, ngài **triển khai thiên quán** và chúng được quả A-la-hán. Sau khi chúng quả, ngài làm bài kệ, trong ấy ngài nêu cho các Tỷ-kheo rõ đề tài tình thương anh em, không có phân biệt người thân kẻ sơ. Với tất cả, tình thương phải là một, bao trùm mọi cảnh giới, mọi chúng sanh mọi thời gian:

*33. Như người mẹ tốt lành,
Thương người con độc nhất,
Cũng vậy đối chúng sanh,
Đủ mọi loài, mọi chỗ,
Hãy có lòng tốt đẹp,
Thương mến và từ ái.*

162 Bấy tuổi chứng quả - Kinh Sopàka – Tiểu III, 291

Sopàka – *Tiểu III, 291* (227)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh từ vợ một người cùng đinh, và do thọ sanh, ngài được gọi là **Sopàka (người cùng đinh)**. Có người nói ngài là con một thương gia. Sự kiện này không được tập Apadàna chấp nhận:

*Khi ta chứng được,
Tái sanh cuối cùng,
Ta vào bào thai,
Của Sopàka.*

Bốn tháng sau khi sanh, cha ngài mệnh chung, và được người **cậu** nuôi dưỡng. Người cậu, do người con hay nóng giận của mình xúi giục, muốn giết ngài. Nó đem ngài đến bãi tha ma, trói hai tay ngài cột vào cổ một cây ma, nghĩ rằng các con chó rừng sẽ ăn thịt ngài. Nó không thể giết ngài vì ngài **tái sanh lần cuối cùng**. Ban đêm các con chó rừng và các con thú khác đến, và đưa con nít kêu khóc:

Thế nào là định mệnh,

*Được để dành cho ta.
Ai là người bà con,
Của đứa trẻ mồ côi!
Giữa nghĩa địa kinh hoàng,
Ta bị cột, trói chặt!
Ta sẽ tìm được ai,
Là người bạn của ta!*

Bậc Đạo Sư trong lúc ấy đang nhìn xem ai là người đáng cứu độ, thấy trong đứa trẻ, những nhân duyên chứng quả A-la-hán được chói sáng trong tâm của đứa trẻ, liền chiếu sáng hào quang và nói:

*Hãy đến, Sopaka,
Người đừng có sợ hãi,
Hãy nhìn đến Như Lai,
Chính Ta sẽ cứu con!
Như mặt trăng thoát khỏi,
Hàm răng của Ràhu.*

Với sức mạnh của đức Phật, đứa trẻ bứt đứt dây trói, và cuối bài kệ đứng dậy, trở thành một bậc Dự lưu và đứng trước hương phòng của đức Phật!

Mẹ ngài tìm ngài hỏi người cậu, nhưng người cậu im lặng không nói gì. Mẹ ngài đi đến đức Phật, nghĩ rằng đức Phật biết tất cả, quá khứ, hiện tại, vị lai. Bậc Đạo Sư, dùng thần thông giấu đứa con.

Bà thưa với Thế Tôn: "*Bạch Thế Tôn, con không thể tìm thấy đứa con. Nhưng Thế Tôn biết được con tôi đang làm gì?*". Thế Tôn trả lời:

*Các người con không phải,
Là chỗ y, nương tựa,
Cả cha cũng là vậy,
Kể cả các bà con.
Với kẻ bị mệnh chung,
Dầu bà con huyết thống,
Cũng không thể nương tựa!*

Và như vậy, Thế Tôn thuyết pháp cho bà, bà nghe xong chứng quả Dự lưu, nhưng đứa trẻ chứng quả A-la-hán. Rồi Thế Tôn rút lại thân thông và bà mẹ sung sướng thấy được người con. Được biết con mình đã chứng quả A-la-hán, bà bằng lòng để con xuất gia và bà ra về.

Rồi ngài đến đánh lễ bậc Đạo Sư, khi bậc Đạo Sư đang đi dưới bóng mát của hương phòng và đi theo Thế Tôn. Thế Tôn muốn thế độ cho ngài liền hỏi ngài mười câu hỏi, bắt đầu bằng câu: "*Thế nào là một pháp?*" Ngài hiểu được ý Thế Tôn liền trả lời: "*Các chúng sanh được nuôi dưỡng bằng thức ăn...*", với trí sáng suốt của mình. Bậc Đạo Sư thỏa mãn với

những câu trả lời của đứa trẻ, thọ giới cho ngài. Do vậy ngài có được tên là: "Đứa trẻ với những câu hỏi".

Ngài nói lên chánh trí của mình, thuật lại những sự việc đã xảy ra, với bài kệ như sau:

480. Thấy bậc Tối thượng nhân,
Kinh hành dưới bóng lầu,
Tại đây, ta đi tới,
Đảnh lễ bậc Tối thượng.

481. Đắp y một bên vai,
Chắp hai tay đưa lên,
Đi theo **bậc Vô cầu**,
Tối thượng trên mọi loài.

482. Ngài hỏi ta câu hỏi,
Khéo biết đặt câu hỏi,
Ta trả lời Đạo Sư,
Không run, không sợ hãi.

483. Đức Như Lai tùy hỷ,
Câu trả lời câu hỏi,
Nhìn chúng Tỷ-kheo Tăng,
Ngài nói ý nghĩa này:

484. Lợi ích thay, dân chúng,

Ăng-ga, Magadha,
Cúng dường cho vị ấy,
Y được thuốc sàng tọa,
Biết cung kính thích nghi,
Thật lợi ích cho chúng,
Bậc Đạo Sư nói vậy.

485. Bắt đầu từ hôm nay,
Hỡi này Sopaka,
Hãy đến yết kiến Ta,
Như vậy, Sopaka,
Ông thành tựu Đại giới,
Được an lành tốt đẹp.

486. **Bảy năm** từ khi sanh,
Ta được thọ Đại giới,
Ta mang thân cuối cùng!
Ôi pháp, thiện pháp tánh.

163 Bấy tuổi chứng quả - Kinh Sumana – Tiểu III, 274

Sumana – *Tiểu III*, 274 (219)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong gia đình một cư sĩ, làm vị hộ trì cho Tôn giả Anuruddha.

Từ trước, con cháu của người cư sĩ này chết trẻ. Khi sắp đẻ đứa con, người cha nghĩ nếu là con trai thì sẽ cho xuất gia với vị Trưởng lão. Sau mười tháng, đẻ được đứa con trai, vị cư sĩ này cho xuất gia khi **đứa trẻ lên bảy tuổi**. Do căn tánh thuần phục, không bao lâu ngài chứng được **sáu thắng trí** trong khi đang hầu hạ bậc Trưởng lão.

Cầm được cái bình để xách nước, **Sumana với thân thông, đi đến hồ Anotatta, một con xà vương ác độc, phòng mang ngưỡng đầu lên không cho ngài lấy nước**. Rồi Sumana hóa thành con chim Garuda (Kim xí điểu) niếp phục con rắn và mang nước bay về vị Trưởng lão.

Rồi bậc Đạo Sư, ngồi tại vườn Jetavana, thấy ngài bay về, liền gọi Sàriputta cùng xem, và tán thán ngài với bốn câu kệ.

Sunmana đề nêu lên chánh trí của mình cộng thêm những bài kệ của mình như sau:

429. Khi người mới xuất gia,
Từ sanh, **mới bảy tuổi,**
Với **thần thông** ta điều,
Con xà vương thần lực.

430. Từ hồ nước to lớn,
Tên A-no-tat-ta
Ta đem nước hồ về,
Cho bậc giáo thọ sư,
Thấy vậy bậc Đạo Sư,
Nói về ta như sau:

431. **Này Sà-ri-put-ta!**
Xem đứa trẻ này đến,
Tự bưng cầm ghè nước,
Nội tâm khéo định tĩnh.
Với nhiệm vụ khả ái,
Cử chỉ rất thuần thiện.

432. Người đệ tử Sa-di,
Của Anuruddha,
Có **thần thông** uy lực,
Thuần thực và điều luyện.

433. **Thuần lương** nhờ giáo dục,
Do vị đại thuần lương,

Thiện hạnh nhờ giáo dục,
Bởi bậc khéo thiện hạnh.
Nhờ Anuruddha,
Khéo huấn luyện điều phục,
Được học tập giảng dạy,
Làm xong việc phải làm.

434. Đạt được tịnh tối thắng,
Chứng đắc, không dao động,
Sa-di Sumana,
Muốn: "Không ai biết ta".

164 Bảy tuổi chứng quả - Kinh Sànu – Tiểu III, 53

Sànu – Tiểu III, 53 (44)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ) trong gia đình một cư sĩ, sau khi người cha đã từ bỏ gia đình. Bà mẹ, đặt tên ngài là Sànu, khi ngài lên **bảy tuổi**, được đưa đến ở với các Tỷ-kheo, nghĩ rằng như vậy con mình được sống hạnh phúc.

Rồi Sànu trở thành một vị học hành giỏi, một vị pháp sư, thiền sư với lòng từ bi, được chư Thiên và loài Người ái kính. Trong đời trước, **mẹ** ngài là một **nữ Dạ-xoa**. Sau một thời gian, ngài mất sự sáng suốt, sống sâu khổ và muốn đi lang thang đây đó. Bà mẹ Dạ-xoa của ngài thấy vậy liền báo động với bà mẹ hiện tại và bảo bà khích lệ con bà phải tinh tấn, và đọc lại lời nói của các Yakkhà (Dạ-xoa):

*Chớ có làm điều ác,
Công khai hay bí mật,
Nếu người làm điều ác,
Sẽ làm hay đang làm,
Người không thoát khổ đau,
Dầu có đứng lên chạy.*

Nói như vậy xong, người mẹ Dạ-xoa biến mất, nhưng người mẹ hiện tại, nghe vậy rất lấy làm sầu khổ. Rồi Sa-di Sànu cầm y và bát đến thăm bà mẹ rất sớm. Thấy mẹ sầu muộn, ngài hỏi và được bà mẹ trả lời lý do, ngài nói bài kệ:

*44. Thừa mẹ, người ta khóc,
Khóc vì người đã chết,
Hay có khóc người sống,
Khi sống, không được thấy,
Thừa mẹ, con đang sống,
Và mẹ đang thấy con,
Vậy vì sao, thừa mẹ,
Mẹ lại khóc cho con?*

Bà mẹ trả lời, từ những lời trong kinh: **"Đây là sự chết, này các Tỷ-kheo trong giới luật của bậc Thánh, tức là sự từ bỏ học giới và hoàn tục"**, và nói bài kệ như sau:

*Người ta khóc cho con,
Là khóc cho con chết,
Hay khóc cho con sống,
Nhưng không được thấy mặt.
**Ai đã bỏ dục vọng,
Lại trở lui đời này,***

*Này con, người ta khóc,
Là khóc cho người ấy,
Vì người ấy được xem,
Còn **sống** cũng như **chết**,
Này con, được kéo ra,
Khởi than hầm lửa rực,
Con còn muốn rơi vào,
Đống than hồng ấy chẳng?*

Khi ngài nghe vậy, Sa-di Sànu lấy làm xấu hổ sâu
muộn, và tinh tấn **phát triển thiền quán**, không bao
lâu ngài chứng quả A-la-hán. Suy nghĩ rằng ngài
chiến thắng là nhờ những bài kệ này, nên lấy những
bài kệ ấy thành những bài kệ của ngài.

165 Bấy vị sanh cùng ngày với vị Bồ tát - Kinh Kàludàyyin – Tiểu III, 312

Kàludàyyin – Tiểu III, 312 (233)

Ngài sanh cùng ngày với đức Phật trong gia đình con vị Bộ trưởng của vua ở *Kapilavatthu*.

Bấy vị cùng sanh một ngày: Vị Bồ-tát, cây Bồ-đề, mẹ của Ràhula và bốn vật báu: voi báu, con ngựa Kanthaka, Channa và Kàludàyyin.

Khi đến ngày đặt tên, ngài được gọi là Udàyyin, và vì ngài da đen nên được gọi là Kàludàyyin. Ngài lớn lên làm bạn trẻ đồng chơi với vị Bồ-tát.

Rồi Thế Tôn xuất gia, giác ngộ, và ở tại Trúc Lâm (Veluvana), chuyên bánh xe Chánh pháp, vua *Suddhodana* nghe vậy, cử một vị Bộ Trưởng với một ngàn người tùy tùng, bảo đem con của vua về. Vị Bộ trưởng cùng cả ngàn tùy tùng, nghe đức Phật giảng và chứng quả A-la-hán. Đức Phật đưa tay nói: "Hãy đến, này các Tỷ-kheo..." và tất cả sống giữa các vị Hiền Thánh, không chuyên thông điệp của vua. Các vị sứ giả khác cũng lâm vào cảnh tương tự.

Cuối cùng vua sai *Kàludàyyin* với một ngàn người tùy tùng và Kàludàyyin hứa thế nào cũng đưa vị Bồ-tát về

dầu có xuất gia. Ngài đi đến nghe pháp, trở thành vị A-la-hán.

Nhớ đến sứ mạng của mình, chờ cho mùa mưa xong, khi trên con đường về, hoa đã trở bông, ngài mới nói lên những bài kệ mời bậc Đạo Sư về và tán thán vẻ đẹp cuộc hành trình:

527. *Thế Tôn, nay là thời,
Các cây nở hoa đỏ,
Từ bỏ chòm lá cũ,
Tìm đến thời sai quả.
Chúng như ngọn lửa hùng,
Chói sáng và rực sáng,
Bạch đấng Đại anh hùng,
Nay là thời hưởng vị.*

528. *Những cây nở hoa đẹp,
Khắp phương tỏa hương thơm,
Bỏ lá, vọng sanh quả,
Nay là thời lên đường,
Từ bỏ địa phương này,
Kính thưa bậc Anh hùng.*

529. *Không quá lạnh, quá nóng,
Thế Tôn thời tiết đẹp,
Hãy để hai dân tộc,*

*Thích-Ca, Ko-li-ya,
Nhìn Ngài mặt hướng Tây,
Vượt sông Ro-hi-ni.*

*530. Trong hy vọng, ruộng cày,
Trong hy vọng, giống gieo,
Trong hy vọng, thương gia,
Vượt biển đem tiền về.
Hy vọng con kiên trì,
Mong con, hy vọng thành.*

*531. Người tiếp tục gieo giống,
Trời lại tiếp tục mưa,
Người nông tiếp tục cày,
Thóc gạo tiếp tục đến,
Đến nhiều cho quốc gia.*

*532. **Ăn xin** tiếp tục xin,
Thí chủ tiếp tục cho,
Thí chủ tiếp tục cho,
Tiếp tục lên Thiên giới.*

*533. Bạc anh hùng tiếp tục,
Cho đến bảy thế hệ,
Gia đình ấy được sanh,
Bạc trí tuệ rộng lớn,
Con nghĩ Ngài có thể,*

*Là Thiên chủ chư Thiên,
Trong Ngài đã được sanh,
Bậc ân sĩ chân danh.*

*534. Phụ vương đại ân sĩ,
Tên gọi **Tịnh Phạn vương**,
Còn mẹ bậc Chánh giác,
Danh xưng là Ma-da,
Bà mang thai Bồ-tát,
Thân hoại, hưởng thiên giới.*

*535. Gô-ta-mi, mạng chung,
Từ đây, sau khi chết,
Được hưởng thọ đầy đủ,
Các dục lạc cõi trời,
Vui hưởng năm món dục,
Được Thiên nữ đoanh vây.*

Rồi Thế Tôn được thỉnh mời, thấy rằng mình đi sẽ cứu độ cho nhiều người, nên đã ra đi với **hai mươi ngàn vị A-la-hán**, mỗi ngày đi bộ một do-tuần.

Còn vị Trưởng lão, dùng thần thông đi đến Kapilavatthu trước mặt ông vua. Vua không biết ngài là ai, nên ngài mới xưng ngài là con vị Bộ Trưởng, được vua sai đi đến Thế Tôn và nói lên bài kệ:

*536. **Ta là con đức Phật**,*

*Ngài thắng bậc bất thắng,
Bậc An-gi-ra-sa,
Bậc không ai sánh được,
Vua dòng họ Thích-ca,
Phụ thân của cha tôi,
Vua dòng Go-ta-ma
Là bậc Tổ phụ tôi,
Đúng pháp là như vậy.*

166 Bảy Đức Phật - Kinh Sarabhangā – Tiểu III, 295

Sarabhangā – Tiểu III, 295 (228)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Rājagaha (Vương Xá), con của một Bà-la-môn, ngài có thể được đặt tên, độc lập hay không độc lập với truyền thống gia đình, ngài không có đặc điểm gì để đặt tên.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài trở thành một **ẩn sĩ**, tự dựng một thảo am, làm bằng cọng cây lau mà tự ngài bẻ gãy, và từ đấy ngài được biết với tên là *Sara-Bhangā*, (người bẻ gãy cọng cây lau).

Thế Tôn với Phật nhãn nhìn quanh thế giới, thấy được nơi ngài những điều kiện để thành vị A-la-hán. Thế Tôn đi đến thuyết pháp cho ngài. Và ngài khởi lòng tin, trở thành một vị xuất gia, sau một thời gian trở thành vị A-la-hán, ngài vẫn tiếp tục ở thảo am.

Thảo am dần dần hư nát và sụp đổ xuống, dân chúng hỏi ngài sao không dựng thảo am lại, ngài trả lời, khi thảo am được dựng lên, ngài còn ẩn sĩ. Nhưng nay ngài không thể làm được như vậy nữa. Rồi ngài nói lên toàn bộ vấn đề như sau:

487. Tay bẻ những cây lau,

Ta làm am ta ở,
Do vậy, được tên tục:
"Người bẻ gãy cây lau".

488. Nay không còn thích hợp,
Tự tay bẻ cây lau,
Theo học giới giảng dạy,
Gotama danh xưng.

489. Chính Sara-bhanga,
Từ trước chưa từng thấy,
Thấy chứng bệnh toàn diện,
Một cách thật đầy đủ.
Bệnh ấy nay được thấy,
Do lời **bực siêu thiên**.

490. **Chính đường ấy đã đi,**
Vipassì, Sikhi,
Kể cả Vessabhu,
Với Kakusandha,
Konàgamana.
Chính với con đường ấy,
Gotama đã đến.

491. **Ly ái, không chấp thủ,**
Bảy Phật chứng Niết-bàn,
Pháp này được thuyết giảng,

Bởi các vị chứng Pháp.

492. Vì từ mẫn chúng sanh,
Bốn Sự Thật được giảng,
Khổ, khổ tập, con đường,
Diệt, chấm dứt khổ đau.

493. Trong đời sống liên tục,
Khổ luân chuyển không dứt,
Khi thân này bị hoại,
Khi mạng sống cáo chung,
Tái sanh khác không còn,
Ta thật, khéo giải thoát,
Giải thoát mọi sanh y.

167 Bất Tịnh - Kinh Ba Mươi Hai Phần - Tiểu I, 10

Ba Mươi Hai Phần – *Tiểu I, 10* (Dvattimsàkàra)

Trong thân này có: tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bụng, phân, mật, đờm, mồ hôi, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, chất nhờn ở khớp, nước tiểu và não trong đầu.

168 Bất hạnh mới biết sự trung kiên của một người - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 234

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 234 (Ud 64)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở Sàvatthi, tại Đông Viên, lâu đài mẹ của Migàra. Lúc bấy giờ Thế Tôn vào buổi chiều, từ độc cư thiên tịnh đứng dậy và đến ngồi tại một ngôi nhà nhỏ phía cửa ngoài.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Lúc bấy giờ bảy vị bên tóc, bảy vị Ni-kiền Tử, bảy vị lửa thể, bảy vị mặc một y và bảy vị du sĩ, với nách đầy lông, với móng tay dài, mang các dụng cụ khát sĩ, đã đi ngang qua Thế Tôn không xa bao nhiêu.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y một bên vai, quỳ xuống trên đầu gối tay mặt, chấp tay hướng về bảy vị bên tóc, bảy vị Ni-kiền Tử, bảy vị lửa thể, bảy vị mặc một y và bảy vị du sĩ ấy, nói lên ba lần tên của mình: "*Thưa chư Tôn giả, con là vua Pasenadi nước Kosala!*"

Rồi vua Pasenadi nước Kosala, khi bảy vị bện tóc, bảy vị Ni-kiền Tử, bảy vị Ni-kiền Tử, bảy vị lỏa thể, bảy vị mặc một y, và bảy vị du sĩ ấy đã đi ngang qua không bao lâu, liền đi đến Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, có phải những Tôn giả ấy là những vị A-la-hán trên đời này, hay là những vị đang đi trên con đường hướng đến đạo quả A-la-hán?

- Thưa Đại vương, khi Đại vương còn là cư sĩ trong khi còn sống với gia đình, thọ hưởng dục lạc, bị vợ con trói buộc, quen dùng các loại chiên đàn ở xứ Kàsi, trang sức với vòng hoa, hương thơm, dầu sáp, thọ hưởng vàng và bạc thời Đại vương **thật khó biết được** các vị ấy là bậc A-la-hán hay là bậc đang đi con đường hướng đến A-la-hán quả.

- Thưa Đại vương, chính phải **cộng trú** mới biết được **giới đức** của một người và như vậy **phải trong một thời gian dài không thể ít ngày được, phải có tác ý không phải không có tác ý; phải có trí tuệ không phải với ác tuệ.**
- Thưa Đại vương, chính phải có **liên hệ** mới biết được **sự thanh liêm** của một người, phải trong một thời gian dài không thể ít ngày được, phải có tác ý, không phải không có tác ý, phải có trí tuệ không phải với ác tuệ.

- Thừa Đại vương, chính trong thời gian **bất hạnh** biết được **sự trung kiên** của một người, phải trong một thời gian dài không thể ít ngày được; phải có tác ý, không phải không tác ý; phải có trí tuệ, không phải với ác tuệ.
- Thừa Đại vương, chính phải **đàm luận** biết được **trí tuệ** của một người, và như vậy phải trong một thời gian dài không thể ít ngày được; phải có tác ý, không phải không tác ý, phải có trí tuệ, không phải với ác tuệ.

- Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn, khi Thế Tôn đã khéo nói như sau: "Thừa Đại vương, khi Đại vương còn là cư sĩ... không phải với ác tuệ". Bạch Thế Tôn, có những trình thám này của con những người trinh sát sau khi đi trinh sát mặt nước, chúng đến con. Trước hết họ báo cáo rồi con mới đúc kết. Bạch Thế Tôn, ở đây những người ấy sau khi tẩy sạch bụi và nhớt, sau khi tắm rửa và xoa dầu, sau khi chải sạch râu tóc, mặc áo vải trắng, chúng được hầu hạ sẵn sàng và cho thọ hưởng năm dục công đức.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên bài kệ này:

2. *Phải siêng năng cố gắng,
Tại bất cứ chỗ nào,*

*Chớ trở thành là người
Thuộc vào con người khác.
Chớ có sống ỷ lại,
Nương tựa vào người khác,
Chớ sống nghề buôn bán,
Đem pháp để kiếm lời.*

169 Bất thiện - 3 căn bản bất thiện - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 355

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 355 (Tik. I, 1) (It. 45)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba căn bản bất thiện** này. Thế nào là ba?

- **Tham** là căn bản bất thiện;
- **Sân** là căn bản bất thiện;
- **Si** là căn bản bất thiện.

Này các Tỷ-kheo, có ba căn bản bất thiện này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Tham, sân, si làm hại,
Người có tâm ác độc,
Họ tự mình hiện hữu,
Như giả từ lỗi, vô.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

170 Bất thiện - Làm sao từ bỏ bất thiện, tu tập thiện_ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 304

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 304 (Ek II. 6) (It. 9)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- *Này các Tỷ-kheo, với vị Tỷ-kheo hữu học, tâm chưa thành tựu, đang sống cần cầu vô thượng an ổn khỏi các triền ách, sau khi làm thành nội chi phần, Ta không thấy một chi phần nào khác, được nhiều lợi ích như vậy, này các Tỷ-kheo, tức là **Như lý tác ý**.*
- *Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo như lý tác ý, từ bỏ bất thiện, tu tập thiện.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

Vị Tỷ kheo hữu học,
Hành **như lý tác ý**,
Không một pháp nào khác,
Nhiều lợi ích như vậy.
Để đạt cho bằng được,

Lợi ích thật tối thượng.

*Vị Tử khéo như lý,
Tinh tấn và tinh cần,
Có thể thành đạt được,
Sự đoạn diệt khổ đau.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

171 **Bất thiện - Làm sao từ bỏ bất thiện, tu tập thiện_ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 305**

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 305 (Ek II. 7) (It. 10)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- *Này các Tỷ-kheo, với vị Tỷ-kheo hữu học, tâm chưa thành tựu, đang sống cần cầu vô thượng an ổn khỏi các triền ách, sau khi làm thành ngoại chi phần, Ta không thấy một chi phần nào khác, được nhiều lợi ích như vậy, này các Tỷ-kheo, tức là **làm bạn với thiện**.*
- *Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo làm bạn với thiện, từ bỏ bất thiện, tu tập thiện.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Tỷ-kheo làm bạn thiện,
Tôn kính và kính trọng,
Làm theo những lời nói,
Của bạn bè thân hữu,
Tỉnh giác và chánh niệm,*

*Vị ấy sẽ tuân tữ,
Đạt được sự hoại diệt,
Tất cả mọi kiết sử.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

172 Bất tịnh - Cách quán nhiếp phục dục - Kinh Kappa – Tiểu III, 325

Kappa – Tiểu III, 325 (237)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong vương quốc Magadha, làm con một vua bản xứ, kế vị ngôi vua, nhưng rơi vào hưởng thụ các dục vọng.

Khi bậc Đạo Sư với lòng từ bi, nhìn thế giới để xem ai xứng đáng được cứu độ. Bậc Đạo Sư thấy ngài, nghĩ rằng Kappa có thể tu tập **quán bất tịnh**, xuất gia và chứng quả A-la-hán. Thế Tôn đi trên hư không đến Kappa, và nói với ngài với những câu kệ như sau:

567. *Đầy nhiều loại uế vật,
Chỗ chứa toàn phần uế,
Như vũng nước đọng lâu,
Ung nhọt vết thương lớn.*

563. *Đầy những máu và mủ,
Chìm đắm, trong hố phân,
Thân ứ nước rỉ chảy,
Luôn chảy nước bất tịnh.*

569. *Trói bởi sáu mươi gân,
Trét dùng thịt làm hồ,
Mặc áo giáp bằng da,
Thân hôi thúi vô dụng.*

570. *Nối thành dây xúc xương,
Cột lại với dây gân,
Do chúng nhiều hợp sức,
Tác thành những uy nghi.*

571. *Thường tiến đến sự chết,
Đến gần cảnh tử thần,
Ở đây, bị quăng bỏ,
Con người đi theo dục.*

572. *Thân bị vô minh che,
Trói bởi bốn trói buộc,
Thân chìm trong bực lưu,
Mắc vào lưới tùy miên,*

573. *Hệ lụy năm triền cái,
Ám ảnh bởi tâm tư,
Đi theo gốc khát ái,
Che trùm bởi màn si.*

574. *Thân này luân chuyển vậy,
Dẫn đi bởi xe nghiệp,*

*Khi thành công, khi bại,
Chịu đựng nhiều ái sanh.*

*575. Ai nghĩ "thân của tôi",
Là phàm phu ngu muội,
Tăng mộ phần đáng sợ,
Chấp chặt sự tái sanh.*

*576. Ai tránh né thân này,
Như tránh rắn dính phân,
Họ bỏ gốc sanh hữu,
Chứng Niết-bàn, vô lậu.*

Kappa nghe lời dạy bậc Đạo Sư, về thân phận các thân dưới nhiều hình ảnh, sợ hãi và nhàm chán thân mình, hốt hoảng xin xuất gia.

Bậc Đạo Sư giao cho một Tỷ-kheo làm lễ xuất gia. Kappa nhận mười đề tài tu tập và chứng quả A-la-hán. Ngài đi đến bậc Đạo Sư, đánh lễ, ngồi xuống một bên và nói lên chánh trí của mình với những bài kệ trên. Do vậy các bài kệ này trở thành bài kệ của ngài.

173 Bất tịnh - Quán bất tịnh - Gương nhiếp phục dục - Kinh Sabbhakàma – Tiểu III, 281

Sabbhakàma – *Tiểu III, 281 (223)*

Trong thời đức Phật hiện tại, sau khi đức Phật nhập diệt, ngài sanh ở Vesàli, thuộc gia đình quý tộc và được đặt tên là *Sabbhakàma*.

Khi đến tuổi trưởng thành, thuận theo chí hướng xuất ly, ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của *Tôn giả Sàriputta* (Xá-lợi-phất). Trong khi đi học tập, ngài trở về Vesàli với bậc y chỉ sư của mình và về thăm gia đình.

Vợ ngài lúc trước, buồn khổ, gầy mòn, áo xiêm không sẵn sóc, nước mắt chạy quanh, chào ngài và đứng một bên. Thấy vợ cứ như vậy, lòng thương hại khởi lên, và quên mất chí hướng xuất trần, ngài để cho **dục** vọng nổi lên.

Như con **ngựa** khéo luyện tập bị roi đánh, ưu não khởi lên và ngài đi đến nghĩa địa để **quán bất tịnh**. **Thiền định được chứng đạt, thiền quán được triển khai**, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi **nhạc phụ** của ngài dắt vợ cũ của ngài đến, trang điểm thật đẹp mắt, và với một số tùy tùng đông đảo, đi đến tinh xá để gặp ngài và kéo ngài trở lui với đời sống gia đình. Nhưng ngài tuyên bố với mọi người là ngài đã từ bỏ các **dục** vọng như vậy, với những bài kệ như sau:

453. **Con vật hai chân này,
Bất tịnh và hôi thối,
Đầy các loại tử thi,
Từ đấy, nước rỉ chảy.**

454. **Nai trốn, dùng bẫy sập,
Với cá dùng câu móc,
Với khỉ, dùng hàm hố,
Phàm phu bị bắt vậy.**

455. **Sắc, tiếng, vị, hương, xúc,
Khả ái và thích ý,
Năm dục trưởng dưỡng này,
Được tiếng trong nữ sắc.**

456. **Phàm phu tâm say đắm,
Chạy theo hưởng nữ sắc,
Tăng nghĩa địa hải hùng,
Chất chứa sự tái sanh.**

457. *Ai tránh né nữ sắc,
Như chân tránh đầu rắn,
Chánh niệm, vượt qua được,
Kẻ đầu độc thế giới.*

458. *Thấy nguy hiểm trong dục,
An ổn trong viễn ly,
Thoát khỏi tất cả dục,
Ta đạt lậu hoặc tận.*

174 Bất tịnh - Thấy cảnh bất tịnh của người hầu - Kinh Yasa – Tiểu III, 122

Yasa – *Tiểu III*, 122 (117)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài **sanh trong một gia đình nhân sĩ rất giàu có** ở Benares (Ba-la-nại). Ngài được nuôi dưỡng rất tinh tế, và có ba lâu đài hợp với ba mùa.

Một đêm, do **nhân duyên quá khứ thúc đẩy** ngài **thấy cảnh bất tịnh** của những người hầu cận ngài. Quá xúc động trước cảnh tượng ấy, ngài đi đôi dép vàng, từ bỏ thành, nhà và được chư Thiên mở cửa thành cho. Ngài đi đến Isipatana (Chư Thiên đọa xứ), vừa đi vừa than: "Ôi sầu khổ thay! Ôi nguy hiểm thay!"

Lúc ấy, Thế Tôn đang đi ngoài trời ở Isipatana, thấy Yasa như vậy liền gọi: *"Hãy đến đây, này Yasa! Ở đây, không có sầu khổ, không có nguy hiểm!"*.

Nghe vậy, ngài rất hoan hỷ, cởi dép để một bên, ngồi xuống bên cạnh Thế Tôn. **Bậc Đạo Sư** thứ lớp thuyết giảng cho Yasa về **Bốn sự thật**, khi giảng xong. Ngài trở thành một Phật tử. Và khi đức Phật thuyết giảng cho phụ thân Yasa đến kiếm ngài, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi đức Phật đưa bàn tay mặt ra đón Yasa và nói: 'Hãy đến, này Tỷ-kheo', khi nói vậy, tóc của Yasa được cắt ngắn lại bằng hai ngón tay và có được đầy đủ tám vật cần dùng. Suy tư đến quả chúng và nếp sống của mình, ngài cảm thấy hân hoan khi nghe hai chữ: 'Hãy đến đây, Tỷ-kheo' và nói lên bài kệ:

*117. Khéo thoa xức, khéo mặc,
Dùng mọi loại thời trang,
Ta chứng được **Ba minh**,
Lời Phật dạy làm xong.*

175 **Bất tử - Ai sống một trăm năm, Không thấy câu bất tử - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 51**

Phẩm Ngàn – *Tiểu I*, 51

100. Dầu nói ngàn ngàn lời,
Nhưng không gì lợi ích,
Tốt hơn một câu nghĩa,
Nghe xong, được tịnh lạc.

101. Dầu nói ngàn câu kê
Nhưng không gì lợi ích,
Tốt hơn nói một câu,
Nghe xong, được tịnh lạc.

102. Dầu nói trăm câu kê
Nhưng không gì lợi ích,
Tốt hơn một câu pháp,
Nghe xong, được tịnh lạc.

103. Dầu tại bãi chiến trường
Thắng ngàn ngàn quân địch,
Tự thắng mình tốt hơn,
Thật chiến thắng tối thượng.

104. Tự thắng, tốt đẹp hơn,
Hơn chiến thắng người khác.
Người khéo điều phục mình,
Thường sống tự chế ngự.

105. Dầu Thiên Thân, Thát Bà,
Dầu Ma vương, Phạm Thiên
Không ai chiến thắng nổi,
Người tự thắng như vậy.

106. Tháng tháng bỏ ngàn vàng,
Tế tự cả trăm năm,
Chẳng bằng trong giây lát,
Cúng dường **bạc tự tu.**
Cùng dường vậy tốt hơn,
Hơn trăm năm tế tự.

107. Dầu trải một trăm năm,
Thờ lửa tại rừng sâu,
Chẳng bằng trong giây lát,
Cúng dường **bạc tự tu.**
Cùng dường vậy tốt hơn,
Hơn trăm năm tế tự.

108. Suốt năm cúng tế vật,
Để cầu phước ở đời.
Không bằng một phần tư

Kính lễ bậc chánh trực.

109. Thường tôn trọng, kính lễ
Bậc kỳ lão trưởng thượng,
Bốn pháp được tăng trưởng:
Thọ, sắc, lạc, sức mạnh.

110. Dầu sống một trăm năm
Ác **giới**, không thiên **định**,
Tốt hơn sống một ngày,
Trì giới, tu thiên **định**.

111. Ai sống một trăm năm,
Ác tuệ, không thiên **định**.
Tốt hơn sống một ngày,
Có **tuệ**, tu thiên **định**.

112. Ai sống một trăm năm,
Lười nhác, không tinh **tấn**,
Tốt hơn sống một ngày
Tinh tấn tận sức mình.

113. Ai sống một trăm năm,
Không thấy **pháp sinh diệt**,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp sinh diệt.

114. Ai sống một trăm năm,
Không thấy **câu bất tử**,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được câu bất tử.

115. Ai sống một trăm năm,
Không thấy **pháp tối thượng**,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp tối thượng.

176 **Bất tử - Ai đã chứng đạt được, Lặn sâu vào bất tử - Kinh Kelakàni – Tiểu III, 379**

Kelakàni – Tiểu III, 379 (250)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trước đức Phật ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn và đặt tên là *Kelakàni*.

Quá kinh nghiệm về những vấn đề quá khứ, ngài chán nản **dục vọng** và xuất gia làm người du sĩ ngoại đạo. Tìm sự giải thoát tinh thần, ngài giao du nhiều chỗ, nghĩ rằng ai ở đời này đã đến được bờ bên kia. Ngài hỏi rất nhiều Sa-môn và Bà-la-môn nhưng không được trả lời thỏa đáng.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn đã ra đời, đang chuyển Pháp Luân, đem lại hạnh phúc cho chúng sanh. Một hôm, Kelakàni nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, được xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Một hôm, ngồi với các Tỷ-kheo, nhớ đến sự khó nhọc tìm đạo và chứng đạo của mình, ngài tuyên bố với chúng Tỷ-kheo như sau:

747. *Lâu ngày, đầy nhiệt tình,*

*Ta suy tư Chánh pháp,
Hỏi Sa-môn, Phạm chí,
Nhưng **tâm** không an tịnh.*

*748. Ở đời, ai đã đến,
Đến được bờ bên kia,
Ai đã chứng đạt được,
Lặn sâu vào **bất tử**,
Pháp ai ta chấp nhận,
Pháp thông đệ nhất nghĩa.*

*749. Mắc lưới câu bên trong,
Như cá ăn mồi tục,
Ta bị bắt, bị trói,
Chẳng khác A-tu-la,
Tên Vê-pa-xi-li,
Bị lưới Đế Thích trói.*

*750. Ta kéo lê xiềng xích,
Không sao thoát sầu bi,
Ai cởi trói cho ta,
Giúp ta chứng Chánh giác.*

*751. Sa-môn, Phạm chí nào,
Nói cách hủy hoại chúng,
Pháp ai ta chấp nhận,
Giúp từ bỏ **già chết**,*

752. Bị **nghi** hoặc trối buộc,
Bị **hăng say** chi phối,
Khiến tánh tình phần nộ,
Khiến tâm tư cứng rắn,
Bị xâu xé cắt đứt,
Bởi lòng **tham** mạnh mẽ.

753. Bị cung **ái** bắn trúng,
Ba mươi kiến trối buộc,
Xem sức mạnh ngực ta,
Bị áp đè, vẫn vững.

754. **Các tùy kiến không đoạn,**
Các tư niệm dao động,
Bị chúng đam, ta run,
Như lá bị gió thổi.

755. Khởi lên từ nội tâm,
Đốt cháy nhanh ngã sở,
Thân với sáu xúc xứ,
Ngã hữu từ đây sanh.

756. Ta không thấy lương y,
Rút mũi tên cho ta,
Dùng cách khác dò tìm,
Không dùng dao thăm dò.

757. Có vị **lượng y** nào,
Không dao, không vết *thương*,
Không hại đến tay chân,
Rút mũi tên cho ta,
Mũi tên đã đâm vào,
Trong nội tâm của ta.

578. **Bậc Pháp chủ** tối tôn,
Loại trừ thuốc độc hại,
Khi ta rơi vực sâu,
Đưa tay giúp đỡ ta,
Tới đất liền an toàn.

759. Ta lặn sâu trong hồ,
Đầy bụi bùn không thoát,
Đầy man trá, tật đổ,
Căng thẳng và hôn ám.

760. **Sấm trạo cử** nổ vang,
Mây kiết sử bao phủ,
Thác nước tà tư duy,
Liên hệ đến tham dục,
Chúng lôi cuốn trôi ta,
Vào đại dương tà kiến.

761. **Khắp nơi, dòng suối chảy,**

*Cây leo đứng, đâm chồi,
Ai chặn đứng dòng ấy?
Ai chặt đứt cây leo?*

762. Tôn giả **hãy làm đê**,
Ngăn chặn những dòng suối,
Chớ có để dòng nước,
Do ý sanh cuốn ngài,
Như dòng nước cuốn gập,
Trôi cây chảy theo dòng.

763. Cũng vậy ta sợ hãi,
Bờ này tìm bờ kia,
Khi ấy **bậc Đạo Sư**,
Có Thánh chúng hầu hạ,
Với **bình khí trí tuệ**,
Chờ y chỉ cho người.

764. Đưa ta, đang chìm đắm,
Chiếc cầu thang, khéo làm,
Phật thanh tịnh, vững chắc,
Làm bằng **lỗi Chánh pháp**,
Rồi ngài nói với ta,
Chớ có sợ hãi gì!

765. Leo lên lầu **Niệm xứ**,
Từ đây ta quán sát,

*Loài Người ưa **thân kiến**,
Trước đây, ta tự hào.*

*766. Khi ta thấy con đường,
Con thuyền cần leo lên,
Ta không trú tự ngã,
Vì thấy **bến tối thượng**.*

*767. Mũi tên khởi tự ngã,
Sanh do nhân sanh hữu
Ngài dạy **đường tối thượng**,
Chấm dứt các pháp ấy.*

*768. **Cột gút đã lâu ngày,
Ẩn nằm, trú trong da,
Đức Phật cỡi, quăng đi,
Loại bỏ mọi độc hại.***

177 **Bất tử - Chứng bất tử, tịch tịnh - Kinh Thắng Trận - Tiểu I, 526**

Kinh Thắng Trận – *Tiểu I, 526* (Sn 34)

193. *Hoặc là đi hay đứng,
Hoặc là ngồi hay nằm,
Hoặc co tay, duỗi tay,
Như vậy, thân dao động.*

194. *Ràng buộc với xương gân,
Trét thoa với da thịt,
Thân được da che đậy,
Như thật không thấy rõ.*

195. *Trong một bụng chứa đầy,
Cục gan, và bọng đái,
Quả tim và buồng phổi,
Cả thận, và tỳ tạng.*

196. *Nước mũi, và nước miếng,
Mồ hôi, và nước mỡ,
Máu, và nước khớp xương,
Mật, và bạch huyết cầu.*

197. *Từ **chín** nguồn nước này,*

*Bất tịnh luôn luôn chảy,
Từ mắt, đồ bắn chảy,
Từ tai, đồ bắn chảy.*

198. *Nước mũi từ lỗ mũi,
Từ miệng, có khi chảy,
Chảy mặt, và niêm dịch,
Từ thân, mồ hôi bắn.*

199. *Trong đầu thật trống rỗng,
Chứa đầy những óc, não.
Bị vô minh dắt dẫn,
Kẻ ngu nghĩ tịnh sạch.*

200. *Khi bị chết nằm xuống,
Phồng lên, và xanh bầm,
Quăng bỏ trong nghĩa địa,
Bà con không đoái hoài.*

201. *Chó, dã can đến ăn,
Chó sói, các côn trùng,
Quạ, diều hâu đến ăn,
Còn có hữu tình khác.*

202. *Được nghe lời Phật dạy,
Tỷ-kheo có trí tuệ,
Vị ấy liễu tri thân,*

Thấy thân đúng như thật.

203. Đây thế nào, kia vậy,
Kia thế nào, đây vậy,
Đối với thân trong ngoài,
Từ bỏ mọi lòng dục.

204. Từ bỏ lòng tham dục,
Đây Tỷ-kheo có tuệ,
Chứng bất tử, tịch tịnh,
Niết-bàn giới thường trú.

205. Thân này với hai chân,
Bất tịnh và hôi thúi,
Đầy xác chết, chảy nước,
Lại được giữ, nâng niu.

206. Với thân thể như vậy,
Ai lại nghĩ đề cao,
Hay khinh miệt kẻ khác,
Trừ kẻ không thấy gì.

178 **Bất tử - Con đường bất tử - Kinh** **Kanhadinna – Tiểu III, 162**

Kanhadinna – Tiểu III, 162 (150)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Vương Xá, trong gia đình một Bà-la-môn, được đặt tên là *Kanhadinna*.

Khi đến tuổi trưởng thành, với thiện duyên thuần thực, ngài đến Tôn giả Sàriputta, nghe pháp, khởi lòng tin rồi xuất gia. Sau khi **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán, ngài tuyên bố chánh trí của ngài.

179. *Hầu hạ bậc chân nhân,
Luôn luôn nghe Chánh pháp,
Nghe xong, ta sẽ bước,
Trên con đường bất tử.*

180. *Trong ta, tham hữu đoạn,
Tham hữu không có mặt,
Quá khứ, và vị lai,
Không có ở trong ta,
Hiện tại cũng không có,
Tồn tại ở trong ta.*

179 **Bất tử - Con đường nhập bất tử - Kinh Valliya Kanhamitta – Tiểu III, 155**

Valliya Kanhamitta – *Tiểu III, 155* (144)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Vesàli, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Kanhamitta.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài thấy uy nghi đức độ của đức Phật khi đức Phật đến Vesàli. Khởi lòng tin, ngài xuất gia với sự hướng dẫn của Tôn giả *Mahà Kassapa* (Đại Ca-diếp).

Với trí tuệ chậm chạp và mới bắt đầu tinh tấn, ngài phải dựa vào trí tuệ của các đồng Phạm hạnh đến nỗi ngài được gọi là *Valliya (loài cây leo)*, vì loài cây này không thể tự lớn được, nếu không dựa vào một vật gì.

Một hôm, ngài đi nghe Trưởng lão *Venudatta* giảng, ngài trở thành sáng suốt, trí tuệ chín muồi, ngài hỏi vị Thầy của ngài với những bài kệ:

167. *Những bốn phận cần làm,
Với tinh cần tinh tấn,
Những bốn phận cần làm,
Với người muốn giác ngộ.*

*Con sẽ làm tất cả,
Con không có thói thất,
Hãy xem sự tinh tấn,
Sự nỗ lực của con.*

*168. Ngài hãy nói cho con,
Con đường nhập bất tử,
Với yên lặng thiền tư,
Con đạt **Thánh yên lặng**,
Như dòng sông Hằng Hà,
Nhập sâu vào biển cả.*

180 Bất tử - Con đường đạt đến cảnh bất tử - Kinh Sàmannakàni – Tiểu III, 45

Sàmannakàni – Tiểu III, 45 (35)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một du sĩ và xuất gia theo đức Phật. Khi thấy đức Phật hóa hiện thân thông song hành, và nhờ thiên, ngài chứng quả A-la-hán.

Lúc bấy giờ, một du sĩ tên Kàtiyàna, ngài quen khi còn là cư sĩ, du sĩ này mất hết sự ủng hộ của giới cư sĩ từ khi đức Phật được mọi người qui ngưỡng, và trở thành khốn cùng. Kàtiyàna đến ngài và yêu cầu ngài ủng hộ để được hạnh phúc đời này đời sau, ngài đáp: *"Hạnh phúc không liên hệ đến đời và chỉ những người hiểu biết quá trình tu chứng mới hưởng sự an lạc thuần nhất này".*

Và ngài nói lên bài kệ để chứng minh sự thành đạt của ngài:

*35. Kẻ tìm lạc, được lạc,
Nếu sở hành đúng đắn,
Lại thêm được kính trọng,
Danh vọng được tăng trưởng.*

*Ai tu tập chánh trực,
Con đường Thánh tám ngành,
Đây là đường lộ trình,
Đạt đến cảnh bất tử.*

181 **Bất tử - Cày bừa là như vậy, Được quả là Bất tử - Kinh Bhàradvāja Người Cày Ruộng - Tiểu I, 484**

Kinh Bhàradvāja Người Cày Ruộng – *Tiểu I, 484*

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Magadha, tại núi Dakkhinàgini, trong một làng Bà-la-môn tên Ekanàlà. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Kasibhàradvāja có khoảng năm trăm lưỡi cày sẵn sàng, vì là thời gieo mạ. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi đến chỗ Bà-la-môn Kasibhàradvāja đang làm việc. Lúc bấy giờ Bà-la-môn Kasibhàradvāja đang phân phát đồ ăn. Rồi Thế Tôn đi đến chỗ phân phát đồ ăn, sau khi đến, Ngài đứng một bên, Bà-la-môn Kasibhàradvāja thấy Thế Tôn đang đứng một bên đề khát thực, liền nói với Thế Tôn:

- *Này Sa-môn, ta cày và ta gieo, sau khi cày, sau khi gieo, ta ăn. Và Sa-môn, hãy cày và gieo. Sau khi cày và gieo, hãy ăn!*

- *Này Bà-la-môn, Ta cũng cày và cũng gieo. Sau khi cày và sau khi gieo, Ta ăn.*

- Nhưng chúng tôi không thấy cái ách, hay cái cày, hay lưỡi cày, hay gậy thúc trâu bò, hay các con bò đực của Tôn giả Gotama. Vậy mà Tôn giả Gotama nói: "Này Bà-la-môn, Ta có cày và Ta có gieo. Sau khi cày và sau khi gieo, Ta ăn".

Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvàja nói lên với Thế Tôn bài kệ:

Bhàradvàja:

76. *Người tự nhận Người cày,
Ta không thấy Người cày,
Hãy trả lời chúng tôi,
Đã hỏi về Người cày,
Chúng tôi muốn rõ biết,
Người cày như thế nào?*

Thế Tôn:

77. **Lòng tin** là **hột giống**,
Khổ hạnh là **con mưa**,
Trí tuệ đối với Ta
Là **ách** và **lưỡi cày**,
Xấu hổ là **cán cày**,
Ý là **sợi dây buộc**,
Và **niệm** đối với Ta
Là **lưỡi cày, gậy thúc**.

78. Với **thân** khéo phòng hộ,

Với **lời** khéo phòng hộ,
Với món **ăn** trong bụng,
Biết **tiết độ**, chế ngự,
Ta tác thành chơn thực,
Để cắt dọn cỏ rác,
Sự giải thoát của Ta,
Thật hiền lành nhu thuận.

79. Với tình cần tình **tấn**,
Ta gánh chịu trách nhiệm,
Ta tự mình đem lại,
An ổn khỏi khổ ách.
Như vậy, Ta đi tới,
Không trở ngại thối lui,
Chỗ nào Ta đi tới,
Chỗ ấy không sâu muộn.

80. **Cày bừa là như vậy,**
Được quả là **bất tử,**
Sau cày bừa như vậy,
Mọi **khổ được giải thoát.**

Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvāja lấy một bát bằng đồng lớn, cho đồ đầy với cháo sữa dâng đức Phật và thưa:

- Thưa Tôn giả Gotama, hãy dùng cháo sữa, **Tôn giả là người đi cày! Tôn giả Gotama đi cày quả bất tử!**

Thế Tôn:

81. *Ta không hưởng vật dụng,
Do tụng kệ đem lại,
Đây không phải là pháp,
Của bậc có chánh kiến,
Chư Phật đều bác bỏ,
Tụng hát các bài kệ,
Khi pháp có hiện hữu,
Truyền thống là như vậy.*

82. *Hỡi này Bà-la-môn,
Người cần phải cúng dường,
Đồ ăn, vật uống khác,
Bậc đại sĩ toàn diện,
Đã đoạn các lậu hoặc,
Đã lắng dịu dao động,
Ta chính là thừa ruộng,
Cho những ai cầu phước.*

- *Vậy, thưa Tôn giả Gotama, con sẽ cho ai cháo sữa này?*

- *Này Bà-la-môn, Ta không thấy ai ở thế giới, với chư Thiên, chư Ma, chư Phạm thiên, hay trên đời này với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người, có thể sau khi ăn, tiêu hóa được món cháo sữa này, trừ Như Lai hay đệ tử của Như Lai.*

Vậy, này Bà-la-môn, Ông hãy đổ cháo sữa này trên chỗ không có cỏ xanh, hay nhận chìm trong nước không có sinh vật.

Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvāja đem nhận chìm cháo sữa ấy vào nước không có sinh vật. Cháo sữa ấy khi bị đổ xuống nước, nó sôi lên, sôi lên sùng sục, nó phun khói, nó bốc khói lên. Ví như một lưỡi cày, phơi cả ngày dưới ánh nắng, được đem quăng xuống nước, lưỡi cày ấy sôi lên sùng sục, nó phun khói, nó bốc khói lên. Cũng vậy, cháo sữa ấy, khi bị đổ xuống nước, nó sôi lên, sôi lên sùng sục, nó phun khói, nó bốc khói lên. Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvāja hoảng hốt, rợn tóc gáy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, và bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Ví như, thưa Tôn giả Gotama, một người dừng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, mở toang ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ đi lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối, để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày. Con xin qui y Tôn giả Gotama, qui y Pháp, qui y chúng Tỷ-kheo. Mong rằng con được xuất gia với Tôn giả Gotama, được thọ đại giới.

Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvàja được xuất gia với Samôn Gotama, được thọ đại giới. Thọ đại giới không bao lâu, Tôn giả Bhàradvàja sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Không bao lâu, do vì mục đích gì, bậc thiên nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú cứu cánh Phạm hạnh ấy. Vị ấy thắng tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa". ***Tôn giả Bhàradvàja trở thành một vị A-la-hán.***

182 **Bất tử - Hãy cảm xúc con đường, Đưa đến cõi bất tử - Kinh Cùlaka – Tiểu III, 184**

Cùlaka – Tiểu III, 184 (166)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rājagaha, con một vị Bà-la-môn, được đặt tên là Cùlaka.

Khi ngài thấy bậc Đạo Sư nhiếp phục con voi Dhanapāla, ngài phát khởi lòng tin xuất gia.

Trong khi tu tập, ngài trú ở hang cây Indra-sàla. Một hôm ngồi trước cửa hang, nhìn xuống các thửa ruộng ở Magadha (Ma-kiệt-đà), một cơn giông tố khởi lên với những lớp mây trùng điệp ùn ùn khởi lên, sấm sét vang dậy, trời mưa ào ào đổ xuống, các đàn chim công nghe tiếng sấm sét, sung sướng kêu lên tiếng kê-la của chúng, và múa hát chung quanh. Làn gió giông tố đem lại cho ngài cảm giác dễ chịu và thỏa thích khi ngài đang ngồi trong hang, với nhiệt độ vừa phải, *tâm* ngài được thiền định. Ngài bước vào con đường hành trì, và nhận thức được thời gian thích hợp đã đến, ngài nói lên lời tán thán, sự tu hành của ngài với những bài kệ sau:

211. Những chim công kêu hót,

Mào đẹp, lông đuôi xinh,
Vớ cổ, màu xanh tươi,
Mỏ đẹp, tiếng hót hay,
Đất này, khéo lát cỏ,
Nước mắt khéo thấm nhuần,
Vớ khoảng trời khéo che,
Mây mưa khéo bao phủ.

212. Thân người khéo khỏe mạnh,
Tâm ý tốt, thiện tu,
Lành thay, khéo khởi tâm,
Trong lời khéo Phật dạy.
Hãy cảm xúc **con đường**,
Đưa đến cõi **bất tử**,
Đường ấy đường vô thượng,
Đường trong trắng lành mạnh,
Đường tế nhị nhỏ nhiệm,
Con đường thật khéo thấy.

Ngài tự giáo giới lấy mình, **chứng được
thiền định, và phát triển thiền quán**, **chứng quả A-
la-hán**. Ôn lại những việc đã làm, với tâm hoan hỷ,
ngài nói lên những bài kệ này như là lời tuyên bố
chánh kiến của ngài.

183 Bất tử - Hãy tu Tám Thánh đạo, Giác chứng đạo bất tử - Kinh Phussa – Tiểu III, 437

Phussa – Tiểu III, 437 (258)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một vị vua trị vì một tỉnh, được đặt tên là *Phussa*, và được giáo dục trong mọi tài năng của thanh niên hoàng tộc.

Nhưng ngài có tâm hướng khác thường, không thiên về thế tục, nên khi nghe một vị Trưởng lão thuyết pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia. Tu tập thiền định, ngài **phát triển thiền quán** và sau một thời gian, chứng được *sáu thắng trí*.

Một hôm, một *ẩn sĩ tên Pandara-gotta* nghe ngài thuyết pháp, thấy xung quanh có một số Tỷ-kheo giới đức nghiêm minh, tu tập, chế ngự thân và tâm, vị ẩn sĩ suy nghĩ: "**Hệ thống này thật đáng tin tưởng, mong rằng hệ thống này được tồn tại!**".

Rồi vị ấy hỏi ngài về tương lai sự tiến bộ các Tỷ-kheo như thế nào? Ngài trả lời với những bài kệ như sau, riêng bài kệ 949 do các nhà kiết tập đặt thêm vào:

949. *Ấn sĩ Pan-đa-ra,*
Thấy nhiều vị thành tín,
Tự ngã có tu tập,
Khéo hộ trì chế ngự
Ngài mới đặt câu hỏi,
Với vị tên Phussa.

950. *Trong thời gian tương lai,*
Sẽ có ước muốn gì?
Sẽ có chí nguyện gì?
Sẽ có cử chỉ gì?
Mong ngài hãy trả lời,
Câu hỏi của chúng tôi.

951. *Ấn sĩ Pan-đa-ra,*
Hãy nghe lời ta nói,
Hãy thọ trì cẩn thận,
Ta sẽ nói tương lai.

952. *Phẫn nộ và hiềm hận,*
Che đậy và cứng đầu,
Nhiều lừa đảo, ganh tị,
Tương lai nhiều loại vậy,

953. *Họ tự cho có trí,*
Pháp sâu, chỉ đến bờ,

**Họ khinh nhờn Chánh pháp,
Họ không kính trọng nhau.**

954. Nhiều nguy hiểm ở đời,
Sẽ xảy ra tương lai,
**Pháp được khéo giảng này,
Kẻ ngu làm uế nhiễm.**

955. Trong Tăng chúng, những vị,
Có đức hạnh hạ liệt,
Họ thường hay tuyên bố,
Có tự tín, không sợ,
**Kẻ không học, lắm lời,
Sẽ đứng vào thế mạnh.**

956. Trong Tăng chúng, những vị,
Có giới hạnh tốt đẹp,
Khi họ có tuyên bố,
Tuyên bố đúng sự thật,
**Họ thường ở thế yếu,
Hỗ thẹn thiếu nhiệt thành.**

957. Bạc, vàng và đồng ruộng,,
Đất đai, dê và cừu,
Nô tỳ nữ và trai,
Kẻ ngu si vô trí,
Sẽ thân nhận tất cả,

Trong tương lai là vậy.

958. *Kẻ ngu dễ nóng giận,
Không định tĩnh trong **giới**,
Kiêu ngạo, đi đó đây,
Như thú ra đánh nhau.*

959. *Họ trở thành thảo động,
Thường đắp **y màu xanh**,
Lừa đảo và ngoan cố,
Lắm mồm, ăn nói giả,
Họ bắt chước giả bộ,
Như bậc Thánh thời xưa.*

960. *Với tóc bôi dầu lảng,
Dao động, mắt vẽ xanh,
Đắp **y màu trắng** ngà,
Họ qua lại trên đường.*

961. ***Y vàng** được khéo nhuộm,
Lá cờ bậc La-hán,
Được các bậc giải thoát,
Đắp mang không nhằm chán,
Còn họ chán y vàng,
Ái luyến đắp **màu trắng**.*

962. *Họ trở thành tham lợi,*

Biếng nhác, ít tinh cần,
Khó sống rừng hoang vu,
Thích sống gần xóm làng.

963. Những ai sợ được lợi,
Luôn luôn ưa tà mạng,
Họ học đòi người ấy,
Thân cận, không tự chế.

964. Những ai không được lợi,
Họ không trọng, không kính,
Bạc khả kính, Hiền trí,
Họ không có thân cận.

965. Khinh cờ hiệu của mình,
Ưa thích màu ngoại sắc,
Có kẻ mang y trắng,
Lá cờ hiệu ngoại đạo.

966. Không kính y màu vàng,
Thời ấy họ là vậy,
Chờ đợi màu y vàng,
Không phải của Tỷ-kheo.

967. Bị đau khổ chinh phục,
Bị quặn đau tên đâm,
Chờ đợi đại khủng bố.

Voi ta không nghĩ nghĩ.

968. Khi **bạc sáu ngà** thấy,
Cờ La-hán khéo nhuộm,
Voi nói lên những kệ,
Liên hệ đến mục đích.

969. **Ai sẽ mặc cà-sa,
Tâm chưa rời uế trước,
Không tự chế, không thực,
Không xứng áo cà-sa.**

970. **Ai rời bỏ uế trước,
Khéo **định** trong **giới** luật,
Tự nhiếp phục, chơn thực,
Thật xứng áo cà-sa.**

971. **Phá giới, trí hạ liệt,
Không tự chế, tham dục,
Tâm loạn, thiếu phần chấn,
Không xứng áo cà-sa.**

972. **Ai đầy đủ giới hạnh,
Ly tham, có định tĩnh,
Tâm tư thật trinh bạch,
Vị ấy xứng áo cà-sa.**

973. **Ai kiêu ngạo, phóng đãng,
Ngu si, không giới hạnh,
Xứng đáng mặc áo trắng,
Làm gì có cà-sa.**

974. **Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni,
Tâm uế, không tin kính,
Tương lai sẽ ức hiếp,
Đối vị có **tâm từ**.**

975. **Kẻ ngu mang y áo,
Dầu được Trưởng lão dạy,
Liệt trí sẽ không nghe,
Không tự chế, tham dục.**

976. **Kẻ ngu dầu dạy vậy,
Không có kính trọng nhau,
Sẽ không có vâng lời,
Lời dạy giáo thọ sư,
Giống như ngựa bất kham,
Đối với người đánh xe.**

977. **Như vậy, thời tương lai,
Hành tung sẽ là vậy.
Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni,
Khi thời tối hậu đến,
Hãy ôn hòa thân ái,**

Hãy cung kính lẫn nhau.

978. **Đại nạn ấy chưa đến,**
Trước khi đại nạn đến,
Hãy ôn hòa thân ái,
Hãy cung kính lẫn nhau.

979. **Hãy có tâm từ bi,**
Khéo chế ngự trong giới,
Chuyên tinh tấn nỗ lực,
Thường kiên trì phần chấn.

980. **Thấy nguy hiểm phóng dật,**
Không phóng dật an ổn,
Hãy tu Tám Thánh đạo,
Giác chứng đạo bất tử.

Như vậy vị Trưởng lão nói với Tăng chúng của mình.
Các bài kệ này là lời nói chánh trí của ngài.

184 Bất tử - Kinh Kisà Gotamì – Tiểu III, 639

Kisà Gotamì – Tiểu III, 639 (63)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình **nghèo khổ**, tên là Gotamì, **vì nàng yếu đuối nên được gọi là Kisà Gotamì (Gotamì ốm yếu).**

Khi lập gia đình, nàng bị khinh thường và được gọi là con gái một người không có gì. Nhưng khi nàng có con, nàng được kính trọng.

Khi người con lớn lên và có thể chạy được, **nó chết**, và nàng cảm thấy đau khổ, và nhớ đến sự đối xử với mình được thay đổi khi để đứa con, nàng nghĩ: "*Chúng sẽ giữ lấy con ta và đem bỏ vào nghĩa địa*". Nàng ôm đứa con chết vào lòng và đi vào từng nhà xin: "**Hãy cho con tôi thuốc**". Và được trả lời: "*Nay thuốc còn gì dùng nữa*". Nhưng nàng không hiểu.

Có người thương xót khuyên nàng đến đức Phật để xin thuốc, Nàng đi đến tinh xá và xin đức Phật: "**Hãy cho con tôi thuốc**". Bậc Đạo Sư thấy được hy vọng tu chứng nơi nàng bèn nói: "***Hãy đi đến nhà nào không có người chết, và đem lại một hột cải***"

Nàng vâng lời, đi vào nhà đầu tiên và yêu cầu như vậy, nhưng bị từ chối, vì trong nhà có người chết. Nàng đi vào nhiều nhà khác, được trả lời như vậy và nàng nghĩ: *"Đây có thể là bậc Đạo Sư dạy khéo cho ta"*, nên nàng đem đặt con nàng ở nghĩa địa và nói:

*Pháp này không riêng làng,
Không riêng thành, gia tộc,
Không riêng cho một ai,
Cho đến toàn thế giới,
Kể cả các chư Thiên,
Ở tại mọi tầng trời,
Pháp nhĩ là như vậy.
Tất cả là vô thường.*

Rồi nàng đi đến bậc Đạo Sư, và khi ngài hỏi có tìm được hột cải không, nàng trả lời: *"Việc làm đã làm xong về hột cải. Hãy xác nhận cho con"*.

Thế Tôn nói:

*Tâm còn bị đắm say,
Con cái và súc vật,
Tử thần bắt người ấy,
Như lút trôi làng ngủ
(Pháp cú, 287)*

Khi đức Phật nói xong, nàng chứng được **Sơ quả (quả Dự lưu)** và xin được xuất gia. Đức Phật chấp nhận và nàng được các Tỷ-kheo-ni cho thọ giới. Sau đó, **không bao lâu nàng nghiên cứu về nguyên nhân của sự vật và khiến thiền quán tăng trưởng.** Rồi bậc Đạo Sư nói lên bài kệ:

*Người sống một trăm năm,
Không thấy pháp sanh diệt,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp sanh diệt.
(Pháp Cú 113)*

Khi đức Phật nói xong, nàng chứng quả A-la-hán. Vì nàng đặc biệt tu **hạnh khắc khổ** nên nàng mặc thô y, và đức Phật ngồi tại tinh xá Kỳ Viên đặt nàng vào **hạnh mặc thô y đệ nhất.**

Suy tư trên quả chứng của mình, nàng nói lên những bài kệ này trước mặt Thế Tôn, những bài kệ tán thán sự thân cận với các bậc Hiền Thánh:

*213. Bạn lành được ẩn sĩ,
Khắp thế giới, ngợi khen,
Thân cận với bạn lành,
Kẻ ngu thành người trí.*

214. *Hãy thân bậc chân nhân,
Thân vậy, trí tăng trưởng,
Thân cận bậc chân nhân,
Mọi khổ đau được thoát.*

215. *Hãy biết, **Bốn Thánh đế**,
Khổ và khổ tập khởi,
Biết về đau khổ diệt,
Và đường Thánh tám ngành.*

216. *Khổ thay phận nữ nhân,
Chính Ngài đã nói lên,
Bạc đánh xe điều ngự,
Những ai đáng điều ngự,
Khổ thay phận chồng chung,
Nhiều người một lần sanh.*

217. *Trong đau khổ đâm hòng,
Mẹ yếu uống thuốc độc,
Trường hợp gặp bào thai,
Bị chết khi đang sanh,
Cả hai mẹ và con,
Đều cùng gặp tai nạn.*

218. *Khi mang thai đi về,
Ta thấy chồng chết đường,
Và khi ta sanh đẻ,*

Ta không về đến nhà.

*219. Hai con đều bị chết,
Chồng nữ nhân khốn khổ,
Lại bị chết giữa đường;
Mẹ, cha và cả anh,
Đều cùng bị thiêu đốt,
Dồn chung trên đồng lửa.*

*220. Ôi, nữ nhân khốn khổ,
Sanh gia cảnh khốn cùng,
Người phải chịu khổ đau,
Vô lượng, không kể xiết.
Nước mắt người đã khóc,
Trải nhiều ngàn lần sanh.*

*221. Ta thấy giữa nghĩa trang,
Thịt con ta bị ăn,
Gia đình bị tàn hại,
Bị mọi người khinh bỉ,
Tuy vậy, người chết chồng.
Đạt được sự bất tử.*

*222. **Ta tu tập Thánh đạo,**
Đường tám ngành, bất tử,
Ta chứng được Niết-bàn,
Thấy được gương Chánh pháp.*

223. Trên ta, **mũi tên đâm**,
Đã được rút ra khỏi,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Việc nên làm đã làm,
Ta là Trưởng lão Ni,
Kisà-Gotamì,
Với tâm khéo giải thoát,
Ta nói lên lời này.

185 Bất tử - Lời bất tử - Kinh Khéo Thuyết - Tiểu I, 605

Kinh Khéo Thuyết – *Tiểu I, 605* (Sn 78)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana... Thế Tôn nói như sau:

- Thành tựu **bốn chi phần**, này các Tỷ-kheo, lời nói được khéo nói, không phải vụng nói, không có lỗi lầm, không bị người trí quở trách. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo:

- **Chỉ nói** *lời khéo nói*, không nói lời vụng nói;
- Chỉ nói *lời đúng pháp*, không nói lời phi pháp;
- Chỉ nói *lời khả ái*, không nói lời phi khả ái;
- Chỉ nói *lời đúng sự thật*, không nói lời không đúng sự thật.

Thành tựu với bốn chi phần này, này các Tỷ-kheo, lời nói là được khéo nói không phải vụng nói, không có lỗi lầm, không bị người trí quở trách.

Thế Tôn thuyết như vậy. Thiện Thệ thuyết như vậy xong bậc Đạo Sư lại nói thêm như sau:

450. *Bậc Thiện nhân nói lên,*

*Lời khéo nói tối thượng,
Thứ hai, nói đúng pháp,
Thứ ba, nói khả ái,
Không nói phi khả ái,
Thứ tư, nói chân thật,
Không nói không chân thật.*

Rồi Tôn giả Vangisa từ chỗ ngồi đứng dậy đắp y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

- Ý nghĩ này đến với con, bạch Thiện Thệ.
- Hãy nói lên ý kiến ấy, này Vangisa!

Rồi Tôn giả Vangisa, trước mặt Thế Tôn, nói lên lời tán thán với những bài kệ thích ứng:

Vangisa:

**451. *Hãy nói lên lời nói,
Không thiêu đốt tự ngã,
Không làm hại người khác,
Lời nói ấy khéo nói.***

**452. *Hãy nói lời khả ái,
Nói lời khiến hoan hỷ,
Không mang theo ác hại,
Khiến người khác ưa thích.***

453. Chân thật, **lời bất tử**,
Đây thường pháp là vậy,
Họ nói, **bậc Thiện nhân**,
An trú trên chân thật,
Trên mục đích, trên pháp.

454. **Lời gì đức Phật nói,**
An ổn, đạt Niết-bàn,
Đoạn tận các khổ đau,
Đấy lời nói tối thượng.

186 **Bất tử - Nước bất tử có đây, Sao người uống trăm đắng - Kinh Sumedhà – Tiểu III, 716**

Sumedhà – Tiểu III, 716 (73)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở thành Mantavati **con gái vua Konca** và được đặt tên là *Sumedhà*.

Khi nàng đến tuổi trưởng thành, **cha mẹ nàng bằng lòng để Anikaratta, vua Vāranavati xem mắt nàng.** Nhưng từ lúc nhỏ, nàng quen cùng đi với các công chúa lứa tuổi nàng, và những người hầu hạ tại tinh xá Tỷ-kheo-ni để nghe các vị này thuyết pháp, và trong một thời gian dài, **vì chí nguyện lúc còn nhỏ, nên nàng sợ hãi sự sanh tử luân hồi, tâm tư thiên về đời sống xuất gia, không ưa thích các dục lạc.**

Khi nghe quyết định của cha mẹ và bà con, nàng nói: *"Bỏ phận của tôi không phải trong đời sống gia đình, tôi sẽ xin xuất gia"*, cha mẹ và các bà con không thể khuyên nàng từ bỏ quyết định của nàng. Nàng suy nghĩ: "Như vậy, ta sẽ được phép xuất gia", và cương quyết theo chí nguyện của mình nàng cắt tóc, và *dùng tóc ấy, theo phương pháp các Tỷ-kheo-ni*

thường dùng, nàng chú tâm vào tánh bất tịnh của sắc đẹp thân xác và chứng được Sơ thiền.

Khi nàng ở trong định Sơ thiền cha mẹ và bà con nàng đến phòng nàng để nói chuyện gả chồng cho nàng. Nhưng nàng khiến mọi người kể cả người hầu cận của vua đến để rước nàng về, cũng tin vào đạo pháp rồi nàng từ bỏ gia đình, đi đến tịnh xá Tỷ-kheo-ni để xuất gia.

Sau khi tu tập **thiền quán**, và giải thoát được chín muôi, nàng chứng quả A-la-hán với hiểu biết về nghĩa và về pháp. Rồi nghĩ đến sự thắng trận của nàng, nàng nói lên sự phấn khởi, sung sướng của nàng:

*448. Con gái vua Konca,
Với hoàng hậu chánh ngôi,
Tại Matavatì,
Được sanh Sumedha,
Hân hoan gắng thực hành,
Lời dạy bậc Đạo Sư.*

*449. Giới hạnh thuyết giảng khéo,
Nghe nhiều khéo huấn luyện,
Theo lời đức Phật dạy,
Nàng đến cha mẹ nàng,
Nói rằng: "Thưa mẹ cha,*

Cả hai, hãy nghe con!".

**450. Con hân hoan Niết-bàn,
Đầu sanh hữu Chư Thiên,
Sanh hữu ấy vô thường,
Giá trị gì các dục,
Trống không, vị ngọt ít,
Còn tàn hại thời nhiều.**

451. Các **dục** thật cay đắng,
Ví như nọc rắn độc,
Kẻ ngu mới tham đắm,
Trong các loại dục ấy.
Những ai thọ hưởng dục,
Trong một thời gian dài,
Bị khổ đau địa ngục,
Hành hạ và tàn hại.

452. Những kẻ làm nghiệp ác,
Những kẻ tâm trí ác,
Bị đau đớn sâu khổ,
Trong cảnh giới đọa xứ.
Kẻ ngu thường không nhiếp,
Chế ngự thân, khẩu, ý.

453. **Kẻ ngu có liệt tuệ,
Không tư duy quyết định,**

*Không ngăn chặn khổ tập,
Khi có thời thuyết pháp,
Không biết lo học hỏi,
Không giác tri **Thánh đế**.*

454. Những sự thật, thừa mẹ,
Phật thù thắng thuyết giảng,
Phần lớn chúng quần sanh,
Không hiểu sự thật ấy;
Họ hoan hỷ tái sanh,
Ước muốn sanh thiên giới.

455. *Sanh thiên không thường trú,
Sanh hữu là vô thường,
Kẻ ngu **không** sợ hãi,
Luôn luôn phải tái sanh.*

456. Bị sanh bốn đọa xứ,
Được sanh Thiên, Nhân giới,
Được chúng khó khăn thay,
Những ai rơi đọa xứ,
Trong cảnh giới địa ngục,
Không có sự xuất gia.

457. Mong cả hai cha mẹ,
Cho con được xuất gia,
Trong giáo pháp thuyết giảng,

Của **bậc chứng Mười lực**,
Sống thông dong nhân hạ,
Nỗ lực đoạn sanh tử.

458. Sao con ưa tái sanh,
Với thân tội lỗi này,
Thân trống rỗng, không lỗi,
Vì mục đích đoạn diệt,
Tham ái được tái sanh,
Xin cho con xuất gia.

459. Nay thời, Phật ra đời,
Phi thời đã từ bỏ,
Thời cơ nay đã đến,
Cho đến trọn đời con,
Con không làm tổn thương,
Giới luật và Phạm hạnh.

460. Sumedha nói vậy,
Nàng lại thừa mẹ cha.
Con nguyện không ăn uống,
Khi còn là cư sĩ,
Ở đây con sẵn sàng,
Chờ chết đến với con.

461. **Mẹ sầu khổ, khóc than!**
Cha hoàn toàn sửng sốt,

*Họ gắng thuyết phục ta,
Nằm dưới đất lâu dài.*

*462. Này con hãy đứng dậy!
Có gì là sâu khổ,
Khi con được cả nước,
Varanavati,
Anikarata,
Đẹp trai, xứng đôi con.*

*463. Con sẽ là hoàng hậu,
Vợ chính Anika!
Này con, thật khó thay!
Đời sống vị xuất gia,
Giữ gìn các giới luật,
Sống đời sống Phạm hạnh.*

*464. Uy lực của vị vua,
Tiền của và quyền thế,
Sản nghiệp và hạnh phúc,
Với tuổi trẻ thanh xuân!
Hãy thọ hưởng dục lạc,
Hãy nhận lời lấy chồng.*

*465. Sumedha thừa rằng:
Thôi đừng, sự việc ấy,
Họ đi đến tái sanh,*

Họ trống không, không lỗi,
Hoặc xuất gia, hoặc chết,
Con chỉ cười như vậy.

466. *Sá gì thân hôi nhớp,
Phát mùi, gây sợ hãi,
Bao da đựng xác chết,
Rỉ chảy đồ **bất tịnh**.*

467. *Sá gì thân hôi nhớp,
Ghê tởm, lấm máu thịt,
Chỗ chứa đựng loài sâu,
Mồi ăn cho chim chóc,
Thân xác này là vậy,
Nay đem đến cho ai?*

468. *Thân thể bỏ nghĩa địa,
Không lâu, mất thức tri,
Như khúc gỗ quăng bỏ,
Bà con đều ghê tởm.*

469. *Thân ấy quăng nghĩa địa,
Làm mồi ăn kẻ khác,
Trước chúng tắm rửa sạch,
Nay chúng sinh ghê tởm,
Cha mẹ còn như vậy,
Nói gì chung quần chúng.*

470. *Họ mê thân không lỗi,
Ràng buộc bởi gân xương,
Đầy nước miếng, nước mắt,
Đầy phân tiểu hôi hám.*

471. *Nếu thân được mổ xẻ,
Lộn nội phần ra ngoài,
Chính mẹ phải ghê tởm,
Không chịu nổi mùi hôi.*

472. Chính do **uẩn, xứ, giới,**
Tác thành các thân này,
Gốc tái sanh, đau khổ;
Họ như lý nói lên,
Hoàn toàn không vui thích.
Vậy ai, tôi muốn cưới?

473. Từng ngày trăm ngọn giáo,
Luôn luôn mới đâm thân,
Dầu bị hại trăm năm,
Như vậy còn tốt hơn,
Vì khổ ấy cuối cùng,
Rồi cũng được tiêu diệt.

474. Kẻ trí quyết bằng lòng,
Sự giết hại như trên,

Bậc Đạo Sư dạy rằng:
Họ luân hồi dài dà,
Với tâm tư giết hại,
Liên tục nối tiếp nhau.

475. Trong cảnh giới Trời, Ngươi,
Bàng sanh, a-tu-la,
Nga quỷ và Địa ngục,
Chịu giết hại vô lượng.

476. Trong địa ngục, rất nhiều,
Kẻ tâm uế, đọa lạc,
Chỗ trú ẩn Thiên giới,
Không có lạc Niết-bàn.

477. **Những ai đạt Niết-bàn,
Họ liên hệ mật thiết,
Với những lời thuyết dạy,
Của bậc đủ Mười lực,
Thong dong không rộn ràng,
Nỗ lực đoạn sanh tử.**

478. **Thưa cha ngày hôm nay,
Con quyết tâm ra đi,
Những tài sản rộng không,
Không có giá trị gì,
Con ghê tởm các dục,**

Con chán ngấy các dục,
Họ đã được tách thành,
Như thân cây Ta-la.

479. Nàng trả lời phụ thân,
Với lời nói như vậy.
Anikaratta,
Được hứa gả công chúa,
Đi đến gần xin cưới,
Theo như giờ hẹn định.

480. Mái tóc đen, dày mịn,
Với gương, nàng cắt ngang,
Cửa lầu được đóng lại,
Nàng chứng được **Sơ thiên.**

481. Nàng sống trong cảnh thiên,
A-ni-ka đến thành,
Sumedha trong cung,
Tu tập **tướng vô thường.**

482. Trong khi nàng tác ý,
Vua bước lên tam cấp,
Trang sức vàng châu báu,
Chấp tay cầu xin nàng.

483. Hãy trị vì quốc độ,

Với tiền của, uy quyền,
Với tài sản, hạnh phúc,
Với tuổi trẻ thanh xuân,
Hãy thọ hưởng các dục,
Thật khó kiếm ở đời.

484. Ta giao nàng vương quốc,
Hưởng tài sản, bố thí,
Nàng chớ có buồn nản,
Khiến mẹ cha khổ đau.

Sumedha trả lời,
Với vua, từng vấn đề;
Đối với nàng, các dục,
Không cầu, không si mê,
Chớ hoan hỷ các dục,
Hãy thấy dục nguy hiểm.

485. Mandhatà là vua,
Chúa bốn châu hưởng dục,
Dục lạc ấy tối thượng,
Tuy vậy khi vua chết,
Cũng chưa được thỏa mãn,
Ước vọng chưa đầy đủ.

486. Dầu có mười bảy báu,
Khấp mười phương đầy tràn,

*Không có dục thỏa mãn,
Người chết, chưa thỏa mãn.*

*487. Các dục ví gươm giáo,
Các dục ví đầu rắn,
Ví như bó đuốc cháy,
Giống xương gậm tron tru.*

*488. Các dục không thường còn,
Cũng không có thường hằng,
Khổ nhiều, thuốc độc lớn,
Như hòn đạn cháy đỏ,
Nguồn gốc của bất hạnh,
Kết quả là đau khổ.*

*489. Dục như trái của cây,
Như miếng thịt, khổ lụy,
Giống như mộng như huyễn,
Dục như của vay mượn.*

*490. Dục như gươm, như cọc,
Bệnh tật và cục bấu,
Bất hạnh và dao động,
Ví như hố than hừng,
Nguồn gốc của bất hạnh,
Sợ hãi và tàn sát.*

491. Như vậy, dục nhiều khổ,
Được gọi chúng ngại pháp,
Hãy đi, từ bỏ tôi,
Khi tôi còn tái sanh,
Thời đối với tự ngã,
Tôi không có lòng tin.

492. Ai giúp gì tôi được,
Khi đầu tôi đang cháy,
Khi già chết bám sát,
Tôi cần phải nỗ lực,
Đối với tàn hại ấy!

493. Không đi đến gần cửa,
Nàng thấy mẹ và cha,
Và vua Anika,
Ngồi dưới đất khóc than,
Thấy vậy nàng tỏ lời,
Thưa mọi người như sau:

494. Kẻ ngu, đã lâu rồi,
Khóc luân hồi nói tiếp,
Từ vô thủy đến nay,
Khóc phải bị mệnh chung,
Khóc anh em bị giết,
Khóc tự mình bị giết.

495. *Hãy nhớ từ vô thủy,
Nước mắt, sữa và máu,
Tuôn chảy theo luân hồi,
Không bao giờ dừng nghỉ,
Hãy nhớ các chúng sanh,
Luân hồi xương chắt đông.*

496. *Hãy nhớ tràn bốn biển,
Đầy nước mắt, sữa, máu,
Hãy nhớ xương một kiếp,
Cao bằng Vi-pu-la.*

497. *Hãy nhớ từ vô thủy,
Không đủ để làm thành,
Cả đất nước Diêm Phù,
Những nắm mồ hôi táo,
Của mẹ cha luân hồi.*

498. *Hãy nhớ từ vô thủy,
Những cỏ cây cành lá,
Không đủ để chứa đựng,
Những ghè bốn ngón tay,
Chứa người cha, luân hồi.*

499. *Hãy nhớ tới hình ảnh,
Con rùa mù biển đông,
Cho đầu nó lọt vào,*

*Lỗ hồng khúc cây trôi,
Để nói lên ví dụ,
Được làm người khó vậy.*

*500. **Hãy nhớ thân sắc người,
Được ví bong bóng nước,
Đầy cả những bất hạnh,
Trống không không có lỗi,
Hãy thấy uẩn vô thường!
Nhớ địa ngục nhiều họa.***

*501. **Hãy nhớ nghĩa địa lớn,
Nhờ tái sinh tiếp tục,
Nhờ sợ hãi thường luân,
Hãy nhớ Bốn sự thật.***

*502. **Nước bất tử có đây!,
Sao người uống trăm đắng,
Tất cả các dục lạc,
Thật trăm cay ngàn đắng.***

*503. **Nước bất tử có đây!
Sao người ưa dục nã!
Mọi dục lạc đốt cháy
Sôi sùng sục nung nấu.***

504. Đây không có kẻ thù!

Sao thích **dục thù địch?**
Vua lửa, trộm, nước, oán,
Thù chung thật là nhiều.

505. Ở đây có giải thoát!
Sao để **dục** giết trói,
Trong dục có giết trói!
Mê dục nhiều khổ đau.

506. **Đuốc** cỏ đang cháy rực,
Nắm, không thả, bị đốt,
Dục ví như bó đuốc,
Đốt cháy ai không thoát.

507. **Chó** nhận dục lạc nhỏ,
Bỏ lạc lớn rộng rãi,
Chó như cá nuốt câu,
Sau phải chịu hoạn nạn.

508. **Hãy** nhiếp dục trong dục,
Như chó bị dây cột,
Chó để dục ăn người,
Như dân đói ăn chó.

509. **Khổ** thật là vô lượng,
Khiến tâm nhiều ưu tư,
Người hệ lụy với dục,

Hãy bỏ đục vô thường.

510. Ở đây, không có già!
Sao theo đục bị già?
Mọi sanh ở khắp nơi,
Bị bệnh chết chi phối.

511. **Đây không già, không chết.**
Đây con đường không già,
Không chết, không sầu não,
Không thù địch trói buộc,
Không vấp ngã sợ hãi,
Không nung nấu đọa đầy.

512. Đích này, nhiều người đạt,
Đích này là bất tử,
Nay cần phải chứng được,
Ai như lý chú tâm,
Nếu không có nỗ lực,
Không sao chứng đạt được.
Sumedhà nói vậy,
Không thích đi đến hành,
Nàng thuyết phục được vua,
Vội tóc quăng trên đất.

513. Đứng đây A-ni-ka,
Chấp tay xin cha nàng,

Hãy cho Su-me-dha,
Được xuất gia tu học,
Để nàng thấy cho được,
Giải thoát và chân lý.

514. Mẹ cha cho xuất gia,
Thoát sầu, sợ, khiếp đảm,
Sáu tháng trí chứng đạt.
Chúng luôn quả tối thượng.
Dầu còn là học nữ.

515. Thật vi diệu hy hữu!
Một công chúa con vua,
Lại đạt được Niết-bàn!
Nàng nói lên như sau,
Thời **trước đời cuối cùng.**

516. Trong thời đức **Thế Tôn,**
Konàgamana!
Trong trú xứ mới làm,
Tại cảnh Tăng già lam,
Với bạn là ba người,
Chúng tôi cúng tịnh xá.

517. Mười lần, một trăm lần,
Mười trăm, trăm trăm lần,
Chúng tôi sanh chư Thiên,

Còn nói gì, làm người.

518. Giữa chư Thiên chúng tôi,
Có được thân lực lớn,
Còn nói gì chúng tôi,
Khi được làm thân người,
Ta **hoàng hậu, bầy báu!**
Ta chính là **nữ báu.**

519. Đây là nhân, là nguồn
Đây chính là căn gốc,
Kham nhẫn lời Đạo Sư!
Đây dây chuyền thứ nhất,
Đây chính là Niết-bàn,
Nếu chúng ta mến pháp.

520. Như vậy với lòng tin,
Họ thuyết rõ nên lời,
Lời nói đầy trí tuệ,
Thù thắng và tối thượng
Họ chán ghét tái sanh,
Do chán ghét, tham diệt.

187 Bất tử - Thấy được giới bất tử - Kinh Ràhula – Tiểu III, 221

Ràhula – Tiểu III, 221 (193)

Ngài là **con của đức Phật và công chúa Yasodhara**, và được nuôi dưỡng với các hoàng tử khác. Trường hợp ngài xuất gia đã được ghi trong tập Khandhaka. Nhờ những lời dạy trong nhiều bài kinh, trí tuệ ngài thuần thực và **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Suy tư đến sự thắng trận của mình, ngài nói lên chánh trí:

*294. Nhờ ta được đầy đủ,
Hai đức tánh tốt đẹp,
Được bạn có trí gọi,
"Ra-hu-la may mắn",
**Ta là con đức Phật,
Ta lại được Pháp nhãn.***

*295. Các lậu hoặc ta đoạn,
Không còn có tái sanh,
Ta là bậc La-hán,
Đáng được sự cúng dường.*

**Ba mình ta đạt được,
Thấy được giới bất tử.**

296. Bị **dục** làm mù quáng,
Bị **lưới tà** bao trùm,
Khát **ái** làm màn che,
Bao trùm che phủ kín.
Do **phóng dật** trối buộc,
Như cá mắc mắt lưới.

297. Ta vượt qua dục ấy,
Cắt đứt ma trối buộc,
Nhỏ lên gốc khát ái,
Ta mát lạnh tịch tịnh.

188 Bất tử - Thấy được quả bất tử - Kinh Vaddha – Tiểu III, 239

Vaddha – Tiểu III, 239 (202)

Sanh trong đời đức Phật hiện tại, tại thành Dhamkaccha trong một dòng họ thường dân, ngài được đặt tên là Vaddha.

Khi lớn lên, mẹ ngài cảm thấy âu lo vì vấn đề tái sanh và chết, giao con lại cho bà con, rồi bà xuất gia giữa các Tỷ-kheo-ni. Sau bà trở thành một vị A-ha-hán.

Con bà, cũng xuất gia dưới sự hướng dẫn của Veludanta, học lời dạy đức Phật, trở thành một pháp sư giỏi có tiếng. Một hôm, suy nghĩ đến trách nhiệm của mình, ngài nghĩ: "*Nay ta sẽ đến thăm mẹ ta một mình và không đáp y ngoài*". Rồi ngài đi đến trú xứ các Tỷ-kheo-ni. Mẹ ngài thấy ngài vậy, chỉ trích ngài sao đi đến trú xứ Tỷ-kheo-ni một mình và không đáp y ngoài. Ngài nhận thấy mình có lỗi, trở về tinh xá, ngồi trong phòng thiền định và chứng quả A-la-hán.

Ngài nói lên chánh trí của ngài, nhờ lời chỉ trích của mẹ ngài:

334. *Lành thay, bà mẹ ta,*

Kích thích, khích lệ ta,
Nghe lời dạy của bà,
Được dạy bởi bà mẹ,
Ta tinh cần, tinh tấn,
Chứng Bồ-đề vô thượng.

335. Ta xứng được cúng dường,
Ba minh, thấy bất tử.
Ta chứng quả La-hán,
Xứng đáng được cúng dường,
Ba minh đã chứng đạt,
Thấy được quả bất tử,
Chiến thắng quân Ma vương,
Ta sống, không lâu hoặc.

336. Các lậu hoặc, nội, ngoại,
Trước đã có trong ta,
Tất cả bị nhổ sạch,
Không còn khởi lên nữa.

337. Bà chị tâm nhu thuận,
Nói lên ý nghĩa này,
Trong con và trong ta,
Cổ rường không còn nữa.

338. **Khổ** đã được chấm dứt,
Thân này thân cuối cùng,

*Đường sanh tử đứt đoạn,
Nay không còn tái sanh.*

189 Bất tử - Thể nhập vào bất tử - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106

Phẩm BàLaMôn – *Tiểu I*, 106

383. Hỡi này Bà là môn,
Hãy tinh tấn đoạn dòng,
Từ bỏ các dục lạc,
Biết được hành đoạn diệt,
Người là **bậc vô vi**.

384. Nhờ thường trú hai pháp,
Đến được bờ bên kia,
Bà-la-môn có trí,
Mọi kiết sử đứt sạch.

385. Không bờ này, bờ kia,
Cả hai bờ không có,
Lìa khổ, không trói buộc,
Ta gọi Bà-la-môn.

386. Tu thiền, trú ly trần,
Phận sự xong, vô lậu,
Đạt được đích tối thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

387. *Mặt trời* sáng ban ngày,
Mặt trăng sáng ban đêm,
Khí giới sáng Sát ly,
Thiền định sáng Phạm chí,
Còn hào quang đức Phật,
Chói sáng cả ngày đêm.

388. **Dứt ác** gọi Phạm chí,
Tinh hạnh gọi Sa môn,
Tự mình xuất cầu uế,
Nên gọi **bậc xuất gia.**

389. Chớ có đập Phạm chí,
Phạm chí chớ đập lại,
Xấu thay đập Phạm chí,
Đập trả lại xấu hơn.

390. Đối vị Bà-la-môn,
Đây không lợi ích nhỏ,
Khi ý không ái luyến,
Tâm hại được chận đứng,
Chỉ khi ấy khổ diệt.

391. Với người thân miệng ý,
Không làm các ác hạnh,
Ba nghiệp được phòng hộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

392. Từ ai, biết Chánh pháp,
Bậc Chánh Giác thuyết giảng,
Hãy kính lễ vị ấy,
N như Phạm chí chờ lửa.

393. Được gọi Bà-la-môn,
Không vì đầu bện tóc,
Không chủng tộc, thọ sanh,
Ai thật chân, chánh, tịnh,
Mới gọi Bà-la-môn.

394. Kẻ ngu, có ích gì,
Bện tóc với da dê,
Nội tâm toàn phiền não,
Ngoài mặt đánh bóng suông.

395. Người mặc áo đồng rác,
Gầy ốm, lộ mạch gân,
Độc thân thiền trong rừng,
Ta gọi Bà-la-môn.

396. Ta không gọi Phạm Chí,
Vì chỗ sanh, mẹ sanh,
Chỉ được gọi tên suông,
Nếu tâm còn phiền não,
Không phiền não, chấp trước,

Ta gọi Bà-la-môn.

397. Đoạn hết các kiết sử,
Không còn gì lo sợ,
Không đả trước buộc ràng,
Ta gọi Bà-la-môn.

398. Bỏ đai da, bỏ cương,
Bỏ dây, đồ sở thuộc,
Bỏ then chốt, sáng suốt,
Ta gọi Bà-la-môn.

399. Không ác ý, nhẫn chịu,
Phỉ báng, đánh, phạt hình,
Lấy **nhẫn** làm quân lực,
Ta gọi Bà-la-môn.

400. Không hận, hết bốn phận,
Trì giới, không tham ái,
Nhiếp phục, thân cuối cùng,
Ta gọi Bà-la-môn.

401. Như nước trên lá sen,
Như hột cải đầu kim,
Người không nhiễm ái dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

402. Ai tự trên đời này,
Giác khổ, diệt trừ khổ,
Bỏ gánh nặng, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

403. Người trí tuệ sâu xa,
Khéo biết đạo, phi đạo,
Chứng đạt đích vô thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

404. Không liên hệ cả hai,
Xuất gia và thế tục,
Sống độc thân, ít dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

405. Bỏ trượng, đối chúng sanh,
Yếu kém hay kiên cường,
Không giết, không bảo giết,
Ta gọi Bà-la-môn.

406. Thân thiện giữa thù địch,
Ôn hòa giữa hung hăng,
Không nhiễm, giữa nhiễm trước,
Ta gọi Bà-la-môn.

407. Người bỏ rơi tham sân,
Không mạn, không ganh tị,

Như hột cải đầu kim,
Ta gọi Bà-la-môn.

408. Nói lên lời ôn hòa,
Lợi ích và chân thật,
Không mất lòng một ai,
Ta gọi Bà-la-môn.

409. Ở đời, vật dài, ngắn,
Nhỏ, lớn, đẹp hay xấu,
Phàm không cho không lấy,
Ta gọi Bà-la-môn.

410. Người không có hy cầu,
Đời này và đời sau,
Không hy cầu, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

411. Người không còn tham ái,
Có trí, không nghi hoặc,
Thể nhập vào bất tử,
Ta gọi Bà-la-môn.

412. Người sống ở đời này,
Không nhiễm cả thiện ác,
Không sâu, sạch, không bụi,
Ta gọi Bà-la-môn.

413. Như trắng, sạch không uế,
Sáng trong và tĩnh lặng,
Hữu ái, được đoạn tận,
Ta gọi Bà là môn.

414. Vượt đường nguy hiểm này,
Nhiếp phục luân hồi, si,
Đến bờ kia thiên định,
Không dục ái, không nghi,
Không chấp trước, tịch tịnh,
Ta gọi Bà-la-môn.

415. Ai ở đời, đoạn **dục**,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Dục hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

416. Ai ở đời đoạn **ái**,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Ái hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

417. Bỏ trói buộc loài người,
Vượt trói buộc cõi trời,
Giải thoát mọi buộc ràng,
Ta gọi Bà-la-môn.

418. Bỏ điều ưa, điều ghét,
Mát lạnh, diệt sanh y,
Bậc anh hùng chiến thắng,
Nhiếp phục mọi thế giới,
Ta gọi Bà-la-môn.

419. Ai hiểu rõ hoàn toàn
Sanh tử các chúng sanh,
Không nhiễm, khéo vượt qua,
Sáng suốt chân giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

420. Với ai, loài trời, người,
Cùng với Càn thất bà,
Không biết chỗ thọ sanh,
Lậu tận bậc La hán,
Ta gọi Bà-la-môn.

421. Ai quá, hiện, vị lai,
Không một sở hữu gì,
Không sở hữu không nắm,
Ta gọi Bà-la-môn.

422. Bậc trâu chúa, thù thắng,
Bậc anh hùng, đại sĩ,
Bậc chiến thắng, không nhiễm,

Bạc tẩy sạch, giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

423. Ai biết được đời trước,
Thấy thiên giới, đọa xứ,
Đạt được sanh diệt tận,
Thắng trí, tự viên thành,
Bạc mâu ni đạo sĩ,
Viên mãn mọi thành tựu,
Ta gọi Bà-la-môn.

190 **Bất tử - Trong bình bát bất tử, Được đựng đầy Chánh pháp - Kinh Kappata Kura – Tiểu III, 174**

Kappata Kura – Tiểu III, 174 (160)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Sàvatthi, trong tình cảnh nghèo nàn, ngài chỉ biết tự nuôi sống, bằng cách mặc đồ rách rưới, bát ăn xin cầm tay, đi xin gạo cơm. Vì vậy ngài được tên là *Kappatakura* (*rách và gạo*).

Khi lớn lên, ngài nuôi sống bằng cách bán cỏ. Một hôm, đang cắt cỏ trong rừng, ngài gặp một vị Trưởng lão, ngài đánh lễ, ngồi xuống nghe pháp. Ngài khởi lòng tin, từ bỏ nếp sống cũ, xuất gia, cắt đồ rách rưới vào một chỗ.

Khi ngài cảm thấy nhàm chán với đời sống mới, ngài đi đến nhìn đồ rách rưới ấy, tâm ngài trở thành bất an. Làm như vậy, bảy lần ngài rời khỏi chúng Tăng. Các Tỷ-kheo báo cáo lên sự việc này.

Một hôm, khi ngài là một Tỷ-kheo đang ngồi giữa chúng Tăng tại giảng đường, bậc Đạo Sư giáo giới ngài với những bài kệ như sau:

199. Đây là đồ rách rưới,
Của Kappata-kura,
Y áo đang phủ đắp,
Thật là quá nặng nề,
**Trong bình bát bất tử,
Được đựng đầy Chánh pháp,
Nhưng nó không thực hành,
Con đường hành thiền định.**

200. Hồi này Kappata,
Chớ lắc qua lắc lại,
Chớ khiến ta phải đánh,
Các tiếng vào tai ông,
Hồi này Kappata,
Chớ làm kẻ si mê,
Ngồi lắc qua lắc lại,
Giữa Tăng chúng hội họp.

Bị đức Phật quả trách mạnh mẽ, ngài dao động mạnh, **phát triển thiền quán**, không bao lâu chúng quả A-la-hán. Rồi ngài lập lại các bài kệ đã khích lệ ngài tu hành và những bài kệ này trở thành những lời tuyên bố chánh trí của ngài.

191 **Bất tử - Đánh tiếng trống bất tử, Rưới cam lồ giải thoát - Kinh Càpà – Tiểu III, 666**

Càpà – Tiểu III, 666 (68)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở xứ Vankahàra, trong làng những người thợ săn đặt bẫy mồi, con người chủ thợ săn và được đặt tên là Càpà.

Trong lúc ấy, Upaka một ẩn sĩ khổ hạnh, gặp đức Bốn Sư khi Ngài đi từ Bồ đề đạo tràng đến Ba-la-nại để chuyển pháp luân và hỏi ngài: "*Này Ngài, hình như Ngài được dồi dào sức khỏe. Da của Ngài thật trong sáng. Này Ngài, Ngài từ ai xuất gia? Vị Đạo Sư của Ngài là ai? Hay ngài tin tưởng giáo lý gì?*".

Và bậc Đạo Sư trả lời như sau:

*Ta chinh phục tất cả,
Mọi sự việc, Ta biết,
Sống giữa vật, không nhiễm,
Ta từ bỏ tất cả,
Mệnh chung, ác đoạn tận,
Kiến thâm sâu, Ta chứng,
Ta chỉ ai cho ông,
Ta không có Bốn Sư,*

*Trên đời đứng một mình,
Không ai sánh bằng Ta.
Nay Ta đang đi đến,
Thành phố Ba-la-nai,
Để vận chuyển Pháp luân,
Quay bánh xe Chánh pháp,
Thức tỉnh và hướng dẫn,
Quần chúng đang mê muội,
Đánh tiếng trống bất tử.
Rưới cam lồ giải thoát.*

Vị ẩn sĩ, biết được sự giác ngộ và sứ mệnh của Ngài nên nói: "*Này Ngài, mong rằng sự việc sẽ như Ngài nói, Ngài xứng đáng là bậc chiến thắng bất diệt*".

Rồi Upaka đi con đường tắt đến Vankahara, và sống gần chỗ các người thợ săn. Người chủ thợ săn lo cung phụng cho Upaka. Một hôm, người chủ đoàn thợ săn đi bắn xa với các con trai và anh em, bảo Càpà lo cúng dường cho Upaka. Nhưng Càpà rất đẹp và khi Upaka đến tại nhà để khát thực, Upaka mê say sắc đẹp của nàng, đến nỗi ăn không được, phải đem thức ăn về nhà và nguyện thà chịu chết nếu không lấy được Càpà.

Sau bảy ngày, người chủ thợ săn trở về hỏi vị A-la-hán của mình ở đâu, và được biết Upaka chỉ đến nhà mình một lần đầu rồi thôi không đến nữa. Người thợ

săn tìm kiếm đến Upaka và Upaka than khóc thú nhận sự đắm say của mình. Người thợ săn hỏi Upaka có biết nghề gì không, Upaka trả lời là không và chịu đi lượm các loài chim thú bị bắt được và đem bán. Người thợ săn bằng lòng cho Upaka một cái áo khoác ngoài đưa về nhà và gả Càpà cho.

Sau một thời gian Càpà sanh được một người con trai và đặt tên là Subhadda. Khi đứa con khóc, Càpà liền hát lên như sau để chế nhạo chồng mình: *"Con của Upaka! Con của vị ẩn sĩ! Con kẻ bán đồ săn! Chớ khóc, chớ khóc này con"*. Cuối cùng Upaka tức quá trả lời: *"Này Càpà, đừng nghĩ rằng không có ai che chở cho ta! Ta có một người bạn, một vị chiến thắng bất diệt, ta sẽ đến với người bạn ấy"*.

Càpà biết chồng mình tức giận, nhưng vẫn trêu chọc chồng mình, cho đến một hôm Upaka cương quyết ra đi. Nàng cố cản ngăn nhưng không được và cuối cùng Upaka ra đi để gặp Thế Tôn ở Sàvatthi. Thế Tôn dặn các Tỷ-kheo khi nào có ai đến hỏi: *"Vị chiến thắng bất diệt ở đâu?"* thì đưa người ấy vào gặp đức Phật.

Khi Upaka đến tịnh xá và hỏi: *"Vị chiến thắng bất diệt ấy ở đâu?"* Các Tỷ-kheo đưa Upaka đến gặp đức Phật. Đức Phật cho Upaka xuất gia và cuối cùng Upaka chứng được quả Bất lai. Sau khi mạng

chung Upaka được sanh lên cõi Trời Aviha, và khi tái sanh, Upaka chứng được quả A-la-hán.

Còn **Càpà**, đau buồn vì chồng bỏ đi, giao con lại cho ông ngoại đi theo Upaka, xin được xuất gia và chứng được quả A-la-hán và lấy bài kệ của Upaka, hợp chung với bài kệ của mình, nàng nói lên sự phấn khởi của mình:

Upaka nói:

291. *Ta trước tay cầm gậy,
Nay ta thành thợ săn,
Sa lầy đầm khốn cùng,
Ta không đến bờ kia.*

292. *Càpà chọc đùa con,
Mĩa mai ta say đắm,
Chặt trói buộc Càpà,
Ta nay đã xuất gia.*

Càpà nói:

293. *Chớ có tức giận em,
Hồi bậc đại chiến thắng,
Chớ có tức giận em,
Hồi bậc đại ẩn sĩ,
Kẻ bị giận chi phối,*

Khổ hạnh khó thanh tịnh.

294. *Ta sẽ rời Nàlà!*
Ai ở lại Nàlà,
Khi nếp sống đúng pháp,
Tại đây vị Sa-môn,
Bị sắc đẹp nữ nhân,
Trói buộc vào quuyến rũ.

295. *Hãy trở lui thừa chàng,*
Chàng mắt đen của thiếp,
Hãy hưởng thọ dục lạc,
Như trước chàng đã hưởng,
Thiếp xin phục tùng chàng,
Lại còn bà con thiếp.

296. *Này Càpà phân tư,*
Điều nàng đã nói lên,
Đôi kẻ say mê nàng,
Có thể thành lớn mạnh.

297. *Chàng mắt đen của thiếp,*
Thiếp chẳng đẹp hay sao,
Như cây lựu này mầm,
Nở hoa trên đầu núi,
Như giây leo giăng hoa,
Hay như bông thối kèn,

Trong nội địa hoang đảo,
Hãy nhìn sắc đẹp thiếp.

298. Uớp thơm với mùi hương,
Hương chiên đàn đỏ thắm,
Thiếp mang lụa Kàsi,
Lụa Kàsi tối thương,
Thiếp đẹp như thế này,
Sao chàng bỏ rơi thiếp.

299. Như thợ săn bắt chim,
Muốn dùng mồi bắt chim,
Dầu bữa giăng sắc đẹp,
Nàng không trối ta được!

300. Còn quả **con trai** này,
Do chàng sanh ra thiếp,
Chàng mắt đen của thiếp,
Sao chàng lại từ bỏ,
Đưa con trai của thiếp,
Đưa con trai của chàng.

301. Bạc trí bỏ con trai,
Bỏ bà con, tài sản,
Bạc đại hùng xuất gia,
Như voi biết trối buộc.

302. Con trai này của chàng,
Nay thiếp dùng gậy dao,
Đánh ngã nó trên đất,
Hãy tự cứu cho chàng,
Vì sáu muện đưa con,
Chàng không thể bỏ đi.

303. Nếu nàng quăng con trai
Cho chó sói, loài chó,
Kẻ sanh con trai ta,
Không động lòng trắc ẩn,
Nàng sẽ không làm được,
Khiến ta trở lui lại.

304. Nay mong chàng tốt lành,
Chàng mắt đen của thiếp!
Chàng sẽ đi đến đâu?
Làng nào, thị trấn nào,
Chàng đi thành phố nào?
Chàng đi kinh đô nào?

305. Xưa đời sống chúng tôi,
Tổ chức thành đồ chúng!
Không phải là Sa-môn,
Chúng tôi tưởng Sa-môn!
Chúng tôi sống bộ hành,
Làng này qua làng khác,

*Sống trong những thành phố,
Cũng như tại thủ đô.*

*306. Nay thật Thế Tôn này,
Dọc bờ sông Ni-liên,
Ngài thuyết giảng Chánh pháp,
Cho các loài hữu tình,
Đoạn tận mọi khổ đau,
Ta nay đi đến Ngài,
Ngài sẽ là Đạo Sư,
Đạo Sư của chúng ta.*

*307. Nay chàng đi đánh lễ,
Bậc Thế Tôn vô thượng!
Đi hữu nhiều quanh Ngài!
Dâng Ngài lòng cung kính.*

*308. Càpà, như nàng nói!
Lợi ích cả hai ta!
Nay ta thay mặt nàng,
Lễ Thế Tôn vô thượng,
Đi hữu nhiều quanh Ngài,
Ta dâng lòng cung kính.*

*309. Rời Kàla ra đi,
Dọc sông Ni-liên-thiên,
Thấy bậc Chánh Đẳng giác,*

Thuyết pháp **đao bất tử**.

310. Thuyết **khổ, khổ tập khởi!**

Vượt qua sự đau khổ,

Thuyết **đường Thánh tám ngàn,**

Đưa đến khổ tịnh chỉ.

311. Đánh lễ chân Ngài xong,

Hữu nhiều quanh Ngài xong,

Trình lên lời ước nguyện,

Của Càpà vợ chàng!

Rồi chàng xin xuất gia,

Sống đời không gia đình,

Chứng đạt được **Ba minh,**

Làm xong lời Phật dạy.

192 **Bất tử - Đoạn diệt giới, không sanh y - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 356**

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 356 (Tik. I, 2) (It. 45)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba giới** này. Thế nào là ba? **Sắc giới, vô sắc giới, diệt giới**. Này các Tỷ-kheo, có ba giới này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Ai liễu tri **sắc giới**,
Không an trú **vô sắc**,
Những ai được giải thoát,
Đối với **đoạn diệt giới**,
Các chúng sanh như vậy,
Xả ly được thân chết,
Với thân cảm giác được,
Bất tử, không sanh y,
Xả ly, từ bỏ hẳn,
Sanh y đưa đến hữu,
Sau khi tự chứng được,*

*Không còn có lậu hoặc,
Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác,
Thuyết pháp con đường chánh,
Không có gì sâu muộn,
Trong sạch không cấu uế.*

Ý nghĩa này đã được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

193 Bất tử - Đạo bất tử - Kinh Càpà – Tiểu III, 666

Càpà – Tiểu III, 666 (68)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở xứ Vankahàra, trong làng những người thợ săn đặt bẫy mồi, con người chủ thợ săn và được đặt tên là Càpà.

Trong lúc ấy, Upaka một ẩn sĩ khổ hạnh, gặp đức Bốn Sư khi Ngài đi từ Bồ đề đạo tràng đến Ba-la-nại để chuyển pháp luân và hỏi ngài: "*Này Ngài, hình như Ngài được dồi dào sức khỏe. Da của Ngài thật trong sáng. Này Ngài, Ngài từ ai xuất gia? Vị Đạo Sư của Ngài là ai? Hay ngài tin tưởng giáo lý gì?*".

Và bậc Đạo Sư trả lời như sau:

*Ta chinh phục tất cả,
Mọi sự việc, Ta biết,
Sống giữa vật, không nhiễm,
Ta từ bỏ tất cả,
Mệnh chung, ác đoạn tận,
Kiến thâm sâu, Ta chứng,
Ta chỉ ai cho ông,
Ta không có Bốn Sư,
Trên đời đứng một mình,*

*Không ai sánh bằng Ta.
Nay Ta đang đi đến,
Thành phố Ba-la-nại,
Để vận chuyển Pháp luân,
Quay bánh xe Chánh pháp,
Thức tỉnh và hướng dẫn,
Quần chúng đang mê muội,
Đánh tiếng trống bất tử.
Rưới cam lồ giải thoát.*

Vị ẩn sĩ, biết được sự giác ngộ và sứ mệnh của Ngài nên nói: "*Này Ngài, mong rằng sự việc sẽ như Ngài nói, Ngài xứng đáng là bậc chiến thắng bất diệt*".

Rồi Upaka đi con đường tắt đến Vankahara, và sống gần chỗ các người thợ săn. Người chủ thợ săn lo cung phụng cho Upaka. Một hôm, người chủ đoàn thợ săn đi bắn xa với các con trai và anh em, bảo Càpà lo cúng dường cho Upaka. Nhưng Càpà rất đẹp và khi Upaka đến tại nhà để khát thực, Upaka mê say sắc đẹp của nàng, đến nỗi ăn không được, phải đem thức ăn về nhà và nguyện thà chịu chết nếu không lấy được Càpà.

Sau bảy ngày, người chủ thợ săn trở về hỏi vị A-la-hán của mình ở đâu, và được biết Upaka chỉ đến nhà mình một lần đầu rồi thôi không đến nữa. Người thợ săn tìm kiếm đến Upaka và Upaka than khóc thú

nhận sự đắm say của mình. Người thợ săn hỏi Upaka có biết nghề gì không, Upaka trả lời là không và chịu đi lượm các loài chim thú bị bắt được và đem bán. Người thợ săn bằng lòng cho Upaka một cái áo khoác ngoài đưa về nhà và gả Càpà cho.

Sau một thời gian Càpà sanh được một người con trai và đặt tên là *Subhadda*. Khi đưa con khóc, Càpà liền hát lên như sau để chế nhạo chồng mình: "*Con của Upaka! Con của vị ẩn sĩ! Con kẻ bán đồ săn! Chớ khóc, chớ khóc này con*". Cuối cùng Upaka tức quá trả lời: "*Này Càpà, đừng nghĩ rằng không có ai che chở cho ta! Ta có một người bạn, một vị chiến thắng bất diệt, ta sẽ đến với người bạn ấy*".

Càpà biết chồng mình tức giận, nhưng vẫn trêu chọc chồng mình, cho đến một hôm Upaka cương quyết ra đi. Nàng cố cản ngăn nhưng không được và cuối cùng Upaka ra đi để gặp Thế Tôn ở Sàvatthi. Thế Tôn dặn các Tỷ-kheo khi nào có ai đến hỏi: "*Vị chiến thắng bất diệt ở đâu?*" thì đưa người ấy vào gặp đức Phật.

Khi Upaka đến tịnh xá và hỏi: "*Vị chiến thắng bất diệt ấy ở đâu?*" Các Tỷ-kheo đưa Upaka đến gặp đức Phật. Đức Phật cho Upaka xuất gia và cuối cùng **Upaka chứng được quả Bất lai**. Sau khi mạng chung Upaka được sanh lên cõi Trời Aviha, và khi tái sanh, Upaka chứng được quả A-la-hán.

Còn **Càpà**, đau buồn vì chồng bỏ đi, giao con lại cho ông ngoại đi theo Upaka, xin được xuất gia và chứng được quả A-la-hán và lấy bài kệ của Upaka, hợp chung với bài kệ của mình, nàng nói lên sự phấn khởi của mình:

Upaka nói:

291. *Ta trước tay cầm gậy,
Nay ta thành thợ săn,
Sa lầy đầm khôn cùng,
Ta không đến bờ kia.*

292. *Càpà chọc dừa con,
Mĩa mai ta say đắm,
Chặt trói buộc Càpà,
Ta nay đã xuất gia.*

Càpà nói:

293. *Chớ có tức giận em,
Hồi bậc đại chiến thắng,
Chớ có tức giận em,
Hồi bậc đại ẩn sĩ,
Kẻ bị giận chi phối,
Khổ hạnh khó thanh tịnh.*

294. *Ta sẽ rời Nàlà!
Ai ở lại Nàlà,
Khi nếp sống đúng pháp,
Tại đây vị Sa-môn,
Bị sắc đẹp nữ nhân,
Tróí buộc vào quuyến rũ.*

295. *Hãy trở lui thừa chàng,
Chàng mắt đen của thiếp,
Hãy hưởng thọ dục lạc,
Như trước chàng đã hưởng,
Thiếp xin phục tùng chàng,
Lại còn bà con thiếp.*

296. *Này Càpà phân tư,
Điều nàng đã nói lên,
Đôi kẻ say mê nàng,
Có thể thành lớn mạnh.*

297. *Chàng mắt đen của thiếp,
Thiếp chẳng đẹp hay sao,
Như cây lựu nảy mầm,
Nở hoa trên đầu núi,
Như giây leo giăng hoa,
Hay như bông thối kèn,
Trong nội địa hoang đảo,
Hãy nhìn sắc đẹp thiếp.*

298. Ướp thơm với mùi hương,
Hương chiên đàn đỏ thắm,
Thiếp mang lụa Kàsi,
Lụa Kàsi tối thương,
Thiếp đẹp như thế này,
Sao chàng bỏ rơi thiếp.

299. Như thợ săn bắt chim,
Muốn dùng mồi bắt chim,
Dầu bữa giăng sặc đẹp,
Nàng không trói ta được!

300. Còn quả **con trai** này,
Do chàng sanh ra thiếp,
Chàng mắt đen của thiếp,
Sao chàng lại từ bỏ,
Đứa con trai của thiếp,
Đứa con trai của chàng.

301. Bạc trí bỏ con trai,
Bỏ bà con, tài sản,
Bạc đại hùng xuất gia,
Như voi biết trói buộc.

302. Con trai này của chàng,
Nay thiếp dùng gậy dao,

*Đánh ngã nó trên đất,
Hãy tự cứu cho chàng,
Vì sáu muện đứa con,
Chàng không thể bỏ đi.*

*303. Nếu nàng quăng con trai
Cho chó sói, loài chó,
Kẻ sanh con trai ta,
Không động lòng trắc ẩn,
Nàng sẽ không làm được,
Khiến ta trở lui lại.*

*304. Nay mong chàng tốt lành,
Chàng mắt đen của thiếp!
Chàng sẽ đi đến đâu?
Làng nào, thị trấn nào,
Chàng đi thành phố nào?
Chàng đi kinh đô nào?*

*305. Xưa đời sống chúng tôi,
Tổ chức thành đồ chúng!
Không phải là Sa-môn,
Chúng tôi tưởng Sa-môn!
Chúng tôi sống bộ hành,
Làng này qua làng khác,
Sống trong những thành phố,
Cũng như tại thủ đô.*

306. Nay thật Thế Tôn này,
Dọc bờ sông Ni-liên,
Ngài thuyết giảng Chánh pháp,
Cho các loài hữu tình,
Đoạn tận mọi khổ đau,
Ta nay đi đến Ngài,
Ngài sẽ là Đạo Sư,
Đạo Sư của chúng ta.

307. Nay chàng đi đánh lễ,
Bậc Thế Tôn vô thượng!
Đi hữu nhiều quanh Ngài!
Dâng Ngài lòng cung kính.

308. Càpà, như nàng nói!
Lợi ích cả hai ta!
Nay ta thay mặt nàng,
Lễ Thế Tôn vô thượng,
Đi hữu nhiều quanh Ngài,
Ta dâng lòng cung kính.

309. Rời Kàla ra đi,
Dọc sông Ni-liên-thiên,
Thấy bậc Chánh Đẳng giác,
Thuyết pháp **đạo bất tử**.

310. Thuyết **khổ, khổ tập khởi!**
Vượt qua sự đau khổ,
Thuyết **đường Thánh tám ngành,**
Đưa đến khổ tịnh chỉ.

311. Đánh lễ chân Ngài xong,
Hữu nhiều quanh Ngài xong,
Trình lên lời ước nguyện,
Của Càpà vợ chàng!
Rồi chàng xin xuất gia,
Sống đời không gia đình,
Chứng đạt được **Ba minh,**
Làm xong lời Phật dạy.

194 **Bất tử - Đạo bất tử - Kinh Tàlaputta – Tiểu III, 479**

Tàlaputta – Tiểu III, 479 (262)

Trong thời gian đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình kịch sĩ, trở thành thiện xảo trong nghề diễn kịch thích hợp với người trong gia tộc và trở thành lừng danh khắp Ấn Độ, như nhà lãnh đạo một ban hát với năm trăm nữ nhân, với sự huy hoàng của nghề kịch, ngài dự các lễ ở làng, ở thị trấn, ở cung điện vua, và rất được sủng ái và danh tiếng.

Khi ngài trình diễn ở Ràjagaha với nhiều thành công, ngài đến yết kiến đức Phật và hỏi có phải một kịch sĩ khi trên sân khấu giả danh sự thật, làm cho khán giả ưa thích, vui cười, người ấy sau khi chết được sanh vào *chư Thiên* hay cười.

Đức Phật ban đầu không trả lời. Đến khi hỏi lần thứ tư, đức Phật trả lời những ai khiến cho con người thiên về tình dục, tiêu cực, tâm tư hoang mang khiến người ta mất nhiệt tình, người như vậy sau khi chết sẽ sinh vào địa ngục. Nhưng nếu có tà kiến thời bị sanh vào địa ngục và súc sanh. Tàlaputta khóc không phải vì đức Phật nói chỗ tái sanh, chỉ vì bị các kịch

sĩ xưa lừa dối nói rằng kịch sĩ sẽ được sanh trong một đời sống hạnh phúc.

Rồi Tàlaputta nghe lời đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời tu tập, chứng quả A-la-hán.

Rồi nêu rõ với nhiều chi tiết, như thế nào ngài chế ngự và làm cho trong sạch tâm tư, đi đến chỗ giác ngộ thâm sâu, ngài nói lên những câu kệ như sau:

I

*1092. Khi nào ta sẽ đến,
Một mình, không có hai,
Ở trong những hang động,
Của các loại núi rừng,
Ta quán mọi sanh hữu,
Tất cả là vô thường,
Nay ta là như vậy,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1093. Khi nào ta sẽ là,
Ấn sĩ mang y vá,
Mang y vải màu vàng,
Không của ta, không ái,
Đoạn trừ, diệt **tham** tâm,
Đoạn luôn cả **sân, si**,*

*Ta đi đến khu rừng,
Sẽ trú trong an lạc.*

1094. *Khi nào ta thấy được,
Thân này là vô thường,
Bị chết già áp bức,
Ổ giết chóc, bệnh tật
Ta sẽ trú trong rừng,
Một mình, quán vô úy
Khi nào sẽ là vậy?*

1095. *Khi nào ta sẽ lấy,
Guơm sắc bén trí tuệ,
Chặt dây leo khát ái,
Với nhiều dây chằng chịt,
Sanh khởi lên sợ hãi,
Mang đến sự khổ đau.
Khi nào sẽ là vậy?*

1096. *Khi nào ta sẽ là,
Có sức mạnh rút guơm,
Guơm do tuệ tạo thành,
Là lửa sáng ẩn sĩ,
Với sức mạnh đập tan,
Ác ma với Ma quân,
Trên chỗ ngồi sư tử,
Khi nào sẽ là vậy?*

1097. Khi nào ta sẽ được,
Hội tụ với bậc thiện,
Được thấy giữa các vị,
Đảm nhận các trọng pháp,
Tinh cần với các vị,
Thấy sự vật như thật,
Chiến thắng được các căn,
Khi nào sẽ là vậy?

1098. Khi nào nhác đói khát,
Gió, nóng, trùng bò sát,
Sẽ không nào hại ta,
Ở Gi-ri-bhaje,
Đang lo đến tự ngã,
Khi nào sẽ là vậy?

1099. Khi nào ta có thể,
Chánh niệm, ngã định tĩnh,
Hiểu được với trí tuệ,
Bốn sự thật khéo giảng,
Bởi bậc Đại ẩn sĩ,
Khi nào sẽ là vậy?

1100. Khi nào ta sẽ chuyên,
Chú tâm vào an chỉ,
Thấy được với trí tuệ,

*Sắc, thanh, hương, vị, xúc,
Các pháp vô thường này,
Như lửa cháy hừng đỏ,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1101. Khi nào ta **bị** nói,
Vớ lời nói thô ác,
Không vì lý do ấy,
Tâm trí bị thất vọng.
Khi được lời tán thán,
Không vì lý do ấy,
Tâm tư được thỏa mãn.
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1102. Khi nào nhiều như củi,
Cỏ, cây leo, thân cây,
Ta cân nhắc bình đẳng,
Những pháp vô lượng này,
Nội pháp và ngoại pháp,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1103. Khi nào mây đem mưa,
Vớ nước mới trong rừng,
Làm ướt y áo ta,
Ta đi trên đường ướt,
Con đường ẩn sẽ đi.
Khi nào sẽ là vậy?*

1104. Khi nào nghe trong rừng,
Tiếng kêu của loài chim,
Chim công, có mào đầu.
Trong hang động núi rừng,
Ta an trú suy tư,
Để đạt quả bất tử,
Khi nào ta sẽ vậy?

1105. Khi nào với thần thông,
Ta có thể vượt qua,
Không chìm, không sợ hãi,
Sông Hằng, Yamunà,
Sông Sarasvati,
Với cửa sông hải hùng,
Với nước ào vực sâu,
Khi nào sẽ là vậy?

1106. Khi nào, như con voi,
Trên chiến trường tấn công,
Ta sẽ phá tan tành,
Lòng dục đối dục cảnh,
Chuyên chú trong thiền định,
Từ bỏ mọi tịnh tướng,
Khi nào sẽ là vậy?

1107. Khi nào như người nghèo,

*Mắc nợ chưa trả được,
Bị kẻ giàu thúc bách,
Tìm ra được của chôn,
Ta sẽ được thoải mái,
Họ được lời giảng dạy,
Của vị Đại ân sĩ,
Khi nào sẽ được vậy?*

II

*1108. Nhiều năm ta được người,
Yêu cầu làm như sau:
Như vậy là vừa rồi,
Người sống đời gia đình,
Nay ta đã xuất gia,
Do vậy, **hồi này tâm**,
Do vì lý do gì,
Người không có chuyên tâm?*

*1109. Nay tâm, phải chăng người,
Yêu cầu ta như sau:
Tại Giribbaje
Loài chim có lông sáng,
Đón chào với tiếng kêu,
Sấm của Đại In-da.
Hãy làm vị ấy vui,
Đang tu thiền trong rừng.*

1110. Trong gia đình, bạn bè,
Người yêu và bà con,
Các du hí ở đời,
Các đối tượng của dục,
Tất cả đều từ bỏ,
Ta chấp nhận thế này.
Hỡi này tâm, người không,
Bằng lòng với ta chăng?

1111. Việc này chỉ vì ta,
Đây không vì người khác,
Khi đến thời vũ trang,
Sao lại còn than khóc?
Thế giới này toàn động,
Chờ đợi là như vậy.
Nên ta đã ra đi,
Tìm cầu đạo bất tử.

1112. Vị nói điều khó nói,
Tối thượng loài hai chân,
Bậc Y vương vĩ đại,
Đánh xe điều ngự người,
Với tâm không tham dục,
Ngài khéo chế ngự được,
Người khó lòng chế ngự,
Chế ngự được tâm người,

Vọng động như con vượn.

1113. Các **dục** có nhiều vẻ.

Dịu ngọt, rất khả ý,

Ở đây, hàng phàm phu,

Vô trí, bị trói buộc.

Họ muốn chịu đau khổ,

Khi họ tìm tái sanh,

Dắt dẫn bởi tâm họ,

Họ chết trong địa ngục.

1114. Trong khu rừng vang lên,

Tiếng chim công, chim cò,

Chỗ trú xứ ưu tiên,

Của loài beo, loài cọp,

Ngươi sống tại chỗ ấy,

Chớ chờ đợi về thân,

Chớ có quá đam mê,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1115. ***Hãy tu thiền, Căn, Lực,***

Hãy tu Định Giác chi,

Hãy giác chứng Ba Minh,

Trong lời dạy đức Phật,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1116. **Hãy tu tập con đường,**
Để đạt được bất tử,
Đường đưa đến thể nhập,
Chỗ đoạn diệt mọi khổ.
Con đường có **Tám ngành,**
Rửa sạch mọi uế nhiễm.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1117. **Hãy như lý quán sát,**
Các uẩn là đau khổ,
Hãy từ bỏ xa người,
Những nguyên nhân đau khổ.
Ngay trong thời hiện tại,
Hãy chấm dứt đau khổ,
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1118. **Hãy như lý tuệ quán,**
Là vô thường, là khổ,
Là không, là vô ngã,
Là tà ác, sát hại,
Hãy chế ngự tâm người,
Chớ để nó chạy loạn.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1119. Trọc đầu và xấu sắc,
Đi đến bị nguyên rửa,
Khi khát thực gia đình,
Tay cầm hình đầu lâu,
Nay người có chủ tâm,
Vào lời dạy Bốn Sư,
Vào lời Đại ẩn sĩ,
Này tâm, hãy khích lệ
Hãy khuyên ta như trước.

1120. **Hãy đi trên con đường,**
Tự ngã khéo chế ngự,
Giữa các nhà, tâm ý,
Không ái luyến các dục,
Nhu trắng vào tháng tròn,
Không có bọt mây mù.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1121. **Hãy sống trong rừng núi,**
Ăn đồ ăn khát thực,
Sống tại chỗ nghỉ địa,
Mặc y lượm đồng rác.
Chỉ có ngồi, không nằm,
Luôn vui hạnh Đầu-đà,
Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1122. *Như người đã trồng cây,
Liên tìm cho được trái,
Nay người ước muốn trái,
Há chặt rễ cây sao?
Này tâm, thật giống như,
Ví dụ người đã làm,
Khi người khích lệ ta,
Trong vô thường dao động.*

1123. *Người, vô sắc, cô độc,
Kẻ lữ hành từ xa,
Nay ta sẽ không làm,
Theo lời nói của người.
Các dục là khổ đau,
Cay đắng, sợ hãi lớn,
Tâm hướng vọng Niết-bàn,
Ta sẽ bước, đi tới.*

1124. *Ta đi tới xuất gia,
Không phải vì bất hạnh,
Không đùa vô liêm sỉ,
Không vì duyên tâm hứng,
Không bị đày đi xa,
Không vì nhân mạng sống,
Khi ta đã bằng lòng,*

*Này **tâm**, đối với người.*

1125. *Ít **dục** được tán dương,
Bởi những bậc chân nhân,
Kể cả đoạn giả dối,
Và an tịnh đau khổ.
Như vậy, hồi này **tâm**,
Khi người khích lệ ta,
**Còn nay người đi ngược,
Điều người trước quen làm.***

1126. *Khát ái và vô minh,
Đáng thương và đáng ghét,
Sắc đẹp và lạc thọ,
Dục trưởng dưỡng hấp dẫn,
Tất cả đã quăng bỏ,
Ta không có cố gắng,
Đi đến một lần nữa,
Những đồ đã quăng bỏ.*

1127. *Này **tâm**, khắp mọi nơi,
Ta làm theo lời người,
Trải qua nhiều đời sống,
Người không tức giận ta,
**Và thân nội sanh này,
Là lòng người biết ơn!
Trên đường luân hồi dài,***

Khổ do chính người tạo.

***1128. Nay tâm, chính người làm,
Tác thành con người ta,
Chính người làm, ta thành,
Thành một Bà-la-môn,
Thành vua chúa hoàng tộc,
Một ngày là người buôn,
Ngày kia thành nô tỳ,
Hoặc thành loại chư Thiên.
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.***

***1129. Chính do nhân nhà người,
Chúng ta thành Tu-la,
Chính do người tác thành,
Ta rơi đáy địa ngục;
Một thời thành súc sanh,
Một thời thành ngựa quý,
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.***

***1130. Người sẽ không lừa ta,
Nhiều lần, nhiều thời nữa,
Như những người phù thủy,
Bày các trò ảo thuật,
Người chơi lừa phỉnh ta,***

*Như chơi với người điên,
Này **tâm**, hãy nói ta,
Chỗ nào ta lỗi lầm.*

*1131. **Trước tâm này lang thang,
Chạy chỗ này chỗ khác,
Chạy chỗ nó ưa thích,
Chạy chỗ nó vui sướng,
Nay ta chế ngự tâm,
Với như lý tư duy,
Như câu móc chế ngự,
Nhiếp phục con voi rừng.***

*1132. Với ta, bậc Đạo Sư,
Xác định **đời vô thường**,
Đời không có trường cửu,
Đời không có kiên thực.
**Này tâm, hãy đẩy ta,
Nhảy vào lời Phật dạy,**
Khiến ta vượt bực lưu,
Rất khó được vượt qua.*

*1133. Ta nay đã xuất gia,
Trong pháp Đại ẩn sĩ,
Những người giống như ta,
Không chấp nhận tồn thất.*

1134. Rừng, biển, sông, đất liền,
Bốn phương, phụ trên dưới,
Tất cả là vô thường,
Ba hữu là hoạn nạn,
Này tâm, hãy đi đâu?
Ngươi sẽ hưởng an lạc.

1135. Kìa, kìa, hỡi này **tâm**,
Đích ta thật vững chắc,
Ngươi sẽ làm được gì,
Khiến ta phải quay lại,
Này tâm, ta đâu còn,
Tùy thuộc thế lực ngươi,
Không ai chịu xúc chạm,
Cái bị có hại miệng,
Góm ghiếc thay cái vật,
Đây chín dòng chảy nước.

1136. Ôi, ngươi sẽ ưa sống,
Trên đỉnh sườn núi cao,
Chỗ ở đàn heo nai,
Hay cảnh đẹp thiên nhiên,
Hay trong núi rừng sâu,
Thấm mát mưa nước mới,
Tại đây ngươi sẽ thích,
Ngươi lấy hang làm nhà.

1137. Loài chim lông cổ đẹp,
Với mào đẹp, cánh đẹp,
Với lông nhiều màu sắc,
Đón chào tiếng sấm vang,
Với tiếng kêu dịu ngọt,
Chúng sẽ làm người thích,
Người tu tập thiền định,
Trong núi rừng thâm sâu.

1138. Khi trời đổ mưa xuống,
Trên đám cỏ bốn phân,
Và trong rừng nở hoa.
Với đầu hoa như mây,
Giữa rừng, ta sẽ nằm,
Chẳng khác gì khúc cây,
Đối ta, rất mềm dịu,
Thật giống như giường bông.

1139. Như vậy, ta sẽ làm,
Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Như thợ da không nhác,
Khéo làm cho nhuần nhuyễn,
Cái bị bằng da mèo.

1140. Như vậy ta sẽ làm,

Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Tinh tấn ta dân người,
Roi vào thế lực ta.
Như voi say bị nài,
Khéo dùng móc chế ngự.

1141. **Với người khéo nhiếp phục,**
Khéo an trú vững vàng,
Như người huấn luyện **ngựa**,
Với con ngựa thuần thực,
Ta có thể dẫn bước,
Trên con đường an lành,
Con đường được những vị,
Hộ trì tâm thường dùng.

1142. **Ta sẽ trói chặt người,**
Vào đối tượng cần thiết,
Như con voi bị dây,
Trói chặt vào cây cột.
Ta khéo hộ trì người,
Khéo luyện với chánh niệm.
Nhờ vậy, người sẽ thành,
Không dựa mọi sanh hữu.

1143. Với **tuệ**, chặt tà đạo,

Với **lực**, chặn, hướng chánh,
Thấy tập khởi, diệt sanh,
Người sẽ là thừa tự,
Bậc phát ngôn tối thượng.

1144. Nay tâm, người dẫn ta,
Đến **ngôi làng thô lỗ**,
Khiến trú vào thế lực,
Của **bốn tướng điên đảo**,
Hãy đến, theo vị ấy,
Vị chặt đứt kiết sử,
Bậc có tâm đại bi,
Bậc Mâu-ni vĩ đại.

1145. Như loài thú tự do,
Trong ngôi rừng đẹp đẽ.
Người vào núi xinh đẹp,
Có mây làm vòng hoa,
Tại đây, không có người,
Trong rừng người sẽ thích,
Nay tâm, chắc chắn vậy,
Người sẽ đến bờ kia.

1146. **Những ai còn rơi vào,**
Thế lực ý muốn người,
Nam nhân và nữ nhân,
Hưởng an lạc người cho,

*Không trí, bị rơi vào,
Trong thế lực Ác-ma.*

*Ai ưa thích sanh hữu,
Sẽ là thuộc hạ người,
Hồi này tâm của ta.*

195 Bất tử - Đạt được cảnh bất tử - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 75

Phẩm Phần Nộ – *Tiểu I*, 75

221. Bỏ phần nộ, ly mạn,
Vượt qua mọi kiết sử,
Không chấp trước **danh sắc**.
Khô không theo vô sản.

222. Ai chặn được phần nộ,
Như dừng xe đang lăn,
Ta gọi người đánh xe,
Kẻ khác, cầm cương hờ.

223. Lấy **không giận** thắng giận,
Lấy **thiện** thắng không thiện,
Lấy **thí** thắng xan tham,
Lấy **chơn** thắng hư nguy.

224. Nói thật, không phần nộ,
Của ít, thí người xin,
Nhờ ba việc lành này,
Người đến gần thiên giới.

225. Bạc hiên không hại ai,

Thân thường được chế ngự,
Đạt được **cảnh bất tử**,
Đến đây, không ưu sầu.

226. Những người thường giác tỉnh,
Ngày đêm siêng tu học,
Chuyên tâm hướng Niết Bàn,
Mọi lậu hoặc được tiêu.

227. A-tu-la, nên biết,
Xưa vậy, nay cũng vậy,
Ngồi im, bị người chê,
Nói nhiều, bị người chê.
Nói vừa phải, bị chê.
Làm người không bị chê,
Thật khó tìm ở đời.

228. **Xưa, vị lai, và nay,**
Đâu có sự kiện này,
Người hoàn toàn bị chê,
Người trọn vẹn được khen.

229. Sáng sáng, thẩm xét kỹ.
Bậc có trí tán thán,
Bậc trí không tỳ vết,
Đầy đủ **giới định tuệ**.

230. Hạnh sáng như vàng ròng,
Ai dám chê vị ấy?
Chư thiên phải khen thưởng,
Phạm Thiên cũng tán dương.

231. Giữ **thân** đừng phần nộ,
Phòng thân khéo bảo vệ,
Từ bỏ thân làm ác,
Với thân làm hạnh lành.

232. Giữ **lời** đừng phần nộ,
Phòng lời, khéo bảo vệ,
Từ bỏ lời thô ác,
Với lời, nói điều lành.

233. Giữ **ý** đừng phần nộ,
Phòng ý, khéo bảo vệ,
Từ bỏ ý nghĩ ác,
Với ý, nghĩ hạnh lành.

234. **Bậc trí bảo vệ thân,**
Bảo vệ luôn lời nói
Bảo vệ cả tâm tư,
Ba nghiệp khéo bảo vệ.

196 **Bất động - Ai không bị dao động, Bất cứ đâu ở đời - Kinh Câu hỏi của thanh niên 3 Punnaka - Tiểu I, 780**

Câu hỏi của thanh niên 3 – Punnaka – *Tiểu I, 780*

Punnaka:

1043. *Tôn giả Pun-na-ka:*

Với ai không dao động,

Thấy rõ được cội gốc,

Con đến với câu hỏi,

Liên hệ đến mục đích,

Bạc ấn sĩ, loài Người,

Sát-đế-ly, Phạm chí,

Do họ y chỉ gì,

Tế đàn cho chư Thiên.

Đã tổ chức rộng lớn?

Con hỏi bậc Thế Tôn,

Hãy trả lời cho con.

Thế Tôn:

1044. *Thế Tôn bèn đáp rằng:*

Hỡi này Pun-na-ka,

Bạc ấn sĩ loài Người,

Sát-đế-ly, Phạm chí,

Đã tổ chức rộng lớn,

*Tế đàn cho chư Thiên.
Khi họ thành già yếu,
Họ tổ chức tế đàn,
Vì rằng họ hy vọng,
Được sanh ở đời này,
Hồi này Pun-na-ka!*

Punnaka:

1045. Tôn giả Pun-na-ka:
*Bạc ấn sĩ loài Người,
Sát-đế-ly, Phạm chí,
Đã tổ chức rộng lớn,
Tế đàn cho chư Thiên.
Thế Tôn nghĩ thế nào,
Họ không có phóng dật,
Trên con đường tế đàn,
Họ vượt qua già chết,
Được hay không, thưa Ngài?
Con hỏi đức Thế Tôn,
Con mong Ngài trả lời.*

Thế Tôn:

1046. Thế Tôn trả lời rằng:
*Hồi này Pun-na-ka,
Họ hy vọng, tán thán,
Họ cầu nguyện, cúng lễ,
Họ cầu nguyện các dục,*

Do duyên vì lợi dưỡng,
Chuyên tâm lo tế đàn,
Ưu thích, tham sanh hữu,
Họ không vượt già chết,
Ta nói lên như vậy.

Punnaka:

1047. Tôn giả Pun-na-ka:
Nếu chúng chuyên tế đàn,
Nhưng không thể vượt qua,
Già chết với tế đàn,
Thời ai sống ở đời,
Trong thế giới Nhơn, Thiên,
Đã vượt qua già chết,
Ai được vậy, thưa Ngài?
Con hỏi đức Thế Tôn,
Ngài trả lời cho con.

Thế Tôn:

1048. Thế Tôn trả lời rằng:
Hỡi này Pun-na-ka,
Ai tính toán cao thấp,
Ước lượng vậy ở đời,
Ai không bị dao động,
Bất cứ đâu ở đời,
An tịnh, không phun khói,
Không phiền não, không cầu,

***Vị ấy vượt già chết,
Ta nói lên như vậy.***

197 **Bất động - Bạc trí trú bất động - Kinh Kosiya – Tiểu III, 252**

Kosiya – Tiểu III, 252 (209)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Magadha và được đặt tên là *Sona*.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài hay đến nghe Trưởng lão Sàriputta thuyết pháp, tin tưởng ở nơi giáo lý, xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Rồi ôn lại quá trình giải thoát của mình, ngài tán thán đức hạnh và sức mạnh quyết định hành thiện của các bậc Thánh với những bài kệ sau đây:

*369. Ai hiểu những lời dạy,
Của các bậc Đạo Sư,
Bạc trí sống an trú,
Phát sanh lòng ái niệm,
Bạc trí có lòng tin,
Biết thù thắng trong Pháp.*

*370. **Vị khi nạn lớn khởi,
Suy tư không tê liệt,
Bạc trí có kiên trì,***

Biết thù thắng trong Pháp.

371. *Ai vững trú như biển,
Không dục, trí tuệ sâu,
Thấy rõ chân nghĩa lý,
Tế nhị và vi diệu,
Bậc trí trú **bất động**,
Biết thù thắng trong Pháp.*

372. *Bậc nghe nhiều, trì Pháp,
Hành pháp và Tùy pháp,
Bậc trí gọi như thị,
Biết thù thắng trong Pháp.*

373. *Ai hiểu nghĩa lời nói,
Biết nghĩa, hành như thật,
Bậc trí gọi nội nghĩa,
Biết thù thắng trong Pháp.*

198 Bất động - Chứng ngộ không dao động - Kinh Yasadatta – Tiểu III, 248

Yasadatta – *Tiểu III*, 248 (207)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong dòng họ vua Malla, được đặt tên là *Yasadatta*, ngài được học ở Takkasilā.

Sau khi đi du hành với du sĩ Sabhiya, cả hai đến Sàvatthi, tại đây hỏi Thế Tôn một số câu hỏi. Yasadatta ngồi nghe những câu trả lời, ý muốn **ra chỉ trích**: "*Ta sẽ nêu lên những khuyết điểm trong những câu trả lời của Sa-môn Gotama*".

Thế Tôn hiểu tâm tư của Yasadatta, nên sau khi nói **kinh Sabhiya**, Thế Tôn giáo huấn Yasadatta như sau:

359. Với tâm, muốn chỉ trích,
Kẻ ngu nghe lời dạy,
Của bậc đã thắng trận,
Người ấy, thái độ vậy,
Rất xa rời Chánh pháp,
Như đất xa bầu trời.

360. Với tâm muốn chỉ trích,
Kẻ ngu nghe lời dạy,

*Của bậc đã chiến thắng,
Người ấy thái độ vậy,
Tồn giảm xa Chánh pháp,
Như trăng nửa tháng đen.*

361. Với tâm muốn chỉ trích,
Kẻ ngu nghe lời dạy,
*Của bậc đã chiến thắng,
Người ấy thái độ vậy,
Không cạn trong diệu pháp,
Như cá mắc nước cạn.*

362. Với tâm muốn chỉ trích,
Kẻ ngu nghe lời dạy,
*Của bậc đã chiến thắng,
Người ấy thái độ vậy,
Không lớn trong diệu pháp,
Như giống thối trong ruộng.*

363. *Ai tâm tư thỏa mãn,
Nghe bậc Thánh giảng dạy,
Tì bỏ mọi lậu hoặc,
Chứng ngộ không dao động,
Đạt tịch tịnh tối thượng,
Chứng Niết-bàn vô lậu.*

199 Bất động - Chứng đắc không đạo động - Kinh Sumana – Tiểu III, 274

Sumana – *Tiểu III*, 274 (219)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong gia đình một cư sĩ, làm vị hộ trì cho Tôn giả Anuruddha.

Từ trước, con cháu của người cư sĩ này chết trẻ. Khi sắp đẻ đứa con, người cha nghĩ nếu là con trai thì sẽ cho xuất gia với vị Trưởng lão. Sau mười tháng, đẻ được đứa con trai, vị cư sĩ này cho xuất gia khi **đứa trẻ lên bảy tuổi**. Do căn tánh thuần phục, không bao lâu ngài chứng được **sáu thắng trí** trong khi đang hầu hạ bậc Trưởng lão.

Cầm được cái bình để xách nước, **Sumana với thân thông, đi đến hồ Anotatta, một con xà vương ác độc, phòng mang ngưỡng đầu lên không cho ngài lấy nước**. Rồi Sumana hóa thành con chim Garuda (Kim xí điểu) niếp phục con rắn và mang nước bay về vị Trưởng lão.

Rồi bậc Đạo Sư, ngồi tại vườn Jetavana, thấy ngài bay về, liền gọi Sàriputta cùng xem, và tán thán ngài với bốn câu kệ.

Sunmana đề nêu lên chánh trí của mình cộng thêm những bài kệ của mình như sau:

429. Khi người mới xuất gia,
Từ sanh, **mới bảy tuổi**,
Với **thần thông** ta điều,
Con xà vương thần lực.

430. Từ hồ nước to lớn,
Tên A-no-tat-ta
Ta đem nước hồ về,
Cho bậc giáo thọ sư,
Thấy vậy bậc Đạo Sư,
Nói về ta như sau:

431. **Này Sà-ri-put-ta!**
Xem đứa trẻ này đến,
Tự bùng cầm ghè nước,
Nội tâm khéo định tĩnh.
Với nhiệm vụ khả ái,
Cử chỉ rất thuần thiện.

432. **Người đệ tử Sa-di,**
Của Anuruddha,
Có thần thông uy lực,
Thuần thực và điều luyện.

433. **Thuần lương** nhờ giáo dục,
Do vị đại thuần lương,

Thiện hạnh nhờ giáo dục,
Bởi bậc khéo thiện hạnh.
Nhờ Anuruddha,
Khéo huấn luyện điều phục,
Được học tập giảng dạy,
Làm xong việc phải làm.

434. **Đạt được tịnh tối thắng,**
Chứng đắc, không dao động,
Sa-di Sumana,
Muốn: "**Không ai biết ta**".

200 Bất động - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 289

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 289 (Ud 93)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo.
- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau:

- Này các Tỷ-kheo, **Dabbha Mallaputta** bay lên hư không, ngồi kiết-già giữa hư không, nhập định hỏa giới, xuất khỏi định và nhập Niết Bàn.

Khi Tỷ-kheo Dabha Mallaputta bay lên hư không, ngồi kiết-già giữa hư không, nhập định hỏa giới, xuất khỏi định và nhập Niết Bàn, **thân của Tôn giả được cháy sạch, đốt sạch, không còn có than hay có tro có thể thấy được.**

Ví như bơ hay dầu được cháy, được đốt, không còn có than hay có tro có thể thấy được. Cũng vậy, khi Tỷ-kheo Dabha Mallaputta bay lên hư không, ngồi kiết già giữa hư không, nhập định hỏa giới, xuất khỏi

định và nhập Niết-bàn, thân của Tôn giả được cháy sạch, đốt sạch, không còn có than hay có tro có thể thấy được.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

10. *Như tia lửa cháy sáng,
Phát từ búa sắt đập,
Dần dần được nguội lạnh,
Sanh thú không biết được.*

*Cũng vậy là những bậc
Đã **chân chánh** giải thoát,
Đã vượt qua thác nước,
Trói buộc bởi các **dục**,
Họ đạt được an lạc,
Không có bị dao động,
Họ **không** có sanh thú,
Để có thể chỉ bày.*

201 Bất động - Phật thuyết pháp cho ta, Pháp bất động vô tỷ - Kinh Sissupacàlà – Tiểu III, 633

Sissupacàlà – Tiểu III, 633 (61)

Câu chuyện giống như hai câu chuyện trước. Nàng theo gương người anh, xuất gia và chứng quả A-la-hán.

Hưởng thọ sự an lạc, nàng suy tư đến quả chứng, đã làm những điều cần làm và nói lên sự sung sướng của nàng:

196. Tỷ-kheo-ni giữ giới,
Khéo hộ trì các căn,
Đạt được đạo an tịnh,
Nước cam lồ thuần tịnh.

Ác ma:

197. Chư Thiên cõi Ba mươi,
Đa-ma và Đâu-suất,
Chư Thiên trời Hóa Lạc,
Chư Thiên cõi Tự Tại.
Hãy hướng tâm chỗ ấy,
Chỗ xưa kia nàng sống.

Khi Trưởng lão ni nghe vậy, liền nói: "**Hãy dừng lại, Ác ma! Dục giới mà người nói đến, cho đến cả thế giới vũ trụ đều bị lửa tham, lửa sân, lửa si đốt cháy. Tại chỗ ấy, người có trí không ưa thích**". Nêu rõ cho Ác ma thấy tâm của mình đã xa lìa Ma giới, nài trách mắng Ác ma như sau:

198. Chư Thiên cõi Ba mươi,
Dạ-ma và Đâu-suất,
Chư Thiên trời Hóa Lạc,
Chư Thiên cõi Tỳ Tại.

199. Thời này đến thời khác,
Hữu này đến hữu khác,
Chúng đều bị thân kiến,
Lãnh đạo và chi phối,
Chúng không vượt thân kiến,
Luân chuyển vòng sanh tử.

200. Toàn thế giới bốc cháy,
Toàn thế giới đồng cháy,
Toàn thế giới bùng cháy,
Toàn thế giới rung động.

201. Phạt thuyết pháp cho ta,
Pháp bất động vô tỷ,

*Được bậc không phàm phu,
Phục vụ và nhiệt hành,
Chỗ ấy, tâm ý ta,
Hân hoan và ưa thích.*

*202. Ta nghe lời vị ấy,
Sống vui trong giáo pháp,
Ba minh đã đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

*203. Mọi chỗ, hỷ diệt đoạn,
Khởi si ám tan tàn,
Hãy biết vậy, Ác ma!
Người bị bại, Ma Vương.*

202 Bất động - Ta giải thoát bất động, Mọi kiết sử đoạn diệt - Kinh Migasira – Tiểu III, 163

Migasira – Tiểu III, 163 (151)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Kosala, được đặt tên là Migasira, theo ngôi sao ngày sinh.

Học theo văn hóa Bà-la-môn, ngài thực hành **bùa chú sọ người**, khi ngài đọc lên **bùa chú** và lấy móng tay gõ trên sọ người, ngài tuyên bố: "Người này sẽ được tái sanh trong giới này...", cho đến với những người đã chết được ba năm.

Không thích thú đời sống thế tục, ngài trở thành người du sĩ, với hạnh sọ người của ngài, ngài được cung kính cúng dường.

Đi đến Sàvatthi, đứng trước mặt bậc Đạo Sư, ngài tuyên bố sức mạnh của ngài: "*Thưa Tôn giả Gotama, ta có thể nói chỗ tái sanh của những người đã chết*".

Đức Phật hỏi: "Ông làm như thế nào?"

Ngài cho đem lại một sọ người, đọc lên **bùa chú**, với móng tay gõ trên sọ người, ngài tuyên bố đọa xứ... là chỗ tái sanh!

Đức Phật cho đem lại sọ người của một Tỷ-kheo, đã chứng Niết-bàn và nói: "Hãy nói chỗ tái sanh của người này". Migasira đọc bùa chú, lấy móng tay gõ trên sọ người, nhưng không thấy đầu đuôi như thế nào.

Rồi Thế Tôn hỏi:

- Nay du sĩ, có phải ông làm không được?

Ngài trả lời: - Tôi cần phải xác chứng cho chắc chắn! Nhưng dù cho ngài xoay xở như thế nào, làm sao ngài biết được sanh thú của vị A-la-hán; ngài xấu hổ, toát mồ hôi, im lặng.

- Nay du sĩ, có phải ông mệt mỏi?

- Vâng, tôi mệt mỏi, tôi không biết sanh tử của vị này, Ngài có biết chăng?

- Ta biết được và Ta biết nhiều hơn thế nữa! Vị này đã nhập Niết-bàn!

Vị du sĩ nói:

- *Vậy nói lên cho con, bí quyết ấy?*

- Vậy ông phải xuất gia!

Rồi Migasira xuất gia và được dạy cho đề tài tu **định**. An trú vững vàng trên thiền và thắng trí, ngài **thực hành thiền quán**, không bao lâu, chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài nói lên chánh trí của ngài như sau:

*181. Từ khi ta xuất gia,
Trong pháp bậc Chánh giác,
Giải thoát, ta tiến lên,
Ta vượt qua dục giới.*

*182. Nhờ Phạm-chí quán sát,
Tâm ta được giải thoát,
Ta giải thoát **bất động**,
Mọi kiết sử đoạn diệt.*

203 Bất động - Trưởng lão Revata - Kinh Revata – Tiểu III, 352

Revata – Tiểu III, 352 (244)

Các bài kệ của vị Trưởng lão này đã được đề cập trong phẩm một các bài kệ trước (XLII).

Khi đến già, một hôm ngài đi đến yết kiến đức Phật và trú ở Sàvatthi, trong một ngôi rừng. Cảnh sát đến, đuổi bắt kẻ trộm, kẻ trộm quăng đồ ăn trộm gần ngài rồi bỏ chạy, các cảnh sát chạy đến, thấy đồ ăn trộm, liền bắt ngài dẫn đến vua Pasenadi.

Vua truyền thả ngài và hỏi có phải ngài đã lấy trộm đồ? Ngài thuyết pháp nói lên sự kiện ngài không có thể làm một sự việc như vậy và nói những bài kệ như sau:

645. *Từ khi ta xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Ta không biết tư duy,
Phi Thánh, liên hệ sân.*

646. *Hay làm hại, sát hại,
Hay làm khổ hữu tình,
Ta không biết tư duy,*

Trong thời gian dài này.

647. Và ta biết **lòng từ**,
*Vô lượng khéo tu tập,
Ta thứ lớp tích lũy,
Như lời đức Phật dạy.*

648. Là bạn thân tất cả,
*Từ mẫn mọi hữu tình,
Ta tu tập tâm từ,
Luôn vui, không sân hận.*

649. **Ta thích thú với tâm,**
Không động, không dao động,
*Ta tu tập Phạm trú,
Được bậc thiện hành trì.*

650. **Ta đạt được vô tâm,**
Đệ tử bậc Chánh giác,
Với im lặng bậc Thánh,
Ta trực diện đạt được.

651. Như **núi đá** không động,
*Đứng vững khéo an trú,
Cũng vậy là Tỷ-kheo,
Đạt được si mê diệt,
Vị ấy như ngọn núi,*

Không gì làm dao động.

652. *Con người không uế nhiễm,
Luôn tìm sự trong sạch,
Tội nhẹ như đầu tóc,
Xem nặng như mây khói.*

653. *Như thành trì biên địa,
Phòng hộ cả trong ngoài,
Hãy phòng hộ tự ngã,
Sát-na không bỏ qua.*

654. *Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Như thợ làm việc xong.*

655. *Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Tỉnh giác, giữ chánh niệm.*

656. *Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhỏ sạch.*

657. Vì đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy, ta đạt,
Mọi kiết sử diệt tận.

658. Nỗ lực, chớ phóng dật,
Đầy lời ta giáo giới,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Ta thoát mọi sanh y.

204 Bất động - Trưởng lão Sona Kolivisa - Kinh Sona Kolivisa – Tiểu III, 347

Sona Kolivisa – Tiểu III, 347 (243)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Campà, trong gia đình một hội viên của Hội đồng thành phố nổi tiếng. Từ khi ngài sắp được sanh, tài sản lớn của phụ thân được tăng trưởng, và khi ngài được sanh, cả thành phố tổ chức hội lễ lớn.

Vì ngài bố thí cúng dường cho một vị Độc giác Phật trong đời trước, nên đời này ngài có một **thân hình như bằng vàng mịn** và đặc biệt mềm mại, và ngài được gọi là Sona (vàng). Dưới chân và trên bàn tay của ngài có lông mịn màu vàng mọc lên, và ngài được nuôi dưỡng trong giàu sang xa hoa, có đến ba tòa lâu đài thích hợp cho từng mùa.

Khi bậc Đạo Sư giác ngộ và chuyển bánh xe Pháp ở Ràjagaha (Vương Xá). Vua Bimbisàra cho mời Sona đến, ngài đến với một số đông tùy tùng, nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, khởi lòng tin và được phép cha mẹ cho xuất gia.

Ngài nhận từ bậc Đạo Sư một đề tài tu tập, nhưng không thể định tâm vì có liên lạc với đông người khi sống ở trong rừng. Ngài nghĩ rằng thân ngài quá

được cung dưỡng để đạt được hạnh phúc, và đời sống
ẩn sĩ làm thân mệt mỏi, ngài vượt lên trên những đau
đớn vì chân ngài bị sưng khi ngài tập đi kinh hành,
nhưng dầu ngài hết sức tinh tấn, ngài chưa thành đạt
được quả chứng. Ngài nghĩ: "*Ta không thể thành đạt
con đường và quả vị thì sống xuất gia để làm gì? Tốt
hơn ta hoàn tục và làm các công đức!*".

Thế Tôn biết được tâm tư ngài, dạy cho ngài **bài học
của cây đàn**, phải làm lắng dịu nhiệt lực với tu tập
tịnh chỉ. Được chỉ dạy, ngài đi đến núi Linh Thứu và
sau một thời gian, ngài chứng quả A-la-hán.

Suy nghĩ trên thành tựu của mình, ngài tuyên bố
chánh trí ngài như sau:

632. *Người xưa, cao trong nước,
Phục vụ vua Ăng-ga,
Nay lại cao trong pháp,
So-na vượt đau khổ.*

633. *Năm được cắt, năm bỏ,
Năm thượng pháp tu tập,
Tỷ-kheo vượt năm gút,
Được gọi vượt bực lưu.*

634. *Tỷ-kheo tánh kiêu ngoa,
Phóng dật, ưa vị ngoài,*

*Giới, thiền định, trí tuệ,
Không đi đến viên mãn.*

635. *Việc phải làm, quăng bỏ,
Không phải việc, lại làm,
Kẻ kiêu ngoa phóng dật,
Lậu hoặc được tăng trưởng.*

636. *Những ai khéo tinh cần,
Thường tu tập **niệm thân**,
Không phải việc, không làm,
Kiên trì việc nên làm.
Bậc chánh niệm tỉnh giác,
Lậu hoặc đi đến diệt.*

637. ***Trên đường thẳng được thuyết,**
Hãy bước, chớ quanh co,
Hãy tự mình trách mình,
Hãy đem Niết-bàn lại,*

638. *Khi tinh cần nỗ lực,
Căng thẳng, vượt mức độ,
Thế gian, Vô Thượng Sư,
Dùng **ví dụ chiếc đàn**,
Bậc pháp nhãn, có mắt,
Ngài thuyết pháp cho ta.*

639. Ta nghe lời Ngài giảng,
Lạc trú lời giảng dạy,
Bình tĩnh, ta thực hành,
Để đạt đích tối thượng,
Ba mình ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

640. *Ai chuyên nhất xuất ly,
Tâm tư hướng viễn ly,
Ai chuyên nhất vô sân,
Diệt trừ các chấp thủ.*

641. *Ai chuyên nhất ái diệt,
Tâm tư không si mê,
Thấy sanh khởi các xứ,
Tâm được khéo giải thoát.*

642. *Vị Tỷ-kheo tâm tịnh,
Được giải thoát chơn chánh,
Không chất chứa việc làm,
Điều phải làm không có.*

643. *Như một hòn đá tảng,
Không bị gió lay động,
Cũng vậy toàn bộ phận,
Sắc, vị, thanh, hương, xúc.*

644. *Pháp ái, bất khả ái,
Không động, người như vậy,
Tâm trú, không hệ lụy,
Tùy quán, sự hoại diệt.*

205 Bất động - Tâm ai như tảng đá, An trú không dao động - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 186

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 186 (Ud 39)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở Ràjagaha, tại Veluvana chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Mahà Moggallàna trú ở động chim bồ câu. Lúc bấy giờ Tôn giả Sàriputta, trong đêm có sáng trăng, ngồi giữa trời với tóc mới được cạo xong, **đang nhập định**. Có **hai Dạ-xoa** là bạn với nhau đang đi từ phương Nam lên phương Bắc vì một vài công việc. Các Dạ-xoa ấy thấy Tôn giả Sàriputta trong đêm có sáng trăng, ngồi giữa trời với tóc mới cạo xong.

Thấy vậy, một Dạ-xoa nói với Dạ-xoa thứ hai: "Này bạn, ta có ý muốn đánh trên đầu vị Sa-môn này". Được nghe nói vậy, vị Dạ-xoa này nói với Dạ-xoa ấy: "Chớ có làm, này bạn, không làm gì được với vị Sa-môn! Này bạn, Sa-môn ấy vĩ đại, có đại thần lực, có đại uy lực" Lần thứ hai, vị Dạ-xoa ấy nói vị Dạ-xoa này: "Này bạn, ta có ý muốn đánh trên đầu vị Sa-môn này". Lần thứ hai, vị Dạ-xoa này nói với vị Dạ-xoa ấy: "Chớ có làm, này bạn, không làm gì được với

vị Sa-môn! Đây bạn, Sa-môn ấy vĩ đại, có đại thần lực, có đại uy lực". Lần thứ ba, vị Dạ-xoa ấy, nói với vị Dạ-xoa này: "Đây bạn, ta có ý muốn đánh trên đầu của vị Sa-môn này". Lần thứ ba, vị Dạ-xoa này nói với vị Dạ-xoa ấy: "Chớ có làm này bạn, không làm gì được với vị Sa-môn. Đây bạn, Sa-môn ấy vĩ đại, có đại thần lực, có đại uy lực".

Rồi Dạ-xoa ấy không nghe theo, Dạ-xoa này liền đánh trên đầu Tôn giả Sàriputta. Với cái đánh này, có thể làm ngã con voi bảy đến tám khữ tay cao hay làm bể tan ngọn núi lớn. Ngay lúc ấy, Dạ-xoa ấy hét lớn: "Tôi bị cháy! Tôi bị cháy! " và rơi vào đại địa ngục.

Tôn giả Mahà Moggallàna với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, thấy Tôn giả Sàriputta bị đánh trên đầu, thấy vậy liền đến Tôn giả Sàriputta, sau khi đến, nói với Tôn giả Sàriputta:

- Mong rằng Hiền giả có thể kham nhẫn! Mong rằng Hiền giả có thể chịu đựng. Mong rằng Hiền giả không có đau đớn!

- Đây Hiền giả Moggallàna, tôi có thể kham nhẫn! Hiền giả Moggallàna, tôi có thể chịu đựng! Hiền giả Moggallàna, nhưng đầu tôi có đau.

- Thật vi diệu thay, Hiền giả Sàriputta! Hiền giả Sàriputta thật có thần lực lớn, thật có uy lực lớn! Ở

đây, thừa Hiền giả Sàriputta, có con Dạ-xoa đánh trên đầu Hiền giả, đánh thật mạnh. Với cái đánh ấy, có thể làm ngã con voi bảy đến tám khừ tay cao, hay làm bể tan ngọn núi lớn và Tôn giả Sàriputta đã nói như sau: "*Này Hiền giả Moggallàna, tôi có thể kham nhẫn! Này Hiền giả Moggallàna, tôi có thể chịu đựng! Nhưng tôi có hơi đau đầu!*"

- Thật vi diệu thay, Hiền giả Moggallàna! Thật hy hữu thay Hiền giả Moggallàna! Có đại thần lực là tôn giả Mahà Moggallàna, có đại uy lực, vì rằng Hiền giả có thể thấy được Dạ-xoa, nhưng tôi này không thấy được một con quỷ đói.

Thế Tôn với Thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, nghe được câu chuyện như vậy giữa hai vị long tượng ấy. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

*4. Tâm ai như tảng đá,
An trú không dao động,
Không tham vật khả ái,
Đáng phần nộ, không sân,
Tâm ai tu như vậy,
Từ đâu khổ đến được?*

206 **Bất động - Tâm ai như tảng đá, Đứng vững, không dao động - Kinh Khitaka – Tiểu III, 170**

Khitaka – *Tiểu III*, 170 (156)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong nước Kosala, con một vị Bà-la-môn, được đặt tên là Khitaka.

Ngài nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, **xuất gia, sống trong rừng, không bao lâu chứng quả A-la-hán.**

Hưởng được lạc giải thoát Niết-bàn, cảm thấy phấn khởi tinh cần, ngài đi đến các Tỷ-kheo sống trong rừng để khích lệ, làm các vị ấy phấn khởi. Ngài nói những bài kệ này, trước hết vì hạnh phúc cho các vị ấy, sau nói lên chánh trí của ngài:

*191. **Tâm ai như tảng đá,
Đứng vững, không dao động,
Hỡi những vật khả ái,
Tâm không có tham ái,
Đối vật làm dao động,
Tâm không có dao động,
Tâm ai tu tập vậy,
Từ đâu, khổ sẽ đến.***

192. *Tâm ta như tảng đá,
Đứng vững, không dao động,
Đối những vật khả ái,
Tâm không có tham ái,
Đối vật làm dao động,
Tâm không có dao động,
Tâm ta tu tập vậy,
Từ đâu, khổ đến ta.*

207 Bất động - Với tâm không dao động, Sống cảm thọ cuối cùng - Kinh Anuruddha – Tiểu III, 422

Anuruddha – Tiểu III, 422 (256)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Kapilavatthu, trong nhà dòng họ Sakya Amitodana và được đặt tên là *Anuruddha*.

Anh của ngài là *Thích-ca Mahànàma*, con người cậu của đức Phật. Ngài được nuôi dưỡng rất tế nhị, mỗi mùa ở mỗi nhà khác nhau, có các vũ nữ vũ sư đoanh vây, thọ hưởng sự giàu sang thần tiên.

Khi được gọi làm người bảo vệ cho bậc Đạo Sư, ngài đi đến đức Phật, trong rừng xoài ở Anupiyà, thọ giới xuất gia, và trong mùa an cư mùa mưa, ngài chứng **Thiên nhãn**.

Nhận được đề tài thiên quán từ ngài Xá-lợi-phất. Ngài đi đến rừng trúc ở phương Đông, hành thiên quán, và **chứng được bảy tư duy của một vị Đại nhân, nhưng chưa chứng được tư duy thứ tám**. Bậc Đạo Sư nhận thấy vậy liền dạy cho ngài quá trình tu chứng của bậc Thánh. Nhớ lại lời dạy này, Anuruddha **phát triển thiên quán** và chứng quả A-la-hán cùng với **thắng trí và vô ngại giải** thù thắng.

Ngài được Thế Tôn xác nhận là **bậc Thiên nhân đệ nhất**. Và ngài sống trong an lạc giải thoát. Một hôm ôn lại quá trình tu chứng của mình, ngài hoan hỷ phân khởi, và nói lên bài kệ sau đây:

892. *Bỏ cha mẹ, bà con,
Bỏ anh em, chị em,
Bỏ năm dục trưởng dưỡng,
A-na-luật tu thiền.*

893. *Sống hệ lụy múa, ca,
Dạy với tiếng xập xỏa,
Sống vậy không đạt được,
Cảnh giới **đạo thanh tịnh**,
Vì rằng ta ưa thích,
Trong giới vực của Ma.*

894. *Và ta vượt tất cả,
Vui thích lời Phật dạy,
Vượt mọi loại bực lưu,
A-na-luật tu thiền.*

895. *Sắc, thanh, vị, hương, xúc,
Hấp dẫn, rất thích ý,
Vượt qua tất cả chúng,
A-na-luật tu thiền.*

896. Đi khát thực trở về,
Đơn độc, vị ẩn sĩ,
Tìm vãi từ đống rác,
A-na-luật đạt được,
Không còn các lậu hoặc.

897. Ẩn sĩ thâu, lượm lấy,
Giặt, nhuộm, và đắp mặc,
Các vãi từ đống rác,
Sáng suốt, A-na-luật,
Không còn các lậu hoặc.

898. **Nhiều dục, không biết đủ,
Ưa giao du, tháo động,
Những pháp này có mặt,
Thuộc tà ác, uế nhiễm.**

899. **Chánh niệm và ít dục,
Biết đủ, không nã loạn,
Thích viễn ly, hân hoan,
Thường tinh cần tinh tấn.**

900. Những pháp này có mặt,
Thuần thiện **Bồ đề phần,**
Vị ấy không lậu hoặc,
Bậc Đại tiên nói vậy.

901. Biết tâm tư ta vậy,
Thế gian Vô Thường Sư,
Với **thân do ý tạo**,
Thần thông đến với ta.

902. Tùy theo ta nghĩ gì,
Ngài thuyết rõ tất cả,
Phật **không ra hý luận**,
Ngài thuyết không hý luận.

903. Ngộ pháp ta hoan hỷ,
Trú trong giáo pháp Ngài,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

904. Suốt **năm mươi lăm năm**,
Ta không bao giờ nằm,
Trong **hai mươi lăm năm**,
Đoạn dứt được ngủ nghỉ.

905. Không thở vô, thở ra,
Bạc như vậy trú tâm,
Không tham dục, tịch tịnh,
Bạc có mắt Niết-bàn.

906. Với **tâm không dao động**,
Sống cảm thọ cuối cùng,

*Như ngọn lửa diệt tắt,
Tâm Ngài được giải thoát.*

*907. Nay chính những pháp này,
Là những pháp cuối cùng,
Những cảm xúc thứ năm,
Của bậc Đại Mâu-ni,
Sẽ không còn pháp khác,
Bậc Chánh giác Niết-bàn.*

Rồi một **Thiên nhân**, trước kia là người hầu cận ngài, thấy ngài già và ốm, vì lòng thương ngài, yêu cầu ngài tái sinh ở chư Thiên. Ngài trả lời như sau:

*908. Nay không còn tái sinh,
Trong thế giới chư Thiên,
Này kẻ gieo cạm bẫy.
Dòng sanh tử, đoạn tận,
Nay không còn tái sinh.*

Rồi vị Tỷ-kheo khác, không thấy vị Thiên nhân, không hiểu bậc Trưởng lão nói với ai. Để nói lên thần thông của mình, ngài nói câu kệ:

*909. Ai trong thời gian ngắn,
Biết thế giới ngàn cõi,
Vị ấy thật xứng đáng,*

*Được sống giới Phạm thiên,
Nhưng nay Tỷ-kheo ấy,
Đầy đủ thần thông lực,
Thấy được thời gian nào,
Chư Thiên chết và sanh.*

Rồi ngài nói lên **ngiệp trước** của ngài:

*910. **Đời trước** ta đã sống,
Tên Annabhara,
Bản cùng, phải làm lưng,
Lo nuôi sống tự thân,
Rồi ta đến cúng dường,
Bậc Sa-môn danh tiếng,
Sa-môn với xưng danh,
Ngài Uparittha.*

*911. Rồi ta được sanh trưởng,
Trong dòng họ Thích-ca,
Ta được biết với tên,
Là Anuruddha,
Sống hệ lụy múa ca,
Dạy với tiếng xập xỏa.*

*912. Ta thấy bậc Chánh giác,
Bậc Đạo Sư vô úy,
Tín tâm khởi nơi Ngài,*

Ta xuất gia không nhà.

913. *Ta biết các đời trước,
Trước ta sống chỗ nào,
Giữa cõi **Ba mươi ba**,
Ta sanh làm **Đế Thích**.*

914. ***Bảy lần làm Nhân chủ,**
Ta trị vì quốc độ,
Ta chinh phục bốn phương,
Làm chúa châu Diêm phù,
Không dùng gậy dùng gươm,
Trị vì với Chánh pháp.*

915. *Từ đây bảy bảy lần,
Mười bốn lần luân hồi,
Ta biết được đời sống,
Khi ta trú thiên giới.*

916. Trong ***thiền định năm chi**,*
Tâm an tịnh nhất tâm,
Tâm ta được khinh an,
Thiên nhãn ta thanh tịnh.

917. Ta biết sanh và chết,
Chỗ đến đi hữu tình,
Đời này và đời khác,

Ta trú thiền năm chi.

918. Ta hầu hạ Đạo Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.

919. Tại làng Vô-lu-và,
Giữa dân tộc Vajji,
Ta đi đến đoạn diệt,
Chấm dứt dòng sanh tử,
Dưới bóng của khóm trúc,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Không còn có lậu hoặc.

208 **Bản tiện không vì sanh, Do hành thành bản tiện - Kinh Kể Bản Tiện - Tiểu I, 500**

Kinh Kể Bản Tiện – Tiểu I, 500 (Vasalasuttam)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvathi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sàvatthi để khát thực. Lúc bấy giờ, tại trú xứ của Bà-la-môn Aggikabhàradvāja, **lửa tế lễ** được đốt cháy, đồ cúng dường được dâng cao. Rồi Thế Tôn, trong khi thứ lớp khát thực ở Sàvatthi, đi đến trú xứ của Bà-la-môn Aggibhàradvāja. Bà-la-môn Aggibhàradvāja thấy Thế Tôn từ xa đi đến, thấy vậy bèn nói với Thế Tôn: - Ở đây kẻ trọc đầu, ở đây kẻ Sa-môn ti tiện, ở đây kẻ bản tiện, hãy đứng lại.

Khi được nói vậy, Thế Tôn nói với Bà-la-môn Aggibhàradvāja:

- **Này Bà-la-môn, Người có biết người bản tiện hay những pháp tạo ra kẻ bản tiện không?**

- Này Tôn giả Gotama, tôi không biết kẻ bản tiện hay những pháp tạo ra kẻ bản tiện. Lành thay, nếu Tôn giả Gotama thuyết pháp như thế nào cho tôi, để tôi

được biết về kẻ bản tiện hay các pháp tạo thành kẻ bản tiện.

- Vậy này Bà-la-môn, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

- Thừa vâng, Tôn giả!

Bà-la-môn Aggibhàradvàja vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

116. *Người phẫn nộ, hiềm hận,
Ác nhân, gièm pha người,
Ác tà kiến, man trá,
Được biết là **bản tiện**.*

117. *Ai ở đây **hại vật**,
Một sanh, hoặc hai sanh,
Không thương xót hữu tình,
Được biết là bản tiện.*

118. *Ai làm hại vây hãm,
Các làng, các thị trấn,
Kẻ cướp đoạt có tiếng,
Được biết là kẻ bản tiện.*

119. *Tại làng hay tại rừng,
Vật sở hữu của người,
Lấy trộm của không cho,
Được biết là kẻ bản tiện.*

120. Ai vay nợ của người,
Bị đòi liền **trốn** tránh,
Ta đâu mắc **nợ** người,
Được biết là kẻ bần tiện.

121. Ai vì ham vật mọn,
Kẻ đang đi trên đường,
Giết hại cướp vật mọn,
Được biết là kẻ bần tiện.

122. Ai vì mình, vì người,
Hay vì nhân tài sản,
Làm nhân họ **nói láo,**
Được biết là kẻ bần tiện.

123. Ai được thấy giữa **vợ**
Của bà con, bạn thân,
Ép buộc hay ưng thuận,
Được biết là kẻ bần tiện.

124. Ai với **mẹ** hay **cha,**
Già yếu, tuổi trẻ qua,
Tuy **giàu không giúp đỡ,**
Được biết là kẻ bần tiện.

125. Ai với **mẹ** hay **cha,**

Với anh chị, nhạc mẫu,
Làm hại, dùng lời mắng,
Được biết là kẻ bần tiện.

126. Ai được hỏi mục đích,
Lại khuyên lời trái đích,
Khuyên bảo nên che đậy,
Được biết là kẻ bần tiện.

127. Ai làm các nghiệp ác,
Muốn không biết mình làm,
Ai làm **hạnh che đậy,**
Được biết là kẻ bần tiện.

128. Ai đến nhà người khác,
Ăn món **ăn** ngon lành,
Lại **không đáp lễ** lại,
Được biết là bần tiện.

129. Ai **nói dối** lường gạt,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Hay các người nghèo khác,
Được biết là bần tiện.

130. Dùng lời **mắng**, không cho,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Khi thời ăn uống đến,

Được biết là bản tiện.

131. Ở đời **nói không thật**,
Bị si mê che đậy,
Tham cầu chút lợi nhỏ,
Được biết là bản tiện.

132. Ai **đề cao tự ngã**,
Khinh miệt giá trị người,
Hạ mình với tự cao,
Được biết là bản tiện.

133. Ai **gây hấn**, hà tiện,
Ác độc và xan tham,
Xảo quyết, không tâm quý,
Được biết là bản tiện.

134. Ai **phỉ báng** đức Phật,
Hay đệ tử của Ngài,
Hàng xuất gia, tại gia,
Được biết là bản tiện.

135. Ai **không phải La-hán**,
Tự nhận là La-hán,
Kẻ trộm Phạm thiên giới,
Chính tối hạ bản tiện.
Những hàng bản tiện này,

Ta nói rõ cho Ông.

136. *Bản tiện không vì sanh,
Phạm chí không vì sanh,
Do **hành**, thành bản tiện,
Do **hành**, thành Phạm chí.*

137. *Do đây, nên hiểu biết,
Như Ta trình bày rõ,
Màtanga được danh,
Bản tiện, ăn thịt chó.*

138. *Danh tối thượng khó đạt,
Màtanga đạt được,
Nhiều Sát-ly, Phạm chí,
Đến hầu hạ vị ấy.*

139. *Vị ấy leo thiên xa,
Trên đường lớn không bụi,
Tì bỏ mọi dục tham,
Đạt được Phạm thiên giới,
Thọ sanh không ngăn chận,
Vị ấy sanh Phạm thiên.*

140. *Có những Bà-la-môn,
Sanh gia đình Đạo sư,
Hay sanh những gia đình,*

*Quyển thuộc với **bùa chú**,
Họ vẫn thường được thấy,
Làm các điều ác nghiệp,*

*141. Hiện tại bị khinh miệt,
Đời sau sanh ác thú,
Thọ sanh không ngăn chặn,
Sanh ác thú đáng khinh.*

*142. Bản tiện không vì sanh,
Phạm chí không vì sanh,
Do hành thành bản tiện,
Do hành thành Phạm chí.*

Khi được nói vậy, Bà-la-môn Bhàradvāja bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thưa Tôn giả Gotama, ví như người **dừng đứng** lại những gì bị quăng ngã xuống, **mở toang** ra những gì bị che kín, **chỉ đường** cho kẻ bị lạc hướng, **đem đèn sáng** vào trong bóng tối, để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày. Con nay qui y Tôn giả Gotama, qui y Pháp và qui y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời qui ngưỡng.

209 Bạc ALaHán - Phẩm ALaHán - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 49

Phẩm ALaHán – *Tiểu I*, 49

90. Đích đã đến, không sâu,
Giải thoát ngoài tất cả,
Đoạn trừ mọi buộc ràng,
Vị ấy không nhiệt nảo.

91. Tự sách tấn, chánh niệm,
Không thích cư xá nào,
Như ngỗng trời rời ao,
Bỏ sau mọi trú ẩn.

92. Tài sản không chất chứa,
Ăn uống biết liễu tri,
Tự tại trong hành xứ,
Không, vô tướng, giải thoát,
Như chim giữa hư không,
Hướng chúng đi khó tìm.

93. Ai lậu hoặc đoạn sạch,
Ăn uống không tham đắm,
Tự tại trong hành xứ,
Không, vô tướng, giải thoát.

Như chim giữa hư không,
Dấu chân thật khó tìm.

94. Ai nhiếp phục các căn,
Như đánh xe điều ngự,
Mạn trù, lậu hoặc dứt,
Người vậy, Chư Thiên mến.

95. Như đất, không hiềm hận,
Như cột trụ, kiên trì,
Như hồ, không bùn nhơ,
Không luân hồi, vị ấy.

96. Người tâm ý an tịnh,
Lời an, nghiệp cũng an,
Chánh trí, chơn giải thoát,
Tịnh lạc là vị ấy.

97. Không tin, hiểu vô vi.
Người cắt mọi hệ lụy
Cơ hội tận, xả ly
Vị ấy thật tối thượng.

98. Làng mạc hay rừng núi
Thung lũng hay đồi cao,
La Hán trú chỗ nào,
Đất ấy thật khả ái.

99. Khả ái thay núi rừng,
Chỗ người phạm không ưa,
Vị ly tham ưa thích,
Vì không tìm dục lạc.

210 **Bậc Alahán - 3 hạng người đem lại hạnh phúc cho nhiều người - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 404**

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 404 (Tik. IV, 5) (It. 78)

Có **ba hạng người** này xuất hiện ở đời, xuất hiện đem lại hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, **Như Lai** xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, trình bày Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người thứ nhất xuất hiện ở đời, xuất hiện đem lại hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc, cho chư Thiên và loài Người.

Lại nữa này các Tỷ-kheo, **đệ tử của bậc Đạo Sư ấy là bậc A-la-hán**, các lậu hoặc đã đoạn tận, Phạm hạnh

đã thành tựu, việc cần làm đã làm, gánh nặng đã đặt xuống, mục đích của mình đã đạt được, hữu kiết sử đã đoạn tận, đã giải thoát nhờ chánh trí. Vị ấy thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, trình bày Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Đây các Tỷ-kheo, đây là hạng người thứ hai xuất hiện ở đời, xuất hiện đem đến hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, **đệ tử bậc Đạo Sư ấy là bậc hữu học**, đang đi trên con đường, vị nghe nhiều, giới cấm được gìn giữ. Vị ấy cũng thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, trình bày Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Đây các Tỷ-kheo, đây là hạng người thứ ba xuất hiện ở đời, xuất hiện đem đến hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người. Đây các Tỷ-kheo, có ba hạng người xuất hiện ở đời, xuất hiện đem đến hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

*Bậc Đạo Sư ở đời,
Đại ẩn sĩ thứ nhất,*

Tiếp nối theo vị ấy,
Là đệ tử Đạo Sư,
Đã tu tập tự ngã,
Tiếp đến bậc hữu học,
Đang đi trên con đường,
Bậc nghe nhiều học nhiều,
Bậc giới cấm đầy đủ.

Ba vị tối thượng này,
Giữa chư Thiên, loài Người,
Bậc tác thành hào quang,
Bậc tuyên bố Chánh pháp,
Mở toang **cửa bất tử**,
Đã giúp đỡ nhiều người.
Thoát ly khỏi ách nạn.

Những ai tùy bước theo,
Con đường khéo thuyết giảng,
Bởi bậc Vô Thượng Sĩ,
Bậc cầm đầu lữ hành,
Vị ấy tại đời này,
Chấm dứt mọi khổ đau,
Những vị không phóng dật,
Trong giáo lý Thiện Thệ.

211 Bậc Alahán - Bảy tuổi chứng quả - Kinh Sopàka – Tiểu III, 291

Sopàka – Tiểu III, 291 (227)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh từ vợ một người cùng đinh, và do thọ sanh, ngài được gọi là Sopàka (người cùng đinh). Có người nói ngài là con một thương gia. Sự kiện này không được tập Apadàna chấp nhận:

*Khi ta chứng được,
Tái sanh cuối cùng,
Ta vào bào thai,
Của Sopàka.*

Bốn tháng sau khi sanh, cha ngài mệnh chung, và được người **cậu** nuôi dưỡng. Người cậu, do người con hay nóng giận của mình xúi giục, muốn giết ngài. Nó đem ngài đến bãi tha ma, trói hai tay ngài cột vào cổ một cây ma, nghĩ rằng các con chó rừng sẽ ăn thịt ngài. Nó không thể giết ngài vì ngài tái sanh lần cuối cùng. Ban đêm các con chó rừng và các con thú khác đến, và đưa con nít kêu khóc:

Thế nào là định mệnh,

*Được để dành cho ta.
Ai là người bà con,
Của đứa trẻ mồ côi!
Giữa nghĩa địa kinh hoàng,
Ta bị cột, trói chặt!
Ta sẽ tìm được ai,
Là người bạn của ta!*

Bậc Đạo Sư trong lúc ấy đang nhìn xem ai là người đáng cứu độ, thấy trong đứa trẻ, những nhân duyên chứng quả A-la-hán được chói sáng trong tâm của đứa trẻ, liền chiếu sáng hào quang và nói:

*Hãy đến, Sopaka,
Người đừng có sợ hãi,
Hãy nhìn đến Như Lai,
Chính Ta sẽ cứu con!
Như mặt trăng thoát khỏi,
Hàm răng của Ràhu.*

Với sức mạnh của đức Phật, đứa trẻ bứt đứt dây trói, và cuối bài kệ đứng dậy, trở thành một bậc Dự lưu và đứng trước hương phòng của đức Phật!

Mẹ ngài tìm ngài hỏi người cậu, nhưng người cậu im lặng không nói gì. Mẹ ngài đi đến đức Phật, nghĩ rằng đức Phật biết tất cả, quá khứ, hiện tại, vị lai. Bậc Đạo Sư, dùng thần thông giấu đứa con.

Bà thưa với Thế Tôn: "*Bạch Thế Tôn, con không thể tìm thấy đứa con. Nhưng Thế Tôn biết được con tôi đang làm gì?*". Thế Tôn trả lời:

*Các người con không phải,
Là chỗ y, nương tựa,
Cả cha cũng là vậy,
Kể cả các bà con.
Với kẻ bị mệnh chung,
Dẫu bà con huyết thống,
Cũng không thể nương tựa!*

Và như vậy, Thế Tôn thuyết pháp cho bà, bà nghe xong chứng quả Dự lưu, nhưng đứa trẻ chứng quả A-la-hán. Rồi Thế Tôn rút lại thân thông và bà mẹ sung sướng thấy được người con. Được biết con mình đã chứng quả A-la-hán, bà bằng lòng để con xuất gia và bà ra về.

Rồi ngài đến đánh lễ bậc Đạo Sư, khi bậc Đạo Sư đang đi dưới bóng mát của hương phòng và đi theo Thế Tôn. Thế Tôn muốn thế độ cho ngài liền hỏi ngài mười câu hỏi, bắt đầu bằng câu: "*Thế nào là một pháp?*" Ngài hiểu được ý Thế Tôn liền trả lời: "*Các chúng sanh được nuôi dưỡng bằng thức ăn...*", với trí sáng suốt của mình. Bậc Đạo Sư thỏa mãn với

những câu trả lời của đứa trẻ, thọ giới cho ngài. Do vậy ngài có được tên là: "Đứa trẻ với những câu hỏi".

Ngài nói lên chánh trí của mình, thuật lại những sự việc đã xảy ra, với bài kệ như sau:

480. Thấy bậc Tối thượng nhân,
Kinh hành dưới bóng lầu,
Tại đây, ta đi tới,
Đảnh lễ bậc Tối thượng.

481. Đắp y một bên vai,
Chấp hai tay đưa lên,
Đi theo **bậc Vô cầu**,
Tối thượng trên mọi loài.

482. Ngài hỏi ta câu hỏi,
Khéo biết đặt câu hỏi,
Ta trả lời Đạo Sư,
Không run, không sợ hãi.

483. Đức Như Lai tùy hỷ,
Câu trả lời câu hỏi,
Nhìn chúng Tỷ-kheo Tăng,
Ngài nói ý nghĩa này:

484. Lợi ích thay, dân chúng,

Ăng-ga, Magadha,
Cúng dường cho vị ấy,
Y được thuốc sàng tọa,
Biết cung kính thích nghi,
Thật lợi ích cho chúng,
Bậc Đạo Sư nói vậy.

485. Bắt đầu từ hôm nay,
Hỡi này Sopaka,
Hãy đến yết kiến Ta,
Như vậy, Sopaka,
Ông thành tựu Đại giới,
Được an lành tốt đẹp.

486. **Bảy năm** từ khi sanh,
Ta được thọ Đại giới,
Ta mang thân cuối cùng!
Ôi pháp, thiện pháp tánh.

212 Bạc Alahán - Bảy tuổi chứng quả - Kinh Sumana – Tiểu III, 274

Sumana – *Tiểu III*, 274 (219)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong gia đình một cư sĩ, làm vị hộ trì cho Tôn giả Anuruddha.

Từ trước, con cháu của người cư sĩ này chết trẻ. Khi sắp đẻ đứa con, người cha nghĩ nếu là con trai thì sẽ cho xuất gia với vị Trưởng lão. Sau mười tháng, đẻ được đứa con trai, vị cư sĩ này cho xuất gia khi **đứa trẻ lên bảy tuổi**. Do căn tánh thuần phục, không bao lâu ngài chứng được **sáu thắng trí** trong khi đang hầu hạ bậc Trưởng lão.

Cầm được cái bình để xách nước, **Sumana với thân thông, đi đến hồ Anotatta, một con xà vương ác độc, phòng mang ngưỡng đầu lên không cho ngài lấy nước**. Rồi Sumana hóa thành con chim Garuda (Kim xí điều) niếp phục con rắn và mang nước bay về vị Trưởng lão.

Rồi bậc Đạo Sư, ngồi tại vườn Jetavana, thấy ngài bay về, liền gọi Sàriputta cùng xem, và tán thán ngài với bốn câu kệ.

Sunmana đề nêu lên chánh trí của mình cộng thêm những bài kệ của mình như sau:

429. Khi người mới xuất gia,
Từ sanh, **mới bảy tuổi**,
Với **thần thông** ta điều,
Con xà vương thần lực.

430. Từ hồ nước to lớn,
Tên A-no-tat-ta
Ta đem nước hồ về,
Cho bậc giáo thọ sư,
Thấy vậy bậc Đạo Sư,
Nói về ta như sau:

431. **Này Sà-ri-put-ta!**
Xem đứa trẻ này đến,
Tự bùng cầm ghè nước,
Nội tâm khéo định tĩnh.
Với nhiệm vụ khả ái,
Cử chỉ rất thuần thiện.

432. Người đệ tử Sa-di,
Của Anuruddha,
Có **thần thông** uy lực,
Thuần thực và điều luyện.

433. **Thuần lương** nhờ giáo dục,
Do vị đại thuần lương,

Thiện hạnh nhờ giáo dục,
Bởi bậc khéo thiện hạnh.
Nhờ Anuruddha,
Khéo huấn luyện điều phục,
Được học tập giảng dạy,
Làm xong việc phải làm.

434. Đạt được tịnh tối thắng,
Chứng đắc, không dao động,
Sa-di Sumana,
Muốn: "Không ai biết ta".

213 **Bậc Alahán - Chế ngự được Dục và chế ngự được Hữu - Kinh Phật Thuyết Nhu Vây - Tiểu I, 426**

Kinh Phật Thuyết Nhu Vây – Tiểu I, 426 (Tik.
V, 7) (It. 95)

Này các Tỷ-kheo,

- Những ai bị trói buộc bởi trói buộc của **dục**,
những ai bị trói buộc bởi trói buộc của **hữu** là
những bậc đến lại, đi đến lại có mặt ở đây.
- Những ai chế ngự được sự trói buộc của **dục**,
nhưng còn bị trói buộc bởi trói buộc của **hữu**,
những vị ấy là hạng **Bất lai**, không trở lui lại có
mặt ở đây.
- Những ai chế ngự được sự trói buộc của **dục**, chế
ngự được sự trói buộc của **hữu**, những vị ấy là
bậc **A-la-hán**, đã đoạn tận các lậu hoặc.

Những ai bị nhiếp phục,
Bởi trói buộc của dục,
Bởi trói buộc của hữu,
Bởi trói buộc cả hai,
**Chúng sanh ấy đi đến,
Luân chuyển trong luân hồi,**

Họ đi đến sanh tử.

*Những ai đoạn tận dục,
Nhưng chưa đạt thành được,
Sự diệt tận lậu hoặc,
Họ còn bị nhiếp phục,
Bởi trói buộc của hữu,
Họ được gọi Bất lai.*

*Những ai chặt đứt được,
Mọi nghi hoặc phân vân,
Đoạn tận được kiêu mạn,
Đoạn tận được tái sanh,
Chắc chắn trong đời này,
Họ đi đến bờ kia,
Vì họ đã đạt tới,
Sự đoạn diệt lậu hoặc.*

214 Bậc Alahán - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 441

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 441 (Cat. 5)
(It. 106)

Này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo nào đầy đủ **giới**, đầy đủ **định**, đầy đủ **tuệ**, đầy đủ **giải thoát**, đầy đủ **giải thoát tri kiến**, những vị giáo giới, những vị giảng dạy, những vị tuyên bố, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, những bậc xứng đáng thuyết minh diệu pháp.

- Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng chỉ **thấy** các vị như vậy là **lợi ích nhiều cho các Tỷ-kheo ấy**.
- Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng chỉ **nghe** các vị như vậy là lợi ích nhiều cho các Tỷ-kheo ấy.
- Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng chỉ đi đến **yết kiến** các vị như vậy là lợi ích nhiều cho các Tỷ-kheo ấy.
- Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng chỉ **thân cận** các vị như vậy là lợi ích nhiều cho các Tỷ-kheo ấy.

- Nay các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng chỉ **nhớ** nghĩ đến các vị như vậy là lợi ích nhiều cho các Tỷ-kheo ấy.
- Nay các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng chỉ tùy theo các vị như vậy **xuất gia** là lợi ích nhiều cho các Tỷ-kheo ấy.

Vì có sao?

Nay các Tỷ-kheo, khi phục vụ, chia sẻ, thân cận những Tỷ-kheo như vậy, thời **giới uẩn chưa được đầy đủ đi đến được tu tập đầy đủ, định uẩn chưa được đầy đủ đi đến được tu tập đầy đủ, tuệ uẩn chưa được đầy đủ đi đến được tu tập đầy đủ, giải thoát uẩn chưa được đầy đủ, đi đến được tu tập đầy đủ, giải thoát tri kiến uẩn chưa được đầy đủ đi đến được tu tập đầy đủ.**

Nay các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo như vậy:

- được gọi là những **bậc Đạo sư,**
- được gọi là những **người cầm đầu đoàn lữ hành,**
- được gọi là những **vị đã từ bỏ những nguyên nhân tác hại,**
- được gọi là những **vị quét sạch tối tăm,**
- được gọi là những **vị tác thành minh,**
- được gọi là những **vị tác thành quang,**

- được gọi là những **vị tác thành ánh sáng**,
- được gọi là những **vị cầm bó đuốc**,
- được gọi là những **vị phóng quang**,
- được gọi là những **bậc Thánh**,
- được gọi là những **người có mắt**.

Đây là căn cứ địa,
 Những vị phóng hào quang,
 Chính nhờ hiểu biết vậy,
 Tức là, đối tự ngã,
 Những vị có tu tập,
 Là những **bậc Hiền Thánh**,
 Sống đúng theo Chánh pháp,
 Họ chói sáng diệu pháp,
 Họ nói lên diệu pháp,
 Họ phóng được hào quang,
 Là những **bậc có trí**,
 Tác thành ra ánh sáng,
 Họ là người có mắt,
 Họ từ bỏ nguyên nhân,
 Tạo ra điều tác hại,
 Bậc trí với chánh trí,
 Nghe lời dạy vị ấy,
 Do thắng tri sanh diệt,
 Không đi đến tái sanh.

215 Bạc Alahán - Kinh Ân Sĩ - Tiểu I, 528

Kinh Ân Sĩ – Tiểu I, 528 (Sn 35)

207. *Thân mật, sanh sợ hãi,
Trú xứ, sanh bụi bặm,
Không trú xứ, không thân,
Hình ảnh bạc ân sĩ.*

208. *Ai đã chặt sanh hữu,
Không còn gieo giống thêm,
Sanh hữu đã đoạn tận,
Không muốn nó tùy sanh,
Được gọi là ân sĩ,
Một mình đi im lặng,
Bạc đại sĩ đã thấy,
Con đường tịch tịnh ấy.*

209. *Sau khi ước lượng đất,
Tìm hiểu được hột giống,
Không còn muốn tham ái,
Được tiếp tục tùy sanh,
Vị ấy **chân ân sĩ**,
Thấy sanh diệt chấm dứt,
Đoạn tận mọi lý luận,
Không rơi vào tính toán.*

210. Đã rõ mọi trú xứ,
Không ham trú xứ nào,
Vị ấy chân ẩn sĩ,
Không tham, không say đắm.
Không còn phải ra sức,
Đã đạt bờ bên kia.

211. Bạc chiến thắng toàn diện,
Bạc toàn tri, thiện tuệ,
Đối với tất cả pháp,
Không còn bị ô nhiễm.
Bạc từ bỏ tất cả,
Ái đoạn diệt, giải thoát.
Các bậc trí nhận thức,
Vị ấy **thật ẩn sĩ.**

212. Vị có trí **tuệ** lực,
Giới cấm được đầy đủ,
Định tĩnh, thích thiền **định**,
Gìn giữ trì **chánh niệm**,
Giải thoát các trói buộc,
Không hoang vu, lậu tận,
Các bậc trí nhận thức,
Vị ấy **thật ẩn sĩ.**

213. **Bộ hành, riêng một mình,**

Ẩn sĩ, không phóng dật,
Trước chê bai, tán thán,
Không có bị dao động.
Như sư tử, không sợ,
Giữa các tiếng vang động.
Như gió không vướng lưới,
Như sơn không dính nước,
Bạc lãnh đạo mọi người,
Người không ai lãnh đạo.
Các bậc trí nhận thức,
Vị ấy thật ẩn sĩ.

214. Vị nào biết xử sự,
Như cột trụ hồ tắm,
Khi người khác nói lời,
Lời khen chê cực đoan,
Vị không có tham ái,
Vời căn khéo định tĩnh,
Các bậc trí nhận thức,
Vị ấy thật ẩn sĩ.

215. Ai thật tự mình đứng,
Thẳng như cây thoi đưa,
Nhàm chán các nghiệp ác,
Quán sát chánh, bất chánh,
Các bậc trí nhận thức,
Vị ấy thật ẩn sĩ.

216. Ai biết tự chế ngự,
Không làm các điều ác,
Trẻ và hạng trung niên,
Bậc ẩn sĩ chế ngự,
Vị không nên chọc giận,
Vì không làm ai giận,
Các bậc trí nhận thức,
Vị ấy thật ẩn sĩ.

217. Ai sống nhờ người cho,
Nhận lãnh đồ khát thực,
Nhận từ trên, từ giữa,
Hay từ chỗ còn lại,
Không đủ để tán thán,
Không nói lời hạ mình,
Các bậc trí nhận thức,
Vị ấy thật ẩn sĩ.

218. Sống thụ hạnh ẩn sĩ,
Từ bỏ sự dâm dục,
Ai lúc còn tuổi trẻ,
Không bị trói buộc gì,
Từ bỏ mạn, phóng dật,
Được hoàn toàn giải thoát,
Các bậc trí nhận thức,
Vị ấy thật ẩn sĩ.

219. Rõ biết được thế giới,
Thấy được **lý chân đế**,
Vượt khỏi được bực lưu,
Vượt biển lớn như vậy.
Vị chặt đứt trói buộc,
Không y lại, vô lậu.
Các bậc trí nhận thức,
Vị ấy thật ẩn sĩ.

220. Hai nếp sống không giống.
An trú, thật xa nhau,
Gia chủ, có vợ con,
Không ngã sở, khéo nhiếp,
Gia chủ không chế ngự,
Ngăn chặn hữu tình khác,
Bậc ẩn sĩ luôn luôn,
Che chở loài hữu tình.

221. Giống như loại chim công,
Loại chim có cổ xanh,
Không bao giờ sánh bằng,
Chim thiên nga nhanh nhẹn.
Cũng vậy, người gia chủ,
Không sánh bằng Tỷ-kheo,
Bậc ẩn sĩ viễn ly,
Sống thiền định trong rừng.

216 Bạc Alahán - Sanh thú không thể chỉ bày - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 289

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 289 (Ud 93)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo.
- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau:

- Nay các Tỷ-kheo, **Dabbha Mallaputta** bay lên hư không, ngồi kiết-già giữa hư không, nhập định hỏa giới, xuất khỏi định và nhập Niết Bàn.

Khi Tỷ-kheo Dabha Mallaputta bay lên hư không, ngồi kiết-già giữa hư không, nhập định hỏa giới, xuất khỏi định và nhập Niết Bàn, **thân của Tôn giả được cháy sạch, đốt sạch, không còn có than hay có tro có thể thấy được.**

Ví như bơ hay dầu được cháy, được đốt, không còn có than hay có tro có thể thấy được. Cũng vậy, khi Tỷ-kheo Dabha Mallaputta bay lên hư không, ngồi kiết già giữa hư không, nhập định hỏa giới, xuất khỏi

định và nhập Niết-bàn, thân của Tôn giả được cháy sạch, đốt sạch, không còn có than hay có tro có thể thấy được.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

10. *Như tia lửa cháy sáng,
Phát từ búa sắt đập,
Dần dần được nguội lạnh,
Sanh thú **không** biết được.*

*Cũng vậy là những bậc
Đã **chân chánh** giải thoát,
Đã vượt qua thác nước,
Trói buộc bởi các **dục**,
Họ đạt được an lạc,
Không có bị dao động,
Họ không có sanh thú,
Để có thể chỉ bày.*

217 Bạc Alahán - Thế nào là chân chánh xuất gia_ - Kinh Chánh xuất gia - Tiểu I, 579

Kinh Chánh xuất gia – Tiểu I, 579 (Sn 63)

Người hỏi:

359. *Tôi hỏi bậc ẩn sĩ,
Có trí tuệ rộng lớn,
Đã vượt qua bờ kia,
Tịch tịnh, tự an trú.
Làm sao một Tỷ-kheo,
Bỏ nhà, bỏ các dục,
Lại có thể chơn chánh,
Du hành ở trên đời?*

Thế Tôn:

360. *Ai nhờ lên điềm lành,
Như vậy, Thế Tôn đáp,
Các sao băng mộng寐,
Và các tướng lành dữ,
Vị ấy đoạn trừ được,
Các lỗi lầm điềm lành;
Tỷ kheo ấy chơn chánh,*

Du hành ở trên đời.

361. *Tỷ-kheo nhiếp phục tham,
Đối với các dục vọng,*

*Tại thiên giới, nhân giới,
Vượt hữu, chứng tri pháp;
Tỷ kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.*

362. Tỷ kheo *bỏ hai lười,
Bỏ phần nộ, xan tham,
Với tùy thuộc chống đối,
Đoạn tận thật hoàn toàn,*

*Tỷ kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.*

363. *Sau khi đã từ bỏ,
Cả ái và phi ái,
Không chấp thủ một ai,
Không y chỉ chỗ nào,
Giải thoát được hoàn toàn,
Các kiết sử trói buộc,*

*Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.*

364. *Ai không tìm lỗi cây,
Đối với các sanh y,*

Có thể nhiếp phục tham,
Đối với các chấp thủ,
Vị ấy không y chỉ,
Không để ai dắt dẫn,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.

365. Với **lời** và với ý,
Và với cả nghiệp làm,
Không chống đối một ai,
Chơn chánh biết diệu pháp,
Thường cố gắng hướng đến,
Đường Niết bàn tịch tịnh,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.

366. Tỷ-kheo không tự cao,
Khi người đánh lễ mình,
Dầu có bị nhiếc mắng,
Không khởi tâm tức tối,
Được đồ ăn của người,
Không có sự tham đắm,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.

367. Tỷ-kheo sau khi đoạn,
Tham dục và sanh hữu,

Từ bỏ, không làm hại,
Không trói buộc một ai,
Vị ấy vượt nghi hoặc,
Đã rút ra mũi tên,

Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.

368. Tỷ-kheo sau khi biết,
Điều thích đáng cho mình,
Không làm hại một ai,
Có mặt ở trên đời,
Sau khi đã biết pháp,
Như thật, như thế nào,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.

369. Với ai, **các tùy miên,**
Không còn có tồn tại,
Và **cội gốc bất thiện,**
Được nhổ lên tận trờ,
Vị ấy không tham dục,
Không có hy cầu gì.
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.

370. **Ai đoạn tận lậu hoặc,**
Đoạn trừ cả kiêu mạn,

Mọi con đường tham **dục**,
Được chế ngự nhiếp phục,
Được nhiếp phục tịch tịnh,
Tự ngã được an lập,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.

371. Có lòng tin, nghe pháp,
Thấy được **quyết định tánh**,
Bậc hiền không phe phái,
Giữa rất nhiều phe phái,
Có thể nhiếp phục được,
Tham, sân và hận thù,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.

372. Thanh tịnh và chiến thắng,
Kéo lên màn che kín,
Tự tại trong các pháp,
Đến bờ kia, bất động,
Đoạn diệt các sở hành,
Thiện xảo trong chánh trí,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.

373. Trong những thời quá khứ,
Trong những thời vị lai,

*Vượt qua các chủ thuyết,
Trí tuệ thật thanh tịnh,
Vội tắt cả mọi xử,
Được hoàn toàn giải thoát.
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.*

374. *Rõ biết được Pháp cú,
Chứng tri được Chánh pháp,
Thấy được sự mở rộng,
Đoạn tận các lậu hoặc,
Đối tắt cả sanh y,
Được trừ diệt hoàn toàn,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.*

Người hỏi:

375. *Bạch Thế Tôn, chắc chắn,
Thực sự là như vậy,
Tỷ-kheo được chế ngự,
Đã an trú như vậy,
Đã nhiếp phục hoàn toàn,
Tắt cả các kiết sử,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.*

218 Bạc Alahán - Vị toàn hảo - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 428

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 428 (Tik. V,8) (It. 96)

Này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo, có **giới** tốt lành, có **pháp** tốt lành, có **tuệ** tốt lành được gọi trong Pháp và Luật này là **vị toàn hảo**.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là **Giới** tốt lành?

Ở đây này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo **giữ giới**, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Patimokkha, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vị Tỷ-kheo có giới tốt lành.

Và thế nào là có **Pháp** tốt lành?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo sống chuyên tâm chuyên chú tu tập **Bảy pháp giác chi**. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vị có pháp tốt lành. Như vậy là giới tốt lành và pháp tốt lành.

Và thế nào là **Tuệ** tốt lành?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo do **diệt trừ các lậu hoặc**, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí

chúng ngộ chúng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vị Tỷ-kheo có tuệ tốt lành.

Như vậy, một người có giới tốt lành, có pháp tốt lành, có tuệ tốt lành được gọi trong Pháp và Luật là vị toàn hảo.

*Ai với thân, với lời,
Với ý, không làm ác,
Vị ấy **giới** tốt lành,
Được gọi là Tỷ-kheo,
Có được lòng xấu hổ.*

*Ai, pháp khéo tu tập,
Những pháp giúp đạt đến,
Chứng được quả Bồ-đề,
Vị ấy **pháp** tốt lành,
Được gọi là Tỷ-kheo,
Không có dục trào ra.*

*Ai quán tri đau khổ,
Ở đây, diệt trừ khổ,
Vị ấy **tuệ** tốt lành,
Được gọi là Tỷ-kheo.
Không có các lậu hoặc.*

*Đầy đủ những pháp ấy,
Thoát khỏi sự phiền muộn,
Chặt đứt mọi nghi ngờ,*

*Không luyến ái tham đắm,
Mọi sự vật ở đời,
Vị ấy được xưng gọi,
Vị đoạn tận tất cả.*

219 Bạc Bất Lai - Chế ngự được Dục, nhưng còn bị Hữu trói buộc - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 426

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 426 (Tik. V, 7) (It. 95)

Này các Tỷ-kheo,

- Những ai bị trói buộc bởi trói buộc của **dục**, những ai bị trói buộc bởi trói buộc của **hữu** là những bậc đến lại, đi đến lại có mặt ở đây.
- Những ai chế ngự được sự trói buộc của **dục**, nhưng còn bị trói buộc bởi trói buộc của **hữu**, những vị ấy là hạng **Bất lai**, không trở lui lại có mặt ở đây.
- Những ai chế ngự được sự trói buộc của **dục**, chế ngự được sự trói buộc của **hữu**, những vị ấy là bậc **A-la-hán**, đã đoạn tận các lậu hoặc.

Những ai bị nhiếp phục,
Bởi trói buộc của dục,
Bởi trói buộc của hữu,
Bởi trói buộc cả hai,
Chúng sanh ấy đi đến,
Luân chuyển trong luân hồi,

Họ đi đến sanh tử.

*Những ai đoạn tận dục,
Nhưng chưa đạt thành được,
Sự diệt tận lậu hoặc,
Họ còn bị nhiếp phục,
Bởi trói buộc của hữu,
Họ được gọi Bất lai.*

*Những ai chặt đứt được,
Mọi nghi hoặc phân vân,
Đoạn tận được kiêu mạn,
Đoạn tận được tái sanh,
Chắc chắn trong đời này,
Họ đi đến bờ kia,
Vì họ đã đạt tới,
Sự đoạn diệt lậu hoặc.*

220 Bạc Dự lưu - Dầu họ phóng dật, cũng không sanh hữu lần thứ tám - Kinh Châu Báu - Tiểu I, 534

Kinh Châu Báu – Tiểu I, 534 (Ratana Sutta) (Sn 39)

222. Phàm ở tại đời này,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không,
Mong rằng mọi **sanh linh**,
Được đẹp ý vui lòng,
Vậy, hãy nên cẩn thận,
Lắng nghe lời dạy này.

223. Do vậy các sanh linh,
Tất cả hãy chú tâm,
Khởi lên lòng từ mẫn,
Đối với mọi loài, người.
Ban ngày và ban đêm,
Họ đem vật **cúng dường**,
Do vậy không phóng dật,
Hãy giúp họ trì họ.

224. Phàm có tài sản gì,

Đời này hay đời sau,
Hay ở tại thiên giới,
Có châu báu thù thắng,
Không gì sánh bằng được,
Với **Như Lai, Thiện Thệ,**
Như vậy, nơi Đức Phật,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

225. **Đoạn diệt** và **ly tham,**
Bất tử và thù diệu,
Phật Thích Ca Mâu-Ni,
Chứng pháp ấy trong thiền.
Không gì sánh bằng được,
Với pháp thù diệu ấy.
Như vậy, nơi Chánh pháp,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

226. Phật Thế Tôn thù thắng,
Nói lên lời tán thán,
Pháp **thiền định** trong sạch,
Liên tục không gián đoạn,
Không gì sánh bằng được,
Pháp thiền vi diệu ấy,

Như vậy, nơi Chánh pháp,
Là châu báu thù diêu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

227. **Tám vị bốn đôi** này,
Được bậc thiện tán thán,
Chúng đệ tử Thiện Thệ,
Xứng đáng được cúng dường.
Bố thí các vị ấy,
Được kết quả to lớn.
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diêu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

228. Các vị lòng ít dục,
Với ý thật kiên trì,
Khéo liên hệ mật thiết,
Lời dạy Gotama!
Họ đạt được quả vị,
Họ **thể nhập bất tử,**
Họ chứng đắc dễ dàng,
Hưởng thọ sự tịch tịnh,
Như vậy, nơi tăng chúng,
Là châu báu thù diêu,
Mong với sự thật này,

Được sống chơn hạnh phúc.

229. *Như cây cột trụ đá,
Khéo y tựa lòng đất,
Dẫu có gió bốn phương,
Cũng không thể dao động,
Ta nói bậc chơn nhân,
Giống như ví dụ này.*

***Vị thể nhập với tuệ,
Thấy được những Thánh đế,***
*Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.*

230. *Những vị khéo giải thích,
Những **sự thật Thánh đế**,
Những vị khéo thuyết giảng,
Với trí tuệ thâm sâu,*

***Dẫu họ có hết sức,
Phóng dật không tư chế,
Họ cũng không đến nổi,
Sanh hữu lần thứ tám.***

*Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.*

231. Vị ấy nhờ đầy đủ,
Với **chánh kiến** sáng suốt,
Do vậy, có ba pháp,
Được hoàn toàn từ bỏ.
Thân kiến và nghi hoặc,
Giới cấm thủ cũng không;
Đối với bốn đọa xứ,
Hoàn toàn được giải thoát;
Vị ấy không thể làm,
Sáu điều ác căn bản.
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

232. Dầu vị ấy có làm,
Điều ác gì đi nữa,
Với **thân** hay với **lời**,
Kể cả với **tâm ý**,
Vị ấy không có thể,
Che đây việc làm ấy,
Vị ấy được nói rằng,
Không thể thấy ác đạo.
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,

Được sống chơn hạnh phúc.

233. Đẹp là những cây rìng,
Có bông hoa đầu ngọn,
Trong tháng ba nóng bức,
Những ngày hạ đầu tiên,

Pháp thù thắng thuyết giảng,

Được ví dụ như vậy,

Pháp đưa đến Niết-bàn,

Pháp hạnh phúc tối thượng.

Như vậy, nơi Đức Phật,

Là châu báu thù diệu.

Mong với sự thật này,

Được sống chơn hạnh phúc.

234. Cao thượng, biết cao thượng,

Cho, đem lại cao thượng,

Bậc vô thượng thuyết giảng,

Pháp cao thượng thù thắng.

Như vậy, nơi đức Phật,

Là châu báu thù diệu.

Mong với sự thật này,

Được sống chơn hạnh phúc.

235. Nghiệp cũ đã đoạn tận,

Nghiệp mới không tạo nên,

Với tâm tư từ bỏ,

Trong sanh hữu tương lai.

Các hột giống đoạn tận,
Ước muốn không tăng trưởng,
Bậc trí chứng Niết-bàn,
Ví như ngọn đèn này.
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

236. Phàm ở tại đời này,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không,
Hãy đánh lễ đức Phật,
Đã như thực đến đây,
Được loài Trời, loài Người,
Đánh lễ và cúng dường.
Mong rằng với hạnh này,
Mọi loài được hạnh phúc.

237. Phàm ở tại nơi này,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không.
Hãy đánh lễ Chánh pháp,
Đã như thực đến đây,

*Được loài Trời, loài Người,
Đánh lễ và cúng dường.
Mong rằng với hạnh này,
Mọi loài được hạnh phúc.*

238. *Phàm ở tại nơi này,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không.
Hãy đánh lễ chúng Tăng,
Đã như thực đến đây,
Được loài Trời, loài Người,
Đánh lễ và cúng dường.
Mong rằng với hạnh này,
Mọi loài được hạnh phúc.*

221 Bạc Dự lưu - Hơn thống lãnh cõi đất, Quả Dự Lưu tối thắng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 65

Phẩm Thế Gian – *Tiểu I*, 65

167. Dầu lợi người bao nhiêu,
Chớ quên phần tư lợi,
Nhờ thắng trí tư lợi.
Hãy chuyên tâm lợi mình.

168. "Nỗ lực, chớ phóng dật!
Hãy sống theo chánh hạnh;
Người chánh hạnh hưởng lạc,
Cả đời này, đời sau."

169. Hãy khéo sống chánh hạnh,
Chớ sống theo tà hạnh!
Người chánh hạnh hưởng lạc,
Cả đời này, đời sau.

170. Hãy nhìn như bọt nước,
Hãy nhìn như cảnh huyễn!
Quán nhìn đời như vậy,
Thần chết không bắt gặp.

171. Hãy đến nhìn đời này,
Như xe vua lộng lẫy,
Người ngu mới tham đắm,
Kẻ trí nào đắm say.

172. Ai sống trước buông lung,
Sau sống không phóng dật,
Chói sáng rực đời này.
Như trăng thoát mây che.

173. Ai dùng các hanh lành,
Làm xóa mờ nghiệp ác,
Chói sáng rực đời này,
Như trăng thoát mây che.

174. Đời này thật mù quáng,
Ít kẻ thấy rõ ràng.
Như chim thoát khỏi lưới,
Rất ít đi thiên giới.

175. Như chim thiên nga bay,
Thần thông liệng giữa trời,
Chiến thắng ma, ma quân,
Kẻ trí thoát đời này.

176. Ai vi phạm một pháp,

Ai nói lời vọng ngũ,
Ai bác bỏ đời sau,
Không ác nào không làm.

177. Keo kiết không sanh thiên,
Kẻ ngu ghét **bố thí**,
Người trí thích bố thí,
Đời sau, được hưởng lạc.

178. Hơn thống lãnh cõi đất,
Hơn được sanh cõi trời,
Hơn chủ trì vũ trụ,
Quả Dự Lưu tôi thắng.

222 Bạc Dụ lưu - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 315

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 315 (Ek III, 4) (It. 17)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Các **xương** của một người, này các Tỷ-kheo, chạy dài, lưu chuyển có thể lớn như một đống xương, một chồng xương, một đống xương, như núi Vepulla này, nếu có người thâu người lượm xương lại, gìn giữ chúng không làm chúng hủy hoại.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây điều này được nói đến.

*Chông chất như xương người,
Chỉ sống có một kiếp,
Chất đống bằng hòn núi,
Bạc Đại sĩ nói vậy,
Đống xương ấy được nói,
Lớn như Vepulla,
Phía Bắc núi Linh Thứu,
Thành núi Magadha.*

*Người thấy **Bốn sự thật**,
Với chân chánh trí tuệ*

*Khổ và khổ tập khởi
Sẽ vượt qua đau khổ
Con đường Thánh tám ngành,
Dẫn đến khổ tịnh chỉ,
Người ấy phải luân chuyển,
Tối đa là bảy lần,
Là vị đoạn tận khổ,
Đoạn diệt mọi kiết sử.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

223 Bậc Giác ngộ Trí giả - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 453

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 453 (Cat. 13) (It. 121)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo,

- **Thế giới được Như Lai Chánh đẳng giác.** Như Lai **không hệ lụy** đối với đời.
- **Thế giới tập khởi** được Như Lai Chánh đẳng giác, thế giới tập khởi được Như Lai **đoạn tận**.
- **Thế giới đoạn diệt** được Như Lai chánh đẳng giác, thế giới đoạn diệt được Như Lai **giác ngộ**.
- **Con đường đưa đến thế giới đoạn diệt** được Như Lai chánh đẳng giác, con đường đưa đến thế giới đoạn diệt Như Lai đã **tu tập**.
- Này các Tỷ-kheo, trong toàn thế giới với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, cái gì được thấy, được nghe, được thọ tưởng, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu,

được ý tư sát, tất cả đều được Như Lai chánh đẳng giác. Do vậy được gọi là **Như Lai**.

- Nay các Tỷ-kheo, từ đêm Như Lai chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác đến đêm Ngài nhập Niết-bàn không có dư y trong thời gian ấy, điều gì Ngài nói, tuyên bố, nêu rõ lên tất cả là như vậy, không có khác được. Do vậy Ngài được gọi là Như Lai.
- Nay các Tỷ-kheo, Như Lai nói gì làm vậy, làm gì nói vậy. Vì rằng nói gì làm vậy, làm gì nói vậy, nên Ngài được gọi Như Lai.
- Nay các Tỷ-kheo, trong toàn thể thế giới, Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Như Lai là bậc chiến thắng, không bị ai chiến bại, toàn tri, toàn kiến, đại tự tại, **do vậy Ngài được gọi là Như Lai.**

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây điều này được nói đến:

*Thắng tri mọi thế giới,
Mọi thế giới như thật,
Ly hệ mọi thế giới,
Không giống mọi thế giới.*

*Thắng tất cả bậc trí,
Giải thoát mọi buộc ràng.
Cảm thọ tối thắng tịnh,*

Niết-bàn, không sợ hãi,
Vị này đoạn lậu hoặc,
Bậc giác ngộ trí giả,
Không dao động, nhiều loạn,
Nghỉ ngơi được chặt đứt,
Đạt diệt tận mọi nghiệp,
Giải thoát diệt sanh y,
Là Thế Tôn, là Phật,
Bậc Sư tử vô thượng,
Trong thế giới thiên giới,
Chuyển bánh xe Phạm luân.

Như vậy loài Trời, Người,
Đến quy y đức Phật,
Gặp nhau, đánh lễ Ngài,
Vĩ đại không sanh hữu,
Điều phục, bậc Tối thượng,
Trong người được điều phục,
An tịnh, bậc ẩn sĩ,
Những người được an tịnh.
Giải thoát bậc tối thượng,
Những người được giải thoát,
Vượt qua bậc tối thắng,
Những người được vượt qua.
Như vậy họ lễ Ngài
Vĩ đại, không sanh hữu,
Thiên giới, thế giới này,
Không ai được bằng Ngài.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

224 **Bậc Thiện Tuệ - Kinh Câu hỏi của thanh niên 12 Bhadràvudha - Tiểu I, 805**

Câu hỏi của thanh niên 12 Bhadràvudha – *Tiểu I*, 805

Bhadràvudha:

1101. *Bha-đra-vu-đa nói:*

*Con có lời yêu cầu,
Bậc Thiện Tuệ nói lên,
Bậc bỏ nhà, đoạn ái,
Bất động, bỏ hỷ ái,
Giải thoát, vượt bộc lưu,
Thời gian, không chi phối,
Nghe xong, bậc Long tượng,
Từ đây, họ ra đi.*

1102. *Quần chúng sai biệt ấy,
Từ quốc độ tụ họp,
Họ ao ước khát vọng,
Được nghe lời của Ngài,
Ôi anh hùng chiến thắng,
Ngài hãy khéo trả lời,
Pháp Ngài dạy thế này,
Như vậy họ hiểu biết.*

Thế Tôn:

1103. Thế Tôn nói như sau:

Này Bha-đra-vu-đa!

Hãy nhiếp phục tất cả,

Mọi tham ái, chấp thủ,

Trên, dưới, cả bề ngang,

Và kể luôn chặng giữa,

Những ai có chấp thủ,

Sự gì ở trong đời,

Chính do sự việc ấy,

Ác ma theo người ấy.

1104. **Do vậy, bậc hiểu biết,**

Không có chấp thủ gì,

Tỷ-kheo **giữ chánh niệm,**

Trong tất cả thế giới,

Phàm có sở hữu gì,

Vị ấy không mong ước.

Nhìn xem quần chúng này,

Là chúng sanh chấp thủ,

Trong lãnh vực của Ma,

Bị tham dính chấp trước.

225 Bậc Vô Cấu - Kinh Sopàka – Tiểu III, 291

Sopàka – Tiểu III, 291 (227)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh từ vợ một người cùng đinh, và do thọ sanh, ngài được gọi là Sopàka (người cùng đinh). Có người nói ngài là con một thương gia. Sự kiện này không được tập Apadàna chấp nhận:

*Khi ta chứng được,
Tái sanh cuối cùng,
Ta vào bào thai,
Của Sopàka.*

Bốn tháng sau khi sanh, cha ngài mệnh chung, và được người **cậu** nuôi dưỡng. Người cậu, do người con hay nóng giận của mình xúi giục, muốn giết ngài. Nó đem ngài đến bãi tha ma, trói hai tay ngài cột vào cổ một thầy ma, nghĩ rằng các con chó rừng sẽ ăn thịt ngài. Nó không thể giết ngài vì ngài tái sanh lần cuối cùng. Ban đêm các con chó rừng và các con thú khác đến, và đưa con nít kêu khóc:

Thế nào là định mệnh,

*Được để dành cho ta.
Ai là người bà con,
Của đứa trẻ mồ côi!
Giữa nghĩa địa kinh hoàng,
Ta bị cột, trói chặt!
Ta sẽ tìm được ai,
Là người bạn của ta!*

Bậc Đạo Sư trong lúc ấy đang nhìn xem ai là người đáng cứu độ, thấy trong đứa trẻ, những nhân duyên chứng quả A-la-hán được chói sáng trong tâm của đứa trẻ, liền chiếu sáng hào quang và nói:

*Hãy đến, Sopaka,
Người đừng có sợ hãi,
Hãy nhìn đến Như Lai,
Chính Ta sẽ cứu con!
Như mặt trăng thoát khỏi,
Hàm răng của Ràhu.*

Với sức mạnh của đức Phật, đứa trẻ bứt đứt dây trói, và cuối bài kệ đứng dậy, trở thành một bậc Dự lưu và đứng trước hương phòng của đức Phật!

Mẹ ngài tìm ngài hỏi người cậu, nhưng người cậu im lặng không nói gì. Mẹ ngài đi đến đức Phật, nghĩ rằng đức Phật biết tất cả, quá khứ, hiện tại, vị lai. Bậc Đạo Sư, dùng thần thông giấu đứa con.

Bà thưa với Thế Tôn: "*Bạch Thế Tôn, con không thể tìm thấy đứa con. Nhưng Thế Tôn biết được con tôi đang làm gì?*". Thế Tôn trả lời:

*Các người con không phải,
Là chỗ y, nương tựa,
Cả cha cũng là vậy,
Kể cả các bà con.
Với kẻ bị mệnh chung,
Dẫu bà con huyết thống,
Cũng không thể nương tựa!*

Và như vậy, Thế Tôn thuyết pháp cho bà, bà nghe xong chứng quả Dự lưu, nhưng đứa trẻ chứng quả A-la-hán. Rồi Thế Tôn rút lại thân thông và bà mẹ sung sướng thấy được người con. Được biết con mình đã chứng quả A-la-hán, bà bằng lòng để con xuất gia và bà ra về.

Rồi ngài đến đánh lễ bậc Đạo Sư, khi bậc Đạo Sư đang đi dưới bóng mát của hương phòng và đi theo Thế Tôn. Thế Tôn muốn thế độ cho ngài liền hỏi ngài mười câu hỏi, bắt đầu bằng câu: "*Thế nào là một pháp?*" Ngài hiểu được ý Thế Tôn liền trả lời: "*Các chúng sanh được nuôi dưỡng bằng thức ăn...*", với trí sáng suốt của mình. Bậc Đạo Sư thỏa mãn với

những câu trả lời của đứa trẻ, thọ giới cho ngài. Do vậy ngài có được tên là: "Đứa trẻ với những câu hỏi".

Ngài nói lên chánh trí của mình, thuật lại những sự việc đã xảy ra, với bài kệ như sau:

480. Thấy bậc Tối thượng nhân,
Kinh hành dưới bóng lầu,
Tại đây, ta đi tới,
Đảnh lễ bậc Tối thượng.

481. Đắp y một bên vai,
Chắp hai tay đưa lên,
Đi theo **bậc Vô cầu**,
Tối thượng trên mọi loài.

482. Ngài hỏi ta câu hỏi,
Khéo biết đặt câu hỏi,
Ta trả lời Đạo Sư,
Không run, không sợ hãi.

483. Đức Như Lai tùy hỷ,
Câu trả lời câu hỏi,
Nhìn chúng Tỷ-kheo Tăng,
Ngài nói ý nghĩa này:

484. Lợi ích thay, dân chúng,

Ăng-ga, Magadha,
Cúng dường cho vị ấy,
Y được thuốc sàng tọa,
Biết cung kính thích nghi,
Thật lợi ích cho chúng,
Bậc Đạo Sư nói vậy.

485. Bắt đầu từ hôm nay,
Hỡi này Sopaka,
Hãy đến yết kiến Ta,
Như vậy, Sopaka,
Ông thành tựu Đại giới,
Được an lành tốt đẹp.

486. **Bảy năm** từ khi sanh,
Ta được thọ Đại giới,
Ta mang thân cuối cùng!
Ôi pháp, thiện pháp tánh.

226 Bạc Vô Thượng Sư - Kinh Hemavata - Tiểu I, 510

Kinh Hemavata – *Tiểu I, 510* (Sn 27)

Sàtàgira:

153. *Nay đứng vào ngày rằm,
Ngày trai giới, bố-tát,
Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Sàtàgira,
Đêm đã được an trú,
Đêm đẹp như cỏi trời,
Hãy gặp Gotama,
Bạc Đạo Sư vô thượng.*

Hemavata:

154. *Có phải ý vị ấy,
Tâm nguyện thật khéo phát?
Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Hemavata,
Có phải đối sanh loại,
Có tâm tư như vậy?
Có phải các tư duy,
Được khéo léo điều phục
Đối với các pháp khả ái,
Và pháp không khả ái?*

Sàtàngira:

155. Ý *vị ấy là vậy,*
Tâm nguyện thật khéo phát,
Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Sàtàngira,
Đối với mọi sanh loại,
Có tâm tư như vậy,
Như vậy là **tư duy,**
Được khéo léo điều phục.

Hemavata:

156. Có phải là vị ấy,
Không lấy vật không cho?
Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Hemavata,
Có phải với hữu tình,
Vị ấy khéo chế ngự?
Có phải với phóng dật,
Vị ấy khéo viễn ly?
Có phải đối thiên đình,
Vị ấy không từ bỏ?

Sàtàngira:

157. *Vị ấy không có lấy,*
Những vật không được cho,
Nói vậy là dạ-xoa,

Tên Sàtàgira,
Vị ấy với hữu tình,
Rất **khéo léo chế ngự**,
Vị ấy với phóng dật,
Thật sự **sống viễn ly**,
Đức Phật đối thiền định,
Không từ bỏ, sao lãng.

Hemavata:

158. Có phải là vị ấy,
Không nói lời nói láo?
Nói vậy là Dạ-xoa,
Tên Hemavata,
Có phải là vị ấy,
Đoạn tận các trách nhiệm?
Có phải là vị ấy,
Không nói lời vu khống?
Có phải là vị ấy,
Không nói lời phù phiếm?

Sàtàgira:

159. Và thật sự vị ấy,
Không nói lời nói láo,
Nói vậy là Dạ-xoa,
Tên Sàtàgira,
Đoạn tận đường ác ngữ,
Không nói lời vu khống,

*Vị ấy nói những lời,
Sáng suốt, có nghĩa lý.*

Hemavata:

160. Có phải đối các dục,

Vị ấy không tham ái?

Đây là lời Dạ-xoa,

Tên Hemavata,

Có phải tâm vị ấy,

Không có bị dao động?

Có phải tâm vị ấy,

Vượt khỏi sự si ám?

Có phải thật vị ấy,

Có mắt đối các pháp?

Sàtàgira:

161. Vị ấy không tham ái,

Đối với các dục vọng,

Đây là lời Dạ-xoa,

Tên Sàtàgira,

Tâm không có dao động,

Vượt khỏi mọi si ám,

Đức Phật thật có mắt,

Đối với tất cả pháp.

Hemavata:

162. Có phải là vị ấy,

Đầy đủ về các mình?

Đây là lời Dạ-xoa,

Tên Hemavata,

Có phải là vị ấy,

Sở hành thật thanh tịnh?

Có phải là vị ấy,

Các lậu hoặc đoạn tận?

Có phải là vị ấy,

Không còn có tái sanh?

Sàtàgira:

163. *Sự thật là vị ấy,*

Đầy đủ với các mình,

Đây là lời Dạ-xoa,

Tên Sàtàgira

Sở hành thật thanh tịnh,

Mọi lậu hoặc đoạn tận,

Thật sự đối vị ấy,

Không còn có tái sanh.

Hemavata:

163. (a) *Có phải vị ẩn sĩ,*

Với tâm được viên mãn,

Mọi việc làm vị ấy,

Được làm khéo hoàn mãn,

Có phải người tán thán,

Một cách đúng Chánh pháp,

*Vị đầy đủ trí đức,
Đầy đủ cả hạnh đức?*

Sàtàgira:

163. (b) *Thật sự vị ẩn sĩ,
Vói tâm được viên mãn,
Mọi việc làm vị ấy,
Được làm khéo hoàn mãn.
Thật sự Ông tùy hỉ,
Một cách đúng Chánh pháp,
Vị đầy đủ trí đức,
Đầy đủ cả hạnh đức.*

Cả hai:

164. *Thật sự vị ẩn sĩ,
Vói tâm được viên mãn,
Mọi việc làm vị ấy
Được làm khéo hoàn mãn.
Chúng ta hãy yết kiến,
Tôn giả Gotama,
Vị đầy đủ trí đức,
Đầy đủ cả hạnh đức.*

Hemavata:

165. *Bắp chân giống như nai,
Thon vững chắc, bền bỉ,
Giản dị ít nhu cầu,*

*Không tham đắm vật gì.
Hãy đi đến yết kiến
Ấn sĩ Gotama,
Vị hành trì thiền định,
Trong rừng núi xa vắng.*

*166. Sống cô độc một mình,
Như sư tử, như voi,
Ngài không có tham đắm,
Không cầu mong các dục.
Chúng ta hãy đi đến,
Và hỏi thăm vị ấy,
Về con đường giải thoát,
Khỏi cạm bẫy Ác ma.*

Cả hai:

*167. Vị tuyên bố giải thích,
Vị đạt đến mọi pháp,
Bậc giác ngộ vượt khỏi,
Hận thù và sợ hãi,
Chúng ta hãy đến học,
Sa-môn Gotama.*

Hemavata:

*168. Do pháp nào có mặt,
Thế giới được sanh khởi?
Nói vậy là dạy-xoa,*

Tên Hemavata.

Do pháp nào có mặt,

Tác thành sự giao hợp?

Sự chấp thủ ở đời,

Là chấp thủ cái gì?

Do pháp nào có mặt,

Thế giới bị tàn hại?

Thế Tôn:

169. Do **sáu pháp** có mặt,

Thế giới được sanh khởi,

Này Hemavata,

Thế Tôn nói như vậy.

Do **sáu pháp** có mặt,

Tác thành sự giao hợp,

Sự chấp thủ ở đời,

Là chấp thủ sáu pháp,

Do **sáu pháp** có mặt,

Thế giới bị tàn hại.

Hemavata:

170. Do chấp thủ cái gì,

Đây thế giới bị hại?

Được hỏi, hãy nói lên,

Về con đường thoát đời.

Làm thế nào đau khổ,

Được giải thoát hoàn toàn?

Thế Tôn:

171. Đây, ***năm dục trưởng dưỡng,***
Ý được gọi thứ sáu,
Bỏ ước muốn ở đây,
Như vậy, thoát đau khổ.

172. Đây, con đường thoát đời.
Như thật nói Ông rõ,
Đường này Ta nói Ông,
Như vậy, thoát đau khổ.

Hemavata:

173. Đây, ai vượt bực lưu?
Đây, ai vượt biển lớn?
Không chân đứng bám víu,
Ai không chìm vực sâu?

Thế Tôn:

174. Ai luôn luôn đủ ***giới,***
Có ***tuệ,*** khéo thiền ***định,***
Tâm hướng nội, chánh niệm,
Vượt bực lưu khó vượt.

175. *Ai từ bỏ dục tướng,*
Vượt khỏi mọi kiết sử,
Ai, hỷ, hữu đoạn tận,

Không chìm vào vực sâu.

Hemavata:

176. Vị trí tuệ thâm sâu,
Thấy được đích tế nhị,
Vị không có sở hữu,
Không tham đắm dục hữu.
Hãy yết kiến vị ấy,
Vị luôn luôn giải thoát,
Bậc đại sĩ tiến bước,
Trên con đường Thiên đạo.

177. Bậc danh xưng vô thượng,
Bậc thấy đích tế nhị,
Bậc ban bố trí tuệ,
Không tham đắm dục tạng.
Hãy yết kiến vị ấy,
Vị Toàn trí, Thiện tuệ,
Bậc Đại sĩ tiến bước,
Trên con đường Thánh đạo.

178. Hôm nay thật chúng con,
Được thấy điềm tốt lành,
Được hào quang chói sáng,
Của bình minh tốt lành.
Vì chúng con được thấy,
Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác,

**Bậc đã vượt bậc lưu,
Bậc đã đoạn lậu hoặc.**

179. Ngàn vị dạ-xoa này,
Có thần lực danh xưng,
Tất cả xin đi đến,
Y tựa quy ngưỡng Ngài,
**Ngài là bậc Đạo Sư,
Vô thượng của chúng con.**

180. Chúng con sẽ bộ hành,
Làng này qua làng khác,
Thành này qua thành khác,
Đảnh lễ bậc Chánh giác,
Đảnh lễ **thiện pháp tánh,**
Của Chánh pháp vi diệu.

227 Bậc Y vương Vô thượng - Kinh Sela – Tiểu III, 399

Sela – *Tiểu III*, 399 (253)

Được sanh trong thời đức Phật hiện tại ở Anguttaràpa, trong một gia đình Bà-la-môn, tại một làng Bà-la-môn ở Apana, ngài được đặt tên là *Sela*.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài sống ở đây, rất giỏi về ba tập Vệ-đà và về nghệ thuật Bà-la-môn, dạy các **Mantrà (thần chú)** cho ba trăm thanh niên Bà-la-môn.

Trong khi ấy Thế Tôn rời bỏ Sàvatthi, đang du hành ở Anguttaràpa với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỷ-kheo. Biết được **tám tánh thuần thực của Sela** và các đệ tử của ngài, đức Phật dừng lại tại một khu rừng. Rồi *ẩn sĩ Keniya*, sau khi mời bậc Đạo Sư với chúng Tỷ-kheo dùng cơm vào ngày sau, đang sửa soạn rất nhiều món đồ ăn.

Rồi Sela với ba trăm đệ tử đến thăm am thất và hỏi có phải Keniya đang sửa soạn để đón mừng vị Đại thần của vua. Khi Keniya trả lời là sửa soạn thức ăn để mời đức Phật, **Sela cảm thấy hết sức xúc cảm với chữ đức Phật**, đi đến gặp ngay đức Phật với các thanh niên đệ tử của mình. Sau khi nói lên những lời chào

đón hỏi thăm, ngài chiêm ngưỡng các tướng tốt đức Phật và nghĩ rằng: "*Một vị có những tướng tốt như vậy, một là sẽ thành vị Chuyển luân Thánh vương, hai là sẽ thành Phật*". Một vị Phật khi nghe tán thán về mình sẽ lộ rõ chân tướng Phật của mình. Còn nếu chưa thành Phật, khi nghe tán thán về đức Phật sẽ cảm thấy khó chịu và bất mãn. Ngài quyết định nói lên lời tán thán đức Phật như sau:

818. **Thân** tròn đủ, chói sáng,
Khéo sanh và đẹp đẽ,
Thế Tôn **sắc vàng chói**,
Răng trơn láng, tinh cần.

819. Đối với người khéo sanh,
Những tướng tốt trang trọng,
Đều có trên thân Ngài,
Tất cả Đại nhân tướng.

820. **Mắt** sáng, mặt tràn đầy,
Cân đối, thẳng, hoàn mỹ,
Giữa chúng Sa-môn Tăng,
Ngài chói như mặt trời.

821. Vị Tỷ-kheo đẹp mắt,
Da sáng như vàng chói,
Với hạnh Sa-môn Ngài,

Cần gì sắc tối thượng.

822. Ngài xứng bậc Đại vương,
Chuyển luân, xa luân chủ,
Chiến thắng khắp bốn phương,
Bậc chúa tể Diêm phù.

823. Vương tộc, hào phú vương,
Là chư hầu của Ngài,
Là vua giữa các vua,
Là giáo chủ loài Người,
Hãy trị vì quốc độ,
Tôn giả Gotama!

Thế Tôn vâng theo ý muốn của Sela, trả lời:

824. Sela, *Ta là vua!*
Bậc Pháp vương, Vô thượng,
Ta chuyên bánh xe pháp,
Bánh xe chưa từng chuyển.

Phạm chí Sela nói:

825. Ngài tự nhận giác ngộ.
Bậc Pháp vương, Vô thượng,
Ta chuyên bánh xe pháp,
Gotama nói vậy.

826. *Ai sẽ là tướng quân?
Là đệ tử Tôn giả?
Ai theo giữ truyền thống,
Xứng đáng bậc Đạo Sư?
Sau Ngài, ai sẽ chuyển,
Pháp luân Ngài đã chuyển?*

Tôn giả Sàriputta đang ngồi bên phải Thế Tôn, đầu chói sáng đẹp đẽ như một đồng vàng. Thế Tôn chỉ Sàriputta và nói:

827. *Thế Tôn: Này Sela,
Ta chuyển bánh xe pháp,
Bánh xe pháp vô thượng,
Chính Sàriputta,
Chuyển bánh xe Chánh pháp,
Thừa tự Như Lai vị.*

828. *Cần biết, Ta đã biết,
Cần tu, Ta đã tu,
Cần đoạn, Ta đã đoạn,
Do vậy, Ta là Phật,
Hỡi này Bà-la-môn.*

829. *Còn gì nghi ở Ta,
Hãy gác bỏ một bên,
Hãy giải thoát khỏi chúng,
Hỡi này Bà-la-môn.*

830. Thấy được bậc Chánh Giác,
Thật thiên nan vạn nan,
Bậc Chánh Giác ra đời,
Thật thiên nan vạn nan,
Ta là bậc Chánh Giác,
Bậc Y vương Vô thượng,
Hồi này Bà-la-môn.

831. Là Phạm thiên khó sánh,
Nhiếp phục các Ma quân,
Hàng phục mọi đối nghịch,
Ta hân hoan không sợ.

Bà-la-môn Sela hoàn toàn tin tưởng vào Thế Tôn,
muốn xuất gia và thừa rằng:

832. Chư Tôn giả hãy nghe!
Như bậc có mắt giảng,
Bậc Y vương Đại hùng,
Sự rử rống trong rừng!

833. Thấy Phạm thiên vô tỷ,
Nhiếp phục các Ma quân,
Ai lại không tín thành,
Cho đến kẻ hạ tiện.

834. *Ai muốn, hãy theo ta,
Không muốn hãy đi ra,
Ở đây ta xuất gia,
Với bậc Tuệ tối thượng.*

Các thanh niên Bà-la-môn, vì đã đạt được những điều kiện cần thiết, trả lời:

835. *Nếu Tôn giả tín thành,
Giáo pháp bậc Chánh Giác,
Chúng con cũng xuất gia,
Với **bậc Tuệ tối thắng!***

Sela hoan hỷ thấy các thanh niên Bà-la-môn san sẻ chí nguyện của mình, đưa chúng đến trước mặt Thế Tôn và xin được xuất gia:

836. *Ba trăm Phạm chí ấy,
Chấp tay xin được phép,
Chúng con sống Phạm hạnh,
Do Thế Tôn lãnh đạo.*

Rồi Thế Tôn, thấy được Sela trong các đời quá khứ, Sela cũng đã dạy cho ba trăm đệ tử này trông các giống phước và nay trong đời cuối cùng, đã tạo được tuệ quán cho mình và cho các đệ tử, thấy rằng chúng đã thuận thực để xuất gia:

837. *Thế Tôn đáp: Sela,
Phạm hạnh được khéo giảng,
Thiết thực ngay hiện tại,
Vượt khỏi thời gian tính,
Ở đây sự xuất gia,
Không uổng công, hoang phí,
Với ai không phóng dật,
Tinh tấn chuyên tu học.*

Thế Tôn nói: "Hãy đến, Tỷ-kheo!" Rồi với thần lực của Bốn sư, tất cả đều có y và bình bát, đánh lễ đức Phật, **bắt đầu học thiền quán và chứng quả A-la-hán vào ngày thứ bảy.**

Rồi các vị ấy đến đức Phật, nói lên trí giác của mình, và Sela thưa:

838. *Kính bạch bậc Pháp nhân,
Cách đây trước tám ngày,
Chúng con đã đến Ngài,
Xin phát nguyện quy y,
Thế Tôn trong bảy đêm,
Đã nhiếp phục chúng con,
Đã chế ngự chúng con,
Trong giáo lý của Ngài.*

839. *Ngài là bậc Giác giả,
Ngài là bậc Đạo Sư,*

*Ngài là bậc Mâu-ni,
Đã chiến thắng quân ma,
Sau khi đã đoạn trừ,
Vượt qua biển sanh tử,
Ngài giúp quần sanh này,
Cùng vượt qua bể khổ.*

*840 Sanh y Ngài vượt qua,
Lậu hoặc Ngài nghiền nát,
Ngài là sư tử chúa,
Không chấp, không sợ hãi.*

*841. Ba trăm Tỷ-kheo này,
Đồng chấp tay đứng thẳng,
Ôi anh hùng chiến thắng,
Hãy duỗi chân bước tới,
**Hãy để các đại nhân,
Đảnh lễ bậc Đạo Sư.***

228 Bậc Y vương vĩ đại - Kinh Tàlaputta – Tiểu III, 479

Tàlaputta – *Tiểu III*, 479 (262)

Trong thời gian đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình kịch sĩ, trở thành thiện xảo trong nghề diễn kịch thích hợp với người trong gia tộc và trở thành lừng danh khắp Ấn Độ, như nhà lãnh đạo một ban hát với năm trăm nữ nhân, với sự huy hoàng của nghề kịch, ngài dự các lễ ở làng, ở thị trấn, ở cung điện vua, và rất được sủng ái và danh tiếng.

Khi ngài trình diễn ở Rājagaha với nhiều thành công, ngài đến yết kiến đức Phật và hỏi có phải một kịch sĩ khi trên sân khấu giả danh sự thật, làm cho khán giả ưa thích, vui cười, người ấy sau khi chết được sanh vào *chư Thiên hay cười*.

Đức Phật ban đầu không trả lời. Đến khi hỏi lần thứ tư, đức Phật trả lời những ai khiến cho con người thiên về tình dục, tiêu cực, tâm tư hoang mang khiến người ta mất nhiệt tình, người như vậy sau khi chết sẽ sinh vào địa ngục. Nhưng nếu có tà kiến thời bị sanh vào địa ngục và súc sanh. Tàlaputta khóc không phải vì đức Phật nói chỗ tái sanh, chỉ vì bị các kịch

sĩ xưa lừa dối nói rằng kịch sĩ sẽ được sanh trong một đời sống hạnh phúc.

Rồi Tàlaputta nghe lời đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời tu tập, chứng quả A-la-hán.

Rồi nêu rõ với nhiều chi tiết, như thế nào ngài chế ngự và làm cho trong sạch tâm tư, đi đến chỗ giác ngộ thâm sâu, ngài nói lên những câu kệ như sau:

I

*1092. Khi nào ta sẽ đến,
Một mình, không có hai,
Ở trong những hang động,
Của các loại núi rừng,
Ta quán mọi sanh hữu,
Tất cả là vô thường,
Nay ta là như vậy,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1093. Khi nào ta sẽ là,
Ẩn sĩ mang y vá,
Mang y vải màu vàng,
Không của ta, không ái,
Đoạn trừ, diệt **tham** tâm,
Đoạn luôn cả **sân**, **si**,*

*Ta đi đến khu rừng,
Sẽ trú trong an lạc.*

1094. *Khi nào ta thấy được,
Thân này là vô thường,
Bị chết già áp bức,
Ổ giết chóc, bệnh tật
Ta sẽ trú trong rừng,
Một mình, quán vô úy
Khi nào sẽ là vậy?*

1095. *Khi nào ta sẽ lấy,
Gương sắc bén trí tuệ,
Chặt dây leo khát **ái**,
Với nhiều dây chằng chặt,
Sanh khởi lên sợ hãi,
Mang đến sự khổ đau.
Khi nào sẽ là vậy?*

1096. *Khi nào ta sẽ là,
Có sức mạnh rút gương,
Gương do tuệ tạo thành,
Là lửa sáng ẩn sĩ,
Với sức mạnh đập tan,
Ác ma với Ma quân,
Trên chỗ ngồi sư tử,
Khi nào sẽ là vậy?*

1097. Khi nào ta sẽ được,
Hội tụ với bậc thiện,
Được thấy giữa các vị,
Đảm nhận các trọng pháp,
Tinh cần với các vị,
Thấy sự vật như thật,
Chiến thắng được các căn,
Khi nào sẽ là vậy?

1098. Khi nào nhác đói khát,
Gió, nóng, trùng bò sát,
Sẽ không nào hại ta,
Ở Gi-ri-bhaje,
Đang lo đến tự ngã,
Khi nào sẽ là vậy?

1099. Khi nào ta có thể,
Chánh niệm, ngã định tĩnh,
Hiểu được với trí tuệ,
Bốn sự thật khéo giảng,
Bởi bậc Đại ẩn sĩ,
Khi nào sẽ là vậy?

1100. Khi nào ta sẽ chuyên,
Chú tâm vào an chỉ,
Thấy được với trí tuệ,

*Sắc, thanh, hương, vị, xúc,
Các pháp vô thường này,
Như lửa cháy hừng đỏ,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1101. Khi nào ta **bị** nói,
Với lời nói thô ác,
Không vì lý do ấy,
Tâm trí bị thất vọng.
Khi được lời tán thán,
Không vì lý do ấy,
Tâm tư được thỏa mãn.
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1102. Khi nào nhiều như củi,
Cỏ, cây leo, thân cây,
Ta cần nhắc bình đẳng,
Những pháp vô lượng này,
Nội pháp và ngoại pháp,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1103. Khi nào mây đem mưa,
Với nước mới trong rừng,
Làm ướt y áo ta,
Ta đi trên đường ướt,
Con đường ẩn sẽ đi.
Khi nào sẽ là vậy?*

1104. Khi nào nghe trong rừng,
Tiếng kêu của loài chim,
Chim công, có mào đầu.
Trong hang động núi rừng,
Ta an trú suy tư,
Để đạt quả bất tử,
Khi nào ta sẽ vậy?

1105. Khi nào với thần thông,
Ta có thể vượt qua,
Không chìm, không sợ hãi,
Sông Hằng, Yamunà,
Sông Sarasvati,
Với cửa sông hải hùng,
Với nước ào vực sâu,
Khi nào sẽ là vậy?

1106. Khi nào, như con voi,
Trên chiến trường tấn công,
Ta sẽ phá tan tành,
Lòng dục đối dục cảnh,
Chuyên chú trong thiền định,
Từ bỏ mọi tịnh tướng,
Khi nào sẽ là vậy?

1107. Khi nào như người nghèo,

*Mắc nợ chưa trả được,
Bị kẻ giàu thúc bách,
Tìm ra được của chôn,
Ta sẽ được thoải mái,
Họ được lời giảng dạy,
Của vị Đại ân sĩ,
Khi nào sẽ được vậy?*

II

*1108. Nhiều năm ta được người,
Yêu cầu làm như sau:
Như vậy là vừa rồi,
Người sống đời gia đình,
Nay ta đã xuất gia,
Do vậy, **hồi này tâm**,
Do vì lý do gì,
Người không có chuyên tâm?*

*1109. Nay tâm, phải chăng người,
Yêu cầu ta như sau:
Tại Giribbaje
Loài chim có lông sáng,
Đón chào với tiếng kêu,
Sấm của Đại In-da.
Hãy làm vị ấy vui,
Đang tu thiền trong rừng.*

1110. Trong gia đình, bạn bè,
Người yêu và bà con,
Các du hí ở đời,
Các đối tượng của dục,
Tất cả đều từ bỏ,
Ta chấp nhận thế này.
Hỡi này tâm, người không,
Bằng lòng với ta chăng?

1111. Việc này chỉ vì ta,
Đây không vì người khác,
Khi đến thời vũ trang,
Sao lại còn than khóc?
Thế giới này toàn động,
Chờ đợi là như vậy.
Nên ta đã ra đi,
Tìm cầu đạo bất tử.

1112. Vị nói điều khó nói,
Tối thượng loài hai chân,
Bạc Y vương vĩ đại,
Đánh xe điều ngự người,
Với tâm không tham dục,
Ngài khéo chế ngự được,
Người khó lòng chế ngự,
Chế ngự được tâm người,

Vọng động như con vượn.

1113. Các **dục** có nhiều vẻ.

Dịu ngọt, rất khả ý,

Ở đây, hàng phàm phu,

Vô trí, bị trói buộc.

Họ muốn chịu đau khổ,

Khi họ tìm tái sanh,

Dắt dẫn bởi tâm họ,

Họ chết trong địa ngục.

1114. Trong khu rừng vang lên,

Tiếng chim công, chim cò,

Chỗ trú xứ ưu tiên,

Của loài beo, loài cọp,

Ngươi sống tại chỗ ấy,

Chớ chờ đợi về thân,

Chớ có quá đam mê,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1115. ***Hãy tu thiền, Căn, Lực,***

Hãy tu Định Giác chi,

Hãy giác chứng Ba Minh,

Trong lời dạy đức Phật,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1116. **Hãy tu tập con đường,**
Để đạt được bất tử,
Đường đưa đến thể nhập,
Chỗ đoạn diệt mọi khổ.
Con đường có **Tám ngành,**
Rửa sạch mọi uế nhiễm.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1117. **Hãy như lý quán sát,**
Các uẩn là đau khổ,
Hãy từ bỏ xa người,
Những nguyên nhân đau khổ.
Ngay trong thời hiện tại,
Hãy chấm dứt đau khổ,
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1118. **Hãy như lý tuệ quán,**
Là vô thường, là khổ,
Là không, là vô ngã,
Là tà ác, sát hại,
Hãy chế ngự tâm người,
Chớ để nó chạy loạn.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1119. Trọc đầu và xấu sắc,
Đi đến bị nguyên rửa,
Khi khát thực gia đình,
Tay cầm hình đầu lâu,
Nay người có chủ tâm,
Vào lời dạy Bốn Sư,
Vào lời Đại ẩn sĩ,
Này tâm, hãy khích lệ
Hãy khuyên ta như trước.

1120. **Hãy đi trên con đường,**
Tự ngã khéo chế ngự,
Giữa các nhà, tâm ý,
Không ái luyến các dục,
Nhu trắng vào tháng tròn,
Không có bọt mây mù.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1121. **Hãy sống trong rừng núi,**
Ăn đồ ăn khát thực,
Sống tại chỗ nghỉ địa,
Mặc y lượm đồng rác.
Chỉ có ngồi, không nằm,
Luôn vui hạnh Đầu-đà,
Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1122. *Như người đã trồng cây,
Liên tìm cho được trái,
Nay người ước muốn trái,
Há chặt rễ cây sao?
Này tâm, thật giống như,
Ví dụ người đã làm,
Khi người khích lệ ta,
Trong vô thường dao động.*

1123. *Người, vô sắc, cô độc,
Kẻ lữ hành từ xa,
Nay ta sẽ không làm,
Theo lời nói của người.
Các dục là khổ đau,
Cay đắng, sợ hãi lớn,
Tâm hướng vọng Niết-bàn,
Ta sẽ bước, đi tới.*

1124. *Ta đi tới xuất gia,
Không phải vì bất hạnh,
Không đùa vô liêm sỉ,
Không vì duyên tâm hứng,
Không bị đày đi xa,
Không vì nhân mạng sống,
Khi ta đã bằng lòng,*

*Này **tâm**, đối với người.*

1125. *Ít **dục** được tán dương,
Bởi những bậc chân nhân,
Kể cả đoạn giả dối,
Và an tịnh đau khổ.
Như vậy, hồi này **tâm**,
Khi người khích lệ ta,
**Còn nay người đi ngược,
Điều người trước quen làm.***

1126. *Khát ái và vô minh,
Đáng thương và đáng ghét,
Sắc đẹp và lạc thọ,
Dục trưởng dưỡng hấp dẫn,
Tất cả đã quăng bỏ,
Ta không có cố gắng,
Đi đến một lần nữa,
Những đồ đã quăng bỏ.*

1127. *Này **tâm**, khắp mọi nơi,
Ta làm theo lời người,
Trải qua nhiều đời sống,
Người không tức giận ta,
**Và thân nội sanh này,
Là lòng người biết ơn!
Trên đường luân hồi dài,***

Khổ do chính người tạo.

***1128. Nay tâm, chính người làm,
Tác thành con người ta,
Chính người làm, ta thành,
Thành một Bà-la-môn,
Thành vua chúa hoàng tộc,
Một ngày là người buôn,
Ngày kia thành nô tỳ,
Hoặc thành loại chư Thiên.
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.***

***1129. Chính do nhân nhà người,
Chúng ta thành Tu-la,
Chính do người tác thành,
Ta rơi đáy địa ngục;
Một thời thành súc sanh,
Một thời thành ngựa quý,
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.***

***1130. Người sẽ không lừa ta,
Nhiều lần, nhiều thời nữa,
Như những người phù thủy,
Bày các trò ảo thuật,
Người chơi lừa phỉnh ta,***

*Như chơi với người điên,
Này **tâm**, hãy nói ta,
Chỗ nào ta lỗi lầm.*

*1131. **Trước tâm này lang thang,
Chạy chỗ này chỗ khác,
Chạy chỗ nó ưa thích,
Chạy chỗ nó vui sướng,
Nay ta chế ngự tâm,
Với như lý tư duy,
Như câu móc chế ngự,
Nhiếp phục con voi rừng.***

*1132. Với ta, bậc Đạo Sư,
Xác định **đời vô thường**,
Đời không có trường cửu,
Đời không có kiên thực.
**Này tâm, hãy đẩy ta,
Nhảy vào lời Phật dạy,**
Khiến ta vượt bực lưu,
Rất khó được vượt qua.*

*1133. Ta nay đã xuất gia,
Trong pháp Đại ẩn sĩ,
Những người giống như ta,
Không chấp nhận tổn thất.*

1134. Rừng, biển, sông, đất liền,
Bốn phương, phụ trên dưới,
Tất cả là vô thường,
Ba hữu là hoạn nạn,
Này tâm, hãy đi đâu?
Ngươi sẽ hưởng an lạc.

1135. Kìa, kìa, hỡi này **tâm**,
Đích ta thật vững chắc,
Ngươi sẽ làm được gì,
Khiến ta phải quay lại,
Này tâm, ta đâu còn,
Tùy thuộc thế lực ngươi,
Không ai chịu xúc chạm,
Cái bị có hại miệng,
Góm ghiếc thay cái vật,
Đây chín dòng chảy nước.

1136. Ôi, ngươi sẽ ưa sống,
Trên đỉnh sườn núi cao,
Chỗ ở đàn heo nai,
Hay cảnh đẹp thiên nhiên,
Hay trong núi rừng sâu,
Thắm mát mưa nước mới,
Tại đây ngươi sẽ thích,
Ngươi lấy hang làm nhà.

1137. Loài chim lông cổ đẹp,
Với mào đẹp, cánh đẹp,
Với lông nhiều màu sắc,
Đón chào tiếng sấm vang,
Với tiếng kêu dịu ngọt,
Chúng sẽ làm người thích,
Người tu tập thiền định,
Trong núi rừng thâm sâu.

1138. Khi trời đổ mưa xuống,
Trên đám cỏ bốn phân,
Và trong rừng nở hoa.
Với đầu hoa như mây,
Giữa rừng, ta sẽ nằm,
Chẳng khác gì khúc cây,
Đối ta, rất mềm dịu,
Thật giống như giường bông.

1139. Như vậy, ta sẽ làm,
Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Như thợ da không nhác,
Khéo làm cho nhuần nhuyễn,
Cái bị bằng da mèo.

1140. Như vậy ta sẽ làm,

Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Tinh tấn ta dân người,
Roi vào thế lực ta.
Như voi say bị nài,
Khéo dùng móc chế ngự.

1141. **Với người khéo nhiếp phục,**
Khéo an trú vững vàng,
Như người huấn luyện **ngựa**,
Với con ngựa thuần thực,
Ta có thể dẫn bước,
Trên con đường an lành,
Con đường được những vị,
Hộ trì tâm thường dùng.

1142. **Ta sẽ trói chặt người,**
Vào đối tượng cần thiết,
Như con voi bị dây,
Trói chặt vào cây cột.
Ta khéo hộ trì người,
Khéo luyện với chánh niệm.
Nhờ vậy, người sẽ thành,
Không dựa mọi sanh hữu.

1143. Với **tuệ**, chặt tà đạo,

Với **lực**, chặn, hướng chánh,
Thấy tập khởi, diệt sanh,
Người sẽ là thừa tự,
Bậc phát ngôn tối thượng.

1144. Nay tâm, người dẫn ta,
Đến **ngôi làng thô lỗ**,
Khiến trú vào thế lực,
Của **bốn tướng điên đảo**,
Hãy đến, theo vị ấy,
Vị chặt đứt kiết sử,
Bậc có tâm đại bi,
Bậc Mâu-ni vĩ đại.

1145. Như loài thú tự do,
Trong ngôi rừng đẹp đẽ.
Người vào núi xinh đẹp,
Có mây làm vòng hoa,
Tại đây, không có người,
Trong rừng người sẽ thích,
Nay tâm, chắc chắn vậy,
Người sẽ đến bờ kia.

1146. **Những ai còn rơi vào,**
Thế lực ý muốn người,
Nam nhân và nữ nhân,
Hưởng an lạc người cho,

*Không trí, bị rơi vào,
Trong thế lực Ác-ma.*

*Ai ưa thích sanh hữu,
Sẽ là thuộc hạ người,
Hồi này tâm của ta.*

229 Bạc an tịnh - Kinh Tuvataka Con Đường Mau Chóng - Tiểu I, 744

Kinh Tuvataka Con Đường Mau Chóng – *Tiểu I, 744*

Người hỏi:

915. *Con hỏi bậc Đại tiên,
Bạc bà con mặt trời,
Con đường đến viễn ly,
Con đường đến an tịnh,
Tỷ-kheo sau khi thấy,
Làm thế nào mát lạnh,
Không có sự chấp thủ,
Một vật gì ở đời?*

Thế Tôn:

916. *Thế Tôn đáp như sau:
**Hãy chặt đứt hoàn toàn,
Gốc rễ các hý luận,
Mọi tư tưởng "tôi là ",
Tất cả phải chấm dứt,
Phàm có nội ái nào,
Sau khi nhiếp phục chúng,
Thường chánh niệm học tập.***

917. Phàm có loại pháp gì,
Được thắng tri hoàn toàn,
Hoặc thuộc về nội pháp,
Hay thuộc về ngoại pháp,
Chớ có làm kiên trì,
Bất cứ một pháp nào,
Trạng thái ấy không gọi,
Sự mát lạnh của tịnh.

918. Chớ có nghĩ như sau:
Cái kia là tốt hơn,
Đây là hạ liệt hơn,
Hay đây là ngang bằng,
Do phải bị xúc chạm,
Với các sắc sai biệt,
Hãy chớ để tự mình,
An trú trên vọng tưởng.

919. Hãy giữ được an tịnh,
Về phía tự nội tâm,
Tỷ-kheo không cầu tìm,
An tịnh từ chỗ khác,
Với người được an tịnh,
Từ phía tự nội tâm,
Đã không có tự ngã,
Từ đâu có vô ngã.

920. *Như chính giữa trung ương,
Của biển cả đại dương,
Sóng biển không có sanh,
Biển hoàn toàn đứng lặng,
Cũng vậy, này Tỷ-kheo,
**Hãy đứng lặng không động,
Không tạo nên bông bột,
Đối sự gì ở đời.***

Người hỏi:

921. *Vị có **mắt rộng mở,**
Đã tuyên bố rõ ràng,
Pháp có thể chế ngự,
Mọi nguy hiểm khó khăn,
Bậc Hiền thiện **mong Ngài,**
Tuyên bố rõ con đường,
Hay về biệt giải thoát,
Hoặc về pháp thiền định?*

Thế Tôn:

922. ***Chớ có những con mắt,
Đầy đầy những tham đắm!
Hãy chận đứng lỗ tai,
Nghe câu chuyện của làng.***

*Lại chớ nên đắm say,
Các mùi vị ngon lành,
Chớ xem là của ta,
Mọi sự vật ở đời!*

923. *Trong khi được cảm giác,
Với các loại cảm xúc,
Tỷ-kheo không than van,
Bất cứ một điều gì.
Vị ấy không cầu mong,
Dầu loại sanh hữu nào,
Và không có run sợ,
Rơi vào các kinh hoàng.*

924. *Các đồ ăn thân được,
Cùng với các đồ uống,
Các món ăn nhai được,
Các đồ vải mặc được,
Chớ có cất chứa chúng,
Những đồ vật nhân được,
Chớ có quá lo âu,
Nếu không thân được chúng.*

925. *Hãy tu tập thiền **định**,
Chớ làm kẻ lang thang,
Chớ ưa thích trạo cử,
Đừng rơi vào phóng dật,*

Đối với các chỗ ngồi,
Cùng với các chỗ nằm,
Tỷ-kheo hãy an trú,
Những chỗ không tiếng động.

926. **Ngủ** nghỉ có chừng mực,
Chớ có ngủ quá nhiều,
Hãy luôn luôn tỉnh thức,
Nỗ lực và nhiệt tâm,
Hãy từ bỏ biếng nhác,
Man trá, cười, chơi đùa,
Hãy từ bỏ dâm dục,
Bỏ ưa thích trang điểm.

927. **Chớ có dùng bùa chú,**
A-thar-va Vệ-đà,
Chớ tổ chức đoán mộng,
Coi tướng và xem sao,
Mong rằng đệ tử Ta,
Không đoán tiếng thú kêu,
Không chữa bệnh không sanh,
Không hành nghề lang băm.

928. Tỷ-kheo không run sợ,
Khi bị người chỉ trích,
Cũng không có cống cao,
Khi được khen tán thán,

*Hãy từ bỏ tham ái,
Cùng với tánh xan tham,
Kể luôn cả phần nộ,
Cùng với nói hai lưỡi.*

929. Tỳ-kheo không an trú,
Trong nghề nghiệp bán buôn,
Lại không có chỉ trích,
Bất cứ tại chỗ nào,
Khi ở tại thôn làng,
Không tức giận một ai,
Chớ có vì lợi dưỡng,
Nói chuyện với quần chúng.

930. Tỳ-kheo không nên nói,
Khoa trương quá mức độ,
Và cũng không nói lời,
Có dụng ý lợi dưỡng.
Chớ có học tập theo,
Lối sỗ sàng trâng tráo,
Chớ có thốt ra lời,
Khiêu khích xung đột ai!

931. Chớ có bị dắt dẫn,
Rơi vào lời nói láo,
Không cố ý làm nên,
Điều man trá giả dối,

Chớ có khinh người khác,

Về vấn đề sinh mạng,

Về vấn đề trí tuệ,

Và vấn đề giới hạnh.

932. Sau khi phần uất nghe,

Nhiều ngôn từ lời lẽ,

Của các vị Sa-môn,

Hay những kẻ phàm phu,

Chớ có phản ứng họ,

Với những lời thô ác,

Bậc hiền lành an tịnh,

Không phản pháo một ai.

933. Sau khi rõ biết được,

Pháp này là như vậy,

Tỷ-kheo hãy học tập,

Sáng suốt và chánh niệm,

Rõ biết sự mát lạnh,

Được gọi bậc "an tịnh",

Chớ có sống phóng dật,

Trong lời dạy Cù-đàm.

934. Bậc đã được chiến thắng,

Không ai chiến thắng nổi

Tự mình thấy được pháp,

Không nghe theo tin đồn,

Do vậy **hãy học tập,**
Luôn luôn không phóng dật,
Với **tâm tư cung kính,**
Lời dạy đức Thế Tôn,
Thế Tôn nói như vậy.

230 Bạc anh hùng cắt đứt, Mọi trời buộc gia đình - Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng - Tiểu I, 471

Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng – *Tiểu I*, 471

35. *Đối với các hữu tình,
Từ bỏ gây và trượng,
Chớ làm hại một ai,
Trong chúng hữu tình ấy.
Con trai không ước muốn,
Còn nói gì bạn bè,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

36. *Do thân cận giao thiệp,
Thân ái từ đây sanh,
Tùy thuận theo thân ái,
Khổ này có thể sanh.
Nhìn thấy những nguy hại,
Do thân ái sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

37. *Do lòng từ thương mến,
Đối bạn bè thân hữu,*

Mục đích bị bỏ quên,

Tâm tư bị buộc ràng,

Do thấy sợ hãi này,

Trong giao du mật thiết,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

38. Ai nhớ nghĩ chờ mong,

Đối với **con** và **vợ**,

Người ấy bị buộc ràng,

Như cành tre rậm rạp,

Còn các ngọn tre cao,

Nào có gì buộc ràng,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

39. **Như nai trong núi rừng,**

Không gì bị trời buộc,

Tự đi chỗ nó muốn,

Để tìm kiếm thức ăn.

Như các bậc Hiền trí,

Thấy tự do giải thoát,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

40. **Giữa **bạn bè** thân hữu,**

Bị gọi lên gọi xuống,

Tại chỗ ở trú xứ,
Hay trên đường bộ hành.
Thấy tự do giải thoát,
Không có gì tham luyến,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

41. Giữa bạn bè thân hữu,
Ưa thích, vui cười đùa,
Đối với con, với cháu,
Ái luyến thật lớn thay,
Nhàm chán sự hệ lụy,
Với những người thân ái,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

42. Khắp cả bốn phương trời,
Không sân hận với ai,
Tự mình **biết vừa đủ**,
Với vật này vật khác,
Vững chịu các hiểm nguy,
Không run sợ dao động,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

43. Có số người xuất gia,
Chung sống thật khó khăn,

*Cũng như các gia chủ,
Ở tại các cửa nhà,
Sống vô tư vô lự,
Giữa con cháu người khác,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

44. *Từ bỏ, để một bên,
Mọi biểu dương gia đình,
Như loại cây san hô,
Tước bỏ mọi lá cây,
Bạc anh hùng cắt đứt,
Mọi trói buộc gia đình.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

45. *Nếu tìm được bạn lành,
Thận trọng và sáng suốt,
Bạn đồng hành chung sống,
Bạn thiện trú Hiền trí.
Cùng nhau đồng nhiếp phục,
Tất cả mọi hiểm nạn,
Hãy sống với bạn ấy,
Hoan hỷ, giữ chánh niệm.*

46. *Nếu không được bạn lành,
Thận trọng và sáng suốt,*

Bạn đồng hành chung sống,
Bạn thiện trú Hiền trí.
Hãy như vua từ bỏ,
Đất nước bị bại vong,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

47. *Thật chúng ta tán thán,*
Các bằng hữu chu toàn,
Bác hơn ta, bằng ta,
Nên sống gần thân cận.
Nếu không gặp bạn này.
Những bậc không làm lỗi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

48. *Thấy đồ trang sức vàng,*
Lấp lánh và sáng chói,
Được con người thợ vàng,
Khéo làm, khéo tay làm,
Hai chúng chạm vào nhau,
Trên hai tay đeo chúng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

49. *Như vậy nếu ta cùng,*
Với một người thứ hai,

Tranh luận cãi vã nhau,
Sân hận, gây hấn nhau,
Nhìn thấy trong tương lai,
Sợ hãi hiểm nguy này,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

50. Các **dục** thật mỹ miều,
Ngọt thơm và đẹp ý,
Dưới hình sắc, phi sắc,
Làm mê loạn tâm tư,
Thấy sự nguy hiểm này,
Trong các **dục trưởng dưỡng**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

51. Đây là một mụn nhọt,
Và cũng là tai họa,
Một tật bệnh, mũi tên,
Là sợ hãi cho ta,
Thấy sự nguy hiểm này,
Trong các **dục trưởng dưỡng**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

52. Lạnh lẽo và nóng bức,
Đói bụng và khát nước,

*Gió thổi, ánh mặt trời.
Muối lặn và rắn rết.
Tất cả xúc chạm này,
Đều chịu đựng vượt qua,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*53. Như con voi to lớn,
Từ bỏ cả bầy đàn,
Thân thể được sanh ra,
To lớn tựa hoa sen,
Tùy theo sự thích thú,
Sống tại chỗ rừng núi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*54. Ai ưa thích hội chúng,
Sự kiện không xảy ra,
Người ấy có thể chứng,
Cảm thọ **thời giải thoát**.
Cân nhắc lời giảng dạy,
Đáng bà con mặt trời,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*55. Được giải thoát vượt khỏi,
Các tri kiến hý luận,*

*Đạt được quyết định tánh,
Chứng đắc được con đường.
Nơi ta trí được sanh,
Không cần nhờ người khác,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.*

56. Không tham, không lừa đảo,
Không khát dục, gièm pha,
Mọi si mê ác trược,
Được gạn sạch, quạt sạch.
Trong tất cả thế giới,
Không tham ái ước vọng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

57. Với bạn bè độc ác,
Hãy từ bỏ lánh xa,
Bạn không thấy mục đích,
Quen nếp sống quanh co,
Chớ tự mình thân cận,
Kẻ đam mê phóng dật,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

58. *Bậc nghe nhiều trì pháp,
Hãy gần gũi người ấy,*

*Bạn người tâm rộng lớn,
Người thông minh biện tài,
Biết điều không nên làm,
Nhiếp phục được nghi hoặc,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*59. Mọi du hí vui đùa,
Và dục lạc ở đời,
Không điểm trang bày biện,
Không ước vọng mong cầu,
Từ bỏ mọi hào nhoáng,
Nói lên lời chân thật,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*60. Với con và với vợ,
Với cha và với mẹ,
Tài sản cùng lúa gạo,
Những trói buộc bà con,
Hãy từ bỏ buộc ràng,
Các dục vọng như vậy,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*61. Chúng đều là trói buộc,
Lạc thú thật nhỏ bé,*

Vị ngọt thật ít oi,
Khổ đau lại nhiều hơn,
Chúng đều là câu móc,
Bạc trí biết như vậy,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

62. *Hãy chặt đứt, bẻ gãy,
Các kiết sử trời buộc,*
Như các loài thủy tộc,
Phá hoại các mạng lưới.
Như lửa đã cháy xong,
Không còn trở lui lại,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

63. *Vói mắt cúi nhìn xuống,
Chân đi không lưu luyến,
Các căn được hộ trì,
Tâm ý khéo chế ngự.*
Không đầy ứ, rỉ chảy,
Không cháy đỏ bừng lên,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

64. *Hãy trút bỏ, để lại,
Các biểu tượng gia chủ,*

*Như loại cây san hô,
Loại bỏ các nhành lá.*

*Đã đắp áo cà sa,
Xuất gia bỏ thế tục,*

*Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

65. *Không tham đắm các vị,
Không tác động, không tham,
Không nhờ ai nuôi dưỡng,
Chỉ khát thực từng nhà.*

*Đối với mọi gia đình,
Tâm không bị trói buộc,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

66. *Từ bỏ năm triền cái;*

Che đậy trói buộc tâm,

Đối với mọi kiết sử,

Hãy trừ khử, dứt sạch,

Không y cứ nương tựa,

Chặt đứt ái sân hận,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngưu một sừng.

67. *Hãy xoay lưng trở lại,*

Đối với **lạc** và **khổ**,
Cả đối với **hỷ ưu**,
Được cảm thọ từ trước,
Hãy chứng cho được xả,
An chỉ và thanh tịnh,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

68. Tinh cần và tinh tấn,
Đạt được **lý chân đế**,
Tâm không còn thụ động,
Không còn có biếng nhác,
Kiên trì trong cố gắng,
Đồng lực được sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

69. Không từ bỏ độc cư,
Hạnh viễn ly thiền định,
Thường thường sống hành trì,
Tùy pháp trong các pháp.
Chơn chánh nhận thức rõ,
Nguy hiểm trong **sanh hữu**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

70. Mong cầu đoạn diệt **ái**,

Sống hạnh không phóng dật,
Không đàn độn tâm ngong,
Nghe nhiều, giữ chánh niệm.
Các pháp được giác sát,
Quyết định, chánh tinh cần.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

71. Như *sư tử* không động,
An tịnh giữa các tiếng,
Như *gió* không vương mắc,
Khi thổi qua màn lưới.
Như *hoa sen* không dính,
Không bị nước thấm ướt,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

72. Giống như con sư tử,
Vội quai hàm hùng mạnh,
Bậc chúa của loài thú,
Sống chinh phục chế ngự.
Hãy sống các trú xứ,
Nhàn tịnh và xa vắng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

73. *Từ* tâm, sống trú xả,

Bi tâm, hạnh giải thoát,
Sống hành trì thực hiện,
Hỷ tâm, cho đúng thời,
Không chống đối va chạm,
Vội một ai ở đời.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

74. **Đoạn tận** lòng tham **ái**,
Sân hận và **si** mê,
Chặt đứt và cắt đoạn,
Các kiết sử lớn nhỏ,
Không có gì sợ hãi,
Khi mạng sống gần chung,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

75. Có những bạn vì lợi,
Thân cận và chung sống,
Những bạn không mưu lợi,
Nay khó tìm ở đời.
Người sáng suốt lợi mình,
Không phải người trong sạch,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

231 Bạc bất tử - Người luôn luôn chánh niệm, Sự sanh diệt các uẩn - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 102

Phẩm Tỷ Kheo – *Tiểu I*, 102

360. Lành thay, **phòng hộ** mắt,
Lành thay, phòng hộ tai,
Lành thay, phòng hộ mũi,
Lành thay, phòng hộ lưỡi.

361. Lành thay, phòng hộ thân,
Lành thay, phòng hộ lời,
Lành thay, phòng hộ ý,
Lành thay, phòng tất cả,
Tỷ kheo phòng tất cả,
Thoát được mọi khổ đau.

362. **Người chế ngự tay chân,
Chế ngự lời và đầu,
Vui thích nội thiền định,
Độc thân, biết vừa đủ,
Thật xứng gọi tỷ kheo.**

363. **Tỷ kheo chế ngự miệng,
Vừa lời, không cống cao,**

Khi trình bày pháp nghĩa,
Lời lẽ dịu, ngọt ngào.

364. Vị tử khéo thích pháp,
Mến pháp, suy tư Pháp,
Tâm tư niệm Chánh Pháp,
Không rời bỏ Chánh Pháp.

365. Không khinh điều mình được,
Không ganh người khác được,
Tỷ khéo **ganh** tị người,
Không sao chứng Thiền Định.

366. Tỷ khéo dầu được ít,
Không khinh điều mình được,
Sống thanh tịnh không nhác,
Chư thiên khen vị này.

367. Hoàn toàn, đổi danh sắc,
Không chấp Ta, của Ta.
Không chấp, không sâu nã,
Thật xứng danh Tỷ kheo.

368. Tỷ kheo **trú từ bi**,
Tín thành giáo Pháp Phật,
Chứng cảnh giới tịch tĩnh,
Các hành an tịnh lạc.

369. Tỷ kheo, tát thuyền này,
Thuyền không, nhẹ đi mau,
Trừ tham, diệt sân hận,
Tất chứng đạt Niết-Bàn.

370. Đoạn năm, từ bỏ năm,
Tụ tập năm tối thượng,
Tỷ kheo vượt năm ái,
Xứng danh "Vượt bực lưu".

371. Tỷ kheo, hãy tu thiền,
Chớ buông lung phóng dật,
Tâm chớ đắm say dục,
Phóng dật, nuốt sắt nóng,
Bị đốt, chớ than khổ.

372. Không trí tuệ, không thiền,
Không thiền, không trí tuệ,
Người có thiền có tuệ,
Nhất định gần Niết-Bàn.

373. Bước vào ngôi nhà trống,
Tỷ kheo tâm an tịnh,
Thọ hưởng vui siêu nhân,
Tịnh quán theo Chánh pháp.

374. **Người luôn luôn chánh niệm,
Sự sanh diệt các uẩn,
Được hoan hỷ, hân hoan,
Chỉ bậc bất tử biết.**

375. Đây Tỷ kheo có trí,
Tự tập pháp căn bản,
Hộ căn, biết vừa đủ,
Giữ gìn căn bản giới,
Thường gần gũi bạn lành,
Sống thanh tịnh tinh cần.

376. **Giao thiệp khéo thân thiện,
Cử chỉ mực đoan trang,
Do vậy hưởng vui nhiều,
Sẽ dứt mọi khổ đau.**

377. Như hoa Vassikà,
Quăng bỏ cánh úa tàn,
Cũng vậy vị Tỷ kheo,
Hãy giải thoát tham sân.

378. **Thân tịnh, lời an tịnh,
An tịnh, khéo thiển tịnh,
Tỷ kheo bỏ thế vật,
Xứng danh bậc tịch tịnh.**

379. Tự mình chỉ trích mình,
Tự mình dò xét mình,
Tỷ kheo tự phòng hộ,
Chánh niệm, trú an lạc.

380. Tự mình y chỉ mình,
Tự mình đi đến mình,
Vậy hãy tự điều phục,
Như khách buôn ngựa hiền.

381. Tỷ kheo nhiều hân hoan,
Tịnh tín giáo pháp Phật,
Chứng cảnh giới tịch tịnh,
Các hạnh an tịnh lạc.

382. Tỷ kheo tuy tuổi nhỏ,
Siêng tu giáo pháp Phật,
Soi sáng thế gian này,
Như trăng thoát khỏi mây.

232 Bạc chiến thắng con đường - 4 hạng người tu - Kinh Cunda - Tiểu I, 490

Kinh Cunda – *Tiểu I*, 490

83. Người thợ rèn Cunda,
Nói lên lời như sau:
*Con hỏi bậc Đại sĩ,
Bậc trí tuệ rộng lớn,
Đáng Giác ngộ, Pháp chủ,
Đã đoạn tận khát ái,
Bậc tối thượng hai chân,
Bậc đánh xe tối thắng,
Xin Ngài nói ở đời,
Có bao nhiêu Sa-môn?*

Thế Tôn:

84. Chỉ có bốn Sa-môn,
Không có hạng thứ năm,
Thế Tôn đáp Cunda,
Này Cunda, là vậy.
Ta tỏ bày cho Ông,
Được hỏi điều tự thấy,
Bạc chiến thắng con đường,
Bạc thuyết giảng con đường,

***Bậc sống trên con đường,
Kẻ làm ô uế đạo.***

Cunda:

85. *Người thợ rèn Cunda,
Liên bạch với Thế Tôn:
Chư Phật nói thế nào,
Bậc chiến thắng con đường,
Bậc thiền định con đường,
Sao gọi không ước lường?
Con hỏi xin trả lời,
Vị sống đúng con đường?
Xin trình bày cho con,
Kẻ làm đường ô uế?*

Thế Tôn:

86. *Ai vượt khỏi nghi hoặc,
Vị thoát khỏi mũi tên,
Ưa thích cảnh Niết-bàn,
Không tham đắm vật gì,
Bậc lãnh đạo thế giới,
Chư Thiên và loài Người,
Chư Phật gọi vị ấy,
Bậc chiến thắng con đường.*

87. Ai ở đời biết được,
Pháp tối thượng, tối thượng,
Nói lên và phân tích,
Pháp ở đây là vậy.
Vị chặt đứt nghi hoặc,
Bậc ẩn sĩ, không dục,
Bậc Tỷ-kheo thứ hai
Được gọi **thuyết con đường**.

88. Ai sống trên con đường,
Con đường pháp khéo giảng,
Sống chế ngự chánh niệm,
Bước đường không lỗi lầm,
Tỷ-kheo thứ ba này,
Được gọi **sống trên đường**.

89. Ai sống ưa che đậy,
Dưới hình thức giới cấm,
Xông xáo, nhóp gia đình,
Bạt mạng và man trá,
Không chế ngự nhiếp phục,
Sống lắm mồm, lắm miệng.
Người sở hành như vậy
Là **kẻ ô uế đạo**.

90. Vị cư sĩ thâm hiểu,
Các hạng người như vậy,

*Thánh đệ tử, nghe nhiều,
Có trí tuệ thông hiểu,
Sau khi rõ biết chúng,
Tất cả là như vậy.
Thấy vậy, vững lòng tin,
Không có bị sút giảm,
Làm sao lại lẫn lộn,
Kẻ ác với người thiện,
Làm sao xem giống nhau,
Bạc tịnh, kẻ không tịnh.*

233 Bạc danh xưng vô thượng - Kinh Hemavata - Tiểu I, 510

Kinh Hemavata – *Tiểu I, 510* (Sn 27)

Sàtàgira:

153. *Nay đứng vào ngày rằm,
Ngày trai giới, bố-tát,
Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Sàtàgira,
Đêm đã được an trú,
Đêm đẹp như cỏi trời,
Hãy gặp Gotama,
Bạc Đạo Sư vô thượng.*

Hemavata:

154. *Có phải ý vị ấy,
Tâm nguyện thật khéo phát?
Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Hemavata,
Có phải đối sanh loại,
Có tâm tư như vậy?
Có phải các tư duy,
Được khéo léo điều phục
Đối với các pháp khả ái,
Và pháp không khả ái?*

Sàtàgira:

155. Ý *vị ấy là vậy,*
Tâm nguyện thật khéo phát,
Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Sàtàgira,
Đối với mọi sanh loại,
Có tâm tư như vậy,
Như vậy là **tư duy,**
Được khéo léo điều phục.

Hemavata:

156. Có phải là vị ấy,
Không lấy vật không cho?
Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Hemavata,
Có phải với hữu tình,
Vị ấy khéo chế ngự?
Có phải với phóng dật,
Vị ấy khéo viễn ly?
Có phải đối thiên đình,
Vị ấy không từ bỏ?

Sàtàgira:

157. *Vị ấy không có lấy,*
Những vật không được cho,
Nói vậy là dạ-xoa,

Tên Sàtàgira,
Vị ấy với hữu tình,
Rất **khéo léo chế ngự**,
Vị ấy với phóng dật,
Thật sự **sống viễn ly**,
Đức Phật đối thiền định,
Không từ bỏ, sao lãng.

Hemavata:

158. Có phải là vị ấy,
Không nói lời nói láo?
Nói vậy là Dạ-xoa,
Tên Hemavata,
Có phải là vị ấy,
Đoạn tận các trách nhiệm?
Có phải là vị ấy,
Không nói lời vu khống?
Có phải là vị ấy,
Không nói lời phù phiếm?

Sàtàgira:

159. Và thật sự vị ấy,
Không nói lời nói láo,
Nói vậy là Dạ-xoa,
Tên Sàtàgira,
Đoạn tận đường ác ngữ,
Không nói lời vu khống,

*Vị ấy nói những lời,
Sáng suốt, có nghĩa lý.*

Hemavata:

160. Có phải đối các dục,

Vị ấy không tham ái?

Đây là lời Dạ-xoa,

Tên Hemavata,

Có phải tâm vị ấy,

Không có bị dao động?

Có phải tâm vị ấy,

Vượt khỏi sự si ám?

Có phải thật vị ấy,

Có mắt đối các pháp?

Sàtàgira:

161. Vị ấy không tham ái,

Đối với các dục vọng,

Đây là lời Dạ-xoa,

Tên Sàtàgira,

Tâm không có dao động,

Vượt khỏi mọi si ám,

Đức Phật thật có mắt,

Đối với tất cả pháp.

Hemavata:

162. Có phải là vị ấy,

Đầy đủ về các mình?

Đây là lời Dạ-xoa,

Tên Hemavata,

Có phải là vị ấy,

Sở hành thật thanh tịnh?

Có phải là vị ấy,

Các lậu hoặc đoạn tận?

Có phải là vị ấy,

Không còn có tái sanh?

Sàtàgira:

163. *Sự thật là vị ấy,*

Đầy đủ với các mình,

Đây là lời Dạ-xoa,

Tên Sàtàgira

Sở hành thật thanh tịnh,

Mọi lậu hoặc đoạn tận,

Thật sự đối vị ấy,

Không còn có tái sanh.

Hemavata:

163. (a) *Có phải vị ẩn sĩ,*

Với tâm được viên mãn,

Mọi việc làm vị ấy,

Được làm khéo hoàn mãn,

Có phải người tán thán,

Một cách đúng Chánh pháp,

*Vị đầy đủ trí đức,
Đầy đủ cả hạnh đức?*

Sàtàgira:

163. (b) *Thật sự vị ẩn sĩ,
Vói tâm được viên mãn,
Mọi việc làm vị ấy,
Được làm khéo hoàn mãn.
Thật sự Ông tùy hỉ,
Một cách đúng Chánh pháp,
Vị đầy đủ trí đức,
Đầy đủ cả hạnh đức.*

Cả hai:

164. *Thật sự vị ẩn sĩ,
Vói tâm được viên mãn,
Mọi việc làm vị ấy
Được làm khéo hoàn mãn.
Chúng ta hãy yết kiến,
Tôn giả Gotama,
Vị đầy đủ trí đức,
Đầy đủ cả hạnh đức.*

Hemavata:

165. *Bắp chân giống như nai,
Thon vững chắc, bền bỉ,
Giản dị ít nhu cầu,*

*Không tham đắm vật gì.
Hãy đi đến yết kiến
Ấn sĩ Gotama,
Vị hành trì thiền định,
Trong rừng núi xa vắng.*

*166. Sống cô độc một mình,
Như sư tử, như voi,
Ngài không có tham đắm,
Không cầu mong các dục.
Chúng ta hãy đi đến,
Và hỏi thăm vị ấy,
Về con đường giải thoát,
Khỏi cạm bẫy Ác ma.*

Cả hai:

*167. Vị tuyên bố giải thích,
Vị đạt đến mọi pháp,
Bậc giác ngộ vượt khỏi,
Hận thù và sợ hãi,
Chúng ta hãy đến học,
Sa-môn Gotama.*

Hemavata:

*168. Do pháp nào có mặt,
Thế giới được sanh khởi?
Nói vậy là dạy-xoa,*

Tên Hemavata.

Do pháp nào có mặt,

Tác thành sự giao hợp?

Sự chấp thủ ở đời,

Là chấp thủ cái gì?

Do pháp nào có mặt,

Thế giới bị tàn hại?

Thế Tôn:

169. Do **sáu pháp** có mặt,

Thế giới được sanh khởi,

Này Hemavata,

Thế Tôn nói như vậy.

Do **sáu pháp** có mặt,

Tác thành sự giao hợp,

Sự chấp thủ ở đời,

Là chấp thủ sáu pháp,

Do **sáu pháp** có mặt,

Thế giới bị tàn hại.

Hemavata:

170. Do chấp thủ cái gì,

Đây thế giới bị hại?

Được hỏi, hãy nói lên,

Về con đường thoát đời.

Làm thế nào đau khổ,

Được giải thoát hoàn toàn?

Thế Tôn:

171. Đây, ***năm dục trưởng dưỡng,***
Ý được gọi thứ sáu,
Bỏ ước muốn ở đây,
Như vậy, thoát đau khổ.

172. Đây, con đường thoát đời.
Như thật nói Ông rõ,
Đường này Ta nói Ông,
Như vậy, thoát đau khổ.

Hemavata:

173. Đây, ai vượt bực lưu?
Đây, ai vượt biển lớn?
Không chân đứng bám víu,
Ai không chìm vực sâu?

Thế Tôn:

174. Ai luôn luôn đủ ***giới,***
Có ***tuệ,*** khéo thiền ***định,***
Tâm hướng nội, chánh niệm,
Vượt bực lưu khó vượt.

175. *Ai từ bỏ dục tướng,*
Vượt khỏi mọi kiết sử,
Ai, hỷ, hữu đoạn tận,

Không chìm vào vực sâu.

Hemavata:

176. Vị trí tuệ thâm sâu,
Thấy được đích tế nhị,
Vị không có sở hữu,
Không tham đắm dục hữu.
Hãy yết kiến vị ấy,
Vị luôn luôn giải thoát,
Bậc đại sĩ tiến bước,
Trên con đường Thiên đạo.

177. Bậc danh xưng vô thượng,
Bậc thấy đích tế nhị,
Bậc ban bố trí tuệ,
Không tham đắm dục tạng.
Hãy yết kiến vị ấy,
Vị Toàn trí, Thiện tuệ,
Bậc Đại sĩ tiến bước,
Trên con đường Thánh đạo.

178. Hôm nay thật chúng con,
Được thấy điềm tốt lành,
Được hào quang chói sáng,
Của bình minh tốt lành.
Vì chúng con được thấy,
Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác,

**Bậc đã vượt bậc lưu,
Bậc đã đoạn lậu hoặc.**

179. Ngàn vị dạ-xoa này,
Có thần lực danh xưng,
Tất cả xin đi đến,
Y tựa quy ngưỡng Ngài,
**Ngài là bậc Đạo Sư,
Vô thượng của chúng con.**

180. Chúng con sẽ bộ hành,
Làng này qua làng khác,
Thành này qua thành khác,
Đảnh lễ bậc Chánh giác,
Đảnh lễ **thiện pháp tánh,**
Của Chánh pháp vi diệu.

234 Bạc hiền không hại ai, Thân thường được chế ngự - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 75

Phẩm Phần Nộ – *Tiểu I*, 75

221. Bỏ phần nộ, ly mạn,
Vượt qua mọi kiết sử,
Không chấp trước **danh sắc**.
Khô không theo vô sản.

222. Ai chận được phần nộ,
Như dừng xe đang lăn,
Ta gọi người đánh xe,
Kẻ khác, cầm cương hờ.

223. Lấy **không giận** thắng giận,
Lấy **thiện** thắng không thiện,
Lấy **thí** thắng xan tham,
Lấy **chơn** thắng hư nguy.

224. Nói thật, không phần nộ,
Của ít, thí người xin,
Nhờ ba việc lành này,
Người đến gần thiên giới.

225. Bậc hiền không hại ai,
Thân thường được chế ngự,
Đạt được **cảnh bất tử**,
Đến đây, không ưu sầu.

226. Những người thường giác tỉnh,
Ngày đêm siêng tu học,
Chuyên tâm hướng Niết Bàn,
Mọi lậu hoặc được tiêu.

227. A-tu-la, nên biết,
Xưa vậy, nay cũng vậy,
Ngồi im, bị người chê,
Nói nhiều, bị người chê.
Nói vừa phải, bị chê.
Làm người không bị chê,
Thật khó tìm ở đời.

228. **Xưa, vị lai, và nay,**
Đâu có sự kiện này,
Người hoàn toàn bị chê,
Người trọn vẹn được khen.

229. Sáng sáng, thâm xét kỹ.
Bậc có trí tán thán,
Bậc trí không tỳ vết,
Đầy đủ **giới định tuệ**.

230. Hạnh sáng như vàng ròng,
Ai dám chê vị ấy?
Chư thiên phải khen thưởng,
Phạm Thiên cũng tán dương.

231. Giữ **thân** đừng phần nộ,
Phòng thân khéo bảo vệ,
Từ bỏ thân làm ác,
Với thân làm hạnh lành.

232. Giữ **lời** đừng phần nộ,
Phòng lời, khéo bảo vệ,
Từ bỏ lời thô ác,
Với lời, nói điều lành.

233. Giữ **ý** đừng phần nộ,
Phòng ý, khéo bảo vệ,
Từ bỏ ý nghĩ ác,
Với ý, nghĩ hạnh lành.

234. **Bậc trí bảo vệ thân,
Bảo vệ luôn lời nói
Bảo vệ cả tâm tư,
Ba nghiệp khéo bảo vệ.**

235 Bậc hiền sĩ, trí tuệ, Bậc nghe nhiều, trì giới - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 71

Phẩm An Lạc – *Tiểu I*, 71

197. Vui thay, chúng ta sống,
Không hận, giữa hận thù,
Giữa những người thù hận,
Ta sống, không hận thù.

198. Vui thay, chúng ta sống,
Không bệnh, giữa ốm đau.
Giữa những người bệnh hoạn,
Ta sống, không ốm đau.

199. Vui thay, chúng ta sống,
Không rộn giữa rộn rang.
Giữa những người rộn ràng,
Ta sống, không rộn ràng.

200. Vui thay chúng ta sống,
Không gì gọi của ta.
Ta sẽ hưởng hỷ lạc,
Như chư Thiên Quang Âm.

201. Chiến thắng sinh thù oán,
Thất bại chịu khổ đau,
Sống tịch tịnh an lạc.
Bỏ sau mọi thắng bại.

202. **Lửa** nào sánh lửa tham?

Ác nào bằng sân hận?

Khổ nào sánh khổ uẩn?

Lạc nào bằng tinh lạc?

203. Đói ăn, bệnh tối thượng,
Các hành, khổ tối thượng,
Hiểu như thực là vậy,
Niết Bàn, lạc tối thượng.

204. Không bệnh, lợi tối thượng,
Biết đủ, tiền tối thượng,
Thành tín đối với nhau,
Là bà con tối thượng,
Niết Bàn, lạc tối thượng.

205. Đã nếm vị độc cư,
Được hưởng vị nhàn tịnh,
Không sợ hải, không ác,
Nếm được vị pháp hỷ.

206. Lành thay, thấy Thánh nhân,

Sống chung thường hưởng lạc,
Không thấy những người ngu,
Thường thường được an lạc.

207. Sống chung với người ngu,
Lâu dài bị lo buồn.

Khô thay gần người ngu,
Như thường sống kẻ thù.

Vui thay, gần người trí,
Như chung sống bà con.

208. Bạc hiền sĩ, trí tuệ,
Bạc nghe nhiều, trì giới,
Bạc tự chế, Thánh nhân,
Hãy gần gũi, thân cận,
Thiện nhân, trí giả ấy,
Như trăng theo đường sao.

236 Bậc hữu học - Lậu hoặc tận dành cho người biết Bốn Thánh đế - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 438

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 438 (Cat. 3)
(It. 103)

Này các Tỷ-kheo, Ta thuyết sự diệt tận các lậu hoặc cho người biết, cho người thấy, không phải cho người không biết, cho người không thấy.

Và này các Tỷ-kheo, cho người biết gì, cho người thấy gì là sự diệt tận các lậu hoặc?

- Này các Tỷ-kheo, cho người biết, cho người thấy rằng: "Đây là **Khổ**", là sự diệt tận các lậu hoặc.
- Này các Tỷ-kheo, cho người biết, cho người thấy rằng: "Đây là **Khổ tập**", là sự diệt tận các lậu hoặc.
- Này các Tỷ-kheo, cho người biết, cho người thấy rằng: "Đây là **Khổ diệt**", là sự diệt tận các lậu hoặc.
- Như vậy, này các Tỷ-kheo, cho người biết, cho người thấy, "Đây là **Con đường đưa đến khổ diệt**", là sự diệt tận các lậu hoặc.

Như vậy này các Tỷ Kheo cho người biết cho người thấy là sự diệt tận các lậu hoặc.

Vị hữu học học tập,
Hành trì đường chánh trực,
Trong diệt tận ác pháp,
Là trí bậc thứ nhất,
Tiếp đến là chánh trí,
Chánh trí này vô thượng,
Tiếp theo chánh trí ấy,
Chính là sự giải thoát,
Giải thoát trí vô thượng,
Trong diệt tận, trí khôn,
Với các loại, kiết sử,
Được đoạn tận ở đây.

Không phải kẻ biếng nhác,
Kẻ ngu, không biết gì,
Có thể chứng ngộ được
Niết-bàn vô thượng này,
Sự giải thoát hoàn toàn,
Tất cả mọi trói buộc.

237 Bạc không để dấu tích - Không dấu tích chiến thắng, Phật giới rộng mênh mông - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 67

Phẩm Phật Đà – *Tiểu I*, 67

179. Vị chiến thắng không bại,
Vị bước đi trên đời,
Không dấu tích chiến thắng,
Phật giới rộng mênh mông,
Ai dùng chân theo dõi,
Bạc không để dấu tích?

180. Ai giải tỏa lưới **tham**,
Ái phược hết dắt dẫn,
Phật giới rộng mênh mông,
Ai dùng chân theo dõi,
Bạc không để dấu tích?

181. Người trí chuyên thiền định,
Thích an tịnh viễn ly,
Chư thiên đều ái kính,
Bạc Chánh giác, chánh niệm.

182. Khó thay, được làm người,

Khó thay, được sống còn,
Khó thay, nghe diệu pháp,
Khó thay, Phật ra đời!

183. Không làm mọi điều ác.
Thành tựu các hạnh lành,
Tâm ý giữ trong sạch,
Chính lời chư Phật dạy.

184. Chư Phật thường giảng dạy;
Nhẫn - khổ hạnh tối thượng.
Niết bàn - quả tối thượng;
Xuất gia không phá người;
Sa-môn không hại người.

185. Không phỉ báng, phá hoại,
Hộ trì giới căn bản,
Ăn uống có tiết độ,
Sàng tọa chỗ nhàn tịnh
Chuyên chú tăng thượng tâm,
Chính lời chư Phật dạy.

186. Dầu mưa bằng tiền vàng,
Các **dục** khó thỏa mãn.
Dục đáng nhiều, ngọt ít,
Biết vậy là bậc trí.

187. Đệ tử bậc Chánh giác,
Không tìm cầu dục lạc,
Dầu là dục chư thiên,
Chỉ ưa thích ái diệt.

188. Loài người sợ hoảng hốt,
Tìm nhiều chỗ quy y,
Hoặc rừng rậm, núi non,
Hoặc vườn cây, đền tháp.

189. Quy y ấy không ổn,
Không quy y tối thượng.
Quy y các chỗ ấy,
Không thoát mọi khổ đau.

190. Ai quy y Đức Phật,
Chánh pháp và chư tăng,
Ai dùng chánh tri kiến,
Thấy được **Bốn Thánh đế**."

191. Thấy khổ và khổ tập,
Thấy sự khổ vượt qua,
Thấy **đường Thánh tám ngành**,
Đưa đến khổ nào tận.

192. Thật quy y an ổn,
Thật quy y tối thượng,

Có quy y như vậy,
Mới thoát mọi khổ đau.

193. Khó gặp bậc Thánh nhơn,
Không phải đâu cũng có,
Chỗ nào bậc trí sanh,
Gia đình tất an lạc.

194. Vui thay, **Phật** ra đời!
Vui thay, **Pháp** được giảng!
Vui thay, **Tăng** hòa hợp!
Hòa hợp tu, vui thay!

195. Cúng dường bậc đáng cúng,
Chư Phật hoặc đệ tử,
Các bậc vượt hý luận,
Đoạn diệt mọi sầu bi.

196. Cúng dường bậc như vậy,
Tịch tịnh, không sợ hãi,
Các công đức như vậy,
Không ai ước lường được.

238 Bạc nghe nhiều trì pháp, Hãy gần gũi người ấy - Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng - Tiểu I, 471

Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng – *Tiểu I*, 471

35. *Đối với các hữu tình,
Từ bỏ gây và trượng,
Chớ làm hại một ai,
Trong chúng hữu tình ấy.
Con trai không ước muốn,
Còn nói gì bạn bè,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

36. *Do thân cận giao thiệp,
Thân ái từ đây sanh,
Tùy thuận theo thân ái,
Khổ này có thể sanh.
Nhìn thấy những nguy hại,
Do thân ái sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

37. *Do lòng từ thương mến,
Đối bạn bè thân hữu,*

Mục đích bị bỏ quên,

Tâm tư bị buộc ràng,

Do thấy sợ hãi này,

Trong giao du mật thiết,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

38. Ai nhớ nghĩ chờ mong,

Đối với **con** và **vợ**,

Người ấy bị buộc ràng,

Như cành tre rậm rạp,

Còn các ngọn tre cao,

Nào có gì buộc ràng,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

39. **Như nai trong núi rừng,**

Không gì bị trời buộc,

Tự đi chỗ nó muốn,

Để tìm kiếm thức ăn.

Như các bậc Hiền trí,

Thấy tự do giải thoát,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

40. **Giữa **bạn bè** thân hữu,**

Bị gọi lên gọi xuống,

Tại chỗ ở trú xứ,
Hay trên đường bộ hành.
Thấy tự do giải thoát,
Không có gì tham luyến,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

41. Giữa bạn bè thân hữu,
Ưa thích, vui cười đùa,
Đối với con, với cháu,
Ái luyến thật lớn thay,
Nhàm chán sự hệ lụy,
Với những người thân ái,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

42. Khắp cả bốn phương trời,
Không sân hận với ai,
Tự mình **biết vừa đủ**,
Với vật này vật khác,
Vững chịu các hiểm nguy,
Không run sợ dao động,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

43. Có số người xuất gia,
Chung sống thật khó khăn,

*Cũng như các gia chủ,
Ở tại các cửa nhà,
Sống vô tư vô lự,
Giữa con cháu người khác,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

44. *Từ bỏ, để một bên,
Mọi biểu dương gia đình,
Như loại cây san hô,
Tước bỏ mọi lá cây,
Bạc anh hùng cắt đứt,
Mọi trói buộc gia đình.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

45. *Nếu tìm được bạn lành,
Thận trọng và sáng suốt,
Bạn đồng hành chung sống,
Bạn thiện trú Hiền trí.
Cùng nhau đồng nhiếp phục,
Tất cả mọi hiểm nạn,
Hãy sống với bạn ấy,
Hoan hỷ, giữ chánh niệm.*

46. *Nếu không được bạn lành,
Thận trọng và sáng suốt,*

Bạn đồng hành chung sống,
Bạn thiện trú Hiền trí.
Hãy như vua từ bỏ,
Đất nước bị bại vong,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

47. *Thật chúng ta tán thán,*
Các bằng hữu chu toàn,
Bác hơn ta, bằng ta,
Nên sống gần thân cận.
Nếu không gặp bạn này.
Những bậc không làm lỗi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

48. *Thấy đồ trang sức vàng,*
Lấp lánh và sáng chói,
Được con người thợ vàng,
Khéo làm, khéo tay làm,
Hai chúng chạm vào nhau,
Trên hai tay đeo chúng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

49. *Như vậy nếu ta cùng,*
Với một người thứ hai,

Tranh luận cãi vã nhau,
Sân hận, gây hấn nhau,
Nhìn thấy trong tương lai,
Sợ hãi hiểm nguy này,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

50. Các **dục** thật mỹ miều,
Ngọt thơm và đẹp ý,
Dưới hình sắc, phi sắc,
Làm mê loạn tâm tư,
Thấy sự nguy hiểm này,
Trong các **dục trưởng dưỡng**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

51. Đây là một mụn nhọt,
Và cũng là tai họa,
Một tật bệnh, mũi tên,
Là sợ hãi cho ta,
Thấy sự nguy hiểm này,
Trong các **dục trưởng dưỡng**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

52. Lạnh lẽo và nóng bức,
Đói bụng và khát nước,

*Gió thổi, ánh mặt trời.
Muối lặn và rắn rết.
Tất cả xúc chạm này,
Đều chịu đựng vượt qua,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.*

*53. Như con voi to lớn,
Từ bỏ cả bầy đàn,
Thân thể được sanh ra,
To lớn tựa hoa sen,
Tùy theo sự thích thú,
Sống tại chỗ rừng núi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.*

*54. Ai ưa thích hội chúng,
Sự kiện không xảy ra,
Người ấy có thể chứng,
Cảm thọ **thời giải thoát**.
Cân nhắc lời giảng dạy,
Đáng bà con mặt trời,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.*

*55. Được giải thoát vượt khỏi,
Các tri kiến hý luận,*

*Đạt được quyết định tánh,
Chứng đắc được con đường.
Nơi ta trí được sanh,
Không cần nhờ người khác,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.*

56. Không tham, không lừa đảo,
Không khát dục, gièm pha,
Mọi si mê ác trược,
Được gạn sạch, quạt sạch.
Trong tất cả thế giới,
Không tham ái ước vọng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

57. Với bạn bè độc ác,
Hãy từ bỏ lánh xa,
Bạn không thấy mục đích,
Quen nếp sống quanh co,
Chớ tự mình thân cận,
Kẻ đam mê phóng dật,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

58. *Bậc nghe nhiều trì pháp,
Hãy gần gũi người ấy,*

*Bạn người tâm rộng lớn,
Người thông minh biện tài,
Biết điều không nên làm,
Nhiếp phục được nghi hoặc,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*59. Mọi du hí vui đùa,
Và dục lạc ở đời,
Không điểm trang bày biện,
Không ước vọng mong cầu,
Từ bỏ mọi hào nhoáng,
Nói lên lời chân thật,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*60. Với con và với vợ,
Với cha và với mẹ,
Tài sản cùng lúa gạo,
Những trói buộc bà con,
Hãy từ bỏ buộc ràng,
Các dục vọng như vậy,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*61. Chúng đều là trói buộc,
Lạc thú thật nhỏ bé,*

Vị ngọt thật ít oi,
Khổ đau lại nhiều hơn,
Chúng đều là câu móc,
Bậc trí biết như vậy,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

62. *Hãy chặt đứt, bẻ gãy,
Các kiết sử trói buộc,*
Như các loài thủy tộc,
Phá hoại các mạng lưới.
Như lửa đã cháy xong,
Không còn trở lui lại,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

63. *Vói mắt cúi nhìn xuống,
Chân đi không lưu luyến,
Các căn được hộ trì,
Tâm ý khéo chế ngự.*
Không đầy ứ, rỉ chảy,
Không cháy đỏ bừng lên,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

64. *Hãy trút bỏ, để lại,
Các biểu tượng gia chủ,*

*Như loại cây san hô,
Loại bỏ các nhánh lá.*

*Đã đắp áo cà sa,
Xuất gia bỏ thế tục,*

*Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

65. *Không tham đắm các vị,
Không tác động, không tham,
Không nhờ ai nuôi dưỡng,
Chỉ khát thực từng nhà.*

*Đối với mọi gia đình,
Tâm không bị trói buộc,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

66. *Từ bỏ năm triền cái;*

Che đậy trói buộc tâm,

Đối với mọi kiết sử,

Hãy trừ khử, dứt sạch,

Không y cứ nương tựa,

Chặt đứt ái sân hận,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngưu một sừng.

67. *Hãy xoay lưng trở lại,*

Đối với **lạc** và **khổ**,
Cả đối với **hỷ ưu**,
Được cảm thọ từ trước,
Hãy chứng cho được xả,
An chỉ và thanh tịnh,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

68. Tinh cần và tinh tấn,
Đạt được **lý chân đế**,
Tâm không còn thụ động,
Không còn có biếng nhác,
Kiên trì trong cố gắng,
Đồng lực được sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

69. Không từ bỏ độc cư,
Hạnh viễn ly thiền định,
Thường thường sống hành trì,
Tùy pháp trong các pháp.
Chơn chánh nhận thức rõ,
Nguy hiểm trong **sanh hữu**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

70. Mong cầu đoạn diệt **ái**,

Sống hạnh không phóng dật,
Không đàn độn tâm ngong,
Nghe nhiều, giữ chánh niệm.
Các pháp được giác sát,
Quyết định, chánh tinh cần.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sùng.

71. Như *sư tử* không động,
An tịnh giữa các tiếng,
Như *gió* không vương mắc,
Khi thổi qua màn lưới.
Như *hoa sen* không dính,
Không bị nước thấm ướt,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sùng.

72. Giống như con sư tử,
Vội quai hàm hùng mạnh,
Bậc chúa của loài thú,
Sống chinh phục chế ngự.
Hãy sống các trú xứ,
Nhàn tịnh và xa vắng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sùng.

73. *Từ* tâm, sống trú xả,

Bi tâm, hạnh giải thoát,
Sống hành trì thực hiện,
Hỷ tâm, cho đúng thời,
Không chống đối va chạm,
Vội một ai ở đời.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

74. **Đoạn tận** lòng tham **ái**,
Sân hận và **si** mê,
Chặt đứt và cắt đoạn,
Các kiết sử lớn nhỏ,
Không có gì sợ hãi,
Khi mạng sống gần chung,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

75. Có những bạn vì lợi,
Thân cận và chung sống,
Những bạn không mưu lợi,
Nay khó tìm ở đời.
Người sáng suốt lợi mình,
Không phải người trong sạch,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

239 Bạc sanh với con mắt - Kinh Câu hỏi của thanh niên 11 Jatukanni - Tiểu I, 802

Câu hỏi của thanh niên 11 Jatukanni – *Tiểu I*, 802

Jatukanni:

1096. *Ja-tu-kan-ni* nói:

*Được nghe bậc anh hùng,
Không tham đắm dục vọng,
Nên con đã đến đây,
Để hỏi **bậc vô dục**,
Đã thoát khỏi bực lưu,
Bạc sanh với con mắt,
Hãy nói đường an tịnh,
Thế Tôn hãy như thật,
Nói cho con được biết.*

1097. *Chinh phục dục vọng xong,
Thế Tôn sống ở đời,
Như mặt trời chiếu sáng,
Cõi đất với hào quang,
Bạc trí tuệ rộng lớn,
Hãy nói pháp cho con,
Kẻ trí tuệ bé nhỏ,
Do rõ biết pháp này,*

Ở đây, con đoạn được,
Kể cả sanh và già.

Thế Tôn:

1098. Thế Tôn nói như sau:

Hỡi Ja-tu-kan-ni,

Hãy nhiếp phục lòng tham,

Đối với các dục vọng,

Hãy nhìn hạnh xuất ly,

Đưa đến sự an ổn,

Chớ chấp chước, từ bỏ,

Sự vật gì ở đời.

1099. Những gì có trước Ông,

Hãy làm nó khô cạn,

Đừng có sự vật gì,

Ở phía đằng sau Ông,

Ở giữa, Ông không chấp,

Ông sẽ sống an tịnh.

1100. Hỡi này Bà-la-môn!,

Đối với danh và sắc,

Hoàn toàn không tham đắm,

Không có các lậu hoặc,

Chính do lậu hoặc này,

Bị thân chết chi phối.

240 Bạc sống trên con đường - 4 hạng người tu - Kinh Cunda - Tiểu I, 490

Kinh Cunda – *Tiểu I*, 490

83. Người thợ rèn Cunda,
Nói lên lời như sau:
*Con hỏi bậc Đại sĩ,
Bậc trí tuệ rộng lớn,
Đấng Giác ngộ, Pháp chủ,
Đã đoạn tận khát ái,
Bậc tối thượng hai chân,
Bậc đánh xe tối thắng,
Xin Ngài nói ở đời,
Có bao nhiêu Sa-môn?*

Thế Tôn:

84. Chỉ có bốn Sa-môn,
Không có hạng thứ năm,
Thế Tôn đáp Cunda,
Này Cunda, là vậy.
Ta tỏ bày cho Ông,
Được hỏi điều tự thấy,
Bậc chiến thắng con đường,
Bậc thuyết giảng con đường,

**Bậc sống trên con đường,
Kẻ làm ô uế đạo.**

Cunda:

85. Người thợ rèn Cunda,
Liên bạch với Thế Tôn:
Chư Phật nói thế nào,
Bậc chiến thắng con đường,
Bậc thiền định con đường,
Sao gọi không ước lường?
Con hỏi xin trả lời,
Vị sống đúng con đường?
Xin trình bày cho con,
Kẻ làm đường ô uế?

Thế Tôn:

86. Ai vượt khỏi nghi hoặc,
Vị thoát khỏi mũi tên,
Ưa thích cảnh Niết-bàn,
Không tham đắm vật gì,
Bậc lãnh đạo thế giới,
Chư Thiên và loài Người,
Chư Phật gọi vị ấy,
Bậc chiến thắng con đường.

87. Ai ở đời biết được,
Pháp tối thượng, tối thượng,
Nói lên và phân tích,
Pháp ở đây là vậy.
Vị chặt đứt nghi hoặc,
Bậc ẩn sĩ, không dục,
Bậc Tỷ-kheo thứ hai
Được gọi **thuyết con đường**.

88. Ai sống trên con đường,
Con đường pháp khéo giảng,
Sống chế ngự chánh niệm,
Bước đường không lỗi lầm,
Tỷ-kheo thứ ba này,
Được gọi **sống trên đường**.

89. Ai sống ưa che đậy,
Dưới hình thức giới cấm,
Xông xáo, nhớp gia đình,
Bạt mạng và man trá,
Không chế ngự nhiếp phục,
Sống lắm mồm, lắm miệng.
Người sở hành như vậy
Là **kẻ ô uế đạo**.

90. Vị cư sĩ thâm hiểu,
Các hạng người như vậy,

*Thánh đệ tử, nghe nhiều,
Có trí tuệ thông hiểu,
Sau khi rõ biết chúng,
Tất cả là như vậy.
Thấy vậy, vững lòng tin,
Không có bị sút giảm,
Làm sao lại lẫn lộn,
Kẻ ác với người thiện,
Làm sao xem giống nhau,
Bạc tịnh, kẻ không tịnh.*

241 Bậc thuyết giảng con đường - 4 hạng người tu - Kinh Cunda - Tiểu I, 490

Kinh Cunda – *Tiểu I*, 490

83. Người thợ rèn Cunda,
Nói lên lời như sau:
*Con hỏi bậc Đại sĩ,
Bậc trí tuệ rộng lớn,
Đáng Giác ngộ, Pháp chủ,
Đã đoạn tận khát ái,
Bậc tối thượng hai chân,
Bậc đánh xe tối thắng,
Xin Ngài nói ở đời,
Có bao nhiêu Sa-môn?*

Thế Tôn:

84. Chỉ có bốn Sa-môn,
Không có hạng thứ năm,
Thế Tôn đáp Cunda,
Này Cunda, là vậy.
Ta tỏ bày cho Ông,
Được hỏi điều tự thấy,
Bậc chiến thắng con đường,
Bậc thuyết giảng con đường,

**Bậc sống trên con đường,
Kẻ làm ô uế đạo.**

Cunda:

85. Người thợ rèn Cunda,
Liên bạch với Thế Tôn:
Chư Phật nói thế nào,
Bậc chiến thắng con đường,
Bậc thiền định con đường,
Sao gọi không ước lường?
Con hỏi xin trả lời,
Vị sống đúng con đường?
Xin trình bày cho con,
Kẻ làm đường ô uế?

Thế Tôn:

86. Ai vượt khỏi nghi hoặc,
Vị thoát khỏi mũi tên,
Ưa thích cảnh Niết-bàn,
Không tham đắm vật gì,
Bậc lãnh đạo thế giới,
Chư Thiên và loài Người,
Chư Phật gọi vị ấy,
Bậc chiến thắng con đường.

87. Ai ở đời biết được,
Pháp tối thượng, tối thượng,
Nói lên và phân tích,
Pháp ở đây là vậy.
Vị chặt đứt nghi hoặc,
Bậc ẩn sĩ, không dục,
Bậc Tỷ-kheo thứ hai
Được gọi **thuyết con đường**.

88. Ai sống trên con đường,
Con đường pháp khéo giảng,
Sống chế ngự chánh niệm,
Bước đường không lỗi lầm,
Tỷ-kheo thứ ba này,
Được gọi **sống trên đường**.

89. Ai sống ưa che đậy,
Dưới hình thức giới cấm,
Xông xáo, nhớp gia đình,
Bạt mạng và man trá,
Không chế ngự nhiếp phục,
Sống lắm mồm, lắm miệng.
Người sở hành như vậy
Là **kẻ ô uế đạo**.

90. Vị cư sĩ thâm hiểu,
Các hạng người như vậy,

*Thánh đệ tử, nghe nhiều,
Có trí tuệ thông hiểu,
Sau khi rõ biết chúng,
Tất cả là như vậy.
Thấy vậy, vững lòng tin,
Không có bị sút giảm,
Làm sao lại lẫn lộn,
Kẻ ác với người thiện,
Làm sao xem giống nhau,
Bạc tịnh, kẻ không tịnh.*

242 Bạc trâu chúa, thù thắng, Bạc anh hùng, đại sĩ - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106

Phẩm BàLaMôn – *Tiểu I*, 106

383. Hỡi này Bà là môn,
Hãy tinh tấn đoạn dòng,
Từ bỏ các dục lạc,
Biết được hành đoạn diệt,
Người là **bạc vô vi**.

384. Nhờ thường trú hai pháp,
Đến được bờ bên kia,
Bà-la-môn có trí,
Mọi kiết sử đứt sạch.

385. Không bờ này, bờ kia,
Cả hai bờ không có,
Lìa khổ, không trói buộc,
Ta gọi Bà-la-môn.

386. Tu thiền, trú ly trần,
Phận sự xong, vô lậu,
Đạt được đích tối thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

387. *Mặt trời sáng ban ngày,
Mặt trăng sáng ban đêm,
Khí giới sáng Sát ly,
Thiền định sáng Phạm chí,
Còn hào quang đức Phật,
Chói sáng cả ngày đêm.*

388. Dứt ác gọi Phạm chí,
Tinh hạnh gọi Sa môn,
Tự mình xuất cầu uế,
Nên gọi **bậc xuất gia.**

389. Chớ có đập Phạm chí,
Phạm chí chớ đập lại,
Xấu thay đập Phạm chí,
Đập trả lại xấu hơn.

390. Đối vị Bà-la-môn,
Đây không lợi ích nhỏ,
Khi ý không ái luyến,
Tâm hại được chận đứng,
Chỉ khi ấy khổ diệt.

391. Với người thân miệng ý,
Không làm các ác hạnh,
Ba nghiệp được phòng hộ,

Ta gọi Bà-la-môn.

392. Từ ai, biết Chánh pháp,
Bậc Chánh Giác thuyết giảng,
Hãy kính lễ vị ấy,
Như Phạm chí chờ lửa.

393. Được gọi Bà-la-môn,
Không vì đầu bện tóc,
Không chủng tộc, thọ sanh,
Ai thật chân, chánh, tịnh,
Mới gọi Bà-la-môn.

394. Kẻ ngu, có ích gì,
Bện tóc với da dê,
Nội tâm toàn phiền não,
Ngoài mặt đánh bóng suông.

395. Người mặc áo đông rác,
Gầy ốm, lộ mạch gân,
Độc thân thiền trong rừng,
Ta gọi Bà-la-môn.

396. Ta không gọi Phạm Chí,
Vì chỗ sanh, mẹ sanh,
Chỉ được gọi tên suông,
Nếu tâm còn phiền não,

Không phiền não, chấp trước,
Ta gọi Bà-la-môn.

397. Đoạn hết các kiết sử,
Không còn gì lo sợ,
Không đắm trước buộc ràng,
Ta gọi Bà-la-môn.

398. Bỏ đai da, bỏ cương,
Bỏ dây, đồ sở thuộc,
Bỏ then chốt, sáng suốt,
Ta gọi Bà-la-môn.

399. Không ác ý, nhẫn chịu,
Phỉ báng, đánh, phạt hình,
Lấy **nhẫn** làm quân lực,
Ta gọi Bà-la-môn.

400. Không hận, hết bồn phận,
Trì giới, không tham ái,
Nhiếp phục, thân cuối cùng,
Ta gọi Bà-la-môn.

401. Như nước trên lá sen,
Như hột cải đầu kim,
Người không nhiễm ái dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

402. Ai tự trên đời này,
Giác khổ, diệt trừ khổ,
Bỏ gánh nặng, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

403. Người trí tuệ sâu xa,
Khéo biết đạo, phi đạo,
Chúng đạt đích vô thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

404. Không liên hệ cả hai,
Xuất gia và thế tục,
Sống độc thân, ít dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

405. Bỏ trượng, đổi chúng sanh,
Yếu kém hay kiên cường,
Không giết, không bảo giết,
Ta gọi Bà-la-môn.

406. Thân thiện giữa thù địch,
Ôn hòa giữa hung hăng,
Không nhiễm, giữa nhiễm trước,
Ta gọi Bà-la-môn.

407. Người bỏ rơi tham sân,

Không mạn, không ganh tị,
Như hột cải đầu kim,
Ta gọi Bà-la-môn.

408. Nói lên lời ôn hòa,
Lợi ích và chân thật,
Không mất lòng một ai,
Ta gọi Bà-la-môn.

409. Ở đời, vật dài, ngắn,
Nhỏ, lớn, đẹp hay xấu,
Phàm không cho không lấy,
Ta gọi Bà-la-môn.

410. Người không có hy cầu,
Đời này và đời sau,
Không hy cầu, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

411. Người không còn tham ái,
Có trí, không nghi hoặc,
Thể nhập vào bất tử,
Ta gọi Bà-la-môn.

412. Người sống ở đời này,
Không nhiễm cả thiện ác,
Không sâu, sạch, không bụi,

Ta gọi Bà-la-môn.

413. Như trắng, sạch không uế,
Sáng trong và tĩnh lặng,
Hữu ái, được đoạn tận,
Ta gọi Bà là môn.

414. Vượt đường nguy hiểm này,
Nhiếp phục luân hồi, si,
Đến bờ kia thiên định,
Không dục ái, không nghi,
Không chấp trước, tịch tịnh,
Ta gọi Bà-la-môn.

415. Ai ở đời, đoạn **dục**,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Dục hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

416. Ai ở đời đoạn **ái**,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Ái hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

417. Bỏ trói buộc loài người,
Vượt trói buộc cõi trời,
Giải thoát mọi buộc ràng,

Ta gọi Bà-la-môn.

418. Bỏ điều ưa, điều ghét,
Mát lạnh, diệt sanh y,
Bậc anh hùng chiến thắng,
Nhiếp phục mọi thế giới,
Ta gọi Bà-la-môn.

419. Ai hiểu rõ hoàn toàn
Sanh tử các chúng sanh,
Không nhiễm, khéo vượt qua,
Sáng suốt chân giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

420. Với ai, loài trời, người,
Cùng với Càn thất bà,
Không biết chỗ tho sanh,
Lậu tận bậc La hán,
Ta gọi Bà-la-môn.

421. Ai quá, hiện, vị lai,
Không một sở hữu gì,
Không sở hữu không nắm,
Ta gọi Bà-la-môn.

422. Bậc trâu chúa, thù thắng,
Bậc anh hùng, đại sĩ,

Bậc chiến thắng, không nhiễm,
Bậc tẩy sạch, giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

423. Ai biết được đời trước,
Thấy thiên giới, đọa xứ,
Đạt được sanh diệt tận,
Thắng trí, tự viên thành,
Bậc mâu ni đạo sĩ,
Viên mãn mọi thành tựu,
Ta gọi Bà-la-môn.

243 Bậc trí bảo vệ thân, Bảo vệ luôn lời nói - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 75

Phẩm Phần Nộ – *Tiểu I*, 75

221. Bỏ phần nộ, ly mạn,
Vượt qua mọi kiết sử,
Không chấp trước **danh sắc**.
Khô không theo vô sản.

222. Ai chặn được phần nộ,
Như dừng xe đang lăn,
Ta gọi người đánh xe,
Kẻ khác, cầm cương hờ.

223. Lấy **không giận** thắng giận,
Lấy **thiện** thắng không thiện,
Lấy **thí** thắng xan tham,
Lấy **chơn** thắng hư nguy.

224. Nói thật, không phần nộ,
Của ít, thí người xin,
Nhờ ba việc lành này,
Người đến gần thiên giới.

225. Bậc hiền không hại ai,

Thân thường được chế ngự,
Đạt được **cảnh bất tử**,
Đến đây, không ưu sầu.

226. Những người thường giác tỉnh,
Ngày đêm siêng tu học,
Chuyên tâm hướng Niết Bàn,
Mọi lậu hoặc được tiêu.

227. A-tu-la, nên biết,
Xưa vậy, nay cũng vậy,
Ngồi im, bị người chê,
Nói nhiều, bị người chê.
Nói vừa phải, bị chê.
Làm người không bị chê,
Thật khó tìm ở đời.

228. **Xưa, vị lai, và nay,**
Đâu có sự kiện này,
Người hoàn toàn bị chê,
Người trọn vẹn được khen.

229. Sáng sáng, thẩm xét kỹ.
Bậc có trí tán thán,
Bậc trí không tỳ vết,
Đầy đủ **giới định tuệ**.

230. Hạnh sáng như vàng ròng,
Ai dám chê vị ấy?
Chư thiên phải khen thưởng,
Phạm Thiên cũng tán dương.

231. Giữ **thân** đừng phần nộ,
Phòng thân khéo bảo vệ,
Từ bỏ thân làm ác,
Với thân làm hạnh lành.

232. Giữ **lời** đừng phần nộ,
Phòng lời, khéo bảo vệ,
Từ bỏ lời thô ác,
Với lời, nói điều lành.

233. Giữ **ý** đừng phần nộ,
Phòng ý, khéo bảo vệ,
Từ bỏ ý nghĩ ác,
Với ý, nghĩ hạnh lành.

234. **Bậc trí bảo vệ thân,**
Bảo vệ luôn lời nói
Bảo vệ cả tâm tư,
Ba nghiệp khéo bảo vệ.

244 Bạc trí không bị nhớp, Bối những gì thấy nghe - Kinh Hang Động tám kệ - Tiểu I, 696

Kinh Hang Động tám kệ – *Tiểu I*, 696

772. Chúng sanh vào trong hang,
Chấp chặt bị bao trùm,
Người có thái độ vậy,
Chìm sâu trong si mê.
Hạnh viễn ly với nó,
Như vậy thật xa rời,
*Các dục ở trong đời,
Không dễ gì đoạn tận.*

773. **Dục cầu** làm nhân duyên,
Bị lạc hữu trôi buộc,
Họ rất khó giải thoát,
Không thể có người khác,
Đến giải thoát cho mình,
Họ cầu việc đã qua,
Họ mong việc chưa lại;
Họ tham đắm các dục,
Những dục này hiện tại,
Và những dục quá khứ.

774. Ai tham đắm các dục,
Bị trói buộc si mê,
Họ xan tham keo kiệt,
An trú trên bất chánh,
Khi rơi vào đau khổ,
Họ sầu muộn than khóc,
Ở đây sau khi chết,
Tương lai sẽ thế nào?

775. Do vậy ở tại đây,
Con người cần học tập,
Những gì mình biết được,
Là bất chánh ở đời.
Do nhân duyên như vậy,
Mà sống không bất chánh,
Vì rằng bậc Thánh nói:
Ngắn thay, sanh mạng này.

776. Ta thấy ở trên đời,
Loài Người run, sợ hãi,
Đi đến khát ái này,
Trong những loại sanh hữu.
Phàm những người thấp kém,
Than van trước miệng chết,
Chưa viễn ly khát ái,
Đối với hữu, phi hữu.

777. Hãy nhìn những người ấy,
Run sợ trong tự ngã,
Như cá chỗ ít nước,
Trong dòng sông khô cạn,
Thấy được sự kiện này,
Hãy sống không của ta,
Không làm sự việc gì,
Khiến tham đắm các hữu.

778. Hãy nhiếp phục ước muốn,
Đối với hai cực đoan,
Nhờ liễu tri các **xúc**,
Không còn có tham đắm,
Cái gì tự ngã trách,
Cái ấy không có làm,
Bạc trí không bị nhóp,
Bởi những gì thấy nghe.

779. Do liễu tri các **tưởng**,
Vượt qua khỏi bộc lưu,
Bạc Mâu-ni không nhiễm,
Đối với mọi chấp thủ,
Với mũi tên rút ra,
Sở hành không phóng dật,
Không cầu mong đời này,
Không mong ước đời sau.

245 Bậc trí theo tuần tự. Từng sát na trừ dần - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 78

Phẩm Cầu Uế – *Tiểu I*, 78

235. Người nay giống lá héo,
Diêm sứ đang chờ Người,
Người đứng trước cửa chết,
Đường trường thiếu tư lương.

236. **Hãy tự làm hòn đảo,**
Tinh cần gấp, sáng suốt.
Trừ cầu ế, thanh tịnh,
Đến Thánh địa chư Thiên.

237. Đòi người nay sắp tàn,
Tiền gần đến Diêm Vương.
Giữa đường không nơi nghỉ,
Đường trường thiếu tư lương.

238. Hãy tự làm hòn đảo,
Tinh cần gấp, sáng suốt,
Trừ cầu ế, thanh tịnh,
Chẳng trở lại sanh già.

239. **Bậc trí theo tuần tự.**

Tùng sát na trừ dần.

Như thợ vàng lọc bụi

Trừ cầu uế nơi mình.

240. Như sét từ sắt sanh,
Sắt sanh lại ăn sắt,
Cũng vậy, quá lợi dưỡng
Tự nghiệp dẫn côi ác.

241. Không tụng làm nhóp kinh,
Không đứng dậy, bần nhà,
Biếng nhác làm nhơ sắc,
Phóng dật uế người canh.

242. Tà hạnh nhơ đàn bà,
Xan tham nhóp kẻ thí,
Ác pháp là vết nhơ,
Đời này và đời sau.

243. Trong hàng cầu uế ấy,
Vô minh, nhơ tối thượng,
Đoạn nhơ ấy, Tỷ kheo,
Thành bậc không uế nhiễm.

244. Đễ thay, sống không hổ,
Sống lỗ mãng như quạ,
Sống công kích huênh hoang,

Sống liêu lĩnh, nhiễm ô.

245. Khó thay, sống xấu hổ,
Thường thường cầu thanh tịnh,
Sống vô tư, khiêm tốn,
Trong sạch và sáng suốt.

246. Ai ở đời sát sinh,
Nói láo không chân thật,
Ở đời lấy không cho,
Qua lại với vợ người.

247. Uống rượu men, rượu nẫu,
Người sống đam mê vậy,
Chính ngay tại đời này,
Tự đào bới gốc mình.

248. Vậy người, hãy nên biết,
Không chế ngự là ác,
Chớ để tham phi pháp,
Làm người đau khổ dài.

249. Do tín tâm, hỷ tâm
Loài người mới bố thí.
Ở đây ai bất mãn
Người khác được ăn uống,
Người ấy ngày hoặc đêm,

Không đạt được tâm định.

250. Ai cắt được, phá được,
Tận gốc nhỏ tâm ấy.
Người ấy ngày hoặc đêm,
Đạt được tâm thiền định.

251. **Lửa** nào bằng lửa **tham**,
Chấp nào bằng **sân hận**,
Lưới nào bằng lưới **si**,
Sông nào bằng sông **ái**.

252. Dễ thay thấy **lỗi người**,
Lỗi mình thấy mới khó,
Lỗi người ta phanh tùm,
Như sàng trấu trong gạo,
Còn lỗi mình, che đây,
Như kẻ gian dấu bài.

253. **Ai** thấy **lỗi của người**,
Thường sanh lòng chỉ trích,
Người ấy **lậu** hoặc **tăng**,
Rất xa **lậu** hoặc **diệt**.

254. Hư không, không dấu chân,
Ngoài đây, không Sa môn,
Chúng sanh **thích** **hý luận**,

Như lai, hý luận trừ.

255. Hư không, không dấu chân,
Ngoài đây, không Sa môn.
Các hành không thường trú,
Chư Phật không giao động.

246 Bạc trí xây hòn đảo, Nước lụt khó ngập tràn - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 36

Phẩm Không Phóng Dật – *Tiểu I*, 36

21. "**Không phóng dật**, đường sống,
Phóng dật là đường chết.
Không phóng dật, không chết,
Phóng dật như chết rồi."

22. "Biết rõ sai biệt ấy,
Người trí không phóng dật,
Hoan hỷ, không phóng dật,
An vui **hạnh bậc Thánh**."

23. "Người hăng tu thiền định,
Thường kiên trì tinh tấn,
Bạc trí hưởng Niết Bàn,
Ách an tịnh vô thượng."

24. "Nỗ lực, giữ chánh niệm,
Tịnh hạnh, hành thận trọng
Tự điều, sống theo pháp,
Ai sống không phóng dật,
Tiếng lành ngày tăng trưởng."

25. "Nỗ lực, không phóng dật,
Tự điều, khéo chế ngự.
Bậc trí xây hòn đảo,
Nước lụt khó ngập tràn."

26. "Họ ngu si thiếu trí,
Chuyên sống đời phóng dật.
Người trí, không phóng dật,
Như giữ tài sản quý."

27. "Chớ sống đời phóng dật,
Chớ mê say dục lạc.
Không phóng dật, thiên định,
Đạt được an lạc lớn."

28. "Người trí đẹp phóng dật,
Vội hạnh không phóng dật,
Leo lên cao trí tuệ,
Không sầu, nhìn khổ sầu,
Bậc trí đứng núi cao,
Nhìn kẻ ngu, đất bằng."

29. "**Tinh cần** giữa phóng dật,
Tỉnh thức giữa quần mê.
Người trí như ngựa phi,
Bỏ sau con ngựa hèn."

30. "Đế Thích không phóng dật,
Đạt ngôi vị Thiên chủ.
Không phóng dật, được khen;
Phóng dật, thường bị trách."

31. "Vui thích không phóng dật,
Tỷ kheo sợ phóng dật,
Bước tới như lửa hừng,
Thieu kiết sử lớn nhỏ."

32. "Vui thích không phóng dật,
Tỷ kheo sợ phóng dật,
Không thể bị thôi đoạ,
Nhất định gần Niết Bàn."

247 Bạc vô dục - Kinh Câu hỏi của thanh niên 11 Jatukanni - Tiểu I, 802

Câu hỏi của thanh niên 11 Jatukanni – *Tiểu I, 802*

Jatukanni:

1096. *Ja-tu-kan-ni* nói:

*Được nghe bậc anh hùng,
Không tham đắm dục vọng,
Nên con đã đến đây,
Để hỏi **bạc vô dục**,
Đã thoát khỏi bộc lưu,
Bạc sanh với con mắt,
Hãy nói đường an tịnh,
Thế Tôn hãy như thật,
Nói cho con được biết.*

1097. *Chinh phục dục vọng xong,
Thế Tôn sống ở đời,
Như mặt trời chiếu sáng,
Cõi đất với hào quang,
Bạc trí tuệ rộng lớn,
Hãy nói pháp cho con,
Kẻ trí tuệ bé nhỏ,
Do rõ biết pháp này,
Ở đây, con đoạn được,*

Kể cả sanh và già.

Thế Tôn:

1098. Thế Tôn nói như sau:

Hỡi Ja-tu-kan-ni,

Hãy nhiếp phục lòng tham,

Đối với các dục vọng,

Hãy nhìn hạnh xuất ly,

Đưa đến sự an ổn,

Chớ chấp chước, từ bỏ,

Sự vật gì ở đời.

1099. **Những gì có trước Ông,**

Hãy làm nó khô cạn,

Đừng có sự vật gì,

Ở phía đằng sau Ông,

Ở giữa, Ông không chấp,

Ông sẽ sống an tịnh.

1100. Hỡi này Bà-la-môn!,

Đối với danh và sắc,

Hoàn toàn không tham đắm,

Không có các lậu hoặc,

Chính do lậu hoặc này,

Bị thân chết chi phối.

248 Bạc vô vi - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106

Phẩm BàLaMôn – *Tiểu I*, 106

383. Hỡi này Bà là môn,
Hãy tinh tấn đoạn dòng,
Từ bỏ các dục lạc,
Biết được hành đoạn diệt,
Người là **bạc vô vi**.

384. Nhờ thường trú hai pháp,
Đến được bờ bên kia,
Bà-la-môn có trí,
Mọi kiết sử đứt sạch.

385. Không bờ này, bờ kia,
Cả hai bờ không có,
Lìa khổ, không trói buộc,
Ta gọi Bà-la-môn.

386. Tu thiền, trú ly trần,
Phận sự xong, vô lậu,
Đạt được đích tối thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

387. *Mặt trời sáng ban ngày,*

Mặt trăng sáng ban đêm,
Khí giới sáng Sát ly,
Thiên định sáng Phạm chí,
Còn hào quang đức Phật,
Chói sáng cả ngày đêm.

388. Dứt ác gọi Phạm chí,
Tinh hạnh gọi Sa môn,
Tự mình xuất cầu uế,
Nên gọi **bạc xuất gia.**

389. Chớ có đập Phạm chí,
Phạm chí chớ đập lại,
Xấu thay đập Phạm chí,
Đập trả lại xấu hơn.

390. Đối vị Bà-la-môn,
Đây không lợi ích nhỏ,
Khi ý không ái luyến,
Tâm hại được chận đứng,
Chỉ khi ấy khổ diệt.

391. Với người thân miệng ý,
Không làm các ác hạnh,
Ba nghiệp được phòng hộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

392. Từ ai, biết Chánh pháp,
Bậc Chánh Giác thuyết giảng,
Hãy kính lễ vị ấy,
Như Phạm chí chờ lửa.

393. Được gọi Bà-la-môn,
Không vì đầu bện tóc,
Không chủng tộc, thọ sanh,
Ai thật chân, chánh, tịnh,
Mới gọi Bà-la-môn.

394. Kẻ ngu, có ích gì,
Bện tóc với da dê,
Nội tâm toàn phiền não,
Ngoài mặt đánh bóng suông.

395. Người mặc áo đồng rác,
Gầy ốm, lộ mạch gân,
Độc thân thiền trong rừng,
Ta gọi Bà-la-môn.

396. Ta không gọi Phạm Chí,
Vì chỗ sanh, mẹ sanh,
Chỉ được gọi tên suông,
Nếu tâm còn phiền não,
Không phiền não, chấp trước,
Ta gọi Bà-la-môn.

397. Đoạn hết các kiết sử,
Không còn gì lo sợ,
Không đăm trước buộc ràng,
Ta gọi Bà-la-môn.

398. Bỏ đai da, bỏ cương,
Bỏ dây, đồ sở thuộc,
Bỏ then chốt, sáng suốt,
Ta gọi Bà-la-môn.

399. Không ác ý, nhẫn chịu,
Phỉ báng, đánh, phạt hình,
Lấy **nhẫn** làm quân lực,
Ta gọi Bà-la-môn.

400. Không hận, hết bồn phận,
Trì giới, không tham ái,
Nhiếp phục, thân cuối cùng,
Ta gọi Bà-la-môn.

401. Như nước trên lá sen,
Như hột cải đầu kim,
Người không nhiễm ái dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

402. Ai tự trên đời này,

Giác khổ, diệt trừ khổ,
Bỏ gánh nặng, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

403. Người trí tuệ sâu xa,
Khéo biết đạo, phi đạo,
Chứng đạt đích vô thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

404. Không liên hệ cả hai,
Xuất gia và thế tục,
Sống độc thân, ít dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

405. Bỏ trượng, đối chúng sanh,
Yếu kém hay kiên cường,
Không giết, không bảo giết,
Ta gọi Bà-la-môn.

406. Thân thiện giữa thù địch,
Ôn hòa giữa hung hăng,
Không nhiễm, giữa nhiễm trước,
Ta gọi Bà-la-môn.

407. Người bỏ rơi tham sân,
Không mạn, không ganh tị,
Như hột cải đầu kim,

Ta gọi Bà-la-môn.

408. Nói lên lời ôn hòa,
Lợi ích và chân thật,
Không mất lòng một ai,
Ta gọi Bà-la-môn.

409. Ở đời, vật dài, ngắn,
Nhỏ, lớn, đẹp hay xấu,
Phàm không cho không lấy,
Ta gọi Bà-la-môn.

410. Người không có hy cầu,
Đời này và đời sau,
Không hy cầu, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

411. Người không còn tham ái,
Có trí, không nghi hoặc,
Thể nhập vào bất tử,
Ta gọi Bà-la-môn.

412. Người sống ở đời này,
Không nhiễm cả thiện ác,
Không sâu, sạch, không bụi,
Ta gọi Bà-la-môn.

413. Như trắng, sạch không uế,
Sáng trong và tĩnh lặng,
Hữu ái, được đoạn tận,
Ta gọi Bà là môn.

414. Vượt đường nguy hiểm này,
Nhiếp phục luân hồi, si,
Đến bờ kia thiền định,
Không dục ái, không nghi,
Không chấp trước, tịch tịnh,
Ta gọi Bà-la-môn.

415. Ai ở đời, đoạn **dục**,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Dục hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

416. Ai ở đời đoạn **ái**,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Ái hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

417. Bỏ trói buộc loài người,
Vượt trói buộc cõi trời,
Giải thoát mọi buộc ràng,
Ta gọi Bà-la-môn.

418. Bỏ điều ưa, điều ghét,
Mát lạnh, diệt sanh y,
Bậc anh hùng chiến thắng,
Nhiếp phục mọi thế giới,
Ta gọi Bà-la-môn.

419. Ai hiểu rõ hoàn toàn
Sanh tử các chúng sanh,
Không nhiễm, khéo vượt qua,
Sáng suốt chân giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

420. Với ai, loài trời, người,
Cùng với Càn thất bà,
Không biết chỗ thọ sanh,
Lậu tận bậc La hán,
Ta gọi Bà-la-môn.

421. Ai quá, hiện, vị lai,
Không một sở hữu gì,
Không sở hữu không nắm,
Ta gọi Bà-la-môn.

422. Bậc trâu chúa, thù thắng,
Bậc anh hùng, đại sĩ,
Bậc chiến thắng, không nhiễm,
Bậc tẩy sạch, giác ngộ,

Ta gọi Bà-la-môn.

423. Ai biết được đời trước,
Thấy thiên giới, đọa xứ,
Đạt được sanh diệt tận,
Thắng trí, tự viên thành,
Bậc mâu ni đạo sĩ,
Viên mãn mọi thành tựu,
Ta gọi Bà-la-môn.

249 Bậc vĩ đại không sanh hữu - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 453

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 453 (Cat. 13) (It. 121)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo,

- **Thế giới được Như Lai Chánh đẳng giác.** Như Lai **không hệ lụy** đối với đời.
- **Thế giới tập khởi** được Như Lai Chánh đẳng giác, thế giới tập khởi được Như Lai **đoạn tận**.
- **Thế giới đoạn diệt** được Như Lai chánh đẳng giác, thế giới đoạn diệt được Như Lai **giác ngộ**.
- **Con đường đưa đến thế giới đoạn diệt** được Như Lai chánh đẳng giác, con đường đưa đến thế giới đoạn diệt Như Lai đã **tu tập**.
- Này các Tỷ-kheo, trong toàn thế giới với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, cái gì được thấy, được nghe, được thọ tưởng, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu,

được ý tư sát, tất cả đều được Như Lai chánh đẳng giác. Do vậy được gọi là **Như Lai**.

- Nay các Tỷ-kheo, từ đêm Như Lai chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác đến đêm Ngài nhập Niết-bàn không có dư y trong thời gian ấy, điều gì Ngài nói, tuyên bố, nêu rõ lên tất cả là như vậy, không có khác được. Do vậy Ngài được gọi là Như Lai.
- Nay các Tỷ-kheo, Như Lai nói gì làm vậy, làm gì nói vậy. Vì rằng nói gì làm vậy, làm gì nói vậy, nên Ngài được gọi Như Lai.
- Nay các Tỷ-kheo, trong toàn thể thế giới, Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Như Lai là bậc chiến thắng, không bị ai chiến bại, toàn tri, toàn kiến, đại tự tại, **do vậy Ngài được gọi là Như Lai.**

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây điều này được nói đến:

*Thắng tri mọi thế giới,
Mọi thế giới như thật,
Ly hệ mọi thế giới,
Không giống mọi thế giới.*

*Thắng tất cả bậc trí,
Giải thoát mọi buộc ràng.
Cảm thọ tối thắng tịnh,*

Niết-bàn, không sợ hãi,
Vị này đoạn lậu hoặc,
Bậc giác ngộ trí giả,
Không dao động, nhiều loạn,
Nghỉ ngơi được chặt đứt,
Đạt diệt tận mọi nghiệp,
Giải thoát diệt sanh y,
Là Thế Tôn, là Phật,
Bậc Sư tử vô thượng,
Trong thế giới thiên giới,
Chuyển bánh xe Phạm luân.

Như vậy loài Trời, Người,
Đến quy y đức Phật,
Gặp nhau, đánh lễ Ngài,
Vĩ đại không sanh hữu,
Điều phục, bậc Tối thượng,
Trong người được điều phục,
An tịnh, bậc ẩn sĩ,
Những người được an tịnh.
Giải thoát bậc tối thượng,
Những người được giải thoát,
Vượt qua bậc tối thắng,
Những người được vượt qua.
Như vậy họ lễ Ngài
Vĩ đại, không sanh hữu,
Thiên giới, thế giới này,
Không ai được bằng Ngài.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

250 Bậc xuất gia - Tự mình xuất cầu uế, Nên gọi bậc xuất gia - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106

Phẩm BàLaMôn – *Tiểu I*, 106

383. Hỡi này Bà là môn,
Hãy tinh tấn đoạn dòng,
Từ bỏ các dục lạc,
Biết được hành đoạn diệt,
Người là **bậc vô vi**.

384. Nhờ thường trú hai pháp,
Đến được bờ bên kia,
Bà-la-môn có trí,
Mọi kiết sử đứt sạch.

385. Không bờ này, bờ kia,
Cả hai bờ không có,
Lìa khổ, không trói buộc,
Ta gọi Bà-la-môn.

386. Tu thiền, trú ly trần,
Phận sự xong, vô lậu,
Đạt được đích tối thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

387. *Mặt trời sáng ban ngày,
Mặt trăng sáng ban đêm,
Khí giới sáng Sát ly,
Thiền định sáng Phạm chí,
Còn hào quang đức Phật,
Chói sáng cả ngày đêm.*

388. Dứt ác gọi Phạm chí,
Tinh hạnh gọi Sa môn,
Tự mình xuất cầu uế,
Nên gọi **bạc xuất gia.**

389. Chớ có đập Phạm chí,
Phạm chí chớ đập lại,
Xấu thay đập Phạm chí,
Đập trả lại xấu hơn.

390. Đối vị Bà-la-môn,
Đây không lợi ích nhỏ,
Khi ý không ái luyến,
Tâm hại được chận đứng,
Chỉ khi ấy khổ diệt.

391. Với người thân miệng ý,
Không làm các ác hạnh,
Ba nghiệp được phòng hộ,

Ta gọi Bà-la-môn.

392. Từ ai, biết Chánh pháp,
Bậc Chánh Giác thuyết giảng,
Hãy kính lễ vị ấy,
Như Phạm chí chờ lửa.

393. Được gọi Bà-la-môn,
Không vì đầu bện tóc,
Không chủng tộc, thọ sanh,
Ai thật chân, chánh, tịnh,
Mới gọi Bà-la-môn.

394. Kẻ ngu, có ích gì,
Bện tóc với da dê,
Nội tâm toàn phiền não,
Ngoài mặt đánh bóng sông.

395. Người mặc áo đông rác,
Gầy ốm, lộ mạch gân,
Độc thân thiền trong rừng,
Ta gọi Bà-la-môn.

396. Ta không gọi Phạm Chí,
Vì chỗ sanh, mẹ sanh,
Chỉ được gọi tên sông,
Nếu tâm còn phiền não,

Không phiền não, chấp trước,
Ta gọi Bà-la-môn.

397. Đoạn hết các kiết sử,
Không còn gì lo sợ,
Không đắm trước buộc ràng,
Ta gọi Bà-la-môn.

398. Bỏ đai da, bỏ cương,
Bỏ dây, đồ sở thuộc,
Bỏ then chốt, sáng suốt,
Ta gọi Bà-la-môn.

399. Không ác ý, nhẫn chịu,
Phỉ báng, đánh, phạt hình,
Lấy **nhẫn** làm quân lực,
Ta gọi Bà-la-môn.

400. Không hận, hết bốn phận,
Trì giới, không tham ái,
Nhiếp phục, thân cuối cùng,
Ta gọi Bà-la-môn.

401. Như nước trên lá sen,
Như hột cải đầu kim,
Người không nhiễm ái dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

402. Ai tự trên đời này,
Giác khổ, diệt trừ khổ,
Bỏ gánh nặng, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

403. Người trí tuệ sâu xa,
Khéo biết đạo, phi đạo,
Chúng đạt đích vô thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

404. Không liên hệ cả hai,
Xuất gia và thế tục,
Sống độc thân, ít dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

405. Bỏ trượng, đổi chúng sanh,
Yếu kém hay kiên cường,
Không giết, không bảo giết,
Ta gọi Bà-la-môn.

406. Thân thiện giữa thù địch,
Ôn hòa giữa hung hăng,
Không nhiễm, giữa nhiễm trước,
Ta gọi Bà-la-môn.

407. Người bỏ rơi tham sân,

Không mạn, không ganh tị,
Như hột cải đầu kim,
Ta gọi Bà-la-môn.

408. Nói lên lời ôn hòa,
Lợi ích và chân thật,
Không mất lòng một ai,
Ta gọi Bà-la-môn.

409. Ở đời, vật dài, ngắn,
Nhỏ, lớn, đẹp hay xấu,
Phàm không cho không lấy,
Ta gọi Bà-la-môn.

410. Người không có hy cầu,
Đời này và đời sau,
Không hy cầu, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

411. Người không còn tham ái,
Có trí, không nghi hoặc,
Thể nhập vào bất tử,
Ta gọi Bà-la-môn.

412. Người sống ở đời này,
Không nhiễm cả thiện ác,
Không sâu, sạch, không bụi,

Ta gọi Bà-la-môn.

413. Như trắng, sạch không uế,
Sáng trong và tĩnh lặng,
Hữu ái, được đoạn tận,
Ta gọi Bà là môn.

414. Vượt đường nguy hiểm này,
Nhiếp phục luân hồi, si,
Đến bờ kia thiên định,
Không dục ái, không nghi,
Không chấp trước, tịch tịnh,
Ta gọi Bà-la-môn.

415. Ai ở đời, đoạn **dục**,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Dục hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

416. Ai ở đời đoạn **ái**,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Ái hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

417. Bỏ trói buộc loài người,
Vượt trói buộc cõi trời,
Giải thoát mọi buộc ràng,

Ta gọi Bà-la-môn.

418. Bỏ điều ưa, điều ghét,
Mát lạnh, diệt sanh y,
Bậc anh hùng chiến thắng,
Nhiếp phục mọi thế giới,
Ta gọi Bà-la-môn.

419. Ai hiểu rõ hoàn toàn
Sanh tử các chúng sanh,
Không nhiễm, khéo vượt qua,
Sáng suốt chân giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

420. Với ai, loài trời, người,
Cùng với Càn thất bà,
Không biết chỗ tho sanh,
Lậu tận bậc La hán,
Ta gọi Bà-la-môn.

421. Ai quá, hiện, vị lai,
Không một sở hữu gì,
Không sở hữu không nắm,
Ta gọi Bà-la-môn.

422. Bậc trâu chúa, thù thắng,
Bậc anh hùng, đại sĩ,

Bậc chiến thắng, không nhiễm,
Bậc tẩy sạch, giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

423. Ai biết được đời trước,
Thấy thiên giới, đọa xứ,
Đạt được sanh diệt tận,
Thắng trí, tự viên thành,
Bậc mâu ni đạo sĩ,
Viên mãn mọi thành tựu,
Ta gọi Bà-la-môn.

251 **Bậc Đại Sĩ - Bữa ăn cuối cùng của Đức Phật - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 268**

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 268 (Ud 84)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn đang bộ hành đi giữa dân chúng Mallà, cùng với đại chúng Tỷ-kheo, và đã **đến Pàvā. Rồi Thế Tôn trú ở Pàvā, tại rừng xoài của thọ rên Cunda**. Thọ rên Cunda được nghe: "Thế Tôn đang bộ hành giữa dân chúng Mallà, đã đến Pàvā cùng với đại chúng Tỷ-kheo, và trú ở Pàvā, trong rừng xoài của ta". Thọ rên Cunda đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn thuyết pháp thoại cho thọ rên Cunda đang ngồi một bên, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Thọ rên Cunda sau khi được Thế Tôn thuyết pháp, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, liền bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời mời của con ngày mai đến dùng cơm với chúng Tỷ-kheo.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Thọ rên Cunda, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Thợ rèn Cunda, sau khi đêm đã mãn, liền cho sửa soạn tại nhà của mình các món ăn thượng vị, loại cứng, loại mềm và nhiều thứ mộc nhĩ và báo tin cho Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng.

Thế Tôn buổi sáng đắp y, mang theo y bát, cùng với chúng Tỷ-kheo đến nhà thợ rèn Cunda, khi đến liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với thợ rèn Cunda:

- Nay Cunda, loại mộc nhĩ đã soạn sẵn, hãy dọn cho Ta. Còn các món ăn khác đã soạn sẵn, loại cứng và loại mềm, hãy dọn cho chúng Tỷ-kheo.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Thợ rèn Cunda vâng lời Thế Tôn, dọn cho Thế Tôn các món mộc nhĩ đã soạn sẵn, và dọn cho chúng Tỷ-kheo các món ăn khác, loại cứng và loại mềm. Rồi Thế Tôn nói với thợ rèn Cunda:

- Nay Cunda, món ăn mộc nhĩ còn lại, hãy đem chôn. Này Cunda, Ta không thấy một ai, ở cõi trời, cõi Người, ở Ma giới, ở Phạm thiên giới, không một người nào trong chúng Sa-môn và chúng Bà-la-môn, giữa những Thiên nhân, ăn món mộc nhĩ này mà có thể tiêu hóa được, trừ Như Lai.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Thợ rèn Cunda vâng đáp Thế Tôn, đem chôn món ăn mộc nhĩ còn lại vào một lỗ, đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho thợ rèn Cunda đang ngồi xuống một bên, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ rồi từ chỗ đứng dậy và ra đi.

Sau khi dùng cơm của thợ rèn Cunda. Thế Tôn **bị nhiễm bệnh nặng, bệnh ly huyết, đau đốn gần như đến chết**, và Thế Tôn **chánh niệm tỉnh giác, nhẫn nại chịu đựng cơn bệnh**.

Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, chúng ta hãy đi đến Kusinàra. Xin vâng, bạch Thế Tôn, Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn:

*2. Dùng cơm Cunda xong,
Như vậy tôi được nghe,
Bạc trí cảm bệnh nặng,
Bạo bệnh, gần như chết,
Khi ăn loại mộc nhĩ
Đạo Sư bị bệnh nặng,
Khi bệnh được lắng dịu,
Thế Tôn nói như sau:
"Ta nay sẽ đi đến,
Đến Kusinàra".*

Rồi Thế Tôn bước xuống đường, đến một góc cây và nói với Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy xếp tư áo Sanghàti. Ta cảm thấy mệt mỏi và muốn ngồi nghỉ, này Ananda.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn và xếp áo Sanghàti lại. Thế Tôn ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, và nói với Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy đem nước cho Ta. Này Ananda. Ta nay đang khát và muốn uống nước.

Khi được nói vậy, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, vừa mới có khoảng năm trăm cỗ xe chạy qua. Do bánh xe khuấy lên nước trở thành nông cạn, khuấy động và vẩn đục. Bạch Thế Tôn, sông Kakutthà không xa ở đây, nước thuần tịnh, dễ chịu, mát mẻ, trong sáng, dễ đến và khả ái. Tại đó, Thế Tôn có thể uống nước và làm mát dịu chân tay.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy đem nước uống cho Ta. Này Ananda, Ta nay đang khát và muốn uống nước.

Lần thứ hai, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, vừa mới có khoảng năm trăm cỗ xe chạy qua. Do bánh xe khuấy lên, nước trở thành nông cạn, khuấy động và vẩn đục. Bạch Thế Tôn, sông

Kakutthà không xa ở đây, nước thuần tịnh, dễ chịu, mát mẻ, trong sáng, dễ đến và khả ái. Tại đó, Thế Tôn có thể uống nước và làm mát dịu chân tay.

Lần thứ ba, Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy đem nước uống cho Ta. Này Ananda, Ta nay đang khát và muốn uống nước.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn, lấy bát và đi đến con sông nhỏ. Con sông đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục, khi Tôn giả Ananda đến, liền chảy trong trẻo, sáng lạng và không vẩn đục.

Tôn giả Ananda tự nghĩ: "Thật kỳ diệu thay! Thật hi hữu thay! Thần lực và uy lực của Như Lai. Con sông nhỏ đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục này, khi ta đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lạng và không vẩn đục". Sau khi dùng bát lấy nước, Ananda đến chỗ Thế Tôn và bạch với Ngài:

- Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu! Bạch Thế Tôn, thật là hy hữu! Bạch Thế Tôn, con sông nhỏ đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục này, khi con đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lạng và không vẩn đục. Xin thỉnh Thế Tôn dùng nước, xin thỉnh Thiện Thệ dùng nước và Thế Tôn uống nước.

Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến con sông Kakutthà, xuống sông tắm và uống nước, rồi lợi

qua bờ bên kia, đi đến rừng xoài và tại đây, nói với Tôn giả Cundaka:

- Nay Cundaka, hãy xếp áo Sanghati làm bốn cho Ta, nay Cundaka, Ta nay mệt mỏi, muốn nằm nghỉ.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Cundaka vâng lời Thế Tôn và xếp áo Sanghati làm bốn. Rồi Thế Tôn nằm xuống phía hông bên mặt như dáng điệu con sư tử, hai chân để trên nhau, chánh niệm, tỉnh giác, tác ý đến tướng ngồi đây, Tôn giả Cundaka ngồi phía trước Thế Tôn.

3. Đức Phật tự đi đến,
Con sông Kakutthà,
Con sông chảy trong sáng,
Mát lạnh và thanh tịnh,
Vị Đạo Sư mỗi mệt,
Đi dần xuống mé sông,
Như Lai đáng vô thượng
Ngự trị ở trên đời.
Tắm xong uống nước xong,
Lội qua bên kia sông,
Bậc Đạo sư đi trước,
Giữa Tăng chúng Tỷ-kheo,
Vừa đi vừa diễn giảng,
Chánh pháp thật vi diệu,
Rồi **bậc Đại Sĩ** đến,
Tại khu vực rừng xoài,

Cho gọi vị Tỷ-kheo,
Tên họ Cundaka;
"Hãy gấp tư áo lại,
Trải áo cho Ta nằm"
Nghe dạy, Cundaka,
Lập tức vâng lời dạy,
Gấp tư và trải áo,
Một cách thật mau lẹ,
Bạc Đạo Sư nằm xuống,
Thân mình thật mệt mỏi.
Tại đây Cundaka,
Ngồi ngay ngắn trước mặt.

Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, **rất có thể có người làm cho thợ rèn Cunda hối hận**: "Này Hiền giả Cunda, thật không lợi ích gì cho Ông, thật là tai hại cho Ông, vì Như Lai dùng bữa ăn cuối cùng từ Ông cúng dường, và nhập diệt". Nay Ananda, **cần phải làm tiêu tan sự hối hận ấy của thợ rèn** Cunda: "Này Hiền giả, thật lợi ích cho bạn, thật là công đức cho bạn, vì được Như Lai dùng bữa ăn cuối cùng từ bạn cúng dường, và nhập diệt. Nay Hiền giả Cunda, tôi tự thân nghe, tôi tự thân lãnh thọ lời nói này của Thế Tôn: **"Có hai sự cúng dường ăn uống đồng một quả báo**, đồng một dị thực quả, quả báo lớn hơn, lợi ích hơn các sự cúng dường ăn uống khác. Thế nào là hai?"

- **Một** là, bữa ăn trước khi Như Lai chứng Vô thượng Chánh Đẳng Giác.
- **Hai** là, bữa ăn trước khi Như Lai diệt độ Niết-bàn giới, không còn di hưởng sanh tử".

Hai bữa ăn này đồng một quả báo, đồng một dị thực quả, quả báo lớn hơn, lợi ích hơn các sự cúng dường ăn uống khác.

- Nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng tuổi thọ;
- Nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng sắc đẹp;
- Nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng an lạc;
- Nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng danh tiếng;
- Nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng cõi Trời;
- Nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng uy quyền".

Này Ananda, cần phải làm cho thợ rèn tiêu tan hồi hận.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa này, liền thốt **lời cảm khái** như sau:

4. *Công đức người bố thí,
Luôn luôn được tăng trưởng,*

*Trừ được tâm hận thù,
Không chất chứa chế ngự,
Kẻ chí thiện từ bỏ,
Mọi ác hạnh bất thiện,
Diệt trừ tham, sân, si.
Tâm giải thoát thanh tịnh.*

252 **Bậc Đệ nhất tự chế ngự - Kinh Nanda** – **Tiểu III, 148**

Nanda – *Tiểu III, 148* (139)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu, **con vua Suddhodana (Tinh Phan) và bà Mahàpajàpati**, vì đem lại hoan hỷ cho bà con nên được gọi là *Nanda*.

Khi đến tuổi trưởng thành, bậc Đạo Sư chuyên bánh xe pháp đi đến Kapilavatthu, với lòng từ mẫn độ chúng sanh. Nhân có dịp trời mưa, Thế Tôn kể chuyện tiền thân Vessantara. Trong ngày thứ hai, với câu kệ: "Hãy đứng dậy!". Thế Tôn giúp cho **phụ thân chúng quả Dự lưu**.

Với câu kệ: "Hãy sống theo Phạm hạnh". Thế Tôn giúp **bà Mahàpajàpati cũng chứng quả Dự lưu**, rồi Thế Tôn giúp **phụ thân chúng thêm quả Nhất lai**.

Ngày thứ ba khi đi khất thực tại phòng đăng quang, lúc mọi người đang chúc mừng hoàng tử Nanda trong ngày lễ đám cưới, bậc Đạo Sư đưa bình bát, đi theo bậc Đạo Sư đến tinh xá và **đức Phật độ cho Nanda xuất gia, dầu ngài không bằng lòng**.

Từ lúc ấy, biết được Nanda không ưa thích đời sống xuất gia, bậc Đạo Sư tiếp tục giáo hóa cho đến khi

Nanda, **nhờ thiền định, phát triển thiền quán** và đạt được quả A-la-hán.

Về sau, hưởng thọ lạc giải thoát, ngài nói: "**Ôi tuyệt diệu thay pháp môn Phật dạy. Nhờ vậy ta thoát khỏi sa lầy vào đăm tái sanh, đứng được trên bãi cát Niết-bàn**". Phần khởi với suy nghĩ này, ngài nói lên những bài kệ:

*157. Không như lý tác ý,
Ta chuyên trang sức ngoài,
Ta thô tháo dao động,
Say đắm trong tham **dục**.*

*158. Với phương tiện thiện xảo,
Ta, bà con mặt trời,
Được hướng về chánh lý,
Làm ta thoát sanh hữu.*

Thế Tôn, biết được quả chứng tự tu, tự luyện của ngài, tuyên bố ngài là bậc **tự chế ngự đệ nhất** trong các đệ tử của Thế Tôn.

253 Bạc đại sĩ - Kinh Hemavata - Tiểu I, 510

Kinh Hemavata – Tiểu I, 510 (Sn 27)

Sàtägira:

153. *Nay đứng vào ngày rằm,
Ngày trai giới, bố-tát,
Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Sàtägira,
Đêm đã được an trú,
Đêm đẹp như cỏi trời,
Hãy gặp Gotama,
Bạc Đạo Sư vô thượng.*

Hemavata:

154. *Có phải ý vị ấy,
Tâm nguyện thật khéo phát?
Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Hemavata,
Có phải đối sanh loại,
Có tâm tư như vậy?
Có phải các tư duy,
Được khéo léo điều phục
Đối với các pháp khả ái,
Và pháp không khả ái?*

Sàtàngira:

155. Ý *vị ấy là vậy,*
Tâm nguyện thật khéo phát,
Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Sàtàngira,
Đối với mọi sanh loại,
Có tâm tư như vậy,
Như vậy là **tư duy,**
Được khéo léo điều phục.

Hemavata:

156. Có phải là vị ấy,
Không lấy vật không cho?
Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Hemavata,
Có phải với hữu tình,
Vị ấy khéo chế ngự?
Có phải với phóng dật,
Vị ấy khéo viễn ly?
Có phải đối thiên đình,
Vị ấy không từ bỏ?

Sàtàngira:

157. *Vị ấy không có lấy,*
Những vật không được cho,
Nói vậy là dạ-xoa,

Tên Sàtàgira,
Vị ấy với hữu tình,
Rất **khéo léo chế ngự**,
Vị ấy với phóng dật,
Thật sự **sống viễn ly**,
Đức Phật đối thiền định,
Không từ bỏ, sao lãng.

Hemavata:

158. Có phải là vị ấy,
Không nói lời nói láo?
Nói vậy là Dạ-xoa,
Tên Hemavata,
Có phải là vị ấy,
Đoạn tận các trách nhiệm?
Có phải là vị ấy,
Không nói lời vu khống?
Có phải là vị ấy,
Không nói lời phù phiếm?

Sàtàgira:

159. Và thật sự vị ấy,
Không nói lời nói láo,
Nói vậy là Dạ-xoa,
Tên Sàtàgira,
Đoạn tận đường ác ngữ,
Không nói lời vu khống,

*Vị ấy nói những lời,
Sáng suốt, có nghĩa lý.*

Hemavata:

160. Có phải đối các dục,

Vị ấy không tham ái?

Đây là lời Dạ-xoa,

Tên Hemavata,

Có phải tâm vị ấy,

Không có bị dao động?

Có phải tâm vị ấy,

Vượt khỏi sự si ám?

Có phải thật vị ấy,

Có mắt đối các pháp?

Sàtàgira:

161. Vị ấy không tham ái,

Đối với các dục vọng,

Đây là lời Dạ-xoa,

Tên Sàtàgira,

Tâm không có dao động,

Vượt khỏi mọi si ám,

Đức Phật thật có mắt,

Đối với tất cả pháp.

Hemavata:

162. Có phải là vị ấy,

Đầy đủ về các mình?

Đây là lời Dạ-xoa,

Tên Hemavata,

Có phải là vị ấy,

Sở hành thật thanh tịnh?

Có phải là vị ấy,

Các lậu hoặc đoạn tận?

Có phải là vị ấy,

Không còn có tái sanh?

Sàtägira:

163. *Sự thật là vị ấy,*

Đầy đủ với các mình,

Đây là lời Dạ-xoa,

Tên Sàtägira

Sở hành thật thanh tịnh,

Mọi lậu hoặc đoạn tận,

Thật sự đối vị ấy,

Không còn có tái sanh.

Hemavata:

163. (a) *Có phải vị ẩn sĩ,*

Với tâm được viên mãn,

Mọi việc làm vị ấy,

Được làm khéo hoàn mãn,

Có phải người tán thán,

Một cách đúng Chánh pháp,

*Vị đầy đủ trí đức,
Đầy đủ cả hạnh đức?*

Sàtàgira:

163. (b) *Thật sự vị ẩn sĩ,
Vói tâm được viên mãn,
Mọi việc làm vị ấy,
Được làm khéo hoàn mãn.
Thật sự Ông tùy hỉ,
Một cách đúng Chánh pháp,
Vị đầy đủ trí đức,
Đầy đủ cả hạnh đức.*

Cả hai:

164. *Thật sự vị ẩn sĩ,
Vói tâm được viên mãn,
Mọi việc làm vị ấy
Được làm khéo hoàn mãn.
Chúng ta hãy yết kiến,
Tôn giả Gotama,
Vị đầy đủ trí đức,
Đầy đủ cả hạnh đức.*

Hemavata:

165. *Bắp chân giống như nai,
Thon vững chắc, bền bỉ,
Giản dị ít nhu cầu,*

*Không tham đắm vật gì.
Hãy đi đến yết kiến
Ấn sĩ Gotama,
Vị hành trì thiền định,
Trong rừng núi xa vắng.*

*166. Sống cô độc một mình,
Như sư tử, như voi,
Ngài không có tham đắm,
Không cầu mong các dục.
Chúng ta hãy đi đến,
Và hỏi thăm vị ấy,
Về con đường giải thoát,
Khỏi cạm bẫy Ác ma.*

Cả hai:

*167. Vị tuyên bố giải thích,
Vị đạt đến mọi pháp,
Bậc giác ngộ vượt khỏi,
Hận thù và sợ hãi,
Chúng ta hãy đến học,
Sa-môn Gotama.*

Hemavata:

*168. Do pháp nào có mặt,
Thế giới được sanh khởi?
Nói vậy là dạy-xoa,*

Tên Hemavata.

Do pháp nào có mặt,

Tác thành sự giao hợp?

Sự chấp thủ ở đời,

Là chấp thủ cái gì?

Do pháp nào có mặt,

Thế giới bị tàn hại?

Thế Tôn:

169. Do **sáu pháp** có mặt,

Thế giới được sanh khởi,

Này Hemavata,

Thế Tôn nói như vậy.

Do **sáu pháp** có mặt,

Tác thành sự giao hợp,

Sự chấp thủ ở đời,

Là chấp thủ sáu pháp,

Do **sáu pháp** có mặt,

Thế giới bị tàn hại.

Hemavata:

170. Do chấp thủ cái gì,

Đây thế giới bị hại?

Được hỏi, hãy nói lên,

Về con đường thoát đời.

Làm thế nào đau khổ,

Được giải thoát hoàn toàn?

Thế Tôn:

171. Đây, ***năm dục trưởng dưỡng,***
Ý được gọi thứ sáu,
Bỏ ước muốn ở đây,
Như vậy, thoát đau khổ.

172. Đây, con đường thoát đời.
Như thật nói Ông rõ,
Đường này Ta nói Ông,
Như vậy, thoát đau khổ.

Hemavata:

173. Đây, ai vượt bực lưu?
Đây, ai vượt biển lớn?
Không chân đứng bám víu,
Ai không chìm vực sâu?

Thế Tôn:

174. Ai luôn luôn đủ ***giới,***
Có ***tuệ,*** khéo thiền ***định,***
Tâm hướng nội, chánh niệm,
Vượt bực lưu khó vượt.

175. *Ai từ bỏ dục tưởng,*
Vượt khỏi mọi kiết sử,
Ai, hỷ, hữu đoạn tận,

Không chìm vào vực sâu.

Hemavata:

176. Vị trí tuệ thâm sâu,
Thấy được đích tế nhị,
Vị không có sở hữu,
Không tham đắm dục hữu.
Hãy yết kiến vị ấy,
Vị luôn luôn giải thoát,
Bậc đại sĩ tiến bước,
Trên con đường Thiên đạo.

177. Bậc danh xưng vô thượng,
Bậc thấy đích tế nhị,
Bậc ban bố trí tuệ,
Không tham đắm dục tạng.
Hãy yết kiến vị ấy,
Vị Toàn trí, Thiện tuệ,
Bậc Đại sĩ tiến bước,
Trên con đường Thánh đạo.

178. Hôm nay thật chúng con,
Được thấy điềm tốt lành,
Được hào quang chói sáng,
Của bình minh tốt lành.
Vì chúng con được thấy,
Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác,

**Bậc đã vượt bậc lưu,
Bậc đã đoạn lậu hoặc.**

179. Ngàn vị dạ-xoa này,
Có thần lực danh xưng,
Tất cả xin đi đến,
Y tựa quy ngưỡng Ngài,
**Ngài là bậc Đạo Sư,
Vô thượng của chúng con.**

180. Chúng con sẽ bộ hành,
Làng này qua làng khác,
Thành này qua thành khác,
Đảnh lễ bậc Chánh giác,
Đảnh lễ **thiện pháp tánh,**
Của Chánh pháp vi diệu.

254 Bạc ần sĩ - Kinh Cháp trọng - Tiểu I, 751

Kinh Cháp trọng – Tiểu I, 751

Thế Tôn:

935. *Từ người cầm các trọng,
Sợ hãi được sanh ra,
Hãy xem các loài người,
Trong khi đấu tranh nhau,
Ta sẽ nói sợ hãi,
Như Ta đã được biết.*

936. *Thấy loài người vùng vẫy,
Như cá trong nước cạn,
Thấy họ chống đối nhau,
Ta rơi vào sợ hãi.*

937. *Đời toàn không lỗi cây,
Mọi phương đều dao động,
Muốn cho mình **ngôi nhà**,
Ta không thấy nhà ở.*

938. *Cuối cùng là xung đột,
Thấy vậy Ta chán ngắt,*

Đây Ta thấy mũi tên,
Khó thấy, gắn vào tim.

939. Ai bị mũi tên đâm,
Chạy khắp mọi phương hướng,
Ai rút mũi tên ra,
Không chạy, liền ngồi xuống.

940. Ở đây sự học tập,
Đã được nói rõ lên,
Phàm triền phược ở đời,
Chớ liên hệ với chúng,
Đâm thẳng đục hoàn toàn,
Tự học tập Niết-bàn.

941. Chân thật không xông xáo,
Không man trá, hai lưỡi,
Không phần nộ, ẩn sĩ,
Vượt tham ác, xan tham.

942. Người nghĩ đến Niết-bàn,
Bỏ ngủ, nhác, thuy miên,
Không sống với phóng dật,
Không an trú quá mạn.

943. Không rơi vào nói láo,
Không tham ái các sắc,

Cần liễu tri **quá mạn**,
Sống từ bỏ **bạo ác**.

944. Không hoan hỷ việc cũ,
Không nhân chịu sự mới,
Trong tổn giảm không sầu,
Không liên hệ tham ái.

945. **Ái**, Ta gọi bực lưu,
Mong cầu gọi bọt nước,
Sở duyên gọi biển kể,
Bùn dục khó vượt qua.

946. Ẩn sĩ không rời chân,
Phạm chí trú đất liền,
Vì từ bỏ tất cả,
Thật được gọi an tịnh.

947. Biết vậy, gọi người biết,
Biết rồi không y pháp,
Chơn chánh sống ở đời,
Không tham ái một ai.

948. **Ai ở đây vượt dục,**
Ái khó vượt ở đời,
Không sầu, không tham muốn,
Cắt dòng không trói buộc.

949. Trước Ông làm khô cạn,
Sau Ông không vạt gì,
Ở giữa không nắm giữ,
Ông sẽ sống an tĩnh.

950. Toàn diện đối **danh sắc**,
Không gì nghĩ "của ta",
Không có gì không sâu,
Không có già ở đời.

951. Không nghĩ "đây của tôi",
Không nghĩ "đây của người",
Người không có tư ngã,
Không sâu vì không ngã.

952. Không tàn bạo, không tham,
Không dục, thường đồng đẳng,
Được hỏi Ta nói lên,
Lợi ích **bạc bất động**.

953. Bạc ly dục rõ biết,
Vị ấy không sở hành,
Thoát ly, không tinh cần,
Thấy an ổn khắp nơi.

954. Bạc ẩn sĩ không nói,

Bằng nhau, thua, hơn nhau,
An tĩnh, ly xan tham,
Không nhận, không bác bỏ.
Thế Tôn giảng như vậy.

255 Bạc ần sĩ - Thế nào là bạc ần sĩ_ - Kinh Câu hỏi của thanh niên 9 Todeyya - Tiểu I, 800

Câu hỏi của thanh niên 9 Todeyya – *Tiểu I, 800*

Todeyya:

1088. Tôn giả Tô-đê-ya:

Ai sống không dục vọng,

Ai sống không có ái,

Ai vượt khỏi nghi hoặc,

Giải thoát của vị ấy,

Giải thoát như thế nào?

Thế Tôn:

1089. Đây lời nói Thế Tôn:

Hỡi nầy Tô-đê-ya,

Ai sống không dục vọng,

Ai sống không có ái,

Ai vượt khỏi nghi hoặc,

Giải thoát của vị ấy,

Không có gì là khác.

Todeyya:

1090. Vị sống không ước vọng,

Hay sống có ước vọng,

Vị ấy có trí tuệ,
Hay tác thành trí tuệ,
Ôi kính bậc Biến nhãn,
Hãy trả lời con rõ,
Để con có thể biết,
Thế nào là ẩn sĩ,
Ôi kính bậc Thích tử.

Thế Tôn:

1091. Vị sống không ước vọng,
Không có ước vọng nào,
Vị ấy có trí tuệ,
Không tác thành trí tuệ,
Nư vậy, Tô-đê-ya,
Hãy biết bậc ẩn sĩ,
Không có sở hữu gì,
Không tham dính dục hữu.

256 **Bắt chẻ sợi tóc - Kinh Khadira Vaniya** – **Tiểu III, 51**

Khadira Vaniya – Tiểu III, 51 (42)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở nước Magadha (Ma-kiệt-đà) tại làng Nàlaka, con của nữ Bà-la-môn Rùpasàri.

Khi ngài lớn lên, mẹ ngài muốn ngài lập gia đình, nhưng khi nghe Sàriputta xuất gia, ngài bắt chước Sàriputta, đến các Tỷ-kheo xin được thọ giới, tự xưng là em trai của Sàriputta.

Khi ngài chứng quả A-la-hán tại rừng cây xương rồng, ngài đi đến Sàvatthi (Xá-vệ) để đánh lễ Thế Tôn, và ở lại một vài ngày tại tịnh xá Jetavana (Kỳ Viên). Rồi Thế Tôn, ngồi giữa đại chúng Tỷ-kheo, xác nhận ngài là Tỷ-kheo **ở rừng đệ nhất**.

Một thời khác, ngài đi đến làng sanh quán, **đem ba người cháu trai là con trai của ba người chị Cầlà, Upacầlà, Sisùpacầlà, cũng tên là Cầlà, Upacầlà và Sisùpacầlà cho chúng xuất gia**.

Một hôm ngài bị ốm và Sàriputta đi đến thăm, Revata muốn dạy cho ba người cháu chớ có phóng dật, nên khi thấy Sàriputta từ xa đến, bèn nói lên bài kệ:

42. Hỡi này cháu Càlà,
Này Upacàlà,
Sisùpacàlà,
Hãy sống, trú chánh niệm,
Vị đang đến các con,
Như vị bắn chẻ tóc.

257 Bệnh - Dù bệnh nặng vẫn cố gắng tu tập - Kinh Sīvaka – Tiểu III, 24

Sīvaka – *Tiểu III, 24 (14)* (Một Sa-di phục vụ cho Vanavaccha)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con người chi của *Vanavaccha*.

Khi mẹ ngài được tin Vanavaccha xuất gia, thọ Đại giới, đã sống trong rừng. Mẹ ngài nói với ngài: "*Này Sīvaka, con hãy xuất gia dưới sự chỉ dẫn của Vanavaccha và phục vụ cho ngài, vì nay ngài đã già!*"

Ngài nghe theo lời mẹ xuất gia sống ở trong rừng phục vụ săn sóc Vanavaccha. Một hôm, khi đi đến gần làng, ngài bị đau nặng, khi thuốc không chữa được, ngài không về và Trưởng lão Vanavaccha đi tìm và thấy ngài bị đau.

Sau khi cho ngài uống thuốc và săn sóc ngài, khi bình minh mới bắt đầu, vị Trưởng lão nói với ngài: "*Này Sīvaka, từ khi ta xuất gia, ta không sống ở trong làng. Vậy chúng ta hãy đi vào rừng*".

Sīvaka trả lời: "*Dầu **thân** con ở trong làng, nhưng **tâm** con bao giờ cũng hướng về rừng núi. Vậy nay con tuy nằm ở đây, con sẵn sàng đi vào rừng*".

Vị Trưởng lão cầm tay ngài, dắt ngài đi vào rừng, khích lệ ngài. Ngài nhờ sự khích lệ này, tự mình sách tấn và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài nói lên bài kệ của mình hợp chung lời vị Trưởng lão và lời mình, nói lên sự ưa thích sống viễn ly và quả chứng của mình, sự vâng lời thầy của mình và chứng đắc chánh trí:

14. *Thầy ta nói với ta,
"Hãy đi, Sívaka!"
Thân ta sống ở làng,
Nhưng tâm hướng về rừng,
Dẫu còn nằm ta đi,
Người biết, không trối buộc.*

258 Bệnh - Dù bệnh nặng vẫn cố gắng tu tập - Kinh Uttiya – Tiểu III, 39

Uttiya – Tiểu III, 39 (30)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi con trai một Bà-la-môn, và **xuất gia để tìm đời sống bất tử**, trở thành một du sĩ ngoại đạo. Một ngày kia, trong khi bộ hành ngài gặp Thế Tôn đang thuyết pháp và ngài xin xuất gia.

Vì **giới** hạnh ngài không thanh tịnh, nên ngài không đạt được Thánh quả. Thấy các Tỷ-kheo khác nói lên chánh trí của mình, ngài xin Thế Tôn một bài học tóm tắt. Đức Phật trả lời ngài phải làm cho thanh tịnh nếp sống căn bản và đức Phật dạy ngài về nếp sống căn bản một cách tóm tắt, Uttiya học tập bài học này, **phát triển thiền quán**, nhưng rồi bị bệnh. Trong sự cố gắng tối hậu, ngài chứng được quả A-la-hán.

Vì ngài chứng được Thánh quả trước những trở ngại lớn như vậy, ngài nói lên chánh trí của ngài liên hệ đến con bệnh của ngài:

*30. Trong khi ta lâm bệnh,
Niệm khởi lên nơi ta,
Trong khi ta lâm bệnh,*

Không phải thời phóng dật.

259 Bệnh - Thân con được tràn ngập, Với hỷ lạc tỏa rộng - Kinh Nhàlaka Muni – Tiểu III, 275

Nhàlaka Muni – *Tiểu III, 275* (220)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong gia tộc Bà-la-môn, được giáo dục trong văn chương Vệ-đà, ngài được biết là vị đã đậu cấp bậc Nhàlaka (cấp bậc tắm rửa). Trở thành một **ẩn sĩ**, ngài sống trong một khu rừng cách xa Vương Xá khoảng ba do-tuần, sống với lúa hoang và thờ lửa.

Đức Thế Tôn, thấy được điều kiện trở thành một vị A-la-hán chói sáng trong tâm ngài, như ánh sáng trong một cái ghè.

Thế Tôn đến tại am thất của ngài, ngài vui vẻ đón tiếp đức Phật, thỉnh đức Phật dùng cơm ngài nấu và như vậy ba ngày trôi qua. Ngày thứ tư, Thế Tôn nói: "**Ông hết sức yếu ớt, làm sao ông sống với đồ ăn như thế này?**". Rồi đức Phật giảng về **hạnh biết đủ và thuyết pháp cho ngài.** Và từ quả Dự Lưu ngài chứng quả A-la-hán.

Thế Tôn xác chứng quả vị của ngài và ra đi. Ngài vẫn ở tại chỗ cũ, nhưng rồi bị đau vì tê liệt. Bạc Đạo Sư lại đến thăm và hỏi ngài về sức khỏe:

435. Bị bệnh gió chi phổi,
Ông sống trong rừng sâu,
Chỗ khát thực hạn chế,
Thân gầy mòn ốm yếu.
Tỷ-kheo sẽ làm gì,
Với thân thể như vậy.

436. Thân con được tràn ngập,
Với hỷ lạc tỏa rộng,
Dầu có bị gầy ốm,
Con sẽ sống trong rừng.

437. Tu tập **Bảy giác chi,**
Năm căn và Năm lực,
Đầy đủ **thiền tế nhị,**
Con sống, không lậu hoặc.

438. Thoát khỏi các kết sử,
Tâm tịnh, không uế nhiễm,
Thường hằng, khéo quán sát,
Con sống không lậu hoặc.

439. Mọi lậu hoặc nội ngoại,
Trước có mặt trong con,
Tất cả bị chặt đứt,
Không dư, không khởi nữa.

440. *Năm uẩn* được liễu tri,
Chúng đứng, rễ chặt đứt,
Khổ diệt đã đạt được,
Nay không còn tái sanh.

260 Bệnh - Thế Tôn bị đau nhức mỗi - Kinh Upavàna – Tiểu III, 166

Upavàna – Tiểu III, 166 (153)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Sàvatthi, được đặt tên là Upavàna. Thấy được uy nghi đức Phật khi Kỳ Viên được dâng cúng. Ngài xuất gia, **phát triển thiền quán**, chứng được **sáu thắng trí**.

Rồi Upavàna trở thành vị thị giả đức Phật. Bấy giờ, **Thế Tôn bị đau nhức mỗi**, một đệ tử cư sĩ của ngài tên là Devahita sống ở Sàvatthi cúng dường bốn vật dụng cần thiết cho ngài.

Khi Upavàna đến với y và bát, Devahita biết ngài cần dùng một vật đặc biệt nên hỏi. Ngài trả lời với bài kệ như sau:

*185. Bậc ỨNG CÚNG, Thiện Thệ,
Ẩn sĩ bị phong thấp,
Nếu ông có nước nóng,
Hãy cúng dường ẩn sĩ.*

*186. Cúng dường người đáng cúng,
Cung kính người đáng kính,*

*Tôn trọng người đáng trọng,
Ta mong muốn vị ấy,
Được vật cúng mang đến.*

Rồi vị Bà-la-môn dâng cúng nước nóng và thuốc trị bệnh. Nhờ vậy, bệnh của Thế Tôn thuyên giảm và Thế Tôn tỏ lời cảm ơn.

261 Bệnh cùi - Do nghiệp đời trước - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 203

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 203 (Ud 49)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagha, Veluvana, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, một **người bị bệnh hủi tên là Suppabuddha**, nghèo đói, ăn xin, khốn cùng. Lúc bấy giờ, Thế Tôn với đại chúng doanh vây, đang ngồi thuyết pháp. Người hủi Suppabuddha thấy từ đằng xa đại chúng đang tụ hội, thấy vậy liền suy nghĩ: *"Không nghi ngờ gì nữa, ở đây, có thể có chia phần cái gì ăn được, loại cứng hay loại mềm. Vậy ta hãy đi đến đại chúng ấy, mong rằng ta sẽ được chút gì ăn được, loại cứng hay loại mềm"*. Rồi người hủi Suppabuddha đi đến đại chúng ấy.

Người hủi Suppabuddha thấy Thế Tôn đang thuyết pháp cho đại chúng đang doanh vây xung quanh, thấy vậy liền suy nghĩ: *"Ở đây không có cái gì ăn được, loại cứng hay loại mềm để chia phần. Sa-môn Gotama này đang thuyết pháp cho hội chúng. Vậy ta hãy nghe pháp". Tại đây, người hủi ngồi xuống và nghĩ: "Ta sẽ nghe pháp".*

Rồi Thế Tôn, với tâm của mình duyên với tâm của toàn thể hội chúng tác ý rằng: "Ở đây, ai có thể hiểu được pháp". Thế Tôn thấy người hủ Suppabuddha đang ngồi trong hội chúng, thấy vậy liền suy nghĩ: "Ở đây, người này có thể hiểu pháp".

Vì người hủ Suppabuddha, Thế Tôn tuần tự thuyết pháp, tức là thuyết **bổ thí**, thuyết về **trì giới**, thuyết về **thiên giới**, thuyết về **sự nguy hiểm**, **sự hạ liệt**, **sự ô nhiễm của các dục**, **sự lợi ích của xuất ly**. Khi Thế Tôn biết tâm của người hủ Suppabuddha đã sẵn sàng, đã nhu thuận không còn chướng ngại, được phấn khởi, được tín thành, liền **thuyết pháp mà chư Phật đã chứng ngộ**, tức là *Khô, Tập, Diệt, Đạo*.

Cũng như tấm vải thuần bạch, được gội rửa các vết đen, sẽ rất dễ thấm màu nhuộm, cũng vậy chính tại chỗ ngồi này, pháp nhãn xa trần ly cấu khởi lên trong tâm người hủ Suppabuddha: "*Phàm cái gì được khởi lên, tất cả đều bị đoạn diệt*". Khi ấy người hủ Suppabuddha thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chúng được tự tín, không y cứ nơi người khác đối với lời dạy của đức Bôn Sư, từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, người hủ Supabuddha bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! **Như người *dựng đứng* lại những gì bị quăng ngã xuống, *phơi bày* ra những gì bị che kín, *chỉ đường* cho người bị lạc hướng, *đem đèn* sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc.** Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích, Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỳ-kheo, mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

Rồi người hủi Suppabuddha được Thế Tôn với bài pháp thoại thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn chấn, làm cho hoan hỷ, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Rồi **một con bò húc vào người hủi Suppabuddha** và đoạt mạng sống. Rồi nhiều Tỳ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỳ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- *Bạch Thế Tôn, người hủi tên Suppabuddha được Thế Tôn với bài pháp thoại thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ đã mạng chung. Sanh thú của vị ấy là gì? Tương lai của vị ấy thế nào?*

- Nay các Tỷ-kheo, Hiền trí là người hủ Suppabuddha, đã thực hành tuý pháp đúng pháp, không có làm phiền nhiễu Ta với những tranh luận về pháp. Người hủ Suppabuddha sau khi đoạn tận ba kiết sử, đã chứng được quả Dự lưu, không còn bị thoái đọa, chắc chắn đạt được Chánh giác.

Khi nghe nói vậy một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn do nhân gì, do duyên gì, người hủ Suppabuddha lại là người nghèo đói, là người ăn xin, là người khốn cùng?

- Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, người hủ Suppabuddha là con một nhà triệu phú ở Ràjagaha khi đi ngang qua một khu vườn, vị ấy thấy đức Phật Độc giác Tagarasikhi đang đi vào thành khát thực. Thấy vậy, vị ấy suy nghĩ: "Ai là người hủ này lại đi dạo chơi" và vị ấy nhổ nước miếng và xây lưng phía trái rồi bỏ đi.

Do hành động này của vị ấy được thuần thực, nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm, vị ấy bị nấu trong địa ngục. Do sự thành thực thêm nữa của nghiệp ấy, chính tại Ràjagala này, vị ấy là một người nghèo đói, là người ăn xin, là người khốn cùng! Nay vị ấy do y cứ vào pháp luật được Như Lai thuyết giảng, vị ấy được lòng **tin**, vị ấy được **giới**, vị ấy được **nghe** pháp, vị ấy được **từ bỏ**, vị ấy được **trí tuệ**, sau khi thân hoại mạng chung,

vị ấy được sanh thiện thú, thiên giới, đời này, được công trú với chư Thiên ở cõi Ba mươi ba. Tại đây, vị ấy chói sáng hơn các chư Thiên khác về dung sắc và danh xưng.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

3. *Như người có mắt nhìn,
Cố gắng tránh lời lỗi,
Cũng vậy kẻ trí tránh,
Điều ác giữa đời này.*

262 Bệnh hủi - Do kết quả nghiệp đời trước - Kinh Samitigutta – Tiểu III, 91

Samitigutta – Tiểu III, 91 (81)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, tên là Samitigutta (hộ trì nhờ hòa khí).

Nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia và chứng được **giới** thanh tịnh. **Do kết quả nghiệp đời trước, ngài bị bệnh hủi**, tay chân của ngài rơi xuống từng phần một, ngài sống trong một nhà bệnh.

Một hôm, Tôn giả Sàriputta đi thăm các người bệnh và hỏi thăm các bệnh nhân, thấy Samitigutta, Tôn giả cho một đề tài để thiền quán, nói rằng: "**Này Hiền giả, nếu nói về vấn đề năm thủ uẩn, thời toàn bộ khổ uẩn là một vấn đề cảm thọ. Và khi không có năm uẩn, thời không có đau khổ**".

Nói xong, Tôn giả Sàriputta tiếp tục đi. Nhưng bệnh nhân Samitigutta được phấn khởi với bài dạy ấy, **triển khai thiền quán** và chứng được **sáu thắng trí**. Nhờ đó, ngài nhớ đến các hành ngài làm đời trước, khiến nay ngài phải mắc bệnh hủi.

Và tán thán sự kiện này mọi việc đã được chấm dứt, ngài nói lên bài kệ:

81. *Việc ác ta đã làm,
Trong các đời sống trước,
Ở đây chỉ cảm thọ,
Thọ lãnh từ nghiệp ấy,
Căn bản các nghiệp khác,
Thật sự không còn nữa.*

263 Bệnh và thuốc - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 176

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 176 (Ud 34)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Càlikà, tại núi Càlikà Lúc bấy giờ Tôn giả Meghiya là người thị giả Thế Tôn. Rồi **Tôn giả Meghiya** đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con muốn vào làng Jantu để khát thực.

- Nay Meghiya, hãy làm những gì Thầy nghĩ là hợp thời.

Rồi Tôn giả Meghiya, vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào làng Jantu để khát thực. Khát thực ở làng Jantu xong, sau buổi ăn, khi khát thực trở về, đi đến bờ sông Kimikàkà, sau khi đến, bộ hành qua lại trên bờ sông Kimikàlà, thấy rừng xoài tươi đẹp, khả ái, thấy vậy Tôn giả Meghiya suy nghĩ: *"Thật tươi đẹp thay, khả ái thay rừng xoài này. Rừng xoài này thật là vừa đủ để một thiện nam tử tinh cần, hành trì hạnh tinh cần. Nếu Thế Tôn cho phép ta, ta sẽ đến rừng xoài này để tinh cần hành trì"*. Rồi Tôn giả Meghiya đi

đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên, ngồi xuống một bên, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào làng Jantu để khát thực. Khát thực ở Jantu xong, sau buổi ăn, khi đi khát thực trở về, con đi đến bờ sông Kimikàlà, sau khi đến, con bộ hành qua lại trên bờ sông Kimikàlà, con thấy rừng xoài tươi đẹp, khả ái, thấy vậy, con suy nghĩ: "Thật tươi đẹp thay, khả ái thay là rừng xoài này. Rừng xoài này thật là vừa đủ để một thiện nam tử tinh cần, hành trì hạnh tinh cần". Nếu Thế Tôn cho phép con, con sẽ đi đến rừng xoài ấy để tinh cần hành trì.

Được nói vậy, Thế Tôn nói với Tôn giả Meghiya:

- Hãy chờ đợi, này Meghiya. **Chúng ta nay chỉ có một mình, chờ cho đến khi một Tỳ-kheo khác đến!**

Lần thứ hai, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đối với Thế Tôn, không có gì cần phải làm thêm nữa, không có gì cộng thêm vào việc đã làm. Nhưng đối với con, bạch Thế Tôn, có việc cần phải làm thêm nữa, có việc cộng thêm vào việc đã làm. Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn cho phép con, con sẽ đi đến rừng xoài này để tinh cần tu hành.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Tôn giả Meghiya:

- Hãy chờ đợi này Meghiya! Chúng ta nay chỉ có một mình, chờ cho đến khi một Tỷ-kheo khác đến.

Lần thưa ba, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đối với Thế Tôn không có gì cần phải làm thêm nữa, không có gì cộng thêm vào việc đã làm... con sẽ đi để rừng xoài này để tinh cần tu hành.

- **Này Meghiya, khi Thầy nói tinh cần, thời Ta có thể nói gì được! Này Meghiya, nay Thầy hãy làm những gì Thầy nghĩ là hợp thời!**

Rồi Tôn giả Meghiya từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài đi đến rừng xoài ấy, sau khi đến, đi sâu vào rừng xoài và ngồi trú ban ngày dưới một gốc cây. Trong khi Tôn giả Meghiya trú trong rừng xoài ấy, **phần lớn ba tâm ác, không thiện, hiện hành, tức là dục tâm, sân tâm, hại tâm.**

Rồi Tôn giả Meghiya suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay, thật hi hữu thay! Ta vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, lại bị ba tâm ác, không thiện này xâm nhập, tức là dục tâm, sân tâm, hại tâm". Rồi Tôn giả Meghiya vào buổi chiều từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi con sống trong rừng xoài ấy, phần lớn ba tâm ác, không thiện hiện hành, tức là dục tâm, sân tâm, hại tâm. Bạch Thế Tôn, rồi con suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay... hại tâm".

- Nay Meghiya, khi **tâm giải thoát chưa được thuần thực, năm pháp đưa đến sự thuần thực.**

Thế nào là năm?

- Ở đây thiện bạn hữu, **thiện thân hữu** là pháp thứ nhất, này Meghiya, khiến tâm giải thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.
- Lại nữa, này Meghiya, Tỷ-kheo **giữ giới**, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Đây là pháp thứ hai, này Meghiya, khiến tâm giải thoát chưa thuần thực, đi đến thuần thực.
- Lại nữa, này Meghiya, phàm có những **câu chuyện nào nghiêm túc**, thích ứng khai mở tâm, đưa đến nhất hướng nhằm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, như câu chuyện về ít dục, câu chuyện về biết đủ, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện về hòa hợp, câu chuyện về tinh cần, tinh tấn, câu chuyện về giới luật, câu chuyện về thiền định,

câu chuyện về trí tuệ, câu chuyện về giải thoát, câu chuyện về giải thoát trí kiến. Những câu chuyện như vậy có thể được không có khó khăn, có thể được không có mệt nhọc, có thể được không có phí sức. Đây là giải pháp thứ ba, này Meghiya, khiến cho tâm giải thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.

- Lại nữa, này Meghiya, vị Tỷ-kheo sống tinh cần, **tinh tấn**, để đoạn tận các pháp không thiện, để làm sanh khởi các pháp thiện, kiên trì, cương quyết, không từ bỏ gánh nặng đối với pháp thiện. Đây là pháp thứ tư, này Meghiya, khiến cho tâm giải thoát chưa thuần thực, đi đến thuần thực.
- Lại nữa, này Meghiya, vị Tỷ-kheo **có trí tuệ**, đầy đủ trí tuệ, đi đến thâm sát sanh diệt, với **Thánh thể nhập** đưa đến đoạn tận khổ đau. Đây là pháp thứ năm. Này Meghiya, khiến tâm thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.

Này Meghiya, đây là năm pháp khiến tâm giải thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.

- ➔ Này Meghiya, với vị Tỷ-kheo thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, được chờ đợi là vị ấy sẽ giữ giới, sẽ sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ uy nghi

chánh hạnh thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và tu tập trong các học pháp.

- ➔ Với vị Tỷ-kheo thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, sẽ giữ giới, sẽ sống chế ngự... tu tập trong các học pháp, được chờ đợi là phàm có những câu chuyện nào nghiêm túc, thích ứng, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Như câu chuyện về ít dục, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện về hòa hợp, câu chuyện về tinh cần tinh tấn, câu chuyện về giới luật, câu chuyện về thiền định, câu chuyện về trí tuệ, câu chuyện về giải thoát, câu chuyện về giải thoát tri kiến; những câu chuyện như vậy có thể có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức.
- ➔ Với vị Tỷ-kheo thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, được chờ đợi là vị ấy sống tinh cần, tinh tấn để đoạn tận các pháp không thiện, để làm sanh khởi các pháp thiện, kiên trì, cương quyết, không từ bỏ gánh nặng đối với pháp thiện.
- ➔ Với vị Tỷ-kheo thiện thân bằng hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, được chờ đợi là vị Tỷ-kheo sẽ có trí tuệ, đầy đủ trí đi đến thăm sát sanh diệt với thánh thể nhập đưa đến đoạn tận khổ đau.

Lại nữa, này Meghiya, với vị Tỷ-kheo khéo an trú trong năm pháp này, **bốn pháp cần phải tu tập thêm**:

- **Bất tịnh** cần phải tu tập để đoạn tận **tham**;
- **Tù** cần phải tu tập để đoạn tận **sân**;
- **Niệm hơi thở** vô hơi thở ra cần phải tu tập để trừ khử **tâm tư**;
- **Vô thường tưởng** cần phải tu tập để **nhỏ lên kiêu mạn**, tôi là.

Này Meghiya,

- Với ai có **tưởng vô thường**, thời **tưởng vô ngã** được an trú.
- Với ai có tưởng vô ngã, vị ấy đạt được sự **nhỏ lên kiêu mạn**: tôi là, Niết-bàn ngay trong hiện tại.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

1. *Các tâm nhỏ tế nhị,
Hiện hành ý hoan hỷ,
Do không biết đến chúng,
Tâm động chạy nhiều đời.
Nếu biết chúng **tâm tư**,
Nhiệt tâm và chánh niệm,*

Chế ngự được tư tưởng,
*Khi ý không hoan hỷ,
Bậc Chánh giác bỏ chúng,
Không còn chút dư tàn.*

264 Bệnh và thuốc - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 407

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 407 (Tik.
IV, 6) (It. 80)

Này các Tỷ-kheo, hãy sống tùy quán bất tịnh trên thân, hãy khéo an trú niệm hơi thở vô hơi thở ra, đặt niệm trước mặt, hướng về nội tâm; hãy sống tùy quán vô thường trong tất cả các hành.

Này các Tỷ-kheo,

- Khi sống tùy **quán bất tịnh** trên thân, thời tham tùy miên đối với tịnh giới được đoạn trừ;
- Khi khéo an trú **niệm hơi thở** vô hơi thở ra, đặt niệm trước mặt, hướng về nội tâm, thời các tâm hướng ngoại, dự phần vào tổn hại không có.
- Khi sống tùy **quán vô thường** trong tất cả hành, thời vô minh trừ diệt, minh được khởi lên.

**Quán bất tịnh trên thân,
Niệm thở vô thở ra,
Tịnh chỉ tất cả hành,
Thường nhiệt tâm, chánh kiến,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Đã thấy rất chơn chánh,**

*Từ đây ở nơi đây,
Vị ấy được giải thoát,
Thắng trí được thành tựu,
Lắng dịu thật an tịnh,
Vị ẩn sĩ như vậy,
Chắc vượt khỏi ách nạn.*

265 Bị Thiên nhân nhắc nhở vì tâm chán nản, ham vui - Kinh Vajji Putta – Tiểu III, 73

Vajji Putta – Tiểu III, 73 (62)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình vị nghị sĩ và được gọi là **con của Vajji**.

Ngài thấy uy nghi đức độ của bậc Đạo Sư khi bậc Đạo Sư đến Vesàli. Ngài khởi lòng tin và xuất gia sau thời kỳ làm Sa-di, ngài ở trong một ngôi rừng gần Vesàli.

Một ngày lễ được tổ chức ở Vesàli có hát, có nhạc, có múa và mọi người hoan hỷ tham gia ngày lễ, **tiếng ồn làm vị Tỷ-kheo dao động**. Ngài bỏ chỗ tịnh cư của ngài, dừng nghỉ tu tập thiền quán và nêu rõ sự yếm ly của mình trong câu kệ:

*Một mình chúng tôi sống,
Trong rừng núi hoang vu,
Như khúc gỗ bị quăng,
Bỏ rơi trong rừng núi,
Như vậy ngày tháng qua,
Ngày này tiếp ngày khác,
Còn có ai bất hạnh,*

Hơn bất hạnh chúng tôi.

Một **Thiên nhân** trong rừng nghe vậy, thương xót vị Tỷ-kheo, nên đến trách vị Tỷ-kheo: "Này Tỷ-kheo, dầu Ông có khinh thường đời sống trong rừng núi, nhưng những vị sáng suốt muốn sống thanh tịnh đều nói nhiều đến núi rừng".

Thiên nhân ấy nói lên bài kệ tán thán đời sống ở rừng núi:

*62. Một mình chúng tôi sống,
Trong rừng núi hoang vu,
Như khúc gỗ bị quăng,
Bỏ rơi trong rừng núi,
Nhưng nhiều người thương mến,
Đời sống ấy của ta,
Như kẻ đọa địa ngục,
Ưa đón cảnh thiên giới.*

Rồi vị Tỷ-kheo, **như con ngựa hay được thúc đẩy**, ngài **triển khai thiền quán** và chứng quả A-la-hán. Rồi ngài nghĩ: "Bài kệ của Thiên nhân đã thúc đẩy ta". Và ngài đọc lại bài kệ ấy.

266 Bị Thiên nhân nhắc nhở, lo lắng, phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Kutivihàrim – Tiểu III, 67

Kutivihàrim – Tiểu III, 67 (57)

Câu chuyện về ngài giống như câu chuyện vị Trưởng lão ở rừng Anjana với sự sai khác này. Khi ngài xuất gia với trường hợp tương tự, ngài học Chánh pháp trong một ngôi chòi nhỏ, ngài nghĩ: "*Chòi cũ này cũng đã bị hư hại, ta phải làm một chòi khác*". Rồi ngài hướng tâm ngài về hành động mới.

Một **thiên nhân** tâm cầu giải thoát, muốn làm ngài dao động, nói lên bài kệ này, với lời lẽ gián dị, nhưng ý nghĩa sâu rộng:

*57. Đây ngôi chòi cũ kỹ,
Ngài muốn ngôi chòi mới,
Hãy bỏ muốn ngôi chòi,
Chòi mới đem khổ mới,
Này Tỷ-kheo nên biết!*

Khi nghe vậy, vị Trưởng lão **cảm thấy lo lắng, và với sự cố gắng phát triển thiền quán**, ngài chứng được quả A-la-hán.

Rồi ngài nói lại bài kệ, nhờ bài kệ này ngài đã được chứng quả, và ngài dùng bài kệ nói lên chánh trí của mình. Vì ngài chứng quả khi ở trong chòi lá, ngài được gọi là Kutivihàrim (*vị ở chòi lá*).

267 Bị Thiên nhân quả trách, tinh tấn và chứng quả - Kinh Isidinna – Tiểu III, 167

Isidinna – *Tiểu III*, 167 (154)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Sunàparanta, trong gia đình một vị chức sắc, được đặt tên là Isidinna.

Khi lớn lên, ngài chứng kiến Thế Tôn hiện thân thông song hành khi ngôi nhà bằng trầm hương được dâng cúng, với tấm lòng hân hoan đối với bậc Đạo Sư, ngài nghe pháp, trở thành bậc Dự lưu.

Dẫu còn sống đời sống thế gian, một Thiên nhân khích lệ ngài như sau:

187. *Ta thấy người cư sĩ,
Trì pháp với lời nói,
"Các dục là vô thường",
Họ ưa thích ái luyến,
Châu báu và vòng nhẫn,
Họ đón chờ vợ con.*

188. *Thật sự họ không biết,
Pháp như thật là gì?*

Đầu họ có tuyên bố:
"Các dục là vô thường!"
Họ không có sức mạnh,
Để cắt đứt tham ái,
Do vậy, họ luyến tiếc,
Vợ con và tài sản.

Khi người cư sĩ nghe vậy, ngài cảm thấy xúc động, xuất gia, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Nói lên chánh trí của ngài, ngài lập lại những bài kệ trên.

268 Bị anh đuổi đi vì căn tánh chậm tiến - Kinh Cùla Panthaka – Tiểu III, 323

Cùla Panthaka – Tiểu III, 323 (236)

Câu chuyện của ngài đã được kể trong chương VIII. Phần còn lại được kể trong tập số Cùlasetthi-Jàtaka. Trong một trường hợp khác ngài nói lên những bài kệ như sau:

557. *Ta chậm chạp, tiến chậm,
Trước ta bị khinh miệt,
Anh ta đuổi ta đi:
Nay, người hãy về nhà.*

558. *Ta bị đuổi như vậy,
Tại cửa chính Tăng xá,
Sâu khổ, đứng tại đấy,
Vọng luyến lời Phật dạy.*

559. *Tại đấy, Thế Tôn đến,
Ngài rờ trên đầu ta,
Vớ cánh tay, nắm ta,
Dắt ta vào Tăng xá.*

560. *Đạo Sư thương xót ta,*

Cho ta **khăn lau chân**;
Hãy an trú tâm tư,
Vào vật thanh tịnh này.
Và ngồi xuống một bên,
Tâm tư khéo an trú.

561. Ta nghe lời Ngài dạy,
Sống hân hoan Chánh pháp,
Ta thực hành thiền định,
Để đạt đích tối thượng.

562. Ta biết được đời trước,
Thiên nhãn ta thanh tịnh,
Ba minh đã đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

563. Pan-tha-ka **hóa hiện**,
Dưới **hàng ngàn hình thức**,
Ngôi vườn xoài xinh đẹp,
Chờ đợi thời phát hiện.

564. Rồi Đạo Sư giữ ta,
Một sứ giả báo thời,
Đúng thời được báo hiệu,
Ta đến, ngang hư không.

565. Đánh lễ chân Đạo Sư,

*Một bên ta ngồi xuống.
Biết ta đã ngồi xuống,
Bậc Đạo Sư chấp nhận.*

*566. Bậc nhận đồ tế vật,
Cả toàn thể thế giới,
Là phước điền loài Người,
Ngài chấp nhận cúng dường.*

269 Bị buộc tội - Kinh Sàriputta - Tiểu I, 755

Kinh Sàriputta – Tiểu I, 755 (Xá-lợi-phát)

Sàriputta:

955. Trước con chưa từng thấy,
Chưa ai từng được nghe,
Tiếng nói thật ngọt ngào,
Như tiếng bậc Đạo Sư,
Từ cõi Đâu-suất đến,
Xá-lợi-phát nói vậy.

956. Bậc có mắt xuất hiện,
Đời này và thiên giới,
Quét sạch mọi u ám,
Độc cư, chứng an lạc.

957. Bậc Giác ngộ, độc lập,
Như thật, không man trá,
Ngài đến ở đời này,
Lãnh đạo các đồ chúng,
Từ nhiều người trói buộc,
Con đến với câu hỏi.

958. Vị Tỷ kheo nhàm chán,
Sống an tọa, trống không,
Tại gốc cây, nghỉ ngơi địa,
Hay núi rừng hang sâu.

959. Tại chỗ cao thấp ấy,
Có bao nhiêu sợ hãi,
Khiến Tỷ kheo không run,
Tại trú xứ vắng lặng?

960. Bao nguy hiểm ở đời,
Tỷ Kheo cần chinh phục,
Trong **hướng đi bất tử**,
Tại trú xứ xa vắng?

961. Ngôn ngữ và hành xử,
Của vị ấy là gì?
Có bao nhiêu giới cấm, (???giới hạnh)
Tỷ Kheo cần tinh tấn?

962. Chấp nhận học tập gì,
Vị Tỷ Kheo nhất tâm,
Thông minh, giữ chánh niệm,
Tẩy sạch các cấu uế,
Trên tự ngã của mình,
Như thợ lọc vàng bạc?

Thế Tôn:

963. Này Sàriputta,
Thế Tôn bèn trả lời:
Với người **biết nhàm chán**,
Có gì là khoan khoái!
Khi sử dụng sàng tọa,
Tại chỗ tịnh trống không,
Với ai muốn giác ngộ,
Sống đúng với tùy pháp,
Ta sẽ nói người ấy,
Như Ta đã quán tri.

964. Vị Tỷ kheo có trí,
Chánh niệm sống biên địa,
Không có sợ năm điều,
Đáng sợ hãi ở đời.
Các loại ruồi, mối bay,
Cùng các loài bò sát,
Xúc chạm của loài người,
Cùng các loại bốn chân.

965. Vị ấy không nên sợ,
Tri kiến của người khác,
Khi đã được thấy biết,
Nhiều sợ hãi của chúng,
Bạc tìm đến chí thiện,

Thấy được các nguy hiểm,
Cần phải lo khắc phục,
Tất cả nguy hiểm khác.

966. Khi thọ lãnh bệnh hoạn,
Khi cảm xúc đối khổ,
Vội lạnh và cực nóng,
Cần phải nhiếp phục chúng,
Bị chúng cảm xúc nhiều,
Kẻ không bỏ nhà cửa,
Cần tinh tấn cần mẫn,
Lòng hết sức kiên trì.

967. Chớ ăn trộm, ăn cắp,
Chớ nói lời nói láo,
Hãy cảm xúc từ tâm,
Đối kẻ yếu, kẻ mạnh,
Khi rõ biết tâm tư,
Trong tình trạng dao động,
Hãy gột sạch, tẩy sạch,
Phân hắc ám đen tối.

968. Chớ để bị chi phối,
Bởi phần nô, quá mạn,
Hãy đào chúng tận gốc,
Và an trú như vậy,
Đối những gì khả ái,

Hãy đối không khả ái,
Hãy hoàn toàn nhiếp phục,
Chớ để bị chi phối.

969. Thiên trọng về trí tuệ,
Hoan hỷ trong chí thiện,
Hãy chận đứng loại bỏ,
Nguy hiểm ách nạn ấy,
Hãy khắc phục bất lạc,
Đối trú xứ vắng lặng,
Hãy khắc phục bốn pháp,
Khiến sáu muợn khóc than.

970. Ta sẽ **ăn** những gì,
Và được ăn tại đâu.
Thật khó khăn ta **ngủ**,
Nay ta ngủ tại đâu?
Với những tư tưởng ấy,
Vì ấy có thể than,
Bậc hữu học, không nhà,
Hãy nhiếp phục trừ chúng.

971. Với đồ ăn, vải mặc,
Đúng thời, thâm hoạch được,
Cần ước lượng vừa đủ,
Với mục đích thỏa mãn,
Chế ngự đối với chúng,

Sống nhiếp phục trong lòng,
Dầu phần uất, không nói,
Những lời độc thô ác.

972. *Với mắt cúi nhìn xuống,*
Chân không đi lang thang,
Chú tâm vào thiền định,
Với rất nhiều tĩnh giác,
Cố gắng tu tập xả,
Tư ngã khéo định tĩnh,
Hãy cắt đứt trừ khử,
Các nghi ngờ hối tiếc.

973. *Bị buộc tội bằng lời,*
Chánh niệm, tâm hoan hỷ,
Phá hoại sự cứng rắn,
Giữa các đồng Phạm hạnh,
Nói lên những lời nói,
Hiền thiện và đúng thời,
Không để tâm suy tư,
Các chủ thuyết người khác.

974. Lại nữa, *năm loại vua,*
Hiện có ở trên đời,
Hãy học nhiếp phục chúng.
Luôn luôn giữ chánh niệm.
Đối với *sắc và tiếng,*

Đối với **vị** và **hương**,
Cùng đối các cảm **xúc**,
Hãy chế ngự tham ái.

975. **Hãy chế ngự ước muốn,**
Đối với những pháp ấy,
Vì Tỷ kheo chánh niệm,
Tâm tư khéo giải thoát,
Rồi đúng thời vị ấy,
Chơn chánh suy tư pháp,
Với **chuyên tâm nhất trí,**
Hãy đoạn tận hắc ám.
Thế Tôn nói như vậy.

270 Bị bạn quở trách, rồi thiên quán, chứng quả - Kinh Langha Rakkhita – Tiểu III, 115

Langha Rakkhita – Tiểu III, 115 (109)

Trong thời đức Phật tại thế, sanh trong một gia đình giàu có ở Sàvatthi. Ngài tìm được lòng tin, xuất gia, lấy một đề tài để thiên quán, và cùng với một Tỷ-kheo sống trong rừng.

Không xa chỗ ngài ở, có **con nai mẹ** nuôi con nai con trong một đám cây rậm rạp, vì thương con, con nai mẹ không đi xa được, nên phải đói khát, không đủ cỏ, nước gần đó. Thấy vậy, ngài nói: "*Thật vậy, thế giới này bị ái triển trối buộc, sống trong đau khổ, không thể chặt đứt được!*". Với cảm thọ ấy để khích lệ, ngài **phát triển thiên quán**, chứng quả A-la-hán.

Thấy bạn mình nuôi dưỡng nhiều tư tưởng sai lầm, ngài giáo giới bạn mình với bài kệ như sau:

*109. Dầu có sống cô độc,
Với lòng thương từ mãi,
Của bậc đã lo nghĩ,
Đến hạnh phúc tối thượng,
Vị này vẫn không nghĩ,*

*Đến lời dạy Bốn Sư.
Như vậy vị ấy sống,
Với căn còn mộc mạc,
Chẳng khác con nai cái,
Non yếu trong khu rừng.*

Khi nghe những lời này, vị Tỷ-kheo kia bị dao động mạnh, **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

271 Bị bắt oan bởi người ăn trộm - Kinh Uttara – Tiểu III, 127

Uttara – Tiểu III, 127 (121)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rājagaha (Vương Xá), con một Bà-la-môn có danh tiếng, được đặt tên là Uttara. Ngài thông suốt giáo điển Vệ-đà, và có danh tiếng về gia tộc, về dung sắc, về thông minh, về đức hạnh.

Vassakāra, một vị bộ trưởng có danh ở Magadha (Ma-kiệt-đà), thấy những thành tích của ngài, muốn gả con gái cho ngài, nhưng ngài đã thiên về hạnh giải thoát nên đã từ chối và ngài đến nghe ngài Sāriputta (Xá-lợi-phất) thuyết giảng. Với lòng tin, ngài xuất gia, làm tròn bốn phận của người Sa-di, hầu hạ Tôn giả Sāriputta.

Một hôm, Tôn giả Sāriputta bị bệnh, Uttara đi tìm một y sĩ chữa bệnh, ngài đặt bình bát ngài trên bờ hồ để xuống hồ nước súc miệng. Một người ăn trộm, bị lính đuổi, chạy ra khỏi cửa thành, khi chạy ngang liền quăng bỏ các châu báu đánh cắp vào trong bình bát của người Sa-di và bỏ chạy. Khi các người lính đến, thấy đồ châu báu trong bình bát của ngài liền

bất ngài đưa đến Bà-la-môn Vassakàra để trưng phạt ngài.

Đức Phật nhận thấy **thiền quán** của ngài đã chín muồi, nên đi đến ngài, đặt nhẹ tay trên đầu ngài và nói: *"Đây là kết quả nghiệp trước của Thầy, Thầy cần phải chấp nhận nhờ sức mạnh suy tư"*.

Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho ngài, Uttara vì nhờ đức Phật đặt nhẹ tay trên đầu, tâm tư được phấn khởi, **nhờ thiền quán chín muồi**, nhờ uy nghi đức độ của bậc **Đạo Sư**, ngài cảm thọ hỷ lạc, đoạn tận các uế nhiễm, chứng *sáu thắng trí*.

Vươn mình lên khỏi cột trụ, ngài đứng trên hư không, hiển hiện thần thông vì lòng từ mẫn đối với kẻ khác. Trước sự ngạc nhiên của tất cả mọi người, các vết thương của ngài được lành hẳn.

Khi được các Tỷ-kheo khác hỏi: *"Thưa Hiền giả, làm sao khi Hiền giả đau khổ như vậy, Hiền giả có thể phát triển thiền quán?"*

Ngài trả lời: *"Khi tôi thấy rõ được sự đau khổ của mình tái sanh, và tánh nhân duyên sanh của sự vật, thời sự nguy hiểm của sự đau khổ ít hơn, hiện tại không ngăn tôi phát triển thiền quán và chứng được kết quả."*

121. **Không có gì có mặt,
Lại thường còn mãi mãi,**

Không có các hành gì,
Lại thường hằng thường trú.
Các uẩn được khởi lên,
Đến đời khác diệt vong.

122. **Biết được nguy hiểm này,**
Ta không muốn sanh hữu,
Từ bỏ tất cả dục,
Ta chứng lậu hoặc tận.

272 Bị bệnh gió chi phổi, Thầy sống trong rừng sâu - Kinh Vakkali – Tiểu III, 243

Vakkali – Tiểu III, 243 (205)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một dòng họ Bà-la-môn và được gọi tên *Vakkali*.

Khi đến tuổi trưởng thành, và học xong ba tập Vệ-đà, trở thành thuần thực trong những thành tích Bà-la-môn, ngài thấy bậc Đạo Sư, ngài nhìn không chán thân hình tuyệt vời của đức Phật, và ngài đi theo bậc Đạo Sư. Khi ngài trở về nhà, ngài nghĩ nếu ở lại nhà, ngài sẽ không có dịp luôn luôn thấy được đức Phật. Do vậy, ngài xuất gia, và từ khi ăn uống và tắm rửa, ngài để toàn thì giờ để chiêm ngưỡng đức Phật.

Bậc Đạo Sư, chờ đợi thiên quán của ngài được chín muồi, nên trong một thời gian dài, đức Phật không nói gì. Một hôm đức Phật hỏi: "*Này Vakkali, thân bất tịnh này mà Thầy thấy, đối với Thầy như thế nào? Ai thấy Pháp người ấy tức thấy Ta. Vì rằng thấy Pháp tức là thấy Ta, và thấy ta tức là thấy Pháp*".

Nghe lời nói đức Phật, ngài không chiêm ngưỡng thân đức Phật nữa, nhưng ngài chưa bỏ đi xa được. Bậc Đạo Sư nghĩ rằng: "Tỷ-kheo này, nếu không

được xúc động mạnh, sẽ không thức tỉnh", nên vào cuối ngày an cư mùa mưa, đức Phật nói: "*Này Vakkali, hãy đi đi*". Nghe bậc Đạo Sư nói vậy, ngài tự nghĩ ngài phải đi, nhưng nghĩ rằng đòi ngài có ý nghĩa gì, nếu không được gặp bậc Đạo Sư, nên ngài có ý định leo lên núi Linh Thứu để gieo mình xuống vực núi tự tử.

Đức Phật biết được Vakkali có ý định như vậy, nên sợ ngài phá hoại những điều kiện chứng được Thánh quả, nên hiện ra trước mặt ngài và đọc lên bài kệ:

*Tỷ-kheo nhiều hân hoan,
Tịnh tín giáo pháp Phật,
Chứng cảnh giới tịch tịnh,
Các hạnh an tịnh lạc.*

Đức Phật đưa tay và nói: "Hãy đến, này Tỷ-kheo!" Vakkali rất lấy làm sung sướng được nghe lời Phật dạy, thấy được điều gì mình đang làm, đứng trên hư không suy tư đến lời Phật dạy, chứng quả A-la-hán với sự hiểu biết về nghĩa và về pháp. (Đây là những tài liệu được tập số của bộ Anguttara Nikàya và tập số của Dhammapaca ghi chép lại).

Theo những tài liệu khác, Vakkali chưa chứng quả A-la-hán, sau khi nghe lời dạy của bậc Đạo Sư, ngài ở trên núi Linh Thứu, **phát triển thiền quán**. Thế

Tôn cho ngài một đề tài tu tập, nhưng vì quá đói và
bị tê liệt nên ngài không chứng quả được.

Biết vậy, Thế Tôn nói với ngài như sau:

*349. Bị bệnh gió chi phổi,
Thầy sống trong rừng sâu,
Chỗ khát thực hạn chế,
Thân gầy mòn ốm yếu,
Tỷ-kheo sẽ làm gì?
Với thân thể như vậy?*

Vị Trưởng lão nói lên sự hân hoan thường xuyên của
mình, nhờ được sự an lạc siêu nhân:

*350. Thân con được tràn ngập,
Với hỷ lạc tỏa rộng,
Dầu có bị gầy ốm,
Con sẽ sống trong rừng.*

*351. Tu tập **Bốn niệm xứ,**
Năm căn và Năm lực,
Tu tập các **Giác chi,**
Con sẽ sống trong rừng.*

*352. Con thấy bạn đồng tu,
Sống hòa hiệp, đồng mãnh,*

*Luôn kiên trì tinh tấn,
Con sẽ sống trong rừng.*

*353. Tùy niệm Phật thiên định,
Bậc Tối thượng Điều Ngự,
Ngày đêm không biếng nhác,
Con sẽ sống trong rừng.*

Khi nói vậy, ngài **phát triển thiền quán** và ngay khi ấy chứng quả A-la-hán.

273 Bị bệnh gió chi phổi, Ông sống trong rừng sâu - Kinh Nhàlaka Muni – Tiểu III, 275

Nhàlaka Muni – Tiểu III, 275 (220)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong gia tộc Bà-la-môn, được giáo dục trong văn chương Vệ-đà, ngài được biết là vị đã đậu cấp bậc Nhàlaka (cấp bậc tắm rửa). Trở thành một **ẩn sĩ**, ngài sống trong một khu rừng cách xa Vương Xá khoảng ba do-tuần, sống với lúa hoang và thờ lửa.

Đức Thế Tôn, thấy được điều kiện trở thành một vị A-la-hán chói sáng trong tâm ngài, như ánh sáng trong một cái ghè.

Thế Tôn đến tại am thất của ngài, ngài vui vẻ đón tiếp đức Phật, thỉnh đức Phật dùng cơm ngài nấu và như vậy ba ngày trôi qua. Ngày thứ tư, Thế Tôn nói: "**Ông hết sức yếu ớt, làm sao ông sống với đồ ăn như thế này?**". Rồi đức Phật giảng về **hạnh biết đủ và thuyết pháp cho ngài.** Và từ quả Dự Lưu ngài chứng quả A-la-hán.

Thế Tôn xác chứng quả vị của ngài và ra đi. Ngài vẫn ở tại chỗ cũ, nhưng rồi bị đau vì tê liệt. Bạc Đạo Sư lại đến thăm và hỏi ngài về sức khỏe:

435. Bị bệnh gió chi phổi,
Ông sống trong rừng sâu,
Chỗ khát thực hạn chế,
Thân gầy mòn ốm yếu.
Tỷ-kheo sẽ làm gì,
Với thân thể như vậy.

436. Thân con được tràn ngập,
Với hỷ lạc tỏa rộng,
Dầu có bị gầy ốm,
Con sẽ sống trong rừng.

437. Tu tập **Bảy giác chi,**
Năm căn và Năm lực,
Đầy đủ **thiền tế nhị,**
Con sống, không lậu hoặc.

438. Thoát khỏi các kết sử,
Tâm tịnh, không uế nhiễm,
Thường hằng, khéo quán sát,
Con sống không lậu hoặc.

439. Mọi lậu hoặc nội ngoại,
Trước có mặt trong con,
Tất cả bị chặt đứt,
Không dư, không khởi nữa.

440. **Năm uẩn** được liễu tri,
Chúng đứng, rễ chặt đứt,
Khổ diệt đã đạt được,
Nay không còn tái sanh.

274 Bị chê, tâm sanh dao động, rồi tinh tấn chứng quả - Kinh Sirimat – Tiểu III, 150

Sirimat – *Tiểu III*, 150 (140)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ), trong nhà một thị dân, được đặt tên là **Sirimat**, vì gia đình ngài được luôn luôn may mắn, và thành công. Em trai của ngài, tăng trưởng tài sản được đặt tên là **Sirivaddha** (tăng trưởng sự may mắn).

Cả hai thấy được uy nghi đức độ của đức Phật khi Kỳ Viên được dâng cúng đức Phật, khởi lòng tin xuất gia.

Sirivaddha dầu chưa chứng được pháp thượng nhân, nhưng được hàng cư sĩ, hàng xuất gia tôn kính hoan nghênh.

Nhưng Sirimat, **vì nghiệp không được tốt đẹp nên ít được cung kính**, tuy vậy, luôn luôn tu tập về **chỉ và quán**, ngài chứng được **sáu thắng trí**.

Các Tỷ-kheo tầm thường và các Sa-di không biết ngài chứng được Thánh quả, tiếp tục khinh thường

ngài và cung kính em của ngài. Rồi ngài đọc lên bài kệ, nói lên sự sai lầm của họ:

159. *Người khác tán thán nó,
Kẻ tự ngã chưa định,
Người khác khen sai lầm,
Kẻ tự ngã chưa định.*

160. *Người khác chỉ trích nó,
Kẻ tự ngã đã định,
Người khác chê sai lầm,
Kẻ tự ngã khéo định.*

Rồi *Sirivaddha* nghe bài kệ, tâm sanh dao động, **phát triển thiền quán**, không bao lâu đạt được chơn giải thoát; và những ai chỉ trích bậc Trưởng lão, chúng tôi xin lỗi ngài.

275 Bị cung ái bắn trúng, Ba mươi kiến trôi buộc - Kinh Kelakàni – Tiểu III, 379

Kelakàni – *Tiểu III*, 379 (250)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trước đức Phật ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn và đặt tên là *Kelakàni*.

Quá kinh nghiệm về những vấn đề quá khứ, ngài chán nản **dục vọng** và xuất gia làm người du sĩ ngoại đạo. Tìm sự giải thoát tinh thần, ngài giao du nhiều chỗ, nghĩ rằng ai ở đời này đã đến được bờ bên kia. Ngài hỏi rất nhiều Sa-môn và Bà-la-môn nhưng không được trả lời thỏa đáng.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn đã ra đời, đang chuyển Pháp Luân, đem lại hạnh phúc cho chúng sanh. Một hôm, Kelakàni nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, được xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Một hôm, ngồi với các Tỷ-kheo, nhớ đến sự khó nhọc tìm đạo và chứng đạo của mình, ngài tuyên bố với chúng Tỷ-kheo như sau:

747. *Lâu ngày, đầy nhiệt tình,*

*Ta suy tư Chánh pháp,
Hỏi Sa-môn, Phạm chí,
Nhưng **tâm** không an tịnh.*

*748. Ở đời, ai đã đến,
Đến được bờ bên kia,
Ai đã chứng đạt được,
Lặn sâu vào **bất tử**,
Pháp ai ta chấp nhận,
Pháp thông đệ nhất nghĩa.*

*749. Mắc lưới câu bên trong,
Như cá ăn mồi tục,
Ta bị bắt, bị trói,
Chẳng khác A-tu-la,
Tên Vê-pa-xi-li,
Bị lưới Đế Thích trói.*

*750. Ta kéo lê xiềng xích,
Không sao thoát sầu bi,
Ai cởi trói cho ta,
Giúp ta chứng Chánh giác.*

*751. Sa-môn, Phạm chí nào,
Nói cách hủy hoại chúng,
Pháp ai ta chấp nhận,
Giúp từ bỏ **già chết**,*

752. Bị **nghi** hoặc trối buộc,
Bị **hăng say** chi phối,
Khiến tánh tình phản nộ,
Khiến tâm tư cứng rắn,
Bị xâu xé cắt đứt,
Bởi lòng **tham** mạnh mẽ.

753. Bị cung **ái** bắn trúng,
Ba mươi kiến trối buộc,
Xem sức mạnh ngực ta,
Bị áp đè, vẫn vững.

754. **Các tùy kiến không đoạn,**
Các tư niệm dao động,
Bị chúng đam, ta run,
Như lá bị gió thổi.

755. Khởi lên từ nội tâm,
Đốt cháy nhanh ngã sở,
Thân với sáu xúc xứ,
Ngã hữu từ đây sanh.

756. Ta không thấy lương y,
Rút mũi tên cho ta,
Dùng cách khác dò tìm,
Không dùng dao thăm dò.

757. Có vị **lượng y** nào,
Không dao, không vết thương,
Không hại đến tay chân,
Rút mũi tên cho ta,
Mũi tên đã đâm vào,
Trong nội tâm của ta.

578. **Bậc Pháp chủ** tối tôn,
Loại trừ thuốc độc hại,
Khi ta rơi vực sâu,
Đưa tay giúp đỡ ta,
Tới đất liền an toàn.

759. Ta lặn sâu trong hồ,
Đầy bụi bùn không thoát,
Đầy man trá, tật đổ,
Căng thẳng và hôn ám.

760. **Sấm trạo cử** nổ vang,
Mây kiết sử bao phủ,
Thác nước tà tư duy,
Liên hệ đến tham **dục**,
Chúng lôi cuốn trôi ta,
Vào đại dương tà kiến.

761. **Khắp** nơi, dòng suối chảy,

*Cây leo đứng, đâm chồi,
Ai chặn đứng dòng ấy?
Ai chặt đứt cây leo?*

762. Tôn giả **hãy làm đê**,
*Ngăn chặn những dòng suối,
Chớ có để dòng nước,
Do ý sanh cuốn ngài,
Như dòng nước cuốn gập,
Trôi cây chảy theo dòng.*

763. Cũng vậy ta sợ hãi,
Bờ này tìm bờ kia,
Khi ấy **bậc Đạo Sư**,
Có Thánh chúng hầu hạ,
Với **bình khí trí tuệ**,
Chờ y chỉ cho người.

764. Đưa ta, đang chìm đắm,
Chiếc cầu thang, khéo làm,
Phật thanh tịnh, vững chắc,
Làm bằng **lỗi Chánh pháp**,
Rồi ngài nói với ta,
Chớ có sợ hãi gì!

765. Leo lên lầu **Niệm xứ**,
Từ đây ta quán sát,

*Loài Người ưa **thân kiến**,
Trước đây, ta tự hào.*

*766. Khi ta thấy con đường,
Con thuyền cần leo lên,
Ta không trú tự ngã,
Vì thấy **bến tối thượng**.*

*767. Mũi tên khởi tự ngã,
Sanh do nhân sanh hữu
Ngài dạy **đường tối thượng**,
Chấm dứt các pháp ấy.*

*768. **Cột gút đã lâu ngày,
Ẩn nằm, trú trong da,
Đức Phật cỡi, quăng đi,
Loại bỏ mọi độc hại.***

276 Bị cướp bắt đem tế thần nhưng không sợ hãi - Kinh Adhimutta – Tiểu III, 370

Adhimutta – *Tiểu III*, 370 (248)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh là con người
chị của Trưởng lão Sankicca.

Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của cậu ngài, và khi
còn là Sa-di, đã chứng quả A-la-hán. Sống hưởng an
lạc giải thoát, ngài muốn thọ Đại giới và đi về nhà để
xin phép bà mẹ.

Khi ngài đi, ngài bị các kẻ **cướp** bắt ngài và muốn
dâng ngài để tế thần. Các tên cướp tấn công ngài
nhưng ngài đứng, không khuất phục.

Tên tướng cướp lấy làm ngạc nhiên, tán thán ngài và
nói:

*705. Vì mục đích tế đàn,
Hoặc vì đích tài sản,
Những người chúng tôi giết,
Từ trước cho đến nay,
Không ai không sợ hãi,
Họ run sợ, rên xiết.*

706. Nhưng ngài không khiếp sợ,
Dung sắc càng hòa duyệt,
Vì sao ngài không than,
Trong đại nạn như vậy?

Adhimutta trả lời:

707. **Chủ cướp! Tâm không khổ,**
Với người không kỳ vọng,
Mọi sợ hãi vượt qua,
Với người kiết sử đoạn.

708. Nhờ đoạn nhân sanh hữu,
Pháp được thấy như thật,
Đối chết, không sợ hãi,
Nhờ gánh nặng đặt xuống.

709. Phạm hạnh ta khéo hành,
Con đường khéo tu tập,
Ta không có sợ chết,
Khi bệnh hoạn được diệt.

710. Phạm hạnh ta khéo hành,
Con đường khéo tu tập,
Hữu được thấy không ngọt,
Như bỏ độc được uống.

711. Bờ kia đến, không thủ,
Việc làm xong, vô lậu,
Bằng lòng, thọ mạng diệt,
Như thoát lò sát sinh.

712. **Pháp tánh** đạt, tối thượng,
Ở đời, tuyệt sở hữu.
Như thoát ngôi nhà cháy,
Trong chết không sầu muộn.

713. Phàm có vật tụ hợp,
Được sanh hữu chỗ nào,
Tuyệt đường mọi xuất ly,
Đại ân sĩ nói vậy.

714. Ai hiểu rõ như vậy,
Như đức Phật đã thuyết,
Không còn nắm **sanh hữu**,
Như hòn sắt cháy đỏ.

715. **Quá khứ ta không có,**
Tương lai, hiện tại không,
Các hành không thực hữu,
Ở đây, than khóc gì?

716. **Thanh tịnh pháp sanh khởi,**

*Thanh tịnh hành tiếp tục,
Bậc thấy được như thật,
Không sợ hãi, thừa ngài.*

717. Với tuệ, thấy thế giới,
Giống như cỏ, thân cây,
Không có tánh ngã sở,
Không sầu muộn, không ngã.

718. Ta nhàm chán thân sắc,
Không ham có sanh hữu,
Khi thân này hoại diệt,
Sẽ không có thân khác.

719. Với thân ta, người làm,
Hãy làm như ý muốn,
Ta không vì duyên ấy,
Sẽ khởi lên **sân, ái**.

720. Kẻ ấy nghe nói vậy,
Hy hữu, lòng dựng ngược,
Quăng bỏ cả đao kiếm,
Thanh niên nói với ta.

721. Tôn giả hành hạnh gì,
Ai Đạo Sư Tôn giả,
Ngài theo lời ai dạy,

Được tánh không sâu nào?

Adhimutta:

722. Bậc toàn trí, toàn kiến,
Thắng giả, giáo sư ta,
Đại từ bi Đạo Sư,
Y vương toàn thế giới.

723. Pháp này vị ấy giảng,
Đưa đến đạt vô thượng,
Theo lời dạy vị ấy,
Được tánh không sâu nào.

724. Kẻ cướp nghe đại sĩ,
Khéo thuyết giảng như vậy,
Chúng liền quăng vất bỏ,
Đao gươm và vũ khí,
Một số bỏ nghề chúng,
Một số xin xuất gia.

725. Sau khi chúng xuất gia,
Trong giáo pháp Thiện Thệ,
Họ tu tập **Giác Chi,**
Năm lực, thành bậc trí.
Tâm hân hoan, ý mãn,
Các căn cảm xúc được,

Niết-bàn đạo, vô vi.

277 Bị cướp đánh đập khi bỏ Thế Tôn đi - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 284

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 284 (Ud 90)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn đang đi giữa đường cùng với Tôn giả Nàgasamàla là Sa-môn tùy tùng. **Tôn giả Nàgasamàla** giữa đường thấy một con đường rẽ, thấy vậy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đây là con đường, chúng ta đi con đường này.

Khi được nói vậy, Thế Tôn nói với Tôn giả Nàgasamàla:

- Nay Nàgasasmàla, đây là con đường. Chúng ta sẽ đi con đường này.

Lần thứ ba, Tôn giả Nàgasamàla bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đây là con đường, chúng ta hãy đi con đường này.

Lần thứ ba, Thế Tôn nói:

- Nay Nàgasamàla, đây là con đường. Chúng ta đi con đường này.

Rồi Tôn giả Nàgasamàla đặt xuống đất y và bát của Thế Tôn, bỏ đi và nói:

- Bạch Thế Tôn, đây là y bát của Thế Tôn.

Rồi Tôn giả Nàgassamàla đi theo con đường ấy, giữa đường bị các tên cướp xuất hiện đánh bằng tay hay chân, đập vỡ bình bát và xé rách thượng y của Tôn giả.

Rồi Tôn giả Nàgasamàla với bình bát bị vỡ, với thượng y bị xé rách đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Nàgasamàla bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con đi con đường ấy các tên cướp xuất hiện, đánh con bằng tay hay bằng chân, đập vỡ bình bát và xé rách thượng y.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

*7. Cùng đi với kẻ ngu,
Kẻ trí phải chen vai,
Khi biết nó là ác,
Lập tức từ bỏ nó,
Như con bò bỏ nước,
Được nuôi ăn với sữa.*

278 Bị dao động vì Đức Phật nhắc nhở - Kinh Kàtiyàna – Tiểu III, 266

Kàtiyàna – Tiểu III, 266 (216)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi, con của một Bà-la-môn thuộc dòng họ Kosiya, nhưng được gọi là Kàtiyàna, theo gia đình của bà mẹ.

Thấy bạn của mình là Sàmannakàni trở thành một Trưởng lão, ngài cũng xuất gia. Khi ngài học tập, ngài cuong quyết đối trị nằm ngủ ban đêm. Trong khi đi qua lại trên con đường kinh hành, ngài **quá buồn ngủ** nên **té xuống**.

Bậc Đạo Sư thấy vậy, đi đến đứng trước ngài và gọi: "Này Kàtiyàna!". Ngài liền đứng dậy, đánh lễ, và đứng một bên, bị dao động mạnh, rồi Thế Tôn thuyết pháp cho ngài như sau:

411. Này Ka-tiya-na,
Hãy thức dậy, ngồi lên,
Chớ có **ngủ** quá nhiều,
Hãy tự mình thức tỉnh,
Này bà con phóng dật,
Kẻ thụ động biếng nhác;

**Chớ để cho thần chết,
Lường gạt, chiến thắng ông.**

412. Như sóng tràn biển lớn,
Cũng vậy **sanh** và **già**,
Tràn ngập chôn lấp ông,
Hãy tự làm cho ông,
Một *hòn đảo* an toàn,
Vì rằng không ai khác,
Phục vụ giúp đỡ ông,
Như là chỗ nương tựa.

413. Đạo Sư lập con đường,
Đường vượt qua trời buộc,
Vượt qua sự sợ hãi,
Của sanh và của già,
Trước đêm và sau đêm,
Hãy sống không phóng dật,
Chú tâm cố kiên trì,
Trong nỗ lực chuyên tâm.

414. Từ bỏ triền phược trước,
Mặc áo Tăng-già-lê,
Đầu cạo trọc trơn láng,
Ăn đồ ăn khát thực,
Chớ có ưa chơi giỡn,
Chớ đam mê ngủ nghỉ,

Hãy nỗ lực thiền định,
Hỡi Ka-ti-ya-na!

415. Hãy thiền tu, chiến thắng,
Hỡi Ka-ti-ya-na!

Hãy thiền xảo con đường,
An ổn các khổ ách;

Hãy đạt cho kỳ được,
Sự thanh tịnh tối thượng.

Ông sẽ chứng Niết-bàn,
Như nước làm tắt lửa.

416. Ánh sáng được tạo ra,

Hào quang còn yếu ớt,

Chẳng khác như cây lau,

Gió thổi nằm rạp xuống,

Hỡi bà con Tu-đa,

Như vậy, chớ chấp thủ,

Hãy tấn xuất Ác-ma,

Ly tham mọi cảm thọ,

Chờ đợi thời của ông!

Tại đây ông mát lạnh.

279 Bị dục làm mù quáng, Bị lưới tà bao trùm - Kinh Ràhula – Tiểu III, 221

Ràhula – Tiểu III, 221 (193)

Ngài là **con của đức Phật và công chúa Yasodhara**, và được nuôi dưỡng với các hoàng tử khác. Trường hợp ngài xuất gia đã được ghi trong tập Khandhaka. Nhờ những lời dạy trong nhiều bài kinh, trí tuệ ngài thuần thực và **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Suy tư đến sự thắng trận của mình, ngài nói lên chánh trí:

*294. Nhờ ta được đầy đủ,
Hai đức tánh tốt đẹp,
Được bạn có trí gọi,
"Ra-hu-la may mắn",
**Ta là con đức Phật,
Ta lại được Pháp nhãn.***

*295. Các lậu hoặc ta đoạn,
Không còn có tái sanh,
Ta là bậc La-hán,
Đáng được sự cúng dường.*

**Ba mình ta đạt được,
Thấy được giới bất tử.**

296. Bị **dục** làm mù quáng,
Bị lưới **tà** bao trùm,
Khát **ái** làm màn che,
Bao trùm che phủ kín.
Do **phóng dật** trối buộc,
Như cá mắc mắt lưới.

297. Ta vượt qua dục ấy,
Cắt đứt ma trối buộc,
Nhỏ lên gốc khát ái,
Ta mát lạnh tịch tịnh.

280 Bị già được không già, Bị nung nấu được tịnh - Kinh Suppiya – Tiểu III, 42

Suppiya – Tiểu III, 42 (32)

Trong thời đức Phật tại thế, do nghiệp quá khứ, ngài được sanh trong gia đình người giữ nghĩa địa ở Sàvatthi.

Được bạn Sopàka thuyết pháp cảm hóa, ngài xuất gia và chứng được quả vị cao nhất. Và trong bài kệ, ngài nói lên chánh trí của ngài khi đang phấn đấu để chứng quả A-la-hán.

*32. Bị già, được không già,
Bị nung nấu, được tịnh,
Mong rằng ta sẽ được,
Tịch tịnh thật tối thượng,
An ổn thật vô thượng,
Thoát khỏi các khổ ách.*

281 Bị khả ái, dễ thương, Trói buộc và chi phối - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 140

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 140 (Ud 14)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthaphindika. Lúc bấy giờ, con trai độc nhất của một nam cư sĩ, khả ái, đáng yêu bị mệnh chung. Rồi nhiều nam cư sĩ, với áo đầm ướt, với tóc đầm ướt, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với các cư sĩ ấy đang ngồi một bên.

- *Này các Cư sĩ, sao các Ông, với áo đầm ướt, với tóc đầm ướt, lại đến đây, trong lúc quá sớm như vậy?*

Khi được nói vậy, người cư sĩ ấy thưa với Thế Tôn:

- *Bạch Thế Tôn, người con trai độc nhất của con, khả ái, khả ý đã mệnh chung. Do vậy chúng con với áo ướt đầm, với tóc ướt đầm đã đến đây trong lúc quá sớm!*

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy nói lên ***lời cảm hứng*** này:

7. ***Bị khả ái, dễ thương,***

*Trối buộc và chi phối,
Rất nhiều chư Thiên chúng,
Và nhiều hạng con người,
Đau khổ và héo mòn,
Bị thần chết nhiếp phục.*

*Ngày đêm không phóng dật,
Từ bỏ dung sắc đẹp,
Vị áy đào gốc khổ,
Mỗi nhử của ác ma,
Thật khó vượt qua được.*

282 Bị kiêu mạn lừa đảo, Tâm uế nhiễm trong hành - Kinh Setuccha – Tiểu III, 110

Setuccha – Tiểu III, 110 (102)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con của một vị vua địa phương. Không thể giữ nước nhà độc lập, ngài bị mất ngôi **vua**.

Lang thang trong nước với tâm tư sầu khổ, ngài thấy và nghe Thế Tôn thuyết pháp, xuất gia, chứng quả A-la-hán. Căn nhắc trong bài kệ, chống đối đời thế tục, ngài nói lên chánh trí của ngài:

*102. Bị kiêu mạn lừa đảo,
Tâm uế nhiễm trong hành,
Lợi, bất lợi, dao động,
Họ không chứng thiên định.*

283 Bị mù bởi các dục, Bị bao phủ bởi lưới - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 256

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 256 (Ud 75)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, nhiều người ở Sàvatthi phần lớn đắm say quá độ về các dục, sống say đắm, tham đắm, tham muốn, tham mê, bị trói buộc, bị mê say trong các dục.

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào Sàvatthi để khát thực. Rồi Thế Tôn thấy các người ấy ở Sàvatthi... trong các dục.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên ***lời cảm hứng*** này:

4. *Bị mù bởi các dục,
Bị bao phủ bởi lưới,
Bị ái dục bao trùm,
Lại còn bị trói buộc,
Bởi trói buộc phóng dật,
Như cá mắc miệng lưới,
Họ đi đến già chết,
Như con bê bú sữa.*

284 Bị mất ngôi vua - Kinh Setuccha – Tiểu III, 110

Setuccha – Tiểu III, 110 (102)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con của một vị vua địa phương. Không thể giữ nước nhà độc lập, ngài bị mất ngôi **vua**.

Lang thang trong nước với tâm tư sầu khổ, ngài thấy và nghe Thế Tôn thuyết pháp, xuất gia, chứng quả A-la-hán. Căn nhắc trong bài kệ, chống đối đời thế tục, ngài nói lên chánh trí của ngài:

*102. Bị kiêu mạn lừa đảo,
Tâm uế nhiễm trong hành,
Lợi, bất lợi, dao động,
Họ không chứng thiên định.*

285 Bị mắng nhiếc nhưng vẫn an tịnh - Kinh Brahmadata – Tiểu III, 277

Brahmadatta – *Tiểu III, 277 (221)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con vua nước Kosala, tên là Brahmadata.

Ngài chứng kiến uy nghi của đức Phật nhân ngày lễ dâng cúng Jetavana, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời gian chứng **sáu thắng trí** với lòng tin và hiểu biết về *ngũ*, bởi lòng tin và hiểu biết về *Pháp*.

Một hôm ngài đi khát thực, một Bà-la-môn nhiếc mắng ngài, ngài im lặng nghe và tiếp tục đi, Bà-la-môn ấy lại chửi mắng ngài, và dân chúng phê bình sự im lặng của ngài; ngài giảng dạy cho dân chúng như sau:

441. *Từ đâu phần nộ khởi,
Với người không phần nộ,
Với người được nhiếp phục,
Sống nếp sống thắng bằng.
Với vị, **trí** giải thoát,
Phật an tịnh như vậy.*

442. *Với ai bị chửi mắng,
Lên tiếng chửi mắng lại,*

*Người ấy tê ác hơn,
Người đã chửi mắng trước.
- Với ai bị chửi mắng,
Nhưng không chửi mắng lại,
Người ấy được chiến thắng,
Trên cả hai mặt trận.*

*443. Sở hành của người ấy,
Vừa lợi mình, lợi người,
Biết người khác phần nộ,
Chánh niệm, tự lắng dịu.*

*444. Là thầy thuốc cả hai,
Cho mình và cho người,
Quần chúng nghĩ là ngu,
Không khéo hiểu Chánh Pháp.*

Rồi Bà-la-môn chửi mắng ấy nghe những lời này, cảm thấy ưu não và hoan hỷ rồi xin lỗi ngài.

Được xuất gia với sự hướng dẫn của ngài, được dạy đề tài **quán từ bi**, như vậy ngài dạy cho phương pháp để đối trị phần nộ:

*445. Nếu **phần nộ** nổi lên,
Hãy nghĩ dụ **cái cưa**,
Nếu **tham vị** khởi lên,
Hãy nghĩ dụ **thịt con**.*

446. *Nếu tâm người chạy theo,
Theo dục, theo sanh hữu,
Hãy gấp nắm với niệm,
Như nắm con vật ác,
Đi vào trong ruộng lúa.*

286 Bị mắng nhiếc phỉ báng - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 135

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I, 135* (Ud 13)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Thế Tôn được cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, tôn kính, nhận được các vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Chúng Tăng cũng được cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, tôn kính, nhận được các vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Nhưng các du sĩ ngoại đạo không được cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, tôn kính, không nhận được các vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Các du sĩ ấy không kham nhẫn được việc Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo được kính trọng. Khi nào gặp các Tỷ-kheo ở làng và ở trong rừng, họ dùng những lời nói không tốt lành, thô ác, mắng nhiếc, phỉ báng, công kích náo hại các Tỷ-kheo. Rồi một số đông Tỷ-kheo, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn được cung kính, tôn trọng... được phẩm trị bệnh. Chúng Tỷ-kheo cũng được cung kính tôn trọng... được phẩm trị bệnh nhưng các du sĩ ngoại đạo không được tôn kính, tôn trọng... được phẩm trị bệnh. Rồi bạch Thế Tôn, các ngoại đạo du sĩ ấy không kham nhẫn được sự việc Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo được kính trọng... nã hại chúng.

Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay lúc ấy, nói lên *lời cảm hứng* này.

4. *Giữa làng, tại núi rừng,*

Cảm thọ khổ và lạc,

Chớ quy về tự mình,

Chớ quy về người khác.

Các xúc được cảm thọ,

Là do duyên sanh y,

Với vị không sanh y,

Do đâu, xúc cảm thọ.

287 Bị mẹ nhắc nhở, con chứng quả - Kinh Mẹ Của Vaddha – Tiểu III, 636

Mẹ Của Vaddha – Tiểu III, 636 (62)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở thành phố Bhàrukaccha, trong một gia đình thường dân. Sau khi lập gia đình, nàng sanh được một người con, đặt tên là Vaddha và nàng được biết là mẹ Vaddha.

Nghe một Tỷ-kheo thuyết pháp, nàng trở thành một tín nữ, và giao lại con cho bà con. Nàng đi đến các Tỷ-kheo-ni và xuất gia. Vaddha đi thăm mẹ, đi một mình vào tinh xá Tỷ-kheo-ni và bị mẹ khiển trách như sau:

204. *Vaddha, chớ bao giờ,
Roi vào cỗi tham dục,
Này con, chớ chia phần,
Trong đau khổ liên tục.*

205. *Hạnh phúc là ẩn sĩ,
Không tham, nghi đoạn tận,
Sống mát lạnh, chế ngự,
Không còn các lậu hoặc.*

206. *Ấn sĩ ấy hành trì,
Con đường đạt chánh kiến,
Chấm dứt sự khổ đau,
Vaddha! Hãy tiến tu.*

Rồi Vaddha suy nghĩ: "Mẹ ta chắc đã chứng quả A-la-hán", nên nói như sau:

207. *Với tự tín mẹ nói,
Mục đích này cho con,
Mẹ thân! Con nghĩ rằng,
Mẹ không còn tham dục.*

Rồi vị Trưởng lão Ni trả lời, nêu rõ trách nhiệm của mình đã làm xong:

208. *Vaddha! Phàm hành gì,
Thấp, cao hay bậc trung,
Một tí nhỏ tham dục,
Không có ở nơi ta.*

209. *Ta đoạn mọi lậu hoặc,
Không phóng dật, **thiền tu**,
Ba minh đã đạt được,
Làm xong lời dạy.*

Người con dùng lời khuyên của mẹ để tự sách tấn đi vào tinh xá, ngồi trên chỗ mình thường ngồi, **triển khai thiên quán** và chứng quả A-la-hán. Suy tư trên hạnh phúc về quả chứng của mình, Vaddha đi đến mẹ và nói lên chánh trí của mình:

210. *Vi diệu thay, mẹ ta,
Khích lệ, thúc đẩy ta,
Những kẻ thuộc **chân đế**,
Với lòng từ thương tưởng.*

211. *Ta nghe lời mẹ dạy,
Lời giáo giới mẹ hiền,
Ta hành pháp cảm kích,
Đạt an ổn khổ ách.*

212. *Ta tinh tấn tinh cần,
Ngày đêm không biếng nhác,
Được mẹ khéo khích lệ,
Ta chứng tịnh tối tợ.*

288 Bị mẹ quả trách, thiên định và chứng quả - Kinh Vaddha – Tiểu III, 239

Vaddha – Tiểu III, 239 (202)

Sanh trong đời đức Phật hiện tại, tại thành Dhamkaccha trong một dòng họ thường dân, ngài được đặt tên là Vaddha.

Khi lớn lên, mẹ ngài cảm thấy âu lo vì vấn đề tái sanh và chết, giao con lại cho bà con, rồi bà xuất gia giữa các Tỷ-kheo-ni. Sau bà trở thành một vị A-ha-hán.

Con bà, cũng xuất gia dưới sự hướng dẫn của Veludanta, học lời dạy đức Phật, trở thành một pháp sư giỏi có tiếng. Một hôm, suy nghĩ đến trách nhiệm của mình, ngài nghĩ: "*Nay ta sẽ đến thăm mẹ ta một mình và không đáp y ngoài*". Rồi ngài đi đến trú xứ các Tỷ-kheo-ni. Mẹ ngài thấy ngài vậy, **chỉ trích ngài** sao đi đến trú xứ Tỷ-kheo-ni một mình và không đáp y ngoài. Ngài nhận thấy mình có lỗi, trở về tinh xá, ngồi trong phòng thiền định và chứng quả A-la-hán.

Ngài nói lên chánh trí của ngài, nhờ lời chỉ trích của mẹ ngài:

334. *Lành thay, bà mẹ ta,*

Kích thích, khích lệ ta,
Nghe lời dạy của bà,
Được dạy bởi bà mẹ,
Ta tinh cần, tinh tấn,
Chứng Bồ-đề vô thượng.

335. Ta xứng được cúng dường,
Ba minh, thấy bất tử.
Ta chứng quả La-hán,
Xứng đáng được cúng dường,
Ba minh đã chứng đạt,
Thấy được quả bất tử,
Chiến thắng quân Ma vương,
Ta sống, không lâu hoặc.

336. Các lậu hoặc, nội, ngoại,
Trước đã có trong ta,
Tất cả bị nhổ sạch,
Không còn khởi lên nữa.

337. Bà chị tâm nhu thuận,
Nói lên ý nghĩa này,
Trong con và trong ta,
Cổ rường không còn nữa.

338. **Khổ** đã được chấm dứt,
Thân này thân cuối cùng,

*Đường sanh tử đứt đoạn,
Nay không còn tái sanh.*

289 Bị nghi là ăn trộm - Kinh Revata – Tiểu III, 352

Revata – Tiểu III, 352 (244)

Các bài kệ của vị Trưởng lão này đã được đề cập trong phẩm một các bài kệ trước (XLII).

Khi đến già, một hôm ngài đi đến yết kiến đức Phật và trú ở Sàvatthi, trong một ngôi rừng. Cảnh sát đến, đuổi bắt kẻ trộm, kẻ trộm quăng đồ ăn trộm gần ngài rồi bỏ chạy, các cảnh sát chạy đến, thấy đồ ăn trộm, liền bắt ngài dẫn đến vua *Pasenadi*.

Vua truyền thả ngài và hỏi có phải ngài đã lấy trộm đồ? Ngài thuyết pháp nói lên sự kiện ngài không có thể làm một sự việc như vậy và nói những bài kệ như sau:

645. *Từ khi ta xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Ta không biết tư duy,
Phi Thánh, liên hệ sân.*

646. *Hay làm hại, sát hại,
Hay làm khổ hữu tình,
Ta không biết tư duy,*

Trong thời gian dài này.

647. Và ta biết **lòng từ**,
Vô lượng khéo tu tập,
Ta thứ lớp tích lũy,
Như lời đức Phật dạy.

648. Là bạn thân tất cả,
Từ mẫn mọi hữu tình,
Ta tu tập tâm từ,
Luôn vui, không sân hận.

649. **Ta thích thú với tâm,**
Không động, không dao động,
Ta tu tập Phạm trú,
Được bậc thiện hành trì.

650. **Ta đạt được vô tâm,**
Đệ tử bậc Chánh giác,
Với im lặng bậc Thánh,
Ta trực diện đạt được.

651. Như **núi đá** không động,
Đứng vững khéo an trú,
Cũng vậy là Tỷ-kheo,
Đạt được si mê diệt,
Vị ấy như ngọn núi,

Không gì làm dao động.

652. *Con người không uế nhiễm,
Luôn tìm sự trong sạch,
Tội nhẹ như đầu tóc,
Xem nặng như mây khói.*

653. *Như thành trì biên địa,
Phòng hộ cả trong ngoài,
Hãy phòng hộ tự ngã,
Sát-na không bỏ qua.*

654. *Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Nhu **thợ** làm việc xong.*

655. *Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Tĩnh giác, giữ chánh niệm.*

656. *Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhỏ sạch.*

657. Vì đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy, ta đạt,
Mọi kiết sử diệt tận.

658. Nỗ lực, chớ phóng dật,
Đầy lời ta giáo giới,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Ta thoát mọi sanh y.

290 Bị quả hấp tấp, rồi tinh tấn thiền quán, chứng quả - Kinh Upasena Con Của Vanganta – Tiểu III, 328

Upasena Con Của Vanganta – *Tiểu III*, 328 (238)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở làng Nàlaka, làm con của nữ Bà-la-môn *Rùpasàrì* và đặt tên là **Upasena** (anh của *Sàriputta*). Khi đến tuổi trưởng thành và học ba tập Vệ-đà.

Ngài xuất gia sau khi nghe đức Phật thuyết pháp. Sau một năm thọ giới, ngài nghĩ làm tăng trưởng hột giống Thánh chủng, độ cho một Tỷ-kheo và với Tỷ-kheo này, ngài đi đến bậc Đạo Sư, bậc Đạo Sư nghe được việc này, chỉ trích cử chỉ hấp tấp của ngài.

Rồi Upasena suy nghĩ: *"Nếu nay, vì có một đệ tử, ta bị bậc Đạo Sư quả trách. Nay cũng nhân lý do này, ta sẽ được Đạo Sư tán thán"*. Rồi tu tập **thiền quán**. Ngài chứng được quả A-la-hán.

Ngài chấp nhận lối sống **hạnh đầu đà** và khuyên các vị khác thực hành theo, và lời khuyên của ngài rất có kết quả khiến cho Thế Tôn chấp nhận ngài là **đệ tử rất được nhiều người biết đến**.

Một Tỷ-kheo hỏi ngài cần phải làm gì khác khi các Tỷ-kheo ở Kosambi tranh cãi nhau và có nạn phá hòa hợp Tăng. Upasena dạy Tỷ-kheo ấy như sau:

577. *Xử viễn ly, không ồn,
Chỗ thú rừng thường trú,
Tỷ-kheo dọn sàng tọa,
Tu học hạnh tịnh cư.*

578. *Từ những đống rác rưởi,
Từ một phần, xa lộ,
Làm Y Tăng-già-lê,
Mang áo cũ sờn mòn.*

579. *Với tâm tư hạ mình,
Tiếp tục đi từng nhà,
Tỷ-kheo sống khát thực,
Căn hộ, khéo chế ngự.*

580. *Bằng lòng món ăn thô,
Không tìm nhiều vị khác;
Nếu tham đắm các vị,
Ý không vui tu thiền.*

581. *Ít dục và biết đủ,
Ẩn sĩ sống viễn ly,
Không thân cận cả hai,*

Tại gia và xuất gia.

582. *Như kẻ ngu, người câm,
Hãy tỏ mình như vậy,
Bậc trí giữa chúng Tăng,
Chớ có giảng quá dài.*

383. *Chớ có chỉ trích ai,
Hãy tránh làm hại ai,
Chế ngự trong giới bốn,
Tiết độ trong ăn uống.*

584. *Khéo nắm giữ các tướng,
Thiện xảo tâm diễn khởi,
Chú tâm vào tịnh chỉ,
Đúng thời tu thiền quán.*

585. *Đủ tinh tấn nhẫn nại,
Luôn chuyên chú bốn phận,
Chưa đạt được khổ diệt,
Kẻ trí tin tưởng tiến.*

586. *Tỷ-kheo muốn thanh tịnh,
Sống nếp sống như vậy,
Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Chứng được tối tịch tịnh.*

Như vậy vị Trưởng lão, trong khi giảng dạy vị Tỷ-kheo, nêu rõ quả chứng của mình và nói lên chánh trí.

291 Bị quả trách biếng nhác, rồi tinh tấn chứng quả - Kinh Sona Potiriyaputta – Tiểu III, 171

Sona Potiriyaputta – *Tiểu III*, 171 (157)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), con của điền chủ Potiriya, được đặt tên là Sona. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài trở thành **tướng chỉ huy quân lực** của Bhaddiya, một vị vua Sakka.

Nay Bhaddiya đã xuất gia, và ngài theo gương Bhaddiya cũng xuất gia, **nhưng ngài biếng nhác, không có tu thiền định**. Thế Tôn ở tại vườn xoài Anupiya, chiếu hào quang đến ngài, khích lệ ngài tu tập chánh niệm, với những bài kệ như sau:

*193. Thấy chớ có ngủ nữa,
Vội đêm, sao vòng hoa,
Đêm này, người có trí,
Thức dậy, không có ngủ.*

Nghe lời này, ngài cảm thấy dao động mạnh, thấy rõ những khuyết điểm của ngài, ngài ngồi thiền ngoài trời, tu tập **thiền quán**, ngài nói lên bài kệ:

194. *Khi con voi tấn công,
Roi từ lưng voi xuống,
Trên chiến trường ta chết,
Tốt hơn sống bại trận.*

Nói vậy, ngài **triển khai thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Rồi ngài lập lại bài kệ của bậc Đạo Sư, và với bài kệ của ngài, ngài nói lên chánh trí của mình.

292 Bị quả trách thân thể nặng nề, khó tu - Kinh Adhimutta – Tiểu III, 119

Adhimutta – Tiểu III, 119 (114)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn giàu có ở Sàvatthi, tên là Adhimutta. Ngài cảm thấy bất mãn khi thấy giáo lý Bà-la-môn không có gì căn bản.

Chứng kiến uy nghi đức độ của đức Phật khi tinh xá Kỳ Viên được dâng cúng, ngài xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Ngài giáo giới các Tỷ-kheo sống với ngài, các vị này rất là lực lưỡng, với bài kệ sau đây:

114. Trong nếp sống tâm tư,
Hướng về **hạnh từ bỏ**,
Với thân thể thô lỗ,
Nặng nề như thế này,
Nếu ham muốn thân thể,
Được thọ hưởng các lạc,
Từ đâu thành tựu được,
Hạnh của bậc Sa-môn?

293 Bị quả trách vì Ngủ há miệng - Kinh Tissa – Tiểu III, 48

Tissa – Tiểu III, 48 (39)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Kapilavatthu, con người dì của đức Phật và được đặt tên là Tissa. Ngài xuất gia theo đức Phật, sống tại một lâm trại và tự phụ với địa vị của mình, tánh hay nóng nảy bất thường, vì vậy ngài không làm bốn phận của mình được hăng hái.

Rồi bậc Đạo Sư, với thiên nhãn thấy ngài đang ngủ há miệng liền hiện đến trước ngài, thức ngài dậy với bài kệ:

39. *Như bị **kiếm** chém xuống,
Như bị **lửa** cháy đầu,
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Chánh niệm, đoạn tham dục.*

294 Bị quả trách vì làm biếng - Kinh Vaddhamàna – Tiểu III, 49

Vaddhamàna – Tiểu III, 49 (40)

Ngài sanh ở Vesàli, trong gia đình một vị vua Licchavì, ngài trở thành một thiếu niên có tín tâm và phục vụ Tăng chúng.

Về sau, khi đã xuất gia, ngài trở thành **biếng nhác** và được Như Lai khích lệ với bài kệ:

*40. Như bị **kiếm** chém xuống,
Như bị **lửa** cháy đầu,
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Chánh niệm, **đoạn tham hữu.***

295 Bị quả trách, nên tinh tấn, chứng quả - Kinh Nita – Tiểu III, 94

Nita – *Tiểu III*, 94 (84)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi, con một Bà-la-môn và được đặt tên là *Nita*.

Khi lớn lên, ngài nghĩ: "*Các tu sĩ Thích-ca thật may mắn, được cúng dường đầy đủ các vật cần dùng. Thật là một đời sống thoải mái, đời sống của một Tu sĩ*". Rồi ngài xin xuất gia để được sống thoải mái, không chú ý đến tu tập, ăn no, nói chuyện nhảm nhí, và ban đêm ngủ dài.

Bậc Đạo Sư thấy được thiện duyên của ngài đời trước, nên nói lên bài kệ này để giáo giới ngài.

*84. Trọn đêm Thầy nằm ngủ,
Ban ngày thích tụ hội,
Kẻ ngu sống như vậy,
Sẽ đoạn khổ được sao?*

Bị dao động bởi lời dạy của bậc Đạo Sư, ngài **triển khai thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Rồi ngài nói lên chánh trí của ngài, bằng cách lập lại bài kệ trên.

296 Bị quả trách, nên tinh tấn, chứng quả - Kinh Sìha – Tiểu III, 93

Sìha – Tiểu III, 93 (83)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Malla, trong gia đình hoàng tộc và được đặt tên là *Sìha*.

Khi thấy đức Phật, ngài bị cảm hóa, đánh lễ và ngồi xuống một bên, bậc Đạo Sư biết được tâm tư của ngài, thuyết pháp cho ngài, ngài khởi lòng tin, xuất gia và lấy một đề tài vào trong rừng để thiền quán.

Tâm tư của ngài bị nhiều đối tượng ám ảnh, ngài không thể thiền định, bậc Đạo Sư thấy vậy, liền nói lên với ngài bài kệ như sau:

83. *Hỡi Sìha, hãy sống,
Không buông lung, phóng dật,
Ngày đêm không biếng nhác,
Kiên trì trong tu tập,
Hãy thực hành thiện pháp,
Gấp bỏ thân tích tụ.*

Nhờ vậy ngài có thể **triển khai thiền quán** và chứng quả A-la-hán. Lúc nói lên chánh trí của mình, ngài đọc lại bài kệ trên.

297 Bị quả trách, phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Sànu – Tiểu III, 53

Sànu – Tiểu III, 53 (44)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ) trong gia đình một cư sĩ, sau khi người cha đã từ bỏ gia đình. Bà mẹ, đặt tên ngài là Sànu, khi ngài lên **bảy tuổi**, được đưa đến ở với các Tỷ-kheo, nghĩ rằng như vậy con mình được sống hạnh phúc.

Rồi Sànu trở thành một vị học hành giỏi, một vị pháp sư, thiền sư với lòng từ bi, được chư Thiên và loài Người ái kính. Trong đời trước, **mẹ** ngài là một **nữ Dạ-xoa**. Sau một thời gian, ngài mất sự sáng suốt, sống sâu khổ và muốn đi lang thang đây đó. Bà mẹ Dạ-xoa của ngài thấy vậy liền báo động với bà mẹ hiện tại và bảo bà khích lệ con bà phải tinh tấn, và đọc lại lời nói của các Yakkhà (Dạ-xoa):

*Chớ có làm điều ác,
Công khai hay bí mật,
Nếu người làm điều ác,
Sẽ làm hay đang làm,
Người không thoát khổ đau,
Dầu có đứng lên chạy.*

Nói như vậy xong, người mẹ Dạ-xoa biến mất, nhưng người mẹ hiện tại, nghe vậy rất lấy làm sầu khổ. Rồi Sa-di Sànu cầm y và bát đến thăm bà mẹ rất sớm. Thấy mẹ sầu muộn, ngài hỏi và được bà mẹ trả lời lý do, ngài nói bài kệ:

*44. Thừa mẹ, người ta khóc,
Khóc vì người đã chết,
Hay có khóc người sống,
Khi sống, không được thấy,
Thừa mẹ, con đang sống,
Và mẹ đang thấy con,
Vậy vì sao, thừa mẹ,
Mẹ lại khóc cho con?*

Bà mẹ trả lời, từ những lời trong kinh: **"Đây là sự chết, này các Tỷ-kheo trong giới luật của bậc Thánh, tức là sự từ bỏ học giới và hoàn tục"**, và nói bài kệ như sau:

*Người ta khóc cho con,
Là khóc cho con chết,
Hay khóc cho con sống,
Nhưng không được thấy mặt.
**Ai đã bỏ dục vọng,
Lại trở lui đời này,***

*Này con, người ta khóc,
Là khóc cho người ấy,
Vì người ấy được xem,
Còn **sống** cũng như **chết**,
Này con, được kéo ra,
Khởi than hầm lửa rực,
Con còn muốn rơi vào,
Đống than hồng ấy chẳng?*

Khi ngài nghe vậy, Sa-di Sànu lấy làm xấu hổ sâu
muộn, và tinh tấn **phát triển thiền quán**, không bao
lâu ngài chứng quả A-la-hán. Suy nghĩ rằng ngài
chiến thắng là nhờ những bài kệ này, nên lấy những
bài kệ ấy thành những bài kệ của ngài.

298 Bị quả trách, rồi thiên quán và chứng quả - Kinh Belatthakàni – Tiểu III, 109

Belatthakàni – Tiểu III, 109 (101)

Tái sanh trong thời đức Phật hiện tại ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn, ngài được đặt tên là *Belatthakàni*.

Sau khi nghe đức Phật thuyết giảng, ngài xuất gia, tu tập **chỉ quán** trong một khu rừng ở Kosala.

Nhưng ngài rất **biếng nhác và hay nói lời thô ngữ**, do vậy tâm tư ngài không chơn chánh để tu tập, Thế Tôn biết được thiên quán chín muồi của ngài, khích lệ ngài với bài kệ như sau:

*101. Từ bỏ đời cư sĩ,
Trách nhiệm chưa làm xong,
Dùng miệng như cái cày,
Bụng ăn no, biếng nhác,
Như con heo to lớn,
Đồ ăn thật đầy đủ,
Kẻ nhác lại liên tục,
Đi đến chỗ thai tạng.*

Như thấy đức Bồ Sư trước mặt, ngài cảm thấy xúc động mãnh liệt khi nghe bài kệ này và **triển khai thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán, ngài dùng bài kệ này nói lên chánh trí của ngài.

299 Bị quả trách, rồi tinh tấn chứng quả - Kinh Kappata Kura – Tiểu III, 174

Kappata Kura – Tiểu III, 174 (160)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Sàvatthi, trong tình cảnh nghèo nàn, ngài chỉ biết tự nuôi sống, bằng cách mặc đồ rách rưới, bát ăn xin cầm tay, đi xin gạo cơm. Vì vậy ngài được tên là *Kappatakura* (*rách và gạo*).

Khi lớn lên, ngài nuôi sống bằng cách bán cỏ. Một hôm, đang cắt cỏ trong rừng, ngài gặp một vị Trưởng lão, ngài đánh lễ, ngồi xuống nghe pháp. Ngài khởi lòng tin, từ bỏ nếp sống cũ, xuất gia, cắt đồ rách rưới vào một chỗ.

Khi ngài cảm thấy nhàm chán với đời sống mới, ngài đi đến nhìn đồ rách rưới ấy, tâm ngài trở thành bất an. Làm như vậy, bảy lần ngài rời khỏi chúng Tăng. Các Tỷ-kheo báo cáo lên sự việc này.

Một hôm, khi ngài là một Tỷ-kheo đang ngồi giữa chúng Tăng tại giảng đường, bậc Đạo Sư giáo giới ngài với những bài kệ như sau:

199. Đây là đồ rách rưới,
Của Kappata-kura,

*Y áo đang phủ đắp,
Thật là quá nặng nề,
**Trong bình bát bắt tử,
Được đựng đầy Chánh pháp,
Nhưng nó không thực hành,
Con đường hành thiền định.***

*200. Hồi này Kappata,
Chớ lắc qua lắc lại,
Chớ khiến ta phải đánh,
Các tiếng vào tai ông,
Hồi này Kappata,
Chớ làm kẻ si mê,
Ngồi lắc qua lắc lại,
Giữa Tăng chúng hội họp.*

Bị đức Phật quở trách mạnh mẽ, ngài dao động mạnh, **phát triển thiền quán**, không bao lâu chúng quả A-la-hán. Rồi ngài lập lại các bài kệ đã khích lệ ngài tu hành và những bài kệ này trở thành những lời tuyên bố chánh trí của ngài.

300 Bị quả trách, thiền quán và chứng quả - Kinh Dhammika – Tiểu III, 224

Dhammika – Tiểu III, 224 (195)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Kosala, tên là Dhammika. Khi Jetavana (Kỳ Viên) được dâng cúng, ngài khởi lòng tin, và xuất gia.

Sống tại một tinh xá ở làng, ngài cảm thấy bất mãn và khó chịu đối với các công việc các Tỷ-kheo đến tinh xá. Do vậy **các Tỷ-kheo đều bỏ đi** và ngài làm chủ một mình một ngôi tinh xá. Một cư sĩ báo cáo sự việc lên bậc Đạo Sư, bậc Đạo Sư cho gọi ngài lên để giải thích.

Theo lời các Tỷ-kheo yêu cầu, ngài nói lên những bài kệ như sau:

*302. Pháp che chở hộ trì,
Người hành trì Chánh pháp,
Pháp đem lại an lạc,
Cho người khéo hành pháp,
Đây là những lợi ích,
Khi pháp khéo hành trì,
Người hành trì Chánh pháp,*

Không đi xuống ác thú.

303. *Cả hai pháp, phi pháp,
Kết quả không giống nhau;
Phi pháp, dẫn địa ngục,
Pháp đưa đến cõi lành.*

304. *Do vậy, đối Chánh pháp,
Khởi ý muốn hành trì,
Tâm tư sanh hoan hỷ,
Khéo thiện lai như vậy.
Vững trú trên Chánh pháp,
Đệ tử bậc Thiện Thệ,
Sáng suốt tiến bước lên,
Quy y bậc tối thượng.*

305. ***Phá vỡ cội ung nhọt,
Nhỏ lên lười ái triền,
Luân hồi được đoạn tận,
Không còn có sanh y,
Như trăng vào ngày rằm,
Trong đêm thanh trong sáng.***

Khi Thế Tôn dạy ba bài kệ trên, Dhammika trên chỗ ngồi **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán. Để nói lên quả chứng của mình cho bậc Đạo Sư rõ,

ngài nói lên bài kệ cuối cùng để nói lên chánh trí của ngài.

301 Bị thiên - Do nghiệp lấy vợ người - Kinh Isidàsi – Tiểu III, 703

Isidàsi – *Tiểu III*, 703 (72)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Ujjeni, con gái một thương gia có giới đức, được kính trọng, và giàu có và đặt tên là Isidàsi.

Khi nàng đến tuổi trưởng thành, cha nàng gả nàng cho con trai một người thương gia, xứng đôi vừa lứa. Trong một tháng, nàng sống với chồng như một người vợ trung thành. Nhưng vì **ng nghiệp** đời trước của nàng, **chồng nàng trở thành lạnh nhạt** đối với nàng và đuổi nàng ra khỏi nhà. Mọi sự việc này được ghi rõ trong nguyên bản Pàli. Vì nàng tự tỏ không xứng đáng đối với người chồng này và chồng khác, nàng trở thành dao động, và được cha cho phép, nàng xuất gia với sự hướng dẫn của Trưởng lão Ni Jinadattà.

Sau khi **tu học thiên quán**, không bao lâu nàng chứng quả A-la-hán với sự hiểu biết về pháp và về nghĩa.

Sống trong sự an lạc Niết-bàn, một hôm sau khi đi khát thực và ăn xong, trong thành Patna, nàng ngồi bên bờ cát sông Hằng và đáp lời hỏi của Trưởng lão Ni Bodhi, nàng nói lên kinh nghiệm tu tập của nàng

ngang qua những bài kệ này. Và để cho có sự liên hệ giữa các câu trả lời trước và sau có bài kệ được các nhà kiết tập về sau thêm vào:

*400. Trong thành được đặt tên,
Tên chỉ một đóa hoa,
"Pàtaliputta",
"Con của đóa bông kèn",
Sống hai Tỷ-kheo-ni,
Có giới hạnh tốt đẹp,
Thuộc gia đình Thích-ca,
Gia đình cao quyền quý.*

*401. Một I-xi-đa-xi,
Thứ hai tên Bô-dhi,
Cả hai có giới hạnh,
Ưu thích tu thiền định,
Được nghe kinh điển nhiều,
Kiết sử được trừ bỏ.*

*402. Họ đi khát thực xong,
Ăn xong, bát rửa sạch,
Ngồi hưởng lạc viển ly,
Nói lên những lời này.*

*403. Hồi I-xi-đa-xi,
Căn nàng thật thoải mái,*

*Tuổi thọ chưa tổn giảm;
Nàng thấy khuyết điểm gì,
Khiến tâm chú trọng nhiều,
Đến hạnh nguyện xuất ly.*

*404. Như vậy sống viên ly,
Thiện xảo về thuyết pháp,
I-xi-da-xi thuyết,
Lời nói như thế này,
Hãy nghe, này Bô-đi,
Ta xuất gia thế nào.*

*405. Tại thành phố thù thắng,
Đặt tên Uj-jê-ni,
Cha ta là triệu phú,
Có đức độ giới hạnh,
Ta là con gái một,
Được cha thương, yêu quý.*

*406. Từ thành Xê-kê-ta,
Một người dạm hỏi đến,
Một gia đình quyền quý,
Hỏi ta cho con trai,
Triệu phú bèn gả ta,
Làm dâu người giàu ấy.*

407. Sáng và chiều, ta đến,

*Đánh lễ cha, mẹ chồng,
Cúi đầu đánh lễ chân,
Như ta được dạy bảo.*

*408. Với chị, với em anh,
Với bà con chồng ta,
Thấy một người bước vào,
Ta e sợ mời ngồi.*

*409. Về đồ ăn, uống, nhai,
Được cất giữ có chỗ,
Ta thiết đãi cho ăn,
Thích hợp từng người một.*

*410. Ta thức dậy đúng thời,
Đi vòng quanh khắp nhà,
Rồi chà rửa chân tay,
Ta đến lễ chồng ta.*

*411. Cầm theo lược trang liệu,
Thuốc xoa mắt gương nhỏ,
Ta trang điểm chồng ta,
Như thị tỳ hầu hạ.*

*412. Ta tự nấu dọn cơm,
Ta tự rửa chén bát,
Như mẹ đối với con,*

Ta hầu chồng như vậy.

*413. Như vậy phục vụ chồng,
Với phục vụ tối thượng,
Dậy sớm không biếng nhác,
Với tâm tư khiêm tốn,
Với giới hạnh tốt đẹp,
Nhưng chồng ác cảm ta.*

*414. Chồng ta nói mẹ cha,
Xin phép con sẽ đi,
Với I-xi-đa-xi,
Con không thể sống chung,
Cùng dưới một mái nhà,
Con không thể cùng ở.*

*415. Chớ nói vậy, này con!
Vợ con người có trí,
Thông minh, biết dậy sớm,
Sao con không hoan hỷ.*

*416. Nàng không hại gì con,
Nhưng con không bao giờ,
Có thể sống chung được,
Với I-xi-đa-xi,
Con ghét cay chán ngấy,
Xin phép, con sẽ đi.*

417. Được nghe lời chồng nói,
Cha mẹ chồng hỏi con.
Làm gì xúc phạm chồng?
Hãy thẳng thắn nói thật.

418. Con không xúc phạm gì!
Không hại, không mưu tính.
Với lời nói khó chịu,
Có thể làm gì được?
Tuy vậy chồng của con,
Lại ác cảm chống con.

419. Họ đưa ta về nhà,
Nhà thân phụ của ta,
Với tâm tư khổ não,
Sửng sốt và bối rối,
Không muốn mất con trai,
Họ muốn bảo vệ nó.
Ôi, chúng ta bại trận,
Bởi nữ thần may rủi.

420. **Cha ta lại gả ta,**
Cho gia đình thứ hai,
Một gia đình giàu có,
Bằng lòng nửa số tiền,
Là tiền gả bán ta.

421. **Ta chỉ sống một tháng,**
Trong gia đình vị ấy,
Vị ấy trả lui ta,
Dầu ta tận tụy làm,
Chẳng khác người nô lệ,
Không lỗi lầm, có đức.

422. **Cha ta nói khát sĩ,**
Sống điều phục chế ngự,
Người hãy làm rể ta,
Bỏ áo rách ghè bình.

423. Vị ấy sống **nửa tháng,**
Rồi nói với cha ta,
Hãy trả lui áo rách,
Ghè bình và bình bát,
Con nay muốn sống lại,
Nghề khát sĩ của con.

424. Cha, mẹ, toàn bà con,
Liên nói với vị ấy:
Ở đây có cái gì,
Làm con không bằng lòng?
Hãy nói gấp cái gì,
Làm con không vừa ý.

425. Được nói vậy, vị ấy,
Liên trả lời như sau:
Nếu đối với tự ngã,
Con có thể bằng lòng,
Nhưng con không chung sống,
Với I-xi-đa-xi!

426. Từ giã vị ấy đi,
Một mình, ta suy nghĩ:
Ta đến để xin phép,
Hoặc chết hay xuất gia.

427. Rồi Ji-na-đạt-ta.
Vị ni sư ấy đến,
Trong khi đi khát thực,
Đến gia đình cha ta,
Vị thọ trì giới luật,
Nghe nhiều, có giới hạnh.

428. Thấy Ni sư, chúng tôi,
Đều đứng lên kính cẩn,
Và ta liền sửa soạn,
Chỗ ngồi cho Ni sư,
Ngồi xuống, ta đánh lễ,
Dưới chân bậc Ni sư,
Lễ xong, ta cúng dường,
Các đồ ăn đồ uống.

429. Các món ăn, uống, nhai,
Tại đây, được dự trữ,
Làm Ni sư thỏa mãn,
Ta thừa với Ni sư,
Nay ta muốn xuất gia,
Sống đời không gia đình,
Cha ta nói với ta:
"Này con hãy ở đây".

430. Hành trì đúng Chánh pháp,
Với đồ ăn đồ uống,
Hãy làm cho thỏa mãn,
Sa-môn, hai lần sanh.

431. Vừa nói, ta khóc lóc,
Chấp tay vái cha ta;
Với điều ác con làm,
Con sẽ tiêu nghiệp ấy.

432. Cha ta nói với ta:
Hãy chứng ngộ Bồ-đề.
Và Chánh pháp tối thượng!
Hãy chứng đắc Niết-bàn,
Đã được Lương Túc Tôn,
Thành tựu và chứng đạt.

433. *Ta đánh lễ mẹ cha,
Cùng tất cả bà con,
Sau **bảy** ngày xuất gia,
Ta chứng được **Ba minh**.*

434. ***Ta biết bảy đời trước,
Quả gì nay thành thực,
Ta sẽ nói cho bạn,
Hãy nhất trí lắng nghe.***

435. *Tại thành phố đặt tên,
Ê-ra-ka-kac-chê,
**Ta sống là thợ vàng,
Tài sản thật phong phú.***

436. *Say đắm với tuổi trẻ,
Ta xâm phạm vợ người,
Do vậy, sau khi chết,
Trong cảnh giới địa ngục,
Ta bị đốt, nung nấu,
Trong một thời gian dài,
Thoát khỏi sự nung đốt,
Ta sanh trong bụng **khỉ**.*

437. *Bảy ngày từ khi sanh,
Ta **bị khỉ chúa thiến,**
Đây là quả của nghiệp,*

Do đi đến vợ người.

438. Từ đây ta chết đi,
Mệnh chung rùng Xin-đa,
Sanh trong bụng con **đê**,
Một mắt và què quặt.

439. **Mười hai năm bị thiên,**
Mang nặng những đứa con,
Sán trùng ăn vô dụng,
Do đi đến vợ người.

440. Từ đây ta chết đi,
Sanh làm con **bò cái**,
Của một lái buôn bò,
Con ghé màu đỏ sẫm,
Khi được mười hai tháng.
Lại bị người ta thiên.

441. Rồi ta lại kéo cày,
Kéo xe cho chúng nó,
Mù, lo lắng, vô dụng,
Do đi lại vợ người.

442. Từ đây chết được sanh,
Nhà **nữ tỳ gần đường,**
Không là nữ, không nam,

Do đi lại vợ người.

443. Đến tuổi **ba mươi** năm,
Bị chết, ta được sanh,
Sanh làm người con gái,
Gia đình người đánh xe,
Nghèo khổ ít tài sản,
Rơi vào tay vay lãi,
Do tiền nợ tăng trưởng,
Chủ lãi đoàn bắt ta.

444. Kéo ta, dẫu ta khóc,
Lôi ta ra khỏi nhà.

445. Khi ta mười sáu tuổi,
Lớn lên thành thiếu nữ,
Con trai thương gia ấy,
Bắt ta lấy làm vợ.

446. Nhưng nó có vợ khác,
Có giới đức danh xưng,
Lại biết thương mến chồng,
Chính ta tạo thù hằn.

447. Do quả của nghiệp này,
Họ khinh ghét chống ta,
Dẫu ta như nô tỳ,

*Hầu hạ phục vụ họ,
Nhưng nay ta chấm dứt,
Mọi sự việc như trên.*

302 Bị thúc đẩy bởi điều kiện chín muồi - Kinh Dhammasava – Tiểu III, 114

Dhammasava – *Tiểu III*, 114 (107)

Sanh tại xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), trong một gia đình Bà-la-môn, bị thúc đẩy bởi điều kiện chín muồi, ngài chọn đời sống xuất gia, bỏ đời sống thế tục. Tìm gặp bậc Đạo Sư ở núi Nam Sơn, ngài nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, xin xuất gia, sau một thời gian chứng quả A-la-hán.

Hoan hỷ với quả chứng của mình, ngài nói lên bài kệ:

*107. Cân nhắc, suy tư xong,
Ta xuất gia, không nhà,
Ba mình ta đạt được,
Lời Phật dạy, làm xong.*

303 Bị đuổi đi vì ồn ào, rồi chứng quả - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 157

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 157 (Ud 24)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, trong khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, khoảng năm trăm Tỷ-kheo do Yasoja dẫn đầu, đã đến Sàvatthi để yết kiến Thế Tôn. Các Tỷ-kheo mới đến ấy, trong khi chào thăm các Tỷ-kheo sở tại, sắp đặt sàng tọa, sửa soạn y bát, **gây tiếng ồn ào to lớn**. Thế Tôn bảo Tôn giả Ananda:

- *Này Ananda, tiếng ồn ào to lớn này là gì, như các người đánh cá cướp giật cá?*

- Bạch Thế Tôn, có năm trăm Tỷ-kheo này, dẫn đầu là Yasoja, đã đến Sàvatthi để yết kiến Thế Tôn. Các Tỷ-kheo mới đến ấy... gây nên tiếng ồn ào to lớn.

- Này Ananda, hãy nhân danh Ta nói với các Tỷ-kheo ấy: "Bậc Đạo Sư gọi các Tôn giả".

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn, đi đến các Tỷ-kheo ấy, sau khi đến nói với các Tỷ-kheo ấy:

- Bậc Đạo Sư gọi các Tôn giả!

- Thừa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ananda, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo ấy đang ngồi một bên:

- Nay các Tỷ-kheo, tiếng ồn ào to lớn này là gì, như các người đánh cá cướp giật cá?

Tôn giả Yasoja bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, có năm trăm Tỷ-kheo này đã đến Sàvatthi để yết kiến Thế Tôn. Các Tỷ-kheo mới đến này... gây nên tiếng ồn ào to lớn.

- Nay các Tỷ-kheo, hãy đi đi! Ta đuổi các Thầy, các Thầy không xứng đáng được sống gần Ta!

- Thừa vâng! Bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân hữu hướng về Ngài, dọn dẹp, sàng tọa, cầm lấy y bát, đi đến dân chúng Vajjì, tiếp tục bộ hành giữa dân chúng Vajjì rồi đi đến con sông Vaggamudà; sau khi đến, dựng lên chòi lá trên sông Vaggamudà, an cư mùa mưa tại chỗ ấy. Rồi Tôn giả Yasoja, sửa soạn an cư bảo các Tỷ-kheo:

- Thừa các Hiền giả, Thế Tôn đuổi chúng ta, vì lợi ích, vì hạnh phúc cho chúng ta, vì khởi lên lòng từ mẫn đối với chúng ta. Nay chư Hiền, chúng ta hãy

sống cho thật đúng pháp, chúng ta sống như thế nào để Thế Tôn có thể hoan hỷ!

- Thừa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo vâng đáp Tôn giả Yasoja. Rồi các Tỷ-kheo ấy sống viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, và trong thời gian an cư, tất cả đều giác ngộ Ba Minh.

Rồi Thế Tôn, sau khi ở tại Sàvatthi cho đến khi vừa ý, liền bộ hành đi đến Vesàli, tiếp tục bộ hành đến Vesàli. Tại đây, Thế Tôn trú ở Đại Lâm, tại ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Thế Tôn với tâm của mình tác ý đến tâm các Tỷ-kheo ở trên bờ sông Vaggumudà, gọi Tôn giả Ananda: *"Như có hào quang, này Ananda, là phương này, như có ánh sáng, này Ananda, là phương này. Tại phương ấy, các Tỷ-kheo đang sống trên bờ sông Vagumudà. Thật là không nhàm chán cho Ta nếu được đi và tác ý đến phương ấy. Này Ananda, hãy gửi một sứ giả đến các Tỷ-kheo ở trên bờ sông Vaggumudà và nói: "Bậc Đạo sư cho gọi các Tôn giả! Bậc Đạo sư muốn gặp các Tôn giả!"*

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn, đi đến một Tỷ-kheo, sau khi đến, nói với Tỷ-kheo ấy:

- Hãy đi, này Hiền giả, hãy đi đến các Tỷ-kheo ở trên bờ sông Vaggumudà; sau khi đến, nói với các Tỷ-kheo ấy như sau: "Bậc Đạo sư cho gọi các Tôn giả!"

- Thừa vâng, Hiền giả.

Vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ananda, như một người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại hay co lại cánh tay đang duỗi ra, cũng vậy vị ấy biến mất ở ngôi nhà có nóc nhọn tại Đại Lâm, và hiện ra trước mắt các Tỷ-kheo ở trên bờ sông Vaggumudà. Rồi Tỷ-kheo ấy nói với các Tỷ-kheo ở trên bờ sông Vaggumudà:

- Bậc Đạo Sư gọi các Tôn giả! Bậc Đạo sư muốn gặp các Tôn giả.

- Thừa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp vị Tỷ-kheo ấy, sau khi dọn dẹp sàng tọa, cầm y bát, ví như một nhà lực sĩ... co lại bàn tay đang duỗi ra, cũng vậy các Tỷ-kheo ấy biến mất ở trên bờ sông Vaggumudà, và hiện ra ở Đại Lâm, tại nhà có nóc nhọn, trước mặt Thế Tôn. Lúc bấy giờ Thế Tôn đang ngồi trong **thiền định bất động**. Các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ: "Nay Thế Tôn đang an trú trong loại an trú nào?" Rồi các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ: "Thế Tôn nay đang an trú trong loại an trú bất động".

Và tất cả các Tỷ-kheo ấy ngồi xuống trong **định bất động**.

Tôn giả Ananda khi đêm đã gần mãn, canh một đã gần qua, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn, và bạch Thế Tôn:

- Đêm đã gần tàn, canh một đã gần qua. Các Tỷ-kheo mới đến ngồi đã lâu. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy chào đón các Tỷ-kheo mới đến.

Được nghe nói vậy, Thế Tôn giữ im lặng.

Lần thứ hai, Tôn giả Ananda, sau khi đêm đã gần mãn, canh giữa đã gần qua, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn và Bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh giữa đã gần qua. Các Tỷ-kheo mới đến ngồi đã lâu. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy chào đón các Tỷ-kheo mới đến.

Lần thứ hai, Thế Tôn giữ im lặng.

Lần thứ ba, Tôn giả Ananda, khi đêm đã gần mãn, canh cuối đã gần qua, rạng đông đã lộ dạng, đêm đã có bộ mặt hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên, chấp tay hướng về Thế Tôn, và bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh cuối đã gần qua, rạng đông đã lộ dạng, đêm đã có bộ mặt hoan hỷ, các Tỷ-kheo mới đến ngồi đã lâu... Thế Tôn hãy chào đón các Tỷ-kheo mới đến!

Rồi Thế Tôn xuất khỏi định ấy bảo Tôn giả Ananda:

- Nếu Thầy có hiểu biết, này Ananda, Thầy sẽ không nói như vậy. Này Ananda, Ta và năm trăm Tỷ-kheo này tất cả đang nhập định bất động.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

*3. Ai đã thắng gai dục,
Năng, gia hại, trói buộc,
Vị ấy đứng bất động,
Như núi vững an trú,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Lạc khổ không dao động.*

304 Bị đệ tử quả trách làm biếng - Kinh Somamitta – Tiểu III, 142

Somamitta – *Tiểu III*, 142 (134)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Benares trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Somamitta. Ngài trở thành một vị thông hiểu ba tập Vệ-đà, và được Trưởng lão Vimāla cảm hóa, ngài xuất gia, ngài sống gần vị Trưởng lão, làm trọn bốn phận của mình.

Nhưng vì Trưởng lão trở thành biếng nhác và ham ngủ, Somamitta suy nghĩ: "Ai có thể có giới đức, sống gần một người biếng nhác?"

Rồi ngài đi đến Tôn giả Mahā Kassapa (Đại Ca-diếp) nghe thuyết giảng, **phát triển thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài chỉ trích Vimāla với những câu kệ như sau:

147. *Như leo trên ván nhỏ,
Giữa biển lớn bị chìm,
Cũng vậy đến kẻ khác,
Người hạnh tốt cũng chìm.
Do vậy hãy bỏ nó,
Kẻ làm biếng làm nhác.*

148. *Hãy sống gần bậc Thánh,
Bậc viễn ly, tinh cần,
Thiền định, thường tinh tấn,
Bậc Hiền trí sáng suốt.*

Nghe vậy, Trưởng lão Vimala rất xúc động, **phát triển thiền quán**, tự mình tinh tấn để được giải thoát, không bao lâu chúng đạt được mục đích.

305 Bọt nước - Biết thân như bọt nước, Ngộ thân là như huyễn - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 40

Phẩm Hoa – *Tiểu I*, 40

44. "Ai chinh phục đất này
Dạ ma, Thiên giới này,
Ai khéo giảng Pháp cú,
Như người khéo hái hoa."

45. "Hữu học chinh phục đất,
Dạ ma, Thiên giới này.
Hữu học giảng Pháp cú,
Như người khéo hái hoa."

46. "*Biết thân như bọt nước,*
Ngộ thân là như huyễn,
Bỏ tên hoa của ma,
Vượt tầm mắt thần chết."

47. "Người nhặt các loại hoa,
Ý đắm say, tham nhiễm,
Bị thần chết mang đi,
Như lạt trôi làng ngủ."

48. Người nhặt các loại hoa,
Ý đắm say tham nhiễm,
Các dục chưa thỏa mãn,
Đã bị chết chinh phục."

49. "Như ong đến với hoa,
Không hại sắc và hương,
Che chở hoa, lấy nhụy.
Bậc Thánh đi vào làng".

50. "Không nên nhìn lỗi người,
Người làm hay không làm.
Nên nhìn tự chính mình.
Có làm hay không làm."

51. "Như bông hoa tươi đẹp,
Có sắc nhưng không hương.
Cũng vậy, **lời khéo nói,**
Không làm, không kết quả."

52. "Như bông hoa tươi đẹp,
Có sắc lại thêm hương;
Cũng vậy, **lời khéo nói,**
Có làm, có kết quả."

53. "Như từ một đồng hoa,
Nhiều tràng hoa được làm.

Cũng vậy, thân sanh tử,
Phải làm nhiều việc lành."

54. "Hương các loại hoa thơm
Không ngược bay chiều gió
Nhưng **hương người đức hạnh**
Ngược gió khắp tung bay
Chỉ có bậc chân nhân
Tỏa khắp mọi phương trời."

55. "Hoa chiêm đàn, già la,
Hoa sen, hoa vũ quý,
Giữa những hương hoa ấy,
Giới hương là vô thượng."

56. "Ít giá trị hương này,
Hương già la, chiêm đàn;
Chỉ hương người đức hạnh,
Tối thượng tỏa Thiên giới."

57. "Những ai có giới hạnh,
An trú không phóng dật,
Chánh trí, chơn giải thoát,
Ác ma không thấy đường."

58. "Như giữa đồng rác nhóp,
Quăng bỏ trên đường lớn,

Chỗ ấy hoa sen nở,
Thơm sạch, đẹp ý người."

59. "Cũng vậy, giữa quần sanh,
Uế nhiễm, mù, phàm tục,
Đệ tử bậc Chánh Giác,
Sáng ngời với **Tuệ Trí**."

306 Bỏ cỏ trâu vào giếng, ác ý với Đức Phật - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 261

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 261 (Ud 78)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn đang bộ hành giữa dân chúng Mallà cùng với đại chúng Tỷ-kheo, đi đến làng Bà-la-môn của dân chúng Malà tên là Thùna. Các Bà-la-môn gia chủ ở Thùna được nghe: "Sa-môn Gotama từ dòng họ Thích Ca xuất gia, đang bộ hành giữa dân chúng Mallà cùng với đại chúng Tỷ-kheo, nay đã đến Thùna". Họ đổ đầy miệng giếng với cỏ và trâu với ý nghĩ: "Mong rằng các Sa-môn trọc đầu ấy không có nước uống".

Rồi Thế Tôn từ trên đường bước xuống, đi đến dưới một gốc cây, sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy đem nước uống từ nơi giếng này cho Ta.

Khi được nói vậy, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, nay các giếng ấy bị các gia chủ Bà-la-môn ở Thùna lấp đầy miệng giếng với cỏ và trâu với ý

nghĩ: "Mong rằng các Sa-môn trọc đầu ấy không có nước uống".

Lần thứ hai, Thế Tôn bảo Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy đem nước uống từ nơi giếng này cho Ta!

Lần thứ hai, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Nay các giếng ấy... không có nước uống.

Lần thứ ba, Thế Tôn bảo Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy đem nước uống từ nơi giếng này cho Ta.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn, lấy bình bát, đi đến cái giếng ấy. Tại cái giếng ấy, khi Tôn giả Ananda đi đến, phun ra tất cả cỏ và trấu khỏi miệng giếng, và nước trong sáng không cấu uế, trong lắng, tràn đầy miệng, cho đến như là tràn ra ngoài. Rồi Tôn giả Ananda suy nghĩ: "Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay là đại thần lực, đại uy lực của Như Lai. Cái giếng này khi ta đến, phun ra tất cả cỏ và trấu khỏi miệng giếng... như là tràn ra ngoài".

Rồi Tôn giả Ananda cầm lấy bát nước, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay là đại thần lực... như là tràn ra ngoài! Bạch Thế Tôn hãy uống nước. Bạch Thiện Thệ, hãy uống nước!

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên *lời cảm hứng* này:

9. *Cần làm gì với giếng,
Khi nước có cùng khắp,
Chặt đứt ái từ gốc,
Cần hành tầm cầu gì?*

307 Bỏ phần nô, ly mạn, Vượt qua mọi kiết sử - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 75

Phẩm Phần Nô – *Tiểu I*, 75

221. Bỏ phần nô, ly mạn,
Vượt qua mọi kiết sử,
Không chấp trước **danh sắc**.
Khô không theo vô sản.

222. Ai chận được phần nô,
Như dừng xe đang lăn,
Ta gọi người đánh xe,
Kẻ khác, cầm cương hờ.

223. Lấy **không giận** thắng giận,
Lấy **thiện** thắng không thiện,
Lấy **thí** thắng xan tham,
Lấy **chơn** thắng hư nguy.

224. Nói thật, không phần nô,
Của ít, thí người xin,
Nhờ ba việc lành này,
Người đến gần thiên giới.

225. Bạc hiên không hại ai,

Thân thường được chế ngự,
Đạt được **cảnh bất tử**,
Đến đây, không ưu sầu.

226. Những người thường giác tỉnh,
Ngày đêm siêng tu học,
Chuyên tâm hướng Niết Bàn,
Mọi lậu hoặc được tiêu.

227. A-tu-la, nên biết,
Xưa vậy, nay cũng vậy,
Ngồi im, bị người chê,
Nói nhiều, bị người chê.
Nói vừa phải, bị chê.
Làm người không bị chê,
Thật khó tìm ở đời.

228. **Xưa, vị lai, và nay,**
Đâu có sự kiện này,
Người hoàn toàn bị chê,
Người trọn vẹn được khen.

229. Sáng sáng, thẩm xét kỹ.
Bậc có trí tán thán,
Bậc trí không tỳ vết,
Đầy đủ **giới định tuệ**.

230. Hạnh sáng như vàng ròng,
Ai dám chê vị ấy?
Chư thiên phải khen thưởng,
Phạm Thiên cũng tán dương.

231. Giữ **thân** đừng phần nộ,
Phòng thân khéo bảo vệ,
Từ bỏ thân làm ác,
Với thân làm hạnh lành.

232. Giữ **lời** đừng phần nộ,
Phòng lời, khéo bảo vệ,
Từ bỏ lời thô ác,
Với lời, nói điều lành.

233. Giữ **ý** đừng phần nộ,
Phòng ý, khéo bảo vệ,
Từ bỏ ý nghĩ ác,
Với ý, nghĩ hạnh lành.

234. **Bậc trí bảo vệ thân,**
Bảo vệ luôn lời nói
Bảo vệ cả tâm tư,
Ba nghiệp khéo bảo vệ.

308 Bỏ quá, hiện, vị lai, Đến bờ kia cuộc đời - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 97

Phẩm Tham Ái – *Tiểu I*, 97

334. Người sống đời phóng dật,
Ái tăng như giây leo,
Nhảy đời này đời khác,
Như vượn tham quả rừng.

335. Ai sống trong đời này,
Bị ái dục buộc ràng,
Sầu **khổ** sẽ tăng trưởng,
Như cỏ Bi gặp mưa.

336. Ai sống trong đời này,
Ái dục được hàng phục,
Sầu rơi khỏi người ấy,
Như giọt nước lá sen.

337. Đây điều lành Ta dạy,
Các người tụ họp đây,
Hãy nhỏ tận gốc ái,
Như nhỏ gốc cỏ Bi,
Chớ để ma phá hoại,
Như giòng nước cỏ lau.

338. Như cây bị chặt đốn,
Gốc chưa hại vẫn bền,
Ái tùy miên chưa nhỏ,
Khổ này vẫn sanh hoài.

339. Ba mươi sáu dòng **Ái**,
Trôi người đốn khả ái,
Các tư tưởng tham ái,
Cuốn trôi người tà kiến.

340. Dòng ái đục chảy khắp,
Như giầy leo mọc tràn,
Thấy giầy leo vừa sanh,
Vội tuệ, hãy đoạn gốc.

341. Người đời nhớ **ái dục**,
Ưa thích các **hỷ lạc**,
Tuy mong cầu an lạc,
Họ vẫn phải sanh già.

342. **Người bị ái buộc ràng,**
Vùng vầy và hoảng sợ,
Như thỏ bị sa lưới,
Họ sanh ái trói buộc,
Chịu khổ đau dài dài.

343. Người bị ái buộc ràng,
Vùng vẫy và hoảng sợ,
Như thỏ bị sa lưới,
Do vậy vì Tỹ kheo,
Mong cầu mình ly tham,
Nên nhiếp phục ái dục.

344. Là rừng lại hướng rừng,
Thoát rừng chạy theo rừng,
Nên xem người như vậy,
Được thoát khỏi buộc ràng,
Lại chạy theo ràng buộc.

345. Sắt, cây, gai trói buộc,
Người trí xem chưa bền,
Tham châu báu, trang sức,
Tham vọng vợ và con.

346. Người có trí nói rằng:
Trói buộc này thật bền,
Rì kéo xuống, lún xuống,
Nhưng thật sự khó thoát,
Người trí cắt trừ nó,
Bỏ dục lạc, không màng.

347. Người đắm say ái dục,
Tự lao mình xuống dòng,

Như nhện sa lưới dệt,
Người trí cắt trừ nó,
Bỏ mọi khổ, không màng.

348. Bỏ quá, hiện, vị lai,
Đến bờ kia cuộc đời,
Ý giải thoát tất cả,
Chớ vướng lại sanh già.

349. Người tà ý nhiếp phục,
Tham sắc bén nhìn tịnh,
Người ấy ái tăng trưởng,
Làm giây trói mình chặt.

350. Ai vui, an tịnh ý,
Quán bất tịnh, thường niệm,
Người ấy sẽ diệt ái,
Cắt đứt Ma trói buộc.

351. Ai tới đích, không sợ,
Ly ái, không nhiễm ô,
Nhỏ mũi tên sanh tử,
Thân này thân cuối cùng.

352. **Ái** lìa, không chấp thủ,
Cú pháp khéo biện tài,
Thấu suốt **từ vô ngại**,

Hiếu thứ lớp trước sau,
Thân này thân cuối cùng,
Vị như vậy được gọi,
Bậc Đại trí, đại nhân.

353. Ta hàng phục tất cả,
Ta rõ biết tất cả,
Không bị nhiễm pháp nào,
Ta từ bỏ tất cả,
Ái diệt, tự giải thoát,
Đã tự mình thắng trí,
Ta gọi ai thầy ta?

354. **Pháp thí**, thắng mọi thí!
Pháp vị, thắng mọi vị!
Pháp hỷ, thắng mọi hỷ!
Ái diệt, dứt mọi khổ!

355. Tài sản hại người ngu,
Không người tìm bờ kia,
Kẻ ngu vì tham giàu,
Hại mình và hại người.

356. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Tham làm hại người đời,
Bố thí người ly tham,
Do vậy được quả lớn.

357. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Sân làm hại người đời
Bố thí người ly sân,
Do vậy được quả lớn.

358. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Si làm hại người đời,
Bố thí người ly si,
Do vậy được quả lớn.

359. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Dục làm hại người đời,
Bố thí người ly dục,
Do vậy được quả lớn.

309 **Bỏ trói buộc loài người, Vượt trói buộc cõi trời - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106**

Phẩm BàLaMôn – *Tiểu I, 106*

383. Hỡi này Bà là môn,
Hãy tinh tấn đoạn dòng,
Từ bỏ các dục lạc,
Biết được hành đoạn diệt,
Người là **bạc vô vi**.

384. Nhờ thường trú hai pháp,
Đến được bờ bên kia,
Bà-la-môn có trí,
Mọi kiết sử đứt sạch.

385. Không bờ này, bờ kia,
Cả hai bờ không có,
Lìa khổ, không trói buộc,
Ta gọi Bà-la-môn.

386. Tu thiền, trú ly trần,
Phận sự xong, vô lậu,
Đạt được đích tối thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

387. *Mặt trời* sáng ban ngày,
Mặt trăng sáng ban đêm,
Khí giới sáng Sát ly,
Thiền định sáng Phạm chí,
Còn hào quang đức Phật,
Chói sáng cả ngày đêm.

388. **Dứt ác** gọi Phạm chí,
Tinh hạnh gọi Sa môn,
Tự mình xuất cầu uế,
Nên gọi **bậc xuất gia.**

389. Chớ có đập Phạm chí,
Phạm chí chớ đập lại,
Xấu thay đập Phạm chí,
Đập trả lại xấu hơn.

390. Đối vị Bà-la-môn,
Đây không lợi ích nhỏ,
Khi ý không ái luyến,
Tâm hại được chận đứng,
Chỉ khi ấy khổ diệt.

391. Với người thân miệng ý,
Không làm các ác hạnh,
Ba nghiệp được phòng hộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

392. Từ ai, biết Chánh pháp,
Bậc Chánh Giác thuyết giảng,
Hãy kính lễ vị ấy,
Nư Phạm chí chờ lửa.

393. Được gọi Bà-la-môn,
Không vì đầu bện tóc,
Không chủng tộc, thọ sanh,
Ai thật chân, chánh, tịnh,
Mới gọi Bà-la-môn.

394. Kẻ ngu, có ích gì,
Bện tóc với da dê,
Nội tâm toàn phiền não,
Ngoài mặt đánh bóng suông.

395. Người mặc áo đồng rác,
Gầy ốm, lộ mạch gân,
Độc thân thiền trong rừng,
Ta gọi Bà-la-môn.

396. Ta không gọi Phạm Chí,
Vì chỗ sanh, mẹ sanh,
Chỉ được gọi tên suông,
Nếu tâm còn phiền não,
Không phiền não, chấp trước,

Ta gọi Bà-la-môn.

397. Đoạn hết các kiết sử,
Không còn gì lo sợ,
Không đả trước buộc ràng,
Ta gọi Bà-la-môn.

398. Bỏ đai da, bỏ cương,
Bỏ dây, đồ sở thuộc,
Bỏ then chốt, sáng suốt,
Ta gọi Bà-la-môn.

399. Không ác ý, nhẫn chịu,
Phỉ báng, đánh, phạt hình,
Lấy **nhẫn** làm quân lực,
Ta gọi Bà-la-môn.

400. Không hận, hết bốn phận,
Trì giới, không tham ái,
Nhiếp phục, thân cuối cùng,
Ta gọi Bà-la-môn.

401. Như nước trên lá sen,
Như hột cải đầu kim,
Người không nhiễm ái dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

402. Ai tự trên đời này,
Giác khổ, diệt trừ khổ,
Bỏ gánh nặng, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

403. Người trí tuệ sâu xa,
Khéo biết đạo, phi đạo,
Chứng đạt đích vô thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

404. Không liên hệ cả hai,
Xuất gia và thế tục,
Sống độc thân, ít dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

405. Bỏ trượng, đối chúng sanh,
Yếu kém hay kiên cường,
Không giết, không bảo giết,
Ta gọi Bà-la-môn.

406. Thân thiện giữa thù địch,
Ôn hòa giữa hung hăng,
Không nhiễm, giữa nhiễm trước,
Ta gọi Bà-la-môn.

407. Người bỏ rơi tham sân,
Không mạn, không ganh tị,

Như hột cải đầu kim,
Ta gọi Bà-la-môn.

408. Nói lên lời ôn hòa,
Lợi ích và chân thật,
Không mất lòng một ai,
Ta gọi Bà-la-môn.

409. Ở đời, vật dài, ngắn,
Nhỏ, lớn, đẹp hay xấu,
Phàm không cho không lấy,
Ta gọi Bà-la-môn.

410. Người không có hy cầu,
Đời này và đời sau,
Không hy cầu, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

411. Người không còn tham ái,
Có trí, không nghi hoặc,
Thể nhập vào bất tử,
Ta gọi Bà-la-môn.

412. Người sống ở đời này,
Không nhiễm cả thiện ác,
Không sâu, sạch, không bụi,
Ta gọi Bà-la-môn.

413. Như trắng, sạch không uế,
Sáng trong và tĩnh lặng,
Hữu ái, được đoạn tận,
Ta gọi Bà là môn.

414. Vượt đường nguy hiểm này,
Nhiếp phục luân hồi, si,
Đến bờ kia thiên định,
Không dục ái, không nghi,
Không chấp trước, tịch tịnh,
Ta gọi Bà-la-môn.

415. Ai ở đời, đoạn **dục**,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Dục hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

416. Ai ở đời đoạn **ái**,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Ái hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

417. Bỏ trói buộc loài người,
Vượt trói buộc cõi trời,
Giải thoát mọi buộc ràng,
Ta gọi Bà-la-môn.

418. Bỏ điều ưa, điều ghét,
Mát lạnh, diệt sanh y,
Bậc anh hùng chiến thắng,
Nhiếp phục mọi thế giới,
Ta gọi Bà-la-môn.

419. Ai hiểu rõ hoàn toàn
Sanh tử các chúng sanh,
Không nhiễm, khéo vượt qua,
Sáng suốt chân giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

420. Với ai, loài trời, người,
Cùng với Càn thất bà,
Không biết chỗ thọ sanh,
Lậu tận bậc La hán,
Ta gọi Bà-la-môn.

421. Ai quá, hiện, vị lai,
Không một sở hữu gì,
Không sở hữu không nắm,
Ta gọi Bà-la-môn.

422. Bậc trâu chúa, thù thắng,
Bậc anh hùng, đại sĩ,
Bậc chiến thắng, không nhiễm,

Bạc tẩy sạch, giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

423. Ai biết được đời trước,
Thấy thiên giới, đọa xứ,
Đạt được sanh diệt tận,
Thắng trí, tự viên thành,
Bạc mâu ni đạo sĩ,
Viên mãn mọi thành tựu,
Ta gọi Bà-la-môn.

310 Bỏ trượng, đối chúng sanh, Yếu kém hay kiên cường - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106

Phẩm BàLaMôn – *Tiểu I*, 106

383. Hỡi này Bà là môn,
Hãy tinh tấn đoạn dòng,
Từ bỏ các dục lạc,
Biết được hành đoạn diệt,
Người là **bạc vô vi**.

384. Nhờ thường trú hai pháp,
Đến được bờ bên kia,
Bà-la-môn có trí,
Mọi kiết sử đứt sạch.

385. Không bờ này, bờ kia,
Cả hai bờ không có,
Lìa khổ, không trói buộc,
Ta gọi Bà-la-môn.

386. Tu thiền, trú ly trần,
Phận sự xong, vô lậu,
Đạt được đích tối thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

387. *Mặt trời sáng ban ngày,
Mặt trăng sáng ban đêm,
Khí giới sáng Sát ly,
Thiền định sáng Phạm chí,
Còn hào quang đức Phật,
Chói sáng cả ngày đêm.*

388. Dứt ác gọi Phạm chí,
Tinh hạnh gọi Sa môn,
Tự mình xuất cầu uế,
Nên gọi **bạc xuất gia.**

389. Chớ có đập Phạm chí,
Phạm chí chớ đập lại,
Xấu thay đập Phạm chí,
Đập trả lại xấu hơn.

390. Đối vị Bà-la-môn,
Đây không lợi ích nhỏ,
Khi ý không ái luyến,
Tâm hại được chận đứng,
Chỉ khi ấy khổ diệt.

391. Với người thân miệng ý,
Không làm các ác hạnh,
Ba nghiệp được phòng hộ,

Ta gọi Bà-la-môn.

392. Từ ai, biết Chánh pháp,
Bậc Chánh Giác thuyết giảng,
Hãy kính lễ vị ấy,
Như Phạm chí chờ lửa.

393. Được gọi Bà-la-môn,
Không vì đầu bện tóc,
Không chủng tộc, thọ sanh,
Ai thật chân, chánh, tịnh,
Mới gọi Bà-la-môn.

394. Kẻ ngu, có ích gì,
Bện tóc với da dê,
Nội tâm toàn phiền não,
Ngoài mặt đánh bóng suông.

395. Người mặc áo đồng rác,
Gầy ốm, lộ mạch gân,
Độc thân thiền trong rừng,
Ta gọi Bà-la-môn.

396. Ta không gọi Phạm Chí,
Vì chỗ sanh, mẹ sanh,
Chỉ được gọi tên suông,
Nếu tâm còn phiền não,

Không phiền não, chấp trước,
Ta gọi Bà-la-môn.

397. Đoạn hết các kiết sử,
Không còn gì lo sợ,
Không đắm trước buộc ràng,
Ta gọi Bà-la-môn.

398. Bỏ đai da, bỏ cương,
Bỏ dây, đồ sở thuộc,
Bỏ then chốt, sáng suốt,
Ta gọi Bà-la-môn.

399. Không ác ý, nhẫn chịu,
Phỉ báng, đánh, phạt hình,
Lấy **nhẫn** làm quân lực,
Ta gọi Bà-la-môn.

400. Không hận, hết bốn phận,
Trì giới, không tham ái,
Nhiếp phục, thân cuối cùng,
Ta gọi Bà-la-môn.

401. Như nước trên lá sen,
Như hột cải đầu kim,
Người không nhiễm ái dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

402. Ai tự trên đời này,
Giác khổ, diệt trừ khổ,
Bỏ gánh nặng, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

403. Người trí tuệ sâu xa,
Khéo biết đạo, phi đạo,
Chúng đạt đích vô thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

404. Không liên hệ cả hai,
Xuất gia và thế tục,
Sống độc thân, ít dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

405. Bỏ trượng, đổi chúng sanh,
Yếu kém hay kiên cường,
Không giết, không bảo giết,
Ta gọi Bà-la-môn.

406. Thân thiện giữa thù địch,
Ôn hòa giữa hung hăng,
Không nhiễm, giữa nhiễm trước,
Ta gọi Bà-la-môn.

407. Người bỏ rơi tham sân,

Không mạn, không ganh tị,
Như hột cải đầu kim,
Ta gọi Bà-la-môn.

408. Nói lên lời ôn hòa,
Lợi ích và chân thật,
Không mất lòng một ai,
Ta gọi Bà-la-môn.

409. Ở đời, vật dài, ngắn,
Nhỏ, lớn, đẹp hay xấu,
Phàm không cho không lấy,
Ta gọi Bà-la-môn.

410. Người không có hy cầu,
Đời này và đời sau,
Không hy cầu, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

411. Người không còn tham ái,
Có trí, không nghi hoặc,
Thể nhập vào bất tử,
Ta gọi Bà-la-môn.

412. Người sống ở đời này,
Không nhiễm cả thiện ác,
Không sâu, sạch, không bụi,

Ta gọi Bà-la-môn.

413. Như trắng, sạch không uế,
Sáng trong và tĩnh lặng,
Hữu ái, được đoạn tận,
Ta gọi Bà là môn.

414. Vượt đường nguy hiểm này,
Nhiếp phục luân hồi, si,
Đến bờ kia thiên định,
Không dục ái, không nghi,
Không chấp trước, tịch tịnh,
Ta gọi Bà-la-môn.

415. Ai ở đời, đoạn **dục**,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Dục hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

416. Ai ở đời đoạn **ái**,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Ái hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

417. Bỏ trói buộc loài người,
Vượt trói buộc cõi trời,
Giải thoát mọi buộc ràng,

Ta gọi Bà-la-môn.

418. Bỏ điều ưa, điều ghét,
Mát lạnh, diệt sanh y,
Bậc anh hùng chiến thắng,
Nhiếp phục mọi thế giới,
Ta gọi Bà-la-môn.

419. Ai hiểu rõ hoàn toàn
Sanh tử các chúng sanh,
Không nhiễm, khéo vượt qua,
Sáng suốt chân giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

420. Với ai, loài trời, người,
Cùng với Càn thất bà,
Không biết chỗ tho sanh,
Lậu tận bậc La hán,
Ta gọi Bà-la-môn.

421. Ai quá, hiện, vị lai,
Không một sở hữu gì,
Không sở hữu không nắm,
Ta gọi Bà-la-môn.

422. Bậc trâu chúa, thù thắng,
Bậc anh hùng, đại sĩ,

Bậc chiến thắng, không nhiễm,
Bậc tẩy sạch, giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

423. Ai biết được đời trước,
Thấy thiên giới, đọa xứ,
Đạt được sanh diệt tận,
Thắng trí, tự viên thành,
Bậc mâu ni đạo sĩ,
Viên mãn mọi thành tựu,
Ta gọi Bà-la-môn.

311 Bỏ đai da, bỏ cương, Bỏ dây, đồ sở thuộc - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106

Phẩm BàLaMôn – *Tiểu I*, 106

383. Hỡi này Bà là môn,
Hãy tinh tấn đoạn dòng,
Từ bỏ các dục lạc,
Biết được hành đoạn diệt,
Người là **bậc vô vi**.

384. Nhờ thường trú hai pháp,
Đến được bờ bên kia,
Bà-la-môn có trí,
Mọi kiết sử đứt sạch.

385. Không bờ này, bờ kia,
Cả hai bờ không có,
Lìa khổ, không trói buộc,
Ta gọi Bà-la-môn.

386. Tu thiền, trú ly trần,
Phận sự xong, vô lậu,
Đạt được đích tối thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

387. *Mặt trời* sáng ban ngày,
Mặt trăng sáng ban đêm,
Khí giới sáng Sát ly,
Thiền định sáng Phạm chí,
Còn hào quang đức Phật,
Chói sáng cả ngày đêm.

388. **Dứt ác** gọi Phạm chí,
Tinh hạnh gọi Sa môn,
Tự mình xuất cầu uế,
Nên gọi **bậc xuất gia.**

389. Chớ có đập Phạm chí,
Phạm chí chớ đập lại,
Xấu thay đập Phạm chí,
Đập trả lại xấu hơn.

390. Đối vị Bà-la-môn,
Đây không lợi ích nhỏ,
Khi ý không ái luyến,
Tâm hại được chận đứng,
Chỉ khi ấy khổ diệt.

391. Với người thân miệng ý,
Không làm các ác hạnh,
Ba nghiệp được phòng hộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

392. Từ ai, biết Chánh pháp,
Bậc Chánh Giác thuyết giảng,
Hãy kính lễ vị ấy,
Nư Phạm chí chờ lửa.

393. Được gọi Bà-la-môn,
Không vì đầu bện tóc,
Không chủng tộc, thọ sanh,
Ai thật chân, chánh, tịnh,
Mới gọi Bà-la-môn.

394. Kẻ ngu, có ích gì,
Bện tóc với da dê,
Nội tâm toàn phiền não,
Ngoài mặt đánh bóng suông.

395. Người mặc áo đồng rác,
Gầy ốm, lộ mạch gân,
Độc thân thiền trong rừng,
Ta gọi Bà-la-môn.

396. Ta không gọi Phạm Chí,
Vì chỗ sanh, mẹ sanh,
Chỉ được gọi tên suông,
Nếu tâm còn phiền não,
Không phiền não, chấp trước,

Ta gọi Bà-la-môn.

397. Đoạn hết các kiết sử,
Không còn gì lo sợ,
Không đăm trước buộc ràng,
Ta gọi Bà-la-môn.

398. Bỏ đai da, bỏ cương,
Bỏ dây, đồ sở thuộc,
Bỏ then chốt, sáng suốt,
Ta gọi Bà-la-môn.

399. Không ác ý, nhẫn chịu,
Phỉ báng, đánh, phạt hình,
Lấy nhẫn làm quân lực,
Ta gọi Bà-la-môn.

400. Không hận, hết bồn phận,
Trì giới, không tham ái,
Nhiếp phục, thân cuối cùng,
Ta gọi Bà-la-môn.

401. Như nước trên lá sen,
Như hột cải đầu kim,
Người không nhiễm ái dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

402. Ai tự trên đời này,
Giác khổ, diệt trừ khổ,
Bỏ gánh nặng, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

403. Người trí tuệ sâu xa,
Khéo biết đạo, phi đạo,
Chứng đạt đích vô thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

404. Không liên hệ cả hai,
Xuất gia và thế tục,
Sống độc thân, ít dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

405. Bỏ trượng, đối chúng sanh,
Yếu kém hay kiên cường,
Không giết, không bảo giết,
Ta gọi Bà-la-môn.

406. Thân thiện giữa thù địch,
Ôn hòa giữa hung hăng,
Không nhiễm, giữa nhiễm trước,
Ta gọi Bà-la-môn.

407. Người bỏ rơi tham sân,
Không mạn, không ganh tị,

Như hột cải đầu kim,
Ta gọi Bà-la-môn.

408. Nói lên lời ôn hòa,
Lợi ích và chân thật,
Không mất lòng một ai,
Ta gọi Bà-la-môn.

409. Ở đời, vật dài, ngắn,
Nhỏ, lớn, đẹp hay xấu,
Phàm không cho không lấy,
Ta gọi Bà-la-môn.

410. Người không có hy cầu,
Đời này và đời sau,
Không hy cầu, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

411. Người không còn tham ái,
Có trí, không nghi hoặc,
Thể nhập vào bất tử,
Ta gọi Bà-la-môn.

412. Người sống ở đời này,
Không nhiễm cả thiện ác,
Không sâu, sạch, không bụi,
Ta gọi Bà-la-môn.

413. Như trắng, sạch không uế,
Sáng trong và tĩnh lặng,
Hữu ái, được đoạn tận,
Ta gọi Bà là môn.

414. Vượt đường nguy hiểm này,
Nhiếp phục luân hồi, si,
Đến bờ kia thiên định,
Không dục ái, không nghi,
Không chấp trước, tịch tịnh,
Ta gọi Bà-la-môn.

415. Ai ở đời, đoạn **dục**,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Dục hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

416. Ai ở đời đoạn **ái**,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Ái hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

417. Bỏ trói buộc loài người,
Vượt trói buộc cõi trời,
Giải thoát mọi buộc ràng,
Ta gọi Bà-la-môn.

418. Bỏ điều ưa, điều ghét,
Mát lạnh, diệt sanh y,
Bậc anh hùng chiến thắng,
Nhiếp phục mọi thế giới,
Ta gọi Bà-la-môn.

419. Ai hiểu rõ hoàn toàn
Sanh tử các chúng sanh,
Không nhiễm, khéo vượt qua,
Sáng suốt chân giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

420. Với ai, loài trời, người,
Cùng với Càn thất bà,
Không biết chỗ thọ sanh,
Lậu tận bậc La hán,
Ta gọi Bà-la-môn.

421. Ai quá, hiện, vị lai,
Không một sở hữu gì,
Không sở hữu không nắm,
Ta gọi Bà-la-môn.

422. Bậc trâu chúa, thù thắng,
Bậc anh hùng, đại sĩ,
Bậc chiến thắng, không nhiễm,

Bạc tẩy sạch, giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

423. Ai biết được đời trước,
Thấy thiên giới, đọa xứ,
Đạt được sanh diệt tận,
Thắng trí, tự viên thành,
Bạc mâu ni đạo sĩ,
Viên mãn mọi thành tựu,
Ta gọi Bà-la-môn.

312 Bỏ điều ưa, điều ghét, Mát lạnh, diệt sinh y - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106

Phẩm BàLaMôn – *Tiểu I*, 106

383. Hỡi này Bà là môn,
Hãy tinh tấn đoạn dòng,
Từ bỏ các dục lạc,
Biết được hành đoạn diệt,
Người là **bạc vô vi**.

384. Nhờ thường trú hai pháp,
Đến được bờ bên kia,
Bà-la-môn có trí,
Mọi kiết sử đứt sạch.

385. Không bờ này, bờ kia,
Cả hai bờ không có,
Lìa khổ, không trói buộc,
Ta gọi Bà-la-môn.

386. Tu thiền, trú ly trần,
Phận sự xong, vô lậu,
Đạt được đích tối thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

387. *Mặt trời* sáng ban ngày,
Mặt trăng sáng ban đêm,
Khí giới sáng Sát ly,
Thiền định sáng Phạm chí,
Còn hào quang đức Phật,
Chói sáng cả ngày đêm.

388. **Dứt ác** gọi Phạm chí,
Tĩnh hạnh gọi Sa môn,
Tự mình xuất cầu uế,
Nên gọi **bậc xuất gia.**

389. Chớ có đập Phạm chí,
Phạm chí chớ đập lại,
Xấu thay đập Phạm chí,
Đập trả lại xấu hơn.

390. Đối vị Bà-la-môn,
Đây không lợi ích nhỏ,
Khi ý không ái luyến,
Tâm hại được chận đứng,
Chỉ khi ấy khổ diệt.

391. Với người thân miệng ý,
Không làm các ác hạnh,
Ba nghiệp được phòng hộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

392. Từ ai, biết Chánh pháp,
Bậc Chánh Giác thuyết giảng,
Hãy kính lễ vị ấy,
Như Phạm chí chờ lửa.

393. Được gọi Bà-la-môn,
Không vì đầu bện tóc,
Không chủng tộc, thọ sanh,
Ai thật chân, chánh, tịnh,
Mới gọi Bà-la-môn.

394. Kẻ ngu, có ích gì,
Bện tóc với da dê,
Nội tâm toàn phiền não,
Ngoài mặt đánh bóng suông.

395. Người mặc áo đồng rác,
Gầy ốm, lộ mạch gân,
Độc thân thiền trong rừng,
Ta gọi Bà-la-môn.

396. Ta không gọi Phạm Chí,
Vì chỗ sanh, mẹ sanh,
Chỉ được gọi tên suông,
Nếu tâm còn phiền não,
Không phiền não, chấp trước,

Ta gọi Bà-la-môn.

397. Đoạn hết các kiết sử,
Không còn gì lo sợ,
Không đăm trước buộc ràng,
Ta gọi Bà-la-môn.

398. Bỏ đai da, bỏ cương,
Bỏ dây, đồ sở thuộc,
Bỏ then chốt, sáng suốt,
Ta gọi Bà-la-môn.

399. Không ác ý, nhẫn chịu,
Phỉ báng, đánh, phạt hình,
Lấy **nhẫn** làm quân lực,
Ta gọi Bà-la-môn.

400. Không hận, hết bồn phận,
Trì giới, không tham ái,
Nhiếp phục, thân cuối cùng,
Ta gọi Bà-la-môn.

401. Như nước trên lá sen,
Như hột cải đầu kim,
Người không nhiễm ái dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

402. Ai tự trên đời này,
Giác khổ, diệt trừ khổ,
Bỏ gánh nặng, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

403. Người trí tuệ sâu xa,
Khéo biết đạo, phi đạo,
Chứng đạt đích vô thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

404. Không liên hệ cả hai,
Xuất gia và thế tục,
Sống độc thân, ít dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

405. Bỏ trượng, đối chúng sanh,
Yếu kém hay kiên cường,
Không giết, không bảo giết,
Ta gọi Bà-la-môn.

406. Thân thiện giữa thù địch,
Ôn hòa giữa hung hăng,
Không nhiễm, giữa nhiễm trước,
Ta gọi Bà-la-môn.

407. Người bỏ rơi tham sân,
Không mạn, không ganh tị,

Như hột cải đầu kim,
Ta gọi Bà-la-môn.

408. Nói lên lời ôn hòa,
Lợi ích và chân thật,
Không mất lòng một ai,
Ta gọi Bà-la-môn.

409. Ở đời, vật dài, ngắn,
Nhỏ, lớn, đẹp hay xấu,
Phàm không cho không lấy,
Ta gọi Bà-la-môn.

410. Người không có hy cầu,
Đời này và đời sau,
Không hy cầu, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

411. Người không còn tham ái,
Có trí, không nghi hoặc,
Thể nhập vào bất tử,
Ta gọi Bà-la-môn.

412. Người sống ở đời này,
Không nhiễm cả thiện ác,
Không sâu, sạch, không bụi,
Ta gọi Bà-la-môn.

413. Như trắng, sạch không uế,
Sáng trong và tĩnh lặng,
Hữu ái, được đoạn tận,
Ta gọi Bà là môn.

414. Vượt đường nguy hiểm này,
Nhiếp phục luân hồi, si,
Đến bờ kia thiên định,
Không dục ái, không nghi,
Không chấp trước, tịch tịnh,
Ta gọi Bà-la-môn.

415. Ai ở đời, đoạn **dục**,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Dục hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

416. Ai ở đời đoạn **ái**,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Ái hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

417. Bỏ trói buộc loài người,
Vượt trói buộc cõi trời,
Giải thoát mọi buộc ràng,
Ta gọi Bà-la-môn.

418. Bỏ điều ưa, điều ghét,
Mát lạnh, diệt sanh y,
Bậc anh hùng chiến thắng,
Nhiếp phục mọi thế giới,
Ta gọi Bà-la-môn.

419. Ai hiểu rõ hoàn toàn
Sanh tử các chúng sanh,
Không nhiễm, khéo vượt qua,
Sáng suốt chân giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

420. Với ai, loài trời, người,
Cùng với Càn thất bà,
Không biết chỗ thọ sanh,
Lậu tận bậc La hán,
Ta gọi Bà-la-môn.

421. Ai quá, hiện, vị lai,
Không một sở hữu gì,
Không sở hữu không nắm,
Ta gọi Bà-la-môn.

422. Bậc trâu chúa, thù thắng,
Bậc anh hùng, đại sĩ,
Bậc chiến thắng, không nhiễm,

Bạc tẩy sạch, giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

423. Ai biết được đời trước,
Thấy thiên giới, đọa xứ,
Đạt được sanh diệt tận,
Thắng trí, tự viên thành,
Bạc mâu ni đạo sĩ,
Viên mãn mọi thành tựu,
Ta gọi Bà-la-môn.

313 **Bồ thí - 2 loại bồ thí - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 430**

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 430 (Tik. V, 9) (It. 98)

Này các Tỷ-kheo, có *hai loại bồ thí*: **Bồ thí tài vật và bồ thí Pháp**. Này các Tỷ-kheo, đây là bồ thí tối thượng trong hai loại bồ thí này, tức là ***bồ thí Pháp***.

Này các Tỷ-kheo, có *hai sự phân phát* này: Phân phát tài vật và phân phát Pháp. Đây là phân phát tối thượng trong hai loại phân phát này, tức là ***phân phát Pháp***.

Này các Tỷ-kheo, có *hai loại nhiều ích* này, nhiều ích tài vật và nhiều ích Pháp. Này các Tỷ-kheo, đây là nhiều ích tối thượng trong hai loại nhiều ích này, tức là ***nhiều ích Pháp***.

*Điều được gọi bồ thí,
Thù thắng và vô thượng,
Và sự phân phát nào,
Được Thế Tôn tán thán,
Với tâm tư tín thành,
Trong ruộng phước tối thượng,
Bậc trí rõ biết vậy,
Ai lại không cúng dường,*

*Ai làm được cả hai,
Nói lên và lắng nghe,
Với tâm tư tịnh tín,
Trong lời dạy Thiện Thệ,
Lợi ích ấy của họ,
Là tối thắng thanh tịnh,
Nhưng ai không phóng dật,
Trong lời dạy Thiện Thệ.*

314 Bồ thí - 2 loại bồ thí - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 435

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 435 (Cat. I)
(It. 101)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, Ta là Bà-la-môn, người được đến yêu cầu, tay luôn luôn thanh tịnh, mang thân cuối cùng, **vô thượng y sĩ** chữa trị, **y sĩ giải phẫu**. Các Thầy thật là con của Ta từ miệng sanh, từ Pháp sanh, từ Pháp tạo thành, thừa tự Pháp, không thừa tự tài vật.

Này các Tỷ-kheo, có hai loại bồ thí: Bồ thí tài vật và bồ thí Pháp. Này các Tỷ-kheo, đây là **tối thượng trong hai bồ thí này, tức là bồ thí Pháp**.

Này các Tỷ-kheo, có hai loại phân phát này, phân phát tài vật và phân phát Pháp. Này các Tỷ-kheo, đây là **tối thượng trong hai phân phát này, tức là phân phát Pháp**.

Này các Tỷ-kheo, có hai nhiều ích này, nhiều ích tài vật và nhiều ích Pháp. Này các Tỷ-kheo, đây là **tối thượng trong hai nhiều ích này, tức là nhiều ích Pháp**.

Này các Tỷ-kheo, có hai loại tế tự này. Tế tự tài vật và tế tự Pháp. Này các Tỷ-kheo, đây là **tối thượng trong hai tế tự này, tức là tế tự Pháp.**

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Ai tế tự Chánh pháp,
Tế tự, không xan tham,
Như Lai có lòng từ,
Đối tất cả sinh vật,
Bậc tối thắng như vậy,
Giữa chư Thiên loài Người,
Chúng sanh kính đảnh lễ,
Vị đã vượt qua được,
Vượt qua dòng sanh hữu,
Đến được bờ bên kia.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

315 **Bồ thí - 3 hạng, Hạng hán, mưa địa phương... - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 385**

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 385 (Tik. III, 6) (It. 64)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba hạng người** này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là ba?

- Hạng người như **hạng hán**,
- Hạng người như chỉ **mưa trong địa phương**
- Hạng người như **mưa đổ xuống khắp tất cả**.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người như hạng hán?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người **không** bố thí cho **ai cả**, không cho đồ ăn, đồ uống, vải, xe cộ, vòng hoa, hương, dầu xoa, sàng tọa, đèn đuốc cho Sa-môn, Bà-la-môn, **không** cho các người ăn xin nghèo khổ khốn cùng. Này các Tỷ-kheo, hạng người như vậy như hạng hán không mưa.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người như chỉ mưa trong địa phương?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người có bố thí cho một số người, nhưng không bố thí cho một số người. Dầu số người đó là Sa-môn, Bà-la-môn hay các người ăn xin nghèo khổ, khốn cùng, họ không bố thí đồ ăn đồ uống, vải, xe cộ, vòng hoa, hương dầu xoa, sàng tọa, đèn đuốc. Này các Tỷ-kheo, hạng người như vậy là hạng người như mưa chỉ trong địa phương.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người như mưa đổ xuống khắp tất cả?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người cho tất cả mọi người, cho đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương, dầu xoa, sàng tọa, đèn đuốc, cho các người Sa-môn, Bà-la-môn cho các người ăn xin nghèo đói khốn cùng. Này các Tỷ-kheo, có ba hạng người này, có mặt, hiện hữu ở đời.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Không cho hạng Sa-môn,
Không cho Bà-la-môn,
Không cho kẻ khốn cùng,
Không cho người ăn xin
Không san sẻ cho người,
Những đồ thô hoạch được,*

Như đồ ăn, đồ uống,
Cùng các vật thực khác,
Hạng ấy thật giống như,
Hạng hán không mưa móc,
Hạng người ấy được gọi
Là hạng người hạ liệt.

Không cho một hạng người,
Chỉ lựa cho một số,
Hạng ấy được Hiền trí,
Gọi là những hạng người
Chỉ mưa tại địa phương,
Không mưa tại chỗ khác.

Hạng người **mưa bố thí,**
Cùng khắp tất cả chỗ,
Có lòng thương từ mẫn,
Đối với mọi loại hữu tình,
Với tâm thật hoan hỷ,
Tung vải cho cùng khắp.
Hãy cho! Hãy cho nữa,
Vị ấy luôn nói vậy.

Như mây giông gầm thét
Chớp sáng mưa đổ xuống,
Tràn ngập chỗ đất cao,
Tràn đầy chỗ đất trũng,
Chảy tràn với nước ngập.

Cũng vậy ở đời này,

*Có một số hạng người,
Hạng người giống như vậy.
Thâu hoạch được đúng pháp,
Tài sản do nỗ lực.
Vời đồ ăn đồ uống,
Vị ấy chơn chánh đãi,
Những chúng sanh khôn cùng.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

316 Bồ thí - 3 nhân quả tối thượng - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 416

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 416 (Tik. V, 1) (It. 87)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba tín thành tối thượng** này. Thế nào là ba?

Này các Tỷ-kheo, so sánh các chúng sanh, không chân, hai chân, bốn chân hay nhiều chân, có sắc hay không có sắc, có tướng, không có tướng, hay không có tướng không không có tướng. **Như Lai** được xem là **tối thượng** đối với chúng, tức là bậc A-la-hán, Chánh đẳng Chánh giác. Này các Tỷ-kheo, những ai có lòng tin thành với đức Phật, những vị ấy có lòng tín thành nơi tối thượng. **Với những ai có lòng tín thành nơi tối thượng, quả dị thực là quả tối thượng.**

Này các Tỷ-kheo, so sánh các pháp hữu vi hay vô vi, **ly tham** được xem là **tối thượng** đối với họ, tức là kiêu mạn bị nhiếp phục, khát ái bị chế ngự, chấp nhận được nhỏ lên, lưu chuyển bị cắt đứt, ái diệt, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, những ai có lòng tín thành nơi ly tham, những vị ấy có lòng

tín thành nơi tối thượng. Với những ai có lòng tin nơi tối thượng, quả dị thực là quả tối thượng.

Này các Tỷ-kheo, so sánh Tăng chúng hay hội chúng, **Tăng chúng đệ tử của Như Lai** được xem là **tối thượng**, tức là bốn đôi, tám vị. Chúng đệ tử này của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng tôn trọng, đáng cúng dường, đáng chấp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời. Này các Tỷ-kheo, những ai có lòng tin thành nơi Tăng chúng, những vị ấy có lòng tin thành nơi tối thượng. **Với những ai có lòng tin thành nơi tối thượng, này các Tỷ-kheo có ba quả dị thực là quả tối thượng.**

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây điều này được nói đến.

*Những ai có lòng tin,
Lòng tin nơi tối thượng,
Chính là sự rõ biết,
Biết Chánh pháp tối thượng.
Những ai có lòng tin,
Nơi **đức Phật** tối thượng,
Bậc Vô thượng xứng đáng,
Xứng đáng được cúng dường.
Những ai có lòng tin,
Nơi **Chánh pháp** tối thượng,
Những **pháp rời bỏ tham**,
An tịnh, thật tịnh lạc.*

Những ai có lòng tin,
Nơi **Tăng chúng tối thượng.**
Những ruộng phước công đức,
Vô thượng không gì hơn.

Những ai đã bố thí,
Với đối tượng tối thượng,
Công đức được tăng trưởng,
Tăng trưởng đến tối thượng.
Tho mạng được tối thượng,
Dung sắc cũng tối thượng,
Danh vọng, tiếng đồn tốt,
An lạc và sức mạnh.

Bậc trí có bố thí,
Bố thí vị tối thượng,
Vị định tĩnh, thiên định,
Trong Chánh pháp tối thượng,
Chư Thiên hay loài Ngươi,
Đạt được sự tối thượng,
Họ sung sướng hân hoan.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

317 **Bồ thí - 3 pháp tạo phước - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 365**

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 365 (Tik. II, 1) (It. 51)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba phước nghiệp sự** này. Thế nào là ba?

- Phước nghiệp sự do **bồ thí** tác thành,
- Phước nghiệp sự do **giới** tác thành,
- Phước nghiệp sự do sự **tu tập** tác thành.

Này các Tỷ-kheo, có ba phước nghiệp sự này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Hãy để cho người ấy,
Học tập làm công đức,
Hướng dẫn đến tương lai,
Đem lại căn an lạc.*

*Hãy tu tập **bồ thí**,
Tập **sở hành an tịnh**,
Và tu tập **từ tâm**,*

*Tu xong ba pháp ấy,
Những pháp khởi lạc thọ.
Bậc Hiền trí được sanh,
Tại thế giới an lạc,
Không phiền não hận thù.*

Ý nghĩa này đã được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

318 Bồ thí - Bồ thí cột bạn bè - Kinh Alavaka - Tiểu I, 520

Kinh Alavaka – Tiểu I, 520 (Sn 31)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Alavi, tại trú xứ của Dạ-xoa Alavaka. Rồi Dạ-xoa Alavaka đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói với Thế Tôn:

- Này Sa-môn, hãy đi ra.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi ra.

- Này Sa-môn, hãy đi vào.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi vào.

Lần thứ hai, Dạ-xoa Alavaka nói với Thế Tôn:

- Này Sa-môn, hãy đi ra.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi ra:

- Này Sa-môn, hãy đi vào.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi vào.

Lần thứ ba, Dạ-xoa Alavaka nói với Thế Tôn:

- Nay Sa-môn, hãy đi ra.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi ra.

- Nay Sa-môn, hãy đi vào.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi vào.

Lần thứ tư, Dạ-xoa Alavaka nói với Thế Tôn:

- Nay Sa-môn, hãy đi ra.

- **Này Hiền giả, Ta sẽ không đi ra cho Ông. Ông cần gì hãy làm?**

- Nay Sa-môn, ta sẽ hỏi Ngài. Nếu Ngài không trả lời cho ta, ta sẽ làm tâm trí Ngài điên loạn, hay ta sẽ bóp nát quả tim của Ngài, hay nắm chân của Ngài, ta sẽ quăng qua bờ sông bên kia sông Hằng.

- Này Hiền giả, Ta không thấy một ai trong thế giới với chư Thiên, với Ác ma và với Phạm thiên, trong quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn với chư Thiên và loài Người, lại có thể làm tâm Ta điên loạn, hay bóp nát quả tim của Ta, hay nắm chân quăng Ta qua bên kia bờ sông Hằng. Tuy vậy, này Hiền giả, Ông cứ hỏi như ý Ông muốn.

Rồi Dạ-xoa với bài kệ nói với Thế Tôn:

Alavaka:

181. Ở đời, **tài sản** gì,
Tối thắng cho con người?
Cái gì khéo thực hành,
Đem lại chơn an lạc?
Cái gì trong **các vị,**
Là vị ngọt tối thượng?
Nếp sống như thế nào,
Gọi nếp sống tối thắng?

Thế Tôn:

182. Ở đời này, **lòng tin,**
Tối thắng cho con người,
Cái gì khéo thực hành,
Đem lại chơn an lạc?
Chánh pháp khéo thực hiện,
Đem lại chơn an lạc,
Sự thật trong các vị,
Là vị ngọt tối thượng,
Nếp sống với **trí tuệ,**
Là nếp sống tối thắng.

Alavaka:

183. **Thế nào vượt bậc lưu?**
Thế nào vượt biển lớn?

Thế nào vượt qua khổ?
Thế nào thật thanh tịnh?

Thế Tôn:

184. Với **tín**, vượt bậc lưu,
Không phóng dật, vượt biển,
Tinh **tấn**, vượt đau khổ,
Với **tuệ**, được thanh tịnh.

Alavaka:

185. *Thế nào được trí tuệ?*
Thế nào được tài sản?
Thế nào đạt danh xưng?
Thế nào cột bạn hữu?
Đời này qua đời sau,
Thế nào, chết không sầu?

Thế Tôn:

186. Tin tưởng bậc La-hán,
Tin pháp, đạt Niết-bàn,
Khéo nghe, được trí tuệ,
Bậc trí, không phóng dật.

187. **Làm thích đáng trách nhiệm,**

Phần đầu được tài sản,
Với **sự thật** được danh,
Bố thí cột bạn bè.

188. Ai là người gia chủ,
Tin tưởng bốn pháp này,
Sự thật và **Chánh pháp**,
Kiên trì và **bố thí**,
Vị ấy sau khi chết,
Nhất định không sầu muộn.

189. Hãy hỏi các vị khác,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Nếu có pháp nào khác,
Ở đời, lại thắng hơn,
Sự thật và **niếp phục**,
Bố thí và **kham nhẫn**?

Alavaka:

190. Sao nay con rộng hỏi,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Nay con được rõ biết,
Hiện, vị lai hạnh phúc.

191. Vì hạnh phúc cho con,
Mong rằng bậc Giác Ngộ,

*Hãy đi đến an trú,
Tại xứ Alavi.
Nay con đã rõ biết.
Chỗ nào thí, quả lớn.*

192. Con sẽ đi bộ hành,
Làng này qua làng khác,
Thành này qua thành khác,
Đảnh lễ bậc Giác Ngộ,
Đảnh lễ thiên pháp tánh
Của Chánh pháp vi diệu.

319 **Bồ thí - Bồ thí người ly dục, Do vậy có quả lớn - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 97**

Phẩm Tham Ái – *Tiểu I*, 97

334. Người sống đời phóng dật,
Ái tăng như giây leo,
Nhảy đời này đời khác,
Như vượn tham quả rừng.

335. Ai sống trong đời này,
Bị ái dục buộc ràng,
Sầu **khổ** sẽ tăng trưởng,
Như cỏ Bi gặp mưa.

336. Ai sống trong đời này,
Ái dục được hàng phục,
Sầu rơi khỏi người ấy,
Như giọt nước lá sen.

337. Đây điều lành Ta dạy,
Các người tụ họp đây,
Hãy nhỏ tận gốc ái,
Như nhỏ gốc cỏ Bi,
Chớ để ma phá hoại,
Như giòng nước cỏ lau.

338. Như cây bị chặt đốn,
Gốc chưa hại vẫn bền,
Ái tùy miên chưa nhỏ,
Khổ này vẫn sanh hoài.

339. Ba mươi sáu dòng **Ái**,
Trôi người đốn khả ái,
Các tư tưởng tham ái,
Cuốn trôi người tà kiến.

340. Dòng ái đục chảy khắp,
Như giầy leo mọc tràn,
Thấy giầy leo vừa sanh,
Vội tuệ, hãy đoạn gốc.

341. Người đời nhớ **ái dục**,
Ưa thích các **hỷ lạc**,
Tuy mong cầu an lạc,
Họ vẫn phải sanh già.

342. **Người bị ái buộc ràng,**
Vùng vầy và hoảng sợ,
Như thỏ bị sa lưới,
Họ sanh ái trói buộc,
Chịu khổ đau dài dài.

343. Người bị ái buộc ràng,
Vùng vẫy và hoảng sợ,
Như thỏ bị sa lưới,

Do vậy vì Tở kheo,
Mong cầu mình ly tham,
Nên nhiếp phục ái dục.

344. Là rừng lại hướng rừng,
Thoát rừng chạy theo rừng,
Nên xem người như vậy,
Được thoát khỏi buộc ràng,
Lại chạy theo ràng buộc.

345. Sắt, cây, gai trói buộc,
Người trí xem chưa bền,
Tham châu báu, trang sức,
Tham vọng vợ và con.

346. Người có trí nói rằng:
Trói buộc này thật bền,
Rì kéo xuống, lún xuống,
Nhưng thật sự khó thoát,
Người trí cắt trừ nó,
Bỏ dục lạc, không màng.

347. Người đắm say ái dục,
Tự lao mình xuống dòng,

Như nhện sa lưới dệt,
Người trí cắt trừ nó,
Bỏ mọi khổ, không màng.

348. Bỏ quá, hiện, vị lai,
Đến bờ kia cuộc đời,
Ý giải thoát tất cả,
Chớ vướng lại sanh già.

349. Người tà ý nhiếp phục,
Tham sắc bén nhìn tịnh,
Người ấy ái tăng trưởng,
Làm giây trói mình chặt.

350. Ai vui, an tịnh ý,
Quán bất tịnh, thường niệm,
Người ấy sẽ diệt ái,
Cắt đứt Ma trói buộc.

351. Ai tới đích, không sợ,
Ly ái, không nhiễm ô,
Nhỏ mũi tên sanh tử,
Thân này thân cuối cùng.

352. **Ái** lìa, không chấp thủ,
Cú pháp khéo biện tài,
Thấu suốt **từ vô ngại**,

Hiếu thứ lớp trước sau,
Thân này thân cuối cùng,
Vị như vậy được gọi,
Bậc Đại trí, đại nhân.

353. Ta hàng phục tất cả,
Ta rõ biết tất cả,
Không bị nhiễm pháp nào,
Ta từ bỏ tất cả,
Ái diệt, tự giải thoát,
Đã tự mình thắng trí,
Ta gọi ai thầy ta?

354. **Pháp thí**, thắng mọi thí!
Pháp vị, thắng mọi vị!
Pháp hỷ, thắng mọi hỷ!
Ái diệt, dứt mọi khổ!

355. Tài sản hại người ngu,
Không người tìm bờ kia,
Kẻ ngu vì tham giàu,
Hại mình và hại người.

356. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Tham làm hại người đời,
Bố thí người ly tham,
Do vậy được quả lớn.

357. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Sân làm hại người đời
Bố thí người ly sân,
Do vậy được quả lớn.

358. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Si làm hại người đời,
Bố thí người ly si,
Do vậy được quả lớn.

359. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Dục làm hại người đời,
Bố thí người ly dục,
Do vậy được quả lớn.

320 **Bồ thí - Con bồ thí như vậy có nhiều phước không_ - Kinh Mậgha - Tiểu I, 621**

Kinh Mậgha – Tiểu I, 621

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Rājagaha, trên núi Gijjhakūṭa. Rồi thanh niên Māgha đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thanh niên Māgha bạch Thế Tôn:

- Thưa Tôn giả Gotama, con là người bồ thí, là thí chủ, rộng rãi, mong muốn được yêu cầu. Con tầm cầu tài sản đúng pháp, sau khi tầm cầu tài sản đúng pháp, với những tài sản thân hoạch đúng pháp, tạo dựng đúng pháp, con cho một người, con cho hai người, con cho ba người, con cho bốn người, con cho năm người, con cho sáu người, con cho bảy người, con cho tám người, con cho chín người, con cho mười người, con cho hai mươi người, con cho ba mươi người, con cho bốn mươi người, con cho năm mươi người, con cho một trăm người, con cho nhiều hơn nữa. *Thưa Tôn giả Gotama, con cho như vậy,*

con bố thí như vậy, con có được nhiều phước đức không?

- Nay thanh niên, Con cho như vậy, Con bố thí như vậy Con ***được nhiều phước đức***. Nay thanh niên, ai là người bố thí, là người thí chủ rộng rãi, mong muốn được yêu cầu, ai tầm cầu tài sản đúng pháp sau khi tầm cầu tài sản đúng pháp, với những tài sản thâm hoạch đúng pháp, tạo dựng đúng pháp, người ấy cho một người... cho một trăm người, cho nhiều hơn nữa, người ấy được nhiều công đức.

Rồi thanh niên Mậgha nói lên lời Thế Tôn những bài kệ:

Thanh niên Mậgha:

487. Thanh niên Mậgha thưa:

*Tôn giả Gotama,
Con hỏi bậc Hiền hòa,
Mặc cà sa không nhà,
Ai ưa muốn được cầu,
Là thí chủ, gia chủ,
Mong muốn được phước đức,
Bố thí, mong cầu phước.
Ở đây, thí người khác,
Đồ ăn và đồ uống,
Tại đâu nên bố thí,
Để đồ cúng được tịnh?*

Thế Tôn:

488. Thế Tôn bèn trả lời:

*Này thanh niên Māgha,
Ai ưa muốn được cầu,
Là thí chủ, gia chủ,
Mong muốn được phước đức,
Bố thí, mong cầu phước,
Ở đây, thí người khác,
Đồ ăn và đồ uống,
Người ấy cần phải thí,
Người xứng đáng cúng dường.*

Māgha:

489. Thanh niên Māgha thưa:

*Tôn giả Gotama,
Ai ưa muốn được cầu,
Là thí chủ, gia chủ,
Mong muốn được phước đức,
Bố thí, mong cầu phước,
Ở đây, thí người khác,
Đồ ăn và đồ uống,
Thế Tôn hãy nói con,
Nên cúng dường cho ai?*

Thế Tôn:

490. *Những ai sống ở đời,
Thật sự **không** **niêm** **trước**,
Hoàn toàn không sở hữu,
Tự ngã được nhiếp phục,
Đúng thời, đối vị ấy,
Hãy cúng đồ tế tự.
Vị Phạm chí cầu phước,
Hãy bố thí như vậy.*

491. *Những ai **đã** **chặt đứt**,
Mọi **kiết** **sử** **trói** **buộc**,
Nhiếp **phục** **được** **giải** **thoát**,
Không **dao** **động**, **mong** **cầu**.
Đúng thời, đối vị ấy,
Hãy cúng đồ tế tự.
Vị Phạm chí cầu phước,
Hãy bố thí như vậy.*

492. *Những ai đã giải thoát,
Mọi kiết sử trói buộc,
Nhiếp phục được giải thoát,
Không khổ, không mong cầu,
Đúng thời, đối vị ấy,
Hãy cúng đồ tế tự.
Vị Phạm chí cầu phước,
Hãy bố thí như vậy.*

493. *Vị nào đã đoạn tận,
Tham, sân và cả si,
Các lậu hoặc đã đoạn,
Phạm hạnh đã thành tựu,
Đúng thời, đối vị ấy,
Hãy cúng đồ tế tự.
Vị Phạm chí cầu phước,
Hãy bố thí như vậy.*

494. *Ai sống không man trá,
Và không có kiêu mạn,
Những vị sống không tham,
Không ngã sở, không cầu,
Đúng thời, đối vị ấy,
Hãy cúng đồ tế tự.
Vị Phạm chí cầu phước,
Hãy bố thí như vậy.*

495. *Những ai đối với ái,
Không rơi vào hệ lụy,
Vượt khỏi được bộc lưu,
Du hành không ngã sở,
Đúng thời, đối vị ấy,
Hãy cúng đồ tế tự,
Vị Phạm chí cầu phước,
Hãy bố thí như vậy.*

496. Với ai **không tham ái**,
Một vật gì ở đời,
Không ái hữu, phi hữu,
Đời này hay đời sau,
Đúng thời, đối vị ấy,
Hãy cúng đồ tế tự.
Vị Phạm chí cầu phước,
Hãy bố thí như vậy.

497. Những ai **từ bỏ dục**,
Sống không có gia đình,
Khéo léo **biết chế ngự**,
Như con thoi, chánh trực,
Đúng thời, đối vị ấy.
Hãy cúng đồ tế tự.
Vị Phạm chí cầu phước,
Hãy bố thí như vậy.

498. Những ai, **ly tham ái**,
Các căn khéo đình tĩnh,
Như mặt trăng thoát khỏi,
Nanh vuốt của Ràhu,
Đúng thời, đối vị ấy,
Hãy cúng đồ tế tự.
Vị Phạm chí cầu phước,
Hãy bố thí như vậy.

499. Những ai được **an tịnh**,

Ly tham, ly phần nộ,

Sau khi bỏ đời này,

Không còn có sanh thú,

Đúng thời, đối vị ấy,

Hãy cúng đồ tế tự.

Vị Phạm chí cầu phước,

Hãy bố thí như vậy.

500. **Đoạn sanh tử đã xong,**

Không còn chút dư tàn,

Nghi ngờ và phân vân,

Tất cả được nhiếp phục,

Đúng thời, đối vị ấy,

Hãy cúng đồ tế tự.

Vị Phạm chí cầu phước,

Hãy bố thí như vậy.

501. Những ai **sống ở đời**

Tự mình làm hòn đảo,

Không có vật sở hữu,

Giải thoát được trọn vẹn,

Đúng thời, đối vị ấy,

Hãy cúng đồ tế tự.

Vị Phạm chí cầu phước,

Hãy bố thí như vậy.

502. Những ai ngay đời này,

Như thật rõ biết được,

Đây đời sống cuối cùng,

Không còn có tái sanh,

Đúng thời, đối vị ấy,

Hãy cúng đồ tế tự,

Vị Phạm chí cầu phước,

Hãy bố thí như vậy.

503. Ai đạt **tuệ tối thượng,**

Ưu thiền, giữ chánh niệm,

Đạt được sự giác ngộ,

Chỗ quy ngưỡng nhiều người.

Đúng thời, đối vị ấy,

Hãy cúng đồ tế tự,

Vị Phạm chí cầu phước,

Hãy bố thí như vậy.

Màgha:

504. Thật sự câu con hỏi,

Không trống không, vô ích,

Thế Tôn nói cho con,

Những ai đáng cúng dường.

Ở đây Ngài đã biết,

Sự thật như thế nào.

*Như vậy chính là pháp,
Ngài được biết như vậy.*

505. Rồi thanh niên Màgha,
Lại thừa thêm như sau:
*Ai ưa muốn được cầu,
Là thí chủ, gia chủ,
Mong muốn được phước đức,
Bố thí, mong cầu phước,
Ở đây, thí người khác,
Đồ ăn và đồ uống,
Thế Tôn hãy nói con,
Pháp tế tự hoàn toàn?*

Thế Tôn:

506. Thế Tôn nói Màgha:
*Hãy tế đàn, tế tự,
Phải làm cho trong sạch,
Hoàn toàn mọi tâm tư,
Đối người lễ tế đàn,
Đối tượng là đồ cúng,
Hãy an trú ở đây,
Từ bỏ sự sân hận.*

507. *Vị ấy đoạn tận tham,
Nhiếp phục cả sân hận,*

*Tu tập tâm từ bi,
Vô lượng khắp tất cả,
Với hạnh không phóng dật,
Ngày đêm luôn tu tập,
Cùng khắp mọi phương hướng,
Biển mẫn vô lượng tâm.*

Màgha:

508. Ai trong sạch, giải thoát,
Ai còn bị trói buộc,
Ai với tự thân mình,
Đi đến Phạm Thiên giới?
Vì không biết, con hỏi.
Hãy nói lên, ẩn sĩ,
Mong Thế Tôn chứng giám,
Cho con ngày hôm nay,
Con được thấy Phạm thiên,
Ngài đối với chúng con,
Thật sự Ngài ngang bằng,
Với Phạm thiên không khác,
Ôi! Bạc chói hào quang,
Làm thế nào được sanh,
Lên cảnh giới Phạm thiên?

Thế Tôn:

509. *Thế Tôn đáp Mậgha:*
Ai tổ chức tế đàn,
Đây đủ cả ba phần,
Tế đàn ấy tăng thịnh,
Với những người được cúng,
Xứng đáng được cúng dường.
Tế đàn như vậy xong,
Chơn chánh muốn được cầu,
Ta nói vị ấy sanh,
Tại cảnh giới Phạm thiên.

Khi nói được như vậy, thanh niên Mậgha bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama!... Từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

321 Bồ thí - Cúng dường bậc như vậy, Công đức không ước lường được - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 67

Phẩm Phạt Đà – *Tiểu I*, 67

179. Vị chiến thắng không bại,
Vị bước đi trên đời,
Không dấu tích chiến thắng,
Phật giới rộng mênh mông,
Ai dùng chân theo dõi,
Bậc không để dấu tích?

180. Ai giải tỏa lưới **tham**,
Ái phược hết dắt dẫn,
Phật giới rộng mênh mông,
Ai dùng chân theo dõi,
Bậc không để dấu tích?

181. Người trí chuyên thiền định,
Thích an tịnh viễn ly,
Chư thiên đều ái kính,
Bậc Chánh giác, chánh niệm.

182. Khó thay, được làm người,

Khó thay, được sống còn,
Khó thay, nghe diệu pháp,
Khó thay, Phật ra đời!

183. Không làm mọi điều ác.
Thành tựu các hạnh lành,
Tâm ý giữ trong sạch,
Chính lời chư Phật dạy.

184. Chư Phật thường giảng dạy;
Nhẫn - khổ hạnh tối thượng.
Niết bàn - quả tối thượng;
Xuất gia không phá người;
Sa-môn không hại người.

185. Không phỉ báng, phá hoại,
Hộ trì giới căn bản,
Ăn uống có tiết độ,
Sàng tọa chỗ nhàn tịnh
Chuyên chú tăng thượng tâm,
Chính lời chư Phật dạy.

186. Dầu mưa bằng tiền vàng,
Các **dục** khó thỏa mãn.
Dục đáng nhiều, ngọt ít,
Biết vậy là bậc trí.

187. Đệ tử bậc Chánh giác,
Không tìm cầu dục lạc,
Dầu là dục chư thiên,
Chỉ ưa thích ái diệt.

188. Loài người sợ hoảng hốt,
Tìm nhiều chỗ quy y,
Hoặc rừng rậm, núi non,
Hoặc vườn cây, đền tháp.

189. Quy y ấy không ổn,
Không quy y tối thượng.
Quy y các chỗ ấy,
Không thoát mọi khổ đau.

190. Ai quy y Đức Phật,
Chánh pháp và chư tăng,
Ai dùng chánh tri kiến,
Thấy được **Bốn Thánh đế**."

191. Thấy khổ và khổ tập,
Thấy sự khổ vượt qua,
Thấy **đường Thánh tám ngành**,
Đưa đến khổ nào tận.

192. Thật quy y an ổn,
Thật quy y tối thượng,

Có quy y như vậy,
Mới thoát mọi khổ đau.

193. Khó gặp bậc Thánh nhơn,
Không phải đâu cũng có,
Chỗ nào bậc trí sanh,
Gia đình tất an lạc.

194. Vui thay, **Phật** ra đời!
Vui thay, **Pháp** được giảng!
Vui thay, **Tăng** hòa hợp!
Hòa hợp tu, vui thay!

195. Cúng dường bậc đáng cúng,
Chư Phật hoặc đệ tử,
Các bậc vượt hý luận,
Đoạn diệt mọi sầu bi.

196. Cúng dường bậc như vậy,
Tịch tịnh, không sợ hãi,
Các công đức như vậy,
Không ai ước lường được.

322 **Bồ thí - Giàu có không bồ thí, Cửa vào của bại vong - Kinh Bại Vong - Tiểu I, 493**

Kinh Bại Vong – Tiểu I, 493 (Paràbhava)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi một Thiên nhân, sau khi đêm gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên nhân ấy bạch Thế Tôn với những bài kệ:

Thiên nhân:

91. *Về bại vong con người,
Con hỏi Gotama,
Con đến hỏi Thế Tôn,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

92. *Thật dễ hiểu thành công,
Thật dễ hiểu bại vong,*

Ưu mến pháp, thành công,
Thù ghét pháp, bại vong.

Thiên nhân:

93. *Như vậy, chúng con rõ,
Thứ nhất về bại vong,
Thứ hai, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

94. **Ai mến kẻ bất thiện,
Không ái luyện bậc thiện,
Thích pháp kẻ bất thiện,
Chính cửa vào bại vong.**

Thiên nhân:

95. *Như vậy, chúng con rõ,
Thứ hai về bại vong,
Thứ ba, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

96. **Người tánh ưa thích ngủ,**

Thích hội chúng, thụ động,
Biếng nhác, thường phần nộ,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

97. *Như vậy, chúng con rõ,*
Thứ ba về bại vong.
Thứ tư, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

98. **Ai với mẹ hay cha,**
Già yếu, tuổi trẻ hết,
Tuy giàu không giúp đỡ,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

99. *Như vậy, chúng con rõ,*
Thứ tư về bại vong.
Thứ năm, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

100. Ai **nói dối** lường gạt,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Hay các khát sĩ khác,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

101. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ năm về bại vong.
Thứ sáu, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

102. Người **giàu có** tài sản,
Có vàng bạc thực vật,
Hương vị ngọt một mình,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

103. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ sáu về bại vong.
Thứ bảy, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

104. Người **tự hào về sanh,**
Về tài sản dòng họ,
Khinh miệt các bà con,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

105. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ bảy về bại vong,
Thứ tám, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

106. Người **đắm say nữ nhân,**
Đắm say rượu, cờ bạc,
Hoang phí mọi lợi đắc,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

107. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ tám về bại vong.
Thứ chín, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

108. **Không vừa đủ vợ mình,**
*Được thấy giữa dâm nữ,
Được thấy với vợ người,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

109. *Như vậy, chúng con rõ,
Thứ chín về bại vong.
Thứ mười, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

110. **Người tuổi trẻ đã qua,**
*Cưới cô vợ vú tròn,
Ghen nàng không ngủ được,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

111. *Như vậy, chúng con rõ,
Thứ mười về bại vong.
Thứ mười một, xin nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

112. *Đàn bà, hay đàn ông,
Rượu chè, tiêu hoang phí,
Được địa vị quyền thế,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

113. *Như vậy, chúng con biết,
Thứ mười một bại vong.
Thứ mười hai, xin nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

114. *Tài sản ít, ái lớn,
Sanh gia đình hoàng tộc,
Ở đây muốn trị vì,
Chính cửa vào bại vong.*

115. *Bại vong này ở đời,
Bậc trí khéo quán sát,
Đầy đủ với chánh kiến,
Sống hạnh phúc ở đời.*

323 **Bồ thí - Keo kiết không sanh thiên, Kẻ ngu ghét bồ thí - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 65**

Phẩm Thế Gian – *Tiểu I, 65*

167. **Dầu lợi người bao nhiêu,
Chớ quên phần tư lợi,
Nhờ thắng trí tư lợi.
Hãy chuyên tâm lợi mình.**

168. "Nỗ lực, chớ phóng dật!
Hãy sống theo chánh hạnh;
Người chánh hạnh hưởng lạc,
Cả đời này, đời sau."

169. Hãy khéo sống chánh hạnh,
Chớ sống theo tà hạnh!
Người chánh hạnh hưởng lạc,
Cả đời này, đời sau.

170. **Hãy nhìn như bọt nước,
Hãy nhìn như cảnh huyễn!
Quán nhìn đời như vậy,
Thần chết không bắt gặp.**

171. Hãy đến nhìn đời này,
Như xe vua lộng lẫy,
Người ngu mới tham đắm,
Kẻ trí nào đắm say.

172. Ai sống trước buông lung,
Sau sống không phóng dật,
Chói sáng rực đời này.
Như trăng thoát mây che.

173. Ai dùng các hanh lành,
Làm xóa mờ nghiệp ác,
Chói sáng rực đời này,
Như trăng thoát mây che.

174. Đời này thật mù quáng,
Ít kẻ thấy rõ ràng.
Như chim thoát khỏi lưới,
Rất ít đi thiên giới.

175. Như chim thiên nga bay,
Thần thông liệng giữa trời,
Chiến thắng ma, ma quân,
Kẻ trí thoát đời này.

176. Ai vi phạm một pháp,

Ai nói lời vọng ngũ,
Ai bác bỏ đời sau,
Không ác nào không làm.

177. Keo kiết không sanh thiên,
Kẻ ngu ghét **bố thí**,
Người trí thích bố thí,
Đời sau, được hưởng lạc.

178. Hơn thống lãnh cõi đất,
Hơn được sanh cõi trời,
Hơn chủ trì vũ trụ,
Quả Dự Lưu tôi thắng.

324 **Bồ thí - Nếu họ biết như Ta đã biết - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 318**

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 318 (Ek III, 6) (It. 18)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Này các Tỷ-kheo, nếu các chúng sanh có thể biết như Ta đã biết, quả dị thực của sự san sẻ **bồ thí**, họ sẽ không thụ hưởng nếu họ không **bồ thí** và uesthiễm xan tham không có ám ảnh tâm của họ và an trú. Dầu là miếng cuối cùng của họ, dầu là miếng ăn tối hậu, họ sẽ không thụ hưởng nếu họ không san sẻ, khi có người nhận của họ.*

*Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu các chúng sanh không biết như Ta đã biết quả dị thực của sự san sẻ **bồ thí** họ sẽ thụ hưởng, không có **bồ thí**, và uesthiễm xan tham ám ảnh tâm của họ và an trú.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Nếu các hàng chúng sanh,
Có thể biết như vậy,*

*Như bậc Đại ẩn sĩ,
Đã nói, tuyên bố lên,
**Quả dị thực lớn thay,
Của san sẻ bố thí!***

*Nhiếp phục uest xan tham,
Với tâm thật thanh tịnh
Đúng thời họ bố thí,
Đối với các **Thánh nhân**,
Tại đây bố thí vậy,
Có quả thật to lớn.*

*Cho nhiều các thức ăn,
Kính lễ người đáng kính,
Từ đây xả, từ bỏ,
Địa vị làm con người,
Các người làm bố thí
Được đi đến cõi Trời,
Họ đi đến cõi Trời,
Tại đây chúng hoan hỷ,
Với mọi điều sở thích,
Họ thọ hưởng như ý,
Vị không có xan tham,
Được thọ hưởng đầy đủ,
Quả dị thực của chúng,
Nhờ san sẻ bố thí.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

325 Bồ thí, Nhiếp phục, Chế ngự - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 312

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 312 (Ek III, 2) (It. 14)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Này các Tỷ-kheo, **chớ có sợ hãi các công đức. Này các Tỷ-kheo, công đức là đồng nghĩa với an lạc, cái gì khả lạc, khả hỷ, khả ái, khả ý, tức là công đức.***

Này các Tỷ-kheo, Ta thắng tri thọ hưởng quả dị thực, khả lạc, khả hỷ, khả ái, khả ý trong một thời gian dài của các công đức đã làm trong một thời gian dài.

- Sau khi **tu tập từ tâm trong bảy năm**, Ta đã không trở lui lại đời này trong bảy tăng kiếp và hoại kiếp.
- Trong thời kỳ kiếp tăng, Ta là chư Thiên Quang Âm.
- Trong thời kỳ kiếp giảm, Ta sanh trong lâu đài trống không ở Phạm Thiên. Tại đây Ta là Phạm Thiên, Đại Phạm Thiên bậc chinh phục, bậc không bị ai chinh phục, bậc nhìn thấy tất cả, bậc có quyền lực.

- Nay các Tỷ-kheo, ba mươi sáu lần Ta đã là Thiên chủ Đế Thích.
- Nhiều trăm lần, Ta đã làm vua, vị vua Chuyển Luân, trị vì đúng pháp, bậc Pháp vương, bậc chiến thắng bốn phương, bậc đã đạt được sự an ổn trong quốc độ, bậc đầy đủ bảy báu. Còn nói gì khi Ta là vị vua ở địa phương.

Này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: *"Quả này là do nghiệp nào Ta đã làm, là quả dị thực của nghiệp nào mà nay, Ta được đại thân lực như vậy, đại uy lực như vậy?"* Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: "Đây là quả ba nghiệp Ta đã làm, là quả dị thực của ba nghiệp, do vậy Ta nay được đại thân lực như vậy, đại uy lực như vậy. Tức là **bố thí, nhiếp phục, chế ngự**".

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Hãy để cho vị ấy,
 Học tập về công đức,
 Công đức là lạc căn,
 Tối thượng trong tương lai,
**Hãy tu tập bố thí,
 Sống nếp sống an tịnh,
 Và tu tập từ tâm.**
 Sau khi đã tu tập,
 Các pháp này như vậy,*

*Tức là cả ba pháp,
Khiến an lạc sanh khởi,
Bậc Hiền trí được sanh
Trong thế giới an lạc,
Thế giới không sân hận.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

326 Bồ thí, trì giới, thiền định, trí tuệ - Kinh Bảo Tàng - Tiểu I, 24

Kinh **Bảo Tàng** – *Tiểu I*, 24 (Nidhikanda Sutta)

1. Một người cất kho báu,^{[L][SEP]}
Ở tận dưới giếng sâu,^{[L][SEP]}
Nghĩ: "Nếu cần giúp đỡ,^{[L][SEP]}
Nó ích lợi cho ta".
2. Nếu bị vua kết án,^{[L][SEP]}
Hoặc trả các nợ nần,^{[L][SEP]}
Hoặc bị cướp giam cầm,^{[L][SEP]}
Và đòi tiền chuộc mạng,^{[L][SEP]}
Khi mất mùa, tai nạn,^{[L][SEP]}
Vớ mục đích như vậy,^{[L][SEP]}
Ở trên cõi đời này,^{[L][SEP]}
Sẽ đến giành kho báu.
3. Dầu nó không bao giờ,^{[L][SEP]}
Được cất kỹ như vậy,^{[L][SEP]}
Ở tận dưới giếng sâu,^{[L][SEP]}
Vẫn không đủ hoàn toàn,^{[L][SEP]}
Giúp ích người mọi lúc.
4. Kho báu bị dời chỗ,^{[L][SEP]}
Hoặc người quên dấu vết,^{[L][SEP]}
Hoặc rắn thần lấy đi,^{[L][SEP]}
Hoặc thần linh tâu tán,

5. Hoặc đám người thừa kế,
Kẻ ấy không chấp nhận,
Di chuyển kho báu đi,
Khi kẻ ấy không thấy,
Và khi phước đức tận,
Tất cả đều tiêu tan.
6. Những khi người nam, nữ
Có **bố thí, trì giới**
Hoặc **thiền định, trí tuệ**
Kho báu khéo để dành.
7. Trong chùa, tháp, Tăng đoàn,
Một cá nhân, lũ khách
Hoặc người mẹ, người cha
Hoặc là người anh nữa.
8. Kho này khéo để dành,
Đi theo người, không mất
Giữa mọi vật phải rời,
Người cùng đi với nó.
9. Không ai khác chia phần,
Không cướp nào lấy được
VẬY những kẻ tinh cần,
Hãy làm việc phước đức
Kho báu ấy theo người,
Sẽ không bao giờ mất.
10. **Đây là một kho báu,**

Có thể làm thỏa mãn,
Mọi ước vọng Thiên, nhân,
Dù họ mong muốn gì,
Đều đạt được tất cả,
Nhờ **công đức phước nghiệp**.

11. Vẻ đẹp của màu da,
Vẻ đẹp của âm thanh,
Vẻ đẹp của dáng hình,
Vẻ đẹp của toàn thân,
Địa vị thật cao sang,
Cùng với đoàn hầu cận,
Tất cả đều đạt được,
Nhờ phước nghiệp công đức.
12. Ngồi đế vương một cõi,
Cực lạc Chuyên luân vương,
Và ngự trên Thiên đường,
Tất cả đều đạt được,
Nhờ phước nghiệp công đức.
13. Vẻ tối thắng của người,
Mọi hoan lạc cõi trời,
Hay tịch diệt tối thắng,
Tất cả đều đạt được,
Nhờ phước nghiệp công đức.
14. Đạt tối thắng bằng hữu,
Chuyên tu tập chánh chân,
Đạt minh trí giải thoát,

Tất cả đều đạt được.
Nhờ phước nghiệp công đức.

15. **Tứ vô ngại giải đạo**
Tám cấp độ giải thoát
Viên mãn trí Thanh văn
Cả hai cách giác ngộ:
Độc giác, Chánh Đẳng giác
Tất cả đều đạt được
Nhờ phước nghiệp công đức.

16. Phước báo thật lớn lao
Do công đức thù thắng
Vì thế kẻ tinh cần
Và những người có trí
Đã tạo nên kho tàng
Công đức nhờ phước nghiệp.

327 Bốn Sự thật - Vì từ mẫn chúng sanh, Bốn Sự Thật được giảng - Kinh Sarabhangā – Tiểu III, 295

Sarabhangā – Tiểu III, 295 (228)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Rājagaha (Vương Xá), con của một Bà-la-môn, ngài có thể được đặt tên, độc lập hay không độc lập với truyền thống gia đình, ngài không có đặc điểm gì để đặt tên.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài trở thành một **ẩn sĩ**, tự dựng một thảo am, làm bằng cọng cây lau mà tự ngài bẻ gãy, và từ đấy ngài được biết với tên là **Sara-Bhangā**, (người bẻ gãy cọng cây lau).

Thế Tôn với Phật nhãn nhìn quanh thế giới, thấy được nơi ngài những điều kiện để thành vị A-la-hán. Thế Tôn đi đến thuyết pháp cho ngài. Và ngài khởi lòng tin, trở thành một vị xuất gia, sau một thời gian trở thành vị A-la-hán, ngài vẫn tiếp tục ở thảo am.

Thảo am dần dần hư nát và sụp đổ xuống, dân chúng hỏi ngài sao không dựng thảo am lại, ngài trả lời, khi thảo am được dựng lên, ngài còn ẩn sĩ. Nhưng nay ngài không thể làm được như vậy nữa. Rồi ngài nói lên toàn bộ vấn đề như sau:

487. Tay bẻ những cây lau,
Ta làm am ta ở,
Do vậy, được tên tục:
"Người bẻ gãy cây lau".

488. Nay không còn thích hợp,
Tự tay bẻ cây lau,
Theo học giới giảng dạy,
Gotama danh xưng.

489. Chính Sara-bhanga,
Từ trước chưa từng thấy,
Thấy chứng bệnh toàn diện,
Một cách thật đầy đủ.
Bệnh ấy nay được thấy,
Do lời **bạc siêu thiên**.

490. **Chính đường ấy đã đi,**
Vipassì, Sikhi,
Kể cả Vessabhu,
Với Kakusandha,
Konàgamana.
Chính với con đường ấy,
Gotama đã đến.

491. **Ly ái, không chấp thủ,**

Bảy Phật chứng Niết-bàn,
Pháp này được thuyết giảng,
Bởi các vị chứng Pháp.

492. Vì từ mẫn chúng sanh,
Bốn Sự Thật được giảng,
Khổ, khổ tập, con đường,
Diệt, chấm dứt khổ đau.

493. Trong đời sống liên tục,
Khổ luân chuyển không dứt,
Khi thân này bị hoại,
Khi mạng sống cáo chung,
Tái sanh khác không còn,
Ta thật, khéo giải thoát,
Giải thoát mọi sanh y.

328 Bốn Thánh quả - 8 vị diệu trong đạo Phật - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 208

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 208 (Ud 51)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Dubbarà, trong lâu mẹ của Migàra. Lúc bấy giờ Thế Tôn, vào ngày trai giới đang ngồi có chúng Tỷ-kheo đoanh vây.

Rồi Tôn giả Ananda, sau khi đêm đã gần mãn, canh một sắp qua, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn, và Bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh một đã sắp qua, chúng Tỷ-kheo ngồi đã lâu. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết giới bốn Pàtimokkha cho chúng Tỷ-kheo.

Khi được nói vậy, Thế Tôn giữ im lặng. Lần thứ hai, Tôn giả Ananda, khi đêm đã gần mãn, canh giữa đã sắp qua. Chúng Tỷ-kheo ngồi đã lâu. "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết giới bốn Pàtimokkha cho chúng Tỷ-kheo".

Lần thứ hai, Thế Tôn giữ im lặng. Lần thứ ba, Tôn giả Ananda, khi đêm đã gần mãn, canh cuối đã sắp qua, rạng đông đã ló dạng đêm đã nở nụ cười, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chấp tay hướng đến rồi bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh cuối đã sắp qua, rạng đông đã ló dạng, đêm đã nở nụ cười, chúng Tỷ-kheo ngồi đã lâu. "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết giới Pàtimokkha cho chúng Tỷ-kheo".

- **Này Ananda, hội chúng không thanh tịnh.**

Rồi Tôn giả Mahà Moggallàna suy nghĩ: "Vì người nào mà Thế Tôn nói: 'Này Ananda, hội chúng này không thanh tịnh?'"

Rồi Tôn giả Mahà Moggallàna với tâm của mình tác ý đến tâm toàn thể chúng Tỷ-kheo. Tôn giả Mahà Moggallàna thấy một người ác giới, theo ác pháp, không thanh tịnh, sở hành đáng nghi ngờ, hành động được che đậy, không phải Sa-môn tự xưng là Sa-môn, không theo Phạm hạnh tự xưng là Phạm hạnh, nội tâm hủ hóa, đầy ứ dục vọng, một đồng rác ô uế đang ngồi giữa chúng Tỷ-kheo, thấy vậy từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến người ấy, sau khi đến nói với người ấy:

- **Hiền giả hãy đứng dậy, Thế Tôn đã thấy Hiền giả. Hiền giả không được cộng trú với chúng Tỷ-kheo.**

Người ấy giữ im lặng. Lần thứ hai, Tôn giả Moggallàna nói với người ấy:

- Hiền giả hãy đứng dậy. Thế Tôn đã thấy Hiền giả. Hiền giả không được cộng trú với chúng Tỷ-kheo.

Lần thứ hai, người ấy im lặng. Lần thứ ba, Tôn giả Mahà Moggallàna. Lần thứ ba, Hiền giả ấy im lặng.

Rồi Tôn giả Mahà Moggallàna nắm tay người ấy, dắt tay khỏi ngoài cửa, gài then cửa lại, rồi đi đến Thế Tôn, sau khi đến, bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Hiền giả ấy đã bị con đuổi ra rồi. Hội chúng nay thanh tịnh. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết giảng giới bốn Pàtimokkha cho chúng Tỷ-kheo.

- Thật vi diệu thay, Moggallàna! Thật hy hữu thay, Moggallàna! Cho đến khi bị cầm tay, người ngu si mới đi ra.

Rồi Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, bắt đầu từ nay Ta sẽ không làm Uposastha nữa, Ta sẽ không tụng đọc giới bốn Pàtimokkha nữa. Bắt đầu từ nay, các Thầy hãy làm Uposastha, các Thầy hãy tụng đọc giới bốn. Sự kiện không có được, nay các Tỷ-kheo, cơ hội không có được là Như Lai có thể làm Uposastha với hội chúng không thanh tịnh, có thể đọc giới bốn.

Này các Tỷ-kheo, **biển lớn có tám pháp vi diệu** hy hữu này, do thấy chúng như vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

Thế nào là tám?

- Này các Tỷ-kheo, biển lớn **tuần tự xuôi, tuần tự thuận hướng**, tuần tự sâu dần, không có thành lỉnh như một vực thẳm. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, biển lớn tuần tự thuận xuôi, tuần tự thuận hướng, tuần tự sâu dần, không có thành lỉnh như một vực thẳm. Này các Tỷ-kheo, đây là sự vi diệu chưa từng có **thứ nhất**. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, biển lớn **đứng một chỗ, không có vượt qua bờ**. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, biển lớn đứng một chỗ, không có vượt qua bờ. Này các Tỷ-kheo, đây là sự vi diệu chưa từng có **thứ hai**. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, biển lớn **không có chứa chấp xác chết**. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng trên bờ hay vớt lên đất liền. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, biển lớn không có chứa chấp xác chết. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng lên bờ hay vớt lên đất liền. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có **thứ ba**. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunà, sông Aciravati, sông Mahi, các con sông ấy khi chảy đến biển liền **bỏ tên họ cũ**, trở thành biển lớn. Vì rằng phàm có con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunà, sông Aciravati, sông Mahi, các con sông ấy khi chảy đến biển liền bỏ tên họ cũ, trở thành biển lớn. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ tư. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, này các Tỷ-kheo phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng **không** vì vậy biển lớn được thấy **có giảm tăng**. Này các Tỷ-kheo vì rằng, phàm có dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng không vì vậy mà biển lớn được thấy có giảm tăng. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ năm. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, biển lớn chỉ có một vị là **vị mặn**. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu, chưa từng có thứ sáu. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, biển lớn có **nhiều châu báu**, nhiều loại châu báu, ở đáy có những châu

báu này như trân châu, ma ni châu, lưu ly, xa-cừ, ngọc bích, san-hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, biển lớn có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đây có những loại châu báu này như trân châu, ma-ni châu, lưu-ly, xa-cừ, ngọc bích, san hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não. Đây các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ bảy. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, biển lớn là trú xứ các loài sinh vật lớn. Tại đây có những sinh vật này như các con timi, timingalà, timiramingalà. Những loại A-tu-la, các loại Nàgà, các loại Gandhabhà. Trong biển lớn có các loại hữu tình dài một trăm do-tuần, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do-tuần. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, biển lớn là trú xứ các sanh vật lớn. Tại đây có những sinh vật này như các con timi, timingalà, timiramingalà. Những loại A-tu-la, các loại Nàgà, các loại Gandhabhà. Trong biển lớn có các loại hữu tình dài một trăm do-tuần, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do-tuần. Đây các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ tám. Do thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có tám pháp, vi diệu chưa từng có trong Pháp và Luật này, do thấy

chúng, thấy chúng, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Thế nào là tám?

- Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn **tuần tự thuận xuôi**, tuần tự thuận hướng, tuần tự sâu dần, không có thành lồi như một vực thẳm. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, các học pháp là tuần tự, các quả dị thực là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể nhập chánh trí, thành lồi. Này Paharada, vì rằng trong Pháp và Luật này, các học pháp là tuần tự, các quả dị thực là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể nhập chánh trí thành lồi. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ nhứt. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.
- Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn **đứng một chỗ không có vượt qua bờ**. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi các học pháp được Ta sửa soạn cho các đệ tử, các đệ tử của Ta, dầu cho vì nhân sinh mạng, cũng không vượt qua. Này các Tỷ-kheo, vì rằng các học pháp được Ta sửa soạn cho các đệ tử, các đệ tử của Ta, dầu cho vì nhân sinh mạng, cũng không vượt qua. Này các Tỷ kheo trong Pháp và Luật này, đây là Pháp vi diệu chưa từng có thứ hai. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú, trong Pháp và Luật này.

- Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn **không có chứa chấp xác chết**. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng trên bờ hay vớt lên đất liền. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **người nào là ác giới**, theo ác pháp, sở hành bất tinh đáng nghi ngờ, có những hành vi che đậy, không phải là Sa-môn nhưng tự nhận là Sa-môn, không sống Phạm hạnh nhưng tự nhận là có Phạm hạnh, nội tâm hôi hám, ứ đầy tham dục, tánh tình bất định. Chúng Tăng **không** sống chung với người ấy, lập tức hội họp lại và **đuổi người ấy ra khỏi**. Dầu cho người ấy có ngồi giữa chúng Tỷ-kheo tăng, nhưng người ấy sống xa chúng Tăng và chúng Tăng sống xa người ấy. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, người ấy là ác giới, theo ác pháp... tánh tình bất định... và chúng Tăng sống xa vị ấy. Này các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ ba. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.
- Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunà, sông Aciracati, sông Sarabhù, sông Mahi, các con sông ấy khi chảy đến biển, **liền bỏ tên họ trước**, trở thành biển lớn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có bốn giai cấp này: Sát-đế-lị, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà, sau khi từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia trong Pháp và Luật được Như Lai

tuyên bố sau này, chúng **từ bỏ tên và họ** của chúng từ trước, và chúng trở thành những Sa-môn Thích tử. Nay các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tư. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và luật này.

- *Ví như, này các Tỷ kheo, phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng không vì vậy mà biển lớn có giảm tăng. Cũng vậy này các Tỷ Kheo, nếu có những vị Tỷ kheo nhập vào **Niết-Bàn giới**, không có dư y, Niết-bàn giới cũng **không** vì vậy được thấy **có giảm tăng**. Nay các Tỷ Kheo, nếu có nhiều vị Tỷ kheo nhập vào Niết Bàn giới không có dư y, Niết bàn giới cũng không vì vậy, được thấy có giảm tăng. Nay các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là vi diệu chưa từng có thứ năm. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và luật này.*
- *Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn chỉ có một vị là vị mận. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, pháp này cũng chỉ có một vị là **vị giải thoát**. Nay các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là vi diệu chưa từng có thứ sáu. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.*

- Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn có nhiều châu báu, ở đây có những châu báu này, như trân châu, ma-ni châu, lưu-ly, xà-cừ, ngọc bích, san-hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã-nã. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, Pháp và Luật này có **nhiều châu báu**, nhiều loại châu báu, ở đây có những loại châu báu này, như **Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Thánh đạo tám ngành**. Này các Tỷ-kheo, vì rằng Pháp và Luật này có nhiều châu báu này như Bốn niệm xứ... Thánh đạo tám ngành. Này các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là vi diệu chưa từng có thứ bảy. Do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.
- Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn là trú xứ các loại sinh vật lớn, tại đây có những sinh vật như các con timi, timigalà, timiramingalà, những loại Asurà, các loài Nàgà, các loài Gandhabbà. Trong biển lớn có các loài hữu tình dài một trăm, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do-tuần. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Pháp và Luật này là trú xứ của các loại **sinh vật lớn**. Ở đây có những sinh vật này. Bậc Dự lưu, bậc đang hướng đến chứng ngộ Dự lưu quả; bậc Nhất lai, bậc đang hướng đến chứng Nhất lai quả; bậc Bất lai, bậc đang hướng đến chứng Bất lai quả; bậc A-la-hán, bậc đang hướng đến chứng ngộ quả A-la-hán. Này các

Tỷ-kheo, vì rằng Pháp và Luật này là trú xứ của các sinh vật lớn. Ở đây có những sinh vật này... quả A-la-hán. Nay các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tám. Do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Này các Tỷ-kheo, đây là tám pháp vi diệu, chưa từng có trong Pháp và Luật này, do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong khi ấy, nói lên **lời cảm hứng**:

*5. Che kín, trời có mưa,
Mở rộng, trời không mưa,
Do vậy, hãy mở rộng
Cái gì bị che kín,
Như vậy sẽ không mưa.*

329 Bốn Thánh đế - Chứng Dự lưu nhờ khéo thấy Bốn Thánh đế - Kinh Châu Báu - Tiểu I, 534

Kinh Châu Báu – Tiểu I, 534 (Ratana Sutta) (Sn 39)

222. Phàm ở tại đời này,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không,
Mong rằng mọi **sanh linh**,
Được đẹp ý vui lòng,
Vậy, hãy nên cẩn thận,
Lắng nghe lời dạy này.

223. Do vậy các sanh linh,
Tất cả hãy chú tâm,
Khởi lên lòng từ mẫn,
Đối với mọi loài, người.
Ban ngày và ban đêm,
Họ đem vật **cúng dường**,
Do vậy không phóng dật,
Hãy giúp họ trì họ.

224. Phàm có tài sản gì,

Đời này hay đời sau,
Hay ở tại thiên giới,
Có châu báu thù thắng,
Không gì sánh bằng được,
Với **Như Lai, Thiện Thệ,**
Như vậy, nơi Đức Phật,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

225. **Đoạn diệt** và **ly tham,**
Bất tử và thù diệu,
Phật Thích Ca Mâu-Ni,
Chứng pháp ấy trong thiền.
Không gì sánh bằng được,
Với pháp thù diệu ấy.
Như vậy, nơi Chánh pháp,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

226. Phật Thế Tôn thù thắng,
Nói lên lời tán thán,
Pháp **thiền định** trong sạch,
Liên tục không gián đoạn,
Không gì sánh bằng được,
Pháp thiền vi diệu ấy,

Như vậy, nơi Chánh pháp,
Là châu báu thù diêu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

227. **Tám vị bốn đôi** này,
Được bậc thiện tán thán,
Chúng đệ tử Thiện Thệ,
Xứng đáng được cúng dường.
Bồ thí các vị ấy,
Được kết quả to lớn.
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diêu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

228. Các vị lòng ít dục,
Với ý thật kiên trì,
Khéo liên hệ mật thiết,
Lời dạy Gotama!
Họ đạt được quả vị,
Họ thể nhập bất tử,
Họ chứng đắc dễ dàng,
Hưởng thọ sự tịch tịnh,
Như vậy, nơi tăng chúng,
Là châu báu thù diêu,
Mong với sự thật này,

Được sống chơn hạnh phúc.

229. *Như cây cột trụ đá,
Khéo y tựa lòng đất,
Dẫu có gió bốn phương,
Cũng không thể dao động,
Ta nói bậc chơn nhân,
Giống như ví dụ này.*

***Vị thể nhập với tuệ,
Thấy được những Thánh đế,***
*Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.*

230. *Những vị khéo giải thích,
Những **sự thật Thánh đế**,
Những vị khéo thuyết giảng,
Với trí tuệ thâm sâu,*

***Dẫu họ có hết sức,
Phóng dật không tư chế,
Họ cũng không đến nổi,
Sanh hữu lần thứ tám.***

*Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.*

231. Vị ấy nhờ đầy đủ,
Với **chánh kiến** sáng suốt,
Do vậy, có ba pháp,
Được hoàn toàn từ bỏ.
Thân kiến và nghi hoặc,
Giới cấm thủ cũng không;
Đối với bốn đọa xứ,
Hoàn toàn được giải thoát;
Vị ấy không thể làm,
Sáu điều ác căn bản.
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

232. Dầu vị ấy có làm,
Điều ác gì đi nữa,
Với **thân** hay với **lời**,
Kể cả với tâm ý,
Vị ấy không có thể,
Che đây việc làm ấy,
Vị ấy được nói rằng,
Không thể thấy ác đạo.
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,

Được sống chơn hạnh phúc.

233. Đẹp là những cây rìng,
Có bông hoa đầu ngọn,
Trong tháng ba nóng bức,
Những ngày hạ đầu tiên,

Pháp thù thắng thuyết giảng,

Được ví dụ như vậy,

Pháp đưa đến Niết-bàn,

Pháp hạnh phúc tối thượng.

Như vậy, nơi Đức Phật,

Là châu báu thù diệu.

Mong với sự thật này,

Được sống chơn hạnh phúc.

234. Cao thượng, biết cao thượng,

Cho, đem lại cao thượng,

Bậc vô thượng thuyết giảng,

Pháp cao thượng thù thắng.

Như vậy, nơi đức Phật,

Là châu báu thù diệu.

Mong với sự thật này,

Được sống chơn hạnh phúc.

235. Nghiệp cũ đã đoạn tận,

Nghiệp mới không tạo nên,

Với tâm tư từ bỏ,

Trong sanh hữu tương lai.

Các hột giống đoạn tận,
Ước muốn không tăng trưởng,
Bậc trí chứng Niết-bàn,
Ví như ngọn đèn này.
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

236. Phàm ở tại đời này,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không,
Hãy đánh lễ đức Phật,
Đã như thực đến đây,
Được loài Trời, loài Người,
Đánh lễ và cúng dường.
Mong rằng với hạnh này,
Mọi loài được hạnh phúc.

237. Phàm ở tại nơi này,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không.
Hãy đánh lễ Chánh pháp,
Đã như thực đến đây,

*Được loài Trời, loài Người,
Đánh lễ và cúng dường.
Mong rằng với hạnh này,
Mọi loài được hạnh phúc.*

238. *Phàm ở tại nơi này,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không.
Hãy đánh lễ chúng Tăng,
Đã như thực đến đây,
Được loài Trời, loài Người,
Đánh lễ và cúng dường.
Mong rằng với hạnh này,
Mọi loài được hạnh phúc.*

330 Bốn Thánh đế - Do không thấy Bốn Thánh đế nên luân hồi dài - Kinh Vajjita – Tiểu III, 187

Vajjita – Tiểu III, 187 (168)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Kosala giàu có, sau khi từ Phạm Thiên giới hạ sanh, ngài luôn luôn khóc trong bàn tay bà mẹ, vì ngài không chịu nổi xúc chạm của nữ nhân, ngài được gọi là *Vajjita* (vị từ bỏ).

Đến tuổi trưởng thành, ngài chứng kiến Thế Tôn hiện thân thông song hành, khởi lòng tin, xuất gia và chứng được *sáu thánh trí*.

Nhớ đến đời sống quá khứ, ngài cảm thấy xúc động nói:

215. Trong thời luân hồi dài,
Ta trôi lăn nhiều cõi,
Ta không thấy **Thánh đế**,
Ta phàm phu mù lòa.

216. Với **hạnh không phóng dật**,
Ta phá vỡ luân hồi,
Mọi sanh thú chặt đứt,

Nay không còn tái sanh.

Và bài kệ trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

331 Bốn Thánh đế - Không được Ta chấp nhận là người tu và không thể chứng ngộ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 439

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 439 (Cat. 4)
(It. 104)

Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không như thật quán tri: "Đây là **Khổ**", không như thật quán tri: "Đây là **Khổ tập**", không như thật quán tri: "Đây là **Khổ diệt**", không như thật quán tri: "Đây là **Con đường đưa đến khổ diệt**". Những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, **không được Ta chấp nhận** là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, hay là Bà-la-môn trong các Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại **cũng không tự mình** với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, như thật quán tri: "Đây là **Khổ**", như thật quán tri: "Đây là **Khổ tập**", như thật quán tri: "Đây là **Khổ diệt**", như thật quán tri: "Đây là **Con đường đưa đến khổ diệt**", thời này các Tỷ-kheo, các Sa-môn hay Bà-la-môn ấy **được Ta chấp nhận** là Sa-môn trong các

hàng Sa-môn, hay Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ấy ngay trong hiện tại, **tự mình với thẳng trí chứng ngộ**, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

*Những ai không quán tri,
Khổ và khổ hiện hữu,
Ở đấy, khổ hoàn toàn,
Được đoạn tận, không dư,
Và không biết đường ấy,
Đưa đến chỉ tịnh khổ,
Những vị ấy không có,
Tâm và tuệ giải thoát,
Họ không thể chấm dứt,
Phải đi đến sanh già.*

*Những vị nào quán tri,
Khổ và khổ tập khởi,
Ở đấy, khổ hoàn toàn,
Được đoạn tận, không dư,
Rõ biết con đường ấy,
Đưa đến chỉ tịnh khổ,
Tâm giải thoát thành tựu,
Và cả **tuệ giải thoát**,
Họ có thể chấm dứt,
Không đi đến sanh già.*

332 Bốn Thánh đế - Khổ - Khi không có năm uẩn, thời không có đau khổ - Kinh Samitigutta – Tiểu III, 91

Samitigutta – Tiểu III, 91 (81)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, tên là Samitigutta (hộ trì nhờ hòa khí).

Nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia và chứng được **giới** thanh tịnh. Do kết quả nghiệp đời trước, ngài bị **bệnh hủi**, tay chân của ngài rơi xuống từng phần một, ngài sống trong một nhà bệnh.

Một hôm, Tôn giả Sàriputta đi thăm các người bệnh và hỏi thăm các bệnh nhân, thấy Samitigutta, Tôn giả cho một đề tài để thiền quán, nói rằng: "**Này Hiền giả, nếu nói về vấn đề năm thủ uẩn, thời toàn bộ khổ uẩn là một vấn đề cảm thọ. Và khi không có năm uẩn, thời không có đau khổ**".

Nói xong, Tôn giả Sàriputta tiếp tục đi. Nhưng bệnh nhân Samitigutta được phấn khởi với bài dạy ấy, **triển khai thiền quán** và chứng được **sáu thắng trí**. Nhờ đó, ngài nhớ đến các hành ngài làm đời trước, khiến nay ngài phải mắc bệnh hủi.

Và tán thán sự kiện này mọi việc đã được chấm dứt,
ngài nói lên bài kệ:

*81. Việc ác ta đã làm,
Trong các đời sống trước,
Ở đây chỉ cảm thọ,
Thọ lãnh từ nghiệp ấy,
Căn bản các nghiệp khác,
Thật sự không còn nữa.*

333 Bốn Thánh đế - Khổ - Toàn bộ khổ uẩn là một vấn đề Cảm thọ - Kinh Samitigutta – Tiểu III, 91

Samitigutta – Tiểu III, 91 (81)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, tên là Samitigutta (hộ trì nhờ hòa khí).

Nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia và chứng được **giới** thanh tịnh. **Do kết quả nghiệp đời trước, ngài bị bệnh hủi**, tay chân của ngài rơi xuống từng phần một, ngài sống trong một nhà bệnh.

Một hôm, Tôn giả Sàriputta đi thăm các người bệnh và hỏi thăm các bệnh nhân, thấy Samitigutta, Tôn giả cho một đề tài để thiền quán, nói rằng: "**Này Hiền giả, nếu nói về vấn đề năm thủ uẩn, thời toàn bộ khổ uẩn là một vấn đề cảm thọ. Và khi không có năm uẩn, thời không có đau khổ**".

Nói xong, Tôn giả Sàriputta tiếp tục đi. Nhưng bệnh nhân Samitigutta được phần khởi với bài dạy ấy, **triển khai thiền quán** và chứng được **sáu thắng trí**. Nhờ đó, ngài nhớ đến các hành ngài làm đời trước, khiến nay ngài phải mắc bệnh hủi.

Và tán thán sự kiện này mọi việc đã được chấm dứt,
ngài nói lên bài kệ:

*81. Việc ác ta đã làm,
Trong các đời sống trước,
Ở đây chỉ cảm thọ,
Thọ lãnh từ nghiệp ấy,
Căn bản các nghiệp khác,
Thật sự không còn nữa.*

334 Bốn Thánh đế - Kinh Châu Báu - Tiểu I, 14

Kinh **Châu Báu** – *Tiểu I, 14* (Ratana Sutta)

1. Phàm ở tại đời này,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không,
Mong rằng mọi sanh linh,
Được đẹp ý vui lòng,
Vậy, hãy nên cẩn thận,
Lắng nghe lời dạy này.
2. Do vậy các sanh linh,
Tất cả hãy chú tâm,
Khởi lên lòng từ mẫn,
Đối với thấy mọi loài,
Ban ngày và ban đêm,
Họ đem vật cúng dường,
Do vậy không phóng dật,
Hãy giúp hộ trì họ.
3. *Phàm có tài sản gì,
Đời này hay đời sau,
Hay ở tại thiên giới,
Có châu báu thù thắng,
Không gì sánh bằng được,*

Với **Như Lai Thiện Thệ**,
Như vậy, nơi Đức Phật,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

4. **Đoạn diệt và ly tham**,
Bất tử và thù diệu,
Phật Thích-ca Mâu-ni,
Chứng Pháp ấy trong thiền,
Không gì sánh bằng được,
Với Pháp thù diệu ấy,
Như vậy, nơi Chánh Pháp,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

5. Phật, Thế Tôn thù thắng,
Nói lên lời tán thán,
Pháp thù diệu trong sạch,
Liên tục không gián đoạn,
Không gì sánh bằng được,
Pháp thiền vi diệu ấy,
Như vậy, nơi Chánh Pháp,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

6. **Tám vị bốn đôi** này,

Được bậc thiện tán thán.
Chúng đệ tử Thiện Thệ,
Xứng đáng được cúng dường.

Bồ thí các vị ấy,
Được kết quả to lớn.
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

7. Các vị lòng ít dục,
Với ý thật kiên trì,
Khéo liên hệ mật thiết,
Lời dạy Gô-ta-ma!
Họ đạt được quả vị,
Họ **thể nhập bất tử**,
Họ chứng đắc dễ dàng,
Hưởng thọ sự tịch tịnh,
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

8. Như cây trụ cột đá,
Khéo y tựa lòng đất,
Dầu có gió bốn phương,
Cũng không thể dao động,
Ta nói bậc Chơn nhân,

Giống như thí dụ này,
Vị thể nhập với tuệ,
Thấy được những **Thánh đế**,
Như vậy, nơi **Tăng chúng**,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

9. *Những vị khéo giải thích,
Những sự thật Thánh đế,
Những vị khéo thuyết giảng,
Với trí tuệ thâm sâu.*
Dầu họ có hết sức,
Phóng dật không chế ngự,
**Họ cũng không đến nổi,
Sanh hữu lần thứ tám.**
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

10. *Vị ấy nhờ đầy đủ,
Với chánh kiến sáng suốt,
Do vậy có ba pháp,
Được hoàn toàn từ bỏ.*
**Thân kiến và nghi hoặc,
Giới cấm thủ** cũng không,
Đối với bốn đọa xứ,

Hoàn toàn được giải thoát.
Vị ấy không thể làm,
Sáu điều ác căn bản,
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

11. Dầu vị ấy có làm,
Điều gì ác đi nữa,
Vớ thân hay vớ lời,
Kể cả vớ tâm ý,
Vị ấy không có thể,
Che đậy việc làm ấy,
Việc ấy được nói rằng,
Không thể thấy ác đạo.
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

12. Đẹp là những cây rừng,
Có bông hoa đầu ngọn,
Trong tháng hạ nóng bức,
Những ngày hạ đầu tiên,
Pháp thù thắng thuyết giảng,
Được ví dụ như vậy,
Pháp đưa đến Niết Bàn,

Pháp hạnh phúc tối thượng,^[SEP]
Nhu vậy, nơi Đức Phật,^[SEP]
Là châu báu thù diêu,
^[SEP]Mong với sự thật này,
^[SEP]Được sống chơn hạnh phúc.

13. Cao thượng biết cao thượng,^[SEP]
Cho đem lại cao thượng,^[SEP]
Bậc Vô thượng thuyết giảng,^[SEP]
Pháp cao thượng thù thắng,^[SEP]
Nhu vậy nơi đức Phật,^[SEP]
Là châu báu thù diêu,^[SEP]
Mong với sự thật này,^[SEP]
Được sống chơn hạnh phúc.

14. Nghiệp cũ đã đoạn tận,^[SEP]
Nghiệp mới không tạo nên,^[SEP]
Với tâm tư từ bỏ,^[SEP]
Trong sanh hữu tương lai,^[SEP]
Các hột giống đoạn tận,^[SEP]
Ước muốn không tăng trưởng,^[SEP]
Bậc trí chứng Niết Bàn,^[SEP]
Ví như ngọn đèn này,^[SEP]
Nhu vậy, nơi Tăng chúng,^[SEP]
Là châu báu thù diêu,^[SEP]
Mong với sự thật này,^[SEP]
Được sống chơn hạnh phúc.

15. Phàm ở tại đời này,^[SEP]

Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không,
Hãy đánh lễ Đức Phật,
Đã như thực đến đây,
Được loài Trời, loài Người,
Đánh lễ và cúng dường,
Mong rằng, với hạnh này,
Mọi loài được hạnh phúc.

16. Phàm ở tại nơi này,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không,
Hãy đánh lễ Chánh pháp,
Đã như thực đến đây,
Được loài Trời, loài Người,
Đánh lễ và cúng dường,
Mong rằng với hạnh này,
Mọi loài được hạnh phúc.

17. Phàm ở tại đời này,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không,
Hãy đánh lễ chúng Tăng,
Đánh lễ và cúng dường,
Mong rằng với hạnh này,

Mọi loài được hạnh phúc.

335 Bốn Thánh đế - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 315

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 315 (Ek III, 4) (It. 17)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Các **xương** của một người, này các Tỷ-kheo, chạy dài, lưu chuyển có thể lớn như một đồi xương, một chồng xương, một đống xương, như núi Vepulla này, nếu có người thâu người lượm xương lại, gìn giữ chúng không làm chúng hủy hoại.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây điều này được nói đến.

*Chông chất như xương người,
Chỉ sống có một kiếp,
Chất đống bằng hòn núi,
Bậc Đại sĩ nói vậy,
Đống xương ấy được nói,
Lớn như Vepulla,
Phía Bắc núi Linh Thứu,
Thành núi Magadha.*

*Người thấy **Bốn sự thật**,
Với chân chánh trí tuệ*

*Khổ và khổ tập khởi
Sẽ vượt qua đau khổ
Con đường Thánh tám ngành,
Dẫn đến khổ tịnh chỉ,
Người ấy phải luân chuyển,
Tối đa là bảy lần,
Là vị đoạn tận khổ,
Đoạn diệt mọi kiết sử.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

336 Bốn Thánh đế - Lậu hoặc tận dành cho người biết Bốn Thánh đế - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 438

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 438 (Cat. 3)
(It. 103)

Này các Tỷ-kheo, Ta thuyết sự diệt tận các lậu hoặc cho người biết, cho người thấy, không phải cho người không biết, cho người không thấy.

Và này các Tỷ-kheo, cho người biết gì, cho người thấy gì là sự diệt tận các lậu hoặc?

- Này các Tỷ-kheo, cho người biết, cho người thấy rằng: "Đây là **Khổ**", là sự diệt tận các lậu hoặc.
- Này các Tỷ-kheo, cho người biết, cho người thấy rằng: "Đây là **Khổ tập**", là sự diệt tận các lậu hoặc.
- Này các Tỷ-kheo, cho người biết, cho người thấy rằng: "Đây là **Khổ diệt**", là sự diệt tận các lậu hoặc.
- Như vậy, này các Tỷ-kheo, cho người biết, cho người thấy, "Đây là **Con đường đưa đến khổ diệt**", là sự diệt tận các lậu hoặc.

Như vậy này các Tỷ Kheo cho người biết cho người thấy là sự diệt tận các lậu hoặc.

Vị hữu học học tập,
Hành trì đường chánh trực,
Trong diệt tận ác pháp,
Là trí bậc thứ nhất,
Tiếp đến là chánh trí,
Chánh trí này vô thượng,
Tiếp theo chánh trí ấy,
Chính là sự giải thoát,
Giải thoát trí vô thượng,
Trong diệt tận, trí khôn,
Với các loại, kiết sử,
Được đoạn tận ở đây.

Không phải kẻ biếng nhác,
Kẻ ngu, không biết gì,
Có thể chứng ngộ được
Niết-bàn vô thượng này,
Sự giải thoát hoàn toàn,
Tất cả mọi trói buộc.

337 Bốn Thánh đế - Như thật trí - Kinh Hai Pháp Tùy Quán - Tiểu I, 678

Kinh Hai Pháp Tùy Quán – *Tiểu I*, 678

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú tại Sàvatthi, ở Đông Viên, tại lâu đài mẹ của Migàra. Lúc bấy giờ, trong ngày trai giới Uposatha, vào ngày rằm, trăng tròn, trong đêm rằm, Thế Tôn ngồi giữa trời với chúng Tỷ-kheo đoanh vây. Rồi Thế Tôn nhìn xung quanh chúng Tỷ-kheo đang yên lặng, nói với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, phàm có những thiện pháp nào thuộc bậc Thánh có khả năng hướng thượng, đưa đến giác ngộ, nay các Tỷ-kheo, đối với các thiện pháp thuộc bậc Thánh có khả năng hướng thượng đưa đến giác ngộ ấy do lý do gì các Thầy nghe những pháp ấy?

Này các Tỷ-kheo, các Thầy có thể được hỏi như vậy, các Thầy có thể trả lời cho những người câu hỏi ấy như sau: "**Vì muốn có như thật trí đối với hai pháp**". Và nếu các Thầy nói: "Thế nào là hai?".

- "Đây là **khổ**, đây là **khổ tập**", đây là tùy quán thứ nhất.

- "Đây là **khổ diệt**, đây là **con đường đưa đến khổ diệt**", đây là tỳ quán thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, như vậy do Tỷ-kheo chọn chánh tỳ quán hai pháp, không có phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, được chờ đợi là một trong hai quả sau đây: Được **chánh trí** ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả **Bất hoàn**.

Thế Tôn nói như vậy, Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

724. Ai không tuệ tri **khổ**,
Và hiện hữu của khổ,
Và chỗ khổ hoàn toàn,
Được đoạn tận không dư,
Vì ấy không biết đường,
Đưa đến khổ an tịnh.

725. Không có tâm **giải thoát**,
Không có tuệ **giải thoát**,
Vị ấy không có thể,
Đoạn tận sanh và già.

726. **Những ai tuệ tri khổ**,
Và hiện hữu của khổ,
Và chỗ khổ hoàn toàn,
Được đoạn tận không dư,
Vị ấy biết **con đường**,

Đưa đến khổ an tịnh.

727. Đây đủ tâm giải thoát,
Với trí tuệ giải thoát,
Những vị ấy có thể,
Với trí tuệ giải thoát,
Đoạn tận sanh và già.

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau: "*Có thể có chân chánh tùy quán hai pháp, theo một pháp môn khác không?*"

Các Thầy cần phải trả lời: "Có thể có". Có thể có như thế nào?

- "**Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên **sanh y****", đây là tùy quán pháp thứ nhất.

- "**Do sự đoạn diệt, ly tham, các sanh y không có dư tàn, khổ không có hiện hữu**", đây là tùy quán pháp thứ hai.

- Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chánh tùy quán hai pháp, không có phóng dật, nhiệt tâm tinh cần, được chờ đợi là một trong hai quả sau đây: Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bất hoàn.

Thế Tôn nói như vậy, Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

728. Chính do duyên sanh y,
Các khổ được sanh khởi,
Tất cả các khổ đau,
Sai biệt ở trên đời,
Ai chính do vô minh,
Tạo lên sự sanh y,
Kẻ ngu ấy gặp khổ,
Nối tiếp nhau sanh trưởng,
Do vậy vị hiểu biết,
Không tạo lên sanh y,
Tùy quán được hiện hữu,
Của sanh và của khổ.

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau: "Có thể có chân chánh tùy quán hai pháp theo một pháp môn khác không?"

Các Thầy cần phải trả lời: "Có thể có". Có thể có như thế nào?

- "**Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên vô minh**", đây là tùy quán thứ nhất.

- "**Do đoạn diệt, ly tham, vô minh không có dư tàn, khổ không có hiện hữu**", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chánh tùy quán hai pháp, không có phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, được chờ đợi là một trong hai quả sau đây: Được

chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chúng quả Bất hoàn.

Thế Tôn nói như vậy, Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

729. *Những ai tiếp tục rơi,
Dòng luân chuyển sanh tử,
Đến hữu này hữu khác,
Sanh thú do **vô minh**.*

730. *Vô minh này, đại si,
Đưa đến luân chuyển dài,
Chúng sanh, **minh** đạt được,
Không còn phải tái sanh.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:...

- "**Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên các hành**", đây là tùy quán pháp thứ nhất.

- "**Do đoạn diệt, ly tham, các hành không có dư tàn, khổ không có hiện hữu**", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chúng quả Bất hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

731. Phàm khổ gì hiện hữu,
Tất cả duyên các hành,
Do đoạn diệt các hành,
Khổ không có hiện hữu.

732. Do biết nguy hiểm này,
Khổ do duyên các hành,
Tịnh chỉ tất cả hành,
Do phá hoại các tướng,
Như vậy, khổ được diệt,
Biết như thực là vậy.

733. Bạc Hiên trí chánh kiến,
Hiểu biết, với chánh trí,
Nhiếp phục Ma kiết sử,
Không đi đến tái sanh.

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:...

- "**Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên *thức***", đây là tùy quán pháp thứ nhất.

- "**Do đoạn diệt, ly tham thức không có dư tàn, khổ không có hiện hữu**", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bát hoàn.

Bạc Đạo Sư lại nói thêm:

734. Phàm khổ gì hiện hữu,
Tất cả do duyên thức,
Vội thức được đoạn diệt,
Khổ không có hiện hữu.

735. Do biết nguy hiểm hày,
Khổ do duyên các thức,
Tỷ-kheo tịnh chỉ thức,
Không dục ái, tịch tịnh.

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau: ...

- "**Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên *xúc***", đây là pháp tùy quán thứ nhất.

- "***Do đoạn diệt, ly tham xúc không có dư tàn, khổ không có hiện hữu***", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bát hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

736. Những ai, xúc chi phối,
Chạy theo dòng sanh hữu,
Những người hành tà đạo,
Xa vời diệt kiết sử.

737. Những ai liễu tri xúc,
Nhờ trí, thích an tịnh,
Do họ thắng tri xúc,
Không dục ái, tịch tịnh.

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:...

- "**Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên thọ**", đây là pháp tùy quán thứ nhất.

- "**Do đoạn diệt, ly tham thọ không có dư tàn, khổ không có hiện hữu**", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bát hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

738. Với lạc thọ, khổ thọ,
Hay bất khổ, bất lạc;
Nội thọ và ngoại thọ,
Phàm có cảm thọ gì.

739. Biết được đây là khổ,
Giả dối bị hủy hoại.
Thấy các xúc hoại diệt,
Như vậy, đây ly tham,

*Tỷ-kheo diệt các thọ,
Không dục ái, tịch tịnh.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:...

- "*Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên **ái***", đây là pháp tùy quán thứ nhất.

- "***Do đoạn diệt, ly tham ái** không có dư tàn, khổ không có hiện hữu*", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chán tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bát hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

*740. Người có ái bạn đường,
Bị luân chuyển dài dài,
Đến hữu này, hữu khác,
Luân chuyển không dừng nghỉ.*

*741. Do biết nguy hiểm này,
Chính ái tác thành khổ,
Ly ái, không chấp thủ,
Chánh niệm, Tỷ-kheo hành.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:....

- "Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên **thủ**", đây là pháp tùy quán thứ nhất.

- "**Do đoạn diệt, ly tham thủ** không có dư tàn, khổ không có hiện hữu", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bát hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

742. Do duyên thủ, có hữu,
Do hữu, đi đến khổ,
Từ sanh nên có chết,
Đây hiện hữu của khổ.

743. Do vậy, bậc Hiền trí,
Diệt thủ, nhờ chánh trí,
Nhờ thắng trí sanh diệt,
Không đi đến tái sanh.

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:...

- "Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên **khởi xướng**", đây là pháp tùy quán thứ nhất.

- "**Do đoạn diệt ly tham khởi xướng** không có dư tàn, **khổ** không có hiện hữu", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chon chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bất hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

744. *Phàm khổ gì hiện hữu,
Tất cả duyên khởi xướng,
Do đoạn diệt khởi xướng,
Khổ không có hiện hữu.*

745. *Do biết nguy hiểm này,
Khổ do duyên khởi xướng,
Từ bỏ mọi khởi xướng,
Không khởi xướng, giải thoát.*

746. *Do đoạn tận hữu ái,
Tâm Tỷ-kheo tịch tịnh,
Vượt khỏi sanh luân chuyển
Vị ấy không tái sanh.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:...

- "*Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên **thức** **ăn***", đây là tùy quán pháp thứ nhất.

- "*Do đoạn diệt, ly tham **thức** **ăn** không có dư tàn, **khổ** không có hiện hữu*", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chon chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bất hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

747. *Phàm khổ gì hiện hữu,
Tất cả duyên thức ăn,
Do đoạn diệt thức ăn,
Khổ không có hiện hữu.*

748. *Do biết nguy hiểm này,
Khổ do duyên thức ăn,
Liễu tri mọi thức ăn,
Không y mọi thức ăn.*

749. *Nhờ chánh trí không bệnh,
Đoạn diệt các lậu hoặc,
Thọ dụng các thức ăn,
Giác sát, trú Chánh pháp,
Vị đạt được trí tuệ,
Không rơi vào ước lượng.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:...

- "*Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên **dao động***", đây là pháp tùy quán quán thứ nhất.

- "*Do đoạn diệt, ly tham dao động* không có dư tàn, khổ không có hiện hữu", đây là tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bát hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

750. Phàm khổ gì hiện hữu,
Tất cả duyên dao động,
Do đoạn diệt dao động,
Khổ không có hiện hữu.

751. Do biết nguy hiểm này,
Khổ do duyên dao động,
Do vậy, bỏ dao động,
Chận dừng lại các hành,
Không có gì chướng ngại
Không chấp thủ, chánh niệm,
Vị Tỷ-kheo bộ hành,
Khắp tất cả chân trời.

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau:...

- "***Ai có nương tựa, thì bị dao động***", đây là pháp tùy quán thứ nhất.

- "*Ai không có nương tựa, không bị dao động*", đây là pháp tùy quán thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chánh tùy quán hai pháp.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

752. *Không nương tựa, không động,
Nương tựa có chấp thủ,
Chấp hữu này, hữu khác,
Không chinh phục luân chuyển.*

753. *Sau khi rõ biết được,
Nguy hiểm tai hại này,
Trong các sự nương tựa,
Có sợ hãi lớn lao,
Không nương tựa y chỉ,
Không chấp thủ, chánh niệm,
Vị Tỷ-kheo bộ hành,
Khấp tất cả chân trời.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau...

- "*Các pháp **vô sắc** an tịnh hơn các **sắc pháp***", đây là pháp tùy quán thứ nhất.

- "*Sự **đoạn diệt**, an tịnh hơn các pháp vô sắc*", đây là pháp tùy quán thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chon chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bất hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

754. *Chúng sanh thuộc sắc giới,
Chúng sanh trú vô sắc,
Không tuệ tri đoạn diệt,
Chúng đi đến tái sanh.*

755. *Những ai liễu tri sắc,
Khéo an trú vô sắc,
Giải thoát trong đoạn diệt,
Họ từ bỏ sự chết.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau...

- "*Cái gì được thế giới với chư Thiên, các Ma, các Phạm thiên, được thế giới này với quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người suy tưởng: "Đây là sự thật", cái ấy được các vị Thánh khéo thấy như thật với chánh trí tuệ là: "**Cái này là hư vọng**", đây là pháp tùy quán thứ nhất.*

- "*Cái gì được thế giới với chư Thiên, các Ma, các Phạm thiên, được thế giới này với quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người suy tưởng: "Đây là hư vọng", cái ấy được các vị Thánh*

khéo thấy như thật với chánh trí tuệ là: "*Cái này là chân thật*", đây là pháp tùy quán thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư y, chứng quả Bất hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

756. *Hãy xem thế giới này,
Với thế giới chư Thiên,
Hoan hỷ với phi ngã,
An trú trên danh sắc,
Nghĩ rằng danh sắc này,
Là chân thật không nguy.*

757. *Dầu họ nghĩ thế nào,
Khi danh sắc đổi khác,
Danh sắc là hư vọng,
Giả dối sống tạm bợ.*

758. *Niết-bàn không hư nguy,
Bậc Thánh chân thật biết,
Họ thắng tri chân thật,
Không ái dục, tịch tịnh.*

Này các Tỷ-kheo, có thể các Thầy được hỏi thêm nữa như sau...

- "Cái gì được thế giới với chư Thiên, các Ma, các Phạm thiên, được thế giới này với quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người suy tưởng: "Đây là an lạc", cái ấy được các vị Thánh khéo thấy như thật với chánh trí tuệ là: "**Cái này là khổ**", đây là pháp tùy quán thứ nhất.

- "Cái gì được thế giới với chư Thiên, các Ma, các Phạm thiên, được thế giới này với quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người suy tưởng: "Đây là khổ", cái ấy được các vị Thánh khéo thấy như thật với chánh trí tuệ là: "**Cái này là lạc**", đây là pháp tùy quán thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chánh tùy quán hai pháp... Được chánh trí ngay trong hiện tại, và nếu có dư ý, chứng quả Bát hoàn.

Bậc Đạo Sư lại nói thêm:

759. Sắc, tiếng, hương, vị, xúc,
Tất cả những pháp này,
Khả lạc, hỷ, khả ý,
Khi nào chúng hiện hữu.

760. Thế giới với chư Thiên,
Xem chúng là khả lạc,
Khi chúng bị hoại diệt,
Mới thấy chúng là khổ.

761. *Bậc Thánh thấy là lạc,
Khi có thân đoạn diệt,
Đây hoàn toàn trái ngược,
Điều mọi giới được thấy.*

762. *Điều người khác gọi lạc,
Bậc Thánh gọi là khổ,
Điều người khác gọi khổ,
Bậc Thánh biết là lạc,
Hãy xem pháp khó biết,
Kẻ không thấy mê mờ.*

763. *Kẻ bị che, tối tăm,
Kẻ không thấy, tối mù,
Bậc thiện, được rộng mở,
Bậc thấy, được ánh sáng,
Kẻ ngu dẫu có gần,
Cũng không biết con đường,
Cũng không có thiện xảo,
Đối Chánh pháp Phật dạy.*

764. *Bị hữu tham chiến bại,
Bị trôi theo dòng hữu,
Rơi vào Ma chi phối,
Pháp này khó chánh giác.*

765. *Ai ngoài các bậc Thánh,*

*Xứng đáng **đạo chánh giác**.*

Do chánh trí đạo ấy,

Chứng vô lậu Niết-bàn.

Thế Tôn thuyết như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi pháp này được giảng, tâm của hơn sáu mươi Tỷ-kheo giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

338 Bốn Thánh đế - Pháp mà chư Phật đã chứng ngộ - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 203

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 203 (Ud 49)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagha, Veluvana, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, một **người bị bệnh hủi tên là Suppabuddha**, nghèo đói, ăn xin, khốn cùng. Lúc bấy giờ, Thế Tôn với đại chúng doanh vây, đang ngồi thuyết pháp. Người hủi Suppabuddha thấy từ đằng xa đại chúng đang tụ hội, thấy vậy liền suy nghĩ: *"Không nghi ngờ gì nữa, ở đây, có thể có chia phần cái gì ăn được, loại cứng hay loại mềm. Vậy ta hãy đi đến đại chúng ấy, mong rằng ta sẽ được chút gì ăn được, loại cứng hay loại mềm"*. Rồi người hủi Suppabuddha đi đến đại chúng ấy.

Người hủi Suppabuddha thấy Thế Tôn đang thuyết pháp cho đại chúng đang doanh vây xung quanh, thấy vậy liền suy nghĩ: *"Ở đây không có cái gì ăn được, loại cứng hay loại mềm để chia phần. Sa-môn Gotama này đang thuyết pháp cho hội chúng. Vậy ta*

hãy nghe pháp". Tại đây, người hủi ngồi xuống và nghĩ: "Ta sẽ nghe pháp".

Rồi Thế Tôn, với tâm của mình duyên với tâm của toàn thể hội chúng tác ý rằng: "Ở đây, ai có thể hiểu được pháp". Thế Tôn thấy người hủi Suppabuddha đang ngồi trong hội chúng, thấy vậy liền suy nghĩ: "Ở đây, người này có thể hiểu pháp".

Vì người hủi Suppabuddha, Thế Tôn tuân tữ thuyết pháp, tức là thuyết **bồ thí**, thuyết về **trì giới**, thuyết về **thiên giới**, thuyết về **sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của xuất ly**. Khi Thế Tôn biết tâm của người hủi Suppabuddha đã sẵn sàng, đã nhu thuận không còn chướng ngại, được phân khởi, được tín thành, liền **thuyết pháp mà chư Phật đã chứng ngộ**, tức là *Khô, Tập, Diệt, Đạo*.

Cũng như tấm vải thuần bạch, được gội rửa các vết đen, sẽ rất dễ thấm màu nhuộm, cũng vậy chính tại chỗ ngồi này, pháp nhãn xa trần ly cấu khởi lên trong tâm người hủi Suppabuddha: "Phàm cái gì được khởi lên, tất cả đều bị đoạn diệt". Khi ấy người hủi Suppabuddha thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chúng được tự tín, không y cứ nơi người khác đối với lời dạy của đức Bôn Sư, từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi

xuống một bên. Ngồi xuống một bên, người hủi Supabuddha bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! **Như người *dừng đứng* lại những gì bị quăng ngã xuống, *phơi bày* ra những gì bị che kín, *chỉ đường* cho người bị lạc hướng, *đem đèn sáng* vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc.** Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích, Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo, mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

Rồi người hủi Suppabuddha được Thế Tôn với bài pháp thoại thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn chấn, làm cho hoan hỷ, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Rồi **một con bò húc vào người hủi Suppabuddha** và đoạt mạng sống. Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- *Bạch Thế Tôn, người hủi tên Suppabuddha được Thế Tôn với bài pháp thoại thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ đã mạng chung.*

Sanh thú của vị ấy là gì? Tương lai của vị ấy thế nào?

- Nay các Tỷ-kheo, Hiền trí là người hủ Suppabuddha, đã thực hành tùy pháp đúng pháp, không có làm phiền nhiễu Ta với những tranh luận về pháp. Người hủ Suppabuddha sau khi đoạn tận ba kiết sử, đã chứng được quả Dự lưu, không còn bị thoái đoạ, chắc chắn đạt được Chánh giác.

Khi nghe nói vậy một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn do nhân gì, do duyên gì, người hủ Suppabuddha lại là người nghèo đói, là người ăn xin, là người khốn cùng?

- Thuở xưa, nay các Tỷ-kheo, người hủ Suppabuddha là con một nhà triệu phú ở Ràjagaha khi đi ngang qua một khu vườn, vị ấy thấy đức Phật Độc giác Tagarasikhi đang đi vào thành khát thực. Thấy vậy, vị ấy suy nghĩ: "Ai là người hủ này lại đi dạo chơi" và vị ấy nhổ nước miếng và xây lưng phía trái rồi bỏ đi.

Do hành động này của vị ấy được thuần thực, nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm, vị ấy bị nấu trong địa ngục. Do sự thành thực thêm nữa của nghiệp ấy, chính tại Ràjagala này, vị ấy là một người nghèo đói, là người ăn xin, là người khốn cùng! Nay vị ấy do y cứ vào pháp luật

được Như Lai thuyết giảng, vị ấy được lòng **tin**, vị ấy được **giới**, vị ấy được **nghe** pháp, vị ấy được **từ bỏ**, vị ấy được **trí tuệ**, sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy được sanh thiện thú, thiên giới, đời này, được công trú với chư Thiên ở cõi Ba mươi ba. Tại đây, vị ấy chói sáng hơn các chư Thiên khác về dung sắc và danh xưng.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

3. *Như người có mắt nhìn,
Cố gắng tránh lời lỗm,
Cũng vậy kẻ trí tránh,
Điều ác giữa đời này.*

339 Bốn Thánh đế - Quy y tối thượng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 67

Phẩm Phạt Đà – *Tiểu I*, 67

179. Vị chiến thắng không bại,
Vị bước đi trên đời,
Không dấu tích chiến thắng,
Phật giới rộng mệnh mông,
Ai dùng chân theo dõi,
Bậc không để dấu tích?

180. Ai giải tỏa lưới **tham**,
Ái phược hết dắt dẫn,
Phật giới rộng mệnh mông,
Ai dùng chân theo dõi,
Bậc không để dấu tích?

181. Người trí chuyên thiền định,
Thích an tịnh viễn ly,
Chư thiên đều ái kính,
Bậc Chánh giác, chánh niệm.

182. Khó thay, được làm người,
Khó thay, được sống còn,

Khó thay, nghe diệu pháp,
Khó thay, Phật ra đời!

183. Không làm mọi điều ác.
Thành tựu các hạnh lành,
Tâm ý giữ trong sạch,
Chính lời chư Phật dạy.

184. Chư Phật thường giảng dạy;
Nhẫn - khổ hạnh tối thượng.
Niết bàn - quả tối thượng;
Xuất gia không phá người;
Sa-môn không hại người.

185. Không phỉ báng, phá hoại,
Hộ trì giới căn bản,
Ăn uống có tiết độ,
Sàng tọa chỗ nhàn tịnh
Chuyên chú tăng thượng tâm,
Chính lời chư Phật dạy.

186. Dầu mưa bằng tiền vàng,
Các **dục** khó thỏa mãn.
Dục đáng nhiều, ngọt ít,
Biết vậy là bậc trí.

187. Đệ tử bậc Chánh giác,

Không tìm cầu dục lạc,
Dầu là dục chư thiên,
Chỉ ưa thích ái diệt.

188. Loài người sợ hoảng hốt,
Tìm nhiều chỗ quy y,
Hoặc rừng rậm, núi non,
Hoặc vườn cây, đền tháp.

189. Quy y ấy không ổn,
Không quy y tối thượng.
Quy y các chỗ ấy,
Không thoát mọi khổ đau.

190. Ai quy y Đức Phật,
Chánh pháp và chư tăng,
Ai dùng chánh tri kiến,
Thấy được **Bốn Thánh đế.**"

191. Thấy khổ và khổ tập,
Thấy sự khổ vượt qua,
Thấy **đường Thánh tám ngành**,
Đưa đến khổ não tận.

192. Thật quy y an ổn,
Thật quy y tối thượng,
Có quy y như vậy,

Mới thoát mọi khổ đau.

193. Khó gặp bậc Thánh nhơn,
Không phải đâu cũng có,
Chỗ nào bậc trí sanh,
Gia đình tất an lạc.

194. Vui thay, **Phật** ra đời!
Vui thay, **Pháp** được giảng!
Vui thay, **Tăng** hòa hợp!
Hòa hợp tu, vui thay!

195. Cúng dường bậc đáng cúng,
Chư Phật hoặc đệ tử,
Các bậc vượt hý luận,
Đoạn diệt mọi sầu bi.

196. Cúng dường bậc như vậy,
Tịch tịnh, không sợ hãi,
Các công đức như vậy,
Không ai ước lường được.

340 Bốn Thánh đế - Trưởng lão Tàlaputta - Kinh Tàlaputta – Tiểu III, 479

Tàlaputta – *Tiểu III*, 479 (262)

Trong thời gian đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình kịch sĩ, trở thành thiện xảo trong nghề diễn kịch thích hợp với người trong gia tộc và trở thành lừng danh khắp Ấn Độ, như nhà lãnh đạo một ban hát với năm trăm nữ nhân, với sự huy hoàng của nghề kịch, ngài dự các lễ ở làng, ở thị trấn, ở cung điện vua, và rất được sủng ái và danh tiếng.

Khi ngài trình diễn ở Ràjagaha với nhiều thành công, ngài đến yết kiến đức Phật và hỏi có phải một kịch sĩ khi trên sân khấu giả danh sự thật, làm cho khán giả ưa thích, vui cười, người ấy sau khi chết được sanh vào *chư Thiên* hay cười.

Đức Phật ban đầu không trả lời. Đến khi hỏi lần thứ tư, đức Phật trả lời những ai khiến cho con người thiên về tình dục, tiêu cực, tâm tư hoang mang khiến người ta mất nhiệt tình, người như vậy sau khi chết sẽ sinh vào địa ngục. Nhưng nếu có tà kiến thời bị sanh vào địa ngục và súc sanh. Tàlaputta khóc không phải vì đức Phật nói chỗ tái sanh, chỉ vì bị các kịch

sĩ xưa lừa dối nói rằng kịch sĩ sẽ được sanh trong một đời sống hạnh phúc.

Rồi Tàlaputta nghe lời đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời tu tập, chứng quả A-la-hán.

Rồi nêu rõ với nhiều chi tiết, như thế nào ngài chế ngự và làm cho trong sạch tâm tư, đi đến chỗ giác ngộ thâm sâu, ngài nói lên những câu kệ như sau:

I

*1092. Khi nào ta sẽ đến,
Một mình, không có hai,
Ở trong những hang động,
Của các loại núi rừng,
Ta quán mọi sanh hữu,
Tất cả là vô thường,
Nay ta là như vậy,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1093. Khi nào ta sẽ là,
Ấn sĩ mang y vá,
Mang y vải màu vàng,
Không của ta, không ái,
Đoạn trừ, diệt **tham** tâm,
Đoạn luôn cả **sân, si**,*

*Ta đi đến khu rừng,
Sẽ trú trong an lạc.*

1094. *Khi nào ta thấy được,
Thân này là vô thường,
Bị chết già áp bức,
Ổ giết chóc, bệnh tật
Ta sẽ trú trong rừng,
Một mình, quán vô úy
Khi nào sẽ là vậy?*

1095. *Khi nào ta sẽ lấy,
Guơng sắc bén trí tuệ,
Chặt dây leo khát ái,
Với nhiều dây chẳng chặt,
Sanh khởi lên sợ hãi,
Mang đến sự khổ đau.
Khi nào sẽ là vậy?*

1096. *Khi nào ta sẽ là,
Có sức mạnh rút guơng,
Guơng do tuệ tạo thành,
Là lửa sáng ẩn sĩ,
Với sức mạnh đập tan,
Ác ma với Ma quân,
Trên chỗ ngồi sư tử,
Khi nào sẽ là vậy?*

1097. Khi nào ta sẽ được,
Hội tụ với bậc thiện,
Được thấy giữa các vị,
Đảm nhận các trọng pháp,
Tinh cần với các vị,
Thấy sự vật như thật,
Chiến thắng được các căn,
Khi nào sẽ là vậy?

1098. Khi nào nhác đói khát,
Gió, nóng, trùng bò sát,
Sẽ không nào hại ta,
Ở Gi-ri-bhaje,
Đang lo đến tự ngã,
Khi nào sẽ là vậy?

1099. Khi nào ta có thể,
Chánh niệm, ngã định tĩnh,
Hiểu được với trí tuệ,
Bốn sự thật khéo giảng,
Bởi bậc Đại ẩn sĩ,
Khi nào sẽ là vậy?

1100. Khi nào ta sẽ chuyên,
Chú tâm vào an chỉ,
Thấy được với trí tuệ,

*Sắc, thanh, hương, vị, xúc,
Các pháp vô thường này,
Như lửa cháy hừng đỏ,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1101. Khi nào ta **bị** nói,
Vớ lời nói thô ác,
Không vì lý do ấy,
Tâm trí bị thất vọng.
Khi được lời tán thán,
Không vì lý do ấy,
Tâm tư được thỏa mãn.
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1102. Khi nào nhiều như củi,
Cỏ, cây leo, thân cây,
Ta cân nhắc bình đẳng,
Những pháp vô lượng này,
Nội pháp và ngoại pháp,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1103. Khi nào mây đem mưa,
Vớ nước mới trong rừng,
Làm ướt y áo ta,
Ta đi trên đường ướt,
Con đường ẩn sẽ đi.
Khi nào sẽ là vậy?*

1104. Khi nào nghe trong rừng,
Tiếng kêu của loài chim,
Chim công, có mào đầu.
Trong hang động núi rừng,
Ta an trú suy tư,
Để đạt quả bất tử,
Khi nào ta sẽ vậy?

1105. Khi nào với thần thông,
Ta có thể vượt qua,
Không chìm, không sợ hãi,
Sông Hằng, Yamunà,
Sông Sarasvati,
Với cửa sông hải hùng,
Với nước ào vực sâu,
Khi nào sẽ là vậy?

1106. Khi nào, như con voi,
Trên chiến trường tấn công,
Ta sẽ phá tan tành,
Lòng dục đối dục cảnh,
Chuyên chú trong thiền định,
Từ bỏ mọi tịnh tướng,
Khi nào sẽ là vậy?

1107. Khi nào như người nghèo,

Mắc nợ chưa trả được,
Bị kẻ giàu thúc bách,
Tìm ra được cửa chôn,
Ta sẽ được thoải mái,
Họ được lời giảng dạy,
Của vị Đại ân sĩ,
Khi nào sẽ được vậy?

II

1108. Nhiều năm ta được người,
Yêu cầu làm như sau:
Như vậy là vừa rồi,
Người sống đời gia đình,
Nay ta đã xuất gia,
Do vậy, **hồi này tâm**,
Do vì lý do gì,
Người không có chuyên tâm?

1109. Nay tâm, phải chăng người,
Yêu cầu ta như sau:
Tại Giribbaje
Loài chim có lông sáng,
Đón chào với tiếng kêu,
Sấm của Đại In-da.
Hãy làm vị ấy vui,
Đang tu thiền trong rừng.

1110. Trong gia đình, bạn bè,
Người yêu và bà con,
Các du hí ở đời,
Các đối tượng của dục,
Tất cả đều từ bỏ,
Ta chấp nhận thế này.
Hỡi này tâm, người không,
Bằng lòng với ta chăng?

1111. Việc này chỉ vì ta,
Đây không vì người khác,
Khi đến thời vũ trang,
Sao lại còn than khóc?
Thế giới này toàn động,
Chờ đợi là như vậy.
Nên ta đã ra đi,
Tìm cầu đạo bất tử.

1112. Vị nói điều khó nói,
Tối thượng loài hai chân,
Bậc Y vương vĩ đại,
Đánh xe điều ngự người,
Với tâm không tham dục,
Ngài khéo chế ngự được,
Người khó lòng chế ngự,
Chế ngự được tâm người,

Vọng động như con vượn.

1113. Các **dục** có nhiều vẻ.

Dịu ngọt, rất khả ý,

Ở đây, hàng phàm phu,

Vô trí, bị trói buộc.

Họ muốn chịu đau khổ,

Khi họ tìm tái sanh,

Dắt dẫn bởi tâm họ,

Họ chết trong địa ngục.

1114. Trong khu rừng vang lên,

Tiếng chim công, chim cò,

Chỗ trú xứ ưu tiên,

Của loài beo, loài cọp,

Ngươi sống tại chỗ ấy,

Chớ chờ đợi về thân,

Chớ có quá đam mê,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1115. ***Hãy tu thiền, Căn, Lực,***

Hãy tu Định Giác chi,

Hãy giác chứng Ba Minh,

Trong lời dạy đức Phật,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1116. **Hãy tu tập con đường,**
Để đạt được bất tử,
Đường đưa đến thể nhập,
Chỗ đoạn diệt mọi khổ.
Con đường có **Tám ngành,**
Rửa sạch mọi uế nhiễm.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1117. **Hãy như lý quán sát,**
Các uẩn là đau khổ,
Hãy từ bỏ xa người,
Những nguyên nhân đau khổ.
Ngay trong thời hiện tại,
Hãy chấm dứt đau khổ,
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1118. **Hãy như lý tuệ quán,**
Là vô thường, là khổ,
Là không, là vô ngã,
Là tà ác, sát hại,
Hãy chế ngự tâm người,
Chớ để nó chạy loạn.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1119. Trọc đầu và xấu sắc,
Đi đến bị nguyên rửa,
Khi khát thực gia đình,
Tay cầm hình đầu lâu,
Nay người có chú tâm,
Vào lời dạy Bốn Sư,
Vào lời Đại ẩn sĩ,
Này tâm, hãy khích lệ
Hãy khuyên ta như trước.

1120. **Hãy đi trên con đường,**
Tự ngã khéo chế ngự,
Giữa các nhà, tâm ý,
Không ái luyến các dục,
Nhu trắng vào tháng tròn,
Không có bọt mây mù.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1121. **Hãy sống trong rừng núi,**
Ăn đồ ăn khát thực,
Sống tại chỗ nghỉ địa,
Mặc y lượm đồng rác.
Chỉ có ngồi, không nằm,
Luôn vui hạnh Đầu-đà,
Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1122. *Như người đã trồng cây,
Liên tìm cho được trái,
Nay người ước muốn trái,
Há chặt rễ cây sao?
Này tâm, thật giống như,
Ví dụ người đã làm,
Khi người khích lệ ta,
Trong vô thường dao động.*

1123. *Người, vô sắc, cô độc,
Kẻ lữ hành từ xa,
Nay ta sẽ không làm,
Theo lời nói của người.
Các dục là khổ đau,
Cay đắng, sợ hãi lớn,
Tâm hướng vọng Niết-bàn,
Ta sẽ bước, đi tới.*

1124. *Ta đi tới xuất gia,
Không phải vì bất hạnh,
Không đùa vô liêm sỉ,
Không vì duyên tâm hứng,
Không bị đày đi xa,
Không vì nhân mạng sống,
Khi ta đã bằng lòng,*

*Này **tâm**, đối với người.*

1125. *Ít **dục** được tán dương,
Bởi những bậc chân nhân,
Kể cả đoạn giả dối,
Và an tịnh đau khổ.
Như vậy, hồi này **tâm**,
Khi người khích lệ ta,
**Còn nay người đi ngược,
Điều người trước quen làm.***

1126. *Khát ái và vô minh,
Đáng thương và đáng ghét,
Sắc đẹp và lạc thọ,
Dục trưởng dưỡng hấp dẫn,
Tất cả đã quăng bỏ,
Ta không có cố gắng,
Đi đến một lần nữa,
Những đồ đã quăng bỏ.*

1127. *Này **tâm**, khắp mọi nơi,
Ta làm theo lời người,
Trải qua nhiều đời sống,
Người không tức giận ta,
**Và thân nội sanh này,
Là lòng người biết ơn!
Trên đường luân hồi dài,***

Khổ do chính người tạo.

***1128. Nay tâm, chính người làm,
Tác thành con người ta,
Chính người làm, ta thành,
Thành một Bà-la-môn,
Thành vua chúa hoàng tộc,
Một ngày là người buôn,
Ngày kia thành nô tỳ,
Hoặc thành loại chư Thiên.
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.***

***1129. Chính do nhân nhà người,
Chúng ta thành Tu-la,
Chính do người tác thành,
Ta rơi đáy địa ngục;
Một thời thành súc sanh,
Một thời thành ngựa quý,
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.***

***1130. Người sẽ không lừa ta,
Nhiều lần, nhiều thời nữa,
Như những người phù thủy,
Bày các trò ảo thuật,
Người chơi lừa phỉnh ta,***

*Như chơi với người điên,
Này tâm, hãy nói ta,
Chỗ nào ta lỗi lầm.*

*1131. Trước tâm này lang thang,
Chạy chỗ này chỗ khác,
Chạy chỗ nó ưa thích,
Chạy chỗ nó vui sướng,
Nay ta chế ngự tâm,
Với như lý tư duy,
Như câu móc chế ngự,
Nhiếp phục con voi rừng.*

*1132. Với ta, bậc Đạo Sư,
Xác định đời vô thường,
Đời không có trường cửu,
Đời không có kiên thực.
Này tâm, hãy đẩy ta,
Nhảy vào lời Phật dạy,
Khiến ta vượt bực lưu,
Rất khó được vượt qua.*

*1133. Ta nay đã xuất gia,
Trong pháp Đại ẩn sĩ,
Những người giống như ta,
Không chấp nhận tổn thất.*

1134. Rừng, biển, sông, đất liền,
Bốn phương, phụ trên dưới,
Tất cả là vô thường,
Ba hữu là hoạn nạn,
Này tâm, hãy đi đâu?
Ngươi sẽ hưởng an lạc.

1135. Kìa, kìa, hỡi này **tâm**,
Đích ta thật vững chắc,
Ngươi sẽ làm được gì,
Khiến ta phải quay lại,
Này tâm, ta đâu còn,
Tùy thuộc thế lực ngươi,
Không ai chịu xúc chạm,
Cái bị có hại miệng,
Góm ghiếc thay cái vật,
Đây chín dòng chảy nước.

1136. Ôi, ngươi sẽ ưa sống,
Trên đỉnh sườn núi cao,
Chỗ ở đàn heo nai,
Hay cảnh đẹp thiên nhiên,
Hay trong núi rừng sâu,
Thấm mát mưa nước mới,
Tại đây ngươi sẽ thích,
Ngươi lấy hang làm nhà.

1137. Loài chim lông cổ đẹp,
Với mào đẹp, cánh đẹp,
Với lông nhiều màu sắc,
Đón chào tiếng sấm vang,
Với tiếng kêu dịu ngọt,
Chúng sẽ làm người thích,
Người tu tập thiền định,
Trong núi rừng thâm sâu.

1138. Khi trời đổ mưa xuống,
Trên đám cỏ bốn phân,
Và trong rừng nở hoa.
Với đầu hoa như mây,
Giữa rừng, ta sẽ nằm,
Chẳng khác gì khúc cây,
Đối ta, rất mềm dịu,
Thật giống như giường bông.

1139. Như vậy, ta sẽ làm,
Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Như thợ da không nhác,
Khéo làm cho nhuần nhuyễn,
Cái bị bằng da mèo.

1140. Như vậy ta sẽ làm,

Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Tinh tấn ta dân người,
Roi vào thể lực ta.
Như voi say bị nài,
Khéo dùng móc chế ngự.

1141. **Với người khéo nhiếp phục,**
Khéo an trú vững vàng,
Như người huấn luyện **ngựa**,
Với con ngựa thuần thực,
Ta có thể dẫn bước,
Trên con đường an lành,
Con đường được những vị,
Hộ trì tâm thường dùng.

1142. **Ta sẽ trói chặt người,**
Vào đối tượng cần thiết,
Như con voi bị dây,
Trói chặt vào cây cột.
Ta khéo hộ trì người,
Khéo luyện với chánh niệm.
Nhờ vậy, người sẽ thành,
Không dựa mọi sanh hữu.

1143. Với **tuệ**, chặt tà đạo,

Với **lực**, chặn, hướng chánh,
Thấy tập khởi, diệt sanh,
Người sẽ là thừa tự,
Bậc phát ngôn tối thượng.

1144. Nay tâm, người dẫn ta,
Đến **ngôi làng thô lỗ**,
Khiến trú vào thế lực,
Của **bốn tướng điên đảo**,
Hãy đến, theo vị ấy,
Vị chặt đứt kiết sử,
Bậc có tâm đại bi,
Bậc Mâu-ni vĩ đại.

1145. Như loài thú tự do,
Trong ngôi rừng đẹp đẽ.
Người vào núi xinh đẹp,
Có mây làm vòng hoa,
Tại đây, không có người,
Trong rừng người sẽ thích,
Nay tâm, chắc chắn vậy,
Người sẽ đến bờ kia.

1146. **Những ai còn rơi vào,**
Thế lực ý muốn người,
Nam nhân và nữ nhân,
Hưởng an lạc người cho,

*Không trí, bị rơi vào,
Trong thế lực Ác-ma.*

*Ai ưa thích sanh hữu,
Sẽ là thuộc hạ người,
Hồi này tâm của ta.*

341 Bốn Thánh đế - Trưởng lão ni - Kinh Kisà Gotamì – Tiểu III, 639

Kisà Gotamì – Tiểu III, 639 (63)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình **nghèo khổ**, tên là Gotamì, **vì nàng yếu đuối nên được gọi là Kisà Gotamì (Gotamì ốm yếu).**

Khi lập gia đình, nàng bị khinh thường và được gọi là con gái một người không có gì. Nhưng khi nàng có con, nàng được kính trọng.

Khi người con lớn lên và có thể chạy được, **nó chết**, và nàng cảm thấy đau khổ, và nhớ đến sự đối xử với mình được thay đổi khi để đứa con, nàng nghĩ: "*Chúng sẽ giữ lấy con ta và đem bỏ vào nghĩa địa*". Nàng ôm đứa con chết vào lòng và đi vào từng nhà xin: "**Hãy cho con tôi thuốc**". Và được trả lời: "*Nay thuốc còn gì dùng nữa*". Nhưng nàng không hiểu.

Có người thương xót khuyên nàng đến đức Phật để xin thuốc, Nàng đi đến tinh xá và xin đức Phật: "**Hãy cho con tôi thuốc**". Bậc Đạo Sư thấy được hy vọng tu chứng nơi nàng bèn nói: "***Hãy đi đến nhà nào không có người chết, và đem lại một hột cải***"

Nàng vâng lời, đi vào nhà đầu tiên và yêu cầu như vậy, nhưng bị từ chối, vì trong nhà có người chết. Nàng đi vào nhiều nhà khác, được trả lời như vậy và nàng nghĩ: *"Đây có thể là bậc Đạo Sư dạy khéo cho ta"*, nên nàng đem đặt con nàng ở nghĩa địa và nói:

*Pháp này không riêng làng,
Không riêng thành, gia tộc,
Không riêng cho một ai,
Cho đến toàn thế giới,
Kể cả các chư Thiên,
Ở tại mọi tầng trời,
Pháp nhĩ là như vậy.
Tất cả là vô thường.*

Rồi nàng đi đến bậc Đạo Sư, và khi ngài hỏi có tìm được hột cải không, nàng trả lời: *"Việc làm đã làm xong về hột cải. Hãy xác nhận cho con"*.

Thế Tôn nói:

*Tâm còn bị đắm say,
Con cái và súc vật,
Tử thần bắt người ấy,
Như lút trôi làng ngủ
(Pháp cú, 287)*

Khi đức Phật nói xong, nàng chứng được **Sơ quả (quả Dự lưu)** và xin được xuất gia. Đức Phật chấp nhận và nàng được các Tỷ-kheo-ni cho thọ giới. Sau đó, **không bao lâu nàng nghiên cứu về nguyên nhân của sự vật và khiến thiên quán tăng trưởng.** Rồi bậc Đạo Sư nói lên bài kệ:

*Người sống một trăm năm,
Không thấy pháp sanh diệt,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp sanh diệt.
(Pháp Cú 113)*

Khi đức Phật nói xong, nàng chứng quả A-la-hán. Vì nàng đặc biệt tu **hạnh khắc khổ** nên nàng mặc thô y, và đức Phật ngồi tại tinh xá Kỳ Viên đặt nàng vào **hạnh mặc thô y đệ nhất.**

Suy tư trên quả chứng của mình, nàng nói lên những bài kệ này trước mặt Thế Tôn, những bài kệ tán thán sự thân cận với các bậc Hiền Thánh:

*213. Bạn lành được ản sĩ,
Khắp thế giới, ngợi khen,
Thân cận với bạn lành,
Kẻ ngu thành người trí.*

214. *Hãy thân bậc chân nhân,
Thân vậy, trí tăng trưởng,
Thân cận bậc chân nhân,
Mọi khổ đau được thoát.*

215. *Hãy biết, **Bốn Thánh đế**,
Khổ và khổ tập khởi,
Biết về đau khổ diệt,
Và đường Thánh tám ngành.*

216. *Khổ thay phận nữ nhân,
Chính Ngài đã nói lên,
Bạc đánh xe điều ngự,
Những ai đáng điều ngự,
Khổ thay phận chồng chung,
Nhiều người một lần sanh.*

217. *Trong đau khổ đâm hòng,
Mẹ yếu uống thuốc độc,
Trường hợp gặp bào thai,
Bị chết khi đang sanh,
Cả hai mẹ và con,
Đều cùng gặp tai nạn.*

218. *Khi mang thai đi về,
Ta thấy chồng chết đường,
Và khi ta sanh đẻ,*

Ta không về đến nhà.

*219. Hai con đều bị chết,
Chồng nữ nhân khốn khổ,
Lại bị chết giữa đường;
Mẹ, cha và cả anh,
Đều cùng bị thiêu đốt,
Dồn chung trên đồng lửa.*

*220. Ôi, nữ nhân khốn khổ,
Sanh gia cảnh khốn cùng,
Người phải chịu khổ đau,
Vô lượng, không kể xiết.
Nước mắt người đã khóc,
Trải nhiều ngàn lần sanh.*

*221. Ta thấy giữa nghĩa trang,
Thịt con ta bị ăn,
Gia đình bị tàn hại,
Bị mọi người khinh bỉ,
Tuy vậy, người chết chồng.
Đạt được sự bất tử.*

*222. **Ta tu tập Thánh đạo,**
Đường tám ngành, bất tử,
Ta chứng được Niết-bàn,
Thấy được gương Chánh pháp.*

223. Trên ta, **mũi tên đâm,**
Đã được rút ra khỏi,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Việc nên làm đã làm,
Ta là Trưởng lão Ni,
Kisà-Gotamì,
Với tâm khéo giải thoát,
Ta nói lên lời này.

342 Bốn Thánh đế - Vì từ mẫn chúng sanh, Bốn Sự Thật được giảng - Kinh Sarabhangā – Tiểu III, 295

Sarabhangā – Tiểu III, 295 (228)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Rājagaha (Vương Xá), con của một Bà-la-môn, ngài có thể được đặt tên, độc lập hay không độc lập với truyền thống gia đình, ngài không có đặc điểm gì để đặt tên.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài trở thành một **ẩn sĩ**, tự dựng một thảo am, làm bằng cọng cây lau mà tự ngài bẻ gãy, và từ đấy ngài được biết với tên là **Sara-Bhangā**, (người bẻ gãy cọng cây lau).

Thế Tôn với Phật nhãn nhìn quanh thế giới, thấy được nơi ngài những điều kiện để thành vị A-la-hán. Thế Tôn đi đến thuyết pháp cho ngài. Và ngài khởi lòng tin, trở thành một vị xuất gia, sau một thời gian trở thành vị A-la-hán, ngài vẫn tiếp tục ở thảo am.

Thảo am dần dần hư nát và sụp đổ xuống, dân chúng hỏi ngài sao không dựng thảo am lại, ngài trả lời, khi thảo am được dựng lên, ngài còn ẩn sĩ. Nhưng nay ngài không thể làm được như vậy nữa. Rồi ngài nói lên toàn bộ vấn đề như sau:

487. Tay bẻ những cây lau,
Ta làm am ta ở,
Do vậy, được tên tục:
"Người bẻ gãy cây lau".

488. Nay không còn thích hợp,
Tự tay bẻ cây lau,
Theo học giới giảng dạy,
Gotama danh xưng.

489. Chính Sara-bhanga,
Từ trước chưa từng thấy,
Thấy chứng bệnh toàn diện,
Một cách thật đầy đủ.
Bệnh ấy nay được thấy,
Do lời **bạc siêu thiên**.

490. **Chính đường ấy đã đi,**
Vipassì, Sikhi,
Kể cả Vessabhu,
Với Kakusandha,
Konàgamana.
Chính với con đường ấy,
Gotama đã đến.

491. **Ly ái, không chấp thủ,**

Bảy Phật chứng Niết-bàn,
Pháp này được thuyết giảng,
Bởi các vị chứng Pháp.

492. Vì từ mầm chúng sanh,
Bốn Sự Thật được giảng,
Khổ, khổ tập, con đường,
Diệt, chấm dứt khổ đau.

493. Trong đời sống liên tục,
Khổ luân chuyển không dứt,
Khi thân này bị hoại,
Khi mạng sống cáo chung,
Tái sanh khác không còn,
Ta thật, khéo giải thoát,
Giải thoát mọi sanh y.

343 Bốn chánh cần - Gương tinh tấn - Kinh Paccaya – Tiểu III, 191

Paccaya – *Tiểu III*, 191 (171)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Rohi trong một gia đình hoàng tộc, và được đặt tên là *Paccaya*.

Thọ hưởng gia tài khi phụ thân mệnh chung, ngài tuyên bố tổ chức một đàn bố thí rất lớn và một số đông người tụ họp. Trong cuộc tụ họp này, bậc Đạo Sư ngồi trên một ngai vàng trong một ngôi nhà trang hoàng châu báu. Đức Phật thuyết pháp, trong khi mọi người ngắm, chiêm ngưỡng ngài. Phần lớn dân chúng hiểu lời đức Bôn Sư dạy, nhưng ngài Paccaya đi xa hơn. **Thúc đẩy bởi nghiệp duyên đời trước**, ngài từ bỏ tài sản và xuất gia như trước kia ngài đã phát nguyện dưới thời **đức Phật Kassapa**, nay ngài đã phát nguyện, khi đã vào am tranh tu hành, nếu chưa giải thoát thì không ra khỏi am này và cuối cùng **thiền quán được phát triển**, trí tuệ được thuần thực, ngài chứng quả A-la-hán.

Để kỷ niệm thành quả này, ngài nói lên quả chứng của ngài, ngang qua những bài kệ như sau:

222. **Năm ngày** ta xuất gia,
Hữu học, ý chưa đạt,
Ta trú **hạnh viễn ly**,
Tâm phát nguyện như sau:

223. *Ta sẽ không ăn uống,
Không ra ngoài tinh xá,
Ta sẽ không nằm xuống,
Không nằm một bên hông,
Nếu mũi tên tham ái,
Chưa rút nhỏ lên được.*

224. *Hạnh ta sống như vậy,
Hãy nhìn ta **tinh cần**,
Ba mình ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

344 Bốn loại đồ ăn - Cách quán từ bỏ việc ăn ngon - Kinh Paripunnaka – Tiểu III, 99

Paripunnaka – Tiểu III, 99 (91)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu trong gia đình dòng họ Thích-ca. **Vì khả năng và tài sản của ngài được viên mãn.** Ngài được biết với tên là *Paripumaka* (viên mãn).

Ngài có đủ điều kiện để luôn luôn thưởng thức các vị ăn ngon. Nhưng khi ngài được nghe bậc Đạo Sư dùng các đồ ăn khát thực, ngài nghĩ: "*Thế Tôn được nuôi dưỡng rất được nuông chiều, nhưng nay Ngài lại dùng các đồ ăn như vậy để hưởng Niết-bàn an lạc. Vậy sao ta lại ham muốn đồ ăn ngon?*"

Bị dao động, ngài từ bỏ gia đình, xuất gia, lấy **đề tài tu tập về thân** từ nơi bậc Đạo Sư, cuối cùng ngài chứng quả A-la-hán. Rồi ngài nói lên bài kệ này:

*91. Dầu có hưởng món ăn,
Như cam lồ trăm vị,
Nhưng không thể sánh bằng,
Món ta ăn hôm nay.
Đây là Pháp vi diệu,*

*Được Phật Go-ta-ma,
Bậc tri kiến vô lượng,
Đã thuyết giảng cho ta.*

345 Bốn như ý túc - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 229

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 229 (Ud 62)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Vesàli tại Đại Lâm chỗ ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng, đắp y, cầm bát, đi vào Vesàli để khát thực. Khát thực ở Vesàli xong, sau buổi ăn, khi đi khát thực trở về, Thế Tôn gọi Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy cầm tọa cụ, Ta sẽ đi đến điện Càpàla để nghỉ ban ngày.
- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn, cầm tọa cụ và đi sau lưng Thế Tôn. Thế Tôn đi đến đền Càpàla, khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn, Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, khả ái thay Vesàli! Khả ái thay Vesàli! Khả ái thay đền Udena! Khả ái thay đền Gotamaka! Khả ái thay đền Sattambaka! Khả ái thay đền Bahuputta! Khả ái thay đền Sàrandada! Khả ái thay đền Càpàla!

Này Ananda, những ai đã tu tập **Bốn như ý túc**, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ địa, được an trú, tích lũy, khéo thực hành, nếu muốn, người ấy có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ananda, nay **Như Lai đã tu tập Bốn như ý túc**, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ địa, được an trú, tích lũy, khéo thực hành. Này Ananda, nếu muốn Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần còn lại!

Nhưng Tôn giả Ananda không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Thế Tôn, không thỉnh cầu Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp! Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người". Vì tâm Tôn giả bị Ma vương ám ảnh.

Lần thứ hai...

Lần thứ ba Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda: "Này Ananda, khả ái thay Vesàli! Khả ái thay đền Udena! Khả ái thay đền Gotamaka! Khả ái thay đền Sattambaka! Khả ái thay đền Bahyputta! Khả ái thay đền Sàrandada! Khả ái thay đền Cápàla!... " Nhưng Tôn giả Ananda không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Thế Tôn, không thỉnh cầu Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở

lại cho đến trọn kiếp! Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người!" Vì tâm Tôn giả bị Ma vương ám ảnh.

Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy đi và làm những gì Thầy nghĩ là hợp thời!

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ngồi xuống một góc cây không xa bao nhiêu.

Tôn giả Ananda ra đi không bao lâu, Ác ma đi đến Thế Tôn, sau khi đến liền đứng một bên. Đứng một bên, Ác ma nói với Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ! Thiện thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói:

- Nay Ác ma, Ta sẽ chưa diệt độ, khi nào những **Tỷ-kheo** của Ta chưa trở thành những đệ tử có tài năng được huấn luyện, đạt được tự tín, an ổn khỏi các khổ ách, nghe nhiều, trì pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chánh hạnh, sống tùy pháp, sau khi học hỏi giáo lý từ Thầy của mình; khi nào họ chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai

mở, phân tích rõ ràng Chánh pháp; khi nào có tà đạo khởi lên, họ chưa có thể, sau khi chất vấn, khéo hàng phục một cách đúng pháp, chưa có thể thuyết pháp thần diệu.

- Bạch Thế Tôn, nay có những Tỷ-kheo, đệ tử của Thế Tôn có tài năng, được huấn luyện, đạt được tự tín, an ổn khỏi các khổ ách, nghe nhiều, trì pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chánh hạnh, sống tùy pháp; sau khi học hỏi giáo lý từ Thầy của mình, họ tuyên bố diễn giảng trình bày, xác định, khai mở, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp. Khi có tà đạo khởi lên, sau khi chất vấn, họ khéo hàng phục một cách đúng pháp, thuyết pháp thần diệu. Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ; Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói.

- Nay Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo ni của Ta... Những nam cư sĩ của Ta... Những nữ cư sĩ của Ta chưa trở thành những đệ tử có tài năng... chưa có thể thuyết pháp thần diệu.

- Bạch Thế Tôn, nay có những **Tỷ-kheo ni...** Những **nam cư sĩ...** Những **nữ cư sĩ** đệ tử của Thế Tôn có tài năng, được huấn luyện, đạt được tự tín... có thể thuyết pháp thần diệu. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn, nay

đã đến thời Thế Tôn diệt độ! Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói.

- Nay Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào Phạm hạnh Ta giảng dạy chưa được thành tựu, thành đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy, cho chư Thiên và loài Người.

- Bạch Thế Tôn, nay Phạm hạnh Thế Tôn giảng dạy đã được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa được khéo giảng dạy cho chư Thiên và loài Người. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ! Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn! Nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ! Khi được nói vậy, Thế Tôn nói với Ác ma:

- Nay Ác ma, hãy yên tâm, không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ.

Và tại đền Càpàla, Thế Tôn chánh niệm tỉnh giác, từ bỏ thọ hành, không duy trì mạng sống lâu hơn nữa. Khi Thế Tôn từ bỏ thọ hành, thời đại địa chấn động, ghê rợn, lông tóc dựng ngược, sấm trời vang dậy.

Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

1. *Bạc ản sĩ từ bỏ,
Các hành động sanh hữu,
Sanh hữu có cân lượng,*

*Sanh hữu không cân lượng,
Ưu thích hướng nội tâm,
Thật định tĩnh an tịnh,
Phá đồ ngã sanh hữu,
Như cởi thoát áo giáp.*

346 Bốn niệm xứ - Một đêm nhớ đến năm trăm kiếp - Kinh Sobhita – Tiểu III, 154

Sobhita – *Tiểu III*, 154 (143)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Sobhita.

Sau khi được nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia, chứng được **sáu thắng trí**.

Ngài thực hành nhớ đến các đời sống quá khứ, thành tựu **túc mạng thông**, được đức Phật xác nhận là vị **nhớ đến đời sống quá khứ đệ nhất**. Cảm thấy phấn khởi trong quả chứng của mình, ngài nói lên những bài kệ:

165. *Tỷ-kheo giữ chánh niệm,
Với trí tuệ tinh cần,
Một đêm, ta nhớ đến,
Có đến năm trăm kiếp.*

166. *Ta tu **Bốn niệm xứ**,
Bảy giác chi, Tám thánh (đạo),
Một đêm, ta nhớ đến,*

Có đến năm trăm kiếp.

347 Bốn niệm xứ - Niệm Tâm - Gương nhiếp phục tâm - Kinh Tàlaputta – Tiểu III, 479

Tàlaputta – *Tiểu III*, 479 (262)

Trong thời gian đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình kịch sĩ, trở thành thiện xảo trong nghề diễn kịch thích hợp với người trong gia tộc và trở thành lừng danh khắp Ấn Độ, như nhà lãnh đạo một ban hát với năm trăm nữ nhân, với sự huy hoàng của nghề kịch, ngài dự các lễ ở làng, ở thị trấn, ở cung điện vua, và rất được sủng ái và danh tiếng.

Khi ngài trình diễn ở Ràjagaha với nhiều thành công, ngài đến yết kiến đức Phật và hỏi có phải một kịch sĩ khi trên sân khấu giả danh sự thật, làm cho khán giả ưa thích, vui cười, người ấy sau khi chết được sanh vào *chư Thiên* hay cười.

Đức Phật ban đầu không trả lời. Đến khi hỏi lần thứ tư, đức Phật trả lời những ai khiến cho con người thiên về tình dục, tiêu cực, tâm tư hoang mang khiến người ta mất nhiệt tình, người như vậy sau khi chết sẽ sinh vào địa ngục. Nhưng nếu có tà kiến thời bị sanh vào địa ngục và súc sanh. Tàlaputta khóc không phải vì đức Phật nói chỗ tái sanh, chỉ vì bị các kịch

sĩ xưa lừa dối nói rằng kịch sĩ sẽ được sanh trong một đời sống hạnh phúc.

Rồi Tàlaputta nghe lời đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời tu tập, chứng quả A-la-hán.

Rồi nêu rõ với nhiều chi tiết, như thế nào ngài chế ngự và làm cho trong sạch tâm tư, đi đến chỗ giác ngộ thâm sâu, ngài nói lên những câu kệ như sau:

I

*1092. Khi nào ta sẽ đến,
Một mình, không có hai,
Ở trong những hang động,
Của các loại núi rừng,
Ta quán mọi sanh hữu,
Tất cả là vô thường,
Nay ta là như vậy,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1093. Khi nào ta sẽ là,
Ấn sĩ mang y vá,
Mang y vải màu vàng,
Không của ta, không ái,
Đoạn trừ, diệt **tham** tâm,
Đoạn luôn cả **sân**, **si**,*

*Ta đi đến khu rừng,
Sẽ trú trong an lạc.*

1094. *Khi nào ta thấy được,
Thân này là vô thường,
Bị chết già áp bức,
Ổ giết chóc, bệnh tật
Ta sẽ trú trong rừng,
Một mình, quán vô úy
Khi nào sẽ là vậy?*

1095. *Khi nào ta sẽ lấy,
Gương sắc bén trí tuệ,
Chặt dây leo khát **ái**,
Với nhiều dây chằng chặt,
Sanh khởi lên sợ hãi,
Mang đến sự khổ đau.
Khi nào sẽ là vậy?*

1096. *Khi nào ta sẽ là,
Có sức mạnh rút gương,
Gương do tuệ tạo thành,
Là lửa sáng ẩn sĩ,
Với sức mạnh đập tan,
Ác ma với Ma quân,
Trên chỗ ngồi sư tử,
Khi nào sẽ là vậy?*

1097. Khi nào ta sẽ được,
Hội tụ với bậc thiện,
Được thấy giữa các vị,
Đảm nhận các trọng pháp,
Tinh cần với các vị,
Thấy sự vật như thật,
Chiến thắng được các căn,
Khi nào sẽ là vậy?

1098. Khi nào nhác đói khát,
Gió, nóng, trùng bò sát,
Sẽ không nào hại ta,
Ở Gi-ri-bhaje,
Đang lo đến tự ngã,
Khi nào sẽ là vậy?

1099. Khi nào ta có thể,
Chánh niệm, ngã định tĩnh,
Hiểu được với trí tuệ,
Bốn sự thật khéo giảng,
Bởi bậc Đại ẩn sĩ,
Khi nào sẽ là vậy?

1100. Khi nào ta sẽ chuyên,
Chú tâm vào an chỉ,
Thấy được với trí tuệ,

*Sắc, thanh, hương, vị, xúc,
Các pháp vô thường này,
Như lửa cháy hừng đỏ,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1101. Khi nào ta **bị** nói,
Vớ lời nói thô ác,
Không vì lý do ấy,
Tâm trí bị thất vọng.
Khi được lời tán thán,
Không vì lý do ấy,
Tâm tư được thỏa mãn.
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1102. Khi nào nhiều như củi,
Cỏ, cây leo, thân cây,
Ta cân nhắc bình đẳng,
Những pháp vô lượng này,
Nội pháp và ngoại pháp,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1103. Khi nào mây đem mưa,
Vớ nước mới trong rừng,
Làm ướt y áo ta,
Ta đi trên đường ướt,
Con đường ẩn sẽ đi.
Khi nào sẽ là vậy?*

1104. Khi nào nghe trong rừng,
Tiếng kêu của loài chim,
Chim công, có mào đầu.
Trong hang động núi rùng,
Ta an trú suy tư,
Để đạt quả bất tử,
Khi nào ta sẽ vậy?

1105. Khi nào với thần thông,
Ta có thể vượt qua,
Không chìm, không sợ hãi,
Sông Hằng, Yamunà,
Sông Sarasvati,
Với cửa sông hải hùng,
Với nước ào vực sâu,
Khi nào sẽ là vậy?

1106. Khi nào, như con voi,
Trên chiến trường tấn công,
Ta sẽ phá tan tàn,
Lòng dục đối dục cảnh,
Chuyên chú trong thiền định,
Từ bỏ mọi tịnh tướng,
Khi nào sẽ là vậy?

1107. Khi nào như người nghèo,

*Mắc nợ chưa trả được,
Bị kẻ giàu thúc bách,
Tìm ra được của chôn,
Ta sẽ được thoải mái,
Họ được lời giảng dạy,
Của vị Đại ân sĩ,
Khi nào sẽ được vậy?*

II

*1108. Nhiều năm ta được người,
Yêu cầu làm như sau:
Như vậy là vừa rồi,
Người sống đời gia đình,
Nay ta đã xuất gia,
Do vậy, **hồi này tâm**,
Do vì lý do gì,
Người không có chuyên tâm?*

*1109. Nay tâm, phải chăng người,
Yêu cầu ta như sau:
Tại Giribbaje
Loài chim có lông sáng,
Đón chào với tiếng kêu,
Sấm của Đại In-da.
Hãy làm vị ấy vui,
Đang tu thiền trong rừng.*

1110. Trong gia đình, bạn bè,
Người yêu và bà con,
Các du hí ở đời,
Các đối tượng của dục,
Tất cả đều từ bỏ,
Ta chấp nhận thế này.
Hỡi này tâm, người không,
Bằng lòng với ta chăng?

1111. Việc này chỉ vì ta,
Đây không vì người khác,
Khi đến thời vũ trang,
Sao lại còn than khóc?
Thế giới này toàn động,
Chờ đợi là như vậy.
Nên ta đã ra đi,
Tìm cầu đạo bất tử.

1112. Vị nói điều khó nói,
Tối thượng loài hai chân,
Bạc Y vương vĩ đại,
Đánh xe điều ngự người,
Với tâm không tham dục,
Ngài khéo chế ngự được,
Người khó lòng chế ngự,
Chế ngự được tâm người,

Vọng động như con vượn.

1113. Các **dục** có nhiều vẻ.

*Dịu ngọt, rất khả ý,
Ở đây, hàng phàm phu,
Vô trí, bị trói buộc.*

*Họ muốn chịu đau khổ,
Khi họ tìm tái sanh,
Đắt dẫn bởi tâm họ,
Họ chết trong địa ngục.*

1114. Trong khu rừng vang lên,

Tiếng chim công, chim cò,

Chỗ trú xứ ưu tiên,

Của loài beo, loài cọp,

Ngươi sống tại chỗ ấy,

Chớ chờ đợi về thân,

Chớ có quá đam mê,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1115. **Hãy tu thiền, Căn, Lực,**

Hãy tu Định Giác chi,

Hãy giác chứng Ba Minh,

Trong lời dạy đức Phật,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1116. **Hãy tu tập con đường,**
Để đạt được bất tử,
Đường đưa đến thể nhập,
Chỗ đoạn diệt mọi khổ.
Con đường có **Tám ngành,**
Rửa sạch mọi uế nhiễm.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1117. **Hãy như lý quán sát,**
Các uẩn là đau khổ,
Hãy từ bỏ xa người,
Những nguyên nhân đau khổ.
Ngay trong thời hiện tại,
Hãy chấm dứt đau khổ,
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1118. **Hãy như lý tuệ quán,**
Là vô thường, là khổ,
Là không, là vô ngã,
Là tà ác, sát hại,
Hãy chế ngự tâm người,
Chớ để nó chạy loạn.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1119. Trọc đầu và xấu sắc,
Đi đến bị nguyên rửa,
Khi khát thực gia đình,
Tay cầm hình đầu lâu,
Nay người có chủ tâm,
Vào lời dạy Bốn Sư,
Vào lời Đại ẩn sĩ,
Này tâm, hãy khích lệ
Hãy khuyên ta như trước.

1120. **Hãy đi trên con đường,**
Tự ngã khéo chế ngự,
Giữa các nhà, tâm ý,
Không ái luyến các dục,
Nhu trắng vào tháng tròn,
Không có bọt mây mù.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1121. **Hãy sống trong rừng núi,**
Ăn đồ ăn khát thực,
Sống tại chỗ nghỉ địa,
Mặc y lượm đồng rác.
Chỉ có ngồi, không nằm,
Luôn vui hạnh Đầu-đà,
Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1122. *Như người đã trồng cây,
Liên tìm cho được trái,
Nay người ước muốn trái,
Há chặt rễ cây sao?
Này tâm, thật giống như,
Ví dụ người đã làm,
**Khi người khích lệ ta,
Trong vô thường dao động.***

1123. *Người, vô sắc, cô độc,
Kẻ lữ hành từ xa,
Nay ta sẽ không làm,
Theo lời nói của người.
Các dục là khổ đau,
Cay đắng, sợ hãi lớn,
Tâm hướng vọng Niết-bàn,
Ta sẽ bước, đi tới.*

1124. ***Ta đi tới xuất gia,
Không phải vì bất hạnh,
Không đùa vô liêm sỉ,
Không vì duyên tâm hứng,
Không bị đày đi xa,
Không vì nhân mạng sống,
Khi ta đã bằng lòng,***

*Này **tâm**, đối với người.*

1125. *Ít **dục** được tán dương,
Bởi những bậc chân nhân,
Kể cả đoạn giả dối,
Và an tịnh đau khổ.
Như vậy, hồi này **tâm**,
Khi người khích lệ ta,
**Còn nay người đi ngược,
Điều người trước quen làm.***

1126. *Khát ái và vô minh,
Đáng thương và đáng ghét,
Sắc đẹp và lạc thọ,
Dục trưởng dưỡng hấp dẫn,
Tất cả đã quăng bỏ,
Ta không có cố gắng,
Đi đến một lần nữa,
Những đồ đã quăng bỏ.*

1127. *Này **tâm**, khắp mọi nơi,
Ta làm theo lời người,
Trải qua nhiều đời sống,
Người không tức giận ta,
**Và thân nội sanh này,
Là lòng người biết ơn!
Trên đường luân hồi dài,***

Khổ do chính người tạo.

***1128. Nay tâm, chính người làm,
Tác thành con người ta,
Chính người làm, ta thành,
Thành một Bà-la-môn,
Thành vua chúa hoàng tộc,
Một ngày là người buôn,
Ngày kia thành nô tỳ,
Hoặc thành loại chư Thiên.
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.***

***1129. Chính do nhân nhà người,
Chúng ta thành Tu-la,
Chính do người tác thành,
Ta rơi đáy địa ngục;
Một thời thành súc sanh,
Một thời thành ngựa quý,
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.***

***1130. Người sẽ không lừa ta,
Nhiều lần, nhiều thời nữa,
Như những người phù thủy,
Bày các trò ảo thuật,
Người chơi lừa phỉnh ta,***

*Như chơi với người điên,
Này **tâm**, hãy nói ta,
Chỗ nào ta lỗi lầm.*

*1131. **Trước tâm này lang thang,
Chạy chỗ này chỗ khác,
Chạy chỗ nó ưa thích,
Chạy chỗ nó vui sướng,
Nay ta chế ngự tâm,
Với như lý tư duy,
Như câu móc chế ngự,
Nhiếp phục con voi rừng.***

*1132. Với ta, bậc Đạo Sư,
Xác định **đời vô thường**,
Đời không có trường cửu,
Đời không có kiên thực.
**Này tâm, hãy đẩy ta,
Nhảy vào lời Phật dạy,**
Khiến ta vượt bực lưu,
Rất khó được vượt qua.*

*1133. Ta nay đã xuất gia,
Trong pháp Đại ẩn sĩ,
Những người giống như ta,
Không chấp nhận tồn thất.*

1134. Rừng, biển, sông, đất liền,
Bốn phương, phụ trên dưới,
Tất cả là vô thường,
Ba hữu là hoạn nạn,
Này tâm, hãy đi đâu?
Ngươi sẽ hưởng an lạc.

1135. Kìa, kìa, hỡi này **tâm**,
Đích ta thật vững chắc,
Ngươi sẽ làm được gì,
Khiến ta phải quay lại,
Này tâm, ta đâu còn,
Tùy thuộc thế lực ngươi,
Không ai chịu xúc chạm,
Cái bị có hại miệng,
Góm ghiếc thay cái vật,
Đây chín dòng chảy nước.

1136. Ôi, ngươi sẽ ưa sống,
Trên đỉnh sườn núi cao,
Chỗ ở đàn heo nai,
Hay cảnh đẹp thiên nhiên,
Hay trong núi rừng sâu,
Thắm mát mưa nước mới,
Tại đây ngươi sẽ thích,
Ngươi lấy hang làm nhà.

1137. Loài chim lông cổ đẹp,
Với mào đẹp, cánh đẹp,
Với lông nhiều màu sắc,
Đón chào tiếng sấm vang,
Với tiếng kêu dịu ngọt,
Chúng sẽ làm người thích,
Người tu tập thiền định,
Trong núi rừng thâm sâu.

1138. Khi trời đổ mưa xuống,
Trên đám cỏ bốn phân,
Và trong rừng nở hoa.
Với đầu hoa như mây,
Giữa rừng, ta sẽ nằm,
Chẳng khác gì khúc cây,
Đối ta, rất mềm dịu,
Thật giống như giường bông.

1139. Như vậy, ta sẽ làm,
Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Như thợ da không nhác,
Khéo làm cho nhuần nhuyễn,
Cái bị bằng da mèo.

1140. Như vậy ta sẽ làm,

Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Tinh tấn ta dân người,
Roi vào thế lực ta.
Như voi say bị nài,
Khéo dùng móc chế ngự.

1141. **Với người khéo nhiếp phục,**
Khéo an trú vững vàng,
Như người huấn luyện **ngựa**,
Với con ngựa thuần thực,
Ta có thể dẫn bước,
Trên con đường an lành,
Con đường được những vị,
Hộ trì tâm thường dùng.

1142. **Ta sẽ trói chặt người,**
Vào đối tượng cần thiết,
Như con voi bị dây,
Trói chặt vào cây cột.
Ta khéo hộ trì người,
Khéo luyện với chánh niệm.
Nhờ vậy, người sẽ thành,
Không dựa mọi sanh hữu.

1143. Với **tuệ**, chặt tà đạo,

Với **lực**, chặn, hướng chánh,
Thấy tập khởi, diệt sanh,
Người sẽ là thừa tự,
Bậc phát ngôn tối thượng.

1144. Nay tâm, người dẫn ta,
Đến **ngôi làng thô lỗ**,
Khiến trú vào thế lực,
Của **bốn tướng điên đảo**,
Hãy đến, theo vị ấy,
Vị chặt đứt kiết sử,
Bậc có tâm đại bi,
Bậc Mâu-ni vĩ đại.

1145. Như loài thú tự do,
Trong ngôi rừng đẹp đẽ.
Người vào núi xinh đẹp,
Có mây làm vòng hoa,
Tại đây, không có người,
Trong rừng người sẽ thích,
Nay tâm, chắc chắn vậy,
Người sẽ đến bờ kia.

1146. **Những ai còn rơi vào,**
Thế lực ý muốn người,
Nam nhân và nữ nhân,
Hưởng an lạc người cho,

*Không trí, bị rơi vào,
Trong thế lực Ác-ma.*

*Ai ưa thích sanh hữu,
Sẽ là thuộc hạ người,
Hồi này tâm của ta.*

348 Bốn niệm xứ - Niệm pháp - Sáu xứ - Trưởng lão Mālunkyaputta - Kinh Mālunkyaputta – Tiểu III, 392

Mālunkyaputta – Tiểu III, 392 (252)

Đời sống của ngài được ghi trong chương VI (CCXIV) khi bậc Trưởng lão đã chứng quả A-la-hán, nói lên bài kệ để dạy cho các bà con về con đường.

Nhưng trong những bài kệ này, bậc Trưởng lão chưa chứng quả A-la-hán, hỏi Thế Tôn về giáo lý vắn tắt, và được Thế Tôn trả lời:

- *Này Mālunkyaputta, ông nghĩ thế nào? Những pháp mà ông chưa bao giờ thấy, nghe, ngửi, nếm, cảm xúc, và nhận thức, hiện tại ông không có lãnh thọ và đối với chúng, ông cũng không muốn có cảm thọ và suy tưởng, vậy ông có ước muốn, tha thiết được chúng hay không?*"

- *Thưa không, bạch Thế Tôn.*

- *Ở đây, này Mālunkyaputta, khi ông không có cảm thọ, cảm tưởng chúng, ông chỉ có thọ và tưởng thuần túy. Nếu là như vậy, thời ông không có tham, sân, si. Do vậy, ở đây hay tại chỗ nào, hay đời sau chính như vậy, như vậy là sự chấm dứt đau khổ.*

Rồi Mālunkya-putta, nêu rõ ngài đã thâm nhận giáo lý được giảng dạy này, ngài nói lên trong những bài kệ như sau:

794. Thấy **sắc**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm **tham** đắm cảm **thọ**,
Tâm nhập và an trú.

795. **Thọ** người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do sắc sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.

796. Nghe **tiếng**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

797. **Thọ** người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do tiếng sanh,
Tham, **hại tâm** lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.

798. *Ngửi hương, niệm say mê,*
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

799. *Thọ người ấy tăng trưởng,*
Nhiều loại do hương sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó.
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.

800. *Ném vị, niệm say mê,*
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

801. *Thọ người ấy tăng trưởng,*
Nhiều loại do vị sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.

802. *Cảm xúc, niệm say mê,*
Nếu tác ý ái tưởng,

*Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.*

803. Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do xúc sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.

804. **Biết pháp**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

805. Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại do ý sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.

806. **Không tham nhiễm các sắc,**
Thấy sắc, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

807. *Thấy sắc như thế nào,
Như vậy có cảm thọ,
Tìr bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi gần Niết-bàn,*

808. *Không tham nhiễm các **tiếng**,
Nghe tiếng, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập an trú.*

809. *Nghe tiếng như thế nào,
Như vậy có cảm thọ,
Tìr bỏ không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi gần Niết-bàn.*

810. *Không tham nhiễm các **hương**,
Ngửi hương, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập an trú.*

811. *Ngửi hương như thế nào,
Như vậy, có cảm thọ,
Tìr bỏ, không tích lũy,*

Chánh niệm, hành trì vậy,
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

812. **Không tham nhiễm** các **vị**,
Ném vị, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

813. *Ném vị như thế* nào,
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

814. **Không tham nhiễm** các **xúc**,
Cảm xúc, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

815. *Cảm xúc như thế* nào,
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

816. *Không tham nhiễm* các **pháp**,
Biết pháp, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

817. **Cảm xúc như thế nào,**
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

Rồi vị Trưởng lão đứng dậy, đánh lễ bậc Đạo Sư, rồi
ra đi không bao lâu sau đó, **phát triển thiền quán**,
ngài chứng quả A-la-hán.

349 Bốn niệm xứ - Niệm thân - Cách quán nhiếp phục dục - Kinh Kappa – Tiểu III, 325

Kappa – Tiểu III, 325 (237)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong vương quốc Magadha, làm con một **vua** bản xứ, kế vị ngôi vua, nhưng rơi vào hưởng thụ các dục vọng.

Khi bậc Đạo Sư với lòng từ bi, nhìn thế giới để xem ai xứng đáng được cứu độ. Bậc Đạo Sư thấy ngài, nghĩ rằng Kappa có thể tu tập **quán bất tịnh**, xuất gia và chứng quả A-la-hán. Thế Tôn đi trên hư không đến Kappa, và nói với ngài với những câu kệ như sau:

567. *Đầy nhiều loại uế vật,
Chỗ chứa toàn phần uế,
Như vũng nước đọng lâu,
Ung nhọt vết thương lớn.*

563. *Đầy những máu và mủ,
Chìm đắm, trong hố phân,
Thân ứ nước rỉ chảy,
Luôn chảy nước bất tịnh.*

569. *Trói bởi sáu mươi gân,
Trét dùng thịt làm hồ,
Mặc áo giáp bằng da,
Thân hôi thúi vô dụng.*

570. *Nối thành dây xúc xương,
Cột lại với dây gân,
Do chúng nhiều hợp sức,
Tác thành những uy nghi.*

571. *Thường tiến đến sự chết,
Đến gần cảnh tử thần,
Ở đây, bị quăng bỏ,
Con người đi theo dục.*

572. *Thân bị vô minh che,
Trói bởi bốn trói buộc,
Thân chìm trong bọc lưu,
Mắc vào lưới tùy miên,*

573. *Hệ lụy năm triền cái,
Ám ảnh bởi tâm tư,
Đi theo gốc khát ái,
Che trùm bởi màn si.*

574. *Thân này luân chuyển vậy,*

*Dẫn đi bởi xe nghiệp,
Khi thành công, khi bại,
Chịu đựng nhiều ái sanh.*

*575. Ai nghĩ "thân của tôi",
Là phàm phu ngu muội,
Tặng mộ phần đáng sợ,
Chấp chặt sự tái sanh.*

*576. Ai tránh né thân này,
Như tránh rắn dính phân,
Họ bỏ gốc sanh hữu,
Chứng Niết-bàn, vô lậu.*

Kappa nghe lời dạy bậc Đạo Sư, về thân phận các thân dưới nhiều hình ảnh, sợ hãi và nhàm chán thân mình, hốt hoảng xin xuất gia.

Bậc Đạo Sư giao cho một Tỷ-kheo làm lễ xuất gia. Kappa nhận mười đề tài tu tập và chứng quả A-la-hán. Ngài đi đến bậc Đạo Sư, đánh lễ, ngồi xuống một bên và nói lên chánh trí của mình với những bài kệ trên. Do vậy các bài kệ này trở thành bài kệ của ngài.

350 Bốn niệm xứ - Niệm thân - Hãy xem bóng trang sức, Nhóm vết thương tích tụ - Kinh Ratthapàla – Tiểu III, 385

Ratthapàla – Tiểu III, 385 (251)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh ra ở nước Kuru, trong thành phố Thullakotthita, con của một hội viên hội đồng thành phố, tên **Ratthapàla** và được gọi theo tên gia tộc, ngài được **sống trong nhung lụa, lớn lên được gả vợ và sống như một thiên thần.**

Khi đức Phật đến thuyết pháp ở Thullakotthila, **Ratthapàla** đến nghe giảng, khởi lòng tin, xin cha mẹ được xuất gia rất khó khăn. Đi đến bậc Đạo Sư, ngài được thọ giới với một Tỷ-kheo theo lời giới thiệu của đức Phật, tu học rất tinh tấn, **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài được phép về thăm cha mẹ, đi đến Thullakotthita và đi khát thực từng nhà. Đến nhà cha mẹ, ngài nhận được cơm chua đã lâu ngày nhưng ngài vẫn ăn như là đồ ăn bất tử.

Ngày sau, theo lời mời của người cha, ngài đến **thăm nhà và các người vợ trước của ngài, ăn mặc rất đẹp đẽ, hỏi ngài, vì những thiên nữ nào, ngài đã xuất gia.**

Ngài thuyết pháp cho họ về vô thường v.v... từ khước
những hành vi căm dỗ của họ:

769. *Hãy xem bóng trang sức,
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn, nhiều tham tưởng,
Nhưng không gì trường cửu.*

770. *Hãy nhìn sắc trang sức,
Với châu báu, vòng tai,
Bộ xương, da bao phủ,
Sáng chói nhờ y phục.*

771. *Chân sơn với sơn, sáp,
Mặt thoa với phấn bột,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

772. *Tóc được uốn tám vòng,
Mắt xoa với thuốc son,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

773. *Như hộp thuốc mới sơn,
Uế thân được trang điểm,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

774. *Thợ săn bày lưới sập,
Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mỗi xong, ta đi,
Mặc kẻ bắt nai khóc.*

775. *Bầy thợ săn bị cắt,
Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mỗi xong, ta đi,
Mặc kẻ săn nai sầu.*

Rồi Ratthapàla đi ngang qua hư không đến vườn nai của vua Koravya và ngồi trên một phiến đá. Người cha của ngài cho đóng chốt then cài cả bảy cái cửa, và cắt người giữ ngài không cho đi, lại lấy chiếc y vàng của ngài và choàng vào ngài y trắng của người cư sĩ. Do vậy ngài phải đi ngang qua hư không.

Rồi vua Koravya, nghe ngài đã đến vườn nai, liền chào ngài và hỏi: "*Thưa Tôn giả, ở đời người ta xuất gia vì một vài tai họa, như bệnh hoạn, như tai họa từ nhà vua, về tài sản, về gia đình. Ngài không có một tai họa gì, sao ngài lại xuất gia?*"

Vị trưởng lão trả lời: "*Thế giới là vô thường, không có gì trường cửu. Thế giới không có nơi nương tựa, thiếu thốn, không có thỏa mãn, làm nô lệ cho khát ái*".

Rồi ngài nói lên những bài kệ như sau:

776. *Ta thấy người đời giàu,
Được tiền, si không cho,
Vì tham, cất chứa tiền,
Chạy theo **dục** càng nhiều.*

777. *Vua dùng lực chiếm đất,
Chiếm ở đến bờ biên,
Biên bên này chưa thỏa,
Còn muốn biên bờ kia.*

778. *Vua và rất nhiều người,
Aí chưa hết, đã chết,
Tái sanh, bị thiếu thốn,
Chúng từ bỏ thân này,
*Nhưng ở đời lòng **dục**,
Không bao giờ thỏa mãn.**

779. *Bà con than khóc nó,
Tóc xõa, rồi tơ vò,
Chúng nói: Ôi chúng ta,
Không có được bất tử,
Thân trùm vãi, chúng mang,
Dựng giàn hỏa, chúng thiêu.*

780. *Bị cây đâm, cây thọc,*

Nó bị thiêu bị cháy,
Chỉ với một tấm vải,
Từ bỏ mọi tài sản,
**Kẻ chết không nương tựa,
Bà con, bạn láng giềng.**

781. *Kẻ thừa tự mang đi,
Tài sản gia nghiệp nó.
Riêng con người phải đi,
Theo chỗ, **ngiệp** nó tạo,
Tài sản không có đi,
Đi theo người đã chết,
Không con trai, không vợ,
Không tài sản, quốc độ.*

782. **Tài sản** không làm sao,
*Mua được **tuổi trường thọ**;
Phú quý nào có thể,
Tránh khỏi được **già suy**.
Bạc có trí nói rằng:
Mạng sống này ít ỏi,
Thật sự là vô thường,
Luôn luôn bị biến hoại.*

783. **Giàu, nghèo đều cảm xúc,
Ngu, trí đồng cảm thọ,
Kẻ ngu bị ngu đánh,**

Ngã quy, nằm dài xuống.
Còn bậc trí không sợ,
Đối với mọi cảm xúc.

784. Do vậy **tuệ** thắng **tài**,
Nhờ tuệ đạt viên mãn,
Chưa đạt được cứu cánh,
Đối với hữu, phi hữu,
Kẻ ngu làm các nghiệp,
Ác độc và bất thiện.

785. **Nhập thai**, sanh đời khác,
Luân hồi, tiếp tục sanh,
Kẻ ít trí, tin tưởng,
Nhập thai, sanh đời khác.

786. *Như kẻ trộm bị bắt,*
Quả tang, khi ăn trộm,
*Do **nghiệp** tự chính nó,*
Bị hại theo ác tội,
Cũng vậy sau khi chết,
Quần chúng trong đời sau,
Do nghiệp tự chính nó,
Bị hại theo ác tội.

787. Các **dục** thật đẹp đẽ,
Vị ngọt và khả ái,

Chúng làm **tâm đả say**,
Vớ sắc và phi sắc,
Do thấy sự nguy hiểm,
Trong các đục công đức,
Do vậy tôi xuất gia,
Như vậy thừa Đại vương,

788. **Như trái cây rụng xuống,**
Cũng vậy tuổi thanh niên,
Lớn lên và già yếu,
Rồi thân hoại mạng chung,
Thấy vậy tôi xuất gia,
Như vậy thừa Đại vương,
Đời sống Sa-môn hạnh,
Chơn thật, tốt đẹp hơn.

789. Tín tâm tôi xuất gia,
Vào giáo hội bậc Thánh,
Tôi xuất gia không tội,
Không nợ, tôi thọ thực.

790. **Thấy đục như lửa hừng,**
Thấy vàng như dao đâm,
Xem nhập thai là khổ,
Họa lớn trong địa ngục.

791. **Thấy nguy hiểm như vậy,**

*Ta cảm thấy hoảng sợ,
Khi bị đâm, bị thương,
Ta đạt được tịch tịnh,
Và ta tận diệt được,
Cả ba loại **lậu hoặc**.*

*792. Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy, làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhổ sạch.*

*793. Vì đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy ta đạt,
Mọi kiết sử tận diệt.*

351 Bốn niệm xứ - Niệm thân - Quán bất tịnh - Kinh Mahà Moggallàna – Tiểu III, 499

Mahà Moggallàna – Tiểu III, 499 (263)

Đời ngài được kể với đời ngài *Sàriputta* (CCLIX).

Sau khi xuất gia một tuần, ở gần làng Kallavàla tại Magadha, trong khi du hành ngài bị hôn trầm thụy miên và được Thế Tôn dạy: "*Này Moggallàna, biếng nhác không giống với im lặng của bậc Thánh*". Ngài liền tỉnh tấn chế ngự sự yếu đuối của mình. Khi chỉ nghe đề tài về các **giới** do đức Phật giảng dạy, ngài chứng được quả A-la-hán.

Một thời, Thế Tôn ở tại Jetavana, xác chứng ngài là bậc **thần thông đệ nhất**. Các bài kệ của ngài được kiết tập thứ nhất.

I

Khích lệ các Tỷ-kheo:

*1147. Chúng ta người ở rừng,
Sống đồ ăn khát thực,
Bằng lòng với miếng ăn,
Được bỏ rơi trong bát,*

**Phá nát ma, ma quân,
Nếu nội tâm khéo định.**

1148. Chúng ta người ở rừng,
Sống đồ ăn khát thực,
Bằng lòng với miếng ăn,
Được bỏ rơi trong bát,
Đẹp sạch ma, ma quân,
Như voi, nhà bằng lau.

1149. Chúng ta ở gốc cây,
Nhẫn nại, tâm kiên trì,
Bằng lòng với miếng ăn,
Được bỏ rơi trong bát,
Phá nát ma, ma quân,
Nếu nội tâm khéo định

1150. Chúng ta ở gốc cây,
Nhẫn nại, tâm kiên trì,
Bằng lòng với miếng ăn,
Được bỏ rơi trong bát,
Đẹp sạch ma, ma quân,
Như voi, nhà bằng lau.

II

Với một kỹ nữ muốn cảm dỗ ngài:

1151. *Với am, sườn bằng xương,
May dính với gân thịt,
Góm thay, đầy hơi thối!
Mang tay chân người khác,
Làm **thân** thể của mình!*

1152. *Cái bị đưng đầy phân,
Được da bao bọc lại,
Ôi con Quỷ cái kia!
Với vú bị ung nhọt,
Thân Người, chín dòng nước,
Luôn luôn được tuôn chảy.*

1153. ***Thân** Người, chín dòng nước
Hôi thối, tạo trời buộc,
Tỷ-kheo **tránh thân ấy,**
Như kẻ sạch tránh phân.*

1154. *Nếu người khác biết Người,
Như ta biết được Người,
Người ấy tránh xa Người,
Như khi **mưa tránh phân.***

Người đàn bà ấy cảm thấy hổ thẹn, đánh lễ vị Trưởng
lão rồi thưa:

1155. *Thật là vậy, Đại hùng,
Như Sa-môn, ngài nói:
Ở đây, có kẻ đắm,
Như bò già trong bùn.*

Bậc Trưởng lão:

1156. *Ai nghĩ có thể nhuộm,
Bầu trời với màu nghệ,
Hoặc với màu sắc khác,
Kẻ ấy chỉ thất bại.*

1157. *Tâm ta giống trời ấy,
Nội tâm khéo định tĩnh,
Chớ đem ác tâm đến,
Như chim rơi đồng lửa.*

1158. ***Hãy xem bóng trang sức,
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn nhiều tham tưởng,
Nhưng không gì trường cửu.***

III

Khi được tin Trưởng lão **Sàriputta** viên tịch:

1159. *Ôi, thật hãi hùng thay!*

Ồi! Lòng tóc dựng ngược,
Bạc đủ nhiều đức tánh,
Xá-lợi-phất nhập diệt.

1160. Các hành là vô thường,
Có sanh phải có diệt,
Sau khi sanh, chúng diệt,
Nhiếp chúng là an lạc.

IV

Nói về Trưởng lão **Tissa**:

1161. Những ai thấy **Năm uẩn,**
Là khác, không phải ngã,
Quán thấu vật tế nhị,
Như tên đâm mũi tóc.

1162. Những ai thấy các **hành,**
Là khác, không phải ngã,
Chúng thấu triệt tế nhị,
Như tên đâm mũi tóc.

V

Nói về Trưởng lão **Vaddhamàna**:

1163. *Như bị **kiếm** chém xuống,
Như bị **lửa** cháy đầu,
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Chánh niệm, đoạn tham dục.*

1164. *Như bị kiếm chém xuống,
Như bị lửa cháy đầu,
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Chánh niệm, đoạn tham hữu.*

VI

Tuyên bố liên hệ đến **kinh Pàsàdakamma**:

1165. *Được khuyên bảo bởi vị,
Đã tu tập tự ngã,
Mang thân này tối hậu,
Với ngón chân ta làm,
Rung chuyển cả lâu đài,
Migàramàtu.*

VII

Nói liên hệ với một Tỷ-kheo:

1166. ***Không với nhu nhược này,
Không với ít lực này,***

*Có thể chứng Niết-bàn,
Giải thoát mọi buộc ràng.*

*1167. Vị Tỷ-kheo trẻ này,
Con người tối thượng này,
Chiến thắng ma, ma quân,
Mang thân này tới hậu.*

VIII

Về đời sống viễn ly của mình:

*1168. Giữa đôi Vebhàra,
Giữa đôi Pandava,
Sét đánh vào hang động,
Con bạc Vô tỷ ấy,
Đã đi vào hang núi,
Đang ngồi nhập thiền định.*

IX

Đi vào Ràjagaha (Vương Xá) để khát thực, ngài **khuyến giáo người cháu của Sàriputta**, một Bà-la-môn có tà kiến, người này thấy ngài **Đại-ca-diếp**, cảm thấy ghê tởm, như thấy được một nữ thần bất hạnh.

*An tịnh và thoải mái,
Ẩn sĩ trú vùng xa,
Thừa tự Phật tối thắng,
Được Phạm thiên tán thán.*

*1169. Hồi này Bà-la-môn,
Hãy đánh lễ Ca-diếp,
Ngài là con thừa tự,
Bậc Giác Ngộ tối thắng,
Ẩn sĩ trú vùng xa,
An tịnh và thoải mái.*

*1170. Vị trái trăm đời sống,
Đều thuộc dòng Phạm chí,
Học giả, giỏi Vệ-đà,
Sanh tiếp tục làm người.*

*1171. Dầu là bậc giáo sư,
Thấu triệt ba Vệ-đà,
Đánh lễ vị như vậy,
Chỉ giá một mười sáu.*

*1172. Vị ấy trước bữa ăn,
Thấy được tám giải thoát.
Thuận hướng và nghịch hướng.
Rồi mới đi khát thực.*

1173. *Chớ có đến tấn công,
Một Tỷ-kheo như vậy,
Hồi này Bà-la-môn,
Chớ có đào tạt ngã,
Hãy khởi ý tín nhiệm,
Vị La hán như vậy,
Chấp tay đánh lễ gấp,
Chớ để đầu ông hồng.*

X

Khi khuyến giáo một Tỷ-kheo tên **Potthila**:

1174. *Người không thấy diệu pháp,
Dẫn đầu về luân hồi,
Chạy theo hướng tà đạo,
Đường cong không nên đi.*

1175. *Như con sâu dính phân,
Say mê theo các hành,
Đắm sâu vào lợi danh,
Trống rỗng, hỡi Pôt-thi.*

XI

Tán thán Tôn giả **Sàriputta**:

1176. Hãy xem Tôn giả này,
Xá-lợi-phất đẹp sắc,
Giải thoát cả hai phần,
Nội tâm khéo định tĩnh.

1177. Không bị tên khát ái,
Các kiết sử đoạn tận,
Ba minh đã đạt được,
Sát hai xong thân chết,
Đáng được người cúng dường,
Là ruộng phước vô thượng.

XII

Do ngài **Sàriputta** nói lời tán thán **Moggallàna**:

1178. **Có nhiều chư Thiên này,**
Có thần lực danh xưng,
Đến mười ngàn chư Thiên,
Tất cả Phạm phụ Thiên.
Họ đứng chấp hai tay,
Đảnh lễ Mục-kiền-liên.

1179. Đảnh lễ **thượng sanh nhân!**
Đảnh lễ **vô thượng nhân!**
Lậu hoặc ngài đã đoạn,
Ngài xứng được cúng dường.

1180. Được trời người đánh lễ,
Đã sanh, **bạc trắng chết**,
Như sen không dính nước,
Ngài không dính các hành.

1181. **Vị trong một sát-na,**
Biết đời, dưới ngàn cách,
Chẳng khác Đại Phạm Thiên,
Tỷ-kheo ấy Thiên tử,
Đầy đủ thần thông lực,
Thấy được những thời cơ,
Chết sống của mọi loài.

XIII

Mahà-Moggallàna nói lên, xác nhận khả năng của mình:

1182. Xá-lợi-phát với tuệ,
Giới hạnh, an tịnh tâm,
Tỷ-kheo đến bờ kia,
Vị ấy thật tối thượng.

1183. **Nhưng ta ngay giây phút**
Đến trăm ngàn triệu lần,
Biến hóa tự thân được,

**Ta thiện xảo biến hóa,
Thuần thực với thần thông.**

1184. Dòng họ Môg-gal-la,
Sống thiền định trí tuệ,
Đi đến bờ bên kia,
Không ái giáo pháp đạt.
Hiền trí, các căn tịnh,
Chặt đứt các trói buộc,
N như voi đứt đứt ngang,
Dây leo đã mục nát.

1185. Ta hầu hạ Bốn Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.

1186. **Sanh của ta đã tận,**
Chiến thắng dạy làm xong,
Lưới danh được đoạn diệt,
Gốc sanh hữu nhỏ lên,
Mục đích hạnh xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Đích ấy đã đạt được,
Mọi kiết sử diệt xong.

La mắng **Màra** đã vào và ra khỏi bụng ngài:

1187. **Địa ngục ấy thế nào,**
Dù si bị nấu sôi,
Vì đánh **Vidhura,**
Đệ tử **Kà-kùsandha.**

1188. Có trăm loại cọc sắt,
Tự cảm thọ riêng biệt,
Địa ngục là như vậy,
Dù si bị nấu sôi,
Vì đánh *Vidhura,*
Đệ tử *Kakusandha.*

1189. *Tỷ-kheo đệ tử Phật,*
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1190. Dựng lên giữa biển cả,
Cung điện trải nhiều kiếp,
Bằng ngọc chói lưu ly,
Huy hoàng cùng chiếu diệu,
Tiên nữ múa tại đây,
Trang sức màu dị biệt.

1191. *Tỷ-kheo đệ tử Phật,*
Hiểu biết rõ như vậy,

*Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.*

1192. Ai Thế Tôn khuyến khích,
Chúng Tỷ-kheo chứng kiến,
Với ngón chân rung chuyển,
Lầu mẹ Migàra.

1193. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1194. **Với ngón chân rung chuyển,**
Lầu Vi-ja-yan-ta,
Đầy đủ thần thông lực,
Chư Thiên cũng hoảng sợ.

1195. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1196. Ai hỏi vị **Sakka,**
Tại lầu Vijayan,
Hiền giả, người có biết,
Ái tỳn được giải thoát?

*Sakka đã chân thành,
Trả lời câu được hỏi.*

*1197. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.*

*1198. **Ai từng hỏi Phạm thiên,
Tại hội chúng Thiện Pháp:
Hiền giả nay vẫn chấp,
Các tà kiến thuở xưa,**
Có thấy cảnh huy hoàng
Phạm thiên cảnh thiên giới.*

*1199. Brahmà đã chân thành,
Tiếp tục đáp câu hỏi:
Tôn giả tôi không chấp,
Các tà kiến thuở xưa.*

*1200. Tôi thấy sự huy hoàng,
Phạm thiên cảnh thiên giới,
Sao nay tôi nói được,
Tôi thường hằng thường tại?*

*1201. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,*

*Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.*

1202. ***Ai với sự giải thoát,***
*Cảm xúc Cao Sơn đánh,
Rừng đông Videha,
Và người nằm trên đất.*

1203. *Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy.
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.*

1204. ***Thật sự lửa không nghĩ:
"Ta đốt cháy kẻ ngu",
Kẻ ngu đột kích lửa,
Tự mình bị thiêu cháy.***

1205. ***Cũng vậy này Ác-ma,
Người đột kích Như Lai,
Tự đốt mình cháy mình,
Như kẻ ngu chạm lửa.***

1206. ***Ác ma tạo ác nghiệp,
Do nhiều hại Như Lai,
Người nghĩ chẳng Ác-ma,
Ác quả không đến ta.***

1201. Điều ác Ác ma làm,
Chất chứa đã lâu rồi,
Ác-ma, hãy tránh Phật,
Chớ vọng tưởng Tỷ-kheo.

1208. Tỷ-kheo chống Ác ma,
Tại rừng Bhe-kalà,
Vị Dạ-xoa thất vọng,
Biến mất tại chỗ ấy.

Như vậy, Tôn giả Mahà-Moggallàna nói lên những bài kệ.

352 Bốn niệm xứ - Niệm thân - Quán thân bất tịnh - Kinh Kulla – Tiểu III, 260

Kulla – Tiểu III, 260 (213)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ) trong gia đình một điền chủ tên là Kulla, ngài được cảm hóa với lòng tin và được bậc Đạo Sư độ cho xuất gia.

Nhưng ngài thường bị tham **dục** chi phối. Bậc Đạo Sư biết yếu điểm này của ngài, cho ngài một **đề tài bất tịnh** và **khuyên ngài thiền quán** trong một nghĩa địa.

Khi tu tập này chưa được kết quả bậc Đạo Sư đi với ngài và yêu cầu ngài theo dõi tiến trình thối nát và tiêu diệt của vật bất tịnh. Khi Kulla đã được tự tại **thoát ly**, Thế Tôn phóng hào quang, khiến ngài nhớ lại bài học, chứng Sơ thiền và từ đây **phát triển thiền quán**, chứng được quả A-la-hán.

Ôn lại kinh nghiệm, ngài thốt ra những câu kệ sau đây, trước nói về ngài, rồi nhắc lại lời dạy của bậc Đạo Sư, cuối cùng lại nói về ngài:

*393. Kulla đến nghĩa địa,
Thấy bỏ một đàn bà,*

*Vắt ném trong nghĩa địa,
Làm mỗi cho sâu ăn.*

394. *Kulla, hãy nhìn thân,
Bệnh hoạn nhớp hôi thối,
Nước ứ chảy, rỉ chảy,
Được kẻ ngu thích thú.*

395. *Sau khi nắm gương pháp,
Đạt được chánh tri kiến,
Ta quán sát thân này,
Trống rỗng cả trong ngoài.*

396. *Đây thế nào, kia vậy,
Kia thế nào, đây vậy,
Dưới thế nào, trên vậy,
Trên thế nào, dưới vậy.*

397. *Ngày thế nào, đêm vậy,
Đêm thế nào, ngày vậy,
Trước thế nào, sau vậy,
Sau thế nào, trước vậy.*

398. *Người vậy không ưa thích,
Cả năm loại nhạc khí,
Khi đã được nhất tâm,
Chơn chánh thiền quán pháp.*

Những kệ này là lời tuyên bố chánh trí của ngài.

353 Bốn niệm xứ - Niệm thân - Quán thân bất tịnh - Kinh Nandaka – Tiểu III, 215

Nandaka – Tiểu III, 215 (189)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình có gia tộc, và được gọi là Nandaka.

Ngài xuất gia, sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, và **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán. Sau đó khi đang sống trong an lạc giải thoát, ngài được bậc Đạo Sư dạy thuyết pháp cho các Tỷ-kheo-ni và khiến cho năm trăm vị chứng quả A-la-hán. Đức Phật ấn chứng cho ngài là **vị khuyến giáo Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni đệ nhất**.

Rồi một ngày kia, khi đi khất thực ở Sàvatthi, một nữ nhân trước kia lập gia đình với ngài, thấy ngài và cười lớn tiếng với một tâm bất chánh. Vị Trưởng lão thấy hành động của nàng liền dạy cho nàng về thân thể bất tịnh, với những bài kệ sau:

*278. Gớm thay, **vật hôi thối!**
Đầy sắc mùi hôi tanh,
Vật sở hữu của ma,*

*Ứ chảy nhiều dòng nước,
Thân này có chín dòng,
Luôn luôn được tuôn chảy.*

279. *Chớ khinh miệt cổ nhân!
Chớ xúc phạm Như Lai,
Họ không tham Thiên giới,
Còn nói gì cõi người.*

280. *Kẻ ngu, thiếu trí tuệ,
Tà ý, si bao phủ,
Kẻ ấy đầy tham đắm,
Bị ma quăng dây trói.*

281. *Những ai đã thoát ly,
Tham, sân và vô minh,
Đây họ không tham đắm,
Dây cắt, không trói buộc.*

354 Bốn niệm xứ - Niệm thân - Trưởng lão Sona - Kinh Sona Kolivisa – Tiểu III, 347

Sona Kolivisa – Tiểu III, 347 (243)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Campà, trong gia đình một hội viên của Hội đồng thành phố nổi tiếng. Từ khi ngài sắp được sanh, tài sản lớn của phụ thân được tăng trưởng, và khi ngài được sanh, cả thành phố tổ chức hội lễ lớn.

Vì ngài bố thí cúng dường cho một vị Độc giác Phật trong đời trước, nên đời này ngài có một **thân hình như bằng vàng mịn** và đặc biệt mềm mại, và ngài được gọi là Sona (vàng). Dưới chân và trên bàn tay của ngài có lông mịn màu vàng mọc lên, và ngài được nuôi dưỡng trong giàu sang xa hoa, có đến ba tòa lầu đài thích hợp cho từng mùa.

Khi bậc Đạo Sư giác ngộ và chuyển bánh xe Pháp ở Ràjagaha (Vương Xá). Vua Bimbisàra cho mời Sona đến, ngài đến với một số đông tùy tùng, nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, khởi lòng tin và được phép cha mẹ cho xuất gia.

Ngài nhận từ bậc Đạo Sư một đề tài tu tập, nhưng **không thể định tâm** vì có liên lạc với đông người khi

sống ở trong rừng. Ngài nghĩ rằng thân ngài quá được cung dưỡng để đạt được hạnh phúc, và đời sống ẩn sĩ làm thân mệt mỏi, ngài vượt lên trên những đau đớn vì chân ngài bị sưng khi ngài tập đi kinh hành, nhưng dầu ngài hết sức tinh tấn, ngài chưa thành đạt được quả chứng. Ngài nghĩ: "*Ta không thể thành đạt con đường và quả vị thì sống xuất gia để làm gì? Tốt hơn ta hoàn tục và làm các công đức!*".

Thế Tôn biết được tâm tư ngài, dạy cho ngài **bài học của cây đàn**, phải làm lắng dịu nhiệt lực với tu tập **tịnh chi**. Được chỉ dạy, ngài đi đến núi Linh Thứu và sau một thời gian, ngài chứng quả A-la-hán.

Suy nghĩ trên thành tựu của mình, ngài tuyên bố chánh trí ngài như sau:

632. *Người xưa, cao trong nước,
Phục vụ vua Ấng-ga,
Nay lại cao trong pháp,
So-na vượt đau khổ.*

633. *Năm được cắt, năm bỏ,
Năm thượng pháp tu tập,
Tỷ-kheo vượt năm gút,
Được gọi vượt bực lưu.*

634. *Tỷ-kheo tánh kiêu ngoa,*

Phóng dật, ưa vị ngoài,
Giới, thiền định, trí tuệ,
Không đi đến viên mãn.

635. Việc phải làm, quăng bỏ,
Không phải việc, lại làm,
Kẻ kiêu ngoa phóng dật,
Lậu hoặc được tăng trưởng.

636. **Những ai khéo tinh cần,**
Thường tu tập niệm thân,
Không phải việc, không làm,
Kiên trì việc nên làm.
Bậc chánh niệm tỉnh giác,
Lậu hoặc đi đến diệt.

637. **Trên đường thẳng được thuyết,**
Hãy bước, chớ quanh co,
Hãy tự mình trách mình,
Hãy đem Niết-bàn lại,

638. Khi tinh cần nỗ lực,
Căng thẳng, vượt mức độ,
Thế gian, Vô Thượng Sư,
Dùng **ví dụ chiếc đàn,**
Bậc pháp nhãn, có mắt,
Ngài thuyết pháp cho ta.

639. Ta nghe lời Ngài giảng,
Lạc trú lời giảng dạy,
Bình tĩnh, ta thực hành,
Để đạt đích tối thượng,
Ba mình ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

640. *Ai chuyên nhất xuất ly,*
Tâm tư hướng viễn ly,
Ai chuyên nhất vô sân,
Diệt trừ các chấp thủ.

641. *Ai chuyên nhất ái diệt,*
Tâm tư không si mê,
Thấy sanh khởi các xứ,
Tâm *được khéo giải thoát.*

642. *Vị Tỷ-kheo tâm tịnh,*
Được giải thoát chơn chánh,
Không chất chứa việc làm,
Điều phải làm không có.

643. *Như một hòn đá tảng,*
Không bị gió lay động,
Cũng vậy toàn bộ phận,
Sắc, vị, thanh, hương, xúc.

644. *Pháp ái, bất khả ái,
Không động, người như vậy,
Tâm trú, không hệ lụy,
Tùy quán, sự hoại diệt.*

355 Bốn niệm xứ - Niệm thọ - Thọ người ấy tăng trưởng - Kinh Mālunkya-putta – Tiểu III, 392

Mālunkya-putta – Tiểu III, 392 (252)

Đời sống của ngài được ghi trong chương VI (CCXIV) khi bậc Trưởng lão đã chứng quả A-la-hán, nói lên bài kệ để dạy cho các bà con về con đường.

Nhưng trong những bài kệ này, bậc Trưởng lão chưa chứng quả A-la-hán, hỏi Thế Tôn về giáo lý vắn tắt, và được Thế Tôn trả lời:

- *Này Mālunkya-putta, ông nghĩ thế nào? Những pháp mà ông chưa bao giờ thấy, nghe, ngửi, nếm, cảm xúc, và nhận thức, hiện tại ông không có lãnh thọ và đối với chúng, ông cũng không muốn có cảm thọ và suy tưởng, vậy ông có ước muốn, tha thiết được chúng hay không?*"

- *Thưa không, bạch Thế Tôn.*

- *Ở đây, này Mālunkya-putta, khi ông không có cảm thọ, cảm tưởng chúng, ông chỉ có thọ và tưởng thuần túy. Nếu là như vậy, thời ông không có tham, sân, si. Do vậy, ở đây hay tại chỗ nào, hay đời sau chính như vậy, như vậy là sự chấm dứt đau khổ.*

Rồi Mālunkya-putta, nêu rõ ngài đã thâm nhận giáo lý được giảng dạy này, ngài nói lên trong những bài kệ như sau:

794. Thấy **sắc**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm **tham** đắm cảm **thọ**,
Tâm nhập và an trú.

795. **Thọ** người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do sắc sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.

796. Nghe **tiếng**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

797. **Thọ** người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do tiếng sanh,
Tham, **hại tâm** lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.

798. *Ngửi hương, niệm say mê,*
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

799. *Thọ người ấy tăng trưởng,*
Nhiều loại do hương sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó.
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.

800. *Ném vị, niệm say mê,*
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

801. *Thọ người ấy tăng trưởng,*
Nhiều loại do vị sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.

802. *Cảm xúc, niệm say mê,*
Nếu tác ý ái tưởng,

*Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.*

803. Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do xúc sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.

804. **Biết pháp**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

805. Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại do ý sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.

806. **Không tham nhiễm các sắc,**
Thấy sắc, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

807. *Thấy sắc như thế nào,
Như vậy có cảm thọ,
Tìr bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi gần Niết-bàn,*

808. *Không tham nhiễm các **tiếng**,
Nghe tiếng, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập an trú.*

809. *Nghe tiếng như thế nào,
Như vậy có cảm thọ,
Tìr bỏ không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi gần Niết-bàn.*

810. *Không tham nhiễm các **hương**,
Ngửi hương, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập an trú.*

811. *Ngửi hương như thế nào,
Như vậy, có cảm thọ,
Tìr bỏ, không tích lũy,*

Chánh niệm, hành trì vậy,
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

812. **Không tham nhiễm** các **vị**,
Ném vị, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

813. **Ném vị như thế** nào,
Như vậy, có cảm thọ,
Tìr bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

814. **Không tham nhiễm** các **xúc**,
Cảm xúc, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

815. **Cảm xúc như thế** nào,
Như vậy, có cảm thọ,
Tìr bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

816. *Không tham nhiễm* các **pháp**,
Biết pháp, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

817. **Cảm xúc như thế nào,**
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

Rồi vị Trưởng lão đứng dậy, đánh lễ bậc Đạo Sư, rồi
ra đi không bao lâu sau đó, **phát triển thiền quán**,
ngài chứng quả A-la-hán.

356 Bốn niệm xứ - Niệm tâm - Cách nhiếp phục tâm - Kinh Kula – Tiểu III, 29

Kula – Tiểu III, 29 (19)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn, xuất gia và vì tâm tư chưa được thẳng bằng, ngài không chú tâm được trên một đề tài nhất định.

Một ngày kia đi khát thực, ngài thấy *người dẫn nước* bằng cách đào cách kinh dẫn nước. Trong thành phố, ngài thấy *người làm cung tên* uốn nắn cung tên bằng nheo một con mắt như thế nào, và khi trở về với bình bát đầy đồ ăn, ngài thấy những *người làm xe* sửa soạn trục xe, bánh xe và vành xe như thế nào. Bước vào tịnh xá, dùng cơm xong, khi đang nghỉ trưa, ngài nghĩ đến **ba phương pháp nhiếp phục** này, và lấy chúng làm khích lệ và dùng chúng để tự mình tu tập, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán.

Liên hệ những bài học này với sự tu tập tâm của mình, ngài nói lên lời chánh trí với bài kệ như sau:

**19. Người trị thủy dẫn nước,
Kẻ làm tên uốn tên,
Người thợ mộc uốn gỗ,**

Bạc tự điều, điều thân.

357 Bốn niệm xứ - Niệm tâm - Gương nhiếp phục tâm dao động - Kinh Vigitasena – Tiểu III, 246

Vigitasena – Tiểu III, 246 (206)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ra trong một gia đình huân luyện voi ở nước Kosala, và được đặt tên là Vigitasena.

Những người cậu bên ngoại, Sena và Upasena cả hai đã xuất gia và chứng quả A-la-hán. Vigitasena sau khi đã thuần thục nghề của mình, thấy thần thông song hành của bậc Đạo Sư khởi lòng tin, và theo bản năng tự nhiên, xin xuất gia dưới sự hướng dẫn của các người cậu.

Nhờ các người cậu giảng dạy, ngài đạt đến **thiền quán**, nhưng tâm trí ngài thiên về lý luận chạy theo những vật bên ngoài, nên **ngài giảng dạy cho tâm trí ngài** như sau:

354. **Ta sẽ chế ngự người,**
Như cửa khóa ngăn voi,
Ta sẽ câu thúc người,
Này tâm trong điều ác,
Người chính là lưới dục,

Người do thân sanh ra.

355. Chế ngự người không đi,
N như voi, không cửa mở,
Này **tâm, kẻ phù thủy**,
Dầu người cố gắng mãi,
Người không còn lang thang,
Ưa thích làm điều ác.

356. Như người cầm câu móc,
Ngăn mãi voi chưa thuần,
Như người dùng sức mạnh,
Cải hóa kẻ không muốn,
Cũng vậy đối với người,
Ta sẽ cải hóa người.

357. Như bánh xe tuyệt hảo,
Khéo huấn luyện ngựa hay,
Cũng vậy ta điều người,
Dựa lên trên **Năm lực**.

358. Ta sẽ cột chặt người,
Với **chánh niệm** vững chắc,
Tự mình đã chế ngự,
Ta sẽ chế ngự người,
Nhờ sức nặng **tinh tấn**,
Người được ta áp lực,

*Do vậy, hỡi này tâm,
Người sẽ không xa ta.*

358 Bốn niệm xứ - Niệm tâm - Gương tự nhiếp phục tâm - Kinh Anupama – Tiểu III, 186

Anupama – Tiểu III, 186 (167)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình giàu có ở Kosala, vì ngài đẹp trai nên được đặt tên là *Anupama* (không thể so sánh được).

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài cảm thấy sức mạnh của các nguyên nhân, xuất gia và sống trong một ngôi rừng để tu tập thiền quán, nhưng tâm ngài chạy theo ngoại cảnh, xoay quanh những vấn đề đối tượng thiền định, ngài tự trách mình như sau:

213. **Tâm đi đến hỷ mạn,**
Như bị đâm giáo nhọn,
Nếu người sống tâm ấy,
Như sống với giáo, gậy.

214. **Này tâm, ta gọi ngươi,**
Kẻ bẻ gãy hạnh phúc,
Này tâm, ta gọi ngươi,
Kẻ phá hoại đời ta!
Bậc Đạo Sư của ngươi,
Khó được nay đã được,

*Chớ có dắt dẫn ta,
Đến chỗ có hại ta!*

Như vậy ngài giáo giới tâm ngài, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

359 Bốn niệm xứ - Niệm tâm - Khéo nắm giữ các tướng, Thiện xảo tâm diễn khởi - Kinh Upasena Con Của Vanganta – Tiểu III, 328

Upasena Con Của Vanganta – *Tiểu III*, 328 (238)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở làng Nàlaka, làm con của nữ Bà-la-môn *Rùpasàrì* và đặt tên là **Upasena** (anh của *Sàriputta*). Khi đến tuổi trưởng thành và học ba tập Vệ-đà.

Ngài xuất gia sau khi nghe đức Phật thuyết pháp. Sau một năm thọ giới, ngài nghĩ làm tăng trưởng hột giống Thánh chủng, độ cho một Tỷ-kheo và với Tỷ-kheo này, ngài đi đến bậc Đạo Sư, bậc Đạo Sư nghe được việc này, chỉ trích cử chỉ hấp tấp của ngài.

Rồi Upasena suy nghĩ: *"Nếu nay, vì có một đệ tử, ta bị bậc Đạo Sư quả trách. Nay cũng nhân lý do này, ta sẽ được Đạo Sư tán thán"*. Rồi tu tập **thiền quán**. Ngài chứng được quả A-la-hán.

Ngài chấp nhận lối sống **hạnh đầu đà** và khuyên các vị khác thực hành theo, và lời khuyên của ngài rất có kết quả khiến cho Thế Tôn chấp nhận ngài là **đệ tử rất được nhiều người biết đến**.

Một Tỷ-kheo hỏi ngài cần phải làm gì khác khi các Tỷ-kheo ở Kosambi tranh cãi nhau và có nạn phá hòa hợp Tăng. Upasena dạy Tỷ-kheo ấy như sau:

577. *Xử viễn ly, không ồn,
Chỗ thú rừng thường trú,
Tỷ-kheo dọn sàng tọa,
Tu học hạnh tịnh cư.*

578. *Từ những đống rác rưởi,
Từ một phần, xa lộ,
Làm Y Tăng-già-lê,
Mang áo cũ sờn mòn.*

579. *Với tâm tư hạ mình,
Tiếp tục đi từng nhà,
Tỷ-kheo sống khát thực,
Căn hộ, khéo chế ngự.*

580. *Bằng lòng món ăn thô,
Không tìm nhiều vị khác;
Nếu tham đắm các vị,
Ý không vui tu thiền.*

581. *Ít dục và biết đủ,
Ẩn sĩ sống viễn ly,
Không thân cận cả hai,*

Tại gia và xuất gia.

582. *Như kẻ ngu, người câm,
Hãy tỏ mình như vậy,
Bậc trí giữa chúng Tăng,
Chớ có giảng quá dài.*

383. *Chớ có chỉ trích ai,
Hãy tránh làm hại ai,
Chế ngự trong giới bốn,
Tiết độ trong ăn uống.*

584. *Khéo nắm giữ các tướng,
Thiện xảo tâm diễn khởi,
Chú tâm vào tịnh chỉ,
Đúng thời tu thiền quán.*

585. *Đủ tinh tấn nhẫn nại,
Luôn chuyên chú bốn phận,
Chưa đạt được khổ diệt,
Kẻ trí tin tưởng tiến.*

586. *Tỷ-kheo muốn thanh tịnh,
Sống nếp sống như vậy,
Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Chứng được tối tịch tịnh.*

Như vậy vị Trưởng lão, trong khi giảng dạy vị Tỷ-kheo, nêu rõ quả chứng của mình và nói lên chánh trí.

360 Bốn niệm xứ - Niệm tâm - Thiện xảo tướng của tâm, Biết vị ngọt viển ly - Kinh Sunàga – Tiểu III, 95

Sunàga – Tiểu III, 95 (85)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở làng Nàlaka, con một Bà-la-môn và bạn của Sàriputta trước khi Sàriputta xuất gia. Nghe Tôn giả Sàriputta thuyết pháp, ngài xuất gia, an trú trên **thiền quán** và không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Do vậy, khi ngài dạy cho các Tỷ-kheo, ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ:

**85. *Thiện xảo tướng của tâm,
Biết vị ngọt viển ly,
Hành thiền, niệm, thận trọng,
Chứng lạc không thể tục.***

361 **Bốn niệm xứ - Niệm tâm - Tâm ai như tảng đá, Đứng vững, không dao động - Kinh Khitaka – Tiểu III, 170**

Khitaka – Tiểu III, 170 (156)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong nước Kosala, con một vị Bà-la-môn, được đặt tên là Khitaka.

Ngài nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, **xuất gia, sống trong rừng, không bao lâu chứng quả A-la-hán.**

Hưởng được lạc giải thoát Niết-bàn, cảm thấy phấn khởi tinh cần, ngài đi đến các Tỷ-kheo sống trong rừng để khích lệ, làm các vị ấy phấn khởi. Ngài nói những bài kệ này, trước hết vì hạnh phúc cho các vị ấy, sau nói lên chánh trí của ngài:

*191. **Tâm ai như tảng đá,
Đứng vững, không dao động,
Hồi những vật khả ái,
Tâm không có tham ái,
Đối vật làm dao động,
Tâm không có dao động,
Tâm ai tu tập vậy,
Từ đâu, khổ sẽ đến.***

192. *Tâm ta như tảng đá,
Đứng vững, không dao động,
Đối những vật khả ái,
Tâm không có tham ái,
Đối vật làm dao động,
Tâm không có dao động,
Tâm ta tu tập vậy,
Từ đâu, khổ đến ta.*

362 Bốn niệm xứ - Niệm tâm - Tâm tham đắm cảm thọ - Kinh Mālunkya-putta – Tiểu III, 392

Mālunkya-putta – Tiểu III, 392 (252)

Đời sống của ngài được ghi trong chương VI (CCXIV) khi bậc Trưởng lão đã chứng quả A-la-hán, nói lên bài kệ để dạy cho các bà con về con đường.

Nhưng trong những bài kệ này, bậc Trưởng lão chưa chứng quả A-la-hán, hỏi Thế Tôn về giáo lý vắn tắt, và được Thế Tôn trả lời:

- *Này Mālunkya-putta, ông nghĩ thế nào? **Những pháp mà ông chưa bao giờ thấy, nghe, ngửi, nếm, cảm xúc, và nhận thức**, hiện tại ông không có lãnh thọ và đối với chúng, ông cũng không muốn có cảm thọ và suy tưởng, vậy ông có ước muốn, tha thiết được chúng hay không?*"

- *Thưa không, bạch Thế Tôn.*

- *Ở đây, này Mālunkya-putta, **khi ông không có cảm thọ, cảm tưởng chúng, ông chỉ có thọ và tưởng thuần túy. Nếu là như vậy, thì ông không có tham, sân, si. Do vậy, ở đây hay tại chỗ nào, hay đời sau chính như vậy, như vậy là sự chấm dứt đau khổ.***

Rồi Mālunkya-putta, nêu rõ ngài đã thâm nhận giáo lý được giảng dạy này, ngài nói lên trong những bài kệ như sau:

794. Thấy **sắc**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm **tham** đắm cảm **thọ**,
Tâm nhập và an trú.

795. **Thọ** người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do sắc sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.

796. Nghe **tiếng**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

797. **Thọ** người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do tiếng sanh,
Tham, **hại tâm** lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.

798. *Ngửi hương, niệm say mê,*
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

799. *Thọ người ấy tăng trưởng,*
Nhiều loại do hương sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó.
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.

800. *Ném vị, niệm say mê,*
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

801. *Thọ người ấy tăng trưởng,*
Nhiều loại do vị sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.

802. *Cảm xúc, niệm say mê,*
Nếu tác ý ái tưởng,

*Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.*

803. *Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do xúc sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.*

804. **Biết pháp**, niệm say mê,
*Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.*

805. *Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại do ý sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.*

806. **Không tham nhiễm các sắc,**
Thấy sắc, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

807. *Thấy sắc như thế nào,
Như vậy có cảm thọ,
Tìr bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi gần Niết-bàn,*

808. *Không tham nhiễm các **tiếng**,
Nghe tiếng, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập an trú.*

809. *Nghe tiếng như thế nào,
Như vậy có cảm thọ,
Tìr bỏ không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi gần Niết-bàn.*

810. *Không tham nhiễm các **hương**,
Ngửi hương, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập an trú.*

811. *Ngửi hương như thế nào,
Như vậy, có cảm thọ,
Tìr bỏ, không tích lũy,*

Chánh niệm, hành trì vậy,
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

812. **Không tham nhiễm** các **vị**,
Ném vị, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

813. *Ném vị như thế* nào,
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

814. **Không tham nhiễm** các **xúc**,
Cảm xúc, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

815. *Cảm xúc như thế* nào,
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

816. *Không tham nhiễm* các **pháp**,
Biết pháp, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

817. **Cảm xúc như thế nào,**
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

Rồi vị Trưởng lão đứng dậy, đánh lễ bậc Đạo Sư, rồi
ra đi không bao lâu sau đó, **phát triển thiền quán**,
ngài chứng quả A-la-hán.

363 Bốn niệm xứ - Quán bất tịnh - Kinh Thắng Trận - Tiểu I, 526

Kinh Thắng Trận – Tiểu I, 526 (Sn 34)

193. *Hoặc là đi hay đứng,
Hoặc là ngồi hay nằm,
Hoặc co tay, duỗi tay,
Như vậy, thân dao động.*

194. *Ràng buộc với xương gân,
Trét thoa với da thịt,
Thân được da che đậy,
Như thật không thấy rõ.*

195. *Trong một bụng chứa đầy,
Cục gan, và bọng đái,
Quả tim và buồng phổi,
Cả thận, và tỳ tạng.*

196. *Nước mũi, và nước miếng,
Mồ hôi, và nước mỡ,
Máu, và nước khớp xương,
Mật, và bạch huyết cầu.*

197. *Từ **chín** nguồn nước này,*

*Bất tịnh luôn luôn chảy,
Từ mắt, đồ bắn chảy,
Từ tai, đồ bắn chảy.*

198. *Nước mũi từ lỗ mũi,
Từ miệng, có khi chảy,
Chảy mặt, và niêm dịch,
Từ thân, mồ hôi bắn.*

199. *Trong đầu thật trống rỗng,
Chứa đầy những óc, não.
Bị vô minh dắt dẫn,
Kẻ ngu nghĩ tịnh sạch.*

200. *Khi bị chết nằm xuống,
Phồng lên, và xanh bầm,
Quăng bỏ trong nghĩa địa,
Bà con không đoái hoài.*

201. *Chó, dã can đến ăn,
Chó sói, các côn trùng,
Quạ, diều hâu đến ăn,
Còn có hữu tình khác.*

202. *Được nghe lời Phật dạy,
Tỷ-kheo có trí tuệ,
Vị ấy liễu tri thân,*

Thấy thân đúng như thật.

203. Đây thế nào, kia vậy,
Kia thế nào, đây vậy,
Đối với thân trong ngoài,
Từ bỏ mọi lòng dục.

204. Từ bỏ lòng tham dục,
Đây Tỷ-kheo có tuệ,
Chứng bất tử, tịch tịnh,
Niết-bàn giới thường trú.

205. Thân này với hai chân,
Bất tịnh và hôi thúi,
Đầy xác chết, chảy nước,
Lại được giữ, nâng niu.

206. Với thân thể như vậy,
Ai lại nghĩ đề cao,
Hay khinh miệt kẻ khác,
Trừ kẻ không thấy gì.

364 Bốn niệm xứ - Thọ - Không than van trong khi cảm xúc các loại cảm giác - Kinh Tuvataka Con Đường Mau Chóng - Tiểu I, 744

Kinh Tuvataka Con Đường Mau Chóng – *Tiểu I*, 744

Người hỏi:

915. *Con hỏi bậc Đại tiên,
Bậc bà con mặt trời,
Con đường đến viễn ly,
Con đường đến an tịnh,
Tỷ-kheo sau khi thấy,
Làm thế nào mát lạnh,
Không có sự chấp thủ,
Một vật gì ở đời?*

Thế Tôn:

916. *Thế Tôn đáp như sau:
Hãy chặt đứt hoàn toàn,
Gốc rễ các hý luận,
Mọi tư tưởng "tôi là ",
Tất cả phải chấm dứt,
Phàm có **nội ái** nào,*

*Sau khi nhiếp phục chúng,
Thường chánh niệm học tập.*

917. Phàm có loại pháp gì,
Được thắng tri hoàn toàn,
Hoặc thuộc về nội pháp,
Hay thuộc về ngoại pháp,
Chớ có làm kiên trì,
Bất cứ một pháp nào,
Trạng thái ấy không gọi,
Sự mát lạnh của tịnh.

918. Chớ có nghĩ như sau:
Cái kia là tốt hơn,
Đây là hạ liệt hơn,
Hay đây là ngang bằng,
Do phải bị xúc chạm,
Với các sắc sai biệt,
Hãy chớ để tự mình,
An trú trên vọng tưởng.

919. Hãy giữ được an tịnh,
Về phía tự nội tâm,
Tỷ-kheo không cầu tìm,
An tịnh từ chỗ khác,
Với người được an tịnh,
Từ phía tự nội tâm,

**Đã không có tự ngã,
Từ đâu có vô ngã.**

920. *Như chính giữa trung ương,
Của biển cả đại dương,
Sóng biển không có sanh,
Biển hoàn toàn đứng lặng,
Cũng vậy, này Tỷ-kheo,
Hãy đứng lặng không động,
Không tạo nên bông bột,
Đối sự gì ở đời.*

Người hỏi:

921. *Vị có **mắt rộng mở,**
Đã tuyên bố rõ ràng,
Pháp có thể chế ngự,
Mọi nguy hiểm khó khăn,
Bậc Hiền thiện **mong Ngài,**
Tuyên bố rõ con đường,
Hay về biệt giải thoát,
Hoặc về pháp thiền định?*

Thế Tôn:

922. **Chớ có những con mắt,**
Đầy đầy những tham đắm!

*Hãy chận đứng lỗ tai,
Nghe câu chuyện của làng.
Lại chớ nên đắm say,
Các mùi vị ngon lành,
Chớ xem là của ta,
Mọi sự vật ở đời!*

923. *Trong khi được cảm giác,
Với các loại cảm xúc,
Tỷ-kheo không than van,
Bất cứ một điều gì.
Vị ấy không cầu mong,
Dầu loại sanh hữu nào,
Và không có run sợ,
Rơi vào các kinh hoàng.*

924. *Các đồ ăn thân được,
Cùng với các đồ uống,
Các món ăn nhai được,
Các đồ vải mặc được,
Chớ có cất chứa chúng,
Những đồ vật nhân được,
Chớ có quá lo âu,
Nếu không thân được chúng.*

925. *Hãy tu tập thiền **định**,
Chớ làm kẻ lang thang,*

**Chớ ưa thích trạo cử,
Đừng rơi vào phóng dật,
Đối với các chỗ ngồi,
Cùng với các chỗ nằm,
Tỷ-kheo hãy an trú,
Những chỗ không tiếng động.**

926. **Ngủ** *ngủ có chừng mực,
Chớ có ngủ quá nhiều,
Hãy luôn luôn tỉnh thức,
Nỗ lực và nhiệt tâm,
Hãy từ bỏ biếng nhác,
Man trá, cười, chơi đùa,
Hãy từ bỏ dâm dục,
Bỏ ưa thích trang điểm.*

927. **Chớ có dùng** **bùa chú,**
A-thar-va Vệ-đà,
Chớ tổ chức đoán mộng,
Coi tướng và xem sao,
Mong rằng đệ tử Ta,
Không đoán tiếng thú kêu,
Không chữa bệnh không sanh,
Không hành nghề lang băm.

928. *Tỷ-kheo không run sợ,
Khi bị người chỉ trích,*

*Cũng không có cống cao,
Khi được khen tán thán,
Hãy từ bỏ tham ái,
Cùng với tánh xan tham,
Kể luôn cả phần nộ,
Cùng với nói hai lưỡi.*

929. Ty-kheo không an trú,
Trong nghề nghiệp bán buôn,
Lại không có chỉ trích,
Bất cứ tại chỗ nào,
Khi ở tại thôn làng,
Không tức giận một ai,
*Chớ có vì lợi dưỡng,
Nói chuyện với quần chúng.*

930. Ty-kheo không nên nói,
Khoa trương quá mức độ,
Và cũng không nói lời,
Có dụng ý lợi dưỡng.
*Chớ có học tập theo,
Lối sỗ sàng trâng tráo,
Chớ có thốt ra lời,
Khiêu khích xung đột ai!*

931. Chớ có bị dắt dẫn,
Rơi vào lời nói láo,

Không cố ý làm nên,
Điều man trá giả dối,
Chớ có khinh người khác,
Về vấn đề sinh mạng,
Về vấn đề trí tuệ,
Và vấn đề giới hạnh.

932. Sau khi phần uất nghe,
Nhiều ngôn từ lời lẽ,
Của các vị Sa-môn,
Hay những kẻ phàm phu,
Chớ có phản ứng họ,
Với những lời thô ác,
Bậc hiền lành an tịnh,
Không phản pháo một ai.

933. Sau khi rõ biết được,
Pháp này là như vậy,
Tỷ-kheo hãy học tập,
Sáng suốt và chánh niệm,
Rõ biết sự mát lạnh,
Được gọi bậc "an tịnh",
Chớ có sống phóng dật,
Trong lời dạy Cù-đàm.

934. Bậc đã được chiến thắng,
Không ai chiến thắng nổi

Tự mình thấy được pháp,
Không nghe theo tin đồn,
Do vậy **hãy học tập,**
Luôn luôn không phóng dật,
Với **tâm tư cung kính,**
Lời dạy đức Thế Tôn,
Thế Tôn nói như vậy.

365 Bốn niệm xứ - Trưởng lão Kelakàni - Kinh Kelakàni – Tiểu III, 379

Kelakàni – *Tiểu III*, 379 (250)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trước đức Phật ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn và đặt tên là *Kelakàni*.

Quá kinh nghiệm về những vấn đề quá khứ, ngài chán nản **dục vọng** và xuất gia làm người du sĩ ngoại đạo. Tìm sự giải thoát tinh thần, ngài giao du nhiều chỗ, nghĩ rằng ai ở đời này đã đến được bờ bên kia. Ngài hỏi rất nhiều Sa-môn và Bà-la-môn nhưng không được trả lời thỏa đáng.

Lúc bảy giờ, Thế Tôn đã ra đời, đang chuyển Pháp Luân, đem lại hạnh phúc cho chúng sanh. Một hôm, Kelakàni nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, được xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Một hôm, ngồi với các Tỷ-kheo, nhớ đến sự khó nhọc tìm đạo và chứng đạo của mình, ngài tuyên bố với chúng Tỷ-kheo như sau:

*747. Lâu ngày, đầy nhiệt tình,
Ta suy tư Chánh pháp,
Hỏi Sa-môn, Phạm chí,*

Nhưng **tâm** không an tịnh.

748. Ở đời, ai đã đến,
Đến được bờ bên kia,
Ai đã chứng đạt được,
Lặn sâu vào **bất tử**,
Pháp ai ta chấp nhận,
Pháp thông đệ nhất nghĩa.

749. Mắc lưới câu bên trong,
Như cá ăn mồi tục,
Ta bị bắt, bị trói,
Chẳng khác A-tu-la,
Tên Vô-pa-xi-li,
Bị lưới Đế Thích trói.

750. Ta kéo lê xiềng xích,
Không sao thoát sầu bi,
Ai cởi trói cho ta,
Giúp ta chứng Chánh giác.

751. Sa-môn, Phạm chí nào,
Nói cách hủy hoại chúng,
Pháp ai ta chấp nhận,
Giúp từ bỏ **già chết**,

752. Bị **nghi** hoặc trói buộc,

Bị **hăng say** chi phối,
Khiến tánh tình **phẫn nộ**,
Khiến tâm tư **cứng rắn**,
Bị xâu xé **cắt đứt**,
Bởi lòng **tham** mạnh mẽ.

753. Bị cung **ái** bắn trúng,
Ba mươi kiến trói buộc,
Xem sức mạnh ngực ta,
Bị áp đè, vẫn vững.

754. Các tùy kiến không đoạn,
Các tư niệm dao động,
Bị chúng **đâm**, ta run,
Như lá bị **gió thổi**.

755. Khởi lên từ nội tâm,
Đốt cháy nhanh ngã sở,
Thân với **sáu xúc xứ**,
Ngã hữu từ **đấy** sanh.

756. Ta không thấy **lượng y**,
Rút mũi tên cho ta,
Dùng cách khác dò tìm,
Không dùng **dao** **thăm** dò.

757. Có vị **lượng y** nào,

Không dao, không vết thương,
Không hại đến tay chân,
Rút mũi tên cho ta,
Mũi tên đã đâm vào,
Trong nội tâm của ta.

578. **Bặc Pháp chủ** tối tôn,
Loại trừ thuốc độc hại,
Khi ta rơi vực sâu,
Đưa tay giúp đỡ ta,
Tới đất liền an toàn.

759. Ta lặn sâu trong hồ,
Ầy bụi bùn không thoát,
Ầy man trá, tặc đồ,
Căng thẳng và hôn ám.

760. **Sấm trạo cử** nổ vang,
Mây kiết sử bao phủ,
Thác nước tà tư duy,
Liên hệ đến tham dục,
Chúng lôi cuốn trôi ta,
Vào đại dương tà kiến.

761. **Khắp nơi, dòng suối chảy,**
Cây leo đứng, đâm chồi,
Ai chặn đứng dòng ấy?

Ai chặt đứt cây leo?

762. Tôn giả **hãy làm đê**,
Ngăn chặn những dòng suối,
Chớ có để dòng nước,
Do ý sanh cuốn ngài,
Như dòng nước cuốn gập,
Trôi cây chảy theo dòng.

763. Cũng vậy ta sợ hãi,
Bờ này tìm bờ kia,
Khi ấy **bậc Đạo Sư**,
Có Thánh chúng hầu hạ,
Với **binh khí trí tuệ**,
Chờ y chỉ cho người.

764. Đưa ta, đang chìm đắm,
Chiếc cầu thang, khéo làm,
Phật thanh tịnh, vững chắc,
Làm bằng **lỗi Chánh pháp**,
Rồi ngài nói với ta,
Chớ có sợ hãi gì!

765. Leo lên lâu **Niệm xứ**,
Từ đây ta quán sát,
Loài Người ưa **thân kiến**,
Trước đây, ta tự hào.

766. Khi ta thấy con đường,
Con thuyền cần leo lên,
Ta không trú tự ngã,
Vì thấy **bến tối thượng**.

767. Mũi tên khởi tự ngã,
Sanh do nhân sanh hữu
Ngài dạy **đường tối thượng**,
Chấm dứt các pháp ấy.

768. **Cột gút đã lâu ngày,**
Ẩn nằm, trú trong da,
Đức Phật cười, quăng đi,
Loại bỏ mọi độc hại.

366 Bốn niệm xứ - Trưởng lão Mahà Kassapa - Kinh Mahà Kassapa – Tiểu III, 466

Mahà Kassapa – Tiểu III, 466 (261)

Bậc Đạo Sư đã ra đời, đang chuyên pháp luân và ở tại Ràjagaha (Vương Xá), khi ấy tại làng Bà-la-môn Mahàtittha ở Ràjagaha, ngài ra đời tên **Pippali-mànava**, con bà vợ chính của *Bà-la-môn Kapila*.

Pippali-mànava, không chịu lập gia đình, xin ở nhà để hầu hạ cha mẹ, sau khi cha mẹ chết, sẽ xuất gia. Để làm cho bà mẹ bằng lòng, ngài cho làm **tượng một thiếu nữ trẻ đẹp**, mặc áo đỏ và đeo đồng trang sức, và nói với bà mẹ rằng nếu bà tìm cho được một thiếu nữ như vậy, ngài sẽ chịu lập gia đình.

Bà mẹ sai các người Bà-la-môn đem theo tượng ấy và tìm cho được một thiếu nữ giống như vậy. Họ đến *Sàgala*, đặt tượng trên bờ sông và ngồi xuống xa bức tượng. Người vú của **Bhaddà**, sau khi tắm cho Bhaddà lại xuống sông tắm cho mình, thấy bức tượng, tưởng là Bhaddà và nói Bhaddà sao lại thiếu giáo dục như vậy, đánh nàng nơi má và biết được đó không phải là Bhaddà mà chỉ là một bức tượng bằng vàng. Các Bà-la-môn được đưa về nhà, được thấy

Bhaddà, nhận Bhaddà giống như bức tượng và đưa tin về Kapila.

Nhưng cả hai *Pippali-mànava* và *Bhaddà* đều không muốn lập gia đình, nên cả hai viết thư cho nhau nói rõ quyết định của mình. Hai người đưa thư gặp nhau giữa đường, đưa thư cho nhau coi, đánh tráo hai bức thư khác, và do vậy đám cưới được cử hành. Nhưng đêm tân hôn, hai người nằm cách nhau với một giấy hoa. Khi cha mẹ mệnh chung, cả hai quyết định cùng nhau xuất gia.

Hai người cùng mặc áo vàng, cắt tóc, mang bình bát, trước cùng đi với nhau, sau thấy bất tiện nên từ giã nhau, Pippali-mànava đi phía mặt, Bhaddà đi phía đường bên phía trái.

Trước giới đức như vậy, quả đất rung động, và Thế Tôn biết được nguyên nhân nên ra ngồi giữa đường từ Nalandà đến Ràjagaha. Gặp Thế Tôn, **Mahà Kassapa đánh lễ Thế Tôn, tôn Thế Tôn là bậc Thầy, tự nhận mình làm đệ tử**. Cả hai về lại Magadha và Mahà Kassapa tu tập **mười ba hạnh đầu đà**. Đến ngày thứ tám, ngài chứng quả A-la-hán.

Bậc Đạo Sư tuyên dương ngài là **đầu đà thứ nhất**. Và ngài nói lên kinh nghiệm của mình để giáo huấn các vị Tỷ-kheo.

Thấy các Tỷ-kheo ưa sống với quần chúng, và hay
đến các nhà cư sĩ, ngài nói:

1052. *Chớ du hành đi đâu,
Do quần chúng tôn xưng,
Tâm ý bị loạn động,
Thiền định khó tu chứng,
Quần chúng tụ là khổ,
Thấy vậy, tránh quần chúng.*

1053. *Bậc ẩn sĩ không đi,
Đi đến các gia đình,
Tâm ý bị loạn động,
Thiền định khó tu chứng,
Ai hằng say **tham vị**,
Bỏ đích đem an lạc.*

1054. *Đảnh lễ cúng dường này,
Xuất phát từ gia đình
Nên biết họ thực sự,
Là đám bùn sa lầy.
Như **mũi tên té nhị**,
Rất khó rút ra khỏi,
Kẻ xấu rất khó lòng,
Từ bỏ sự cung kính.*

II

Một lời khuyên các Tỷ-kheo hãy biết đủ với **bốn vật dụng** cần thiết:

1055. Từ trú xứ bước xuống,
Ta vào thành khát thực,
Ta cẩn thận đến gần,
Một người cùi đang ăn.

1056. Với bàn tay lở loét,
Nó bỏ vào một muống,
Khi bỏ vào muống ấy,
Ngón tay rời rơi vào.

1057. Dựa vào một chân tường,
Ta ăn miếng ăn ấy,
Đang ăn và ăn xong,
Ta không cảm ghê tởm.

1058. **Miếng ăn** đứng nhận được
Xem như thuốc tiêu hôi,
Chỗ nằm dưới góc cây,
Và y từ đống rác,
Ai thọ dụng chúng được,
Được gọi **người bốn phương.**

III

Về sau, khi được hỏi, sao ngài già như vậy, lại có thể hằng ngày leo lên đồi núi, ngài trả lời:

1059. Khi họ leo núi đá,
Một số bị mạng chung,
Thừa tự bậc Giác ngộ,
Tĩnh giác và chánh niệm,
Dựa trên sức thần lực,
Kassapa leo núi.

1060. Đi khát thực trở về,
Ca-diếp leo tảng đá,
Ngồi thiền, không chấp thủ,
Đoạn sợ hãi kinh hoàng.

1061. Đi khát thực trở về,
Ca-diếp leo tảng đá,
Ngồi thiền, không chấp thủ,
Đã đốt cháy, thanh lương.

1062. Đi khát thực trở về,
Ca-diếp leo tảng đá
Ngồi thiền, không chấp thủ,
Xong việc, không lâu hoặc.

IV

Sau khi được hỏi thêm, vì sao khi lớn tuổi ngài vẫn ở trên núi rừng? Trúc Lâm hay các tịnh xá không làm cho ngài thích ý chăng? Ngài trả lời:

*1063. Khu đất thật khả ái,
Với những vòng tràng hoa,
Hoa tên Ka-rê-ri,
Trải rộng ra cùng khắp,
Với voi rú khả ý,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1064. Những hồ nước trong mát,
Tuyệt đẹp, màu mây xanh,
Che kín bởi loài bọ,
Tên "kẻ chặn In-đa"
Những ngọn núi đá ấy,
Làm tâm ta thích thú.*

*1065. Giống đồi mây xanh biếc,
Vĩ tháp đẹp lâu đài,
Với vượn hú khả ý,
Đồi núi ấy, ta thích.*

*1066. Đất bằng thật khả ái,
Được mưa ướt thấm nhuần,
Đồi núi được ẩn sĩ,*

*Làm thành nơi trú xứ.
Vang lên tiếng chim công,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1067. Vừa đủ ta chánh niệm,
Hăng hái muốn tu thiền,
Vừa đủ ta Tỷ-kheo,
Hăng hái muốn phước lợi.*

*1068. Vừa đủ ta Tỷ-kheo,
Hăng hái muốn an lạc,
Vừa đủ ta Tỷ-kheo,
Hăng hái tu Du-già.*

*1069. Tràn đầy hoa cây gai,
Như trời phủ làn mây,
Đầy mọi loài chim chóc,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1070. Không đông chúng gia chủ,
Chỗ trú xứ đoàn thú,
Đầy mọi loài chim chóc,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1071. Dưới tảng đá, băng đá,
Có nước suối trong chảy,
Có khỉ và có nai,*

*Lai vãng sống gần bên,
Cỏ cây bao trùm nước,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1072. Người vậy không ưa thích,
Cả năm loại nhạc khí,
Khi đã được nhất tâm,
Chơn chánh thiền quán pháp.*

V

Khi khuyên bảo các Tỷ-kheo thích thú các tục sự, và tham các vật cúng dường cần thiết cho sự sống, ngài nói:

*1073. Chớ làm quá nhiều việc,
Tránh quần chúng đua tranh,
Người siêng tham đắm vị,
Bỏ đích đem an lạc.*

*1074. Chớ làm nhiều công việc,
Tránh việc không lợi này,
Thân cực nhọc mệt mỏi,
Người khổ không an chỉ.*

VI

Các câu kệ sau được nói lên để khuyên bảo trong một vài trường hợp:

1075. *Chỉ lấp bắp cái môi,
Không thấy được tự ngã,
Cổ cứng đòi nó đi,
Nó nghĩ: ta tốt hơn.*

1076. *Không hơn nghĩ tốt hơn,
Kẻ ngu nghĩ tự ngã,
Bậc trí không tán thán,
Người có trí cứng đòi.*

1077. *Ta tốt hơn, hay là
Ta không được tốt hơn,
Hay ta là dở hơn,
Ta cũng tốt như vậy,
**Ai không có dao động
Trong các loại mạn này.***

1078. ***Có tuệ, nói như thật,
Khéo định tĩnh trong giới,
Đạt được tâm an chỉ,
Người ấy kẻ trí khen.***

1079. *Ai giữa đồng Phạm hạnh,
Không có sự kính trọng,*

*Vị ấy xa diệu pháp,
Như đất xa bầu trời.*

*1080. Những ai có **tâm quý**,
Thường chọn chánh an trú,
Phạm hạnh được tăng trưởng,
Họ đoạn được tái sanh.*

*1081. Tỷ-kheo **cống cao, động**,
Dầu đắp y đóng rác,
Như con khỉ đội lốt,
Với da con sư tử,
Người vậy không có thể,
Chói sáng nhờ y ấy.*

*1082. **Không cống cao, không động,**
Thận trọng, cẩn chế ngự,
Chói sáng với tấm y,
Được lượm từ đóng rác,
Chẳng khác con sư tử,
Trong hang động núi rừng.*

VII

Khi thấy **chư Phạm thiên** đánh lễ ngài *Sàriputta*, và thấy Trưởng lão *Kappina* mỉm cười, ngài nói:

1083. Rất nhiều chư Thiên này,
Có thần thông, lòng danh,
Cả mười ngàn chư Thiên,
Tất cả Phạm hạnh chúng thiên.

1084. Đứng đánh lễ, chấp tay,
Đôi ngài Xá-lợi-phát,
Vị tướng quân Chánh pháp,
Sáng suốt, đại thiên định.
Đánh lễ bậc Thượng sanh,
Đánh lễ bậc Tối thượng.

1085. **Dựa vào gì, thiện tu,**
Chúng tôi không thắng trí.

1086. Kỳ diệu thay chư Phật,
Hành xứ ngài thâm sâu,
Chúng con không nghĩ được,
Dầu chúng con hội đủ,
Tài nghệ người bắn cung,
Có thể chẻ sợi tóc.

1087. Khi thấy Xá-lợi-phát
Xứng đáng được đánh lễ,
Được Phạm thiên chúng ấy,
Đánh lễ, kính như vậy,
Tôn giả Kappina,

Liền mỉm cười vui vẻ.

VIII

Trưởng lão Kassapa ***rống lên tiếng rống sư tử*** của mình:

*1088. Trong đám ruộng đệ tử,
Những vị theo đức Phật,
Ngoại trừ bậc Tối tôn,
Đại ẩn sĩ Mâu-ni,
**Ta ưu việt Đầu đà.
Không ai bằng ta được.***

*1089. Ta hầu hạ Bốn Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

*1090. Không nhiễm dính y phục
Chỗ nằm và đồ ăn,
Không thể trắc lường được,
Là con bậc Gotama!
**Như hoa sen trong sạch,
Không thể dính nước vào,
Ý thiên về xuất ly,
Thoát ly cả ba giới.***

1091. Với bậc Đại ẩn sĩ,
Cổ dựng trên **Niệm xứ,**
Tay dựa trên **Đức tin,**
Với **đầu** là **Trí tuệ**
Bậc Đại trí luôn luôn,
Hành trì thật thanh lương.

367 Bốn nạn chờ đợi người, Phóng dật theo vợ người - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 92

Phẩm Địa Ngục – *Tiểu I*, 92

306. Nói láo đọa địa ngục,
Có làm nói không làm,
Cả hai chết đồng đẳng,
Làm người, nghiệp hạ liệt.

307. Nhiều người khoác **cà sa**,
Ác hạnh không nhiếp phục,
Người ác, do ác hạnh,
Phải sanh cõi Địa ngục.

308. Tốt hơn nuốt hòn sắt,
Cháy đỏ như lửa hừng,
Hơn ác giới, buông lung,
Ăn đồ ăn quốc độ.

309. Bốn nạn chờ đợi người,
Phóng dật **theo vợ người**,
Mắc họa, ngủ không yên,
Bị chê là thứ ba,
Đọa địa ngục, thứ bốn.

310. Mắc họa, đọa ác thú,
Bị hoảng sợ, ít vui.
Quốc vương phạt trọng hình.
Vây chó theo vợ người.

311. Như cỏ sa vụng nắm,
Tất bị họa đứt tay,
Hạnh Sa môn tà vạy,
Tất bị đọa địa ngục.

312. Sống phóng dăng buông lung,
Theo giới cấm ô nhiễm,
Sống Phạm hạnh đáng nghi,
Sao chứng được quả lớn?

313. Cần phải làm, nên làm,
Làm cùng tận khả năng,
Xuất gia sống phóng dăng,
Chỉ tăng loạn bụi đời.

314. Ác hạnh không nên làm,
Làm xong, chịu khổ lụy,
Thiện hạnh, ắt nên làm,
Làm xong, không ăn năn.

315. Như thành ở biên thù,

Trong ngoài đều phòng hộ,
Cũng vậy, phòng hộ mình,
Sát na chớ buông lung,
Giây phút qua, sâu muộn.
Khi rơi vào địa ngục.

316. Không đáng **hổ**, lại hổ.
Việc đáng hổ, lại không,
Do chấp nhận tà kiến,
Chúng sanh đi ác thú.

317. Không đáng sợ, lại sợ,
Đáng sợ, lại thấy không,
Do chấp nhận tà kiến,
Chúng sanh đi ác thú.

318. Không **lỗi**, lại thấy lỗi,
Có lỗi, lại thấy không,
Do chấp nhận tà kiến,
Chúng sanh đi ác thú.

319. Có lỗi, biết có lỗi,
Không lỗi, biết là không,
Do chấp nhận chánh kiến,
Chúng sanh đi cõi lành.

368 Bốn sự thật - Trưởng lão ni - Kinh Sumedhà – Tiểu III, 716

Sumedhà – Tiểu III, 716 (73)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở thành Mantavati con gái vua Konca và được đặt tên là Sumedhà.

Khi nàng đến tuổi trưởng thành, cha mẹ nàng bằng lòng để Anikaratta, vua Vāranavati xem mắt nàng. Nhưng từ lúc nhỏ, nàng quen cùng đi với các công chúa lứa tuổi nàng, và những người hầu hạ tại tinh xá Tỷ-kheo-ni để nghe các vị này thuyết pháp, và trong một thời gian dài, vì chí nguyện lúc còn nhỏ, nên nàng sợ hãi sự sanh tử luân hồi, tâm tư thiên về đời sống xuất gia, không ưa thích các dục lạc.

Khi nghe quyết định của cha mẹ và bà con, nàng nói: *"Bốn phận của tôi không phải trong đời sống gia đình, tôi sẽ xin xuất gia"*, cha mẹ và các bà con không thể khuyên nàng từ bỏ quyết định của nàng. Nàng suy nghĩ: "Như vậy, ta sẽ được phép xuất gia", và cương quyết theo chí nguyện của mình nàng cắt tóc, và *dùng tóc ấy, theo phương pháp các Tỷ-kheo-ni thường dùng, nàng chú tâm vào tánh bất tịnh của sắc đẹp thân xác và chứng được Sơ thiền.*

Khi nàng ở trong đình Sơ thiên cha mẹ và bà con nàng đến phòng nàng để nói chuyện gả chồng cho nàng. Nhưng nàng khiến mọi người kể cả người hầu cận của vua đến để rước nàng về, cũng tin vào đạo pháp rồi nàng từ bỏ gia đình, đi đến tịnh xá Tỷ-kheo-ni để xuất gia.

Sau khi tu tập **thiền quán**, và giải thoát được chín muôi, nàng chứng quả A-la-hán với hiểu biết về nghĩa và về pháp. Rồi nghĩ đến sự thắng trận của nàng, nàng nói lên sự phấn khởi, sung sướng của nàng:

*448. Con gái vua Konca,
Với hoàng hậu chánh ngôi,
Tại Matavatì,
Được sanh Sumedha,
Hân hoan gắng thực hành,
Lời dạy bậc Đạo Sư.*

*449. Giới hạnh thuyết giảng khéo,
Nghe nhiều khéo huấn luyện,
Theo lời đức Phật dạy,
Nàng đến cha mẹ nàng,
Nói rằng: "Thưa mẹ cha,
Cả hai, hãy nghe con!".*

450. **Con hân hoan Niết-bàn,
Đầu sanh hữu Chư Thiên,
Sanh hữu ấy vô thường,
Giá trị gì các dục,
Trống không, vị ngọt ít,
Còn tàn hại thời nhiều.**

451. Các **dục** thật cay đắng,
Ví như nọc rắn độc,
Kẻ ngu mới tham đắm,
Trong các loại dục ấy.
Những ai thọ hưởng dục,
Trong một thời gian dài,
Bị khổ đau địa ngục,
Hành hạ và tàn hại.

452. Những kẻ làm nghiệp ác,
Những kẻ tâm trí ác,
Bị đau đớn sâu khổ,
Trong cảnh giới đọa xứ.
Kẻ ngu thường không nhiếp,
Chế ngự thân, khẩu, ý.

453. **Kẻ ngu có liệt tuệ,
Không tư duy quyết định,
Không ngăn chặn khổ tập,
Khi có thời thuyết pháp,**

**Không biết lo học hỏi,
Không giác tri *Thánh đế*.**

454. Những sự thật, thừa mẹ,
Phật thù thắng thuyết giảng,
Phần lớn chúng quần sanh,
Không hiểu sự thật ấy;
Họ hoan hỷ tái sanh,
Ước muốn sanh thiên giới.

455. *Sanh thiên không thường trú,
Sanh hữu là vô thường,
Kẻ ngu **không** sợ hãi,
Luôn luôn phải tái sanh.*

456. Bị sanh bốn đọa xứ,
Được sanh Thiên, Nhân giới,
Được chúng khó khăn thay,
Những ai rơi đọa xứ,
Trong cảnh giới địa ngục,
Không có sự xuất gia.

457. Mong cả hai cha mẹ,
Cho con được xuất gia,
Trong giáo pháp thuyết giảng,
Của **bậc chứng Mười lực**,
Sống thông dong nhàn hạ,

Nỗ lực đoạn sanh tử.

458. *Sao con ưa tái sanh,
Với thân tội lỗi này,
Thân trống rỗng, không lỗi,
Vì mục đích đoạn diệt,
Tham ái được tái sanh,
Xin cho con xuất gia.*

459. *Nay thời, Phật ra đời,
Phi thời đã từ bỏ,
Thời cơ nay đã đến,
Cho đến trọn đời con,
Con không làm tổn thương,
Giới luật và Phạm hạnh.*

460. *Sumedha nói vậy,
Nàng lại thừa mẹ cha.
Con nguyện không ăn uống,
Khi còn là cư sĩ,
Ở đây con sẵn sàng,
Chờ chết đến với con.*

461. *Mẹ sầu khổ, khóc than!
Cha hoàn toàn sửng sốt,
Họ gắng thuyết phục ta,
Nằm dưới đất lâu dài.*

462. *Này con hãy đứng dậy!
Có gì là sâu khổ,
Khi con được cả nước,
Varanavati,
Anikarata,
Đẹp trai, xứng đôi con.*

463. *Con sẽ là hoàng hậu,
Vợ chính Anika!
Này con, thật khó thay!
Đời sống vị xuất gia,
Giữ gìn các giới luật,
Sống đời sống Phạm hạnh.*

464. *Uy lực của vị vua,
Tiền của và quyền thế,
Sản nghiệp và hạnh phúc,
Với tuổi trẻ thanh xuân!
Hãy thọ hưởng dục lạc,
Hãy nhận lời lấy chồng.*

465. *Sumedha thừa rằng:
Thôi đừng, sự việc ấy,
Họ đi đến tái sanh,
Họ trống không, không lỗi,
Hoặc xuất gia, hoặc chết,*

Con chỉ cười như vậy.

466. *Sá gì thân hôi nhớp,
Phát mùi, gây sợ hãi,
Bao da đựng xác chết,
Rỉ chảy đờ **bất tịnh**.*

467. *Sá gì thân hôi nhớp,
Ghê tởm, lấm máu thịt,
Chỗ chứa đựng loài sâu,
Mồi ăn cho chim chóc,
Thân xác này là vậy,
Nay đem đến cho ai?*

468. *Thân thể bỏ nghĩa địa,
Không lâu, mất thức tri,
Như khúc gỗ quăng bỏ,
Bà con đều ghê tởm.*

469. *Thân ấy quăng nghĩa địa,
Làm mồi ăn kẻ khác,
Trước chúng tắm rửa sạch,
Nay chúng sinh ghê tởm,
Cha mẹ còn như vậy,
Nói gì chung quần chúng.*

470. *Họ mê thân không lỗi,*

*Ràng buộc bởi gân xương,
Đầy nước miếng, nước mắt,
Đầy phân tiểu hôi hám.*

*471. Nếu thân được mổ xẻ,
Lộn nội phần ra ngoài,
Chính mẹ phải ghê tởm,
Không chịu nổi mùi hôi.*

*472. Chính do uẩn, xứ, giới,
Tác thành các thân này,
Gốc tái sanh, đau khổ;
Họ như lý nói lên,
Hoàn toàn không vui thích.
Vậy ai, tôi muốn cưới?*

*473. Từng ngày trăm ngọn giáo,
Luôn luôn mới đâm thân,
Dẫu bị hại trăm năm,
Như vậy còn tốt hơn,
Vì khổ ấy cuối cùng,
Rồi cũng được tiêu diệt.*

*474. Kẻ trí quyết bằng lòng,
Sự giết hại như trên,
Bậc Đạo Sư dạy rằng:
Họ luân hồi dài dãi,*

Với tâm tư giết hại,
Liên tục nối tiếp nhau.

475. Trong cảnh giới Trời, Ngươi,
Bàng sanh, a-tu-la,
Ngạ quỷ và Địa ngục,
Chịu giết hại vô lượng.

476. Trong địa ngục, rất nhiều,
Kẻ tâm uế, đọa lạc,
Chỗ trú ẩn Thiên giới,
Không có lạc Niết-bàn.

477. **Những ai đạt Niết-bàn,**
Họ liên hệ mật thiết,
Với những lời thuyết dạy,
Của bậc đủ Mười lực,
Thông dong không rộn ràng,
Nỗ lực đoạn sanh tử.

478. **Thưa cha ngày hôm nay,**
Con quyết tâm ra đi,
Những tài sản rộng không,
Không có giá trị gì,
Con ghê tởm các dục,
Con chán ngấy các dục,
Họ đã được tách thành,

Như thân cây Ta-la.

479. Nàng trả lời phụ thân,
Vội lời nói như vậy.

Anikaratta,
Được hứa gả công chúa,
Đi đến gần xin cưới,
Theo như giờ hẹn định.

480. Mái tóc đen, dày mịn,
Vội gương, nàng cắt ngang,
Cửa lầu được đóng lại,
Nàng chứng được **Sơ thiên**.

481. Nàng sống trong cảnh thiên,
A-ni-ka đến thành,
Sumedha trong cung,
Tu tập **tướng vô thường**.

482. Trong khi nàng tác ý,
Vua bước lên tam cấp,
Trang sức vàng châu báu,
Chấp tay cầu xin nàng.

483. Hãy trị vì quốc độ,
Vội tiền của, uy quyền,
Vội tài sản, hạnh phúc,

Với tuổi trẻ thanh xuân,
Hãy thọ hưởng các dục,
Thật khó kiếm ở đời.

484. Ta giao nàng vương quốc,
Hưởng tài sản, bố thí,
Nàng chớ có buồn nản,
Khiến mẹ cha khổ đau.

Sumedha trả lời,
Với vua, tình vẫn đề;
Đối với nàng, các dục,
Không cầu, không si mê,
Chớ hoan hỷ các dục,
Hãy thấy dục nguy hiểm.

485. Mandhatà là vua,
Chúa bốn châu hưởng dục,
Dục lạc ấy tối thượng,
Tuy vậy khi vua chết,
Cũng chưa được thỏa mãn,
Ước vọng chưa đầy đủ.

486. Dầu có mười bảy báu,
Khắp mười phương đầy tràn,
Không có dục thỏa mãn,
Người chết, chưa thỏa mãn.

487. Các dục ví guơm giáo,
Các dục ví đầu rắn,
Ví như bó đuốc cháy,
Giống xương gặm tron tru.

488. Các dục không thường còn,
Cũng không có thường hằng,
Khổ nhiều, thuốc độc lớn,
Như hòn đạn cháy đỏ,
Nguồn gốc của bất hạnh,
Kết quả là đau khổ.

489. Dục như trái của cây,
Như miếng thịt, khổ lụy,
Giống như mộng như huyễn,
Dục như của vay mượn.

490. Dục như guơm, như cọc,
Bệnh tật và cục bứu,
Bất hạnh và dao động,
Ví như hố than hừng,
Nguồn gốc của bất hạnh,
Sợ hãi và tàn sát.

491. Như vậy, dục nhiều khổ,
Được gọi chứng ngại pháp,

*Hãy đi, từ bỏ tôi,
Khi tôi còn tái sanh,
Thời đối với tự ngã,
Tôi không có lòng tin.*

*492. Ai giúp gì tôi được,
Khi đầu tôi đang cháy,
Khi già chết bám sát,
Tôi cần phải nỗ lực,
Đối với tàn hại ấy!*

*493. Không đi đến gần cửa,
Nàng thấy mẹ và cha,
Và vua Anika,
Ngồi dưới đất khóc than,
Thấy vậy nàng tỏ lời,
Thưa mọi người như sau:*

*494. Kẻ ngu, đã lâu rồi,
Khóc luân hồi nói tiếp,
Từ vô thủy đến nay,
Khóc phải bị mệnh chung,
Khóc anh em bị giết,
Khóc tự mình bị giết.*

*495. **Hãy nhớ từ vô thủy,**
Nước mắt, sữa và máu,*

*Tuôn chảy theo luân hồi,
Không bao giờ dừng nghỉ,
Hãy nhớ các chúng sanh,
Luân hồi xương chắt đồng.*

*496. Hãy nhớ tràn bốn biển,
Đầy nước mắt, sữa, máu,
Hãy nhớ xương một kiếp,
Cao bằng Vi-pu-la.*

*497. Hãy nhớ từ vô thủy,
Không đủ để làm thành,
Cả đất nước Diêm Phù,
Những nắm mồ hột táo,
Của mẹ cha luân hồi.*

*498. Hãy nhớ từ vô thủy,
Những cỏ cây cành lá,
Không đủ để chứa đựng,
Những ghè bốn ngón tay,
Chứa người cha, luân hồi.*

*499. Hãy nhớ tới hình ảnh,
Con rùa mù biển đông,
Cho đầu nó lọt vào,
Lỗ hồng khúc cây trôi,
Để nói lên ví dụ,*

Được làm người khó vậy.

500. *Hãy nhớ thân sắc người,
Được ví bong bóng nước,
Đầy cả những bất hạnh,
Trống không không có lỗi,
Hãy thấy uẩn vô thường!
Nhớ địa ngục nhiều họa.*

501. *Hãy nhớ nghĩa địa lớn,
Nhờ tái sinh tiếp tục,
Nhờ sợ hãi thường lòng,
Hãy nhớ Bốn sự thật.*

502. *Nước bất tử có đây!,
Sao người uống trăm đắng,
Tất cả các dục lạc,
Thật trăm cay ngàn đắng.*

503. *Nước bất tử có đây!
Sao người ưa dục nào!
Mọi dục lạc đốt cháy
Sôi sùng sục nung nấu.*

504. *Đây không có kẻ thù!
Sao thích dục thù địch?
Vua lửa, trộm, nước, oán,*

Thù chung thật là nhiều.

505. Ở đây có giải thoát!
Sao để **dục** giết trói,
Trong dục có giết trói!
Mê dục nhiều khổ đau.

506. **Đuốc** cỏ đang cháy rực,
Nấm, không thả, bị đốt,
Dục ví như bó đuốc,
Đốt cháy ai không thoát.

507. **Chớ** nhận dục lạc nhỏ,
Bỏ lạc lớn rộng rãi,
Chớ như cá nuốt câu,
Sau phải chịu hoạn nạn.

508. **Hãy** nhiếp dục trong dục,
Như chó bị dây cột,
Chớ để dục ăn người,
Như dân đói ăn chó.

509. **Khổ** thật là vô lượng,
Khiến tâm nhiều ưu tư,
Người hệ lụy với dục,
Hãy bỏ dục vô thường.

510. Ở đây, không có già!
Sao theo dực bị già?
Mọi sanh ở khắp nơi,
Bị bệnh chết chi phổi.

511. **Đây không già, không chết.**
Đây con đường không già,
Không chết, không sầu não,
Không thù địch trối buộc,
Không vấp ngã sợ hãi,
Không nung nấu đọa đầy.

512. Đích này, nhiều người đạt,
Đích này là bất tử,
Nay cần phải chứng được,
Ai như lý chủ tâm,
Nếu không có nỗ lực,
Không sao chứng đạt được.
Sumedhà nói vậy,
Không thích đi đến hành,
Nàng thuyết phục được vua,
Với tóc quăng trên đất.

513. Đứng dậy A-ni-ka,
Chắp tay xin cha nàng,
Hãy cho Su-me-dha,
Được xuất gia tu học,

**Để nàng thấy cho được,
Giải thoát và chân lý.**

514. Mẹ cha cho xuất gia,
Thoát sâu, sợ, khiếp đảm,
Sáu tháng trí chứng đạt.
Chúng luôn quả tối thượng.
Dầu còn là học nữ.

515. Thật vi diệu hy hữu!
Một công chúa con vua,
Lại đạt được Niết-bàn!
Nàng nói lên như sau,
Thời **trước đời cuối cùng.**

516. Trong thời đức **Thế Tôn,**
Konagamana!
Trong trú xứ mới làm,
Tại cảnh Tăng già lam,
Với bạn là ba người,
Chúng tôi cúng tịnh xá.

517. Mười lần, một trăm lần,
Mười trăm, trăm trăm lần,
Chúng tôi sanh chư Thiên,
Còn nói gì, làm người.

518. Giữa chư Thiên chúng tôi,
Có được thân lực lớn,
Còn nói gì chúng tôi,
Khi được làm thân người,
Ta **hoàng hậu, bầy báu!**
Ta chính là **nữ báu.**

519. Đây là nhân, là nguồn
Đây chính là căn gốc,
Kham nhẫn lời Đạo Sư!
Đây dây chuyền thứ nhất,
Đây chính là Niết-bàn,
Nếu chúng ta mến pháp.

520. Như vậy với lòng tin,
Họ thuyết rõ nên lời,
Lời nói đầy trí tuệ,
Thù thắng và tối thượng
Họ chán ghét tái sanh,
Do chán ghét, tham diệt.

369 Bốn sự thật - Trưởng lão ni - Kinh Vijjaya – Tiểu III, 624

Vijjaya – Tiểu III, 624 (57)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở Rājagaha (Vương Xá) trong một gia đình thường dân, khi lớn lên nàng trở thành **bạn của Khemà**, đưa nàng trở thành Trưởng lão Ni, khi ấy còn là nữ cư sĩ.

Khi nghe Khemà xuất gia, nàng nói: "**Khemà là hoàng hậu còn xuất gia được, huống nữa là ta**". Nàng đi đến Khemà, và Khemà biết tâm nguyện căn cơ của nàng nên thuyết pháp, **khiến nàng suy tư đến sanh lão bệnh tử và tìm được an ổn trong đạo pháp.**

Rồi Khemà cho nàng xuất gia, nàng hầu hạ, học hỏi làm tròn bốn phận của mình, tu tập **thiền quán** và khi trí tuệ thuần, nàng chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ.

Rồi suy tư trên quả chứng của mình nàng nói lên sự sung sướng phấn khởi của nàng:

*169. Bốn lần và năm lần,
Ta ra khỏi tình xá,
Tâm không được an tịnh,
Không chế ngự được tâm.*

170. Ta đến Tỳ-kheo-ni,
Ta hỏi, đàm luận pháp,
Nàng thuyết pháp cho ta,
Về **giới** và về **xứ**.

171. **Bốn sự thật bậc Thánh,**
Về **các căn, các lực,**
Giác chi, Tám đường chánh,
Đạt đạo tối thượng nghĩa.

172. **Nghe lời vị ấy dạy,**
Ta làm theo giáo huấn,
Trong đêm canh thứ nhất,
Ta nhớ đến đời trước.

173. Trong đêm canh chạng giữa,
Thiên nhãn được thanh tịnh,
Trong đêm canh cuối cùng,
Khởi si ám tan tàn.

174. Từ đây ta được sống,
Biến mãn thân hỷ lạc,
Đêm thứ bảy, duỗi chân,
Khởi si ám tan tàn.

370 Bốn thiên - Trong thiên định năm chi, Thiên nhân ta thanh tịnh - Kinh Anuruddha – Tiểu III, 422

Anuruddha – Tiểu III, 422 (256)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Kapilavatthu, trong nhà dòng họ Sakya Amitodana và được đặt tên là *Anuruddha*.

Anh của ngài là *Thích-ca Mahànàma*, con người cậu của đức Phật. Ngài được nuôi dưỡng rất tế nhị, mỗi mùa ở mỗi nhà khác nhau, có các vũ nữ vũ sư đoanh vây, thọ hưởng sự giàu sang thần tiên.

Khi được gọi làm người bảo vệ cho bậc Đạo Sư, ngài đi đến đức Phật, trong rừng xoài ở Anupiyà, thọ giới xuất gia, và trong mùa an cư mùa mưa, ngài chứng **Thiên nhân**.

Nhận được đề tài thiên quán từ ngài Xá-lợi-phất. Ngài đi đến rừng trúc ở phương Đông, hành thiên quán, và **chứng được bảy tư duy của một vị Đại nhân, nhưng chưa chứng được tư duy thứ tám**. Bậc Đạo Sư nhận thấy vậy liền dạy cho ngài quá trình tu chứng của bậc Thánh. Nhớ lại lời dạy này, Anuruddha **phát triển thiên quán** và chứng quả A-la-hán cùng với **thắng trí và vô ngại giải** thù thắng.

Ngài được Thế Tôn xác nhận là **bậc Thiên nhân đệ nhất**. Và ngài sống trong an lạc giải thoát. Một hôm ôn lại quá trình tu chứng của mình, ngài hoan hỷ phân khởi, và nói lên bài kệ sau đây:

892. *Bỏ cha mẹ, bà con,
Bỏ anh em, chị em,
Bỏ năm dục trưởng dưỡng,
A-na-luật tu thiền.*

893. *Sống hệ lụy múa, ca,
Dạy với tiếng xập xỏ,
Sống vậy không đạt được,
Cảnh giới **đạo thanh tịnh**,
Vì rằng ta ưa thích,
Trong giới vực của Ma.*

894. *Và ta vượt tất cả,
Vui thích lời Phật dạy,
Vượt mọi loại bực lưu,
A-na-luật tu thiền.*

895. *Sắc, thanh, vị, hương, xúc,
Hấp dẫn, rất thích ý,
Vượt qua tất cả chúng,
A-na-luật tu thiền.*

896. Đi khát thực trở về,
Đơn độc, vị ẩn sĩ,
Tìm vãi từ đống rác,
A-na-luật đạt được,
Không còn các lậu hoặc.

897. Ẩn sĩ thâu, lượm lấy,
Giặt, nhuộm, và đắp mặc,
Các vãi từ đống rác,
Sáng suốt, A-na-luật,
Không còn các lậu hoặc.

898. **Nhiều dục, không biết đủ,
Ưa giao du, tháo động,
Những pháp này có mặt,
Thuộc tà ác, uế nhiễm.**

899. **Chánh niệm và ít dục,
Biết đủ, không nã loạn,
Thích viển ly, hân hoan,
Thường tỉnh cần tỉnh tấn.**

900. Những pháp này có mặt,
Thuần thiện **Bồ đề phần,**
Vị ấy không lậu hoặc,
Bậc Đại tiên nói vậy.

901. *Biết tâm tư ta vậy,
Thế gian Vô Thương Sư,
Với **thân do ý tạo**,
Thần thông đến với ta.*

902. *Tùy theo ta nghĩ gì,
Ngài thuyết rõ tất cả,
Phật **không ra hý luận**,
Ngài thuyết không hý luận.*

903. *Ngộ pháp ta hoan hỷ,
Trú trong giáo pháp Ngài,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

904. *Suốt **năm mươi lăm năm**,
Ta không bao giờ nằm,
Trong **hai mươi lăm năm**,
Đoạn dứt được ngủ nghỉ.*

905. *Không thở vô, thở ra,
Bạc như vậy trú tâm,
Không tham dục, tịch tịnh,
Bạc có mắt Niết-bàn.*

906. *Với **tâm không dao động**,
Sống cảm thọ cuối cùng,*

*Như ngọn lửa diệt tắt,
Tâm Ngài được giải thoát.*

*907. Nay chính những pháp này,
Là những pháp cuối cùng,
Những cảm xúc thứ năm,
Của bậc Đại Mâu-ni,
Sẽ không còn pháp khác,
Bậc Chánh giác Niết-bàn.*

Rồi một **Thiên nhân**, trước kia là người hầu cận ngài, thấy ngài già và ốm, vì lòng thương ngài, yêu cầu ngài tái sanh ở chư Thiên. Ngài trả lời như sau:

*908. Nay không còn tái sanh,
Trong thế giới chư Thiên,
Này kẻ gieo cạm bẫy.
Dòng sanh tử, đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.*

Rồi vị Tỷ-kheo khác, không thấy vị Thiên nhân, không hiểu bậc Trưởng lão nói với ai. Để nói lên thần thông của mình, ngài nói câu kệ:

*909. Ai trong thời gian ngắn,
Biết thế giới ngàn cõi,
Vị ấy thật xứng đáng,*

*Được sống giới Phạm thiên,
Nhưng nay Tỷ-kheo ấy,
Đầy đủ thần thông lực,
Thấy được thời gian nào,
Chư Thiên chết và sanh.*

Rồi ngài nói lên **ngiệp trước** của ngài:

*910. **Đời trước** ta đã sống,
Tên Annabhara,
Bản cùng, phải làm lưng,
Lo nuôi sống tự thân,
Rồi ta đến cúng dường,
Bậc Sa-môn danh tiếng,
Sa-môn với xưng danh,
Ngài Uparittha.*

*911. Rồi ta được sanh trưởng,
Trong dòng họ Thích-ca,
Ta được biết với tên,
Là Anuruddha,
Sống hệ lụy múa ca,
Dạy với tiếng xập xỏa.*

*912. Ta thấy bậc Chánh giác,
Bậc Đạo Sư vô úy,
Tín tâm khởi nơi Ngài,*

Ta xuất gia không nhà.

913. *Ta biết các đời trước,
Trước ta sống chỗ nào,
Giữa cõi **Ba mươi ba**,
Ta sanh làm **Đế Thích**.*

914. ***Bảy lần làm Nhân chủ,**
Ta trị vì quốc độ,
Ta chinh phục bốn phương,
Làm chúa châu Diêm phù,
Không dùng gậy dùng gươm,
Trị vì với Chánh pháp.*

915. *Từ đây bảy bảy lần,
Mười bốn lần luân hồi,
Ta biết được đời sống,
Khi ta trú thiên giới.*

916. Trong ***thiền định năm chi**,*
Tâm an tịnh nhất tâm,
Tâm ta được khinh an,
Thiên nhãn ta thanh tịnh.

917. Ta biết sanh và chết,
Chỗ đến đi hữu tình,
Đời này và đời khác,

Ta trú thiền năm chi.

918. *Ta hầu hạ Đạo Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

919. *Tại làng Vô-lu-và,
Giữa dân tộc Vajji,
Ta đi đến đoạn diệt,
Chấm dứt dòng sanh tử,
Dưới bóng của khóm trúc,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Không còn có lậu hoặc.*

371 Bốn thág biệt trú - Ngoại đạo xin xuất gia - Kinh Sabhiya - Tiểu I, 632

Kinh Sabhiya – *Tiểu I*, 632

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, **du sĩ Sabhiya**, một du sĩ ngoại đạo, **được một Thiên nhân trước kia là bà con huyết thống**, nói lên những câu hỏi sau đây: "*Này Sabhiya, vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, khi được hỏi những câu hỏi này, trả lời cho Ông, thời Ông hãy sống Phạm hạnh với người ấy*".

Rồi du sĩ Sabhiya, sau khi học những câu hỏi ấy từ vị Thiên nhân ấy, phàm có những Sa-môn, Bà-la-môn nào có hội chúng, có đồ chúng, bậc đạo sư đồ chúng được biết đến, có danh vọng, các ngoại đạo sư, được quần chúng ái mộ, như Pùrana Kacsapa, Makkhali Gosàla, Ajita Kesa Kambali, Pakudha Kacàyana, Sanjaya Belatthiputta, Nigantha Nàtaputta, Sabhiya đi đến các vị ấy và hỏi những câu hỏi ấy. Các vị ấy, được du sĩ Sabhiya hỏi những câu hỏi ấy, không có thể giải đáp. Do không có thể giải đáp, họ biểu lộ phản nộ, sân hận, bất mãn. Họ vặn hỏi trở lại du sĩ Sabhiya. Rồi du sĩ Sabhiya suy nghĩ

như sau: "Các vị Tôn giả, Sa-môn, Bà-la-môn ấy có hội chúng, có đồ chúng, bậc đạo sư, đồ chúng được biết đến, có danh vọng, có ngoại đạo sư, được quần chúng ái mộ, như Pùrana Kassapa... Nigantha Nàtaputta. Các vị ấy được ta hỏi những câu hỏi không có thể giải đáp. Do không có thể giải đáp, họ biểu lộ phản nộ, sân hận, bất mãn họ vẫn hỏi trở lại ta. Vậy ta hãy trở lui đời sống hạ liệt, thọ hưởng các dục".

Rồi du sĩ Sabhiya suy nghĩ như sau: "Có Sa-môn Gotama này, có hội chúng, có đồ chúng, bậc lãnh đạo hội chúng, được biết đến, có danh vọng, sáng lập ra giáo phái, được quần chúng ái mộ, vậy ta hãy đi đến Sa-môn Gotama và hỏi những câu hỏi này".

Rồi du sĩ ngoại đạo Sabhiya suy nghĩ như sau: "Các vị Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy đã già, đã lớn tuổi, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đi quá nửa đời người, đã đạt đến mức cuối tuổi thọ, là những bậc trưởng lão, được nhiều người biết đến, xuất gia đã lâu ngày, có hội chúng, có đồ chúng, bậc lãnh đạo hội chúng, được biết đến, có danh vọng, các ngoại đạo sư được quần chúng ái mộ, như Pùrana Kassapa... Nigantha Nàtaputta. Các vị ấy được ta hỏi những câu hỏi, không có thể giải đáp. Do không có thể giải đáp, họ biểu lộ phản nộ, sân hận, bất mãn. Và họ vẫn hỏi trở lại ta. Không biết Sa-môn Gotama có thể trả lời

những câu hỏi này của ta. Sa-môn Gotama còn trẻ và mới được xuất gia".

Rồi du sĩ ngoại đạo Sabhiya suy nghĩ như sau:
"Không nên gạt bỏ, không nên khinh thường một Sa-môn vì vị ấy còn trẻ tuổi, nếu vị Sa-môn còn trẻ, nhưng vị ấy có đại thần lực, đại uy lực. Vậy ta hãy đi đến Sa-môn Gotama và hỏi những câu hỏi này".

Rồi du sĩ ngoại đạo Sabhiya bộ hành ra đi đến Ràjagaha, tiếp tục bộ hành, đi đến Vương Xá Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc, đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên.

Ngồi xuống một bên du sĩ Sabhiya nói lên với Thế Tôn những bài kệ:

Sabhiya:

510. Sabhiya nói rằng:
Tôi đến, có nghi ngờ,
Hy vọng có thể hỏi,
Những câu hỏi với Ngài.
Mong Ngài chấm dứt được,
Những câu hỏi cho tôi.
Những câu được tôi hỏi,
Hãy thứ lớp giải đáp.

Thế Tôn:

511. *Thế Tôn* đáp *du sĩ*:
Ông từ xa đi đến,
Hy vọng có thể hỏi,
Nhưng câu hỏi với Ta,
Ta sẽ chấm dứt được,
Nhưng câu hỏi cho Ông,
Nhưng câu được Ông hỏi,
Ta thứ lớp giải đáp.

512. *Du sĩ Sabhiya*,
Hãy hỏi Ta câu hỏi,
Tùy theo ý Ông muốn,
Ông hỏi câu hỏi nào,
Ta sẽ chấm dứt được,
Câu hỏi ấy cho Ông.

Rồi *du sĩ Sabhiya* suy nghĩ như sau: "*Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay! Ta không bao giờ có được cơ hội, đối với các Sa-môn, Bà-la-môn khác. Nay cơ hội này được Sa-môn Gotama tạo ra cho ta, hân hoan, hoan hỷ, phấn chấn, hỷ lạc*". *Sabhiya* hỏi *Thế Tôn* câu hỏi:

Sabhiya:

513. *Sabhiya* hỏi rằng:

Tôn giả Gotama,
Do đạt được những gì,
Được gọi là Tỷ-kheo?
Nhờ gì, gọi như hòa?
Thế nào gọi chế ngự?
Và phải như thế nào,
Được gọi bậc Giác ngộ?
Được con hỏi như vậy,
Mong Thế Tôn trả lời.

Thế Tôn:

514. Thế Tôn bèn đáp lại:
Hỡi này Sabhiya,
Ai chính với con đường,
Do tự mình tạo ra,
Đi đến sự tịch mịch,
Vượt qua các nghi hoặc,
Từ bỏ, đoạn tận hẳn,
Cả hữu và phi hữu,
Phạm hạnh đã thành tựu,
Tái sanh đã đoạn tận,
Vị ấy được xưng danh,
Gọi là vị Tỷ-kheo.

515. *Vị trú xả, chánh niệm,*
Tại bất cứ chỗ nào,

Vị không làm hại ai,
Cùng khắp cả thế giới,
Vượt bậc lưu, tịnh ý,
Không có bị dao động,
Vị nào không đột khởi,
Vị ấy gọi **nhu hòa**.

516. Vị nào có các căn,
Được huấn luyện tu tập,
Cả nội và cả ngoại,
Trong tất cả thế giới,
Vị nào thông suốt được,
Đời này và đời sau,
Đúng thời, nghi điều phục,
Vị ấy gọi **chế ngự**.

517. Ai phân tích các kiếp,
Toàn diện và hoàn toàn,
Luân chuyển cả hai mặt,
Chết đi và sanh lại,
Bụi bặm được dứt sạch,
Không ứ nhiễm, thanh tịnh,
Đạt được sanh đoạn diệt,
Vị ấy gọi **Phật-đà**.

Rồi du sĩ Sabhiya, hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy,
hoan hỷ, hân hoan, phấn khởi, phát sanh hỷ tâm, liền
hỏi Thế Tôn thêm câu nữa.

Sabhiya:

518. Sabhiya hỏi rằng:

Tôn giả Gotama,

Do đạt được những gì,

Được gọi là Bà-la-môn?

Nhờ gì, gọi Sa-môn?

Thế nào là tắm sạch?

Và phải như thế nào?

Được gọi là voi chúa?

Được con hỏi như vậy,

Mong Thế Tôn trả lời.

Thế Tôn:

519. Thế Tôn liền đáp lại:

Hỡi này Sabhiya,

Ai loại khỏi ra ngoài,

Tất cả các ác pháp,

Không uế, khéo định tĩnh,

Kiên trì, vững an trú,

Vượt qua được luân hồi,

Hoàn toàn về mọi mặt,

*Không y chỉ vị ấy,
Được gọi **Bà-la-môn**.*

520. *Được an tịnh, tịch tịnh,
Đoạn tận cả thiện ác,
Không cấu uế, rõ biết,
Đời này và đời sau,
Chế ngự và nhiếp phục,
Cả vấn đề sanh tử,
Vị đức tánh như vậy,
Được gọi là **Sa-môn**.*

521. *Ai gột sạch, tắm sạch,
Tất cả các ác pháp,
Kể cả trong lẫn ngoài,
Khắp tất cả thế giới,
Giữa chư Thiên, loài Người,
Bị thời kiếp chi phối,
Không rơi vào thời kiếp,
Được gọi đã **tắm sạch**.*

522. *Ai không làm điều ác,
Mọi điều ác ở đời,
Tất cả các kiết sử,
Không dính mắc, trói buộc,
Khắp tất cả mọi nơi,
Không dính, không trói buộc,*

*Vị đức tánh như vậy,
Được gọi là **voi chúa**.*

Rồi du sĩ Sabhiya lại hỏi thêm câu nữa:

Sabhiya:

523. Sabhiya hỏi rằng:

Tôn giả Gotama,

Thế nào chư Phật gọi

Vị chiến thắng đất ruộng?

*Do gì, gọi là **thiện**?*

*Thế nào gọi **bậc trí**?*

Và phải như thế nào

*Được gọi là **ẩn sĩ**?*

Được con hỏi như vậy,

Mong Thế Tôn trả lời.

Thế Tôn:

524. Thế Tôn bèn đáp lại:

Hỡi này Sabhiya,

Ai quán sát nhiếp phục,

Ruộng đất thật toàn diện,

Chư Thiên và loài Người,

Là đất ruộng Phạm thiên,

Giải thoát được trói buộc,

*Cội gốc mọi đất ruộng,
Vị đức tánh như vậy,
Được gọi **thắng đất ruộng**.*

525. *Ai quán sát nhiếp phục,
Kho tàng thật toàn diện,
Chư Thiên và loài Người,
Là đất ruộng Phạm thiên,
Giải thoát được trói buộc,
Cội gốc mọi kho tàng,
Vị đức tánh như vậy,
Được gọi **vị thiện xảo**.*

526. *Ai quán sát nhiếp phục,
Cả hai tâm và ý,
Cả nội và cả ngoại,
Về trí tuệ thanh tịnh,
Nhiếp phục chế ngự được,
Các pháp đen và trắng,
Vị đức tánh như vậy,
Được gọi **bậc Hiền trí**.*

527. *Sau khi đã biết được,
Pháp bất thiện, pháp thiện,
Cả nội và cả ngoại,
Trong tất cả thế giới,
Vị ấy được cúng dường,*

*Chư Thiên và loài Người,
Vượt qua lưới trời buộc,
Vị ấy gọi **ân sĩ**.*

Rồi du sĩ Sabhiya... lại hỏi Thế Tôn thêm câu hỏi nữa:

Sabhiya:

528. Sabhiya hỏi rằng:

Tôn giả Gotama,

Do đạt được những gì

Được gọi **bậc có trí**?

Nhờ gì, gọi **tùy trí**?

Thế nào xưng **tinh tấn**?

Thế nào được danh xưng,

Là vị đã **thuần thực**?

Được con hỏi như vậy,

Mong Thế Tôn trả lời.

Thế Tôn:

529. Thế Tôn liền đáp lại:

Hỡi này Sabhiya,

Ai quán sát Vệ-đà,

Hoàn toàn và toàn diện,

Được Sa-môn, Phạm chí,

Đạt được rất đầy đủ,
Vị ấy gọi ly tham,
Trong tất cả cảm thọ,
Do vượt qua Vê-đà,
Được gọi **bậc Vê-đà**.(???)

530. *Do quán sát, quán triệt,
Các hý luận, danh sắc,
Kể cả nội và ngoại,
Về cội gốc bệnh hoạn,
Vị ấy thoát trói buộc,
Cội gốc các bệnh hoạn,
Vị đức tánh như vậy,
Được gọi **vị rõ biết**.*

531. *Vị ở đời từ bỏ,
Tất cả các pháp ác,
Với tinh tấn vượt qua,
Mọi khổ đau địa ngục,
Vị ấy có tinh tấn,
Có tinh cần, siêng năng,
Vị đức tánh như vậy,
Được gọi **vị có trí**. (???)*

532. *Với ai các trói buộc,
Bị đứt đứt, huỷ hoại,*

*Nguồn gốc các tham ái,
Vị ấy được giải thoát,
Khỏi tất cả gốc tham,
Vị đức tánh như vậy,
Được gọi **vị thuần thực**.*

Rồi du sĩ Sabhiya.. lại hỏi Thế Tôn thêm câu hỏi nữa:

Sahiya:

533. Sabhiya hỏi rằng:
Tôn giả Gotama,
Do đạt được những gì,
Được gọi **vị được nghe?**
Nhờ gì, gọi **bậc Thánh?**
Sở hành như thế nào,
Như thế nào được tên,
Là một người **du sĩ?**
Được con hỏi như vậy,
Mong Thế Tôn trả lời.

Thế Tôn:

534. Thế Tôn bèn đáp lại:
Hỡi này Sabhiya!
*Do ở đời được nghe,
Thắng tri tất cả pháp,*

Pháp có lỗi, không lỗi,
Phạm mọi pháp ở đời,
Là vị đã chiến thắng,
Đoạn nghi, được giải thoát,
Trọn vẹn không dao động,
Được gọi, **vị có nghe.**

535. Sau khi đoạn, chặt đứt,
Mọi lậu hoặc chấp trước,
Vị ấy sau khi biết,
Không đi đến thai tạng,
Đoạn trừ và từ bỏ,
Ba loại tướng bần nhơ,
Không đi vào thời kiếp,
Được gọi là **bậc Thánh.**

536. Vị nào ở nơi đây,
Thành tựu các giới hạnh,
Thiện xảo mọi lãnh vực,
Rõ biết được Chánh Pháp,
Cùng khắp cả mọi nơi,
Không chấp trước, giải thoát,
Không sân hận một ai,
Được gọi là **có hạnh.**

537. Ai không làm các nghiệp,
Đưa đến quả đau khổ,

*Phía trên và phía dưới,
Bề ngang và chặng giữa,
Sống với sự liễu tri,
Từ bỏ, không chấp nhận,
Man trá và kiêu mạn,
Tham ái và phần nộ,
Làm cho đến cùng tận,
Cả danh và cả sắc,
Vị này đã đạt được,
Tên gọi là **du sĩ**.*

Rồi du sĩ Sabhiya hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, hoan hỷ, hân hoan, phấn chấn, hỷ duyệt sanh khởi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thương y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn, trước mặt Thế Tôn, thốt lên những câu kệ thích đáng:

538. Ôi, **bậc tuệ rộng lớn!**
*Nhiếp phục sự tụ họp,
Các Sa-môn tranh luận,
Có đến sáu (mười) ba thuyết,
Các ngôn thuyết văn tự,
Y đây các tướng khởi,
Vị ấy vượt qua được,
Dòng nước mạnh sanh tử.*

539. Ngài đi đến tận cùng,

Đến bờ kia đau khổ,
Bạc La-hán, Chánh Giác,
Con nghĩ Ngài lâu tận,
Ngài chói sáng, thông minh.
Vội trí tuệ rộng lớn,
Ngài đoạn tận đau khổ,
Đưa con qua bờ kia.

540. Ngài thấy, Ngài biết rõ,
Những điều con nghi ngờ,
Ngài giúp con vượt qua,
Con xin đánh lễ Ngài,
Bạc ẩn sĩ đạt được,
Con đường thật an tịnh,
Ôi, bà con mặt trời!
Không hoang vu, nhu hòa.

541. Điều xưa con nghi ngờ,
Đều được Ngài giải đáp,
Ôi, bậc có Pháp nhãn!
Ngài thật là ẩn sĩ,
Bạc Chánh Đẳng, Chánh Giác,
Ngài không còn triền cái.

542. Vội Ngài, mọi ưu não,
Được phá tan, đoạn diệt,
Ngài tịnh tịch, chế ngự,

Tâm kiên trì, thành thực.

543. *Ngài là bậc long tượng,*

Trong các hàng long tượng,

Ngài là đại anh hùng,

Chư Thiên đều hoan hỷ,

Cả hai Nàrada,

Và cả Pabbatà,

Đều hoan hỷ tín thọ,

Lời thuyết giảng của Ngài.

544. *Chúng con xin đánh lễ,*

Con người thuần thực nhất,

Chúng con xin đánh lễ,

Con người tối thượng nhất,

Trong cảnh giới Trời, Người,

Không ai sánh được Ngài.

545. *Ngài chính là Đức Phật,*

Ngài chính là Đạo Sư,

Ngài là bậc ẩn sĩ,

Đã chiến thắng Ác ma,

Ngài chặt đứt tùy miên,

Đã vượt qua sanh tử,

Ngài giúp chúng sanh này,

Vượt qua bể sanh tử.

546. Ngài vượt khỏi sanh y,
Ngài phá tan lậu hoặc,
Ngài là **bậc sư tử**,
Không chấp thủ, chấp trước,
Mọi sợ hãi, hoảng hốt,
Ngài đoạn tận, trừ diệt.

547. Như hoa sen tươi đẹp,
Nước không thể dính vào,
Cũng vậy cả thiện ác,
Cả hai không dính Ngài,
Ôi anh hùng vĩ đại,
Xin Ngài đuổi chân ra,
Sabhiya chúng con,
Đánh lễ bậc Đạo Sư.

Rồi du sĩ Sabhiya lấy đầu đánh lễ chân Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn!... Con xin quy y Thế Tôn, Pháp và chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cho con được xuất gia với Thế Tôn, mong cho con thọ đại giới.

- Nay Sabhiya, ai trước kia thuộc ngoại đạo, nay xin xuất gia, xin thọ đại giới trong Pháp Luật này cần phải sống biệt trú trong bốn tháng. Sau bốn tháng, nếu tâm các Tỷ-kheo thỏa thuận, có thể cho vị ấy

xuất gia, cho thọ đại giới để thành vị Tỷ-kheo. Nhưng ở đây, Ta biết sự sai biệt giữa các chúng sanh.

- Bạch Thế Tôn, nếu những ai trước kia thuộc ngoại đạo, nay xin xuất gia, xin thọ đại giới trong Pháp Luật này, sống biệt trú bốn tháng. Sau bốn tháng, nếu tâm các Tỷ-kheo thỏa thuận, có thể cho vị ấy xuất gia, cho thọ đại giới để thành vị Tỷ-kheo, con sẽ sống biệt trú bốn năm. Sau bốn năm, nếu tâm con thỏa thuận hãy cho xuất gia, cho con thọ đại giới để trở thành Tỷ-kheo.

Du sĩ Sabhiya được xuất gia với Thế Tôn, được thọ đại giới... rồi Tôn giả Sabhiya trở thành một vị A-la-hán.

372 Bốn đôi tám vị - Kinh Châu Báu - Tiểu I, 14

Kinh **Châu Báu** – Tiểu I, 14 (Ratana Sutta)

10. Phàm ở tại đời này,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không,
Mong rằng mọi sanh linh,
Được đẹp ý vui lòng,
Vậy, hãy nên cẩn thận,
Lắng nghe lời dạy này.

11. Do vậy các sanh linh,
Tất cả hãy chú tâm,
Khởi lên lòng từ mẫn,
Đối với thấy mọi loài,
Ban ngày và ban đêm,
Họ đem vật cúng dường,
Do vậy không phóng dật,
Hãy giúp hộ trì họ.

12. *Phàm có tài sản gì,
Đời này hay đời sau,
Hay ở tại thiên giới,
Có châu báu thù thắng,
Không gì sánh bằng được,*

Với **Như Lai Thiện Thệ**,
Như vậy, nơi Đức Phật,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

13. **Đoạn diệt và ly tham**,
Bất tử và thù diệu,
Phật Thích-ca Mâu-ni,
Chứng Pháp ấy trong thiền,
Không gì sánh bằng được,
Với Pháp thù diệu ấy,
Như vậy, nơi Chánh Pháp,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

14. Phật, Thế Tôn thù thắng,
Nói lên lời tán thán,
Pháp thù diệu trong sạch,
Liên tục không gián đoạn,
Không gì sánh bằng được,
Pháp thiền vi diệu ấy,
Như vậy, nơi Chánh Pháp,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

15. **Tám vị bốn đôi** này,

Được bậc thiện tán thán.
Chúng đệ tử Thiện Thệ,
Xứng đáng được cúng dường.
Bồ thí các vị ấy,
Được kết quả to lớn.
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

16. Các vị lòng ít dục,
Với ý thật kiên trì,
Khéo liên hệ mật thiết,
Lời dạy Gô-ta-ma!
Họ đạt được quả vị,
Họ **thể nhập bất tử**,
Họ chứng đắc dễ dàng,
Hưởng thọ sự tịch tịnh,
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

17. Như cây trụ cột đá,
Khéo y tựa lòng đất,
Dầu có gió bốn phương,
Cũng không thể dao động,
Ta nói bậc Chơn nhân,

Giống như thí dụ này,
Vị thể nhập với tuệ,
Thấy được những **Thánh đế**,
Như vậy, nơi **Tăng chúng**,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

18. *Những vị khéo giải thích,
Những sự thật Thánh đế,
Những vị khéo thuyết giảng,
Với trí tuệ thâm sâu.*
Dầu họ có hết sức,
Phóng dật không chế ngự,
Họ cũng không đến nổi,
Sanh hữu lần thứ tám,
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

10. *Vị ấy nhờ đầy đủ,
Với chánh kiến sáng suốt,
Do vậy có ba pháp,
Được hoàn toàn từ bỏ,*
Thân kiến và nghi hoặc,
Giới cấm thủ cũng không,
Đối với bốn đọa xứ,

Hoàn toàn được giải thoát.
Vị ấy không thể làm,
Sáu điều ác căn bản,
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

11. Dầu vị ấy có làm,
Điều gì ác đi nữa,
Vớ thân hay vớ lời,
Kể cả vớ tâm ý,
Vị ấy không có thể,
Che đậy việc làm ấy,
Việc ấy được nói rằng,
Không thể thấy ác đạo.
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

12. Đẹp là những cây rừng,
Có bông hoa đầu ngọn,
Trong tháng hạ nóng bức,
Những ngày hạ đầu tiên,
Pháp thù thắng thuyết giảng,
Được ví dụ như vậy,
Pháp đưa đến Niết Bàn,

Pháp hạnh phúc tối thượng,^[SEP]
Nhu vậy, nơi Đức Phật,^[SEP]
Là châu báu thù diêu,
^[SEP]Mong với sự thật này,
^[SEP]Được sống chơn hạnh phúc.

13. Cao thượng biết cao thượng,^[SEP]
Cho đem lại cao thượng,^[SEP]
Bậc Vô thượng thuyết giảng,^[SEP]
Pháp cao thượng thù thắng,^[SEP]
Nhu vậy nơi đức Phật,^[SEP]
Là châu báu thù diêu,^[SEP]
Mong với sự thật này,^[SEP]
Được sống chơn hạnh phúc.

14. Nghiệp cũ đã đoạn tận,^[SEP]
Nghiệp mới không tạo nên,^[SEP]
Với tâm tư từ bỏ,^[SEP]
Trong sanh hữu tương lai,^[SEP]
Các hột giống đoạn tận,^[SEP]
Ước muốn không tăng trưởng,^[SEP]
Bậc trí chứng Niết Bàn,^[SEP]
Ví như ngọn đèn này,^[SEP]
Nhu vậy, nơi Tăng chúng,^[SEP]
Là châu báu thù diêu,^[SEP]
Mong với sự thật này,^[SEP]
Được sống chơn hạnh phúc.

15. Phàm ở tại đời này,^[SEP]

Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không,
Hãy đánh lễ Đức Phật,
Đã như thực đến đây,
Được loài Trời, loài Người,
Đánh lễ và cúng dường,
Mong rằng, với hạnh này,
Mọi loài được hạnh phúc.

16. Phàm ở tại nơi này,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không,
Hãy đánh lễ Chánh pháp,
Đã như thực đến đây,
Được loài Trời, loài Người,
Đánh lễ và cúng dường,
Mong rằng với hạnh này,
Mọi loài được hạnh phúc.

17. Phàm ở tại đời này,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không,
Hãy đánh lễ chúng Tăng,
Đánh lễ và cúng dường,
Mong rằng với hạnh này,

Mọi loài được hạnh phúc.

373 Bồ tát - 7 năm tu tập Từ tâm - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 312

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 312 (Ek III, 2) (It. 14)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Này các Tỷ-kheo, **chớ có sợ hãi các công đức. Này các Tỷ-kheo, công đức là đồng nghĩa với an lạc, cái gì khả lạc, khả hỷ, khả ái, khả ý, tức là công đức.***

Này các Tỷ-kheo, Ta thắng tri thọ hưởng quả dị thực, khả lạc, khả hỷ, khả ái, khả ý trong một thời gian dài của các công đức đã làm trong một thời gian dài.

- Sau khi **tu tập từ tâm trong bảy năm**, Ta đã không trở lui lại đời này trong bảy tăng kiếp và hoại kiếp.
- Trong thời kỳ kiếp tăng, Ta là chư Thiên Quang Âm.
- Trong thời kỳ kiếp giảm, Ta sanh trong lâu đài trống không ở Phạm Thiên. Tại đây Ta là Phạm Thiên, Đại Phạm Thiên bậc chinh phục, bậc không bị ai chinh phục, bậc nhìn thấy tất cả, bậc có quyền lực.

- Nay các Tỷ-kheo, ba mươi sáu lần Ta đã là Thiên chủ Đế Thích.
- Nhiều trăm lần, Ta đã làm vua, vị vua Chuyển Luân, trị vì đúng pháp, bậc Pháp vương, bậc chiến thắng bốn phương, bậc đã đạt được sự an ổn trong quốc độ, bậc đầy đủ bảy báu. Còn nói gì khi Ta là vị vua ở địa phương.

Này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: *"Quả này là do nghiệp nào Ta đã làm, là quả dị thực của nghiệp nào mà nay, Ta được đại thân lực như vậy, đại uy lực như vậy?"* Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: "Đây là quả ba nghiệp Ta đã làm, là quả dị thực của ba nghiệp, do vậy Ta nay được đại thân lực như vậy, đại uy lực như vậy. Tức là **bố thí, nhiếp phục, chế ngự**".

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Hãy để cho vị ấy,
 Học tập về công đức,
 Công đức là lạc căn,
 Tối thượng trong tương lai,
**Hãy tu tập bố thí,
 Sống nếp sống an tịnh,
 Và tu tập từ tâm.**
 Sau khi đã tu tập,
 Các pháp này như vậy,*

*Tức là cả ba pháp,
Khiến an lạc sanh khởi,
Bậc Hiền trí được sanh
Trong thế giới an lạc,
Thế giới không sân hận.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

374 Bồ tát - Kinh Mahàpajàpatì Gotamì – Tiểu III, 619

Mahàpajàpatì Gotamì – *Tiểu III*, 619 (55)

Trước khi bậc Đạo Sư ra đời, nàng được sanh ở Devadaha, trong gia đình Mahà-Supphabuddha. **Tên gia đình của nàng là Gotama, và nàng là em gái của Mahàmàya.** Các thầy đoán tướng tiên đoán rằng các người con của hai chị em sẽ là vị chuyển luân vương. Vua Suddhodana, khi đến tuổi trưởng thành, cưới cả hai chị em.

Sau đó, bậc Đạo Sư đản sanh, và trong khi chuyển pháp luân, ngài đi đến Vesàli, và phụ vương được quả A-la-hán mệnh chung.

Rồi Mahàpajàpatì muốn xuất gia, xin phép bậc Đạo Sư nhưng không được chấp nhận. Rồi nàng cắt tóc, đắp y, và sau thời giảng kinh về tinh cần nỗ lực, **nàng ra đi với năm trăm Thích-ca nữ mà các người chồng đã xuất gia,** đi đến Vesàli, và xin bậc Đạo Sư cho xuất gia, với sự can thiệp của Tôn giả Ananda. Bậc Đạo Sư chấp nhận và dạy **Tám kinh pháp** cho các Tỷ-kheo-ni.

Sau khi xuất gia, Mahàpajàpatì đến yết kiến đức Phật và đứng một bên Ngài thuyết pháp cho nàng, và nàng

tỉnh cần tỉnh tấn chứng được quả A-la-hán với trí tuệ trực giác và phân tích. Năm trăm Tỷ-kheo-ni, sau khi nghe Nandaka giáo giới, chứng được **sáu thắng trí**.

Một ngày kia, khi bậc Đạo Sư ngồi giữa Thánh chúng tại tinh xá Jetavana (Kỳ Viên), Ngài xác nhận Mahàpajàpati là **vị có kinh nghiệm đệ nhất, sống hưởng thọ hạnh phúc giải thoát, Niết-bàn**. Để nói lên lòng biết ơn của mình, Mahàpajàpati tuyên bố chánh trí của mình trước mặt Thế Tôn, tán thán hạnh đức của Ngài đã giúp đỡ hộ trì cho nàng mà trước đây nàng không được gặp:

157. *Bậc Giác ngộ anh hùng!*

*Con xin đánh lễ Ngài,
Ngài là bậc Tối thượng,
Giữa mọi loài chúng sanh,
Ngài giải khổ cho con,
Cùng rất nhiều người khác.*

158. *Liễu tri mọi đau khổ,
Gột sạch nhân khát ái,
Con đường Thánh tám ngành,
Đoạn diệt, ta chứng ngộ.*

159. *Trước ta sống là mẹ,
Là con, là cha, anh,*

Là ông nội, ông ngoại,
Đời sống trước là vậy,
Không rõ biết như thật,
Luân hồi, tìm không gặp.

160. **Nay ta thấy Thế Tôn,**

Thân này thân tối hậu,

Sanh tử được đoạn tận,

Nay không còn tái sanh.

Siêng, tinh cần nỗ lực,

Thường, kiên trì tinh tấn,

Hãy thắng đệ tử Phật,

Hòa hợp, đánh lễ Ngài.

Vì hạnh phúc nhiều người,

Ma-yà sanh Cù-đàm,

Giải tỏa nhóm khổ đau,

Cho người bị bệnh chết.

375 Bồ tát xuất gia khi hai mươi chín tuổi - Kinh Anna Kondanna – Tiểu III, 360

Anna Kondanna – *Tiểu III*, 360 (246)

Sanh trước Thế Tôn tại làng Donavatthu, không xa Kapilavatthu bao nhiêu, trong một gia đình Bà-la-môn rất giàu có, ngài được gọi với tên gia tộc là **Kondanna**.

Lớn lên, ngài biết ba tập Vệ-đà và giỏi về đoán tướng. Khi bậc Bồ-tát mới sanh, ngài là một trong tám vị Bà-la-môn được mời đến *đoán tướng*. Dầu ngài mới học nghề, ngài thấy các tướng của bậc Đại nhân trên đũa bé và nói, vị này sau sẽ thành Phật. Rồi ngài sống, chờ đợi vị Bồ-tát xuất gia.

Khi vị Bồ-tát xuất gia, lúc *hai mươi chín* tuổi, Kondanna được nghe tin, liền xuất gia với bốn vị Bà-la-môn đoán tướng khác, như Vappa v.v... và trong *sáu năm* sống ở Uruvelà, gần vị Bồ-tát, khi vị Bồ-tát đang tu khổ hạnh. Lúc vị Bồ-tát không tu khổ hạnh nữa, các vị này chán chường bỏ đi đến Isipatana (chư Tiên đạo xứ).

Rồi đức Phật đến Isipatana, thuyết **kinh Chuyển Pháp Luân** cho họ, và Kondanna cùng hàng vạn Phạm Thiên chứng được Sơ quả. Đến *ngày*

thứ năm, nhờ bài **kinh "Vô Ngã Tướng"**, Kondanna chứng quả A-la-hán.

Bậc Đạo Sư trong buổi họp Tăng chúng ở tinh xá Kỳ Viên, đã xác chứng ngài là **bậc Đệ nhất** trong các hàng Tăng chúng Tỷ-kheo (Xem. Ang. i. 26).

Và trong một trường hợp khi Kondanna giảng về **Bốn sự thật**, đề cập đến ba tướng: Vô thường, Khổ, Vô ngã, với những phương pháp sai biệt, dựa trên Niết-bàn và giảng với sự lưu loát của đức Phật. Bài giảng ảnh hưởng mạnh mẽ đến Sakka (Đế Thích) khiến vị này thốt lên những bài kệ:

673. *Ta bội phần hân hoan,
Được nghe pháp vị lớn,
Pháp được giảng ly tham,
Hoàn toàn không chấp thủ.*

Trong một trường hợp khác, thấy tâm tư của một số người còn bị chi phối năng nề bởi tà kiến, nên ngài nói lên bài kệ như sau:

674. *Trên thế giới đất tròn,
Nhiều màu sắc hình tướng,
Làm say đắm tâm tư,
Ta nghĩ là như vậy,
Tướng tịnh rất hấp dẫn,*

Liên hệ đến tham dục.

675. *Như gió thổi tung bụi,
Được mây trần áp xuống,
Các **tư duy** lắng dịu,
Khi thấy, với trí tuệ.*

676. *Mọi hành là **vô thường**,
Khi thấy với trí **tuệ**,
Vị ấy nhằm chán khổ,
Đây **con đường đến tịnh**.*

677. *Mọi hành là **đau khổ**,
Khi thấy với trí tuệ,
Vị ấy nhằm chán khổ,
Đây **con đường đến tịnh**.*

678. *Mọi pháp là **vô ngã**,
Khi thấy với trí **tuệ**,
Vị ấy nhằm chán khổ,
Đây **con đường đến tịnh**.*

Rồi ngài nêu rõ, ngài đã chứng được thiền quán ấy,
và nói lên chánh trí, ngài nói rằng:

679. *Trưởng lão Kondanna,
Giác ngộ bởi giác ngộ,*

Đã sắc bén thoát ly,
Đoạn tận sanh và chết,
Và đời sống Phạm hạnh,
Được hoàn toàn viên mãn.

680. Hoặc bộc lưu, bấy mỗi,
Hoặc cột trụ vững chắc,
Ngọn núi khó phá hoại,
Sau khi chặt phá xong,
Cột trụ và bấy mỗi,
Chặt tảng đá khó phá,
Hành thiên, vượt bờ kia,
Thoát khỏi Ma trói buộc.

681. Tỷ-kheo hoảng hốt động,
Đi đến các bạn ác,
Chìm trong bộc lưu lớn,
Bị sóng lớn ngập tràn.

682. **Bậc trí không hoảng hốt,
Không dao động, thận trọng,
Các căn khéo chế ngự,
Làm bạn với kẻ thiện,
Bậc trí tuệ như vậy,
Có thể đoạn đau khổ.**

683. Một người đen, gây mòn,

*Yếu ồm, đầy đường gân,
Tiết độ trong ăn uống,
Tâm tư không ưu não.*

*683. Trong rừng núi rộng lớn,
Bị muỗi ruồi đốt cắn,
Như con voi lâm trận,
Ta chánh niệm, chịu đựng.*

*684. Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Như thợ làm việc xong.*

*685. Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Tỉnh giác, giữ chánh niệm.*

*686. Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy, làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhổ sạch.*

*687. Vì mục đích xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy, ta đạt,*

Ta cần gì ở rừng.

376 Bồ đề phần - Kinh Anuruddha – Tiểu III, 422

Anuruddha – Tiểu III, 422 (256)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Kapilavatthu, trong nhà dòng họ Sakya Amitodana và được đặt tên là *Anuruddha*.

Anh của ngài là *Thích-ca Mahànàma*, con người cậu của đức Phật. Ngài được nuôi dưỡng rất tế nhị, mỗi mùa ở mỗi nhà khác nhau, có các vũ nữ vũ sư đoanh vây, thọ hưởng sự giàu sang thần tiên.

Khi được gọi làm người bảo vệ cho bậc Đạo Sư, ngài đi đến đức Phật, trong rừng xoài ở Anupiyà, thọ giới xuất gia, và trong mùa an cư mùa mưa, ngài chứng **Thiên nhãn**.

Nhận được đề tài thiên quán từ ngài Xá-lợi-phất. Ngài đi đến rừng trúc ở phương Đông, hành thiên quán, và **chứng được bảy tư duy của một vị Đại nhân, nhưng chưa chứng được tư duy thứ tám**. Bậc Đạo Sư nhận thấy vậy liền dạy cho ngài quá trình tu chứng của bậc Thánh. Nhớ lại lời dạy này, Anuruddha **phát triển thiên quán** và chứng quả A-la-hán cùng với **thắng trí và vô ngại giải** thù thắng.

Ngài được Thế Tôn xác nhận là **bậc Thiên nhân đệ nhất**. Và ngài sống trong an lạc giải thoát. Một hôm ôn lại quá trình tu chứng của mình, ngài hoan hỷ phân khởi, và nói lên bài kệ sau đây:

892. *Bỏ cha mẹ, bà con,
Bỏ anh em, chị em,
Bỏ năm dục trưởng dưỡng,
A-na-luật tu thiền.*

893. *Sống hệ lụy múa, ca,
Dạy với tiếng xập xỏa,
Sống vậy không đạt được,
Cảnh giới **đạo thanh tịnh**,
Vì rằng ta ưa thích,
Trong giới vực của Ma.*

894. *Và ta vượt tất cả,
Vui thích lời Phật dạy,
Vượt mọi loại bực lưu,
A-na-luật tu thiền.*

895. *Sắc, thanh, vị, hương, xúc,
Hấp dẫn, rất thích ý,
Vượt qua tất cả chúng,
A-na-luật tu thiền.*

896. Đi khát thực trở về,
Đơn độc, vị ẩn sĩ,
Tìm vải từ đồng rác,
A-na-luật đạt được,
Không còn các lậu hoặc.

897. Ẩn sĩ thâu, lượm lấy,
Giặt, nhuộm, và đắp mặc,
Các vải từ đồng rác,
Sáng suốt, A-na-luật,
Không còn các lậu hoặc.

898. **Nhiều dục, không biết đủ,
Ưa giao du, tháo động,
Những pháp này có mặt,
Thuộc tà ác, uế nhiễm.**

899. **Chánh niệm và ít dục,
Biết đủ, không nã loạn,
Thích viễn ly, hân hoan,
Thường tinh cần tinh tấn.**

900. Những pháp này có mặt,
Thuần thiện **Bồ đề phần,**
Vị ấy không lậu hoặc,
Bậc Đại tiên nói vậy.

901. Biết tâm tư ta vậy,
Thế gian Vô Thường Sư,
Với **thân do ý tạo**,
Thần thông đến với ta.

902. Tùy theo ta nghĩ gì,
Ngài thuyết rõ tất cả,
Phật **không ra hý luận**,
Ngài thuyết không hý luận.

903. Ngộ pháp ta hoan hỷ,
Trú trong giáo pháp Ngài,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

904. Suốt **năm mươi lăm năm**,
Ta không bao giờ nằm,
Trong **hai mươi lăm năm**,
Đoạn dứt được ngủ nghỉ.

905. Không thở vô, thở ra,
Bạc như vậy trú tâm,
Không tham dục, tịch tịnh,
Bạc có mắt Niết-bàn.

906. Với **tâm không dao động**,
Sống cảm thọ cuối cùng,

*Như ngọn lửa diệt tắt,
Tâm Ngài được giải thoát.*

*907. Nay chính những pháp này,
Là những pháp cuối cùng,
Những cảm xúc thứ năm,
Của bậc Đại Mâu-ni,
Sẽ không còn pháp khác,
Bậc Chánh giác Niết-bàn.*

Rồi một **Thiên nhân**, trước kia là người hầu cận ngài, thấy ngài già và ốm, vì lòng thương ngài, yêu cầu ngài tái sinh ở chư Thiên. Ngài trả lời như sau:

*908. Nay không còn tái sinh,
Trong thế giới chư Thiên,
Này kẻ gieo cạm bẫy.
Dòng sanh tử, đoạn tận,
Nay không còn tái sinh.*

Rồi vị Tỷ-kheo khác, không thấy vị Thiên nhân, không hiểu bậc Trưởng lão nói với ai. Để nói lên thần thông của mình, ngài nói câu kệ:

*909. Ai trong thời gian ngắn,
Biết thế giới ngàn cõi,
Vị ấy thật xứng đáng,*

*Được sống giới Phạm thiên,
Nhưng nay Tỷ-kheo ấy,
Đầy đủ thần thông lực,
Thấy được thời gian nào,
Chư Thiên chết và sanh.*

Rồi ngài nói lên **ngiệp trước** của ngài:

*910. **Đời trước** ta đã sống,
Tên Annabhara,
Bản cùng, phải làm lưng,
Lo nuôi sống tự thân,
Rồi ta đến cúng dường,
Bậc Sa-môn danh tiếng,
Sa-môn với xưng danh,
Ngài Uparittha.*

*911. Rồi ta được sanh trưởng,
Trong dòng họ Thích-ca,
Ta được biết với tên,
Là Anuruddha,
Sống hệ lụy múa ca,
Dạy với tiếng xập xỏa.*

*912. Ta thấy bậc Chánh giác,
Bậc Đạo Sư vô úy,
Tín tâm khởi nơi Ngài,*

Ta xuất gia không nhà.

913. *Ta biết các đời trước,
Trước ta sống chỗ nào,
Giữa cõi **Ba mươi ba**,
Ta sanh làm **Đế Thích**.*

914. ***Bảy lần làm Nhân chủ**,
Ta trị vì quốc độ,
Ta chinh phục bốn phương,
Làm chúa châu Diêm phù,
Không dùng gậy dùng gươm,
Trị vì với Chánh pháp.*

915. *Từ đây bảy bảy lần,
Mười bốn lần luân hồi,
Ta biết được đời sống,
Khi ta trú thiên giới.*

916. Trong ***thiền định năm chi***,
Tâm an tịnh nhất tâm,
Tâm ta được khinh an,
Thiên nhãn ta thanh tịnh.

917. Ta biết sanh và chết,
Chỗ đến đi hữu tình,
Đời này và đời khác,

Ta trú thiền năm chi.

918. *Ta hầu hạ Đạo Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

919. *Tại làng Vê-lu-va,
Giữa dân tộc Vajji,
Ta đi đến đoạn diệt,
Chấm dứt dòng sanh tử,
Dưới bóng của khóm trúc,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Không còn có lậu hoặc.*

377 Bô-tát - Thọ mạng ít thay là Mẹ của Bô-tát- Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 202

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 202 (Ud 48)

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, chỗ khu vườn ông Anàthapindika. Rồi Tôn giả Ananda, vào buổi chiều, từ thiền định đứng dậy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn. Thật hi hữu thay, bạch Thế Tôn. Thọ mạng ít thay, bạch Thế Tôn, là mẹ của Thế Tôn! Sau khi sanh Thế Tôn bảy ngày, mẹ Thế Tôn mệnh chung, được sanh ở cõi trời Đâu suất".

- Chính là như vậy, này Ananda! Thọ mạng ít thay là mẹ vị Bô Tát. Sau khi sanh Thế Tôn bảy ngày, mẹ Thế Tôn mệnh chung, được sanh ở cõi trời Đâu suất! Thọ mạng ít thay là các bà mẹ của các Bô Tát. Sau khi sanh bảy ngày, các bà mẹ của các Bô-tát mệnh chung, và được sanh lên cõi trời Đâu suất.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu rõ ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời kệ:

**2. *Tất cả hữu tình nào,
Sẽ có mặt ở đời,
Tất cả chúng sẽ đi,
Sau khi bỏ sắc thân.***

*Hiểu tất cả là vậy,
Bạc thiện sanh nhiệt tâm,
Sống đời sống Phạm hạnh.*

378 Bồng bột - Từ bỏ tánh cứng đầu, bồng bột và bạo ngôn - Kinh Thế Nào là Giới - Tiểu I, 568

Kinh Thế Nào là Giới – *Tiểu I, 568* (Sn 56)

324. *Thế nào là giới đức?*
Thế nào là chánh hạnh?
Cần phải làm tăng trưởng.
Thân khẩu ý nghiệp nào?
Để người chánh nhập cuộc,
Đạt được đích tối thượng?

325. *Kính lễ bậc trưởng thượng,*
Không ganh tị một ai,
Cần phải biết thời gian,
Để yết kiến Đạo sư,
Biết được đúng thời khắc,
Thuyết pháp bắt đầu giảng,
Hãy cẩn thận lắng nghe,
Lời giảng được khéo nói.

326. *Hãy đi đến đúng thời,*
Trước mặt vị Đạo Sư,
Từ bỏ tánh cứng đầu,
Với thái độ khiêm tốn,

Hãy nhớ nghĩ ức niệm,
Hãy chơn chánh hành trì,
Mục đích và Chánh pháp,
Chế ngự và Phạm hạnh.

327. Vui thích trong Chánh Pháp,
Hoan hỷ trong Chánh Pháp,
An trú trên Chánh pháp,
Biết phân tích Chánh pháp,
Sở hành không làm gì,
Có lời uế nhiễm pháp,
Chịu hướng dẫn lãnh đạo,
Lời trung thực khéo nói.

328. Bỏ cười đùa, lảm miêng,
Khóc than và sân hận,
Làm những điều man trá,
Lừa đảo, tham, kiêu mạn,
Bồng bột và **bạo ngôn**,
Cứng rắn và đam mê,
Sống từ bỏ tất cả,
Ly say đắm, kiên trì.

329. Thức tri được cốt lõi,
Những lời được khéo nói,
Được nghe khéo thức tri,
Cốt lõi của thiền định,

Với con người hấp tấp,
Lại phóng dật buông lung,
Trí tuệ, điều được nghe,
Không có thể tăng trưởng.

330. An vui thích Chánh pháp,
Do bậc Thánh tuyên thuyết,
Họ trở thành vô thượng,
Về lời, ý và nghiệp,
Họ an tịnh nhu hòa,
An trú trên thiền **định**,
Chứng đạt được **cốt lõi**,
Pháp được nghe, trí tuệ.

379 Bộ xương người là đề tài thiền quán - Kinh Singàlar Pitar – Tiểu III, 28

Singàlar Pitar – Tiểu III, 28 (18)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong gia đình giàu có ở Sàvatthi, lập gia đình và đặt tên con là Singàlaka và tự mình được gọi là Singàla-pitar (cha của Singàla).

Về sau ngài từ bỏ gia đình và xuất gia. Thế Tôn biết được căn cơ xu hướng của ngài, dạy ngài đề tài **thiền quán là bộ xương người**. Dùng đề tài này để thiền quán, ngài sống giữa các dòng họ Thích-ca ở Sumsumàragira, tại khu rừng Bhesaskalà.

Trong rừng ấy, một **thần rừng** biết được ngài sẽ chứng được Thánh quả nên nói lên bài kệ này:

*18. Hãy nhìn trong khu rừng,
Rừng Bhesakala!
Một Tỷ-kheo đang sống,
Thừa tự lời Phật dạy,
Ngang thân địa đại này,
Tỏa khắp **tưởng bộ xương**.
Ta nghĩ Tỷ-kheo ấy,
Mau đoạn tận dục tham.*

Nghe bài kệ này, vị Trưởng lão nghĩ rằng: "Vị thần rừng này muốn ta cố gắng tu tập", nên ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Về sau, ngài nhớ lại bài kệ của thần rừng này và nói lên lại bài kệ ấy như là lời tuyên bố về chánh trí của ngài.

380 Bộc lưu - Ai vượt qua được bộc lưu_ - Kinh Câu hỏi của thanh niên 7 Nanda - Tiểu I, 794

Câu hỏi của thanh niên 7 Nanda – *Tiểu I, 794*

Nanda:

1077. *Tôn giả Nan-da nói:*

Quần chúng có nói rằng:

Có ẩn sĩ ở đời,

Ngài nghĩ như thế nào?

Chúng gọi là ẩn sĩ,

Vị có đầy đủ trí?

Hay vị đầy đủ mạng?

Thế Tôn:

1078. *Các bậc thiện nói rằng:*

Ở đời này Nan-da,

Không phải vì tri kiến,

Vì truyền thống, vì trí,

Được gọi là ẩn sĩ,

Ta chỉ gọi ẩn sĩ,

Những ai diệt quân lực,

Không phiền não, không cầu.

Nanda:

1079. Tôn giả Nan-đa thưa:

Có Sa-môn, Phạm chí,
Nói rằng sự thanh tịnh,
Là nhờ thấy, nhờ nghe?
Có người lại nói rằng:
Thanh tịnh do giới cấm?
Có người lại nói rằng:
Thanh tịnh do nhiều pháp?
Bạch Thế Tôn, như vậy,
Là sở hành của chúng,
Vậy Ngài nghĩ thế nào,
Chúng có thể vượt qua,
Sanh và già thừa Ngài?
Con kính hỏi Thế Tôn,
Mong Ngài trả lời con.

Thế Tôn:

1080. Thế Tôn nói: Nan-đa!
Sa-môn, Phạm chí này,
Nói rằng sự thanh tịnh,
Là nhờ thấy, nhờ nghe;
Có người lại nói rằng:
Thanh tịnh do giới cấm;
Có người lại nói rằng:
Thanh tịnh do nhiều pháp.
Dầu chúng ở tại đây,
Vội sở hành như vậy,

*Ta nói chúng không vượt,
Khỏi sanh và khỏi già.*

Nan-da:

1081. Tôn giả Nan-đa thưa:

Sa-môn, Phạm chí này,
Nói rằng sự thanh tịnh,
Là nhờ thấy, nhờ nghe;
Có người lại nói rằng:
Thanh tịnh do giới cấm;
Có người lại nói rằng:
Thanh tịnh do nhiều pháp.
Thưa ẩn sĩ, Ngài nói:
Chúng không vượt bực lưu,
Vậy ai có thể được,
Giữa thế giới Trời, Người,
Có thể vượt qua được,
Sanh và già, thưa Ngài,
Con xin hỏi Thế Tôn,
Mong Ngài trả lời con.

Thế Tôn:

1082. Thế Tôn nói: Nan-đa

Ta không nói tất cả,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Bị sanh già che lấp.

Những ai ở đời này,

*Đoạn tận khắp tất cả,
Điều được nghe, được thấy,
Được cảm tưởng, giới cấm,
Và đoạn nhiều pháp khác,
Liễu tri ái, vô lậu,
Ta nói những người ấy,
Vượt qua được bực lưu.*

Nanda:

1083. Con cảm thấy hoan hỷ,
Lời Đại sĩ Cù-đàm,
Được Ngài khéo thuyết giảng,
Về chấm dứt sanh y,
Những ai ở đời này,
Đoạn tận khắp tất cả,
Điều được nghe, được thấy,
Được cảm tưởng, giới cấm,
Và đoạn nhiều pháp khác,
Liễu tri ái, vô lậu,
Ta nói những người ấy,
Vượt qua khỏi bực lưu.

381 Bộc lưu - Ai vượt được bộc lưu_ - Kinh Hemavata - Tiểu I, 510

Kinh Hemavata – *Tiểu I, 510* (Sn 27)

Sàtàgira:

153. *Nay đứng vào ngày rằm,
Ngày trai giới, bố-tát,
Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Sàtàgira,
Đêm đã được an trú,
Đêm đẹp như cỏi trời,
Hãy gặp Gotama,
Bậc Đạo Sư vô thượng.*

Hemavata:

154. *Có phải ý vị ấy,
Tâm nguyện thật khéo phát?
Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Hemavata,
Có phải đối sanh loại,
Có tâm tư như vậy?
Có phải các tư duy,
Được khéo léo điều phục
Đối với các pháp khả ái,
Và pháp không khả ái?*

Sàtågira:

155. Ý *vị ấy là vậy,*
Tâm nguyện thật khéo phát,
Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Sàtågira,
Đối với mọi sanh loại,
Có tâm tư như vậy,
Như vậy là **tư duy,**
Được khéo léo điều phục.

Hemavata:

156. Có phải là vị ấy,
Không lấy vật không cho?
Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Hemavata,
Có phải với hữu tình,
Vị ấy khéo chế ngự?
Có phải với phóng dật,
Vị ấy khéo viễn ly?
Có phải đối thiên đình,
Vị ấy không từ bỏ?

Sàtågira:

157. *Vị ấy không có lấy,*
Những vật không được cho,
Nói vậy là dạ-xoa,

Tên Sàtàgira,
Vị ấy với hữu tình,
Rất **khéo léo chế ngự**,
Vị ấy với phóng dật,
Thật sự **sống viễn ly**,
Đức Phật đối thiền định,
Không từ bỏ, sao lãng.

Hemavata:

158. Có phải là vị ấy,
Không nói lời nói láo?
Nói vậy là Dạ-xoa,
Tên Hemavata,
Có phải là vị ấy,
Đoạn tận các trách nhiệm?
Có phải là vị ấy,
Không nói lời vu khống?
Có phải là vị ấy,
Không nói lời phù phiếm?

Sàtàgira:

159. Và thật sự vị ấy,
Không nói lời nói láo,
Nói vậy là Dạ-xoa,
Tên Sàtàgira,
Đoạn tận đường ác ngữ,
Không nói lời vu khống,

*Vị ấy nói những lời,
Sáng suốt, có nghĩa lý.*

Hemavata:

160. Có phải đối các dục,

Vị ấy không tham ái?

Đây là lời Dạ-xoa,

Tên Hemavata,

Có phải tâm vị ấy,

Không có bị dao động?

Có phải tâm vị ấy,

Vượt khỏi sự si ám?

Có phải thật vị ấy,

Có mắt đối các pháp?

Sàtàgira:

161. Vị ấy không tham ái,

Đối với các dục vọng,

Đây là lời Dạ-xoa,

Tên Sàtàgira,

Tâm không có dao động,

Vượt khỏi mọi si ám,

Đức Phật thật có mắt,

Đối với tất cả pháp.

Hemavata:

162. Có phải là vị ấy,

Đầy đủ về các mình?

Đây là lời Dạ-xoa,

Tên Hemavata,

Có phải là vị ấy,

Sở hành thật thanh tịnh?

Có phải là vị ấy,

Các lậu hoặc đoạn tận?

Có phải là vị ấy,

Không còn có tái sanh?

Sàtägira:

163. *Sự thật là vị ấy,*

Đầy đủ với các mình,

Đây là lời Dạ-xoa,

Tên Sàtägira

Sở hành thật thanh tịnh,

Mọi lậu hoặc đoạn tận,

Thật sự đối vị ấy,

Không còn có tái sanh.

Hemavata:

163. (a) *Có phải vị ẩn sĩ,*

Với tâm được viên mãn,

Mọi việc làm vị ấy,

Được làm khéo hoàn mãn,

Có phải người tán thán,

Một cách đúng Chánh pháp,

*Vị đầy đủ trí đức,
Đầy đủ cả hạnh đức?*

Sàtàgira:

163. (b) *Thật sự vị ẩn sĩ,
Vói tâm được viên mãn,
Mọi việc làm vị ấy,
Được làm khéo hoàn mãn.
Thật sự Ông tùy hỉ,
Một cách đúng Chánh pháp,
Vị đầy đủ trí đức,
Đầy đủ cả hạnh đức.*

Cả hai:

164. *Thật sự vị ẩn sĩ,
Vói tâm được viên mãn,
Mọi việc làm vị ấy
Được làm khéo hoàn mãn.
Chúng ta hãy yết kiến,
Tôn giả Gotama,
Vị đầy đủ trí đức,
Đầy đủ cả hạnh đức.*

Hemavata:

165. *Bấp chân giống như nai,
Thon vững chắc, bền bỉ,
Giản dị ít nhu cầu,*

*Không tham đắm vật gì.
Hãy đi đến yết kiến
Ấn sĩ Gotama,
Vị hành trì thiền định,
Trong rừng núi xa vắng.*

*166. Sống cô độc một mình,
Như sư tử, như voi,
Ngài không có tham đắm,
Không cầu mong các dục.
Chúng ta hãy đi đến,
Và hỏi thăm vị ấy,
Về con đường giải thoát,
Khỏi cạm bẫy Ác ma.*

Cả hai:

*167. Vị tuyên bố giải thích,
Vị đạt đến mọi pháp,
Bậc giác ngộ vượt khỏi,
Hận thù và sợ hãi,
Chúng ta hãy đến học,
Sa-môn Gotama.*

Hemavata:

*168. Do pháp nào có mặt,
Thế giới được sanh khởi?
Nói vậy là dạy-xoa,*

Tên Hemavata.

Do pháp nào có mặt,

Tác thành sự giao hợp?

Sự chấp thủ ở đời,

Là chấp thủ cái gì?

Do pháp nào có mặt,

Thế giới bị tàn hại?

Thế Tôn:

169. Do **sáu pháp** có mặt,

Thế giới được sanh khởi,

Này Hemavata,

Thế Tôn nói như vậy.

Do **sáu pháp** có mặt,

Tác thành sự giao hợp,

Sự chấp thủ ở đời,

Là chấp thủ sáu pháp,

Do **sáu pháp** có mặt,

Thế giới bị tàn hại.

Hemavata:

170. Do chấp thủ cái gì,

Đây thế giới bị hại?

Được hỏi, hãy nói lên,

Về con đường thoát đời.

Làm thế nào đau khổ,

Được giải thoát hoàn toàn?

Thế Tôn:

171. Đây, ***năm dục trưởng dưỡng,***
Ý được gọi thứ sáu,
Bỏ ước muốn ở đây,
Như vậy, thoát đau khổ.

172. Đây, con đường thoát đời.
Như thật nói Ông rõ,
Đường này Ta nói Ông,
Như vậy, thoát đau khổ.

Hemavata:

173. Đây, ai vượt bực lưu?
Đây, ai vượt biển lớn?
Không chân đứng bám víu,
Ai không chìm vực sâu?

Thế Tôn:

174. Ai luôn luôn đủ ***giới,***
Có ***tuệ,*** khéo thiền ***định,***
Tâm hướng nội, chánh niệm,
Vượt bực lưu khó vượt.

175. *Ai từ bỏ dục tưởng,*
Vượt khỏi mọi kiết sử,
Ai, hỷ, hữu đoạn tận,

Không chìm vào vực sâu.

Hemavata:

176. Vị trí tuệ thâm sâu,
Thấy được đích tế nhị,
Vị không có sở hữu,
Không tham đắm dục hữu.
Hãy yết kiến vị ấy,
Vị luôn luôn giải thoát,
Bậc đại sĩ tiến bước,
Trên con đường Thiên đạo.

177. Bậc danh xưng vô thượng,
Bậc thấy đích tế nhị,
Bậc ban bố trí tuệ,
Không tham đắm dục tạng.
Hãy yết kiến vị ấy,
Vị Toàn trí, Thiện tuệ,
Bậc Đại sĩ tiến bước,
Trên con đường Thánh đạo.

178. Hôm nay thật chúng con,
Được thấy điềm tốt lành,
Được hào quang chói sáng,
Của bình minh tốt lành.
Vì chúng con được thấy,
Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác,

**Bậc đã vượt bậc lưu,
Bậc đã đoạn lậu hoặc.**

179. Ngàn vị dạ-xoa này,
Có thần lực danh xưng,
Tất cả xin đi đến,
Y tựa quy ngưỡng Ngài,
**Ngài là bậc Đạo Sư,
Vô thượng của chúng con.**

180. Chúng con sẽ bộ hành,
Làng này qua làng khác,
Thành này qua thành khác,
Đảnh lễ bậc Chánh giác,
Đảnh lễ **thiện pháp tánh,**
Của Chánh pháp vi diệu.

382 Bụng đói, ăn chừng mực, Ít dục, không tham lam - Kinh Nàlaka - Tiểu I, 666

Kinh Nàlaka – Tiểu I, 666

679. **Ấn sĩ Asita,**
Trong lúc giữa ban ngày,
Thấy chúng các chư Thiên,
Cõi trời Ba mươi ba,
Họ hoan hỷ vui vẻ,
Với y áo, thanh tịnh,
Họ cung kính In-đà,
Các vị ấy cầm áo,
Với nhiệt tình nói lên,
Những lời khen tán thán.

680. Thấy chư Thiên hoan hỷ,
Đồng dục và phấn chấn,
Với tâm tư cung kính,
Ở đây, vị ấy nói.

Asita:

Vì sao chúng chư Thiên,
Lại nhiệt tình hoan hỷ?
Họ cầm áo vui múa,

Là do nhân duyên gì?

681. Trong thời gian chiến trận,
Vội các Asura,
Dũng sĩ được thắng trận,
Asura bại trận,
Thời gian ấy họ không,
Lông tóc dựng ngược dậy,
Họ thấy gì hy hữu,
Chư Thiên hoan hỷ vậy.

682. Họ la lớn ca hát,
Và họ tấu nhạc trời,
Họ múa tay, vỗ tay,
Họ múa nhảy vũ điệu,
Nay ta hỏi các Ông,
Trú đánh núi Meru,
Các Ngài hãy mau chóng,
Giải tỏa điều ta nghĩ.

Chư Thiên:

683. *Tại xứ **Lumbini**,*
Trong làng các Thích-ca,
Có sanh vị Bồ Tát,
Báu tối thắng, vô tỷ,
Ngài sanh, đem an lạc,

*Hạnh phúc cho loài Người,
Do vậy chúng tôi mừng,
Tâm vô cùng hoan hỷ.*

*684. Ngài, chúng sanh tối thượng,
Ngài, loài Người tối thắng,
Bậc Nguru vương loài Người,
Thượng thủ mọi sanh loại,
Ngài sẽ chuyển Pháp luân,
Trong khu rừng ẩn sĩ,
Rống tiếng rống sư tử,
Hùng mạnh nhiếp loài thú.*

*685. Sau khi nghe lời ấy,
Ẩn sĩ Asita,
Liên vội vàng bước xuống,
Và đi đến đầu đài,
Cửa đức vua Tịnh Phạn.
Đến nơi Ngài ngồi xuống,
Nói với các Thích-Ca:
"Hoàng tử nay ở đâu,
Ta nay muốn thấy Ngài".*

*686. Thấy Thái tử chói sáng,
Rực rỡ như vàng chói,
Trong lò đúc nấu vàng,
Được thợ khéo luyện thành,*

Bừng sáng và rực rỡ,
Vội dung sắc tuyệt mỹ,
Họ Thích trình Thái-tử,
Cho **Ẩn sĩ Tư-đà**.

687. **Sau khi thấy Thái tử,**
Chói sáng như lửa ngọn,
Thanh tịnh như sao ngưu,
Vận hành giữa hư không,
Sáng chiếu như mặt trời
Giữa trời thu, mây tịnh,
Ẩn sĩ tâm hân hoan,
Được hỷ lạc rộng lớn.

688. **Chư Thiên cầm ngôi lọng,**
Đưa lên giữa hư không,
Cây lọng có nhiều cành,
Có hàng ngàn vòng chuyển.
Họ quạt với phát trần,
Có tán vàng, lông thú,
Nhưng không ai thấy được,
Kẻ cầm lọng, phát trần.

689. **Bạc ẩn sĩ bện tóc,**
Tên Cà-ha-xi-ri,
Thấy Thái tử nằm dài,
Trên tấm chăn màu vàng,

Như đồng tiền bằng vàng,
Lại trên đầu Thái tử,
Có lông trắng đưa lên,
Tâm ẩn sĩ phấn khởi,
Đẹp ý, lòng hân hoan,
Đưa tay bông Thái tử.

690. Sau khi ẩm bông lên,
Con trai dòng họ Thích,
Bạc câu đạo tìm hiểu,
Vượt khổ, nhờ tướng, chú,
Tâm tư được hoan hỷ,
Thốt lên lời như sau:
Vị này bậc Vô thượng,
"Tối thượng loài hai chân".

691. Khi vị ấy nghĩ đến,
Số mệnh của tự mình,
Số mệnh không tốt đẹp,
Vị ấy rơi nước mắt,
Thấy vậy, các Thích Ca,
Hỏi ẩn sĩ đang khóc:
"Có sự gì chướng ngại
Sẽ xảy cho Thái tử?"

692. Thấy họ Thích lo lắng,
Vị ẩn sĩ trả lời:

"Ta không thấy bất hạnh
Xảy đến cho Thái tử,
Đối với Thái tử ấy,
Chướng ngại sẽ không có,
Vị này không hạ liệt,
Chớ có lo lắng gì.

693. Thái tử này sẽ chứng,
Tối thượng quả Bồ đề,
Sẽ chuyển bánh xe pháp,
Thấy thanh tịnh tối thắng,
Vì lòng tử thương xót,
Vì hạnh phúc nhiều người,
Và đời sống Phạm hạnh,
Được truyền bá rộng rãi.

694. Thọ mạng ta ở đời,
Còn lại không bao nhiêu,
Đến giữa đời sống Ngài
Ta sẽ bị mệnh chung.
Ta không được nghe pháp,
Bạc tình cần vô tỷ,
Do vậy ta sầu não,
Bất hạnh và khổ đau".

695. Sau khi khiến họ Thích,
Sanh hoan hỷ rộng lớn,

Bạc sống theo Phạm hạnh,
Bước ra khỏi nội thành.

Vị ấy vì lòng từ,

Thương con trai của chi,

Khích lệ nó học pháp,

Bạc tinh cần vô tỷ.

696. "Khi Ông nghe tiếng **Phật**,
Từ người khác nói lên,
Bạc đã đạt Bồ-đề,
Đã đi con đường pháp,
Hãy đi đến chỗ ấy,
Hỏi kỹ về đạo pháp,
Và sống đời Phạm hạnh,
Dưới bậc Thế Tôn ấy".

697. Như vậy, được khuyên bảo,
Bởi vị nghĩ hạnh phúc,
Vị thấy ở tương lai,
Đường tối thắng thanh tịnh.
Do vậy **Nà-la-ka**,
Với phước đức chất chứa,
Sống với căn hộ trì,
Chờ đợi **bạc chiến thắng**.

698. Khi nghe tin Pháp luân,
Được bậc chiến thắng chuyển,

*Đến thấy được hoan hỷ,
Bậc ẩn sĩ Nguru vương,
Hỏi Mâu ni tối thắng,
Pháp Mâu ni tối thượng,
Như Asita khuyên,
Trong buổi gặp gỡ trước.*

(Kệ mở đầu đã xong)

*699. Lời A-si-ta này,
Con biết là như thật,
Con hỏi Gotama,
Đường giải thoát mọi pháp?*

*700. Không nhà, con đi đến,
Tìm hạnh người khát sĩ,
Con hỏi bậc ẩn sĩ,
Hãy nói lên cho con,
Con đường đạo tối thượng,
Đưa đến đạo Mâu-ni.*

*701. Thế Tôn đáp như sau:
Khó hành, khó thực hiện,
Là đạo hạnh Mâu ni,
Ta sẽ cho Ông biết,
Hãy đến lắng tai nghe,
Ta sẽ nói cho Ông,*

Hãy vững trí, an thần,
Hãy kiên trì bền chí.

702. Hãy tu hạnh Sa-môn,
*Không để bị dao động,
Giữa khen chê trong làng,
Hãy chế ngự tâm sân,
Sống hạnh thật an tịnh,
Không cống cao kiêu mạn.*

703. Tiếng cao thấp phát ra,
Nhu ngọn lửa trong vườn,
Nữ nhân hay cá mồi,
Chớ cá mồi ẩn sĩ.

704. *Hãy từ bỏ dâm dục,
Xả mọi dục cao thấp.
Đối hữu tình yếu mạnh,
Không đối nghịch, tham đắm.*

705. Ta thế nào, họ vậy,
Họ thế nào, Ta vậy,
Lấy ngã làm ví dụ,
Chớ giết, chớ bảo giết.

706. *Hãy bỏ dục, bỏ tham,
Đây phàm phu bị nắm,*

*Bạc có mắt hành đạo,
Vượt địa ngục, loài Người.*

707. ***Bụng đói, ăn chừng mực,
Ít dục, không tham lam.
Vị ấy không ham dục,
Không dục, thật tịch tịnh.***

708. *Sau khi đi khát thực,
Ẩn sĩ vào rừng sâu,
Đi đến dưới gốc cây,
Sửa soạn ngồi an tịnh.*

709. *Bạc Hiền trí hành thiền,
Hoan hỷ trong rừng sâu,
Hành thiền dưới gốc cây,
Thỏa mãn sở thích mình.*

710. *Khi đêm hết, sáng đến,
Cần phải đi đến làng,
***Chớ hân hoan khát thực,
Đồ mang từ làng đi.****

711. *Ẩn sĩ không đi gáp,
Đến làng, giữa gia đình,
Tìm ăn, cắt nói chuyện,
Không nói chuyện liên hệ.*

712. Nếu được, thật là tốt,
Không được, cũng là tốt,
Nghĩ vậy, cả hai mặt,
Vị ấy trở về cây.

713. Đi với bát cầm tay,
Không cầm, dáng như cầm,
Chớ khinh, đồ cho ít,
Không chê người đem cho.

714. Bạc Sa-môn thuyết giảng,
Con đường cao và thấp,
Nhưng đến bờ bên kia,
Không có hai con đường,
Tuy vậy chớ nghĩ rằng,
Đường này chỉ là một.

715. Với ai, không có tham,
Tỷ-kheo cắt dòng nước,
Đoạn tận hành thiện ác,
Vị ấy không sầu não.

716. Thế Tôn lại nói thêm:
Ta dạy cho các Ông
Thức tri **hạnh ẩn sĩ,**
Hãy tu như lưỡi dao,

*Với lưỡi ẩn nóc họng,
Hãy hạn chế bao tử.*

717. **Tâm chớ có thụ động,
Nhưng chớ nghĩ quá nhiều.**

*Không hôi hám, độc lập,
Sống cứu cánh Phạm hạnh.*

718. Hãy tập ngồi một mình,
Sống đúng hạnh Sa-môn.

*Sống một mình được gọi,
Là hạnh bậc ẩn sĩ,
Nếu tự mình tìm được,
Thoải mái trong cô độc.*

719. *Hãy chói sáng mười phương,
Sau khi nghe tiếng nói,
Của các bậc hiền sĩ,
Hãy hành thiền, bỏ dục,
Mong đệ tử của Ta,
Tăng trưởng tâm và tín.*

720. **Hãy học các dòng nước,
Từ khe núi vực sâu.
Nước khe núi chảy ồn,
Biển lớn động im lặng.**

721. Cái gì trống kêu to,
Cái gì đầy yên lặng,
Ngu như ghè vơi nước,
Bạc trí như ao đầy.

722. Khi Sa-môn nói nhiều,
Nói liên hệ đến đích,
Tư biết nên thuyết pháp,
Tư biết nên nói nhiều.

723. Ai biết, biết tự chế,
Ai biết, không nói nhiều,
Vị ấy là ẩn sĩ,
Xứng đáng hạnh ẩn sĩ,
Vị ấy là ẩn sĩ,
Đạt được hạnh ẩn sĩ.

383 Bữa ăn cuối cùng của Đức Phật - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 268

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 268 (Ud 84)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn đang bộ hành đi giữa dân chúng Mallà, cùng với đại chúng Tỷ-kheo, và đã đến Pàvā. Rồi Thế Tôn trú ở Pàvā, tại rừng xoài của thọ rên Cunda. Thọ rên Cunda được nghe: "Thế Tôn đang bộ hành giữa dân chúng Mallà, đã đến Pàvā cùng với đại chúng Tỷ-kheo, và trú ở Pàvā, trong rừng xoài của ta". Thọ rên Cunda đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn thuyết pháp thoại cho thọ rên Cunda đang ngồi một bên, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Thọ rên Cunda sau khi được Thế Tôn thuyết pháp, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, liền bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời mời của con ngày mai đến dùng cơm với chúng Tỷ-kheo.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Thọ rên Cunda, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Thợ rèn Cunda, sau khi đêm đã mãn, liền cho sửa soạn tại nhà của mình các món ăn thượng vị, loại cứng, loại mềm và nhiều thứ mộc nhĩ và báo tin cho Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng.

Thế Tôn buổi sáng đắp y, mang theo y bát, cùng với chúng Tỷ-kheo đến nhà thợ rèn Cunda, khi đến liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với thợ rèn Cunda:

- Nay Cunda, loại mộc nhĩ đã soạn sẵn, hãy dọn cho Ta. Còn các món ăn khác đã soạn sẵn, loại cứng và loại mềm, hãy dọn cho chúng Tỷ-kheo.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Thợ rèn Cunda vâng lời Thế Tôn, dọn cho Thế Tôn các món mộc nhĩ đã soạn sẵn, và dọn cho chúng Tỷ-kheo các món ăn khác, loại cứng và loại mềm. Rồi Thế Tôn nói với thợ rèn Cunda:

- Nay Cunda, món ăn mộc nhĩ còn lại, hãy đem chôn. Này Cunda, Ta không thấy một ai, ở cõi trời, cõi Người, ở Ma giới, ở Phạm thiên giới, không một người nào trong chúng Sa-môn và chúng Bà-la-môn, giữa những Thiên nhân, ăn món mộc nhĩ này mà có thể tiêu hóa được, trừ Như Lai.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Thợ rèn Cunda vâng đáp Thế Tôn, đem chôn món ăn mộc nhĩ còn lại vào một lỗ, đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho thợ rèn Cunda đang ngồi xuống một bên, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ rồi từ chỗ đứng dậy và ra đi.

Sau khi dùng cơm của thợ rèn Cunda. Thế Tôn **bi** **nihiễm bệnh nặng, bệnh ly huyết, đau đớn gần như đến chết**, và Thế Tôn **chánh niệm tỉnh giác, nhẫn nại chịu đựng cơn bệnh.**

Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, chúng ta hãy đi đến Kusinàra. Xin vâng, bạch Thế Tôn, Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn:

*2. Dùng cơm Cunda xong,
Như vậy tôi được nghe,
Bậc trí cảm bệnh nặng,
Bạo bệnh, gần như chết,
Khi ăn loại mộc nhĩ
Đạo Sư bị bệnh nặng,
Khi bệnh được lắng dịu,
Thế Tôn nói như sau:
"Ta nay sẽ đi đến,
Đến Kusinàra".*

Rồi Thế Tôn bước xuống đường, đến một góc cây và nói với Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy xếp tư áo Sanghàti. Ta cảm thấy mệt mỏi và muốn ngồi nghỉ, này Ananda.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn và xếp áo Sanghàti lại. Thế Tôn ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, và nói với Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy đem nước cho Ta. Này Ananda. Ta nay đang khát và muốn uống nước.

Khi được nói vậy, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, vừa mới có khoảng năm trăm cỗ xe chạy qua. Do bánh xe khuấy lên nước trở thành nông cạn, khuấy động và vẫn đục. Bạch Thế Tôn, sông Kakutthà không xa ở đây, nước thuần tịnh, dễ chịu, mát mẻ, trong sáng, dễ đến và khả ái. Tại đó, Thế Tôn có thể uống nước và làm mát dịu chân tay.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy đem nước uống cho Ta. Này Ananda, Ta nay đang khát và muốn uống nước.

Lần thứ hai, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, vừa mới có khoảng năm trăm cỗ xe chạy qua. Do bánh xe khuấy lên, nước trở thành nông cạn, khuấy động và vẫn đục. Bạch Thế Tôn, sông

Kakutthà không xa ở đây, nước thuần tịnh, dễ chịu, mát mẻ, trong sáng, dễ đến và khả ái. Tại đó, Thế Tôn có thể uống nước và làm mát dịu chân tay.

Lần thứ ba, Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy đem nước uống cho Ta. Này Ananda, Ta nay đang khát và muốn uống nước.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn, lấy bát và đi đến con sông nhỏ. Con sông đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục, khi Tôn giả Ananda đến, liền chảy trong trẻo, sáng lạng và không vẩn đục.

Tôn giả Ananda tự nghĩ: "Thật kỳ diệu thay! Thật hi hữu thay! Thần lực và uy lực của Như Lai. Con sông nhỏ đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục này, khi ta đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lạng và không vẩn đục". Sau khi dùng bát lấy nước, Ananda đến chỗ Thế Tôn và bạch với Ngài:

- Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu! Bạch Thế Tôn, thật là hy hữu! Bạch Thế Tôn, con sông nhỏ đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục này, khi con đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lạng và không vẩn đục. Xin thỉnh Thế Tôn dùng nước, xin thỉnh Thiện Thệ dùng nước và Thế Tôn uống nước.

Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến con sông Kakutthà, xuống sông tắm và uống nước, rồi lội

qua bờ bên kia, đi đến rừng xoài và tại đây, nói với Tôn giả Cundaka:

- Nay Cundaka, hãy xếp áo Sanghati làm bốn cho Ta, nay Cundaka, Ta nay mệt mỏi, muốn nằm nghỉ.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Cundaka vâng lời Thế Tôn và xếp áo Sanghati làm bốn. Rồi Thế Tôn nằm xuống phía hông bên mặt như dáng điệu con sư tử, hai chân đè trên nhau, chánh niệm, tỉnh giác, tác ý đến tướng ngồi đây, Tôn giả Cundaka ngồi phía trước Thế Tôn.

3. Đức Phật tự đi đến,
Con sông Kakutthà,
Con sông chảy trong sáng,
Mát lạnh và thanh tịnh,
Vị Đạo Sư mỗi mệt,
Đi dần xuống mé sông,
Như Lai đáng vô thượng
Ngự trị ở trên đời.
Tắm xong uống nước xong,
Lội qua bên kia sông,
Bậc Đạo sư đi trước,
Giữa Tăng chúng Tỷ-kheo,
Vừa đi vừa diễn giảng,
Chánh pháp thật vi diệu,
Rồi **bậc Đại Sĩ** đến,
Tại khu vực rừng xoài,

Cho gọi vị Tỷ-kheo,
Tên họ Cundaka;
"Hãy gấp tư áo lại,
Trải áo cho Ta nằm"
Nghe dạy, Cundaka,
Lập tức vâng lời dạy,
Gấp tư và trải áo,
Một cách thật mau lẹ,
Bạc Đạo Sư nằm xuống,
Thân mình thật mệt mỏi.
Tại đây Cundaka,
Ngồi ngay ngắn trước mặt.

Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, **rất có thể có người làm cho thợ rèn Cunda hối hận**: "Này Hiền giả Cunda, thật không lợi ích gì cho Ông, thật là tai hại cho Ông, vì Như Lai dùng bữa ăn cuối cùng từ Ông cúng dường, và nhập diệt". Nay Ananda, **cần phải làm tiêu tan sự hối hận ấy của thợ rèn** Cunda: "Này Hiền giả, thật lợi ích cho bạn, thật là công đức cho bạn, vì được Như Lai dùng bữa ăn cuối cùng từ bạn cúng dường, và nhập diệt. Nay Hiền giả Cunda, tôi tự thân nghe, tôi tự thân lãnh thọ lời nói này của Thế Tôn: **"Có hai sự cúng dường ăn uống đồng một quả báo**, đồng một dị thực quả, quả báo lớn hơn, lợi ích hơn các sự cúng dường ăn uống khác. Thế nào là hai?"

- **Một** là, bữa ăn trước khi Như Lai chứng Vô thượng Chánh Đẳng Giác.
- **Hai** là, bữa ăn trước khi Như Lai diệt độ Niết-bàn giới, không còn di hưởng sanh tử".

Hai bữa ăn này đồng một quả báo, đồng một dị thực quả, quả báo lớn hơn, lợi ích hơn các sự cúng dường ăn uống khác.

- Nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng tuổi thọ;
- Nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng sắc đẹp;
- Nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng an lạc;
- Nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng danh tiếng;
- Nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng cõi Trời;
- Nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng uy quyền".

Này Ananda, cần phải làm cho thợ rèn tiêu tan hồi hận.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa này, liền thốt **lời cảm khái** như sau:

4. *Công đức người bố thí,
Luôn luôn được tăng trưởng,*

*Trừ được tâm hận thù,
Không chất chứa chế ngự,
Kẻ chí thiện từ bỏ,
Mọi ác hạnh bất thiện,
Diệt trừ tham, sân, si.
Tâm giải thoát thanh tịnh.*